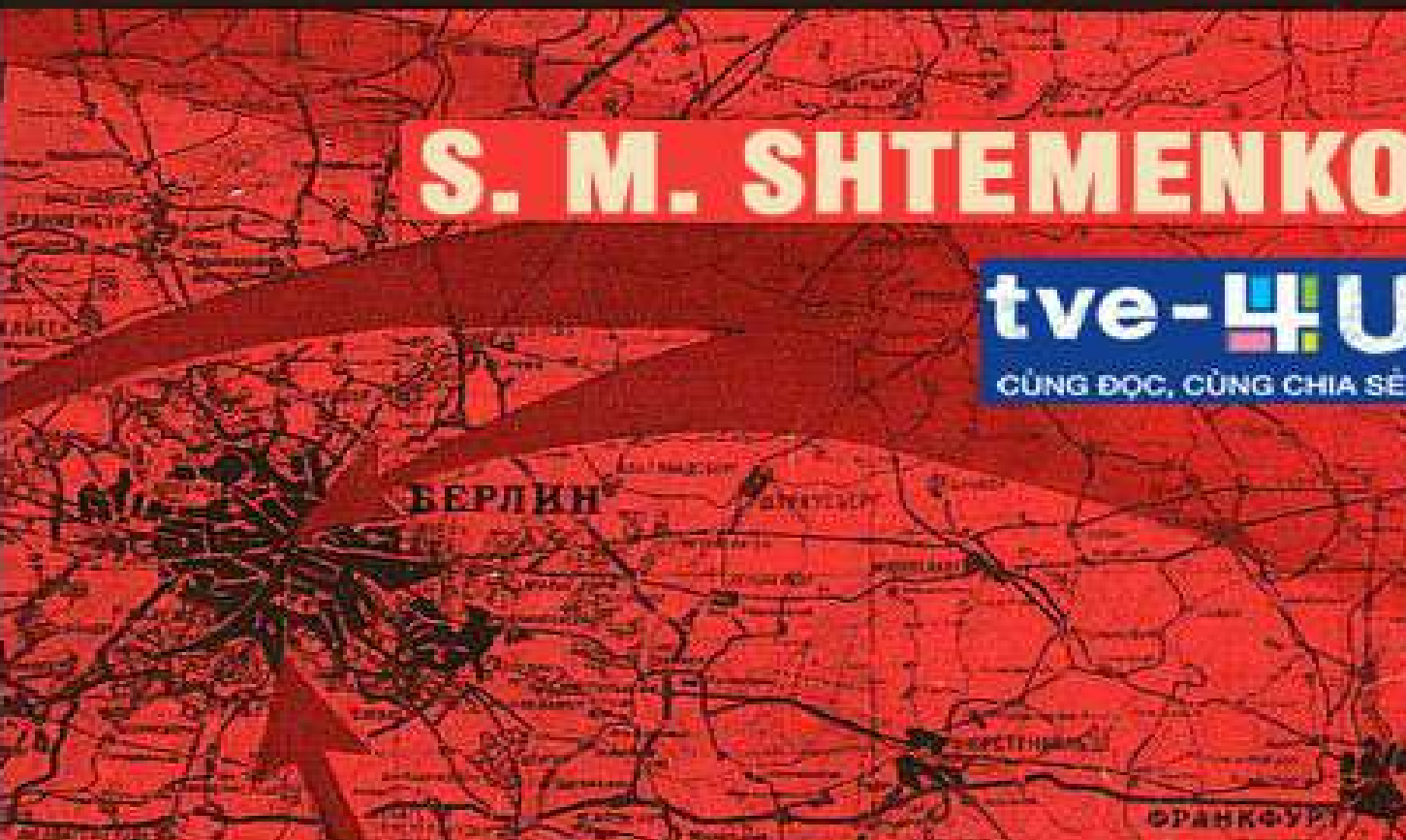


Nhà xuất bản Tiến Bộ và Quân Đội Nhân Dân

S. M. SHTEMENKO

tve-4U

CÙNG ĐỌC, CÙNG CHIA SẺ



**BỘ TỔNG THAM MƯU
XÔ VIẾT
TRONG
CHIẾN TRANH**

BỘ TỔNG THAM MƯU XÔ VIẾT TRONG CHIẾN TRANH

“Генеральный штаб в годы войны”

Tác giả: Sergei Matveevich Shtemenko (С.М. Штеменко)

Người dịch: Trần Anh Tuấn

Nhà Xuất bản Tiến bộ và Quân đội Nhân dân

Nguồn: vn.militaryhistory

Đánh máy: ptlinh, Sao Vàng

Biên tập: Nhóm Văn-Cường

Tạo ebook: QuocSan





Đài tưởng niệm tác giả

CÙNG CÁC BẠN ĐỌC

Đã 6 năm trôi qua kể từ khi cuốn sách này được xuất bản lần đầu tiên. Tác giả đã nhận được nhiều thư của bạn đọc đánh giá cuốn sách, trao đổi những cảm tưởng của mình về các sự kiện được trình bày trên các trang sách, làm rõ thêm một số sự việc và thiết tha đề nghị nên tiếp tục kể về hoạt động của Bộ tổng tham mưu trong những năm chiến tranh đã qua. Để đáp ứng những nguyện vọng đó, tôi đã viết hồi ký quyển hai, được Nhà xuất bản quân đội xuất bản năm 1973. Và bây giờ tôi cho ra lần xuất bản thứ hai của quyển một “Bộ tổng tham mưu xô-viết trong chiến tranh”, có bổ sung và sửa chữa căn cứ vào những ý kiến nhận xét và đề nghị của bạn đọc.

Cần nhận thấy rằng trong những năm gần đây, số người viết hồi ký tăng lên đáng kể. Hồi ký của các vị thống soái lừng danh của chúng ta – Gh. C. Giu-cốp, A. M. Va-xi-lép-xki, C. C. Rô-cô-xốp-xki, I. X. Cô-nép, K. A. Mê-rét-xcốp cũng như A. A. Grê-xcô, C. X. Mô-xca-len-cô và các tướng lĩnh khác – đã được công bố, trong đó có dành một vị trí xứng đáng cho hoạt động của Đại bản doanh, của tư lệnh các phương diện quân và tập đoàn quân. Thế nhưng các tác phẩm hấp dẫn ấy cũng không viết hết được đề tài về ban lãnh đạo quân sự tối cao của Liên Xô và không lặp lại những gì đã được viết ra trước đây.

Đại bản doanh Bộ tổng tư lệnh tối cao và cơ quan công tác của nó – Bộ tổng tham mưu – đã hoàn thành nhiệm vụ đầy trọng trách của mình trong thời kỳ chiến tranh gay go đó. Họ đã nắm chắc việc vạch kế hoạch và chỉ đạo các chiến dịch, đã tổ chức những lực lượng dự bị, đã chăm chú theo dõi sự phát triển của các sự kiện trong không gian rộng lớn của toàn cuộc chiến tranh: Không một chuyển biến nào của một mặt trận hoặc của một binh đoàn đã diễn ra mà họ lại không biết. Không một phút nào những mối quan hệ sinh động giữa họ với bộ đội lại bị đứt quãng.

Các đại diện của Đại bản doanh và Bộ tổng tham mưu thường xuyên có mặt tại những khu vực quyết định ở các binh đoàn đang tác chiến, kiểm tra việc chấp hành những chỉ thị, mệnh lệnh của Tổng tư lệnh tối cao và đóng góp ý kiến của mình trong quá trình chiến đấu. Những thắng lợi của cuộc

Chiến tranh giữ nước vĩ đại chứng minh rõ ràng rằng Đại bản doanh và Bộ tổng tham mưu đã hoàn thành thắng lợi các nhiệm vụ của mình. Trong cuộc độ trí, độ tài và nghệ thuật chỉ huy bộ đội, các tướng lĩnh Liên Xô đã hơn hẳn bộ máy lãnh đạo quân sự tối cao của cái Đế chế thứ ba khét tiếng.

Chúng ta đã giành được thắng lợi đó bằng cách nào? Trong những năm chiến tranh, tập thể Bộ tổng tham mưu, trước hết là những tướng lĩnh và sĩ quan trợ lý, đã sang và làm việc ra sao? Đó là những vấn đề tôi muốn kể lại trong cuốn sách này. Sách chủ yếu viết về tập thể, vì chỉ có trí tuệ và kinh nghiệm của tập thể mới có thể thực sự hoàn toàn bao quát được các sự kiện trong chiến tranh và tìm ra những con đường giải quyết đúng đắn những nhiệm vụ khó khăn nhất được đặt ra cho các Lực lượng vũ trang. Nhưng vì một tập thể nào cũng được hợp thành từ những con người cá biệt – những người lãnh đạo và những người chấp hành, tôi thấy mình không có quyền bỏ qua công việc của những người mà hồi đó mình đã tiếp xúc gần gũi.

Một lần nữa, tôi cần nói rõ trước rằng: không nên hiểu nhan đề cuốn sách theo nguyên từng chữ của nó. Sách không miêu tả (và lại càng không nghiên cứu) toàn diện và chi tiết hoạt động quả là bao trùm mọi mặt của Bộ tổng tham mưu. Tác giả không đặt cho mình một nhiệm vụ rộng lớn như thế... Sách cũng không miêu tả một cách nhất quán theo thứ tự thời gian toàn bộ quá trình đấu tranh vũ trang của nhân dân Liên Xô chống nước Đức Hít-le và bọn chư hầu của nó, mặc dầu cuộc Chiến tranh giữ nước vĩ đại là cơ sở cho những hồi ức của tôi.

Các bạn đọc! Bạn còn trẻ hay bạn đã từng trải nhiều bão tố trong cuộc đời, cũng như trước đây, tôi hy vọng cuốn sách sẽ được các bạn quan tâm và rất biết ơn mọi ý kiến nhận xét và phê bình của các bạn đối với lần xuất bản thứ hai của cuốn sách này.

Năm 1975.

1. Trước chiến tranh

Con đường tôi không chọn. – Các thầy giáo và bạn đồng học trong Học viện Bộ tổng tham mưu. – Cuộc hành binh giải phóng vào miền Tây U-crai-na. – Thực tập ở Cục tác chiến. – Nhận công tác ở Bộ tổng tham mưu. – Tháng Năm – tháng Sáu 1941. – Một đêm bất hạnh. – Những suy nghĩ về trình độ sẵn sàng chiến đấu của chúng ta. – Tình trạng bộ đội cơ giới. – Không quân. – Hải quân. – Những vấn đề thường không có giải đáp.

Sau khi tốt nghiệp Học viện mô-tô cơ giới của Hồng quân công nông, trong hai năm tôi đã chỉ huy tiểu đoàn xe tăng hạng nặng độc lập dùng cho huấn luyện ở Khác-cốp và sau đó ở Gi-tô-mia. Chúng tôi đã tự hào về những chiếc xe bọc thép T-35 và T-28 của mình mà hàng năm chúng tôi vẫn đưa đi tham dự các cuộc duyệt binh ở Mát-xcơ-va, trong đội ngũ lữ đoàn xe tăng hạng nặng thuộc Quân dự bị Bộ tổng tư lệnh.

Tăng T-35 có năm ụ tháp, được trang bị 3 khẩu pháo và 5 súng máy, nặng 50 tấn. Biên chế của nó gồm 10 người, trong đó có 2 cán bộ chỉ huy trung cấp. Đội ngũ chỉ huy trong toàn tiểu đoàn, gồm chừng 100 cán bộ, là một tập thể thân ái, đoàn kết chặt chẽ.

Tôi rất vừa lòng với công tác và đem hết nhiệt tình phục vụ nó, chỉ có một mơ ước là được chỉ huy cái đơn vị yêu dấu này càng lâu càng hay. Nhưng bỗng nhiên có điện của quân khu chỉ định tôi và tham mưu trưởng lữ đoàn (bạn cùng học với tôi ở học viện), thiếu tá N. N. Rát-kê-vích, đi học tại Học viện Bộ tổng tham mưu. Cả đồng chí ấy lẫn tôi, đặc biệt là tôi, đều không may mắn có mong ước rằng mình lại được sớm cử đi học như vậy, nên cả hai đều tính chuyện bàn lùi

Tôi đã gặp may. Trong khi làm chủ tịch hội đồng quân khu sát hạch những học viên lớp một năm của trung đoàn huấn luyện bạn, tôi phải trực tiếp báo cáo kết quả lên chủ nhiệm bộ đội xe tăng của quân khu Ki-ép, lữ đoàn trưởng I-a. N. Phê-đô-ren-cô. Nhân dịp này, tôi đã chọn lúc thuận lợi và đề nghị đồng chí Phê-đô-ren-cô cử một đồng chí khác đến học viện thay cho tôi. Không ngờ đồng chí chấp nhận ngay đề nghị của tôi và tuyên bố dứt khoát:

- Đồng chí cứ yên tâm công tác. Đồng chí sẽ không đi đâu hết.

Lúc ấy là vào tháng Tám 1938. Sang tháng Chín, khi tôi đang làm đạo diễn cuộc diễn tập dã ngoại trong lữ đoàn đồng chí M. E. Ca-tu-cốp, thì được triệu tập cấp tốc về ngay địa điểm công tác và được lệnh bàn giao lại tiểu đoàn, vì Mát-xơ-va kiên quyết đòi tôi phải tự trường gấp. Ba ngày sau, tôi cùng Rát-kê-vích lên đường.

Hóa ra, trong số những người được chọn đến học viện, những tâm trạng giống như tâm trạng chúng tôi cũng không phải là hiện tượng cá biệt. Một số người tự ý tuyên bố với ủy ban kiểm tra giấy giới thiệu là xin không học, vì lo rằng học xong sẽ không được chỉ huy đơn vị nữa. Hồi đó, những người có trình độ trong Học viện Bộ tổng tham mưu còn ít ỏi nên chúng tôi cho rằng từ đây con đường công tác của mình chỉ là các cơ quan tham mưu mà thôi.

Tất cả đều bị từ chối hết. Chỉ riêng có đại tá X. X. Bi-ri-u-dốp là được toại nguyện. Chắc là nhờ có sự giúp đỡ của thứ trưởng E. A. Sa-đen-cô, đồng chí đã được ra đi và sau đồng chí giữ chức chỉ huy sư đoàn.

Đến thời gian ấy, Học viện Bộ tổng tham mưu đã có sức tự lực vững vàng. Việc thành lập trường huấn luyện quân sự cao cấp này là một đòi hỏi của thời đại. Hồng quân hoàn toàn hiện đại về mọi mặt, nhưng còn thiếu những cán bộ cần thiết, có trình độ chiến dịch, chiến lược cao sâu. Cho tới năm 1936, đội ngũ cán bộ khâu chiến dịch mới chỉ được đào tạo ở hệ một năm trong Học viện mang tên M. V. Phrun-dê. Đôi khi như vậy là tốt, nhưng trong nửa cuối những năm ba mươi, cuộc sống cấp bách đòi hỏi chúng ta phải chỉnh đốn lại việc đào tạo cán bộ chỉ huy quân sự một cách đông đảo và sâu rộng hơn. Hơn nữa, chúng ta phải phát triển lý luận về nghệ thuật chiến dịch: Học viện mang tên M. V. Phrun-dê, do phạm vi huấn luyện của mình, không thể đảm nhiệm được công việc đó ở mức cần thiết.

Học viện Bộ tổng tham mưu tập hợp toàn bộ tinh hoa trong số những nhà lý luận quân sự thời kỳ đó, như các đồng chí: V. A. Mê-li-cốp, Đ. M. Các-bư-sép, N. N. Sva-rơ-txơ, A. I. Gô-tốp-xép, G. X. Ít-xe-rơ-son, A. V. Kiếc-pít-nhi-cốp, N. A. Lê-vít-xki, N. I. Tơ-ru-bét-xcôi, Ph. P. Sa-pha-lô-vích, E. A. Si-lốp-xki, P. P. I-ô-nốp..

Tôi cảm thấy đồng chí Đơ-mi-tơ-ri Mi-khai-lô-vích Các-bư-sép, kỹ sư và bác học, là người được lòng đám học viên chúng tôi nhất. Đồng chí ấy biết truyền đạt cái môn học tựa như “khô khan” ấy một cách rất ý nhị và dùng những phương pháp đơn giản, độc đáo giúp chúng tôi nhớ được những phép tính kỹ thuật phức tạp.

Tôi ghi nhớ suốt đời cái công thức thực hành của đồng chí để tính lực lượng và những phương tiện thiết bị trận địa bằng hàng rào dây thép gai: một tiểu đoàn, một giờ, một ki-lô-mét, một tấn, một hàng rào. Và đám anh em hay pha trò, châm biếm đã cải biên công thức ấy thành: một công binh, một búa rìu, một ngày, một gốc cây. Chuyện bông đùa ấy tới tai Các-bư-sép, nhưng đồng chí không hề bực mình. Và, ngay chính đồng chí ấy cũng thích khôi hài, nếu có dịp. Có lẽ, không một bài giảng nào của đồng chí lại vắng cái môn đó cả.

Tôi có thể nói rằng các bài giảng của đồng chí G. X. Ít-xe-rơ-son về nghệ thuật chiến dịch và chiến lược, cũng như các bài giảng của đồng chí A. V. Gô-lu-bép về chiến thuật của những binh đoàn lớn, có giọng nói nghiêm khắc hơn, “học viện” hơn nhưng cũng sâu sắc và xúc tích. Những giáo viên có tài như: A. V. Kiếc-pít-nhi-cốp, V. C. Moóc-dơ-vi-nốp, E. A. Si-lốp-xki, X. N. Cra-xin-nhi-cốp cũng để lại nhiều kỷ niệm tốt trong chúng tôi. Tất cả đều tinh thông bộ môn của mình và đều là những nhà phương pháp học rất xuất sắc

Đội ngũ sử gia quân sự cũng là một đội ngũ rất mạnh trong học viện. Các đồng chí biết xây dựng bài giảng sao cho học viên không những hiểu rõ được đường lối chung phát triển quân đội và những phương thức hoạt động chiến tranh, mà còn có thể biết rút ra những cái gì của quá khứ để vận dụng trong hiện tại.

Nổi nhất về mặt này là đồng chí V. A. Mê-li-cốp, người giảng và cũng là người say mê lịch sử Chiến tranh thế giới thứ nhất. Đôi khi, đồng chí mê mãi đến nỗi ngồi quay lưng lại học viên, mắt dán vào bản đồ căng trên giá mà kể chuyện lịch sử một cách kỳ thú, hấp dẫn. Đã có chuông nghỉ giải lao nhưng bài giảng vẫn cứ tiếp tục, ngay cả những chàng nghiện thèm thuốc

quá cũng không rời chỗ của mình. Chỉ tới khi giảng viên khác bước vào lớp, chúng tôi mới ngừng theo dõi trận đánh ở vùng Mác-na (Trận đánh lớn nhất giữa Pháp và Đức trong cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất, xảy ra trên khu vực sông Mác-na, đất Pháp. Năm 1914 và 1918 quân Đức đã bị thất bại nặng trong trận này. – N. D.) hoặc các sự kiện bị thảm trong những khu rừng Thág Tám (Trong khu rừng Thág Tám (Đông Phổ), năm 1915 đã xảy ra một chiến dịch phá tan kế hoạch của bộ chỉ huy Đức nhằm bao vây và tiêu diệt một cụm quân lớn của Nga.).

Giáo sư N. A. Lê-vít-xki giảng về chiến tranh Nga – Nhật cũng có một nhiệt tình như vậy. Đồng chí trình bày bài giảng một cách thoải mái và cũng chinh phục được học viên bằng những tình tiết và kết cấu của chiến dịch hoặc của trận chiến đấu tái tạo rõ ràng cảnh đấu trí và đấu tài của những người chỉ huy quân sự.

Trong số giáo viên cũng có những đồng chí cùng lứa tuổi và ngang cấp với chúng tôi. Ví dụ như: thiếu tá I. X. Glê-bốp, giáo viên pháo binh; trung tá C: Ph. Xcô-rô-bô-gát-kin, giáo viên hóa học. Cả hai đồng chí đều tốt nghiệp chính học viện này cũng trong năm 1938 ấy. Còn các đồng chí phụ trách các nhóm và chịu trách nhiệm hướng dẫn chúng tôi về mặt chiến thuật là các đại tá I. Kh. Ba-gra-mi-an, V. V. Cu-ra-xốp, A. I. Ga-xti-lô-vích. Phải nói rằng, ngay hồi đó chúng tôi đã cảm thấy biệt tài của những đồng chí này. Các đồng chí được toàn thể học viên kính trọng, một là vì có kiến thức rộng, hai là vì khéo kết hợp được tính đòi hỏi cao với quan hệ đồng chí đối với chúng tôi.

Cuối tháng Tám 1939, nhiều học viên trong đó có tôi được triệu tập ngay giữa giờ học tới gặp chủ nhiệm lớp – đại tá V. I-a. Xê-mi-ô-nốp. Bản khoản chưa hiểu việc đó có ý nghĩa gì, chúng tôi tới phòng làm việc của đồng chí và ở đây chúng tôi được biết rằng hôm sau tất cả chúng tôi đều phải có mặt ở Cục tác chiến Bộ tổng tham mưu. Đồng chí Xê-mi-ô-nốp không giải thích lý do và mục đích của việc đó. Có thể, chính đồng chí ấy cũng không biết.

Thời gian này thật đáng lo ngại. Loài người cảm phần còn vừa mới biết đến việc chủ nghĩa phát-xít bóp nghẹt nước Cộng hòa Tây Ban Nha, còn

chưa nguôi phần nộ trước bạo lực thô bạo của Mút-xô-li-ni đối với nước A-bít-xi-ni nhỏ bé thì Hít-le đã xâm chiếm Áo, Tiệp Khắc, vùng Clai-pê-đa của Lít-va và âm mưu biến vùng này thành căn cứ tiến công Ba Lan. Các dân tộc phản kháng những hành động chuyên quyền chưa từng thấy này, song những nhà hòa giải ở Mui-ních (Những nhà hoạt động nhà nước Anh – Pháp, những kẻ thi hành một chính sách dung túng cho những tham vọng xâm lược của nước Đức phát-xít nhằm đưa quân sang đánh Liên Xô. Năm 1938, tại Mui-ních (Đức) đã ký kết một hiệp ước mở đường cho nước Đức đánh chiếm Tiệp Khắc và góp phần làm nổ ra cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai.), về thực chất đã khuyến khích bọn đầu sỏ phát-xít gây thêm những tội ác mới.

Biên giới phía đông đất nước ta cũng không yên. Ở đây, chúng ta đã phải hai lần đọ súng với bọn quân phiệt Nhật: lúc đầu ở hồ Kha-xan và sau đó ở Khan-khin – Gôn (Hồ Kha-xan ở khu Pri-mô-ri-ê của nước Cộng hòa Liên bang Nga. Tại khu vực hồ Kha-xan, từ ngày 29 tháng Bảy đến ngày 11 tháng Tám 1938, bộ đội Liên Xô đã chiến đấu ngoan cường, đẩy lùi và đánh tan quân Nhật xâm nhập vào lãnh thổ Liên Xô. Sông Khan-khin – Gôn chảy qua Trung Quốc và Mông Cổ. Tháng Tám 1939, quân đội Liên Xô – Mông Cổ đã bao vây và tiêu diệt những lực lượng lớn của bọn xâm lược Nhật Bản xâm nhập vào lãnh thổ Mông Cổ hồi tháng Năm mà không hề tuyên chiến.).

Thất bại của cuộc đàm phán giữa các phái đoàn quân sự Anh, Pháp, Liên Xô, do những kẻ không có thiện ý với chúng ta ngấm ngấm gây ra từ trước, càng làm cho chúng ta tăng cường cảnh giác. Tóm lại, bầu trời đã nổi giông tố và chúng tôi đến Bộ tổng tham mưu với tư thế sẵn sàng trước mọi tình thế.

Lữ đoàn trưởng A. Ph. A-ni-xốp, cục phó Cục tác chiến, tiếp chúng tôi. Đồng chí báo tin Đặc khu Ki-ép sắp mở những cuộc diễn tập lớn và chúng tôi cần tham gia những cuộc diễn tập ấy.

Cuối cùng, đồng chí A-ni-xốp tuyên bố:

- Đây vừa có ích cho công việc, vừa là một chuyến đi thực tập đối với các đồng chí.

Lúc trở về học viện, chúng tôi được biết thêm là Đặc khu Bê-lô-ru-xi-a cũng có những cuộc diễn tập như vậy và một tổ học viên khác của học viện cũng sẽ tới đây.

Nhóm chúng tôi thường hay bàn luận về những tình hình đang diễn biến và tìm mối liên hệ giữa chúng với đời sống riêng, với tương lai sắp tới của mình. Chúng tôi đã hình thành thói quen phân tích các sự kiện, kể cả các sự kiện thế giới, vì kẻ vai sát cánh với chúng tôi có nhiều đồng chí đã từng được người mù thuốc súng ở Tây Ban Nha và Viễn Đông.

Được giáo dục theo tư tưởng của chủ nghĩa Mác – Lê-nin, chúng tôi còn nhớ rất sâu cuộc bao vây của bọn tư bản. Đương nhiên, người nào trong chúng tôi cũng đều hiểu rằng tất cả các kế hoạch 5 năm của chúng ta đều nhằm mục đích xây dựng chủ nghĩa cộng sản ở Liên Xô, đồng thời nhằm tạo cơ sở, kinh tế bảo đảm cho chúng ta giành được thắng lợi nếu buộc phải chiến đấu.

Đất nước ta đã xây dựng được nhiều ngành công nghiệp mới, tiên tiến, như công nghiệp ô-tô, máy kéo, hàng không. Ngành khai thác và chế biến dầu hỏa đã phát triển nhanh chóng. Trang bị và kỹ thuật của Quân đội Liên Xô đã được cải tiến về chất lượng và phát triển về số lượng. Chúng tôi được biết rằng, những kiểu xe tăng mới nhất của Liên Xô – KV và T-34 – rất ưu việt, sẽ được đem trang bị cho bộ đội trong những năm tới. Máy bay, chiến hạm và nhất là tàu ngầm Liên Xô, ngày càng tốt hơn, pháo binh và các phương tiện thông tin được cải tiến triệt để

Và hẳn là chúng tôi cũng đều biết việc tăng tổng quân số nhất là các binh chủng kỹ thuật. Trong vòng tám – chín năm ấy, bộ binh đã tăng gấp đôi, còn bộ đội xe tăng và cơ giới phát triển tới 1,2 lần.

Thể thức bổ sung các Lực lượng vũ trang đã thay đổi. việc tổ chức những đơn vị quân địa phương được bãi bỏ. Tiếp đó, Luật nghĩa vụ quân sự phổ cập đã được ban hành. Như vậy là nguyên tắc chính quy trong xây dựng quân đội và hạm đội đã trở thành duy nhất và độc tôn. Đồng thời, thời hạn làm nghĩa vụ quân sự tại ngũ cũng kéo dài. Đảng và chính phủ đã làm mọi

việc để Quân đội tiên xô có thể bảo vệ được Tổ quốc trong những giờ phút hiểm nguy.

Lòng tràn đầy tin tưởng vào sức mạnh của đất nước, chúng tôi lên đường đi diễn tập. Chuyển đi công tác bất ngờ này rất hợp ý chúng tôi. Nó hứa hẹn một cuộc thực hành thú vị trong việc vận dụng những hiểu biết đã thu hoạch trong năm học. Tất cả chúng tôi đều phấn khởi lên tàu đi Ki-ép.

Nhưng lúc chúng tôi đang ở trên đường đi Ki-ép, đã xảy ra một chuyện không thể không làm buồn lòng mọi người: sáng 1 tháng Chín 1939, bọn phát-xít Đức đã tiến công Ba Lan. Qua các báo địa phương mua được ở các ga, chúng tôi không hiểu được điều gì sâu hơn cả. Song, bản thân sự xâm lược này và tốc độ tiến quân rất nhanh của Đức trên lãnh thổ Ba Lan cũng đã buộc người ta phải suy nghĩ kỹ về những hậu quả rất nghiêm trọng của nó.

Trong những năm ấy, các cán bộ chỉ huy Quân đội Liên Xô có chú ý nghiên cứu và đã hiểu khá rõ tình trạng lực lượng vũ trang Ba Lan. Xét theo trang bị kỹ thuật và trình độ huấn luyện bộ đội, quân đội của nước Ba Lan quý tộc còn lâu mới đạt đến trình độ mà người ta có thể gọi là hiện đại. Trong quân đội đó, rất nhiều thứ còn mang tính chất hào nhoáng bề ngoài. Tuy nhiên, chúng tôi cũng không có khuynh hướng đánh giá quá cao những khả năng của quân đội Đức. Vì cho đến lúc ấy, quân Đức còn chưa tiến hành các hoạt động chiến tranh thực sự.

Chúng tôi triền miên suy nghĩ theo tiếng động của bánh xe lăn. Tình hình ở biên giới phía Tây vô tình cứ liên kết với Kha-xan và Khan-khin – Gôn. Nhờ đó, chúng tôi đã hiểu rõ hơn vì sao cấp trên lại cử chúng tôi đến tham gia các cuộc diễn tập lớn ở các Đặc khu giáp biên giới.

Tới Ki-ép, chúng tôi đến trình diện đồng chí N. Ph. Va-tu-tin, tham mưu trưởng quân khu, và được phân công ngay về các phòng. Tôi là sĩ quan xe tăng nên được giao cho đồng chí I-a. N. Phê-đô-ren-cô, chủ nhiệm xe tăng quân khu sử dụng.

Chúng tôi nhanh chóng làm quen với hoàn cảnh mới và những con người mới. Các đồng chí không giấu chúng tôi rằng sự phát triển của chiến sự ở Ba Lan mang tính chất cực kỳ xấu. Họ nói rằng nếu tình hình cứ tiếp tục phát

triển như vậy thì cũng chẳng loại trừ mối đe dọa đối với đất nước chúng ta và đòi hỏi Quân đội Liên Xô phải có những “biện pháp đặc biệt”.

Ở Mát-xcơ-va, Xô-viết tối cao Liên Xô họp khóa bất thường từ ngày 1 tháng Chín. Khóa họp này đã thông qua Luật nghĩa vụ quân sự phổ cập.

Ngày 3 tháng Chín, Anh và Pháp tuyên chiến với Đức. Và quân khu đã nhận được điện của bộ trưởng Bộ dân ủy quốc phòng, yêu cầu hoãn giải ngũ các quân nhân đã quá thời hạn phục vụ, đình chỉ việc đi phép của các sĩ quan. Trong 7 quân khu – Lê-nin-grát, Ka-li-nin, Mát-xcơ-va, Khác-cốp, Ô-ri-ôn, hai Đặc khu Ki-ép và Bê-lô-ru-xi-a, tất cả các đơn vị và binh đoàn, toàn bộ hệ thống thông tin liên lạc được lệnh sẵn sàng chiến đấu.

Việc tham chiến của Anh và Pháp tất nhiên đã thúc đẩy Hít-le thanh toán nhanh Ba Lan. Rồi còn gì nữa? Đức sẽ tung quân sang phía Tây, hay... tiến sang phía Đông?

Qua hai ngày nữa, ta đã có thể nói chắc rằng chủ lực của quân đội Ba Lan tư sản tại sườn phía Nam mặt trận Ba Lan – Đức sẽ bị đánh tan và các binh đoàn xe tăng của phát-xít Đức sẽ thẳng tiến vào Vác-sa-va. Bộ tham mưu quân khu Ki-ép được chỉ thị tập huấn bộ đội, các cơ quan quân sự và triệu tập cả những quân nhân dự bị nữa. Ngày 7 tháng Chín được ấn định làm ngày mở đầu lớp tập huấn.

Mặt trận Ba Lan tiếp tục tan vỡ. Chính phủ quý tộc Mốt-xít-xki bỏ chạy. Ngày 7 tháng Chín, Tổng tư lệnh quân đội Ba Lan Rút-xmi-glư bỏ Vác-sa-va. Cuối ngày hôm sau, người ta được biết rằng xe tăng Đức đã tiến hành chiến đấu ngay ở chân tường thủ đô Ba Lan. Nhân dân lao động kiên cường phòng thủ Vác-sa-va nhưng ở những nơi khác trên khắp đất nước, tình hình rất nặng nề. Tình cảnh những người U-crai-na và Bê-lô-ru-xi-a sinh sống ở Ba Lan vốn đã phức tạp lại càng phức tạp hơn.

Bộ trưởng Bộ dân ủy quốc phòng báo trước cho tư lệnh quân khu chuẩn bị hành binh vào miền Tây U-crai-na. Quân khu Ki-ép được triển khai thành phương diện quân U-crai-na do X. C. Ti-mô-sen-cô – tư lệnh quân khu cấp 1 – làm tư lệnh. Quân khu bạn Bê-lô-ru-xi-a do M. P. Cô-va-lép – tư lệnh quân khu cấp 2 – chỉ huy cũng được tổ chức lại thành phương diện quân.

Từ lúc ấy, chúng tôi làm việc không nghỉ cả ngày lẫn đêm: đi kiểm tra việc triển khai bộ đội, việc trang bị vũ khí, kỹ thuật và việc điều quân tới những khu vực xuất phát. Quân đoàn bộ binh độc lập 15 tập trung ở khu vực Péc-ga, Ô-lép-xcơ, Bê-lô-cô-rô-vi-tri; tập đoàn quân 5 ở khu vực Nô-vô-grát – Vô-lưn xki, Xla-vu-ta, Sê-pê-tôp-ca; tập đoàn quân 6 ở khu vực Cu-pen, Xa-ta-nôp, Prô-xcu-rốp; tập đoàn quân 12 ở khu vực Gu-xi-a-tin, Ca-mê-nét – Pô-đôn-xki, Nô-vai-a U-si-xa, I-a-rơ-mô-lin-xư. Tập đoàn quân 13, không nằm trong biên chế của phương diện quân U-crai-na, đóng ở vùng biên giới Ru-ma-ni. Bộ tham mưu phương diện quân chuyển tới Prô-xcu-rốp. Đến lúc này, tôi được điều động sang công tác dưới quyền V. M. Dơ-lô-bin, trưởng ban tác chiến.

Chúng tôi được biết là chính phủ Ba Lan đã chạy trốn sang đất Ru-ma-ni của bọn địa chủ – quý tộc. Sự việc này làm sáng tỏ thêm tình huống: từ nay chẳng còn chút hy vọng ở sự chống cự đáng kể nào của Ba Lan trước các đạo quân của Hít-le đang từ phía Tây tiến công sang. Nhà nước Ba Lan tư sản và quân đội của nó đã không thể bảo đảm an ninh cho nhân dân nước mình.

Trong giờ phút cực kỳ quan trọng này, Chính phủ Liên Xô đã thông qua quyết định bảo vệ cuộc sống hòa bình của nhân dân miền Tây U-crai-na và Tây Bê-lô-ru-xi-a. Quyết định ấy được công bố cho toàn thế giới biết. Và, chính phủ còn tuyên bố rằng: về phía mình, Liên Xô sẽ làm tất cả những gì có thể làm được để giải thoát toàn thể nhân dân Ba Lan khỏi cuộc chiến tranh độc ác này.

Quyết định của Chính phủ Liên Xô được bảo đảm bằng nhiều biện pháp quân sự. Phương diện quân U-crai-na được lệnh: đến hết ngày 16 tháng Chín, bộ đội phải sẵn sàng kiên quyết tiến công và 17 tháng Chín sẽ vượt biên giới quốc gia. Binh đoàn Sê-pê-tôp-ca do I. G. Xô-vết-nhi-cốp chỉ huy được lệnh tiến công Rô-vơ-nô, Lút-xcơ và đến hết ngày thứ hai phải chiếm được Lút-xcơ. Binh đoàn Vô-lô-tsi-xcơ, do Ph. I. Gô-li-cốp chỉ huy, tiến về Téc-nô-pôn, Lơ-vốp, và đến hết ngày 18 tháng Chín phải chiếm được Bu-xcơ, Pê-rê-mư-sli-a-nư, tức là phải tiến sát tới Lơ-vốp. Binh đoàn Ca-mê-

nét – Pô-đôn-xki, do I. V. Ti-u-lê-nép chỉ huy, phải vận động đến Tre-rơ-tơ-cốp và hôm sau phải chiếm được Xta-ni-xláp. Các đơn vị được lệnh sẽ không sử dụng vũ khí nếu như quân Ba Lan không dùng vũ khí để kháng cự. Song vẫn phải chuẩn bị đối phó với tình thế xấu hơn.

Từ biên giới Ba Lan có báo cáo về: dọc đường cái Lơ-vốp đi Téc-nô-pôn, các đơn vị Ba Lan đã bị đánh tan tác đang lũ lượt rút về phía Đông và phía Ru-ma-ni; các đơn vị còn lại thì không có chỉ huy, thiếu vũ khí; quân Đức đã tiến gần đến Lơ-vốp và đang đe dọa thành phố này từ phía Nam, còn ở phía Bắc thành phố thì đang có những trận chiến đấu ở phía Tây Búc. Song, căn cứ vào tình hình, mọi người đều cảm thấy ngay: cả trong những điều kiện ấy, quân Ba Lan đã có những biện pháp đề phòng trường hợp quân đội Liên Xô hoạt động tích cực. Gần biên giới Liên Xô xuất hiện những đơn vị kỵ binh nhẹ Ba Lan. Có súng máy đặt ở những trạm kiểm soát vùng Pốt-vô-lô-tri-xcơ.

Đêm 16 rạng ngày 17 tháng Chín, tôi ở đài quan sát của tập đoàn quân 6. Ở đây, mọi người đều làm việc rất khẩn trương như thường khi sắp có những sự kiện lớn. Phút chốc lại có chuông điện thoại, các liên lạc viên từ các sư đoàn nối tiếp nhau xuất hiện và ra đi. Nhưng vẫn cảm thấy thời gian kéo dài một cách chậm chạp khó tả.

Cuối cùng, thời hạn vượt biên giới quy định trong mệnh lệnh đã đến. Đúng 5 giờ, lệnh phát ra và bộ đội xuất quân. Những yêu cầu báo động đầu tiên. Từ lãnh thổ Ba Lan đã gửi về những báo cáo đầu tiên:

- Không đâu thấy sự kháng cự có tổ chức...
- Bộ đội đang tiến quân thẳng lợi. Ở Pốt-vô-lô-tri-xcơ, trong nhà ga đã bắt được nhiều binh lính và sĩ quan quân đội Ba Lan, súng máy và những trang bị khác...
- Khắp mọi nơi, từng đoàn người đi lánh nạn, trong đó có nhiều quân nhân...

Ít lâu sau, cơ quan tham mưu tập đoàn quân 6 cũng tiến lên phía trước. Còn tôi, đến gần cuối ngày hôm đó, đã về cơ quan tham mưu phương diện quân ở Prô-xcu-rốp báo cáo tình hình.

Tôi chưa kịp ăn cơm chiều thì được đồng chí Dơ-lô-bin gọi lên gặp.

- Cần thay đổi đôi chút nhiệm vụ của binh đoàn Sê-pê-tốp-ca.

Đồng chí chỉ trên bản đồ những chỗ cần thay đổi và cho biết là cơ quan tham mưu binh đoàn đang đóng ở Rô-vơ-nô. Đồng chí giao mệnh lệnh viết tay để trong phong bì dán kín, rồi nhắc nhở:

- Đồng chí cần nghiên cứu kỹ đường đi. Lấy ở binh trạm biên giới một người dẫn đường tin cậy và lực lượng bảo vệ. Sáng hôm sau phải tới vị trí.

Tôi ra đi bằng chiếc xe Pho loại nhỏ và chẳng bao lâu sau đã đến Xla-vu-ta, tới đội biên phòng. Các đồng chí hộ tống tôi từ đó tới binh trạm, ở đây, một đồng chí chuẩn úy có mang theo súng máy, được phái theo tôi làm người dẫn đường, và chính tôi cũng được nhận một khẩu tiểu liên, rồi mỗi người còn được trang bị thêm 3 trái lựu đạn nữa. Cảnh giác cao vẫn không phải là thừa! Vì dọc đường có rất nhiều toán kỵ binh nhẹ hỗn loạn, cũng có thổ phỉ nữa.

Không để mất thời gian, đồng chí chuẩn úy đã đặt súng máy lên phía trước xe rồi ngồi bên cạnh người lái. Tôi cầm tiểu liên ngồi phía sau. Chúng tôi vượt biên giới trong đêm tối. Tới đây mới biết rõ rằng người dẫn đường cho tôi chỉ biết đường trong vòng 3-4 ki-lô-mét phía bên kia sông Gô-run. Chúng tôi tiếp tục đi theo bản đồ chẳng bao lâu thì bị lạc. Tôi nhớ thuộc lòng đường đi, nhưng trên thực địa, đường sá hầu như nhiều gấp đôi số đường ghi trong bản đồ. Hơn nữa, lúc đó lại là đêm tối. Chúng tôi mò mẫm trên đường, tưởng chừng như đúng, rồi đi, cứ thế đi mãi... và đột nhiên bỗng đụng phải một trang trại nào đó, âm u và dường như không có người ở. Chung quanh chẳng có ai hết.

Tôi chẳng còn mấy thời gian. Tình thế thật đến khó chịu: có thể tôi chuyển giao chậm bản mệnh lệnh này. Ở nước ta, chúng tôi đã quen với những làng lớn, lúc nào cũng tìm được người thông thạo đường sá. Nhưng ở đây không có làng, mà cũng chẳng thấy người.

Tôi quyết định dù sao cũng phải tìm cho ra một người nào đấy trong các ấp trại này và hỏi đường tới Rô-vơ-nô. Chúng tôi tiến tới một cái ấp. Chúng tôi gọi và gõ cửa nhưng không có ai trả lời cả. Chúng tôi tới ấp bên, thấy

trong cửa sổ có ánh lửa lơ mờ. Nhưng khi chúng tôi vừa tới gần thì lửa tắt. Trước mặt chúng tôi là rào cao, cổng lớn và một ngôi nhà gỗ ghép, tựa một pháo đài, chỉ có một cửa sổ trông ra đường.

Chúng tôi gõ cổng. Vắng lặng. Chúng tôi lại gõ. Không ai đáp lại.

Tôi ra lệnh cho đồng chí chuẩn úy:

- Ta trèo lên cửa sổ

Cửa sổ mở tung. Tôi chiếu đèn bấm vào trong nhà: không có một ai. Chúng tôi bắt đầu gọi, nhưng lại vắng lặng.

- Ta cứ trèo vào, – tôi nhắc lại.

Nhưng chúng tôi chưa kịp trèo vào thì thấy một cụ già hiện ra bên ngưỡng cửa, hai tay run run giơ lên, im lặng.

Tiếng Ba Lan tôi không thạo, vì mới học được có mấy tháng mùa đông trong nhóm nghiên cứu của Câu lạc bộ Hồng quân sư đoàn kỵ binh 3 mang tên Cô-tôp-xki. Và lại học cũng đã khá lâu rồi, từ năm 1931. Tôi cố nhớ lại những từ Ba Lan đã quên đến phần nửa. Nhưng oái oăm là tôi không nhớ lại được những từ cần thiết. Dù sao, tôi cũng đại khái nói cho cụ già hiểu được là chúng tôi đang tìm đường đến Rô-vơ-nô.

Cụ già hơi trấn tĩnh lại. Cụ già nói nhanh, dùng xen lẫn tiếng U-crai-na với tiếng Ba Lan, tay làm hiệu. Cụ không hiểu bản đồ, tôi không hiểu cụ, còn thời gian thì cứ trôi qua.

Tôi mời cụ già đi cùng với chúng tôi. Không hiểu sao ông cụ lại trèo vào cửa sổ. Tôi với đồng chí chuẩn úy liền nắm tay cụ lại dìu cụ ngồi vào xe và khoảng bốn mươi phút sau, chúng tôi cũng đã vượt qua được mấy quãng vòng rắc rối ở trong rừng, rồi ra được đường cái đi Rô-vơ-nô. Chúng tôi cho cụ già xuống xe, cụ chào và cảm ơn chúng tôi; chúng tôi cũng chào lại và cảm ơn ông cụ.

Đi độ hai tiếng đồng hồ nữa, chúng tôi tới Rô-vơ-nô. Tôi tìm ra cơ quan tham mưu đóng tại ngôi nhà của một trường trung học cũ. Nhiệm vụ đã được hoàn thành đúng thời hạn.

Chúng tôi quay về lúc mặt trời mọc. Đi ban ngày mới dễ chịu làm sao! Mọi vật cứ hiện ra rành rành trước mắt. Bản đồ vẽ đúng và số đường đi lối lại tựa hồ như ít hơn. Đến trưa, tôi đã có mặt ở cơ quan tham mưu phương diện quân.

Song, tôi không có thì giờ để nghỉ. Đồng chí trưởng ban tác chiến lại triệu tập tôi và đại tá Va-rơ-ma-skin, phó chủ nhiệm bộ đội xe tăng, lên nhận công tác. Chúng tôi phải tới Téc-nô-pôn tổ chức việc tiếp xăng cho các xe tăng đến tăng cường cho binh đoàn. Ngoài ra, chúng tôi còn được lệnh cho các đơn vị đi vòng qua ngoài thành phố và không để cho các đơn vị và cơ quan hậu cần đóng lại trong thành phố.

Chúng tôi đến Téc-nô-pôn khi các đơn vị phái đi trước vừa mới hành quân qua. Đi liền sau các đơn vị này là sư đoàn kỵ binh 5, dưới quyền chỉ huy của sư đoàn trưởng I-a. X. Sa-ra-bu-rơ-cô, rất nổi tiếng hồi đó. Chúng tôi không cho sư đoàn này vào thành phố. Có to tiếng với nhau. Đồng chí sư đoàn trưởng nổi khùng với chúng tôi. Va-rơ-ma-skin rút giấy ủy nhiệm chìa ra trước mũi đồng chí ấy. Nhưng, dù có giấy ủy nhiệm, chúng tôi cũng cảm thấy bất lực trước chàng kỵ sĩ bướng bỉnh này. Mãi tới khi chúng tôi nhắc đến tên X. C. Ti-mô-sen-cô thì đồng chí ấy mới nguýt nguôi và sư đoàn mới chịu đi vòng qua ngoài thành phố.

Ngay lúc đó, đoàn xe tăng tiến đến, mà chúng tôi vẫn chưa tìm thấy đoàn xe chở xăng dầu. Đồng chí chỉ huy đoàn xe tăng cúi kính với chúng tôi về mọi thứ, đòi nhiên liệu. Cuối cùng, đồng chí đại úy chỉ huy đoàn xe chở xăng dầu đến trình diện. Thì ra, trên đường hành quân, đoàn xe đã bị ùn lại và vì vậy nhiên liệu được chở đến chậm mất hai tiếng.

Xe tăng ăn dầu và chúng tôi chuyển sang thực hiện nhiệm vụ thứ hai của mình là đưa các đơn vị hậu cần ra khỏi thành phố. Công việc này thật rất khó. Đêm xuống và không ai muốn rời khỏi thành phố trước lúc trời sáng.

Bất thành lính, từ ngôi nhà thờ Ba Lan ở giữa thành phố, súng máy bắn ra dày đặc khắp phố. Ngựa hí, người chạy. Có tiếng súng bắn trả lại. Trước lúc trời sáng, không thể nào dập tắt được cuộc đấu súng này. Thịnh thoảng lác đác có tiếng súng, lúc ở khu vực này, lúc ở khu vực kia trong thành phố.

Sáng ra, chúng tôi phát hiện thấy trong ngôi nhà thờ nhiều đồng vỏ đạn, nhưng không tóm cổ được kẻ đã bắn súng đêm qua. Người ta nói rằng tên cha cố Ba Lan đã bắn vào chúng tôi và hắn đã kịp bí mật trốn thoát được rồi...

Chúng tôi ở Téc-nô-pôn một ngày đêm nữa, rồi trở về cơ quan tham mưu phương diện quân. Ít lâu sau, cơ quan tham mưu phương diện quân chuyển đến Lơ-vốp và đóng trụ sở trong một ngôi nhà của trường võ bị cũ.

Thành phố tề chỉnh, thanh lịch theo kiểu của nó. Những biệt thự giàu có, sang trọng vươn cao theo dọc các đường phố lát đá. Còn ở vùng nông thôn, cách Lơ-vốp ven ven chừng 10-12 ki-lô-mét, thì đã là vương quốc của cảnh nghèo khó, nếu không nói được là vương quốc của cảnh khốn cùng.

Sau khi chúng tôi đến đó được hai – ba ngày, trẻ em nông thôn đã bắt quen với chúng tôi. Cũng như ở khắp mọi nơi, các em đều cởi mở, cả tin. Chúng tròn mắt nhìn bộ đội đi qua, rồi bỗng trồng lộn đầu xuống đất và cứ như vậy suốt dọc hai bên đường. Lúc đầu, chúng tôi thắc mắc, không hiểu việc ấy có ý nghĩa gì. Sau đó mới biết rằng các em làm như vậy là có ý muốn xin những cây bút chì. Thế là, những đoàn viên Côm-xô-môn chúng tôi có bao nhiêu bút chì “chiến thuật”, kể cả số bút chì dự trữ, đều đưa ra tặng các em hết. Đến nỗi, một số Cơ quan tham mưu chẳng còn cái gì để ghi tình huống lên bản đồ nữa cả.

Cuộc tiến quân của bộ đội chúng ta trên lãnh thổ Ba Lan hồi đó đã dừng lại trên tuyến Cô-ven, Vla-đi-mia – Vô-lưn-xki, phía Tây Lơ-vốp, Tư-scốp-nít-xa, sông Xtơ-rưi, Đô-li-na. Ban tác chiến vội chuẩn bị báo cáo về các hoạt động của bộ đội thuộc phương diện quân U-crai-na làm nhiệm vụ giải phóng miền Tây U-crai-na. Lúc báo cáo đã viết xong, N. Ph. Va-tu-tin liền gọi tôi đến và giao nhiệm vụ mang báo cáo về Bộ tổng tham mưu.

Đồng chí nói:

- Đồng chí đáp máy bay tới Ki-ép, rồi từ đó đi xe lửa đến Bộ tổng tham mưu. Đồng chí chịu trách nhiệm hoàn toàn về cặp tài liệu và bản đồ này. Đến Bộ tổng tham mưu, phải giao tất cả những thứ này đến tận tay lễ đoàn trưởng Va-xi-lép-xki.

Khi tôi tới sân bay thì đã có một chiếc máy bay Po-2 đợi sẵn, người lái chiếc máy bay này là một trung úy phi công trẻ tuổi.

- Đồng chí biết đường bay chứ? – Tôi hỏi.

- Biết, – đồng chí trả lời chắc gọn.

Để đề phòng mọi trường hợp bất trắc, tôi đã kiểm tra bản đồ của đồng chí. Tất cả đều rất hoàn hảo: đường bay đã được vạch sẵn, có ghi từng ki-lô-mét và bảng tính thời gian. Có thể bay được.

Nửa giờ sau, máy bay chúng tôi rơi vào một đám mây mù. Phải thoát khỏi đám mây này, chúng tôi bay lên độ cao một nghìn mét. Bầu trời ở đây quang đãng, nhưng không nhìn thấy đất đâu nữa.

- Chúng ta bay có đúng hướng không? – Tôi băn khoăn hỏi.

- Đúng theo đường bay! – Phi công báo cáo.

Khoảng hai mươi phút sau, đất liền lại trải rộng dưới tầm mắt chúng tôi, nhưng không thấy con đường mà chúng tôi đã bay theo trước đây. Nó biến đâu mất rồi!

- Nó ở quá về phía bắc chừng hai mươi ki-lô-mét, – đồng chí phi công làm cho tôi yên tâm trở lại.

- Được, bay tới đó...

Nhưng đến đây cũng chẳng thấy gì hết và chúng tôi liền quay ngược lại phía nam. Cũng chẳng thấy con đường ấy đâu cả. Tôi băn khoăn: không khéo lại sa vào tay bọn Đức ở bên kia giới tuyến.

Cuối cùng, chúng tôi mới phát hiện thấy cái con đường sắt mất hút đó. Chúng tôi bay dọc theo nó tới nhà ga thứ nhất. Máy bay sà xuống thấp, chúng tôi đọc thấy: “Na-rơ-ke-vi-tri”. Có nghĩa là chúng tôi đang ở giữa Téc-nô-pôn và Prô-xcu-rôp, ở đây không có bọn Đức.

Từ đó trở đi, mọi chuyện đều tốt đẹp. Chúng tôi lấy thêm nhiên liệu ở Prô-xcu-rôp và bay tiếp tới Ki-ép một cách an toàn. Sang ngày hôm sau, tôi đã ở Mát-xcơ-va và trao cặp tài liệu cho đồng chí A. M. Va-xi-lép-xki. Đồng chí cho biết, tôi không phải trở lại cơ quan tham mưu phương diện quân nữa; tất cả học viên của Học viện Bộ tổng tham mưu đều được lệnh rời các đơn vị về tiếp tục học tập.

Chúng tôi học thêm được vài tháng thì lại được lệnh gọi về Bộ tổng tham mưu. Chiến dịch Phần Lan đã bắt đầu.

Nhiều học viên đã được điều về tăng cường cho Cục tác chiến Bộ tổng tham mưu. Tôi cũng ở trong số đó.

Nhiệm vụ chúng tôi là thu thập những số liệu về các tình huống, phân tích những số liệu ấy, ghi tình huống tác chiến trên bản đồ, viết thông báo chiến sự, truyền đạt cho các đơn vị bộ đội những chỉ thị và mệnh lệnh. Nói tóm lại, chúng tôi đang tham gia vào công việc tác chiến rộng lớn và nhiều hình nhiều vẻ.

Thoạt tiên, tôi được giao nhiệm vụ theo dõi tập đoàn quân 9, hiện đang tác chiến trên hướng Xu-ô-mút-san-mi và về sau lại theo dõi thêm tập đoàn quân 14 trên hướng Pét-xa-mô. Như mọi người đều biết, cả hai hướng này đều là hướng phụ. Những sự kiện chủ yếu đang diễn ra trên eo đất Ca-rê-li-a và ở vùng hồ La-đô-ga.

Vì công việc phải được tiến hành liên tục, nên chúng tôi chia thành hai kíp. Mỗi kíp làm việc suốt một ngày đêm. Chúng tôi giao ban lúc 19 giờ và lập tức đi ngủ ngay. Hồi ấy, chúng tôi không sợ cái từ “ngủ” nên cũng chẳng thay nó bằng cái từ “nghỉ” tế nhị hơn.

Thường cả ngày hôm sau, chúng tôi học ở học viện rồi đến tối lại nhận nhiệm vụ trực ban suốt một ngày đêm tại Bộ tổng tham mưu. Công việc thật nặng nề nhưng chúng tôi chẳng hề ca thán: công tác hứng thú, và lại đang chiến tranh mà! Hồi ấy chúng tôi còn trẻ, đầy sinh lực và chúng tôi thấy mọi việc như vậy cũng chưa thấm vào đâu cả.

Mùa đông năm 1940 rét buốt thịt, buốt xương. Băng đóng dày đặc. Lớp tuyết phủ dày đã gây nhiều hạn chế đối với hoạt động của bộ đội. Tập đoàn quân 9 và tập đoàn quân 14 rải quân khắp dọc đường và hành tiến chậm chạp, vì phải đánh lui các tiểu đoàn trượt tuyết Phần Lan tập kích vào phía sau lưng. Mặt trận chỉ còn liên tục ở vùng eo đất Ca-rê-li-a, nơi tập đoàn quân 7 và 13 đang tác chiến dưới quyền chỉ huy của K. A. Mê-rét-xcôp và V. Đ. Gren-đan.

Phải nói thẳng ra rằng: hồi này bộ đội chúng ta chưa thích ứng mấy với việc tiến hành chiến tranh trong những điều kiện của chiến trường Phần Lan. Rừng rú, ao hồ, không có đường sá và tuyết phủ là những chướng ngại nghiêm trọng đối với bộ đội. Đặc biệt, sư đoàn bộ binh 44 đã gặp rất nhiều khó khăn, vì mới từ U-crai-na đến thì bị vây hãm ngay ở Xu-ômút-san-mi. Chỉ huy sư đoàn này là đồng chí A. I. Vi-nô-grát-đốp.

Theo chỉ thị của Xta-lin, L. D. Mê-khơ-li-xơ (D. Mê-khơ-li-xơ năm 1941 làm Chủ nhiệm Tổng cục chính trị, thứ trưởng Bộ dân ủy quốc phòng Liên Xô. – ND.) được phái đến tập đoàn quân 9 để xem xét tình hình và giúp đỡ đơn vị bị bao vây. Nhiều báo cáo của đồng chí thường được chuyển qua chỗ

tôi và luôn luôn để lại trong tâm hồn một cái gì cay đắng: các báo cáo đều đen tối như màn đêm vậy. Sử dụng quyền hạn to lớn của mình, đồng chí ấy đã cách chức chỉ huy của hàng chục cán bộ, thay thế họ bằng những người gắn bó với mình. Đồng chí ấy yêu cầu xử bắn sư đoàn trưởng Vi-nô-grát-đốp vì đã không chỉ huy được sư đoàn. Sau này, tôi có nhiều dịp gặp gỡ Mê-khơ-li-xơ, và tôi dứt khoát tin rằng đồng chí ấy bao giờ cũng thiên về các biện pháp cực đoan.

Chiến tranh Phần Lan kết thúc. Ngày 12 tháng Ba 1940, các học viên Học viện Bộ tổng tham mưu lại quay về với công việc thường ngày.

Đến tháng Năm, bộ phận chủ yếu của ban chúng tôi lên đường đi Tơ-bi-li-xi. Có một số cán bộ nữa, lấy ở những ban khác, được cử đến tăng cường cho chúng tôi. Cùng đi với chúng tôi có đại tá X. I. Gu-nhê-ép, trung tá G. V. I-va-nốp, các thiếu tá V. Đ. Út-kin và M. A. Cra-xcô-vét. Gần trước lúc lên đường, chúng tôi mới được biết rằng cả Tổng tham mưu trưởng lẫn Phó tổng tham mưu trưởng đều không thể đến tham dự được và những cuộc diễn tập này sẽ được tiến hành dưới quyền điều khiển của các đồng chí tư lệnh quân khu: đồng chí Đ. T. Cô-dơ-lốp ở quân khu Da-cáp-ca-dơ, đồng chí X. G. Tơ-rô-phi-men-cô ở quân khu Trung Á. Song, sau khi chúng tôi đến Tơ-bi-li-xi được một ngày thì trung tướng Cô-dơ-lốp được cấp tốc triệu tập về Mát-xcơ-va. Chúng tôi cảm thấy ở Mát-xcơ-va đang có chuyện gì hoàn toàn không bình thường.

Thành ra thiếu tướng M. N. Sa-rô-khin phải lãnh đạo cuộc diễn tập và tôi được phân công làm tham mưu trưởng của ban chỉ đạo; trung tướng P. I. Bạt-ốt, phó tư lệnh quân khu, chỉ huy phương diện quân và thiếu tướng Ph. I. Tôn-bu-khin làm nhiệm vụ tham mưu trưởng phương diện quân ấy.

Sau khi tổng kết cuộc diễn tập ở quân khu Da-cáp-ca-dơ, chúng tôi đi tàu thủy từ Ba-cu tới Cra-xnô-vốt-xcơ, rồi từ đó đi xe lửa đến Ma-rư. Thiếu tướng M. I. Ca-da-cốp, tham mưu trưởng quân khu Trung Á, đã đợi chúng tôi ở đây. Chúng tôi được biết là tướng X. G. Tơ-rô-phi-men-cô, tư lệnh quân khu, đang bị ốm. Thành thử cuộc diễn tập ở đây do đồng chí M. N. Sa-rô-khin điều khiển.

Trong thời gian diễn tập, tôi được dịp cùng với đồng chí Sa-rô-khin và đại tá Tréc-nư-sê-vích trưởng ban tác chiến của cơ quan tham mưu quân khu Trung Á, đi dọc biên giới từ Xê-rác đến A-skha-bát và xa hơn nữa qua Ki-dưn – A-tơ-rếch đến Ga-xan – Cu-li nhằm mục đích nghiên cứu chiến trường.

Chúng tôi trở về Mát-xcơ-va, lòng thanh thản. Các cuộc diễn tập đều được tiến hành tốt.

Sáng ngày 21 tháng Sáu, đoàn xe lửa chở chúng tôi đến ga Ca-dan tại thủ đô. Trong ngày hôm ấy, chúng tôi trình bày và nộp các tài liệu. M. N. Sa-rô-khin xin phép cho những người đã tham gia diễn tập được nghỉ hai ngày: chủ nhật – ngày 22 và thứ hai – ngày 23 tháng Sáu.

Nhưng không ai được nghỉ cả. Đêm 21 rạng ngày 22 tháng Sáu đúng 2 giờ sáng, đồng chí liên lạc đến nhà riêng của tôi và truyền lệnh báo động. Nửa giờ sau, tôi đã có mặt ở Bộ tổng tham mưu.

Chiến tranh đã bắt đầu..

Cái đêm nặng nề ấy đã xa cách chúng ta hàng chục năm rồi, nhưng hiện nay vẫn còn có nhiều ý kiến rất khác nhau trong việc đánh giá tình hình lúc đó của các Lực lượng vũ trang chúng ta.

Một số người nói rằng, chúng ta hoàn toàn không sẵn sàng để đánh lui cuộc tiến công của quân địch, rằng quân đội của chúng ta được giáo dục theo tinh thần dễ dàng giành thắng lợi. Và, những ý kiến thuộc loại này tuy thường do những người không phải là quân nhân nêu ra, song lại thường được rào đón kín bằng đầy dẫy những thuật ngữ chuyên môn phức tạp. Thí dụ, họ đã khẳng định rằng: dường như vì hiểu không đúng về tính chất và nội dung của thời kỳ đầu chiến tranh nên chúng ta đã huấn luyện bộ đội không đúng theo các hoạt động chiến đấu trong chính thời kỳ này.

Lỗi khẳng định đó mang tính cách táo bạo thì ít, mà mang tính cách ngu dốt thì nhiều. Bởi vì khái niệm “thời kỳ đầu chiến tranh” là một phạm trù chiến dịch – chiến lược, không hề có ảnh hưởng quan trọng là bao đối với việc huấn luyện cho người chiến binh, cho đại đội, trung đoàn và thậm chí cả sư đoàn nữa.

Từ người chiến binh cho đến đại đội, trung đoàn và sư đoàn, nói chung đều hành động một cách giống nhau trong bất kể thời kỳ nào trong chiến tranh. Họ phải kiên quyết tiến công, ngoan cường phòng ngự và khôn khéo dùng mưu trí trong mọi trường hợp, bất kể cuộc chiến đấu xảy ra vào lúc nào: vào thời kỳ đầu hay thời kỳ cuối của cuộc chiến tranh. Trong các điều lệnh, không hề bao giờ thấy có một sự phân biệt nào về điểm này cả. Và, ngay hiện nay cũng không có những sự phân biệt ấy.

Người ta lại thường bàn tán rằng, chúng ta đánh giá thấp nguy cơ chiến tranh với Đức. Để bảo vệ những ý kiến không đúng này, có lúc người ta đã đưa ra những lý lẽ thật nực cười về cái gọi là sự bố trí quân đội sai lầm trong các quân khu có nhiệm vụ yểm hộ và phòng vệ những biên giới phía tây. Tại sao lại sai lầm? Vì theo họ, những binh lực lớn thuộc biên chế các quân khu biên giới đã được bố trí không phải ở ngay biên giới, mà ở cách xa biên giới.

Về vấn đề này, thực tiễn và lý luận từ lâu đã chứng minh rằng trong bất kỳ hình thức tác chiến nào, lực lượng chủ yếu cũng nhất thiết phải được bố trí thành nhiều tuyến trong tung thâm. Cần bố trí ở đâu nhiều lực lượng hơn, và nên bố trí các tuyến theo chiều sâu như thế nào là một vấn đề rất phức tạp. Vấn đề này tùy thuộc vào tình huống và tùy thuộc vào ý định của người chỉ huy.

Có lẽ vì chưa hiểu hết những điều sơ đẳng trong công tác quân sự, nên có một số đồng chí tuyên bố rằng: cái nguyên tắc mọi người đều biết trong điều lệnh hồi trước chiến tranh của Quân đội Liên Xô về vai trò phụ thuộc của phòng ngự đối với tiến công là nguyên tắc không đúng. Những đồng chí ấy cần nhớ rằng: ngay hiện nay, nguyên tắc này cũng vẫn có hiệu lực như thường.

Tóm lại, chúng tôi nghĩ rằng: trong nhiều trường hợp, những người đang bàn cãi về chiến tranh đã đi theo con đường không đúng, vì họ không chịu thực sự bỏ công nghiên cứu thực chất của vấn đề mà họ định phê phán. Rốt cuộc, khát vọng đáng khen của họ “muốn phân tích những nguyên nhân thất bại của chúng ta trong năm 1941” lại biến thành mặt đối lập và gây ra tình trạng lầm lẫn có hại. Những khái niệm và hiện tượng hoàn toàn không giống

nhau lại bị đánh lộn phèo làm một, ví như: việc không quân sẵn sàng xuất kích chiến đấu, việc pháo binh sẵn sàng phát huy hỏa lực, việc bộ binh sẵn sàng đánh lui cuộc tiên công của quân địch đã bị đánh lộn phèo với việc đất nước và quân đội nói chung sẵn sàng tiến hành chiến tranh với một kẻ địch mạnh.

Nhân đây tôi muốn phát biểu quan điểm của mình, tất nhiên không phải với kỳ vọng rằng các ý kiến của tôi đều đã hoàn hảo và độc đáo, mà chỉ nói theo đúng những sự kiện lịch sử mọi người đều biết, theo đúng những ý nghĩ lành mạnh và kinh nghiệm công tác trong Bộ tổng tham mưu.

Đất nước chúng ta có đủ khả năng tiềm tàng để tiến hành chiến tranh chống lại một kẻ địch mạnh không? Đúng, có! Ngoài quân thù ra, ai có thể phủ nhận rằng: hồi đầu những năm bốn mươi, Liên Xô đã từ một nước lạc hậu về kinh tế trở thành một cường quốc xã hội chủ nghĩa thực sự hùng mạnh?

Do kết quả của việc thực hiện những kế hoạch năm năm phát triển kinh tế quốc dân, đất nước chúng ta đã có mọi tiên đề vật chất – kỹ thuật cần thiết để đánh bại bất kỳ kẻ thù nào, và chiến tranh đã xác nhận điều đó. Chúng ta đã xây dựng được ngành luyện kim mạnh so với thời kỳ ấy, và đã đuổi sát nút Đức về mặt sản xuất thép và gang. Năm 1940, Liên Xô luyện được hơn 18 triệu tấn thép, còn Đức: quá 19 triệu tấn một ít; chúng ta sản xuất được khoảng 15 triệu tấn gang, và Đức: chỉ được có 14 triệu tấn.

Đế chế thứ ba vượt chúng ta về sản xuất điện lực (bọn chúng sản xuất được khoảng 63 tỷ ki-lô-oát giờ, còn chúng ta: 48 tỷ), nhưng lại thua xa chúng ta về mặt khai thác dầu lửa. Ngành công nghiệp chế biến dầu lửa của chúng ta đã lớn mạnh, không có nó thì xe tăng và máy bay Liên Xô có lẽ sẽ trở thành vô dụng. Ta đã xây dựng được các ngành chế tạo cơ khí, chế tạo máy bay, máy kéo, thiết bị dụng cụ của mình.

Nông nghiệp đã được căn bản tổ chức lại trên cơ sở tập thể hóa toàn bộ. Những thành tựu văn hóa của chế độ xô-viết thật là cực kỳ vĩ đại, nó cho phép chúng ta đào tạo được một đội ngũ cán bộ làm kinh ngạc toàn thế giới: đội ngũ các nhà bác học, các nhà chế tạo, các kỳ sư, kỹ thuật viên, công

nhân và tất nhiên cả đội ngũ chiến sĩ – từ người chiến binh đến vị nguyên soái nữa.

Trong những năm trước chiến tranh, công cuộc xây dựng một quân đội chính quy đông hàng triệu người đã được triển khai rất mạnh. Chỉ một quân đội như thế mới có khả năng đánh trả quân địch một cách địch đáng. Đến giữa năm 1941, chúng ta đã có hơn 5 triệu quân. Đồng thời, quân đội đã được trang bị lại, cả hải quân và không quân cũng vậy. Toàn thể các Lực lượng vũ trang Liên Xô đã được xây dựng theo những yêu cầu của cuộc chiến tranh hiện đại cả về mặt tổ chức lẫn về mặt kỹ thuật.

Đặc biệt là bộ đội xe tăng của chúng ta đã ngày càng thêm mạnh. Có thể khẳng định điều đó, dù chỉ nêu lên rằng: trong năm 1940, chúng ta đã xây dựng được 9 quân đoàn cơ giới. Trong tháng Hai – tháng Ba 1941, ta đã bắt đầu thành lập thêm nhiều quân đoàn cơ giới mới nữa (mỗi quân đoàn có 2 sư đoàn xe tăng và 1 sư đoàn mô tô). Nhịp độ sản xuất xe tăng tăng lên. Trong năm 1941, công nghiệp đã có thể cung cấp cho chúng ta 5.500 chiếc. Tuy nhiên, lúc đầu chiến tranh, chúng ta còn kém địch khá nhiều về số lượng xe tăng hiện đại

Chúng ta chưa kịp hoàn thành việc đổi mới trang bị kỹ thuật cho bộ đội, chưa có nhiều xe tăng có uy lực mạnh loại KV và T-34 để bổ sung đầy đủ cho những quân đoàn cơ giới đã thành lập từ trước và những quân đoàn cơ giới đang thành lập, nhất là ở những quân khu biên giới quan trọng: quân khu Pri-ban-tích, Đặc khu phía Tây và Đặc khu Ki-ép, quân khu Ô-đét-xa. Những quân khu này đã phải chịu đòn đột kích chủ yếu của nước Đức phát-xít, nhưng lại không có nhiều xe tăng hiện đại. Những kiểu xe tăng cũ không thể có ảnh hưởng quyết định tới quá trình tác chiến sắp tới, đã thế lại không có đủ phần nửa số lượng định trong biên chế.

Điều không may của chúng ta là bộ đội có ít xe tăng loại KV và T-34. Nhưng, nếu nói về những khả năng của Liên Xô trong việc phát triển bộ đội xe tăng thì chúng ta có đủ những khả năng ấy để vượt hơn địch trong quá trình Chiến tranh giữ nước vĩ đại.

Có thể nói rằng bắt đầu từ năm 1939, Liên Xô đã áp dụng nhiều biện pháp khẩn cấp nhằm củng cố cơ sở sản xuất của ngành công nghiệp hàng không, mở rộng những cơ quan thiết kế để chế tạo các loại máy bay chiến đấu mới và tổ chức việc sản xuất hàng loạt các loại máy bay đó. Trong chừng mực nào đây, tình hình không quân của chúng ta hồi gần xảy ra chiến tranh cũng giống như tình hình xe tăng vậy. Công nghiệp cung cấp cho chúng ta một số lớn máy bay, nhưng về mặt tính năng chiến thuật – kỹ thuật, những máy bay này phần thì đã lỗi thời, phần thì không đáp ứng được các đòi hỏi của chiến tranh. Chúng ta đã ham chuộng quá đáng các máy bay ném bom bay êm, nhưng có tầm bay xa không đủ mức cần thiết và về thực chất, không có sức tự vệ chống lại máy bay tiêm kích.

Vì đã có cái chủ yếu (nền công nghiệp hàng không khá hoàn hảo so với thời kỳ bấy giờ) nên Nhà nước xô-viết cần đổi mới cơ sở máy bay trong một thời hạn ngắn. Nhưng điều không may lại vẫn là: chúng ta không có đủ thời gian, mặc dầu đã đưa nhịp độ sản xuất lên rất cao. Năm 1940, ta chỉ mới chế tạo được có 64 máy bay tiêm kích loại I-ác- 1 và 20 máy bay tiêm kích loại Mích-3, vền vẹn có 2 máy bay ném bom bổ nhào Pe-2. Trong nửa đầu năm 1941, chúng ta chế tạo được: 1946 máy bay tiêm kích hiện đại nhất loại I-ác-1, Mích-3, LAGG-3, 458 máy bay ném bom Pe-2, 249 máy bay cường kích IL-2, tổng cộng hơn 2.650 chiếc.

Tháng Bảy 1940, Ban chấp hành trung ương Đảng và Hội đồng bộ trưởng dân ủy Liên Xô đã thông qua một quyết định quan trọng “Về việc cải tổ lực lượng không quân của Hồng quân”. Quyết định này xác định kế hoạch trang bị lại các đơn vị không quân, thành lập những trung đoàn không quân mới, thể thức huấn luyện các phi công điều khiển kỹ thuật mới. Không nghi ngờ gì nữa, văn kiện này đã đẩy nhanh công cuộc chuẩn bị cho các Lực lượng không quân đi vào chiến tranh.

Từ lâu, trước lúc có chiến tranh, đất nước xô-viết đã có quân đổ bộ đường không, đây là loại quân chủng mới, chưa có trong quân đội của một nước nào khác trên thế giới bấy giờ. Những thành tựu của đất nước chúng ta trong lĩnh vực này đã được biểu dương trong các cuộc thao diễn ở Ki-ép năm

1935, rồi ở Bê-lô-ru-xi-a và đã làm cho các quan sát viên nước ngoài sửng sốt không ít. Đến năm 1940, số lượng quân đổ bộ đường không đã tăng lên gấp đôi.

Hải quân cũng đã tiến lên được một bước lớn. Trong vòng hai kế hoạch 5 năm, những xí nghiệp đóng tàu của chúng ta đã đóng hơn 500 chiến hạm các loại. Đội ngũ chiến đấu của Hải quân đã phát triển đặc biệt nhanh lúc gần xảy ra chiến tranh. Khi nước Đức Hít-le tiến công chúng ta, các Lực lượng hải quân đã có 3 thiết giáp hạm, 7 tuần dương hạm, 54 khu trục hạm và lãnh hạm, 212 tàu ngầm, 287 tàu phóng lôi và hơn 2.500 máy bay.

Chi hạm đội thành lập ở phía bắc từ ngày 25 tháng Sáu năm 1933 đã được cải tổ lại thành Hạm đội Bắc trước ngày 11 tháng Năm 1937. Do kết quả của việc đẩy nhanh công việc đóng tàu, nên đến lúc bắt đầu cuộc Chiến tranh giữ nước vĩ đại, Hạm đội Bắc – hạm đội trẻ nhất trong số các hạm đội của chúng ta – đã có một đoàn tàu chiến hùng hậu và đã tiếp tục phát triển vững chắc lực lượng của mình.

Những hạm đội có từ lâu của chúng ta, đặc biệt là Hạm đội Ban-tích Cờ đỏ, cũng được hoàn thiện và phát triển. Hạm đội Ban-tích đã có nhiều căn cứ mới: Tan-lin, Khan-cô và những căn cứ khác, mỗi căn cứ đều đã đóng vai trò tích cực của mình trong quá trình đấu tranh vũ trang trên chiến trường mặt biển này.

Các Lực lượng vũ trang Liên Xô dựa được vào nền khoa học quân sự tiên tiến. Lý luận về chiến dịch có chiều sâu, sử dụng một số lớn xe tăng, máy bay, pháo binh, quân đổ bộ đường không, đã được nghiên cứu ở nước ta trước các nước khác. Ngay lúc bắt đầu những năm 30, ta đã có cơ sở của lý luận này. Và học thuyết quân sự của chúng ta cũng là một học thuyết tiên tiến, nhằm bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa và quy định việc tiến hành chiến tranh với những mục đích quyết định, bằng mọi nỗ lực thống nhất của toàn thể các quân chủng và binh chủng. Vai trò của các quân chủng, binh chủng và những nguyên tắc sử dụng tác chiến những quân chủng, binh chủng đó đã được quy định một cách đúng đắn về cơ bản.

Thật vậy, trong quá trình Chiến tranh giữ nước vĩ đại, có một số điểm nào đó phải được chuẩn xác lại, có một số điểm thì phải bỏ đi: thực tiễn luôn luôn bổ sung cho lý luận. Nhưng, nói chung, học thuyết quân sự và khoa học quân sự của chúng ta vẫn bền vững và làm cơ sở tốt cho việc đào tạo một đội ngũ cán bộ quân sự có nghệ thuật hơn hẳn các tướng lĩnh và bọn sĩ quan phát-xít Đức.

Tất nhiên, điều đáng tiếc cho quân đội và đất nước chúng ta nói chung là: trước lúc chiến tranh, chúng ta đã bị mất nhiều cán bộ chỉ huy quân sự đầy kinh nghiệm. Lớp cán bộ trẻ đã gặp khó khăn, đã tích lũy được những kinh nghiệm cần thiết trong quá trình chiến đấu và thường phải trả giá khá đắt để có được những kinh nghiệm đó. Nhưng dầu thế nào chăng nữa, rốt cuộc lớp cán bộ trẻ cũng đã học được cách đánh bại quân thù và thắng lợi đã thuộc về chúng ta.

Cuối cùng, còn một vấn đề nữa thường được đặt ra cho chúng ta – những quân nhân, nhưng không hiểu tại sao chúng ta cứ hay lảng tránh, không chịu giải đáp: chúng ta có biết khả năng Đức sẽ tiến công vào Liên Xô trong năm 1941 hay không và trên thực tế chúng ta có làm gì để đánh lui cuộc tiến công ấy hay không? Vâng, chúng ta có biết! Đúng! Chúng ta có làm!

Hiệp ước không tiến công lẫn nhau, ký kết năm 1939 theo đề nghị của Đức, không làm cho chúng ta có ảo tưởng. Rõ ràng đó chỉ là kế hoãn binh và rồi sớm muộn, nước Đức phát-xít được các giới đế quốc ở các cường quốc phương Tây cổ vũ, sẽ xông về phía Đông. Vì thế cho nên Đảng cộng sản và Chính phủ Liên Xô đã tiến hành những biện pháp kiên quyết để tăng cường khả năng phòng thủ của đất nước.

Chúng ta hãy bắt đầu từ kế hoạch tác chiến. Đó là kế hoạch tập trung và triển khai các Lực lượng vũ trang trong trường hợp xảy ra chiến tranh. Các đồng chí trong Bộ tổng tham mưu thường gọi kế hoạch này là kế hoạch đẩy lùi sự xâm lược, ở đây chính nước Đức Hit-le đã được chỉ rõ rất có thể là kẻ thù chủ yếu. Chúng ta cũng cho rằng đứng về phía Đức chống Liên Xô còn có Phần Lan, Ru-ma-ni, Hung-ga-ri và I-ta-li-a. Dưới sự chỉ đạo của đồng chí B. M. Sa-pô-sni-cốp, trực tiếp tham gia vạch kế hoạch có các đồng chí

N. Ph. Va-tu-tin, A. M. Va-xi-lép-xki, V. Đ. I-va-nốp, A. Ph. A-ni-xốp và sau này có thêm cả đồng chí Gh. C. Ma-lan-đin nữa.

Ngày 5 tháng Mười 1940, kế hoạch được Bộ trưởng dân ủy X. C. Ti-mô-sen-cô và đồng chí Tổng tham mưu trưởng mới là K. A. Mê-rét-xcốp trình lên đồng chí I. V. Xta-lin. Kế hoạch thấy trước rằng ngay từ ngày đầu của cuộc chiến tranh sắp tới, hoạt động tác chiến của tất cả các quân chủng trên bộ, trên biển và trên không sẽ mang tính chất vô cùng gay go và phức tạp.

Kế hoạch cũng dự tính là cuộc tấn công của các binh đoàn xe tăng và bộ binh của địch sẽ đi đôi với những trận oanh tạc của không quân vào các đơn vị bộ đội Liên Xô và các cơ sở hậu cần có tầm quan trọng to lớn về quân sự. Kế hoạch xuất phát từ chỗ quân đội Liên Xô hoàn toàn được chuẩn bị sẵn sàng đánh lui kẻ địch và có thể bẻ gãy những đợt công kích của chúng bằng lực lượng và phương tiện của các quân khu biên giới trên vùng biên cương. Tiếp nữa, kế hoạch còn dự tính cuộc tấn công quyết định của ta, trong đó có sự tham gia của các đơn vị bộ đội được điều từ sâu trong nội địa.

Mọi bộ phận cấu thành của kế hoạch đều gắn bó chặt chẽ với nhau và với hoạt động của nền kinh tế quốc dân, của giao thông vận tải, thông tin liên lạc. Tiếp đó, trên cơ sở kế hoạch của Bộ tổng tham mưu, chúng ta đã xây dựng các phương án triển khai bộ đội các quân khu.

Như vậy, kế hoạch tác chiến đã xác định rõ tính chất của cuộc chiến tranh có thể xảy ra, đã giải quyết đúng đắn vấn đề kẻ địch là ai và hướng hoạt động của chúng ở chỗ nào.

Dựa vào dẫn chứng của đồng chí K. A. Mê-rét-xcốp, đồng chí I. V. Xta-lin đã bày tỏ ý kiến cho rằng nước Đức không tập trung sức cố gắng chủ yếu của nó ở khu vực phía Tây như đã ghi nhận trong kế hoạch, mà là ở khu vực phía Tây – Nam để trước hết chiếm những khu công nghiệp, những vùng nông nghiệp và nguyên liệu giàu có nhất Liên Xô. Đồng chí Bộ trưởng Bộ dân ủy quốc phòng vừa ở khu vực phía Tây – Nam về chắc cũng tán thành quan điểm đó. Dù sao đi nữa thì cả đồng chí lẫn Bộ tổng tham mưu đều không phản đối kết luận đó của đồng chí Xta-lin.

Bộ tổng tham mưu được lệnh sửa đổi lại kế hoạch. Sợ dĩ phải làm như vậy là vì cụm quân chủ yếu của quân đội Liên Xô sẽ không tập trung ở khu vực phía Tây như đã dự tính trước đây nữa, mà là ở khu vực phía Tây – Nam.

Như các sự kiện của cuộc Chiến tranh giữ nước vĩ đại đã cho thấy, dự đoán đó là sai lầm. Song dù sao Hít-le cũng vẫn giáng đòn chủ yếu ở khu vực phía Tây và bộ chỉ huy Liên Xô phải sửa lại dự tính sai lầm đã mắc phải và tập trung lực lượng chủ yếu ở khu vực phía Tây, tức Xmô-len-xcơ – Mát-xcơ-va. Việc đó đã gây nên một tình trạng rối loạn nhất định vì một số đơn vị bộ đội đã đổ bộ không đúng nơi mà sau này họ có nhiệm vụ chiến đấu ở đó, và làm mất đi một số thời gian quý giá.

Tiếp theo, cần nhắc lại rằng ngay trước lúc bắt đầu chiến tranh, chúng ta đã hết sức bí mật điều động quân bổ sung đến những quân khu biên giới. Năm tập đoàn quân từ phía sâu trong đất nước đã được điều ra phía Tây: tập đoàn quân 22 dưới quyền chỉ huy của tướng Ph. A. Éc-sa-cốp, tập đoàn quân 20 của tướng Ph. N. Rê-me-dốp, tập đoàn quân 21 của tướng V. Ph. Ghê-ra-xi-men-cô, tập đoàn quân 19 của tướng I. X. Cô-nép, và tập đoàn quân 16 của tướng M. Ph. Lu-kin.

Tất cả có 28 sư đoàn được điều động. Binh đoàn chiến dịch được điều từ quân khu Mát-xcơ-va đến Vin-ni-txa, sau này trở thành ban chỉ huy mặt trận phía Nam. Bộ dân ủy Hải quân đã hạ lệnh tăng cường trinh sát và cảnh giới trên các hạm đội, cho chuyển một phần lực lượng của Hạm đội Ban-tích Cờ đỏ từ Li-ba-va và Tan-lin đến các vị trí an toàn hơn. Và ngay trước lúc chiến tranh, Hạm đội Ban-tích, Hạm đội Bắc và Hạm đội Biển Đen đã được lệnh tăng cường sẵn sàng chiến đấu. Làm sao lại có thể quên được tất cả những chuyện ấy?

Làm sao lại có thể bỏ qua không tính đến toàn bộ công tác to lớn mà đảng và chính phủ đã tiến hành trước lúc chiến tranh, nhằm chuẩn bị cho đất nước và quân đội sẵn sàng đánh trả quân thù? Còn vì thiếu thời gian mà chúng ta không giải quyết được hoàn toàn đầy đủ các nhiệm vụ được đặt ra cho mình, thì đó lại là một vấn đề khác. Chẳng hạn như nhiệm vụ thành lập các quân

đoàn cơ giới và các trung đoàn không quân mới, nhiệm vụ trang bị cho các khu vực bố phòng ở các vùng ven biên giới mới v.v..

Như đã từng nói tới, đến tháng Sáu 1941, đất nước chưa có khả năng trang bị đầy đủ vũ khí và phương tiện kỹ thuật mới cho bộ đội, vì vậy không phải tất cả các sư đoàn Liên Xô đều đã được bổ sung đầy đủ và nhiều sư đoàn còn thiếu những trang bị đó, thiếu xe quân sự, phương tiện vận tải, phương tiện thông tin liên lạc. Thêm vào đó, tính năng của các vũ khí và thiết bị kỹ thuật quân sự cũ lại lạc hậu so với những đòi hỏi của chiến tranh.

Cũng cần chú ý tới một điều là từ lâu kẻ thù đã chuyển toàn bộ nền kinh tế của chúng vào quỹ đạo chiến tranh. Chúng sử dụng toàn bộ tiềm lực công nghiệp – quân sự hầu như của cả Tây Âu và về mặt này, đã giành được ưu thế đáng kể so với đất nước xô-viết. Quân đội của chúng đã được động viên toàn bộ và sẵn sàng hành động. Vì vậy, tỷ lệ vũ khí mới và thiết bị kỹ thuật mới cũng như trình độ cơ giới hoá của quân Đức cao hơn của chúng ta.

Cuối cùng, cần phải nói rằng nước Đức phát-xít đã lợi dụng được yếu tố bất ngờ. Kẻ xâm lược ấy đã tấn công Liên Xô sau khi đã phá mọi kỷ lục về sự phản trắc. Tình thế lại càng trở nên phức tạp hơn, do chỗ không kịp thời ban bố lệnh hoàn toàn sẵn sàng chiến đấu, thống nhất cho toàn thể các Lực lượng vũ trang. Vì thế nên bộ đội (trừ hải quân và các binh đoàn thuộc quân khu Ô-đét-xa) không kịp chiếm lĩnh các trận địa phòng thủ đã dự kiến trong kế hoạch, không kịp đổi sân bay, đưa máy bay rời khỏi trường bay, thực hiện những biện pháp cần thiết khác trong hoàn cảnh đó.

Chúng ta cũng chớ quên những sai lầm trong việc xác định phương thức hoạt động và lực lượng đột kích ban đầu của kẻ địch. Bộ tư lệnh tối cao Liên Xô cho rằng kẻ địch sẽ không lập tức dốc toàn bộ lực lượng trên khắp mặt trận Xô – Đức và điều đó cho phép chúng ta kiềm chế chúng khi sử dụng cái gọi là quân yểm trợ. Song chiến tranh lại không tiến triển như vậy: bọn xâm lược Hít-le đã tung ra các binh đoàn xung kích trên suốt độ dài biên giới phía Tây nước ta. Chúng ta không thể đẩy lùi cuộc tấn công đó bằng những lực lượng đóng ở vùng biên giới vốn chưa hoàn toàn sẵn sàng hành động nhanh chóng.

Những dự tính sai lầm và những sơ suất trong việc chuẩn bị cho bộ đội sẵn sàng đánh lui đợt tấn công đầu tiên của bọn xâm lược phát-xít Đức, rõ ràng đã khiến cho tình hình của ta thêm gay go hơn khi bước vào cuộc đọ sức với bộ máy quân phiệt khổng lồ của nước Đức Hít-le có chỗ dựa là các nguồn dự trữ kinh tế và quân sự của nhiều nước châu Âu. Nhưng dù có như vậy đi nữa, quân đội phát-xít cũng đã lập tức bắt đầu phải chịu nhiều tổn thất to lớn và chỉ nửa năm sau, các quân đoàn và sư đoàn tinh nhuệ của chúng đã bị đánh tan tác ở gần Mát-xcơ-va. Từ đây bắt đầu một bước ngoặt cơ bản trong quá trình chiến tranh.

Những bài học lịch sử là như thế đó và ta phải luôn luôn nhớ đến.

2. Những ngày buồn phiền và hy vọng

Tại Bộ tổng tham mưu – guồng máy chạy đều – Những trợ lý tác chiến không phạm lỗi mà gặp tai vạ. – Mặt trận hướng Tây-nam. – Những cuộc tập kích đầu tiên bằng không quân vào Mát-xơ-va. – Cục tác chiến rời vào đường ngầm. – Một trong những tháng cực kỳ khó khăn trong chiến tranh. – Cống hiến của Vi-a-dơ-ma và Tu-la vào công cuộc phòng vệ thủ đô. – Cuộc duyệt binh tháng Mười truyền thống. – Tổng kết nửa năm đầu chiến tranh. – Tôi gặp nguyên soái B. M. Sa-pô-sni-cốp.

Từ những phút đầu của chiến tranh, Bộ tổng tham mưu làm việc rất khẩn trương, dù có lo âu. Tất cả chúng tôi đều tin rằng, việc Hít-le mưu toan dựa vào yếu tố bất ngờ chỉ có thể đem lại cho hắn những thắng lợi quân sự tạm thời mà thôi. Từ các đồng chí phụ trách đến các đồng chí dưới quyền đều hành động một cách tin tưởng như thường lệ. Các đồng chí trong ban Tây-bắc, ban miền Tây và ban Tây-nam đang truyền đạt mệnh lệnh cho các đơn vị, liên lạc qua máy điện báo Bô-đô với cơ quan tham mưu các quân khu, lúc này đã trở thành các phương diện quân. Các ban khác vẫn cố chăm lo mọi công việc hàng ngày mà chiến tranh đang đẩy lùi xuống hàng thứ hai. Số người ở đây cũng bớt đi: một số sĩ quan đã được điều đến giúp sức cho các bộ phận có công tác khẩn trương.

Các sự kiện tiên triển nhanh như chớp. Máy bay địch hung hãn tiến công bộ đội ta. Và, ở những nơi tiếp giáp giữa các phương diện quân, chúng đang tập trung sức cố gắng của các tập đoàn xe tăng mạnh. Phương diện quân Tây-bắc báo cáo về tình hình cực kỳ gay go của tập đoàn quân 11 bên cánh trái do tướng V. I. Mô-rô-dốp chỉ huy và của tập đoàn quân 8 do P. P. Xô-ben-nhi-cốp chỉ huy. Đứng trước nguy cơ bị bao vây, tập đoàn quân 8 đã buộc phải rút về Ri-ga.

Cả tập đoàn quân 4 của A. A. Cô-rốp-cốp đang phòng ngự bên sườn trái của phương diện quân Tây cũng không nhẹ gánh hơn. Tập đoàn quân này, phải chịu gánh đòn chủ yếu của tập đoàn xe tăng địch, đã bị đánh tan nhưng vẫn tiếp tục kháng cự, tuy không có chính diện liên tục. Ở mặt trận Tây-Nam đang diễn ra trận đánh ác liệt tại vùng Pê-rê-mư-sơ, nhưng Pê-rê-mư-

sơ vẫn đứng vững. Các sư đoàn Đức tập trung ở Phần Lan và Ru-ma-ni hãy còn ở tuyến xuất phát.

Liên lạc với các phương diện quân, nhất là với phương diện quân Tây, gặp nhiều khó khăn, đường dây không ổn định. Vì đường dây bị phá hoại luôn, nên không phải lúc nào chúng tôi cũng nắm được tình hình với mọi chi tiết cần thiết. Cơ quan tham mưu các phương diện quân cũng than phiền về tình trạng thông tin liên lạc với các đơn vị của họ không được thông suốt. Vì vậy, ngay nếu như chúng tôi có bắt liên lạc được với họ thì cũng vẫn không được biết khá đầy đủ về tình hình các đơn vị.

Công tác bận rộn đã lôi cuốn tất cả mọi người, chẳng trừ ai, nên chúng tôi không nhận thấy ngày đầu tiên chiến tranh đã trôi qua như thế nào nữa. Trên các tấm bản đồ xuất hiện nhiều mũi tên xanh chỉ hướng hoạt động của các tập đoàn quân xung kích của địch.

Ngày 23 tháng Sáu, mọi người được biết Hội đồng bộ trưởng dân ủy và Ban chấp hành trung ương Đảng đã thông qua quyết nghị thành lập Đại bản doanh Bộ tổng tư lệnh các Lực lượng vũ trang Liên Xô – cơ quan cao nhất lãnh đạo tất cả các hoạt động của quân đội và hải quân. Tham gia Đại bản doanh có các đồng chí: bộ trưởng Bộ dân ủy quốc phòng X C. Ti-mô-sen-cô (chủ tịch), tổng tham mưu trưởng Gh. C. Giu-cốp, I. V. Xta-lin, V. M. Mô-lô-tốp, C. E. Vô-rô-si-lốp, X. M. Bu-đi-on-nưi và bộ trưởng Bộ dân ủy Hải quân N. Gh. Cu-dơ-nét-xốp. Trực thuộc Đại bản doanh có hệ thống các cố vấn thường trực gồm các đồng chí B. M. Sa-pô-sni-cốp, K. A. Mê-rét-xcốp, N. Ph. Va-tu-tin, N. N. Vô-rô-nốp, A. I. Mi-côi-an, N. A. Vô-dơ-nê-xen-xki, A. A. Giơ-đa-nốp và nhiều đồng chí khác. Bộ tổng tham mưu trở thành cơ quan công tác của Đại bản doanh, mặc dù không có chỉ thị chính thức nào về việc này cả.

Các cán bộ trong Cục tác chiến cũng được bố trí theo cách mới. Giờ đây, hầu như tất cả chúng tôi đều thực tế làm việc theo các hướng mặt trận: hướng Tây, hướng Tây – Nam, hướng Tây – Bắc. Để tiện quan hệ với nhau, chúng tôi rời sang làm việc trong phòng họp. Bàn làm việc kê dọc theo tường. Điện báo ở cạnh bên. Văn phòng của đồng chí bộ trưởng Bộ dân ủy

quốc phòng và Tổng tham mưu trưởng cũng ở gần ngay đây. Các nhân viên đánh máy cũng làm việc với chúng tôi trong một phòng. Chật chội, ồn ào, nhưng mọi người đều tập trung tư tưởng vào công việc của mình.

Các đồng chí tư lệnh pháo binh N. N. Vô-rô-nôp, phó tư lệnh bộ đội quân khu Mát-xcơ-va phụ trách về phòng không M. X. Grô-ma-đin, chủ nhiệm Tổng cục pháo binh N. Đ. I-a-cô-vlêp, chủ nhiệm Cục thông tin liên lạc N. I. Ga-pít, chủ nhiệm Cục giao thông vận tải quân sự N. I. Tơ-ru-bét-xcôi thường có mặt trong Bộ tổng tham mưu. Chúng tôi, những trợ lý tác chiến, phải duy trì quan hệ với cơ quan của các đồng chí ấy, nhất là với cơ quan giao thông vận tải quân sự, vì việc chuyển quân từ các quân khu nội địa ra tiền tuyến cần được kiểm tra chặt chẽ.

Các thê đội liên tục tiến ra phía Tây và Tây – Nam. Chúng tôi khi người này lúc người khác, được phái đến những trạm điều chỉnh. Sự phức tạp và hay thay đổi của tình hình thường buộc phải đình chỉ việc điều chỉnh và điều các thê đội sang một trạm nào khác. Đã có trường hợp bộ tư lệnh và cơ quan tham mưu sư đoàn được chuyển đến một nơi, còn các trung đoàn lại chuyển đến chỗ khác, thậm chí đến nhiều chỗ khác cách nhau khá xa. Nhiều mệnh lệnh và chỉ thị gửi cho các đơn vị đôi khi trở nên lỗi thời vì không kịp tới tay người nhận.

Cán bộ tác chiến có trách nhiệm phải theo dõi toàn bộ những sự việc ấy và kịp thời tiến hành những biện pháp cần thiết. Chúng tôi ghi tình huống lên bản đồ, truyền đạt những chỉ thị bổ sung đến các đơn vị, nhận tin mới, viết thông báo và báo cáo. Các sĩ quan, do đại tá V. V. Cu-ra-xôp đứng đầu tổng hợp mọi tài liệu đó và chuẩn bị báo cáo lên Đại bản doanh.

Thường hay có những chuyến đi công tác xuống các tập đoàn quân đang tác chiến, chủ yếu là để xác định tiền duyên phòng ngự thực sự của bộ đội chúng ta, xác định những vùng dân cư nào đã bị quân địch chiếm đóng. Trong những trường hợp ấy, các cán bộ tác chiến đi công tác thường dùng máy bay XB tới khu vực đã định.

Những chuyến bay đó thường bay về mặt trận phía Tây nhiều hơn cả. Tình hình ở đây ngày càng phức tạp, mà thông tin liên lạc lại không ổn định.

Ngày 28 tháng Sáu, Min-xơ thất thủ. Mười một sư đoàn của chúng ta đang ở quá phía Tây thành phố này buộc phải tiếp tục chiến đấu ở phía sau quân địch. Vấn đề này Bộ tổng tham mưu không được biết ngay. Về sau cũng mới biết cuộc chiến đấu anh dũng kéo dài gần tháng trời của đội trú phòng pháo đài Brét bị địch bao vây.

Những ngày đầu chiến tranh đã cho chúng tôi thấy cơ cấu tổ chức của nhiều khâu thuộc Bộ tổng tham mưu còn chưa thật hoàn chỉnh. Không phải tất cả những gì khá tốt trong thời bình đều phù hợp với lúc này. Những khâu đó đã được chấn chỉnh lại trong quá trình công tác.

Tôi đã nói rằng lúc mới bắt đầu tác chiến, chúng tôi đã đứng trước sự cần thiết phải rút bớt cán bộ ở các ban khác để tăng cường cho ban Tây – Bắc, ban miền Tây và ban Tây – Nam như thế nào. Về sau, chúng tôi đã thấy rõ rằng hệ thống các ban nói chung phải được bãi bỏ. Hệ thống này hình như chỉ đáp ứng được nhiệm vụ của nó khi còn chưa triển khai một số phương diện quân trên từng hướng chiến lược. Từ giờ mới thấy rõ rằng cơ cấu tổ chức cũ dứt khoát không còn phù hợp với thực tế nữa. Điều đó đòi hỏi phải thành lập các tổ trợ lý riêng, do một số tổ trưởng giàu kinh nghiệm phụ trách, để mỗi tổ theo dõi một phương diện quân. Làm việc như vậy tốt hơn, và trong tháng Tám năm 1941, các ban đã giải thể.

Lại còn những chuyện phức tạp khác. Một hôm, chúng tôi được biết là ở phương diện quân Tây, tư lệnh Đ. G. Páp-lốp, tham mưu trưởng V. E. Climax-kích và trưởng ban tác chiến – thiếu tướng I. I. Xê-mi-ô-nốp – đã bị cách chức vì không chỉ huy được bộ đội. Sau đó, ở cơ quan chúng tôi cũng bắt đầu sắp xếp lại cán bộ. Gh. C. Ma-lan-đin được bổ nhiệm thay V. E. Climax-kích làm tham mưu trưởng phương diện quân Tây. Tổng tham mưu trong Gh. C. Giu-cốp được bổ nhiệm làm tư lệnh phương diện quân dự bị. Nguyên soái B. M. Sa-pô-sni-cốp lại trở về Bộ tổng tham mưu. V. M. Dơ-lô-bin được đề bạt làm cục trưởng Cục tác chiến. Ít lâu sau, Ph. E. Bô-cốp, một cán bộ chính trị giàu kinh nghiệm, thay X. C. Cô-dép-nhi-cốp. làm chính ủy Bộ tổng tham mưu.

Rõ ràng là tất cả những sự thay đổi và điều động các cán bộ chỉ huy quân sự này làm cho đầu óc chúng tôi căng thẳng và đôi khi gây nên ý thức phản ứng trong nội bộ. Thêm vào đó do ảnh hưởng của những thất bại tạm thời của chúng ta ngoài mặt trận, một số đồng chí lại mang nặng tính đa nghi quá đáng. Trong một chừng mực nào đó, hiện tượng không lành mạnh ấy đã lan tới cả Bộ tổng tham mưu.

Có lần, một trong số những cán bộ chỉ huy mới được điều về bộ, trong khi xem xét công tác nghiên cứu bản đồ của đại tá A. A. Gru-dơ-lốp, đã gán cho đồng chí này tội thổi phồng sức mạnh của địch. May thay, tổ chức đảng của chúng tôi đã có thái độ khá chín chắn và đã bác cái lối đoán chừng vô lý đó. Trong vấn đề này, đồng chí bí thư chi bộ mới được bầu – đại tá M. N. Bê-rê-din – đã đóng một vai trò quan trọng. Là người thông minh, dũng cảm và là một trợ lý giàu kinh nghiệm nhất, đồng chí biết đoàn kết các đảng viên cộng sản để giải quyết những nhiệm vụ chủ yếu.

Không phải lúc nào chúng tôi cũng nắm được những tin tức chi tiết về tình hình bộ đội ta. Đó không phải là lỗi lầm mà là tai vạ của chúng tôi. Và lại, tin tức về quân địch cũng không phải là dễ nắm. Không dùng mẹo thì không được! Tôi nhớ có lần chúng tôi không làm sao nắm được tình hình hai bên trong một khu vực ngoài mặt trận phía Tây. Đường dây liên lạc bị đứt. Lúc ấy, một đồng chí cán bộ trợ lý nào đó đã quyết định gọi điện thoại tới một hội đồng Xô viết xã ở khu vực ấy. Đồng chí chủ tịch hội đồng nói chuyện với chúng tôi.

Chúng tôi hỏi: trong làng đồng chí có bộ đội ta đóng không? Đồng chí đó trả lời không có. Thế bọn Đức? Té ra, bọn Đức cũng không có, nhưng chúng đang đóng ở những làng lân cận, – đồng chí chủ tịch kể tên những làng ấy. Nhờ vậy, trên bản đồ tác chiến mới có được tình hình thật chính xác của hai bên trong khu vực này như sau này đã xác nhận.

Sau đây, mỗi khi gặp khó khăn, chúng tôi đều áp dụng phương pháp chuẩn xác tình hình như vậy. Trong những trường hợp cần thiết, chúng tôi đã hỏi các đảng ủy huyện, ủy ban hành chính huyện, hội đồng Xô-viết xã, và thường được họ cho biết những tin tức cần thiết.

Nhớ lại những tháng đầu chiến tranh, tôi không thể không nói đến việc chúng tôi đã nhiều lần cố gắng tìm cách xin ra đơn vị chiến đấu. Dựa trên cơ sở những tình cảm cao đẹp nhất, nguyện vọng này tự nó là rất cao quý. Nhưng cũng phải có ai làm việc ở Bộ tổng tham mưu chứ. Trong vấn đề này, tổ chức đảng đã phải dùng toàn bộ sức mạnh uy tín của mình để tác động đến mọi người: thuyết phục, giải thích, chứng minh.

Nhưng dẫu sao, người nào kiên tâm hơn thì đôi khi cũng được toại nguyện. Như trường hợp của A. A. Grê-xcô chẳng hạn. Đồng chí làm việc cùng với chúng tôi vón vện được khoảng hai tuần lễ. Đồng chí đã trực tiếp trình bày yêu cầu của mình với Tổng tham mưu trưởng và được bổ nhiệm làm tư lệnh sư đoàn kỵ binh 34. Chính đồng chí đã thành lập sư đoàn ấy và sau đó đưa sư đoàn ra tiền tuyến.

Còn tôi được điều sang tăng cường cho bộ phận theo dõi hướng Tây-nam. Trên hướng này, quân ta đang kiên cường chiến đấu. Đồng chí Gh. C. Giucốp, đại diện của Đại bản doanh, cũng đã có mặt ở đó. Ở khu vực Lút-xcơ, Brô-dư, Rô-vơ-nô, bộ chỉ huy của ta đang tìm cách phản kích tiêu diệt địch và lập mặt trận ổn định. Ngoài bộ binh ra, tham gia cuộc phản kích còn có một số quân đoàn cơ giới, tùy theo mức độ tiếp cận của họ: quân đoàn cơ giới 8 do tướng Đ. I. Ri-a-bư-sép chỉ huy, quân đoàn 9 do C. C. Rô-cô-xốp-xki chỉ huy, quân đoàn 15 do I. I. Các-pe-do chỉ huy, quân đoàn 19 do N. V. Phê-cơ-len-cô chỉ huy, quân đoàn 22 do X. M. Côn-đru-xép chỉ huy.

Bộ đội ta không chặn đứng và đánh tan được quân địch, nhưng trong trận này, tập đoàn quân xung kích của chúng tiến về hướng Ki-ép đã bị suy yếu và bị kìm chân lại.

Tập đoàn quân 5, do thiếu tướng M. I. Pô-ta-pốp chỉ huy, đã giữ vững Pô-lê-xi-ê và vùng lân cận, và như người ta nói, đã trở thành cái gai trước mắt các tướng lĩnh Hít-le. Tập đoàn quân này đã chống địch rất mãnh liệt và gây cho chúng nhiều tổn thất lớn. Quân đội phát-xít Đức ở đây không thể nhanh chóng đột phá mặt trận. Các sư đoàn của Pô-ta-pốp đã đánh bại chúng khỏi tuyến Lút-xcơ – Rô-vơ-nô – Gi-tô-mia và buộc chúng phải từ bỏ cuộc đột kích nhanh chóng vào Ki-ép.

Chúng ta còn giữ được những lời thú nhận đáng chú ý của quân địch. Ngày 19 tháng Bảy, trong chỉ thị số 33, Hít-le đã ghi nhận rằng cuộc tiến quân bên cánh phía Bắc của Cụm tập đoàn quân “nam” đã bị chặn đứng lại vì có sự tăng cường củng cố của Ki-ép và có hoạt động của tập đoàn quân xô-viết 5. Ngày 30 tháng Bảy, Béc-lin lại kiên quyết hạ lệnh: “phải buộc tập đoàn quân đỏ 5 đang chiến đấu trên địa hình đầm lầy ở Tây – Bắc Ki-ép tiếp chiến ở quá phía Tây sông Đni-ép-rơ và phải tiêu diệt nó trong quá trình chiến đấu. Phải kịp thời ngăn chặn nguy cơ để nó đột phá qua Pri-pi-át sang phía Bắc”. Và rồi lại một lần nữa nhấn mạnh: “khi chiếm lại những con đường tiến về Ô-vru-tơ và Mô-dư-a, phải tiêu diệt hoàn toàn tập đoàn quân Nga 5”.

Bất chấp tất cả những âm mưu ấy của quân địch, bộ đội của M. I. Pô-ta-pốp đã tiếp tục anh dũng chiến đấu. Hít-le nổi điên lên. Ngày 21 tháng Tám, hăn lại ký một văn kiện nữa, bắt Tổng tư lệnh lục quân phải bảo đảm điều động những lực lượng như Cụm tập đoàn quân “trung tâm” đi vào chiến đấu để có thể tiêu diệt được tập đoàn quân Nga 5.

Tập đoàn quân 5 giữ vững trận địa đến hạ tuần tháng Chín năm 1941, rồi về đảm nhận những cuộc chiến đấu ác liệt ở Phía Đông Ki-ép và những tổn thất họ đã phải chịu trong các trận đó thật không phải là vô ích. Mặt trận này đã đặt một trong những viên đá vững chắc đầu tiên vào việc xây nền đắp móng cho những thắng lợi tiếp sau.

Từ ngày 5 tháng Tám, Ô-đét-xa anh hùng hầu như đã giam chân quân địch trong suốt hai tháng rưỡi trời. Đại bản doanh đặc biệt coi trọng vùng này và hạ lệnh: “phải phòng thủ khu vực Ô-đét-xa... cho tới người lính cuối cùng”. Các chiến sĩ bảo vệ thành phố – bộ đội và nhân dân – đã quyết tử. Các trận oanh tạc bằng không quân và những đợt tấn công dữ dội trên bộ đều không thể bẻ gãy được sức kháng cự của tập đoàn quân vùng ven biển, của các thủy thủ Hạm đội Biển Đen và của nhân dân thành phố. Ô-đét-xa đã trở thành thành phố anh hùng và vào những ngày này, cả nước và quân đội đều biết đến tên tuổi của I. E. Pê-tơ-rốp, N. I. Crư-lốp, Gh. C. Giu-cốp cũng

như của những người chỉ huy và những người anh hùng khác bảo vệ Ô-đét-xa.

Ngày 30 tháng Mười 1941 bắt đầu công cuộc phòng thủ Xê-va-xtô-pôn. Dồn quân địch ra sát biển, các chiến sĩ xô-viết đã chiến đấu vô cùng gan dạ và dũng cảm hy sinh. Kim hãm quân địch ở Crum lúc đó có nghĩa là không để cho chúng vượt qua bán đảo Ta-man vào Cáp-ca-dơ tới vùng dầu mỏ và các vùng tài nguyên vô cùng phong phú khác của nước ta. Khi đó, Đại bản doanh chỉ thị: “Dù thế nào đi nữa cũng không được bỏ Xê-va-xtô-pôn”. Theo truyền thống, chỉ huy khu vực phòng thủ Xê-va-xtô-pôn là tư lệnh Hạm đội Biển Đen, phó đô đốc Ph. X. Ốc-chi-áp-rơ-xki. Chỉ huy quân bộ binh ở Xê-va-xtô-pôn là tướng I. E. Pê-tơ-rốp, tư lệnh tập đoàn quân vùng ven biển được điều từ Ô-đét-xa tới cùng với đơn vị của đồng chí.

Ngày 22 tháng Bảy, máy bay địch bắn phá Mát-xcơ-va lần đầu tiên. Chúng tôi ra phố và thấy hàng trăm ngọn đèn pha đang xẻ rạch khắp bầu trời, ánh lửa pháo cao xạ bùng lên trong khoảng không sâu thẳm.

Trong tầng dưới của tòa nhà Bộ tổng tham mưu đã thiết bị hầm phòng không. Mọi người không có phận sự khi máy bay bắn phá bắt buộc phải xuống đây.

Các gia đình quân nhân bắt đầu sơ tán khỏi Mát-xcơ-va. Sau trận đánh phá đầu tiên này của không quân Đức, tôi gửi mẹ, vợ và hai con mình đi Nô-vô-xi-biéc. Đến nơi nào và đến nhà ai ở đây, tôi cũng không rõ.

Ga Ca-dan tối om. Hàng ngàn người đã tụ tập ở đó. Vát vả lăm tôi mới đưa được gia đình vào trong toa. Tôi phải chuyển con gái mình qua cửa so, vì không tài nào len vào bằng cửa chính được.

Tôi đã giao cho vợ mình một bức thư gửi trung tướng V M. Dơ-lô-bin, lúc đó làm phó tư lệnh quân khu Xi-bi-ri. Nhưng sau này được biết là vợ tôi đã không gặp được đồng chí Dơ-lô-bin. Xin cảm ơn ban phụ vận của đảng bộ thành phố đã giúp đỡ chúng tôi bằng mọi khả năng của mình, chủ yếu là đã thu xếp cho gia đình tôi có nơi ăn chốn ở hẳn hoi.

Còn ngoài mặt trận, tình hình ngày một nặng nề thêm. Ngày 30 tháng Sáu, ta thành lập Hội đồng quốc phòng Nhà nước, đứng đầu là I. V. Xta-lin. Mọi

quyền hạn đều tập trung trong tay Hội đồng quốc phòng Nhà nước. Ngày 10 tháng Bảy, ủy ban quyết nghị thành lập ba Bộ tổng tư lệnh các khu vực mặt trận: khu vực Tây-bắc do C. E. Vô-rô-si-lốp, khu vực phía Tây do X. C. Ti-mô-sen-cô và khu vực Tây-nam do X. M. Bu-đi-on-nưi làm Tổng tư lệnh. Đại bản doanh Bộ tổng tư lệnh chuyển thành Đại bản doanh Bộ tư lệnh tối cao, và ít lâu sau, ngày 8 tháng Tám thành Đại bản doanh Bộ tổng tư lệnh tối cao. I. V. Xta-lin được làm Tổng tư lệnh tối cao.

Trong những ngày này, mọi quan tâm và suy nghĩ của chúng ta đều tập trung hướng vào Xmô-len-xcơ. Nhiều lực lượng dự bị đáng kể của quân đội Liên Xô đã được điều động tới khu vực ấy nhằm giam chân quân địch tại đây, không để cho chúng tiến vào Mát-xcơ-va, bằng cách giáng cho chúng những đòn phản công thối tha. Và, mặc dù Xmô-len-xcơ đã thất thủ ngày 16 tháng Bảy, các trận chiến đấu vẫn sôi nổi tiếp diễn ở phía Đông thành phố trên một chính diện rộng, đến cuối tuần đầu tháng Chín. Lần đầu tiên, ở đây chúng ta đã sử dụng thành công hỏa tiễn “ca-chiu-sa” rất nổi tiếng sau này.

Ở gần Ên-ni-a, ta đã giáng cho quân địch một đòn thua đau và đã đuổi được chúng ra khỏi vùng này.

Địch tăng cường oanh tạc Mát-xcơ-va. Hầu như đêm nào cũng có báo động. Có khi bom rơi gần Bộ tổng tham mưu. Các hầm phòng không thiết bị trong các tầng dưới bây giờ được sử dụng làm nơi làm việc, và như vậy thật là không thích hợp

Ít lâu sau, có quyết nghị: cứ đêm đến là Bộ tổng tham mưu phải chuyển xuống làm việc tại ga xe điện ngầm “Bê-lô-ru-xi-a”, ở đây đã thiết bị cả sở chỉ huy lẫn trung tâm thông tin.

Từ đó, chiều tối nào chúng tôi cũng thu xếp tài liệu vào va-li rồi đi tới ga “Bê-lô-ru-xi-a”. Sở chỉ huy trung ương làm việc suốt đêm trên một nửa sân ga; còn nửa bên kia ngăn cách với nửa bên này bằng một lớp ván mỏng, cứ sấm tối là đã chập ních nhân dân Mát-xcơ-va, chủ yếu là đàn bà và trẻ em. Cũng như chúng tôi, họ đã đến đây không cần chờ còi báo động và ngủ cả đêm ở ngay tại đây. Làm việc trong những điều kiện như vậy đương nhiên là

rất không tiện; chủ yếu vì ngày nào cũng cứ phải thu dọn và đi lại, lãng phí mất nhiều thời gian vàng ngọc, ảnh hưởng đến nhịp điệu làm việc.

Ít lâu sau, chúng tôi không làm như vậy nữa và di chuyển tới một ngôi nhà ở phố Ki-rốp. Ga xe điện ngầm “Ki-rốp” được giao cho chúng tôi hoàn toàn sử dụng. Tàu không dừng lại ở ga đó nữa. Sân ga, nơi chúng tôi làm việc, được ngăn cách với đường sắt bằng một bức tường ván cao. Trung tâm thông tin đặt ở một đầu, trụ sở của Xta-lin ở đầu bên kia, còn ở giữa là những dãy bàn nhỏ để chúng tôi làm việc. Vị trí của Tổng tham mưu trưởng ở bên cạnh trụ sở của Tổng tư lệnh tối cao.

Mùa thu đang đến gần. Sức ép của quân địch rất mạnh. Cả ở Mát-xcơ-va, cả ở Lê-nin-grát và cả ở U-crai-na nữa. Trên khắp các mặt trận.

Lúc này, ta đang có tài liệu khẳng định rằng bộ chỉ huy phát-xít Đức không thể thực hiện việc đánh chiếm Mát-xcơ-va nếu như chúng không chiếm được Lê-nin-grát trước và lập được mặt trận chung với Phần Lan tại phía Bắc và nếu như chúng không đánh tan được cánh quân của chúng ta ở khu vực Ki-ép tại phía Nam.

Ngoài các ý nghĩa thuần túy quân sự, việc đánh chiếm U-crai-na còn có ý nghĩa kinh tế to lớn đối với nước Đức phát-xít. Ngay từ 4 tháng Tám 1941, Hít-le đã họp ở Bô-ri-xốp với các tư lệnh tập đoàn quân thuộc Cụm tập đoàn quân “trung tâm” và đã thông qua phương án về những hành động tiến công tiếp sau. Ngày 23 tháng Tám, chính Hít-le đã họp bàn về vấn đề này. Như vậy là kết quả cuộc chiến đấu ở khu vực mặt trận miền Tây, khu vực chủ yếu lúc này phụ thuộc nhiều hơn bao giờ hết vào tính kiên cường của quân dân Lê-nin-grát và Ki-ép.

Tháng Chín 1941 là một trong những tháng chiến tranh khó khăn nhất đối với chúng ta. Số dân Mát-xcơ-va giảm đi một cách rõ rệt. Nam giới vào bộ đội và các đội dân phòng. Phụ nữ và trẻ em hoặc đã tản cư, hoặc đang đứng máy thay thế cho nam giới. Rất nhiều người tham gia xây dựng công sự ở những cửa ngõ vào thủ đô. Và ngay trong thành phố, trên các đường phố đã xuất hiện những cọc chống tăng, chướng ngại chống tăng và chống bộ binh.

Một bộ phận chính phủ rời đi Quy-bư-sép. Các thành viên trong Hội đồng quốc phòng Nhà nước và Đại bản doanh ở lại Mát-xcơ-va.

Việc chuyển nhận tin về tình hình chiến sự lại trở nên xấu đi. Chúng tôi lại phải dùng máy bay XB và Po-2 đi tìm các đơn vị và vị trí các cơ quan tham mưu. Trung tá Gh. V. I-va-nốp, bạn cùng quê bên sông Đôn, bạn cùng học trong hai học viện với tôi, đã bị thương trong một chuyến bay như thế.

Sau khi bay trinh sát trên không được vài giờ, sắp kết thúc chuyến bay thì có 6 chiếc “Mét-xơ-smít” tấn công bổ nhào vào máy bay của đồng chí ấy. Hai chiếc trong số đó bị bắn rơi. Nhưng máy bay của ta cũng bị bắn thủng lỗ chỗ. Năm viên đạn địch xuyên vào người đồng chí I-va-nốp. Đại úy A. X. Ru-đê-vích, chỉ huy máy bay tuy vậy vẫn đưa máy bay được về đến sân bay và hạ cánh xuống đất. Mặc dù bị thương nặng, Ghê-oóc-ghi Va-xi-li-ê-vích vẫn rón sóc báo cáo cho ban lãnh đạo Bộ tổng tham mưu biết những tin tức vô cùng quý giá về tình hình mặt trận miền Tây.

Quân đội phát-xít Đức đã đột phá tới Lê-nin-grát. Nhưng bộ đội của phương diện quân Lê-nin-grát, của Hạm đội Ban-tích Cờ đỏ và nhân dân thành phố đã thề không để chiếc nôi của cách mạng rơi vào tay quân thù và đã giữ trọn lời thề ấy. Thành phố vẫn đứng vững, mặc dầu bị bao vây chặt bốn bề.

Bộ đội ta đã giữ vững khu vực quan trọng phía Nam vùng ven vịnh Phần Lan từ Pê-téc-gốp cho đến sông Vô-rôn-ca. Tại đây tập đoàn quân 8 thuộc phương diện quân Lê-nin-grát đã đánh lui quân địch. Họ không chỉ phòng thủ trên cái gọi là mỏm Ô-ra-ni-en-ba-um, mà còn giáng cho quân địch những đòn đau điếng khiến cho chúng phải bật khỏi hướng tấn công chủ yếu của chúng vào Lê-nin-grát.

Kế hoạch của bọn địch định thành lập một mặt trận chung Đức Phần Lan ở đây đã bị phá sản. Tập đoàn quân xe tăng 4 của Đức, lực lượng cơ bản của mũi giáo đâm vào Lê-nin-grát, đã bị đánh bại và suy yếu nặng. Việc này có ảnh hưởng trực tiếp tới sự phát triển chiến đấu tiếp sau, vì quân địch có âm mưu đánh chiếm Lê-nin-grát xong, sẽ tung tập đoàn quân xe tăng này về hướng Mát-xcơ-va.

Tình hình ở phía Nam cũng có những nét đặc sắc. Muốn bảo đảm cho cánh phải và cánh Nam của Cụm tập đoàn quân “trung tâm”, cụm quân được chỉ định đánh chiếm Mát-xcơ-va sau này, Hít-le buộc phải tạm thời chuyển tập đoàn quân xe tăng 2 của Gu-đê-ri-an từ hướng Mát-xcơ-va sang hướng Ki-ép. Trong tháng Chín, tập đoàn quân này đã cùng với tập đoàn quân xe tăng của Clai-xtơ, các tập đoàn quân 2, 6, 17 và rất nhiều đơn vị không quân đã tìm cách đánh chiếm thủ đô U-crai-na. Song cả ở đây nữa, chúng đã vấp phải một sức kháng cự ngoan cường. Trên tuyến phòng ngự mà nhân dân Ki-ép đã chuẩn bị sẵn dọc theo sông Iéc-pen, các đơn vị Liên Xô sau khi rút về đã cùng với tập đoàn quân 37 mới thành lập và các đội dân phòng chiến đấu quyết tử trong 70 ngày liền.

Quân địch buộc phải tránh những cuộc đột kích chính diện, bày mưu tính kế và tìm những khoảng trống trong đội hình bố trí của bộ đội ta. Mãi đến 15 tháng Chín, xe tăng của Gu-đê-ri-an và Clai-xtơ mới từ phía Bắc và phía Nam đi vòng qua được Ki-ép và cuối cùng gặp nhau ở khu vực Lô- khơ-vi-txa. Chừng một phần ba lực lượng của các tập đoàn quân 5, 37, 26 và một bộ phận của các tập đoàn quân 21, 38 bị bao vây trong một không gian rộng ở phía Đông Ki-ép.

Bộ tư lệnh phương diện quân Tây-nam cũng hoàn toàn chịu chung hoàn cảnh hiểm nghèo với những người đang bị bao vây. Các đồng chí đã chiến đấu đến cùng. Thượng tướng tư lệnh M. P. Kiéc-pô-nô-xơ, trung tướng tham mưu trưởng V. I. Tu-pi-cốp, các ủy viên Hội đồng quân sự phương diện quân: bí thư Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản (bôn-sê-vích) U-crai-na M. A. Buốc-mi-xten-cô và chính ủy sư đoàn E. P. Rư-cốp -đều hy sinh. Tư lệnh tập đoàn quân M. I. Pô-ta-pốp đã bị thương nặng và một số tư lệnh các binh đoàn bị bắt làm tù binh. Trưởng ban tác chiến phương diện quân, thiếu tướng I. Kh. Ba-gra-mi-an, dẫn được một số cán bộ tham mưu thoát khỏi vòng vây.

Các trận chiến đấu ở khu vực Ki-ép, cũng như cuộc phòng ngự kiên cường của quân dân Lê-nin-grát và Ô-đét-xa, đã có vai trò tích cực của nó: tập đoàn quân xe tăng 2 của Đức, tập đoàn quân được chỉ định làm nhiệm vụ

tổng tiến công vào Mát-xcơ-va, đã bị tổn thất lớn. Ngoài ra, cuộc chiến đấu của Ki-ép đã kìm hãm tốc độ triển khai vũ bão của quân địch ở ngay trên chính hướng Tây-nam, và đã cho phép chúng ta tranh thủ được thời gian chuẩn bị phòng ngự trên những tuyến mới. Để ghi nhớ xứng đáng công lao của các chiến sĩ bảo vệ Ki-ép, thủ đô U-crai-na đã được phong tặng danh hiệu thành phố anh hùng.

Cũng trong thời kỳ này, chúng ta đã một lần nữa cải tổ lại các cơ quan chỉ huy quân đội. Kinh nghiệm thành lập ở những Bộ tổng tư lệnh theo các khu vực mặt trận không được xác nhận. Các cơ quan này đã tỏ ra là khâu trung gian không cần thiết giữa Đại bản doanh và các phương diện quân. Các Bộ tổng tư lệnh này không có quyền quyết định trong những vấn đề quan trọng. Những chủ trương của họ chỉ có thể được thực hiện khi có sự phê chuẩn của Đại bản doanh. Vì không có cơ quan tham mưu hoàn chỉnh, không có phương tiện thông tin liên lạc, không có lực lượng dự bị, các Bộ tổng tư lệnh không thể thiết thực tác động tới quá trình tác chiến, nên trong vòng tháng Tám và tháng Chín đã bãi bỏ các cơ quan đó.

Ít lâu sau, một số Bộ tổng tư lệnh như vậy đã được tạm thời khôi phục lại (như Bộ tổng tư lệnh miền Tây, từ 1 tháng Hai đến hết ngày 5 tháng Năm 1942, và Bộ tổng tư lệnh miền Tây-nam, từ 24 tháng chạp 1941 đến hết ngày 23 tháng Sáu 1942), thậm chí còn được thành lập mới (Bộ Tổng tư lệnh miền Bắc Cáp-ca-dơ, từ 26 tháng Tư đến hết ngày 20 tháng Năm 1942), nhưng về sau thực tế chiến đấu đã hoàn toàn bác bỏ những cơ quan này.

Đến cuối tháng Chín 1941, tình huống chiến dịch – chiến lược hoàn toàn không có lợi cho chúng ta. Quân đội phát-xít Đức đã tiến sát tới Lê-nin-grát. Trên mặt trận hướng Tây, chúng đã chiếm được Vi-tép-xcơ và Xmô-len-xcơ. Ở phía Nam, chúng đã tới tuyến Mê-li-tô-pôn, Da-pô-rô-giê, Cra- xnô-grát. Chúng tôi liên tục nhận được những tin tức về tình hình điều động và tập trung lực lượng của quân địch ở những khu vực Đu-khốp-si-na, I-ác-txê-vô, Xmô-len-xcơ, Rô-xláp, Sô-xtơ-ca, Glu-khốp.

Không nghi ngờ gì nữa, chúng đang chuẩn bị tiến công thẳng vào Mát-xcơ-va. Bộ tổng tham mưu được biết rằng Hít-le giao nhiệm vụ thực hiện cuộc tiến công này cho Cụm tập đoàn quân “trung tâm” dưới quyền chỉ huy của thống chế Bốc, có hơn một triệu quân, 1.700 xe tăng và pháo cường kích và được một lực lượng không quân mạnh chi viện. Những số liệu ấy, sau này đã được xác nhận.

Hội đồng quốc phòng Nhà nước và Đại bản doanh Bộ tổng tư lệnh tối cao đã quyết định những đối sách thích hợp. Chủ lực của phương diện quân dự bị mới được thành lập hồi tháng Bảy, đã được bố trí ở phía sau phương diện quân Tây, do đó đã tăng cường được chiều sâu phòng ngự. Một số sư đoàn tự vệ nhân dân Mát-xcơ-va, gần những người tình nguyện, đã được điều đi hoạt động ở những cửa ngõ xa thủ đô.

Ở sâu trong đất nước, ta đang tiến hành một cách tuyệt mật việc xây dựng và huấn luyện những tập đoàn quân dự bị, mà chỉ các ủy viên trong Đại bản doanh và một vài người có liên quan trong Bộ tổng tham mưu mới được biết. Ta đã chuẩn bị điều từ vùng Da-bai-can và Viễn Đông sang phía Tây một số sư đoàn được huấn luyện kỹ. Ta đang đẩy mạnh việc xây dựng các khu vực phòng ngự kiên cố ở Via-dơ-ma và Mô-giai-xcơ. Ta đã xây dựng cái gọi là khu vực phòng thủ Mát-xcơ-va, gồm nhiều tuyến bao quanh thủ đô tại những cửa ngõ gần nhất và ở các vùng ngoại ô, và cuối cùng ở ngay giữa thành phố đến tận vòng cung Bu-lơ-va.

Đại bản doanh cử đại diện xuống các đơn vị để nghiên cứu tại chỗ mọi chi tiết của tình hình, hỏi ý kiến các bộ tư lệnh các tập đoàn và binh đoàn tác chiến xem làm thế nào để giải quyết tốt hơn những vấn đề cơ bản của công

cuộc phòng ngự Mát-xcơ-va. Tháng Mười, A. M. Va-xi-lép-xki đã từ Bộ tổng tham mưu ra mặt trận miền Tây cùng với phái đoàn của Đại bản doanh.

Các tổ chức đảng ở Mát-xcơ-va, Tu-la và nhiều thành phố khác tiếp giáp với thủ đô trên những hướng dự kiến địch sẽ đột kích, đã phát động nhân dân giúp đỡ bộ đội. Ngày càng nhiều người tình nguyện gia nhập đội dân phòng và các đội xung kích, các đội chống cháy và những tổ chức quân sự hóa khác. Công nghiệp được tổ chức lại nhằm sản xuất đạn dược và những sản phẩm quân sự khác.

Hồi đó, toàn thể công dân xô-viết, từ trẻ đến già, đã thể hiện ở khắp nơi chủ nghĩa anh hùng tập thể thực sự. Nhưng chẳng hiểu tại sao, tôi đã đặc biệt ghi nhớ hành động anh hùng của chiến sĩ Hồng quân Tê-tê-rin A-léc-xây Va-xi-li-ê-vích. Người thanh niên đáng mến này quê ở làng Kha-ri-nô, tỉnh Ri-a-dan, mới vào bộ đội mùa xuân năm ấy và phục vụ trong tiểu đoàn bảo vệ Bộ dân ủy quốc phòng.

Từ ngày địch tăng cường những cuộc ném bom ban đêm vào Mát-xcơ-va, tiểu đoàn này nhận thêm nhiệm vụ chống cháy do những bom cháy của địch gây ra. Đêm 20 rạng ngày 21 tháng Chín, một quả bom cháy đã xuyên qua mái nhà Bộ tổng tham mưu rồi rơi xuống trần nhà. Tê-tê-rin lấy mũ sắt ra đập lửa nhưng những tia chất đốt cứ tiếp tục bay ra khắp tứ phía, đe dọa đốt cháy tất cả. Tê-tê-rin liền nằm đè lên trái bom và cuối cùng dập tắt được nó. Đồng chí đã hy sinh vì bị bỏng nặng, nhưng đã cứu được mục tiêu do đồng chí bảo vệ.

Cuối tháng Chín, trong Cục tác chiến chúng tôi có buổi sinh hoạt đảng thường kỳ. Mặc dầu công tác cực kỳ bận, hầu hết đảng viên, kể cả Tổng tham mưu trưởng B. M. Sa-pô-sni-cốp, đều có mặt. Hội nghị thảo luận một vấn đề duy nhất: “tình hình hiện nay và nhiệm vụ của người cộng sản”. Báo cáo viên là đồng chí A. M. Va-xi-lép-xki.

Va-xi-lép-xki không tô hồng tình hình. Đồng chí tuyên bố thẳng là tình hình cực kỳ nghiêm trọng, đòi hỏi mỗi người phải cống hiến tất cả sức lực của mình và có thể cả sinh mệnh nữa. Sau này còn có thể khó khăn hơn. Nhưng chớ có nản lòng. Lê-nin-grát sẽ kiên cường đứng vững, quân địch

không thể tiến qua nơi đây, điều đó cho phép chúng ta nghĩ rằng, sẽ không xuất hiện một mặt trận mới nào nữa ở phía Bắc Mát-xcơ-va và những lực lượng dự bị mà chúng ta chuẩn bị vẫn còn được giữ nguyên vẹn.

Từng lời, từng chữ của bản báo cáo đều thấm đượm lòng tin sâu sắc vào thắng lợi cuối cùng của chúng ta, vào sự sáng suốt của Đảng và Chính phủ Liên Xô. Cuộc hội nghị này là một trong những hồi ức sâu sắc nhất của tôi về thời kỳ ấy, nó cung cấp cho tôi và tất cả các đồng chí trong cơ quan tôi một liều thuốc mạnh về tinh thần lạc quan và lòng dũng cảm.

Ngày 30 tháng Chín, quân thù bắt đầu tổng tiến công vào Mát-xcơ-va. Chiến dịch đẫm máu to lớn đã được triển khai. Ngay đầu tháng Mười, các tập đoàn xung kích của quân đội phát-xít Đức đã thọc sâu được vào tuyến phòng ngự của chúng ta trên một số hướng. Ngày 3 tháng Mười, xe tăng địch đột phá Ô-ri-ôn. Chúng chiếm được Bri-an-xcơ ngày 6 tháng Mười, Ca-lu-ga ngày 12 tháng Mười.

Đại bộ phận binh lực của các tập đoàn quân 19, 20, 24, 32 và một số đơn vị thuộc các phương diện quân Tây, phương diện quân dự bị và phương diện quân Bri-an-xcơ bị bao vây gần Vi-a-dơ-ma và trong khu vực Tơ-rúp-trép-xcơ. Tuy nhiên, các đơn vị này đã chiến đấu quyết liệt trong vòng vây và thu hút được về phía mình 28 sư đoàn địch trong gần hai tuần lễ.

Cuộc chiến đấu quên mình của bộ đội xô-viết ở khu vực Vi-a-dơ-ma dưới quyền chỉ huy của tướng M. Ph. Lu-kin, nguyên là tư lệnh thành phố Mát-xcơ-va, còn có ý nghĩa quan trọng về mặt khác nữa: nó giúp chúng ta tranh thủ được thời gian cần thiết để bố trí bộ đội trên hai tuyến phòng ngự ở Mô-giai-xcơ và hoàn thành công cuộc chuẩn bị cuối cùng trên những cửa ngõ khác vào thủ đô.

Cống hiến của Tu-la cũng thật vô giá. Những đơn vị phái đi trước của tập đoàn quân xe tăng Gu-đê-ri-an đã đột phá được tới đây hồi cuối tháng Mười. Nhưng mọi âm mưu của chúng nhằm chiếm thành phố đã bị phá tan. Nhân dân đã cùng với Hồng quân đứng lên bảo vệ thành phố. Trung đoàn công nhân Tu-la đã được thành lập, đứng đầu là trung đoàn trưởng A. P. Goóc-scốp và chính ủy G. A. A-ghê-ép. Bọn Hít-le uy hiếp thành phố bằng hỏa

lực pháo binh và súng cối. Đã có những ngày tình hình trở nên tuyệt vọng. Song, tính kiên cường và lòng dũng cảm của những người bảo vệ Tu-la đã tỏ ra vững chắc hơn sắt thép của quân Đức.

Khi triển khai chiến dịch bảo vệ Mát-xcơ-va, các cán bộ Bộ tổng tham mưu đã thường xuyên ra mặt trận để nắm sát thêm tình hình và kiểm tra việc thực hiện các chỉ thị của Đại bản doanh. Các đồng chí M. N. Sa-rô-khin, V. V. Cu-ra-xốp, Ph. I. Sép-tsen-cô thường đi như vậy. Còn đồng chí A. M. Va-xi-lép-xki thì hầu như lúc nào cũng có mặt ở Đại bản doanh Bộ tổng tư lệnh tối cao.

Vào nửa đầu tháng Mười, tình hình đặc biệt đáng lo ngại. Người ta đã nói tới số phận của Mát-xcơ-va. I. V. Xta-lin triệu hồi Giu-cốp từ mặt trận Lê-nin-grát về, nơi đây quân địch cũng đã áp sát thành phố. Ghê-oóc-ghi Côn-xtan-ti-nô-vích được giao nhiệm vụ chỉ huy các đơn vị phương diện quân Tây; cơ quan tham mưu của phương diện quân này đóng ở A-la-bi-nô và sau đó chuyển về Péc-khu-scô-vô.

Đầu tháng Mười một, quân thù đã bị chặn đứng lại trên khắp các hướng. Đợt tổng tiến công đầu tiên của quân Đức vào Mát-xcơ-va đã bị đánh lui.

Để bảo đảm chỉ huy bộ đội thật vững chắc trong bất cứ tình huống nào, Đại bản doanh Bộ tổng tư lệnh tối cao quyết định chia Bộ tổng tham mưu thành hai bộ phận: một bộ phận nhỏ ở lại Mát-xcơ-va dưới sự lãnh đạo của A. M. Va-xi-lép-xki, còn bộ phận kia, gồm biên chế cơ bản của Bộ tổng tham mưu, thì cần được bố trí ở ngoại vi thủ đô. Tiến hành việc di chuyển có hai đoàn tàu, một do đồng chí Ph. I. Sép-sen-cô chỉ huy và một do tôi.

Sáng 17 tháng Mười, chúng tôi bắt đầu chở các két sắt lên toa xe. Đoàn tàu định khởi hành vào lúc 19 giờ. Chỉ có giấy phép mới đến được chỗ đoàn tàu chúng tôi. Song, nhân dân đã tụ tập quá đông ở sân ga. Bất ngờ có một công dân bước đến, nhờ tôi giúp đỡ và tự giới thiệu: – Nhà văn Đức chống phát-xít Vi-li Brê-đen.

Tôi không thể bố trí ông ta vào đoàn tàu của Bộ tổng tham mưu, nhưng đã cố gắng thu xếp cho ông ta lên được đoàn tàu quân y cũng khởi hành từ ga này về hậu phương của đất nước.

Trong đoàn tàu có đồng chí B. M. Sa-pô-sni-cốp cùng đi M. N. Sa-rô-khin giải quyết cho vợ chồng nhà văn Pháp nổi tiếng Rô-manh Rô-lăng ở một ngăn riêng. Đồng chí Tổng tham mưu trưởng biết chuyện đó liền mời họ tới chỗ mình và trò chuyện hồi lâu với họ. Đến Goóc-ki thì hai vợ chồng Rô-mang xuống tàu.

Ngày 18 tháng Mười, chúng tôi đến địa điểm đã định. Nhưng đến sáng 19, tôi phải vội vã quay trở lại ngay. Theo dự định, tôi phải ở lại Mát-xcơ-va với bộ phận đồng chí A. M. Va-xi-lép-xki

Tôi trở về không phải bằng xe lửa mà bằng ô-tô. Tôi về đến gần Mát-xcơ-va trong đêm, đúng lúc máy bay địch đang bắn phá ác liệt. Thủ đô sừng sững trước mặt tôi, nghiêm nghị và hùng vĩ trong ánh hào quang của hỏa pháo các màu. Hàng chục đèn chiếu giống như những con dao găm sắc xanh đang chọc thủng màn đêm. Đạn pháo cao xạ bùng nổ, tóe ánh sáng đỏ rực rồi vụt tắt. Trên các vị trí chiến đấu của pháo binh, những ánh chớp đỏ tía lay động cả chân trời.

Đường về thẳng Mát-cơ-va bị chặn, thế là chúng tôi đành phải đi qua Lê-phoóc-tô-vô là nơi rất đỗi quen thuộc với tôi. Khi xưa, tôi bắt đầu cuộc đời quân ngũ chính ở nơi này rồi trải qua những năm tháng học ở học viện và giờ đây bất giác tất cả những sự kiện nay lại hiện lên trong ký ức tôi...

Mùa xuân năm 1925 tôi rời làng Cô-dắc U-ri-u-pin-xcai-a (nay là thành phố U-ri-u-pin-xcơ thuộc tỉnh Vôn-gô-grát) lên Mát-xcơ-va. Ông tôi và cha tôi, vốn sinh trưởng ở làng Cô-dắc ấy, cũng giống như tất cả những người dân Cô-dắc vùng sông Đôn, đều mang họ có vần “ôp” đằng sau – Stê-men-cốp. Nhưng đến năm 1916, sau khi cha tôi mất, mẹ tôi bèn đi theo họ U-crai-na – Xtê-men-cô. Tại U-ri-u-pin-xcơ, tôi đã theo học ba mùa đông ở trường xứ đạo và ngay sau cách mạng, tôi đã tốt nghiệp trường cấp hai. Cuộc sống lúc bấy giờ thật khó khăn. Sau khi bàn bạc, gia đình quyết định để tôi và một người em cùng mẹ khác cha “đi làm mướn”. như hồi đó người ta vẫn gọi. Ở Nô-vô-tséc-cát-xcơ và Rô-xtốp đều chẳng có ai để bầu vú cả, còn ở Mát-xcơ-va thì có em gái của bố dượng. Chính điều này đã khiến tôi chọn thành phố ấy làm nơi kiếm sống.

Dĩ nhiên, một cậu thanh niên 18 tuổi như tôi – tiện thể xin nói thêm là lần đầu tiên được xỏ chân vào một đôi giày thực sự – rất muốn học, muốn “làm nên”, muốn trở thành một nhà nông học. Nhưng đâm vào chỗ nào cũng đều thấy rằng học lúc này thì chưa nên: người ta không hứa sẽ cấp học bổng, ký túc xá thì tồi tàn, lại không do cơ quan nào cử đi học cả.

Cho tới cuối mùa thu năm 1925 tôi đành phải làm các công việc như xé củi, khuôn gạch trên công trường xây dựng Sở điện báo trung ương ở phố Tơ-véc-xcai-a (nay là phố Goóc-ki), bốc vác... Tóm lại là làm những công việc xin được ở sở lao động gần Cổng đỏ. Còn tình hình chốn ở của tôi thì cũng đại loại như vậy: lúc đầu thì ở trên tầng hầm sát mái của một kho ướp lạnh, nơi làm việc của ông chủ, sau đó thì lại ở trong căn phòng tu sĩ của một gác chuông nhà thờ, hồi ấy là nhà cầm đồ của thành phố...

Tôi còn đang không biết số phận mình sau này sẽ ra sao thì bỗng xảy đến một chuyện. Qua một bức thư nhà, tôi được biết là cái anh chàng ở cùng phố Ôn-khốp với chúng tôi có về phép, hồi tôi còn ở nhà thì anh ta được gọi nhập ngũ, bây giờ thì đang học ở Trường kỵ binh Tơ-véc-xcai-a. Chính anh ấy có nói rằng người ta bảo sẵn sàng tuyển nhận những người như tôi và anh ấy bảo tôi đến.

Triển vọng trở thành lính kỵ binh rất hợp ý tôi. Tôi bèn đến phòng quân vụ để hỏi xem sao. Ở đó người ta nói rằng nếu tôi muốn vào học trường quân sự thì được thôi: hiện đang có đợt tuyển sinh vào Trường bộ binh Mát-xcơ-va mang tên M. I-u. A-sen-bre-ne-rơ. Tôi không biết A-sen-bre-ne-rơ là ai, song vào bộ binh thì tôi không muốn: ở làng họ sẽ cười cho...

Tôi đấu tranh tư tưởng mấy ngày liền, tuy vậy vẫn quyết định thăm dò xem thế nào. Tôi tìm được trường bộ binh đó ở Lê-phoóc-tô-vô, phố Cra-xnô-ca-dác-men-nai-a. Nhưng gần đây cũng có hai trường nữa – Trường pháo binh Mát-xcơ-va mang tên L. B. Cra-xin và Trường công binh. Công binh lúc bấy giờ thì tôi chẳng thích lắm. Còn ở trường pháo binh thì tôi được biết rõ rằng ở đây đào tạo các cán bộ chỉ huy trung đội cho kỵ (!) pháo binh và phải học 4 năm.

Không lấy gì làm tiếc cho lắm, tôi liền từ bỏ ước mơ trước đây là học để trở thành nhà nông học và nộp đơn xin vào trường pháo binh.

Hy vọng được vào học quả là mỏng manh. Vì dĩ nhiên là trong một năm rưỡi phiêu bạt, tôi chẳng sờ gì đến sách vở và quên nhiều, mà tất cả chỉ còn có một tháng là đến kỳ thi. Nhưng, như người ta thường nói, chỉ cần có ý nguyện là được. Tháng Mười 1926, tôi và anh bạn cùng làng, Pi-ốt Va-xi-li-ép. trở thành học viên Trường pháo binh Mát-xcơ-va. Hai chúng tôi được phân vào khẩu đội kỵ binh núi số 3, điều đó khiến chúng tôi rất hài lòng...

Năm 1933, tôi lại có dịp đến Lê-phoóc-tô-vô, lúc này là học viên Học viện mô-tô cơ giới của Hồng quân công nông, một học viện mới được thành lập.

Bấy giờ ở học viện có 3 khoa: kỹ sư chỉ huy, vận hành và công nghiệp. Tôi học ở khoa kỹ sư chỉ huy, về sau đổi tên thành khoa chỉ huy, chuyên đào tạo các cán bộ chỉ huy xe tăng: Các môn quân sự được dạy rất sâu và phải nói rằng rất hấp dẫn nữa. Chiến thuật, nghệ thuật tác chiến, lịch sử quân sự, địa lý quân sự, nghiên cứu và điều khiển xe tăng là những môn học tôi ham thích. Chúng tôi rất coi trọng môn toán cao cấp, cơ học, vật lý học, nhiệt động lực học và các môn xã hội.

Ngoài ra, chúng tôi còn học một ngoại ngữ, môn quân chính và các môn học khác nữa. Và chúng tôi cũng rất hăng say chơi thể thao. Tôi dứt khoát thay ngựa bằng xe mô-tô, nhất là học viện lại tham gia duyệt binh trong những ngày lễ bằng xe mô-tô nữa. Thậm chí sang năm học thứ hai, tôi còn tham dự cuộc đua mô-tô Mát-xcơ-va – Khác-cốp – Mát-xcơ-va. Trong thời gian thực tập thường kỳ, tôi được cấp bằng chứng nhận phi công – quan trắc.

Tôi vẫn sống ở đây, ở Lê-phoóc-tô-vô. Năm đầu tôi ở ký túc xá. Năm thứ hai, tôi được cấp một căn phòng 9 mét vuông và đưa gia đình từ Ki-ép về ở. Mẹ tôi ngủ trên giường, tôi và vợ ngủ trên sàn, còn cháu bé gái của chúng tôi thì ngủ trong máng giặt đặt cạnh chỗ chúng tôi. Vì vậy, khi một năm sau, chúng tôi được dọn đến ở trong một căn phòng rộng hơn của khu nhà do bản

thân mình tham gia xây dựng trên miếng đất của học viện, thì cũng thấy vô cùng đàng hoàng lắm rồi.

Cùng ở và học với chúng tôi trong những năm ấy có những học viên sau này trở thành những tướng lĩnh nổi tiếng như I. Đ. Tséc-ni-a-khốp-xki, A. A. Ê-pi-sép, P. P. Pô-lu-bôi-a-rốp, G. N. Ô-ren, nhà chế tạo xe tăng Gi. I-a. Cô-tin, G. X. Xi-đô-rô-vích và nhiều đồng chí khác...

Mãi chìm đắm trong hồi tưởng, tôi không nhận thấy là ô tô đã đi qua Lê-phoóc-tô-vô từ lâu rồi và sắp đến Ki-rốp..

Cuộc sống trong nhóm tác chiến (tức bộ phận thứ nhất của Bộ tổng tham mưu, theo cách gọi của các đồng chí khác) có đặc điểm là hết sức căng thẳng. Chúng tôi hoàn toàn mất khái niệm về ngày và đêm. Chúng tôi có mặt cả ngày lẫn đêm tại vị trí công tác. Nhưng vì không ngủ cũng không được nên người ta đã đưa một đoàn tàu lại ga xe điện ngầm cho chúng tôi dùng làm chỗ ngủ. Thoạt đầu chúng tôi ngủ ngời. Về sau, các đồng chí mang đến cho chúng tôi các toa xe có chỗ nằm, lúc đó chúng tôi mới thực sự ngả lưng được.

Xta-lin xuống phòng làm việc của mình ở dưới hầm chỉ khi nào báo động phòng không. Phần lớn thời gian đồng chí ở căn nhà dành riêng cho đồng chí trong sân một ngôi nhà lớn được dùng làm trụ sở của Bộ tổng tham mưu trên đường phố Ki-rốp. Đồng chí làm việc và nghe các báo cáo tại đây.

Địch ngày càng tăng cường oanh tạc Mát-xcơ-va. Máy bay địch lao từng chiếc một vào thủ đô, không phải chỉ vào lúc đêm tối mà cả ban ngày nữa. Đêm 28 rạng ngày 29 tháng Mười, một trái bom phá đã rơi trúng sân ngôi nhà chúng tôi. Máy chực xe bị phá hủy, ba đồng chí lái xe bị chết và 15 cán bộ chỉ huy bị thương. Một số bị thương nặng. Trung tá I. I. In-tren-cô, trực ban Bộ tổng tham mưu, bị hơi bom hất tung ra ngoài. Lúc rơi xuống, đồng chí bị thương ở mặt. Còn các đồng chí khác bị thương chủ yếu vì mảnh kính vỡ và các khung cửa bật ra văng vào. Trong số bị thương có A-lếch-xan-đrơ Mi-khai-lô-vích Va-xi-lép-xki, nhưng đồng chí vẫn tiếp tục làm việc.

Lúc bom nổ, tôi đang đi ngoài hành lang. Khi tôi biết chuyện gì xảy ra thì mỗi nguy hiểm đã qua rồi. Ngôi nhà bị rung chuyển mạnh như trong một

cuộc động đất (tôi đã nếm mùi động đất năm 1927 ở Crum). Tôi nghe thấy tiếng kính rơi loảng xoảng ở trước mặt và sau lưng, cánh cửa đập mạnh. Những cửa ra vào đã khóa cũng bật tung ra. Sau đó, cảnh im lặng ngự trị trong khoảnh khắc – một cảnh im lặng sâu thẳm đối với tôi. Sau đó, tai tôi bắt đầu phân biệt được tiếng lục đục của pháo cao xạ với tiếng lạo xạo của mảnh kính vỡ dưới chân những người bị thương đang bước ra khỏi buồng.

Sau sự kiện này, chúng tôi chuyển hẳn xuống ga xe điện ngầm. Trong năm ngày, không có thức ăn nóng vì nhà ăn và nhà bếp của chúng tôi bị hư hỏng nặng. Trong lúc chờ sửa chữa lại hai nơi này, chúng tôi phải dùng bánh mì nguội.

Chúng tôi đã sống và làm việc như vậy trong những ngày có lẽ là nguy ngập nhất của chiến tranh, những ngày đầy buồn phiền và chứa chan hy vọng vĩ đại. Có điều cay đắng là xe tăng và bộ binh phát-xít Đức đã tiến tới những nơi thiêng liêng mà trước chiến tranh, người Mát-xơ-va vẫn đến dạo chơi ngày chủ nhật. Nhưng chúng tôi vẫn giữ vững lòng tin, vẫn thấy rằng: đối với phát-xít Đức thì đó chỉ là “những thắng lợi theo kiểu Pi-ơ” (Năm 280 trước Công nguyên, Pi-ơ, vua nước E-pia, đã thắng quân La-mã ở Hê-ra-clê-a và đến năm 279 trước công nguyên lại thắng ở A-u-xcu-lum nhưng phải trả giá bằng những tổn thất rất lớn. Từ đó mà có lời nói “những thắng lợi theo kiểu Pi-ơ”. Tác giả dùng thành ngữ này ý muốn nói: thắng lợi của phát-xít Đức chỉ là tạm thời, thực ra trong đó đã mang những yếu tố thất bại cơ bản. – ND.). Quân thù đang thở hơi cuối cùng sặc sụa trong dòng máu của bản thân chúng. Và tất cả chúng tôi đều hy vọng rằng, rốt cuộc bọn chúng sẽ bị đánh tan tác ở chính nơi đây.

Tình hình lúc này thật vô cùng phức tạp và chứa đầy mâu thuẫn, nhưng tổng hợp các số liệu về tình hình lại thì thấy nó đơn giản hơn nhiều, ít ra là trên hướng chủ yếu. Thông thường cứ sáng sớm, mấy sĩ quan trợ lý lên xe đi tới Péc-khút-scô-vô, nơi đóng quân của cơ quan tham mưu phương diện quân Tây, đến tất cả các cơ quan tham mưu của các tập đoàn quân đóng cách xa Mát-xơ-va khoảng chừng 20-30 ki-lô-mét. Và, trên bản đồ công tác của

cục trưởng Cục tác chiến, toàn bộ tình huống đã được chuẩn xác đến những chi tiết nhỏ nhất.

Ngày 6 tháng Mười một, cũng như thường lệ, Mát-xcơ-va vẫn tổ chức cuộc mít-tinh trọng thể của nhân dân lao động. Chỉ có điều là không làm ở Nhà hát lớn, mà tổ chức trên sân ga xe điện ngầm “Mai-a-cốp-xcai-a”. Sáng 7 tháng Mười một, vẫn cử hành cuộc duyệt binh truyền thống trên Quảng trường Đỏ. Cuộc duyệt binh này được chuẩn bị hết sức bí mật. Ngay những người tham gia duyệt binh cũng không được biết trước là họ tập dượt để làm gì. Có nhiều ý kiến phỏng đoán khác nhau, nhưng phần lớn đều cho rằng làm như vậy tức là “các phân đội đang được gắn lại với nhau” trước khi ra tiền tuyến.

Chỉ huy cuộc duyệt binh này là tướng P. A. Ác-tê-mi-ép, lúc ấy đang giữ chức tư lệnh bộ đội quân khu Mát-xcơ-va và chỉ huy vùng phòng ngự Mát-xcơ-va. Chỉ huy dàn nhạc là chủ nhiệm quân nhu V. A. A-gáp-kin, trưởng đội quân nhạc của sư đoàn mang tên Đéc-gin-xki, tác giả bài hành khúc nổi tiếng “Từ biệt cô gái Xla-vơ) từ năm 1912 đã làm rung động lòng người. Sáng hôm đó, bài hành khúc ấy cũng vang lên trên Quảng trường Đỏ.

Tại lễ duyệt binh có một không hai trong lịch sử này, đồng chí Tổng tư lệnh tối cao đã căn dặn bộ đội như sau:

“Toàn thế giới đang coi các đồng chí là lực lượng có khả năng tiêu diệt bọn giặc Đức xâm lược. Nhân dân các nước bị nô dịch ở châu Âu sống dưới ách thống trị của quân Đức xâm lược, đang coi các đồng chí là những người giải phóng cho họ. Các đồng chí được giao phó một sứ mệnh vĩ đại, sứ mệnh giải phóng. Các đồng chí hãy tỏ ra xứng đáng với sứ mệnh ấy!”

Diễn văn của Xta-lin được kết thúc bằng câu chúc:

“Trong cuộc chiến tranh này, mong các đồng chí hãy noi theo tấm gương dũng cảm của cha ông vĩ đại của chúng ta, như A-lếch-xan-đrơ Nép-xki, Đơ-mi-tơ-ri Đôn-xcôi, Cu-dơ-ma Mi-nhin, Đơ-mi-tơ-ri Pô-gia-rơ-xki, A-lếch-xan-đrơ Xu-vô-rốp, Mi-khai-in Cu-tu-dốp! Mong các đồng chí hãy xiết chặt đội ngũ dưới ngọn cờ bách chiến bách thắng của Lê-nin vĩ đại!”

Xta-lin phát biểu nhân danh Đảng, nhân danh Chính phủ Liên Xô và những lời kêu gọi ấy như hồi kèn tiến quân vang vọng khắp nước.

Đúng một tuần lễ sau, bọn Hít-le lại mở đợt tiến công mới vào Mát-xcơ-va. Lần này, đòn đột kích chủ yếu của chúng hướng vào dải phòng ngự của tập đoàn quân 30 thuộc phương diện quân Ca-li-nin và tập đoàn quân 16 thuộc phương diện quân Tây. Các trận chiến đấu kéo dài cho tới tháng Chạp.

Song, quân địch vẫn chưa giành được kết quả nào gọi là đáng kể. Cánh phải của chúng chỉ tiến được tới Ca-si-ra, còn cánh trái tiến đến con sông đào Mát-xcơ-va – Vôn-ga trong khu Y-a-khơ-rô-ma. Bọn chúng thậm chí đã vượt được sông tại một điểm nhưng liền bị đánh bật trở lại ngay. Còn trên tuyến Cô-na-cô-vô, Đơ-mi-tơ-rốp, Đe-đốp-xcơ Cu-bin-ca, Xéc-pu-khốp, Tu-la, Xe-re-bri-a-nư-e Pru-dơ, quân đội phát-xít Đức đã hoàn toàn bị kiệt quệ và bị chặn đường. Thế là đợt tiến công thứ hai của bọn Hít-le vào Mát-xcơ-va cũng bị thất bại nốt.

Trong lúc đó thì các lực lượng dự bị của Đại bản doanh được bảo toàn nguyên vẹn đang tiến đến thủ đô. Ở phía Bắc thủ đô đã xuất hiện tập đoàn quân xung kích 1 và tập đoàn quân 20, ở phía Đông – Nam thủ đô có tập đoàn quân 10, 61 và cả quân đoàn kỵ binh cận vệ 1 nữa. Một số tập đoàn quân mới, dồi dào sinh lực, đã được điều tới những khu vực khác của mặt trận Xô – Đức, tới những nơi quân địch còn đang tiếp tục gây sức ép.

Lúc đó, kế hoạch được phác thảo như sau: dự định lúc đầu đánh các cụm quân địch ở Ti-khơ-vin và Rô-xtốp (trên sông Đôn), sau khi diệt tan chúng thì tìm chân địch ở hướng Tây – Bắc và hướng Nam, đồng thời kiên quyết chuyển sang phản công ở khu vực mặt trận miền Tây, gần Mát-xcơ-va. Từ ngày 12 tháng Mười một bắt đầu tấn công ở Ti-khơ-vin và sang đến ngày 7 tháng Chạp thì đột phá trận địa địch ở đó. Ngày 29 tháng Mười một, ở phía Nam, bộ đội Liên Xô đã giải phóng Rô-xtốp. Và ngày 5-6 tháng Chạp, quân ta bắt đầu phản công ở gần Mát-xcơ-va.

Địch không ngờ lại có chuyện như vậy. Sau này, ta thấy rõ được rằng chúng không phát hiện ra việc chúng ta tập trung hai tập đoàn quân mới ở phía Bắc Mát-xcơ-va. Và, tất nhiên, chúng đã phải trả giá cực đắt.

Quá trình và kết cục cuộc phản công thắng lợi của chúng ta trong mùa đông 1941-1942 đã được mô tả khá tỉ mỉ rồi, nên không cần thiết phải đề cập tới vấn đề này nữa. Cho phép tôi được lưu ý bạn đọc về một số kết luận tổng quát nhất mà chúng tôi rút ra được sau nửa năm đầu chiến tranh.

Một là, Quân đội Liên Xô đã đứng vững trước các cuộc tiến công của một quân đội mạnh nhất trong thế giới tư bản chủ nghĩa.

Hai là, Quân đội Liên Xô đã hoàn toàn đập tan câu chuyện hoang đường cho rằng bọn Hít-le không thể bị đánh bại và đã chứng minh bằng hành động rằng có thể đánh và rồi sẽ đánh tan được chúng.

Ba là, chúng ta đã chôn vùi hy vọng của Hít-le về thắng lợi chớp nhoáng; quá trình chiến tranh đã chuyển biến có lợi cho chúng ta; cuộc chiến đầu còn dài và hao người tốn của, nhưng triển vọng là địch nhất định phải thua.

Bốn là, tình hình đất nước chúng ta lúc này đang còn hiểm nghèo; quân thù đã chiếm được hàng trăm thành phố, hàng nghìn làng mạc, nhiều vùng kinh tế quan trọng – vùng Pri-ban-tích, Bê-lô-ru-xi-a, phần lớn U-crai-na và Đôn-bát – đang nằm dưới gót sắt của bọn chiếm đóng; quân Đức đã chiếm Crum, bao vây Lê-nin-grát, phong tỏa Xê-va-xtô-pôn; những tiềm lực chiến tranh của quân địch còn rất lớn.

Năm là, những khả năng của chúng ta cũng hoàn toàn không bị khánh kiệt. Ngược lại, những khả năng ấy mỗi tháng một tăng lên: các ngành công nghiệp sơ tán sang phía Đông đã bắt đầu vững chắc đi vào sản xuất; ở vùng sâu trong đất nước đã tích lũy được nhiều lực lượng dự bị, Phong trào du kích đã triển khai ngày càng rộng trong vùng sau lưng địch.

Sáu là bộ đội chúng ta đã được tôi luyện và thu được một số kinh nghiệm chiến đấu, đã bắt đầu hoạt động một cách có tổ chức hơn và tự tin hơn; việc quản lý vững chắc bộ đội đã đi vào nề nếp.

Bảy là, nguy cơ chiến tranh ở hai mặt trận đã bị đẩy lùi Việc quân Đức bị đánh tan ở gần Mát-xcơ-va đã làm nguội lạnh lòng cuồng nhiệt của bọn quân phiệt Nhật Bản.

Những sự kiện trong nửa năm này, đặc biệt là chiến dịch Mát-xcơ-va, đã một lần nữa chứng minh rõ ràng rằng Đảng cộng sản có sức tổ chức và cổ vũ to lớn như thế nào, trong những giờ phút hiểm nghèo, Đảng đã biết phát động toàn dân đứng lên bảo vệ Tổ quốc ra sao.

Thắng lợi của chúng ta ở Mát-xcơ-va có tiếng vang quốc tế rất lớn. Nó xóa bỏ mọi hy vọng của bọn Hít-le hùng cô lập Liên Xô. Ngày 1 tháng Giêng 1942, 25 nước khác cùng với nước ta ký tuyên bố hợp tác trong chiến tranh chống Đức phát-xít.

Còn chính ngay trong Bộ tổng tham mưu thì có gì thay đổi hay không? Tất nhiên, có. Bộ phận thứ hai của Bộ tổng tham mưu đã trở về Mát-xcơ-va từ tháng Chạp. Chỉ có trung tâm thông tin dự bị với một số trợ lý tối thiểu ở lại địa điểm công tác cũ

Nhiều cán bộ giàu kinh nghiệm của Bộ tổng tham mưu được điều động đi các đơn vị. Các trưởng ban V. V. Cu-ra-xốp, P. N. Cô-cô-rép và sau đó cả M. N. Sa-rô-khin đi làm tham mưu trưởng các phương diện quân và tập đoàn quân. Còn lớp trẻ như chúng tôi thì được bố trí thay các đồng chí ấy. Riêng tôi thì được bổ nhiệm làm trưởng ban Cận Đông.

Cục tác chiến chúng tôi và Bộ tổng tham mưu nói chung đã xây dựng được một nhịp điệu công tác rõ ràng hơn. B. M. Sa-pô-sni-cốp và A. M. Va-xi-lép-xki có khả năng tập trung chăm lo giải quyết những vấn đề lớn, phân tích tình huống sâu sắc hơn. Mỗi ngày, hai đồng chí sang báo cáo bên Đại bản doanh từ một đến hai lần. Còn những vấn đề khác thì các ban đều thực hiện có kết quả. Nói riêng, ban chúng tôi nhận gánh nặng công tác chủ yếu có liên quan đến sự có mặt của bộ đội xô viết trên đất I-ran.

Gánh nặng này tuyệt nhiên không đơn giản. Ba tập đoàn quân chúng ta ở đất I-ran một thời gian: tập đoàn quân độc lập Trung Á 53, tập đoàn quân 47 và 44. Chúng ta điều ba tập đoàn quân này tới đây hồi cuối tháng Tám 1941, theo đề nghị của Anh và căn cứ vào hiệp ước ký kết giữa I-ran và nước Nga xô-viết năm 1921. Hiệp ước quy định khả năng hành động như vậy trong trường hợp xuất hiện nguy cơ một nước nào khác sử dụng lãnh thổ I-ran một cách có hại cho quyền lợi của Liên Xô.

Chính Hít-le, như ta đã rõ, đã đặt nhiều hy vọng vào I-ran. Hẳn định dùng lãnh thổ I-ran để tiến công miền Da-cáp-ca-dơ xô-viết và sau đó dùng I-ran làm bàn đạp, tung những sư đoàn Đức từ Ban-căng vào Ấn Độ. Ở đây, cũng đụng chạm đến quyền lợi của ông bạn đồng minh với chúng ta là nước Anh, và Anh cũng đưa quân đội vào miền Nam I-ran. Việc này làm cho Bộ tổng tham mưu bận bịu thêm, vì phải phối hợp nhiều vấn đề với Bộ dân ủy ngoại giao.

Đồng chí Tổng tư lệnh tối cao lại rất chú ý tới tình hình ở I-ran, và tôi được giao trách nhiệm thường xuyên báo cáo tình hình I-ran lên đồng chí B. M. Sa-pô-sni-cốp. Đồng chí là người có sức cảm hóa và đối xử với những đại tá trẻ tuổi như tôi hồi đó bằng một tình cảm cha con chân thực. Nếu chúng tôi làm việc gì không phải, đồng chí không quở lảng, thậm chí không nặng lời, mà chỉ hỏi giọng trách móc:

- Thế là thế nào, hờ anh bạn?

Bị hỏi như thế, chúng tôi cứ muốn độn thổ cho xong. Ai cũng nhớ mãi khuyết điểm của mình và không bao giờ tái phạm.

Có lần, đã quá nửa đêm rồi mà tôi còn được gọi đến gặp Sa-pô-sni-cốp. Đồng chí ngồi ở bàn làm việc, mặc sơ-mi trắng, dây đeo quần vắt qua vai, áo ngoài khoác trên ghế tựa.

- Mời anh bạn ngồi xuống đây. – Đồng chí mời rất thân mật như ở nhà.

Chúng tôi làm xong việc tương đối nhanh, nhưng Tổng tham mưu trưởng chưa vội cho tôi về. Hôm ấy, đồng chí rất sáng khoái. Khi xem bản đồ, đồng chí bỗng kể lại trước đây mình đã phục vụ ở Trung Á như thế nào. Sa-pô-sni-cốp nhớ rất kỹ những đặc điểm của các hướng chiến dịch ở đây, nhớ địa hình rất tài. Tôi cũng thuộc lòng chiến trường này. Giữa chúng tôi đã có một buổi nói chuyện thú vị.

Sau này, chúng tôi còn có nhiều lần chuyện trò với nhau và qua đó tôi đã rút ra được nhiều điều bổ ích cho công tác của ban và cho ngay chính bản thân mình.

3. Đông tổ ở miền Nam

Mặt trận ổn định. Triển vọng sẽ ra sao?- Những dự tính sai lầm. – Các sự kiện ở Crum. – Mức độ trách nhiệm. – Tấn công ở Khác-cốp. – Những đánh giá trái ngược nhau. – Hết tai họa này đến tai họa khác. – “Chiến đấu không phải bằng số lượng, mà bằng kỹ năng”. – Mệnh lệnh chớp được. – Trên hướng Vô-rô-ne-giơ. – Mây đen kéo đến dày đặc. – Phương diện quân mới: Xta-lin-grát.

Năm 1942, chúng tôi, những cán bộ của Bộ tổng tham mưu, không tổ chức đón mừng năm mới nhưng lòng ai cũng vui như tết phấn khởi trước những thắng lợi của bộ đội chúng ta ở Mát-xcơ-va. Ngày 23 tháng Hai, tinh thần mọi người còn lên cao hơn nữa. Nguyên nhân là vì có bản nhật lệnh của bộ trưởng Bộ dân ủy quốc phòng nhân dịp kỷ niệm 24 năm ngày thành lập Hồng quân. Trong bản nhật lệnh đó, I. V. Xta-lin tuyên bố trước toàn dân rằng, ngày Hồng quân đánh tan quân địch cũng chẳng còn bao xa, và trên toàn thể đất nước xô-viết, những lá cờ đỏ lại thẳng lợi tung bay.

Song đến mùa xuân, mặt trận đã bình an và tới ngày 1 tháng Tư thì chạy dài từ Lê-nin-grát dọc theo sông Vôn-khốp, xề về phía Đông Xta-rai-a Ru-xa ôm quanh lấy khu vực Đê-mi-an-xcơ ở phía Đông, kéo xa nữa tới Khôn-mơ, Vê-li-giơ, Đê-i-đốp, Bê-lưi, tạo nên chỗ lồi Rơ-giép – Vi-a-dơ-ma do địch còn chiếm giữ, bao gồm Ki-rôp, Xu-khi-ni-tsi, Be-lép, tiến sát tới Mơ-xen-xcơ, để lại Nô-vô-xin, Tim, Vôn-tran-xcơ cho phía chúng ta, tạo nên chỗ lồi sang phía địch trong khu vực Ba-la-cơ-lây-a, Lô-dô-vai-a, Ba-rơ-ven-cô-vô, chạy qua Cra-xnưi Li-man, Đê-ban-xe-vô, Quy-bư-se-vô và trườn xuống phía Nam theo dọc sông Mi-út.

Bộ tổng tham mưu đã được tổ chức lại. Các tư lệnh phương diện quân và tập đoàn quân, hoặc cùng lắm thì các tham mưu trưởng liên binh đoàn, được chỉ định về làm chủ nhiệm khu vực mặt trận. Người ta cho rằng: các đồng chí ấy, do uy tín và kinh nghiệm của mình, sẽ biết tác động tốt hơn nữa đến các sự kiện và giữ được mối liên hệ linh hoạt hơn với bộ đội đang chiến đấu. Các đồng chí ấy được quyền trực tiếp đến báo cáo với Đại bản doanh. Còn

trước đây, các chủ nhiệm khu vực mặt trận không được đến báo cáo trực tiếp ở Đại bản doanh.

It lâu sau chúng tôi thấy rõ được là: vì có sự cải tổ đó nên đã mất quá nhiều thời gian vô ích. Thời hạn đưa những số liệu và các tình huống lên Tổng tham mưu trường bị kéo dài. Trước đây, chúng tôi thường trực tiếp nhận các tin tức qua điện báo, ghi ngay những tình huống đó vào bản đồ, rồi lập tức báo cáo lên Tổng tham mưu trường. Còn bây giờ thì lại xuất hiện một khâu trung gian: các ông “phó”, tức là những cựu chủ nhiệm khu vực mặt trận, nhận tin tức qua điện báo, xong báo cáo lên đồng chí chủ nhiệm khu vực mặt trận hiện thời. Chủ nhiệm khu vực mặt trận nghiên cứu tin tức ấy xong rồi mới đi báo cáo lên Tổng tham mưu trường.

Cách làm việc nhiều cấp như vậy tất nhiên không nâng cao mà làm giảm sút tính năng động trong công tác. Người ta chờ đợi ở những chủ nhiệm khu vực mặt trận mới những kết luận và đề nghị đặc biệt nào đó về tình hình mà mãi vẫn chẳng thấy có. Theo tôi các đồng chí ấy chỉ tới Đại bản doanh báo cáo vắn vắn được có một lần, có thể là hai lần. Sau này, người ta đã thừa nhận rằng chế độ công tác cũ tốt hơn và chừng một tháng sau lại làm việc theo nền nếp cũ.

Gánh nặng chủ yếu của ban lãnh đạo Bộ tổng tham mưu đè nặng trên đôi vai đồng chí Bô-rít Mi-khai-lô-vích Sa-pô-sni-côp. Tuy bị ốm nặng, đồng chí vẫn hoàn thành được mọi công việc cần thiết ở Bộ tổng tham mưu và thêm vào đó còn giữ một vai trò không nhỏ trong Đại bản doanh. Lòng chúng tôi đau thắt lại mỗi khi nhìn thấy thủ trưởng của mình ho sù sụ mà vẫn phải ngồi còng lưng làm việc nhưng không bao giờ ta thán một lời nào cả. Hiển nhiên là sức chịu đựng và sự nhẫn nại của đồng chí đã chiến thắng.

Người trợ thủ số 1 của B. M. Sa-pô-sni-côp trên danh nghĩa và về thực chất là thượng tướng A. M. Va-xi-lép-xki, cục trưởng Cục tác chiến của chúng tôi, một con người cũng giống như Sa-pô-sni-côp: hiểu biết, kiên nghị, tốt bụng.

Cuộc cải tổ Bộ tổng tham mưu không liên quan gì đến những người thực hiện bình thường như chúng tôi – chúng tôi vẫn tiếp tục công việc của mình

suốt ngày đêm, vẫn đều đặn tập hợp, phân tích các số liệu về tình hình, trình bày với thủ trưởng trực tiếp những kết luận và đề nghị của mình, tiến hành mọi việc dự tính, thông tin và các công việc khác. Chiến tranh đòi hỏi phải cống hiến toàn bộ sức lực và không để ai một phút nghỉ ngơi.

Nhưng chúng tôi không chỉ bị cuốn hút vào những công việc trước mắt. Tất cả các cán bộ Bộ tổng tham mưu đều không chỉ sống bằng âm hưởng của cuộc phản công ở Mát-xcơ-va, mà còn bằng sự chờ mong những biến đổi sắp tới. Có lẽ do tính chất của nhiệm vụ và do thiếu chi tiết kèm theo nó cho nên chỉ có các cán bộ Bộ tổng tham mưu chúng tôi mới hiểu rằng “trên” đang chuẩn bị mở một chiến dịch mới.

Những vấn đề hết sức quan trọng trong việc vạch kế hoạch chiến lược thì được thảo luận sơ bộ ở Đại bản doanh, trong phạm vi hẹp gồm các đồng chí I. V. Xta-lin, B. M. Sa-pô-sni-cốp, Gh. C. Giu-cốp, A. M. Va-xi-lép-xki, N. Gh. Cu-dơ-nét-xốp. Thường lúc đầu thì đề ra giải pháp có tính nguyên tắc sau đó Ban chấp hành trung ương Đảng hoặc Hội đồng quốc phòng Nhà nước xem xét.

Chỉ sau đây thì Bộ tổng tham mưu mới bắt đầu vạch kế hoạch chi tiết và chuẩn bị chiến dịch hoặc hoạt động chiến lược. Đến giai đoạn này, có các tư lệnh phương diện quân và các chuyên gia tham gia vào việc vạch kế hoạch chiến lược, đó là chủ nhiệm hậu cần A. V. Khơ-ru-li-ôp, tư lệnh pháo binh Hồng quân N. N. Vô-rô-nốp, tư lệnh không quân A. A. Nô-vi-cốp, tư lệnh bộ đội thiết giáp I-a. N. Phê-đô-ren-cô và các đồng chí khác.

Đầu tháng Ba 1942, Đại bản doanh phân tích triển vọng triển khai các hoạt động tác chiến thành chiến dịch mùa hè. Cần nói rằng ngay từ đầu năm, I. V. Xta-lin đã ra lệnh chuẩn bị thảo bản chỉ thị đề ngày 10 tháng Giêng 1942 mà tất cả các tướng lĩnh lúc bấy giờ đều biết và đã tự mình đề ra những điều khoản cơ bản của bản chỉ thị đó. Trong chỉ thị này, ý đồ của kẻ địch và những nhiệm vụ của ta được đánh giá như sau:

“Sau khi Hồng quân đã làm tiêu hao nặng lực lượng quân đội phát-xít Đức thì đã chuyển sang phản công và đuổi bọn xâm lược Đức về phía Tây”.

Để ngăn chặn cuộc tiến công của ta, quân Đức đã chuyển sang phòng ngự và bắt đầu lập các tuyến phòng thủ – xây dựng chiến hào, hàng rào chướng ngại, công sự dã chiến. Quân Đức hòng bằng cách đó ngăn chặn cuộc tấn công của ta cho tới mùa xuân, để sau đó tập trung lực lượng và lại chuyển sang tấn công Hồng quân. Vì vậy, bọn Đức muốn tranh thủ thời gian và muốn có một khoảng thời gian tạm ngừng chiến.

Nhiệm vụ của chúng ta là không để cho bọn Đức có được khoảng thời gian đó, không ngừng đuổi chúng về phía Tây, buộc chúng phải tiêu hao lực lượng dự bị của chúng ngay trước mùa xuân; khi đó chúng ta sẽ có những lực lượng dự bị to lớn mới, còn quân Đức thì sẽ không còn lực lượng dự bị nữa, và như vậy sẽ đảm bảo hoàn toàn diệt tan quân đội Hít-le vào năm 1942”.

Khi mùa xuân đến, chắc lúc đó người ta đã tự hỏi không biết những luận điểm đó của Đại bản doanh đúng ở mức nào. Để trả lời cho câu hỏi đó, Bộ tổng tham mưu không nhắm mắt bỏ qua thực tế. Và thực tế đã cho thấy rằng tình hình mặt trận rất phức tạp và không ổn định, còn khác xa với điều mong muốn của chúng ta.

Hiển nhiên là quân địch đã bị thất bại nặng nề ở gần Mát-xcơ-va và trong quá trình tổng tiến công của Quân đội Liên Xô vào mùa đông năm 1942. Song hiện thời cuộc tấn công của chúng ta ngày một giảm sút vì không có đủ lực lượng và phương tiện cần thiết để triển khai cuộc tấn công ấy. Kẻ địch hoàn toàn chưa bị đập tan. Hơn nữa, chúng đã củng cố trận tuyến và lợi dụng thời kỳ chiến sự tương đối tạm yên để bổ sung quân cho các đơn vị bị thiệt hại, vũ khí và các trang bị kỹ thuật quân sự.

Dĩ nhiên, thời gian cũng có lợi cho ta: nền kinh tế thời chiến của Liên Xô được ổn định và cung cấp cho tiền tuyến mọi trang bị và phương tiện kỹ thuật quân sự cần thiết. Tinh thần chiến đấu của các chiến sĩ xô-viết được tăng cường, góp phần to lớn vào tình hình đó là những thắng lợi ở Mát-xcơ-va, Ti-khơ-vin và Rô-xtôp. Con người được tôi luyện, tích lũy được kinh nghiệm chiến đấu, đánh địch giỏi hơn. Các cán bộ chỉ huy thì hoàn thiện

được kỹ thuật điều khiển trận đánh của mình. Ở vùng sau lưng quân phát-xít Đức, chiến tranh du kích trở nên quyết liệt hơn.

Bộ tổng tham mưu không nghi ngờ rằng bộ chỉ huy Hít-le hiểu rất rõ việc kéo dài chiến tranh sẽ là một nguy cơ đối với chúng như thế nào. Vì vậy chúng cố sức không để cho Liên Xô có điều kiện đưa hoạt động của nền kinh tế thời chiến của mình đi vào ổn định, ra sức phá hoại việc chuẩn bị lực lượng dự trữ của ta. Ngoài ra, nước Đức còn cần củng cố vị trí quốc tế của nó, lôi kéo Nhật Bản, Thổ Nhĩ Kỳ và có thể là một số nước khác đứng về phía mình trong cuộc chiến tranh, duy trì ảnh hưởng đối với các chư hầu.

Người ta cho rằng có lẽ tất cả những điều đó đã khiến cho bộ máy lãnh đạo quân sự phát-xít ráo riết hoạt động. Song không rõ là kẻ địch sẽ bắt đầu tấn công ở đâu, khi nào và với những lực lượng ra sao. Nhưng Bộ tổng tham mưu tin chắc rằng chúng không thể tấn công được cùng một lúc trên suốt độ dài mặt trận phía Đông: người ta cho rằng nước Đức Hít-le không có lực lượng cũng như phương tiện để làm việc đó. Hơn nữa, lực lượng vũ trang phát-xít Đức đã phải trả giá đắt cho kinh nghiệm của chúng hồi năm 1941, khi quân đội của chúng muốn xông lên trên khắp mọi hướng. Chúng không thể nào không tính đến kinh nghiệm đó, quân phát-xít Đức chắc sẽ chỉ ráo riết hoạt động trên một hướng chiến lược đặc biệt quan trọng nào đó mà thôi.

Khi đánh giá tầm quan trọng của các khu vực thuộc mặt trận chiến lược, cái đập vào mắt trước tiên là chỗ lồi Rơ-giép – Vi-a-dơ-ma. Nó giáp sát Mát-xcơ-va và do các đơn vị của cụm tập đoàn quân mạnh nhất của quân địch – Cụm tập đoàn quân “trung tâm” – chiếm giữ (cụm tập đoàn quân này có hơn 70 sư đoàn, trong đó có nhiều sư đoàn xe tăng và cơ giới). Khu vực hoạt động của nó trải dài từ Vê-li-ki-ê Lu-ki cho tới Nô-vô-xin.

Mặc dù sau lưng cụm tập đoàn quân địch này, quá về phía Tây – Nam Vi-a-dơ-ma, các đơn vị của các tướng P. A. Bê-lap Và M. G. Ê-phrê-mốp vẫn tiếp tục chiến đấu anh dũng trong điều kiện hoàn toàn bị bao vây vô cùng gay go, song chỗ lồi Rơ-giép dường như vẫn là nơi quân địch định thọc sâu vào Mát-xcơ-va.

Cần phải nói rằng ban lãnh đạo chiến lược của Liên Xô, đứng đầu là đồng chí I. V. Xta-lin, tin chắc rằng sớm muộn kẻ địch cũng sẽ lại đánh vào Mát-xcơ-va. Lòng tin đó của Tổng tư lệnh tối cao không chỉ dựa trên nguy cơ đang đe dọa từ chỗ lồi Rơ-giép. Chúng ta cũng nhận được những tin tức từ giới tuyến cho biết rằng bộ chỉ huy Hít-le hiện vẫn chưa từ bỏ ý đồ đánh chiếm thủ đô của chúng ta.

I. V. Xta-lin thừa nhận rằng địch có thể có nhiều phương án hoạt động khác nhau, song đồng chí vẫn cho rằng dù sao thì mục tiêu hoạt động của quân Đức và hướng tấn công chính của chúng vẫn sẽ là Mát-xcơ-va. Các thành viên khác của Đại bản doanh, Bộ tổng tham mưu và phần lớn các tư lệnh phương diện quân cũng đều có ý kiến như vậy. Xuất phát từ tình hình đó, người ta cho rằng số phận của chiến dịch mùa hè năm 1942, một chiến dịch quy định tiến trình tiếp sau của cuộc chiến tranh, sẽ được quyết định ở Mát-xcơ-va. Vì vậy, hướng trung tâm – hướng Mát-xcơ-va – sẽ trở thành hướng chính, còn các hướng chiến lược khác thì sẽ chỉ đóng một vai trò thứ yếu trong giai đoạn này của cuộc chiến tranh.

Như sau này đã cho thấy, Đại bản doanh và Bộ tổng tham mưu đã dự đoán lầm. Bộ chỉ huy Hít-le giao nhiệm vụ cho các lực lượng vũ trang của chúng là: ở khu vực mặt trận trung tâm thì duy trì tình hình, ở phía Bắc thì chiếm Lê-nin-grát và bắt liên lạc trên bộ với quân Phần Lan, còn ở sườn mặt trận phía Nam thì đột phá vào Cáp-ca-dơ. Để cụ thể hóa nhiệm vụ đó, đại bản doanh Hít-le trong chỉ thị số 41 đề ngày 5 tháng Tư 1942 có nêu rõ: "... trước hết phải tập trung mọi lực lượng hiện có để tiến hành chiến dịch chủ yếu ở khu vực phía Nam (do tôi gạch dưới. – X. S.) nhằm tiêu diệt địch ở phía Tây sông Đôn, để sau đó chiếm các vùng dầu mỏ ở Cáp-ca-dơ và vượt qua dãy núi Cáp-ca-dơ".

Ý đồ đó thể hiện lợi ích của các tổ chức độc quyền Đức, khát vọng của chúng muốn chiếm các vùng công nghiệp và nguyên liệu giàu có nhất của đất nước xô-viết, đột nhập bằng đường bộ vào Cận Đông. Các tướng lĩnh Hít-le có mưu đồ cắt đứt liên lạc giữa ta với các đồng minh qua I-ran và xúi giục Thổ Nhĩ Kỳ tham chiến đứng về phía nước Đức phát-xít

Lẽ dĩ nhiên là do Đại bản doanh dự đoán sai mũi tấn công chủ yếu của quân địch cho nên cũng coi nhẹ khu vực mặt trận Nam. ở đây không bố trí các lực lượng dự bị của Đại bản doanh, phương tiện cơ bản để ban lãnh đạo chiến lược tác động tới tiến trình các chiến dịch quan trọng. Người ta cũng không nghiên cứu các phương án hành động phòng trường hợp tình huống thay đổi đột ngột. Về phần mình, do đánh giá không đúng mức vai trò của khu vực mặt trận Nam nên chúng ta cũng có thái độ dễ dãi đối với những thiếu sót của bộ tư lệnh phương diện quân Tây – Nam và phần nào của cả phương diện quân Nam nữa.

Mùa xuân năm ấy, Đại bản doanh xem xét các ý kiến về hoạt động của các Lực lượng vũ trang Liên Xô vào mùa hè năm 1942. Các ý kiến hoàn toàn không trùng hợp nhau. Mọi người đều cho rằng các lực lượng của ta hiện thời chưa sẵn sàng để mở cuộc tấn công quyết định, các lực lượng dự bị cần thiết mới đang được thành lập.

B. M. Sa-pô-sni-cốp và Gh. C. Giu-cốp kiên quyết chủ trương phòng thủ chiến lược tạm thời. Hai đồng chí cho rằng không nên tiến hành tấn công trên quy mô rộng lớn. Gh. C. Giu-cốp nói rõ thêm rằng: theo đồng chí thì đầu mùa hè cần phải tiến hành một chiến dịch ở khu vực mặt trận trung tâm nhằm diệt tan cánh quân địch Rơ-giép – Vi-a-dơ-ma và thanh toán chỗ lồi nguy hiểm Rơ-giép.

I. V. Xta-lin đồng ý rằng đôi khi có lúc phải phòng thủ. Song đồng chí cũng nói rằng không được thụ động ngồi không mà phải phòng thủ một cách tích cực nhất. Đồng chí yêu cầu: đồng thời với việc phòng thủ chiến lược, phải tiến hành một loạt hoạt động tấn công bộ phận để củng cố những thắng lợi đã giành được hồi mùa đông, cải thiện tình hình chiến dịch chiến lược của bộ đội Liên Xô, phá tan việc chuẩn bị tấn công của kẻ địch và nhờ đó nắm chắc quyền chủ động chiến lược trong tay chúng ta.

Gh. C. Giu-cốp không đồng ý với quan điểm đó, đồng chí cho rằng những hoạt động tấn công mà Tổng tư lệnh tối cao đề nghị tiến hành sẽ nuốt hết những lực lượng dự bị của ta và việc chuẩn bị cho cuộc tổng tiến công sau đó sẽ trở nên vô cùng phức tạp. Song vì tiếng nói quyết định thuộc về Tổng

tư lệnh tối cao cho nên mọi người cũng đồng ý với đồng chí ấy. Các hoạt động tấn công được dự định tiến hành ở Crum, Lê-nin-grát và Đê-mi-an-xơ, ở các hướng Xmô-len-xơ và Lơ-gôp – Cuốc-xơ.

Hoạt động tấn công phải được triển khai trên một số lớn khu vực, điều đó có nguy cơ gây ra tai họa: các đơn vị của ta bị thu hút vào những trận đánh mà kết quả còn rất đáng ngờ, lực lượng vốn đã ít ỏi lại bị phân tán. Góp phần vào biến chuyển bất lợi của các sự kiện lại có thêm những đề nghị khẩn khoản của Hội đồng quân sự khu vực mặt trận Tây – Nam xin mở một cuộc tấn công lớn ở gần Khác-côp bằng những lực lượng của các phương diện quân Bri-an-xơ, Tây-nam và Nam, mà bộ tư lệnh khu vực mặt trận xin “lấy đầu ra để đảm bảo” cho thắng lợi của cuộc tấn công đó.

Hội đồng quân sự khu vực mặt trận Tây – Nam trình bày những đề nghị của mình trong một văn bản được gọi là “báo cáo tình hình khu vực mặt trận Tây – Nam cho tới giữa tháng Ba và những triển vọng tác chiến vào thời kỳ xuân – hè 1942”. Bản báo cáo được soạn thảo ngày 22 tháng Ba và viết tay làm hai bản.

Trong bản báo cáo này, tình hình địch được đánh giá như sau: “quân địch ráo riết hoạt động khiến cho bộ đội ta lâm vào tình trạng nếu không có thêm những lực lượng dự trữ chiến lược lớn và không được bổ sung thêm nhiều quân và một phần phương tiện vật chất thì không thể tiến hành những trận đánh nhằm mục đích quyết định được”.

Người ta cho rằng mặc dù bị thất bại ở gần Mát-xơ-va, đến mùa xuân kẻ địch vẫn sẽ lại cố tìm cách đánh chiếm thủ đô Liên Xô. Người ta dự tính mũi tấn công chính của chúng sẽ bắt đầu từ các vùng Bri-an-xơ và Ô-ri-ôn vòng qua phía Nam và phía Đông – Nam Mát-xơ-va để ra sông Vôn-ga thuộc vùng Goóc-ki, bằng cách đó cô lập Mát-xơ-va với Pô-vôn-giê và U-ran rồi sau đó sẽ chiếm thủ đô.

Ở phía Nam, bộ tư lệnh khu vực mặt trận Tây – Nam cho rằng rất có thể cánh quân địch ở đây, mặc dù rất lớn nhưng chỉ là thứ yếu, sẽ tấn công với nhiệm vụ chiếm vùng hạ lưu sông Đôn và xâm nhập vào Cáp-ca-dơ tới các

nguồn dầu mỏ của ta. Một mũi tấn công phụ nữa mà người ta cho rằng có thể xảy ra, là từ Cuốc-xơ vào Vô-rô-ne-giơ.

Bản báo cáo có dự tính lực lượng địch có thể có ở dải khu vực mặt trận Tây – Nam vào đầu thời kỳ chúng ráo riết hoạt động. Lực lượng đó rất lớn: 102 sư đoàn. trong đó có 9 sư đoàn xe tăng, 7 sư đoàn cơ giới, 3 sư đoàn SS, trên 3.100 xe tăng. gần 3.000 pháo, khoảng 1.000 máy bay chiến đấu.

Bản báo cáo có nói: “Mặc dù vậy, trong thời kỳ chiến cục xuân – hè. bộ đội khu vực mặt trận Tây – Nam vẫn sẽ cố gắng đạt được mục tiêu chiến lược cơ bản là đập tan các lực lượng phản kháng của kẻ địch và tiến tới vùng trung lưu sông Đni-ép-rơ (Gô-men, Ki-ép, Tréc-ca-xư) và sau nữa tới mặt trận Tréc-ca-xư, Pe-rvô-mai-xơ, Ni-cô-la-ép” (do tôi gạch dưới. -X. S.).

Tiện thể tôi xin lưu ý rằng mãi đến mùa thu năm 1943, quân đội Liên Xô mới đạt được mục tiêu này. Ngoài ra, không thể nào không lưu ý thêm rằng cánh quân địch ở đây có một số lượng đông ghê gớm: 102 sư đoàn!

Song trên giấy tờ thì mọi việc có vẻ trôi chảy, kể cả kế hoạch hành động của bộ đội ta, mặc dù bộ tư lệnh khu vực mặt trận Tây – Nam có yêu cầu bổ sung thêm quân, vũ khí và các phương tiện vật chất. Tuy vậy, những kiến giải của họ vẫn gây nên sự hoài nghi trong Bộ tổng tham mưu và Đại bản doanh.

Đồng thời với việc soạn thảo kế hoạch tác chiến mùa xuân và mùa hè, Bộ tổng tham mưu còn được lệnh tiến hành những tính toán cần thiết có liên quan tới những đề nghị của bộ tư lệnh khu vực mặt trận Tây – Nam. Sự tính toán cho thấy rằng để thực hiện chiến dịch ở Khác-côp thì cần phải có những lực lượng và phương tiện dự trữ to lớn mà đất nước chưa có được.

Những dự tính được trình lên Tổng tư lệnh tối cao, đồng chí Tổng tư lệnh đồng ý với những dự tính đó và đích thân đề nghị tổng tư lệnh khu vực mặt trận là X. C. Ti-mô-sen-cô không nên tiến hành những chiến dịch có quy mô lớn như vậy và nên vạch kế hoạch mới.

Bất giác có thể nảy sinh ra câu hỏi: lẽ nào sau khi quân Hít-le đã tập trung lại rồi mà đến mùa xuân vẫn chưa thể rút ra được kết luận về hướng tấn công chủ yếu của chúng vào phía Nam ư? Lẽ ra phải như vậy? Nhưng chắc

là I. V. Xta-lin cho rằng phần lớn cánh quân địch đó vẫn sẽ được tung vào Mát-xcơ-va. Và nếu như chiến dịch do X. C. Ti-mô-sen-cô đề xuất có thể làm tê liệt được các lực lượng của bọn Hít-le, làm suy yếu cuộc tấn công của chúng vào Mát-xcơ-va, thì vì lẽ gì mà lại không tiến hành?

Ngày 30 tháng Ba, kế hoạch mới được vạch xong và qua A. M. Va-xi-lép-xki chuyển lên cho I. V. Xta-lin. Đồng chí Tổng tư lệnh tối cao được báo cáo như sau:

“Theo chỉ thị của đích thân đồng chí, chúng tôi đã vạch một kế hoạch hành động chung cho các đơn vị bộ đội khu vực mặt trận Tây – Nam từ tháng Tư đến tháng Năm 1942.

1. Mục tiêu hoạt động cơ bản của các đơn vị bộ đội khu vực mặt trận Tây – Nam thời kỳ này là chiếm thành phố Khác-cốp sau đó tập hợp lại các đơn vị, từ phía Đông Bắc đánh chiếm Đni-ép-rô-pê-tơ-rốp-xcơ và Xi-nen-nhi-cô-vô, do đó làm cho kẻ địch bị mất hết những bến quan trọng nhất để vượt qua sông Đni-ép-rơ và mất đầu mối đường sắt Xi-nen-nhi-cô-vô. Trên độ dài mặt trận còn lại, các đơn vị bộ đội khu vực mặt trận Tây – Nam sẽ phòng thủ vững chắc các tuyến hiện đang chiếm giữ”.

Các đồng chí đề nghị tiến hành tấn công chỉ dùng các lực lượng phương diện quân Tây – Nam là phương diện quân cũng do X. C. Ti-mô-sen-cô chỉ huy.

Tiếp đó, là đến việc dự tính những lực lượng và phương tiện cần thiết để đánh chiếm Khác-cốp, trình bày ý đồ chiến dịch, những suy tính về việc tiến hành chiến dịch, về việc tập trung quân. Dự định ngày 20 tháng Tư sẽ là ngày mở đầu cuộc tấn công.

Khi xem xét kế hoạch đó, I. V. Xta-lin đã chấp thuận cái chiến dịch thoạt trông có vẻ hấp dẫn ấy, mặc dù khi đó cũng ngừa trước X. C. Ti-mô-sen-cô rằng chớ có trông mong vào những lực lượng dự bị của Đại bản doanh. Những mối hoài nghi của Bộ tổng tham mưu được “giải quyết” bởi mệnh lệnh: “...coi chiến dịch đó là công việc nội bộ của khu vực mặt trận và không được can thiệp vào bất cứ vấn đề gì của chiến dịch”.

Theo quyết định của I. V. Xta-lin, khu vực mặt trận Tây – Nam còn vạch ra một “Kế hoạch hành động của các đơn vị bộ đội phương diện quân Tây – Nam trong tháng Tư – tháng Năm 1942” đề ngày 10 tháng Tư 1942.

Trong kế hoạch đó có ghi: “sau đây là mục tiêu của từng phương diện quân: phương diện quân Tây – Nam thì diệt tan cụm quân địch ở Khác-côp và tiến tới tuyến Ni-ki-tôp-ca, Các-lôp-ca, Bu-dôp-ca để đảm bảo cho các hoạt động tiếp sau của các đơn vị phương diện quân Nam theo hướng Đni-ép-rô-pê-tơ-rôp-xcơ; phương diện quân Nam thì phòng thủ vững chắc các tuyến đang chiếm giữ và yểm trợ cho các hướng Rô-xtốp, Vô-rô-si-lốp-grát và khu vực Bác-ven-cô-vô, Xia-vi-an-xcơ, I-di-um”..

Đó là kế hoạch chiến dịch tiếp sau, một chiến dịch hết sức không thành công đối với chúng ta, mà dưới đây một chút chúng ta sẽ nói đến.

Vào tháng Năm, tại mặt trận Tây – Bắc, chúng ta đã nắm được yết hầu cánh quân địch Đê-mi-an-xcơ. Chúng ta đã dồn chúng vào khu hành lang hẹp và suốt ngày đêm bắt chúng phải co hẹp lại. Địch chống cự kịch liệt. Chiến dịch này đã thu hút những lực lượng lớn của ta, song tuy vậy địch vẫn giữ được trận địa của chúng mặc dù bị thiệt hại nặng nề.

Bắt đầu từ tháng Năm lại có những sự kiện làm tình hình trên mặt trận Xô – Đức thay đổi, không có lợi cho chúng ta. Những sự kiện này tôi nhớ rất rõ, vì chủ yếu đã diễn ra ở khu vực mặt trận tôi tham gia phụ trách. Trước hết, phương diện quân Crưm bị tổn thất nặng. Phương diện quân này được thành lập đầu năm 1942 nhằm giải phóng Crưm và tới tháng Năm thì phòng vệ bán đảo Kéc-tơ ở chỗ hẹp nhất của nó trên những trận địa gọi là Ác – Mô-nai. Trong biên chế phương diện quân có các tập đoàn quân 44, 51, 47 và những phương tiện tăng cường. Tư lệnh phương diện quân là trung tướng Đ. T. Cô-dơ-lốp, ủy viên Hội đồng quân sự là chính ủy sư đoàn Ph. A. Sa-ma-nin, tham mưu trưởng phương diện quân là thiếu tướng Ph. I. Tôn-bu-khin.

Ngay từ cuối tháng Giêng, Đại bản doanh đã cử đại diện của mình là L. D. Mê-khơ-li-xơ xuống đó. Ở Bộ tổng tham mưu thì có thiếu tướng P. P. Vê-tơ-nưi cùng đi với đồng chí ấy. Hai đồng chí có nhiệm vụ giúp bộ tư lệnh phương diện quân chuẩn bị và tiến hành chiến dịch giải tỏa Xê-va-xtô-pôn.

Theo thói quen, Mê-khơ-li-xơ chưa giúp gì đã bắt đầu xáo trộn các cán bộ lãnh đạo. Trước hết đồng chí ấy thay tham mưu trưởng phương diện quân Tôn-bu-khin bằng thiếu tướng Vê-tơ-nư.

Tháng Hai – tháng Tư, được sự chi viện của Hạm đội Biển Đen, phương diện quân Crưm đã ba lần tìm cách chọc thủng tuyến phòng ngự của địch nhưng đều không thành công mà lại bị buộc phải chuyển sang phòng ngự. Trong khi đó thì việc bố trí chiến dịch của phương diện quân lại không đáp ứng được nhiệm vụ phòng ngự. Các binh đoàn vẫn bố trí theo đội hình tiến công.

Sườn trái tiếp giáp với Biển Đen bị yếu, Tư lệnh bộ đội giải thích tình hình đó như sau: phương diện quân nhất định sẽ tiến công sau khi đã cải thiện được đôi chút các trận địa xuất phát của mình. Nhưng cuộc tấn công cứ bị hoãn lại mãi, còn tổ chức phòng ngự thì vẫn không được củng cố mặc dù đã có chỉ thị của Bộ tổng tham mưu. Ấy thế mà Mê-khơ-li-xơ lại chỉ đi tranh luận vụn vặt với tư lệnh phương diện quân.

Còn quân địch thì chuẩn bị tiến công, nhằm hất bộ đội Liên Xô ra khỏi bán đảo Kéc-tơ, để rồi tập trung toàn bộ lực lượng đột phá Xê-va-xtô-pôn đang anh dũng phòng ngự. Chúng đã xác định đúng chỗ yếu bên sườn phía ven biển của tập đoàn quân 44. Chúng sử dụng vào đây một lực lượng xe tăng và không quân rất lớn và chuẩn bị để đổ bộ từ biên lên. Việc đột phá tuyến phòng ngự của chúng ta tại đây, việc tiếp tục phát triển tiến công lên phía Bắc và Đông – Bắc cho phép quân thù tiến vào phía sau lưng các tập đoàn quân của phương diện quân Crưm.

Việc quân Đức chuẩn bị tiến công, chúng ta có biết. Trình sát của phương diện quân còn xác định đúng được cả ngày quân địch chuyển sang hành động tích cực và đã thông báo cho bộ đội biết trước lúc địch khởi sự. Song, cả đại diện Đại bản doanh lẫn tư lệnh phương diện quân đều không áp dụng những biện pháp thích đáng để đẩy lùi cuộc tiến công ấy.

Rồi ngày 8 tháng Năm, quân Đức đột kích vào khâu yếu ven biển của phương diện quân, chọc thủng trận địa của ta và nhanh chóng phát huy thắng lợi. Tuyến phòng ngự của phương diện quân Crưm không có lực

lượng dự bị trong tung thâm nên bị rối loạn, chỉ huy không điều khiển được bộ đội. Sau mười hai ngày tác chiến trong những điều kiện như vậy, phương diện quân Crưm mặc dù chiến đấu rất anh dũng nhưng bị tổn thất rất nặng. Ngày 4 tháng Bảy 1942, thành phố Xê-va-xtô-pôn thất thủ, bán đảo Crưm hoàn toàn rơi vào tay giặc. Chỉ còn đội trú phòng ngầm dưới đất ở khu vực mỏ đá Át-gi-mu-scai là vẫn tiếp tục kháng cự vô song trong lịch sử chiến tranh và quân du kích vẫn chiến đấu trên núi.

Trong cuốn sử biên niên về cuộc Chiến tranh giữ nước vĩ đại còn bảo tồn hai văn kiện đầy ý nghĩa. Một trong hai văn kiện đó là bức điện đề ngày 8 tháng Năm 1942 của L. D. Mê-khơ-li-xơ gửi Tổng tư lệnh tối cao. Mê-khơ-li-xơ viết:

“Bây giờ không phải là lúc than phiền, nhưng tôi phải báo cáo để Đại bản doanh biết về tư lệnh phương diện quân. Ngày 7 tháng Năm, tức trước ngày quân địch tiến công, Cô-dơ-lốp đã triệu tập Hội đồng quân sự để thảo luận dự án chiến dịch sắp tới nhằm đánh chiếm Côi – A-xan. Tôi khuyến nghị: hoãn dự án đó lại và lập tức chỉ thị cho các tập đoàn quân về đợt tiến công sắp tới của quân địch.

Trong bản mệnh lệnh do tư lệnh phương diện quân ký, có một số đoạn hướng dẫn rằng ngày 10-15 tháng Năm địch mới tiến công, nên đề nghị hội đồng cứ làm việc cho tới ngày 10 tháng Năm, và cùng toàn thể cán bộ chủ trì, các tư lệnh binh đoàn, các cơ quan tham mưu nghiên cứu kế hoạch phòng ngự của các tập đoàn quân. Việc này được tiến hành vào lúc toàn bộ tình hình trong ngày vừa qua đã chứng tỏ rằng địch sẽ tiến công từ sáng.

Theo yêu cầu kiên quyết của tôi, việc hướng dẫn sai lầm về thời gian tiến công đã được sửa chữa. Cô-dơ-lốp còn phản đối việc điều lực lượng bổ sung cho khu vực của tập đoàn quân 44”.

Ý đồ muốn trốn trách nhiệm của đại diện Đại bản doanh không giấu nổi Tổng tư lệnh tối cao. Và đây là bức điện thứ hai, bức điện không kém phần đặc sắc, trả lời cho Mê-khơ-li-xơ:

“Đồng chí đã giữ thái độ kỳ dị của một quan sát viên xa lạ không nhận trách nhiệm về các việc làm của phương diện quân Crưm. Thái độ ấy rất tiện

lợi, nhưng hoàn toàn thối tha. Trên mặt trận Crum, đồng chí không phải là một quan sát viên xa lạ, mà là một đại diện của Đại bản doanh có trọng trách, chịu trách nhiệm về mọi thắng lợi và thất bại của mặt trận, và có bốn phận phải sửa chữa tại chỗ những thiếu sót của bộ tư lệnh.

Đồng chí cùng với bộ tư lệnh phải chịu trách nhiệm về việc sơ suất để yếu sườn trái của phương diện quân. Nếu như “toàn bộ tình hình đã chứng tỏ rằng địch sẽ tiến công từ sáng” mà đồng chí lại không áp dụng mọi biện pháp để tổ chức đánh trả, mà chỉ làm có mỗi việc là phê phán một cách thụ động, thì lại càng không hay cho đồng chí. Có nghĩa là đồng chí chưa hiểu rằng, đồng chí được cử đến phương diện quân Crum không phải với tư cách là ủy viên thanh tra của Nhà nước mà là một đại diện có trọng trách của Đại bản doanh.

Đồng chí đòi hỏi chúng tôi thay thế Cô-dơ-lốp bằng một người nào đó vào loại Hin-đen-bua (Hin-đen-bua: Thống chế Đức, Tổng tư lệnh quân đội Đức trong Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914-1918). Là một trong những người tổ chức can thiệp chống Xô-viết, đàn áp cuộc cách mạng tháng Mười một 1918 ở Đức. Năm 1925, được bầu làm tổng thống nước Đức. Năm 1933, Hin-đen-bua giao cho Hít-le lập chính phủ, chính thức giao quyền cho bọn phát-xít. – ND.). Nhưng đồng chí không thể không biết rằng, chúng ta không có những Hin-đen-bua như thế trong lực lượng dự trữ.

Công việc của đồng chí ở Crum không phức tạp, đồng chí có thể tự cáng đáng được. Nếu như đồng chí sử dụng máy bay cường kích không phải để làm những việc thứ yếu, mà để chống lại xe tăng và sinh lực địch, thì địch không chọc thủng nổi mặt trận và xe tăng của chúng cũng không tiến qua được, không cần phải là Hin-đen-bua mới hiểu vấn đề đơn giản này, sau khi đã ngồi hai tháng ở mặt trận Crum”.

Theo chỗ tôi biết thì bức điện này của Tổng tư lệnh tối cao là văn kiện đầu tiên xác định chức trách và mức độ trách nhiệm của đại diện Đại bản doanh. Cũng xin nói thêm rằng Mê-khơ-li-xơ đã lập tức bị nghiêm khắc trừng phạt vì thất bại của phương diện quân Crum: bị cách chức thứ trưởng

Bộ dân ủy quốc phòng, giáng cấp quân hàm và không bao giờ còn được cử xuống bộ đội làm đại diện Đại bản doanh nữa.

Tướng Cô-dơ-lốp và những người có trọng trách khác phạm lỗi để thua trận ở Kéc-tơ cũng bị cách chức và giáng cấp. Còn các đơn vị còn lại của ba tập đoàn quân đã khó nhọc vượt qua eo biển tới bán đảo Ta-man. Sau đó, tập đoàn quân 47 bố trí phòng ngự ở đây, tập đoàn quân 51 được bổ sung và nhập vào biên chế của phương diện quân Nam, còn tập đoàn quân 44 thì được rút về khu vực Ma-kha-trơ-ca-la để chấn chỉnh lại.

Trên cơ sở khung của phương diện quân Crưm, ngày 20 tháng Năm 1942, đã thành lập phương diện quân Bắc Cáp-ca-dơ, do X. M. Bu-đi-on-nưi chỉ huy. Về phương diện tác chiến thì toàn bộ Hạm đội Biển Đen và Chi hạm đội A-dốp cũng được đặt dưới quyền Bu-đi-on-nưi. Phương diện quân này có nhiệm vụ phòng ngự bờ Đông biển A-dốp, eo biển Kéc-tơ và bờ Biển Đen đến La-da-rép-xcai-a.

Lúc đang diễn ra các cuộc chiến đấu trên bán đảo Kéc-tơ, thì các tập đoàn quân của phương diện quân Tây – Nam đã chuyển sang tiến công ở Khác-cốp. Bộ tổng tham mưu rất lo ngại theo dõi sự phát triển của chiến dịch này. Lúc đầu, tình hình tiến triển thuận lợi và Tổng tư lệnh tối cao chê trách Bộ tổng tham mưu đã có định kiến đối với một chiến dịch rất hay như vậy. Nhưng chẳng bao lâu mọi việc lại thay đổi đột ngột.

Trong khi bộ đội Liên Xô tiến công thì đồng thời, trái với dự đoán của ta, bộ chỉ huy quân Đức cũng bắt đầu mở chiến dịch chủ yếu của chúng trong năm 1942. Muốn đạt được những mục tiêu đã đặt ra, quân đội Đức phải tiêu diệt được phương diện quân Tây – Nam và phương diện quân Nam của ta và trước hết là phải thanh toán chỗ lồi Bác-ven-cô-vô là nơi mà từ đó cụm quân xung kích cánh trái của phương diện quân Tây – Nam tấn công vào Khác-cốp. Chỗ lồi đó lại làm phân tán cánh quân phát-xít Đức đang đe dọa vùng Đôn-bát.

Trình sát mặt trận của ta không nhận thấy cụm quân Clai-xơ đã chuẩn bị tập trung 11 sư đoàn với một số lượng lớn xe tăng ở khu vực Cra-ma-toóc-xơ. Vì vậy, tập đoàn quân 9 và toàn bộ phương diện quân Nam đều hoàn

toàn bất ngờ trước đợt tấn công từ khu vực đó của địch vào sáng ngày 17 tháng Năm. Do trước đó đã bị suy yếu qua các trận đánh có tính chất địa phương nên tập đoàn quân này không thể đẩy lùi được cuộc tấn công ồ ạt của địch.

Trong một ngày một đêm chiến đấu, quân địch đã tiến thêm được 20 ki-lô-mét, trong khi đó sức tiến công của chúng không giảm sút, mà lại còn tăng thêm – địch ngày càng huy động thêm nhiều cụm quân xe tăng và bộ binh cơ giới. Mỗi đe dọa sau lưng tập đoàn quân 57 của ta xuất hiện rất nhanh chóng, tập đoàn quân này được bố trí ở phía Tây tập đoàn quân 9 và toàn bộ cánh quân xung kích của phương diện quân Tây – Nam đang tấn công vào Khác-côp từ phía Nam.

Lúc bấy giờ, các sự kiện đó được đánh giá trái ngược nhau. Hội đồng quân sự khu vực mặt trận Tây – Nam không lấy gì làm lo lắng lắm, mặc dù cũng đã trình bày với Đại bản doanh rằng cần phải lấy quân dự bị của Bộ tổng tư lệnh tối cao tăng cường cho phương diện quân Nam. I. V. Xta-lin đồng ý với ý kiến đó và điều một số đơn vị đi tăng cường, nhưng mãi đến ngày đêm thứ ba và thứ tư các đơn vị đó mới vào được vùng chiến sự. Do tình huống thay đổi nên tổng tư lệnh khu vực mặt trận bắt đầu – quả là thông dong – chuẩn bị cho các lực lượng của mình phản công, trong khi đó vẫn không đình chỉ cuộc tấn công vào Khác-côp vì theo đồng chí ấy thì cuộc tấn công đó vẫn tiến triển bình thường.

Ngược lại, hoạt động của địch đã gây lo lắng trong Bộ tổng tham mưu. Nỗi lo lắng đó hoàn toàn có căn cứ. Các trợ lý tác chiến đều hiểu rằng kết hợp phòng ngự chiến lược với các hoạt động tiến công lớn thật khó biết chừng nào, huống hồ lúc đó ta lại chưa có đủ điều kiện cho một hình thức chiến đấu phức tạp như vậy. Chúng ta còn thiếu trang bị và phương tiện kỹ thuật quân sự, việc tổ chức và chủ yếu là huấn luyện quân dự bị còn chưa theo kịp sự phát triển của tình hình và những nhu cầu của chiến tranh. Tình hình hiện tại cũng rất nguy hiểm cho khu vực mặt trận Nam là nơi mà, như đã từng nói tới, Đại bản doanh hoàn toàn không có quân dự bị.

Tối ngày 17 tháng Năm 1942, A. M. Va-xi-lép-xki liên lạc với người bạn đồng sự cũ của mình ở Bộ tổng tham mưu là tướng A. Ph. A-ni-xốp, tham mưu trưởng tập đoàn quân 57. A-ni-xốp không hề giấu sự thật cay đắng và nói cho A-lêch-xan-đrơ Mi-khai-lô-vích hiểu rằng tình hình ở mặt trận họ đang nguy ngập.

Báo cáo của A-ni-xốp khiến cho A. M. Va-xi-lép-xki vô cùng lo lắng, song đồng thời cũng cho phép đồng chí nhận định đúng cuộc tấn công địch đang triển khai là khúc dạo đầu cho những hoạt động có quy mô hết sức to lớn. Bộ chỉ huy Hít-le dự định trước hết thanh toán chỗ lồi Bác-ven-cô-vô rồi sau đó hoàn toàn tiêu diệt các đơn vị bộ đội Liên Xô ở Khác-cốp.

A-lêch-xan-đrơ Mi-khai-lô-vích sử dĩ vô cùng lo lắng cùng là vì còn có những lý do thuần túy cá nhân nữa: đã tròn một tuần kể từ khi đồng chí đảm nhận chức trách tổng tham mưu trưởng, như vậy là hoạt động của đồng chí trên cương vị nhà nước cao quý đó bắt đầu đúng vào lúc tình hình chiến sự cực kỳ bất lợi (do bệnh tình ngày càng nặng nên B. M. Sa-pô-sni-cốp buộc phải chuyển sang một công tác yên tĩnh hơn: chủ nhiệm Học viện quân sự cao cấp).

Các sĩ quan trong Bộ tổng tham mưu chuyên theo dõi khu vực mặt trận Cận Đông và các khu vực mặt trận kề cận khác được điều sang giúp sức cho các đồng chí làm việc với phương diện quân Tây – Nam và phương diện quân Nam.

Chỉ có thể ngăn chặn quân Hít-le bằng các lực lượng hiện có của phương diện quân Nam và phương diện quân Tây – Nam. Cần phải đình chỉ ngay cuộc tấn công vào Khác-cốp để đẩy lùi nguy cơ từ phía Nam. A. M. Va-xi-lép-xki đã lập tức kiến nghị với Tổng tư lệnh tối cao như vậy. I. V. Xta-lin trao đổi ý kiến qua máy Bô-đô với Hội đồng quân sự khu vực mặt trận Tây – Nam. Hội đồng quân sự vẫn nhìn nhận tình hình lạc quan như cũ và đoán chắc rằng tình hình phía Nam chẳng bao lâu nữa sẽ trở nên bình thường nhờ cuộc phản công của ta và vẫn một mực đề nghị tấn công.

Song tình hình không được cải thiện thêm, mà ngược lại ngày càng trở nên xấu đi. Ngày 18 tháng Năm, tình hình trở nên cực kỳ gay go: xuất hiện

một mũi xe tăng của quân Đức thọc sâu vào lưng các tập đoàn quân 6, 57 và cụm quân của tướng L. V. Bốp-kin. A. M. Va-xi-lép-xki lại đề nghị Tổng tư lệnh tối cao dừng chiến dịch Khác-cốp và điều cánh quân xung kích của ta quay sang phía Nam để chống trả quân địch. Nhưng cả lần này nữa, I. V. Xta-lin cũng vẫn gọi giây nói yêu cầu Hội đồng quân sự khu vực mặt trận Tây – Nam cho biết ý kiến nhận định tình hình. Một lần nữa, Tổng tư lệnh X. C. Ti-mô-sen-cô vẫn đáp lại bằng những lời đoan chắc khiến cho người ta có thể yên tâm và vẫn tiếp tục cuộc tấn công. Thời gian quý giá lại mất thêm một ngày một đêm.

Tình hình mỗi lúc một trầm trọng thêm. Cần phải lập tức tiến hành những biện pháp nhằm đẩy lùi quân địch. Sang nửa cuối ngày 19 tháng Năm, nguy cơ bị bao vây của bộ đội ta ở chỗ lồi Bác-ven-cô-vô trở nên rõ rệt. Chỉ khi đó, X. C. Ti-mô-sen-cô mới quyết định ngừng chiến dịch Khác-cốp và đưa các lực lượng của cánh quân Nam sang chống địch đang tấn công. Quyết định đó đã muộn: chỉ đến đêm các đơn vị mới bắt đầu thi hành được lệnh, lại mất đi một khoảng thời gian vô giá. Xe tăng địch làm thiệt hại nặng tập đoàn quân 9 và đánh bật tập đoàn quân này ra ngoài khu vực Bắc Đô-ne-txơ Sau đó địch ồ ạt tấn công vào sau lưng các tập đoàn quân 6, 57 và cụm quân tướng Bốp-kin. Các đơn vị này chẳng mấy chốc đã bị bao vây.

Chậm trễ trong việc quyết định đình chỉ tấn công, rút các tập đoàn quân đang tiến công của phương diện quân Tây – Nam và tổ chức đánh trả quân địch, – điều đó đã nhanh chóng dẫn tới những hậu quả nghiêm trọng. Do gián đoạn trong việc chỉ huy bộ đội ở chỗ lồi Bác-ven-cô-vô và do mất tính kế hoạch trong các hoạt động tác chiến, cho nên không giải vây được cho tập đoàn quân 57 và tập đoàn quân 6 cũng như cho cụm quân của tướng Bốp-kin. Phần lớn các đơn vị này, sau khi đã chiến đấu anh dũng suốt một tháng rưỡi trời và bắt địch phải trả giá rất đắt, đã hy sinh hoặc bị bắt làm tù binh. Tư lệnh tập đoàn quân 57 C. P. Pốt-lát, A. Ph. A-ni-xốp, L. V. Bốp-kin cùng nhiều tướng lĩnh và sĩ quan khác đã hy sinh trong chiến đấu.

Tình hình cũng không thuận lợi ở hướng Cu-pi-an-xcơ, nơi tập đoàn quân 28 của tướng Đ. N. Ri-a-bư-sép đang từ vùng Vôn-tsan-xcơ ở phía Bắc tấn

công vào Khác-côp. Thắng lợi bước đầu của tập đoàn quân này cũng bị tê liệt ngay bởi những hoạt động phản kích của địch. Tập đoàn quân này có nguy cơ bị bao vây và có thể nói rằng đã rút lui một cách vô tổ chức vì không chỉ huy được các đơn vị.

Tất cả những điều đó đã buộc phương diện quân Tây – Nam và phương diện quân Nam phải nhanh chóng rút về tuyến sông Bắc Đô-ne-txơ và Ô-xcôn.

Song thất bại cũng vẫn không dừng lại ở đó. Tai họa này tiếp đến tai họa khác. Cơ quan tham mưu phương diện quân Tây – Nam không nghiên cứu trước kế hoạch hành động trong trường hợp buộc phải rút lui. Không thiết lập các phòng tuyến đệm. Không có kế hoạch yểm hộ việc rút lui, một kế hoạch được đảm bảo đủ lực lượng và phương tiện. Tất cả những việc đó đều phải ứng biến một cách vội vã.

Chẳng bao lâu người ta nhận thấy những.rối loạn nghiêm trọng trong hoạt động của cơ quan hậu cần: các đơn vị thiếu đạn dược và nhiên liệu, mặc dù chúng nằm trong các kho của phương diện quân và tập đoàn quân. Quả là không kịp cung cấp chúng cho bộ đội. Về sau, những kho dự trữ đó không được kịp thời chuyển về phía Đông nên bị rơi vào tay giặc.

Ở khu vực phương diện quân Nam, tình hình không đến nỗi gay go như vậy. Tuy bị thiệt hại những lực lượng đáng kể, phương diện quân vẫn duy trì được sự chỉ huy đối với các đơn vị vẫn duy trì được tính tổ chức và khả năng phòng thủ kiên cường. Nhanh chóng nhận thấy điều đó, địch bèn bố trí lại quân và bắt đầu triển khai mũi tấn công chủ yếu của chúng ở khu vực phương diện quân Tây – Nam, tấn công ồ ạt không ngời một ngày nào.

Tình hình ở cả các khu vực khác của mặt trận Xô – Đức cũng trở nên phức tạp.

Tháng Tư, địch bắt đầu siết gọng kìm bao vây cụm quân của P. A. Bê-lốp và M. G. Ê-phrê-mốp tại khu vực Vi-a-dơ-ma. Rõ ràng chúng có ý đồ thanh toán các đơn vị bộ đội đang cùng với du kích đe dọa các con đường giao thông liên lạc giữa tập đoàn quân 9, tập đoàn quân xe tăng 3 và tập đoàn quân 4 của Đức.

Từ giữa tháng Tư, cụm quân này đã tiến hành những trận chiến đấu cực kỳ gay go để đột phá vòng vây. Một bộ phận quân, dưới sự chỉ huy của tướng P. A. Bê-lốp chuyển sang vùng Ki-rốp theo chỉ thị của bộ tư lệnh khu vực mặt trận Tây. Họ đi xuyên rừng, qua các vùng du kích, tránh các lực lượng lớn của địch, ở những nơi nào không thể tránh được các đòn tấn công của địch thì họ chiến đấu rất quyết liệt.

Ngày 18 tháng Bảy 1942, bộ phận này đột phá vào vùng đã định, tới được vị trí của phương diện quân Tây. Bộ phận kia cũng thoát được khỏi vòng vây và nhập vào với phương diện quân Ca-li-nin ở phía Tây – Bắc I-ác-txê-vô. Song không phải tất cả.

Trung tướng M. G. Ê-phrê-mốp, người chỉ huy gan dạ và dũng cảm, tư lệnh tập đoàn quân 33, đã phải cố gắng quá sức sau khi vượt được một đoạn đường dài với những trận chiến đấu gay go và các chiến sĩ do đồng chí chỉ huy cũng đã vô cùng mệt mỏi. Đồng chí bèn xin phép vượt vòng vây ở con đường ngắn nhất nhưng cũng nguy hiểm nhất.

Đại tướng Gh. C. Giu-côp, Tổng tư lệnh khu vực mặt trận Tây không tán thành vì như vậy quá ư mạo hiểm. Nhưng Đại bản doanh thấy không còn sự lựa chọn nào khác nên đành đồng ý. Ngày 19 tháng Tư 1942, trong trận đánh gần làng Gia-rư thuộc tỉnh Xmô-len-xcơ, M. G. Ê-phrê-mốp bị địch bao vây và bị thương nặng. Thà chết còn hơn bị bắt làm tù binh, đồng chí đã tự sát. Các bạn chiến đấu của Ê-phrê-mốp cũng hy sinh.

Đến cuối tháng Sáu, các đơn vị đã bị tiêu hao của phương diện quân Tây – Nam chiến đấu gian khổ ở gần Khác-côp: chọc thủng vòng vây, rút lui và phòng thủ trên các con đường vào sông Ô-xcôn. Còn các lực lượng quân địch thì vẫn tiếp tục được tăng cường. Bộ chỉ huy Hít-le tập trung ở miền Nam nước ta bốn tập đoàn quân dã chiến (2, 6, 11 và 17) và hai tập đoàn quân xe tăng (1 và 4). Ngoài ra, chúng còn đưa tới đây tập đoàn quân Hung-ga-ri 2, I-ta-li-a 8 và Ru-ma-ni 3.

Bộ máy chỉ huy quân Đức cũng được cải tổ lại đáng kể. Chúng thành lập 2 cụm tập đoàn quân: cụm “A” nhằm theo hướng hạ lưu sông Đôn và từ đó vào Cáp-ca-dơ. cụm “B” nhằm vào vùng trung lưu sông Đôn và vào vùng Xta-lin-grát.

Tình hình luôn luôn cực kỳ căng thẳng. Địch khống chế trên không và tập trung tập kích bằng không quân vào các đơn vị bộ đội ta đang rút lui, không cho ta có điều kiện chuẩn bị và giữ thế phòng thủ một cách có tổ chức. Xe tăng và bộ binh địch, được pháo binh và không quân yểm trợ mạnh, tiến hành tấn công liên tục.

Tình hình phương diện quân Tây – Nam khiến cho Đại bản doanh và Bộ tổng tham mưu rất lo ngại. Các đơn vị phá vây bị thiệt hại đáng kể và không còn được chỉ huy chặt chẽ nữa. X. C. Ti-mô-sen-cô xin thêm quân tiếp viện, nhất là các sư đoàn bộ binh. Hiểu rõ tình hình, Tổng tư lệnh tối cao cho phương diện quân này bốn quân đoàn xe tăng 13, 22, 23 và 24, những quân đoàn này mới tới vùng chiến sự phía Tây Va-lui-ki hồi giữa tháng Sáu. Còn bộ binh thì Tổng tư lệnh tối cao từ chối:

- Chúng tôi không thể cho thêm các sư đoàn bộ binh được, đồng chí nói với Hội đồng quân sự khu vực mặt trận Tây – Nam như vậy khi trao đổi ý kiến qua đường dây trực tiếp ngày 13 tháng Sáu 1942, – vì chúng tôi hiện không có các sư đoàn đã được chuẩn bị sẵn. Cần phải đối phó với địch bằng lực lượng của bản thân mình, phải cải tiến việc chỉ huy bộ đội.

Vì X. C. Ti-mô-sen-cô nhiều lần viện dẫn rằng lực lượng xe tăng địch rất mạnh cho nên Tổng tư lệnh tối cao chỉ thị:

- Xe tăng của đồng chí nhiều hơn của địch. Tai họa là ở chỗ hoặc chúng vẫn đứng nguyên tại chỗ, hoặc là chúng xung trận một cách tản mát, chỉ có từng lữ đoàn lẻ tẻ. Đại bản doanh đề nghị đồng chí tập trung hoạt động của các quân đoàn xe tăng 22, 23 và 13 ở một chỗ nào đó, có thể là ở khu vực Ve-li-ki Bua-lúc, và tấn công vào các cụm xe tăng địch. Nếu như các quân đoàn xe tăng của ta hoạt động một cách tập trung và thành từng cụm lớn thì có lẽ bức tranh hiện có sẽ không còn nữa.

I. V. Xta-lin đề nghị suy tính việc tập trung các lực lượng không quân và điều tướng G. A. Vô-rô-giây-kin ra mặt trận để giúp việc tổ chức đối phó với địch trên không; Vô-rô-giây-kin vẫn tài giỏi về việc này. Ngoài ra, Tổng tư lệnh tối cao còn yêu cầu đẩy mạnh hoạt động của phương diện quân Nam.

Tổng tư lệnh khu vực mặt trận nhận sẽ chấp hành lệnh, nhưng vẫn một mực xin thêm bộ binh và vũ khí. Một lần nữa, Tổng tư lệnh tối cao buộc phải trả lời những yêu cầu đó bằng những chữ như sau: "...Đại bản doanh không có những sư đoàn mới đã sẵn sàng chiến đấu... Các nguồn dự trữ vũ khí của ta có hạn, và đồng chí cần lưu ý rằng ngoài phương diện quân của

đồng chí, chúng ta còn có các phương diện quân khác nữa.. Cần chiến đấu không phải bằng số lượng, mà bằng kỹ năng).

Ở Bộ tổng tham mưu, những ngày đầy công việc khẩn trương không phải là trôi đi, mà là chạy vụt đi. Mọi người đều chờ đợi Cụm tập đoàn quân “trung tâm” sắp bắt đầu ồ ạt tấn công vào Mát-xcơ-va. Nhưng thời gian trôi qua, mà ngoài những hành động chống các đơn vị của P. A. Bê-lốp đang phá vây ra, người ta không thấy có dấu hiệu gì khác chứng tỏ địch có ý định tấn công lại vào thủ đô Liên Xô.

Đêm 19 rạng ngày 20 tháng Sáu, từ mặt trận Tây – Nam báo tin: ta đã lấy được kế hoạch tác chiến của bộ chỉ huy quân Đức. Trong Bộ tổng tham mưu, mọi người đều hồi hộp: những chuyện như thế không thường xảy ra. Thì ra do thời tiết xấu nên một máy bay địch bị mất phương hướng, rơi vào tầm hỏa lực pháo cao xạ của ta và bị bắn rơi. Hai sĩ quan bị cháy thui chỉ có tên thiếu tá là còn sống. Hắn tìm cách thủ tiêu tài liệu và lẩn trốn, nhưng các chiến sĩ ta đã rượt theo kịp và hắn bị bắn chết khi hai bên nổ súng bắn nhau. Thế là ta vớ được tấm bản đồ trên có ghi rõ nhiệm vụ của quân đoàn xe tăng 40 và cả tập đoàn quân xe tăng 4 của Đức cùng nhiều tài liệu khác, trong đó có bản mật mã. Chúng ta đã nhanh chóng tìm ra được chìa khóa để giải bản mật mã đó.

Theo nguyên soái X. C. Ti-mô-sen-cô, những tài liệu ấy cho phép vạch trần những ý đồ của địch trong thời gian sắp tới: đánh bại các tập đoàn quân bên cánh phương diện quân Tây – Nam – tập đoàn quân 21 ở phía Bắc và tập đoàn quân 9 ở phía Nam, rồi sau đó tấn công vào trung tâm phương diện quân, phát triển thắng lợi theo hướng Vô-rô-ne-giơ từ tuyến Va-lui-ki, Cu-pi-an-xcơ.

A. M. Va-xi-lép-xki lập tức báo cáo những tài liệu đó cho Tổng tư lệnh tối cao, Tổng tư lệnh tối cao ngờ rằng địch chủ tâm gửi cho ta những giấy tờ ấy để đánh lừa không cho ta biết những ý đồ thực sự của bộ chỉ huy quân Đức, nên bèn gọi điện cho tư lệnh phương diện quân. Toàn bộ các ủy viên Hội đồng quân sự ở Va-lui-ki ra nghe máy điện thoại. X. C. Ti-mô-sen-cô trình bày ý kiến. Đồng chí quả quyết rằng những tài liệu đó không hề đáng ngờ và

trình bày những kiến giải của mình về những ý đồ của địch cùng những biện pháp cần tiến hành.

I. V. Xta-lin yêu cầu giữ kín những điều chúng ta đã biết về các kế hoạch của bộ chỉ huy quân Đức. Đồng chí đọc cho điện báo viên phát đi như sau: “Có thể bản mệnh lệnh mà chúng ta vớ được chỉ cho biết một phần kế hoạch tác chiến của địch. Có thể cho rằng quân Đức đang cố sức giữ trò gì đây nhân kỷ niệm một năm ngày nổ ra chiến tranh và bố trí các chiến dịch của chúng vào đúng ngày đó”.

Đồng chí chuẩn y những biện pháp của phương diện quân, thông báo rằng Đại bản doanh đang thi hành những biện pháp về chỗ nấp giữa mặt trận Tây – Nam với mặt trận Bri-an-xơ và nói rằng phương diện quân cần hết sức nhanh chóng cố gắng dùng không quân tiêu diệt sinh lực địch, xe tăng của chúng, các đầu mối thông tin liên lạc và các máy bay của chúng ở các sân bay. Ở đây cần phải hành động trước kẻ địch, máy bay của chúng rất mạnh.

X.C. Ti-mô-sen-cô hài lòng với cuộc nói chuyện, song tuy vậy khi sắp kết thúc đồng chí vẫn đề nghị: “giả như đồng chí có thể cho chúng tôi thêm một sư đoàn bộ binh ở khu vực Cô-rô-tra thì sẽ hay biết bao. Còn tất cả những điều khác mà đồng chí vừa trình bày là hợp ý chúng tôi, chúng tôi sẽ hoàn thành”. I. V. Xta-lin trả lời: “giả như ở chợ có bán các sư đoàn thì tôi sẽ mua ngay cho các đồng chí 5-6 sư đoàn, song đáng tiếc là lại không có bán”.

Sang ngày hôm sau, 21 tháng Sáu 1942, Đại bản doanh thông qua quyết định giải tán khu vực mặt trận Tây – Nam. X.C. Ti-mô-sen-cô vẫn làm tư lệnh các đơn vị bộ đội phương diện quân Tây – Nam. A. M. Va-xi-lép-xki phải bay sang mặt trận này để xem xét tại chỗ tình hình cho tỉ mỉ hơn.

A. M. Va-xi-lép-xki đến Va-lui-ki vừa đúng lúc: lúc 3 giờ ngày 22 tháng Sáu, địch bắt đầu cho pháo bắn chuẩn bị ở các khu vực thuộc tập đoàn quân 38 và 9, sau đó bộ binh và xe tăng của chúng chuyển sang tấn công với số lượng rất đông. Theo báo cáo của phương diện quân, mỗi cụm xe tăng địch có từ 100-150 chiếc. Tuyến phòng thủ của ta bị chọc thủng ở một số nơi. Để tránh khỏi bị bao vây, ta phải rút bộ đội sang phía Đông, sang các tuyến dọc theo các sông Ô-xcôn và Bắc Đô-ne-txơ.

Ngay sau khi được biết những tin này, Bộ tổng tham mưu liền báo cáo lên Đại bản doanh. Tổng tư lệnh tối cao lập tức đánh điện yêu cầu X. C. Ti-mô-sen-cô báo cáo tình hình. Sau đó Xta-lin đề nghị A. M. Va-xi-lép-xki đánh giá tình hình. A. M. Va-xi-lép-xki báo cáo rằng địch đang tiến hành một chiến dịch với ý đồ bao vây và tiêu diệt 4 sư đoàn của tập đoàn quân 38 lúc này do tướng C. X. Mô-xca-len-cô chỉ huy.

Đại diện Đại bản doanh xác nhận việc tư lệnh phương diện quân quyết định rút các binh đoàn là đúng. Ở gần Vôn-tran-xcơ, cánh quân địch ngừng tập trung vào chính những khu vực đã dự kiến trong các tài liệu ta thu được trên chiếc máy bay Đức bị bắn rơi mới đây. Điều này cũng rất quan trọng: có nghĩa là trong những ngày sắp tới, cần phải tính đến những hoạt động quyết định của quân Hít-le ở cả các khu vực mặt trận khác.

Không nhận thấy có những sự khác nhau nào đó giữa đại diện Đại bản doanh và tư lệnh phương diện quân trong việc nhận định tình hình, Tổng tư lệnh tối cao chuẩn y việc rút quân tới các con sông Ô-xcôn và Bắc Đô-ne-txơ nhưng lại yêu cầu phải chặn địch lại ở đây “trong bất kỳ hoàn cảnh nào”.

Đồng chí cũng không bỏ qua ý kiến của A. M. Va-xi-lép-xki lưu ý đề phòng khả năng địch có thể mở một cuộc tấn công lớn và cuối cùng đồng chí nhắc ngắn gọn: “ngày mai hoặc ngày kia nếu như Va-xi-lép-xki về được Mát-xcơ-va thì tốt”. Hai người thỏa thuận với nhau là A-lếch-xan-đrơ Mi-khai-lô-vích không bay vào ngày mai, mà bay sau đó 1 ngày – 24 tháng Sáu.

10 ngày cuối cùng của tháng Sáu 1942 cũng rất quan trọng đối với địch. Chúng ngừng tập trung và triển khai 3 cánh quân xung kích lớn: một ở khu vực phía Đông – Bắc Cuốc-xcơ một ở phía Đông – Bắc Khác-côp (Bộ tổng tham mưu gọi cánh quân này là cánh quân Vôn-tran-xcơ), còn cánh quân thứ ba thì ở khu vực Cra-ma-toóc-xcơ. Các cánh quân này cũng có nhiệm vụ đánh chiếm Cáp-ca-dơ, chiếm vùng hạ lưu trung lưu sông Đôn và sông Vôn-ga. Để bổ sung lực lượng của chúng, bộ chỉ huy Hít-le đã điều thêm 28 sư đoàn cho riêng hướng Vô-rô-ne-giơ.

Hiện thời, ta biết đích xác là chiến dịch mang mật hiệu “xanh” của địch dự định diệt tan các đơn vị bộ đội Liên Xô ở sườn phía Nam mặt trận Xô –

Đức làm 2 đợt. Trước hết, chúng định giành thắng lợi ở hướng Vô-rô-ne-giơ. Để làm việc đó chúng huy động cánh quân Cuốc-xơ và cánh quân Vôn-tran-xơ đánh vào chỗ nối giữa mặt trận Bri-an-xơ và mặt trận Tây – Nam của ta, vì như mọi người đều biết, các chỗ nối bao giờ cũng là chỗ hiểm yếu nhất của mặt trận tác chiến – chiến lược.

Tới được sông Đôn, bộ chỉ huy quân địch dự tính sẽ đưa tập đoàn quân xe tăng 4 tiến dọc theo bờ Tây con sông xuống phía Nam và chặn đường rút lui về phía Đông của các lực lượng chủ yếu của phương diện quân Tây – Nam. Đến lúc đó cánh quân xung kích của Đức (trong đó có tập đoàn quân xe tăng 1) đang tấn công từ khu vực Cra-ma-toóc-xơ sẽ đánh tan phương diện quân Nam của ta và tràn qua Rô-xtôp vào Cáp-ca-dơ.

Đồng thời, chúng cũng dự định đưa một phần lực lượng thọc qua các thảo nguyên Xan-xơ và Can-mút tiến tới vùng Hạ lưu sông Vôn-ga. Bằng cách ấy, các nhà chiến lược của Hít-le chuẩn bị tạo ra một vòng vây khổng lồ đối với các đơn vị bộ đội Liên Xô trong một vùng rộng lớn hết sức bất lợi cho việc phòng thủ của các đơn vị đó. Và sau đó, như người ta thường nói, mọi việc chỉ còn là vấn đề kỹ thuật: trên các vùng thảo nguyên mênh mông không hạn, bị mặt trời miền Nam thiêu đốt, phẳng lì như mặt bàn, các cụm quân xe tăng và máy bay địch bắt đầu hoành hành.

Đáng tiếc là qua các tài liệu thu được từ chiếc máy bay bị bắn rơi của bộ chỉ huy quân Đức, người ta vẫn chưa biết rõ chúng sẽ giáng đòn chủ yếu vào chính chỗ nào. Cánh quân phát-xít Đức hiện thời vẫn giữ thái độ thụ động trên các cửa ngõ vào Mát-xơ-va. Song điều đó hoàn toàn không có nghĩa là từ nay về sau chúng vẫn cứ xử sự như vậy, nhất là một khi quân Đức xông vào Vô-rô-ne-giơ, từ đó chúng có thể bắt đầu một sự cơ động vu hồi và cắt Mát-xơ-va khỏi miền Nam và miền Đông đất nước. Tổng tư lệnh tối cao và Bộ tổng tham mưu vẫn cho rằng Mát-xơ-va là mục tiêu chủ yếu của các kế hoạch của địch.

Ngoài những tài liệu thông thường về tình huống các mặt trận ra, Bộ tổng tham mưu còn chuẩn bị đặc biệt tỉ mỉ những tin tức hàng ngày về tình trạng các lực lượng dự bị, trước hết là các liên binh đoàn. Do các tập đoàn quân

dự bị được thành lập ở những vùng đảm bảo nhanh chóng tập trung được các lực lượng đó tại Mát-xcơ-va, Vô-rô-ne-giơ và vùng trung lưu sông Đôn, cho nên Đại bản doanh đã không tiến hành bố trí lại các tập đoàn quân đó.

Ngày 28 tháng Sáu, từ mặt trận Bri-an-xcơ do tướng Ph. I. Gô-li-côp chỉ huy, báo về: địch đánh mạnh trên hướng Vô-rô-ne-giơ. Một ngày sau, chúng bắt đầu tấn công ào ạt vào phương diện quân Tây – Nam, lực lượng tấn công là tập đoàn quân 6 của Đức với một khối lượng lớn xe tăng. Chúng ta không thể đẩy lùi được các đợt tấn công.

Phòng tuyến tập đoàn quân 40 của M. A. Pác-xe-gốp tại mặt trận Bri-an-xcơ, phòng tuyến tập đoàn quân 21 của V. N. Goóc-đôp và phòng tuyến tập đoàn quân 28 của tướng Đ. I. Ri-a-bư-sép tại mặt trận Tây – Nam bị chọc thủng. Xe tăng và bộ binh cơ giới địch từ phía Tây thọc qua Ca-xtôóc-nôi-ê tràn vào Vô-rô-ne-giơ và từ phía Tây – Nam qua Vô-lô-cô-nôp-ca vào Cô-rô-tô-i-ác. Địch cũng tiến hành những trận tập kích dữ dội bằng không quân.

Sau khi các lực lượng xe tăng lớn của địch đột phá ở dải mặt trận Tây – Nam và tại đây chúng vượt qua sông Ô-xcôn – Tséc-ni-an-ca, thì tại chỗ nối với mặt trận Bri-an-xcơ hình thành một cụm quân xe tăng nguy hiểm, có thể đánh vào sau lưng phương diện quân này hoặc phương diện quân kia.

Đồng thời, cả ở dải mặt trận Bri-an-xcơ, cánh quân xe tăng mạnh của địch cũng đã tiến tới vùng Goóc-se-tơ-nô-ê (cách Tséc-ni-an-ca 100 km về phía Bắc). Nếu như cánh quân này quật xuống phía Nam, gặp được các đơn vị quân Đức đang đóng ở Tséc-ni-an-ca, thì các đơn vị thuộc tập đoàn quân 40 và tập đoàn quân 21 của ta có thể sẽ rơi vào vòng vây ở phía Tây sông Ô-xcôn. Ngoài ra, địch vẫn tiếp tục duy trì quyền tự do di động nhằm cắt đứt các con đường rút lui về phía Đông của các lực lượng chủ yếu thuộc hai phương diện quân của ta.

Bộ tổng tham mưu nhanh chóng xác định nguy cơ hình thành ở chỗ nối giữa hai phương diện quân. N. Ph. Va-tu-tin lúc đó đang thừa hành chức trách cục trưởng Cục tác chiến Bộ tổng tham mưu, là người lo lắng trước tiên. Ni-cô-lai Phê-đô-rô-vích biết rằng tương quan lực lượng chung ở miền

Nam – ở các khu vực hoạt động của các cụm tập đoàn quân “A” và “B” – hoàn toàn bất lợi cho ta.

Tính đến ngày 1 tháng Bảy 1942, địch có 900 nghìn lính và sĩ quan, trên 1.200 xe tăng, hơn 17 nghìn pháo và súng cối, 1.640 máy bay chiến đấu Để đối chọi lại, các phương diện quân Bri-an-xcơ, Tây – Nam và Nam chỉ có thể huy động được 655 nghìn quân, 740 xe tăng, 14.200 pháo và súng cối, khoảng 1.000 máy bay chiến đấu. Như vậy, quân ta thua kém địch về số lượng. Thêm vào đó, địch lại nắm trong tay quyền chủ động tác chiến – chiến lược. Trong hoàn cảnh ấy, đây là một ưu thế cực kỳ lớn đảm bảo cho bộ chỉ huy Hít-le quyền tự do lựa chọn hướng tấn công và khả năng tạo ra được một sự hơn hẳn, có tính chất quyết định, về lực lượng và phương tiện trên hướng đó.

Hiểu rõ việc di chuyển các lực lượng hiện có của các phương diện quân của ta trong điều kiện hiện tại thật phức tạp biết chừng nào, N. Ph. Va-tu-tin liền lập tức báo cáo với I. V. Xta-lin về tình hình nguy ngập đó. Tổng tư lệnh tối cao ra lệnh ưu tiên chuyển ngay bức điện sau đây:

“Gởi đồng chí Ti-mô-sen-cô, tư lệnh phương diện quân Tây – Nam.

Tại mặt trận của đồng chí, địch đã đột phá qua sông Ô-xcôn và đang tập trung lực lượng bên bờ Đông con sông, sau lưng phương diện quân Tây – Nam. Điều đó gây nên nguy vong cao cả phương diện quân Tây – Nam lẫn phương diện quân Bri an-xcơ.

Tôi yêu cầu đồng chí tiến hành những biện pháp khẩn cấp cần thiết để lấp kín chỗ thủng đó. Tôi đợi đồng chí cho biết những biện pháp cần tiến hành.

I. V. Xta-lin.

Ngày 2 tháng Bảy 42.16.05”.

Nhưng địch lại không bao vây các đơn vị bộ đội Liên Xô ở phía Tây sông ô-ô-xcôn, mà lại thực hiện kế hoạch tác chiến của đại bản doanh của chúng là nhanh chóng triển khai cuộc tấn công vào Vô-rô-ne-giơ.

Bây giờ, I. V. Xta-lin đặc biệt chăm chú theo dõi khu vực Vô-rô-ne-giơ. Đồng chí cho rằng có thể sau khi đã chọc thủng được ở đây quân Đức sẽ

vượt qua sông Đôn và bắt đầu đánh bọc vào sau lưng Mát-xcơ-va. Để củng cố vững chắc trận địa trên hướng Vô-rô-ne-giơ, Đại bản doanh ra lệnh đưa 3 tập đoàn quân tới bờ trái sông Đôn – các tập đoàn quân dự bị 3, 6 và 5, sau này được đổi tên tương ứng thành các tập đoàn quân 60, 6 và 63. Họ chiếm giữ phòng tuyến từ Da-đôn-xcơ cho tới Cli-ốt-xcai-a. Đồng thời, phương diện quân Bri-an-xcơ cũng được cấp thêm tập đoàn quân xe tăng 5, một tập đoàn quân vừa mới được thành lập, của viên tướng dũng cảm và giàu kinh nghiệm là A. I. Li-diu-côp để phản kích vào sườn phía Bắc của kẻ địch đang tấn công vào Vô-rô-ne-giơ.

Ban lãnh đạo chiến lược của Liên Xô và Bộ tổng tham mưu cho rằng nếu mở đợt phản công ngay tức khắc thì tập đoàn quân này cùng với quân đoàn xe tăng 17 của phương diện quân có thể làm thay đổi tình thế có lợi cho ta. Ngoài ra, Đại bản doanh còn cho phương diện quân thêm quân đoàn xe tăng 18 nữa.

Trong Bộ tổng tham mưu, mỗi người đều rất nóng lòng chờ đợi tin tức về việc mở cuộc phản công. Nhưng những tin ấy không đến. Tư lệnh phương diện quân cũng không giao nhiệm vụ cho các đơn vị xe tăng trong suốt cả ngày 3 tháng Bảy 1942. Việc đó khiến cho mọi người lo lắng. I. V. Xta-lin chỉ thị cho A. M. Va-xi-lép-xki phải bay tới mặt trận Bri-an-xcơ vào ngày 4 tháng Bảy để giúp việc nhanh chóng tổ chức chống trả quân địch ở Vô-rô-ne-giơ.

Mãi tới sáng ngày 6 tháng Bảy, cuộc phản công của phương diện quân Bri-an-xcơ mới bắt đầu. Song không có được một đợt tấn công dữ dội nào cả, các quân đoàn và lữ đoàn hoạt động phân tán, còn xe tăng địch thì ngay ngày hôm đó, thọc được vào phần phía Tây của Vô-rô-ne-giơ. Thực ra, bộ chỉ huy quân Đức đã buộc phải triển khai một phần lực lượng của chúng để đối phó với tập đoàn quân xe tăng 5. Ta không diệt tan được địch nhưng đã không để mất phần phía Đông của Vô-rô-ne-giơ vào tay chúng. Tuyến trận ở đây được thiết lập vững chắc.

Còn về phương diện quân Tây – Nam thì Đại bản doanh đã gấp rút điều các đơn vị thuộc 5 khu vực bố phòng tới tuyến phòng thủ xây dựng trong

hậu tuyến ở đó. Nhưng do các đơn vị dã chiến không đảm bảo phòng thủ được ở mức độ thích đáng cho nên địch đã vượt qua được phòng tuyến ở phần phía Bắc. Các lực lượng cơ bản của phương diện quân Tây – Nam vẫn tiếp tục rút lui.

Vào những ngày ta rút lui gian nan như vậy thì ở phía Nam, việc rời bỏ Crum cũng không có gì đáng phấn khởi. Sáng ngày 30 tháng Sáu, bộ tư lệnh phương diện quân Bắc Cáp-ca-dơ – các đồng chí X. M. Bu-đi-on-nưi, G. Ph. Da-kha-rốp, và I. X. I-xa-cốp – thông báo rằng những người chỉ huy phòng thủ Xê-va-xtô-pôn báo tình hình ở thành phố rất nguy ngập: từ hướng Bắc, địch đã tràn vào khu Cô-ra-ben-nai-a. Báo cáo của những người Xê-va-xtô-pôn chuyển cho Đại bản doanh có nói thẳng ra rằng: “các hoạt động chiến đấu bắt đầu mang tính chất những trận đánh trên đường phố...”

Địch tăng cường ghê gớm việc gây áp lực bằng không quân, xe tăng; nếu tính đến sức chiến đấu giảm sút đáng kể của ta thì hẳn phải cho rằng trong tình hình như vậy, ta sẽ chỉ giữ vững được tối đa là 2-3 ngày. Hội đồng quân sự phương diện quân xin phép rút quân và sơ tán dân, đồng thời vẫn tiếp tục chống cự với địch đến cùng.

Đại bản doanh chuẩn y những đề nghị đó và bắt đầu việc sơ tán và rút quân. Nhưng các chiến sĩ bảo vệ thành phố anh hùng vẫn tiếp tục chiến đấu trong từng khu vực cho đến 9- 12 tháng Bảy. Một bộ phận quân chuyển sang phương pháp chiến tranh du kích trên núi. Cuộc phòng thủ Xê-va-xtô-pôn anh hùng đã kết thúc.

Các chiến sĩ phòng thủ đã chôn chân cả một tập đoàn quân của lực lượng vũ trang Hít-le trong một thời gian dài, không cho địch sử dụng nổi căn cứ hải quân cực kỳ lợi hại của chúng ở Biển Đen, không ngừng uy hiếp bên sườn và phía sau lưng chúng ở phía Nam. Nhờ vậy họ đã giải quyết được nhiệm vụ tác chiến – chiến lược lớn lao.

“Cuộc chiến đấu đầy hy sinh của những người Xê-va-xtô-pôn đã nêu một tấm gương về chủ nghĩa anh hùng cho toàn thể Hồng quân và nhân dân Liên Xô” – I. V. Xta-lin đã viết như vậy trong bức thư chào mừng các chiến sĩ thành phố bị phong tỏa. Trong biên niên sử về chủ nghĩa anh hùng thể hiện

trong cuộc Chiến tranh giữ nước vĩ đại, đã xuất hiện một trang mới ghi thêm chiến công của thành phố Xê-va-xtô-pôn anh hùng...

Một mùi khét của lúa mì bị thiêu cháy, của sắt thép bị hun nóng và máu bao trùm lên các cánh đồng thân thuộc đối với tôi ở vùng sông Đôn. Trên bầu trời cao thẳm cuộn lên một màn khói bụi đen ngòm phủ lên các con đường rút lui khó khăn của ta... Xe tăng và các đơn vị cơ giới của quân Đức đã ở trong vùng Vô-rô-ne-giơ, còn bộ binh thì đang từng đoàn dài màu rằn lục trườn vào từ phía Tây. Các chiến sĩ ta vừa chiến đấu gay go liên tục, vừa rút về phía Đông dưới những trận tập kích của xe tăng và bộ binh địch, dưới những trận oanh tạc của máy bay địch.

Lúc này, gần các con đường quân sự là quê hương tôi – làng U-ri-u-pin-xcai-a. Tôi hình dung thấy cảnh những người vợ lính đáng thương ở nơi đó, vào những ngày gian truân của mùa hè năm 1942 ấy, bước ra sân, đưa tay lên che mắt cho khỏi nắng, lo lắng đăm đăm nhìn về phương xa, chăm chú lắng nghe tiếng ì ầm của trận đánh ở miền Tây...

Sau khi tới được Vô-rô-ne-giơ và đẩy lùi được cuộc phản công của ta, địch định điều tập đoàn quân xe tăng 4 xuống phía Nam. Nhưng chúng không tài nào nhanh chóng kịp thực hiện được ý đồ đó, vì các đơn vị bộ đội Liên Xô đã trói chặt tập đoàn quân này bằng các hoạt động phòng thủ của mình. Các đợt phản công kiên cường của ta đã phá vỡ mọi thời hạn mà bộ chỉ huy Hít-le đã dự định.

Như vậy, trên hướng Vô-rô-ne-giơ, tinh thần anh dũng của các chiến sĩ đã buộc địch phải trì hoãn cuộc tấn công, đã giúp cho các đơn vị bộ đội phương diện quân Tây – Nam thoát khỏi một tai họa lớn nữa. Chỉ sau một vài ngày, xe tăng địch, được sông Đôn che chở ở phía Đông, đã tới được vùng Rốt-xô-sơ. Mưu đồ của bộ chỉ huy quân Đức đã lộ rõ: bao vây các lực lượng chủ yếu của phương diện quân Tây – Nam tại khúc ngoặt lớn của sông Đôn.

Sau đó ít lâu, Đại bản doanh tách phương diện quân Bri-an-xơ thành hai phương diện quân: Bri-an-xơ và Vô-rô-ne-giơ. Điều đó đã cải tiến việc chỉ huy bộ đội một cách đáng kể, nhất là tướng C. C. Rô-cô-xốp-xki được bổ

nhiệm làm tư lệnh phương diện quân Bri-an-xơ, tướng N. Ph. Va-tu-tin làm tư lệnh phương diện quân Vô-rô-ne-giơ, lại là hai vị tướng xuất sắc của Liên Xô. Hai đồng chí này đã đẩy mạnh hoạt động của các đơn vị và tình hình tại hai phương diện quân này trở nên ổn định.

Trong hoàn cảnh căng thẳng tột độ đó, tính tổ chức trong việc rút lui bộ đội phương diện quân Tây – Nam, tính cứng rắn và linh hoạt trong việc chỉ huy bộ đội có tầm quan trọng đặc biệt. Quân địch hơn quân ta về tính cơ động, chúng đã thọc sâu được vào đội hình chiến đấu của ta, bao vây được từng binh đội và binh đoàn của ta. Còn việc chỉ huy bộ đội thì lẽ ra còn có thể tốt hơn nhiều.

Để tăng cường bộ máy lãnh đạo phương diện quân Tây – Nam, Tổng tư lệnh tối cao đã ra lệnh điều tướng Pa-ven I-va-nô-vích Bô-đin, một cán bộ tham mưu giàu kinh nghiệm và đã từng dày dạn trong chiến đấu, tới đó làm tham mưu trưởng. Song cả tư lệnh lẫn ủy viên Hội đồng quân sự phương diện quân đều không để ý tới viên tham mưu trưởng mới này, mặc dù Bô-đin rất biết việc và đã góp phần đáng kể vào việc cải tiến chỉ huy bộ đội. Sự bất đồng không có lợi cho công việc, hơn nữa, tình hình ở sườn phía Nam mặt trận Xô – Đức lại ngày càng nguy ngập.

Ngày 6 tháng Bảy 1942, tư lệnh phương diện quân Tây – Nam và ủy viên Hội đồng quân sự đi đến đài chỉ huy phụ ở Gô-rô-khốp-ca mà không hề báo cho tham mưu trưởng. Đài chỉ huy phụ này không được đảm bảo tốt các phương tiện thông tin liên lạc, ở đó cũng không có một cán bộ trợ lý nào. Chuyển đi khó hiểu của tư lệnh phương diện quân đã làm suy yếu đáng kể ảnh hưởng của đồng chí đó tới quá trình tác chiến. P. I. Bô-đin buộc phải gấp rút điều các phương tiện thông tin liên lạc và các sĩ quan trợ lý tới Gô-rô-khốp-ca.

Vào lúc rút lui hết sức gay go, suốt một ngày một đêm, Bộ tổng tham mưu không hề nhận được báo cáo tình hình của phương diện quân Tây – Nam. Còn địch thì đã tấn công ở Rat-xô-sơ nơi các đơn vị bộ đội ta đang tìm cách tổ chức phòng thủ dọc theo bờ Nam sông Trô-rơ-nai-a Ca-lít-va. Các trợ lý tác chiến Bộ tổng tham mưu chạy đi chạy lại đến rạc căng để tìm hiểu

xem ta có chặn địch lại được không. Nếu như không chặn được và chúng vượt qua sông thì chúng có thể đột phá được vào Can-tê-mi-rốp-ca, khi đó, việc chúng đánh bọc từ phía Đông vào các lực lượng chủ yếu của phương diện quân Tây – Nam của ta sẽ trở thành một sự kiện với tất cả mọi hậu quả của nó.

Dĩ nhiên là sự mơ hồ như thế khiến cho ban lãnh đạo chiến lược hết sức bức mình. Từ mặt trận trở về, A. M. Va-xi-lép-xki được nghe hết những lời khiển trách bức tức của Tổng tư lệnh tối cao. Xta-lin yêu cầu Bộ tổng tham mưu phải nắm rõ tình hình tại các mặt trận, mặc dù bản thân chúng tôi đều biết rằng tình hình có nguy cơ trở nên cực kỳ gay go.

Do N. Ph. Va-tu-tin đi nhận công tác khác cho nên thiếu tướng P. G. Ti-không-mi-rốp tạm thời được giao quyền cục trưởng Cục tác chiến Bộ tổng tham mưu. Quả là đồng chí không lúc nào rời máy Bô-đô vì phải luôn “môi” tin của đồng chí Bô-đin.

“Đồng chí hãy thi hành mọi biện pháp để nhanh chóng nắm rõ tình hình tại sườn bên phải của đồng chí, -Ti-không- mi-rốp đánh điện cho Bô-đin như vậy vào sáng ngày 8 tháng Bảy. – Còn đây là một trong những vấn đề cơ bản mà Đại bản doanh bản khoán. Vấn đề này, đồng chí Va-xi-lép-xki muốn nói trước hết với đồng chí. Đồng chí hy vọng khi nào bắt lại được liên lạc với đài chỉ huy phụ?”

Bô-đin điềm tĩnh trả lời: “Ngay sau khi bắt liên lạc được với đài chỉ huy phụ qua đường dây và biết rõ tình hình ở sông Trô-rơ-nai-a Ca-lít-va, tôi sẽ lập tức báo cáo với các đồng chí ngay... Tôi đã phái các sĩ quan liên lạc đi máy bay và ô-tô đến tất cả những nơi mà tôi cần nắm tin”.

Bộ tổng tư lệnh tối cao Liên Xô đã tập trung những cố gắng to lớn để kiên quyết chinh đốn lại tình hình ở mặt trận Tây – Nam. Ở đây có hai nhiệm vụ cấp thiết. Một là, bằng bất cứ giá nào phải lập được phòng tuyến vững chắc ở sườn bên phải và chặn địch lại, không cho chúng chọc được vào Can-tê-mi-rốp-ca. Có thể và cần phải thực hiện việc đó bằng những lực lượng của bản thân phương diện quân vì bị thiệt hại qua các đợt tấn công của địch, chủ yếu chỉ có hai tập đoàn quân bên sườn phải – tập đoàn quân 21 và tập đoàn

quân 28, còn các tập đoàn quân khác thì đã được rút lui ít nhiều có kế hoạch. Hai là, cần phải đảm bảo thật chắc chắn nối giữa mặt trận Tây – Nam và mặt trận Nam vì giữa các sườn của chúng có kẽ hở ở khu vực Min-đê-rô-vô và địch có thể lợi dụng chỗ hở đó để di động quân đánh vu hồi. Các đại diện của phương diện quân Tây – Nam và phương diện quân Nam tại Bộ tổng tham mưu phải nghiên cứu những nhiệm vụ đó.

A. M. Va-xi-lép-xki quả là bị giằng xé giữa Đại bản doanh và Bộ tổng tham mưu. Nghị lực của đồng chí thật không bao giờ cạn. Đồng chí yêu cầu, khuyến nghị, truyền đạt mệnh lệnh của đích thân Tổng tư lệnh tối cao. Chiều tối ngày 8 tháng Bảy, đồng chí báo cho phương diện quân biết rằng I. V. Xta-lin đã lưu ý tới những đề nghị của Hội đồng quân sự phương diện quân Tây – Nam và chuẩn y việc bổ nhiệm tướng Đ. N. Ni-ki-sép làm tư lệnh tập đoàn quân 57. Sau đó Va-xi-lép-xki ra lệnh:

“Đồng thời, đồng chí Xta-lin cũng hạ lệnh truyền đạt rằng “nhiệm vụ chủ yếu của Hội đồng quân sự phương diện quân lúc này là củng cố sườn phải của phương diện quân để, dù thế nào đi nữa, cũng phải tạm thời chặn đứng được bước tiến của địch xuống phía Nam, nếu không sẽ hình thành nguy cơ đặc biệt không những cho các tập đoàn quân thuộc phương diện quân Tây – Nam, mà còn cho cả phương diện quân Nam nói chung”. Nếu như không thực hiện được việc đó thì Đại bản doanh sẽ buộc phải thi hành những biện pháp hết sức kiên quyết, kể cả việc truy tố trước tòa án”.

Thái độ kiên quyết của Tổng tư lệnh tối cao không báo trước một điều gì tốt lành cả, song tình hình mặt trận vẫn không khá lên. Sáng ngày 9 tháng Bảy, A. M. Va-xi-lép-xki lại liên lạc với P. I. Bô-đin qua máy điện báo. Các tin tức đều không đáng hài lòng. Xe tăng và bộ binh địch đã đột phá vào giữa Rốt-xô-sơ và Ôn-khô-vát-ca, vượt qua sông Trô-rơ-nai-a Ca-lít-va tiến về phía Nam.

P. I. Bô-đin báo cáo tình hình cho Bộ tổng tham mưu ngay từ đài chỉ huy mới đặt ở Ca-la-trơ. Nguyên soái X. C. Ti-mô-sen-cô thì vẫn nằm tại đài chỉ huy phụ ở Gô-rô-khốp-ca, phải đi ô tô bốn tiếng rưỡi mới tới Ca-la-trơ. Bô-đin thậm chí còn than phiền rằng:

“Tôi không tài nào và không thể truyền đạt được toàn bộ tính chất phức tạp của tình hình đã chín muồi ở chỗ chúng tôi cho nguyên soái bằng mật mã qua vô tuyến điện hoặc qua sĩ quan liên lạc. Tôi đã trình bày những kiến giải của tôi cho đồng chí Khơ-rút-sốp. Chúng tôi đã đi tới kết luận là nguyên soái cần phải tới đài chỉ huy chính. Chúng tôi không được trả lời, nhưng qua các đồng chí từ chỗ nguyên soái tới thì chúng tôi được biết rằng nguyên soái chưa vội gì phải đi ngay tới đài chỉ huy chính cả. Sự vắng mặt của nguyên soái không cho phép tiến hành được những biện pháp khẩn cấp để thực hiện quyết định một cách dứt điểm và nhanh chóng cần thiết... Thời gian trôi đi, tình hình sẽ trở nên phức tạp hơn mặc dù mọi biện pháp đã được tiến hành mà chưa báo cáo với nguyên soái. Tôi thật sự đang lo rằng việc đó sẽ không kết thúc tốt đẹp. Tôi cho rằng Đại bản doanh cần phải ra những chỉ thị cần thiết”.

Để làm rõ thêm vấn đề chỗ nối giữa mặt trận Tây – Nam và mặt trận Nam, một lần nữa A. M. Va-xi-lép-xki quay trở lại những chỉ thị của Đại bản doanh: “...Hôm qua tôi đã truyền đạt những chỉ thị, hôm nay tôi xin nói lại... và một lần nữa nhắc lại rằng Đại bản doanh dứt khoát yêu cầu các đồng chí phải tiến hành những biện pháp hết sức kiên quyết để tăng cường sườn bên phải của các đồng chí, song thế ra đáng tiếc là cho đến lúc này các đồng chí vẫn chưa thực hiện. Các đồng chí còn cần những chỉ thị gì của Đại bản doanh nữa kia chứ?”

P. I. Bô-đin cam đoan là đã ra mọi chỉ thị về việc bố trí lại quân do tình hình mới. Sau đó, một lần nữa đồng chí nói rằng “để có lợi cho công việc, trong điều kiện hiện tại, nên chỉ huy phương diện quân từ đài chỉ huy chính thì thích hợp hơn, chứ đừng từ đài chỉ huy phụ. Về vấn đề này, tôi đề nghị bộ tư lệnh ra chỉ thị cho bộ tư lệnh phương diện quân”.

Va-xi-lép-xki trả lời: “đồng chí Bô-đin, nếu việc đó là cần thiết thì đồng chí có thể truyền đạt lại cho tư lệnh phương diện quân là Đại bản doanh cho rằng để thuận tiện cho việc chỉ huy, tốt hơn là tư lệnh phương diện quân nên ở tại đài chỉ huy chính”.

P. I. Bô-đin bèn truyền đạt ngay đề nghị của Đại bản doanh cho tư lệnh phương diện quân. Việc đó đã có tác dụng: đồng chí nguyên soái chuyển về Ca-la-trơ. Chỉ đến khi ấy, bộ tư lệnh phương diện quân mới tập trung ở đài chỉ huy thuận tiện cho việc chỉ đạo các đơn vị bộ đội phù hợp với sự phát triển của tình hình.

Trưa ngày 9 tháng Bảy, I. V. Xta-lin đích thân liên lạc bằng máy điện báo với đồng chí tư lệnh và yêu cầu cho biết tình hình sườn bên phải của phương diện quân, những suy tính về kế hoạch hành động và những đề nghị về sự chi viện có thể tiến hành từ phía phương diện quân Nam.

X. C. Ti-mô-sen-cô báo cáo tình hình và rút ra kết luận sau đây: “Theo tất cả những sự quan sát của quân báo và theo các tài liệu của không quân, địch đang điều mọi lực lượng xe tăng và bộ binh cơ giới của chúng tiến xuống phía Tây – Nam, có lẽ nhằm đánh vào các tập đoàn quân 28 và 38 đang giữ tuyến phòng thủ, do đó đe dọa đưa cánh quân của chúng thọc vào các hậu tuyến sâu của phương diện quân Tây – Nam và phương diện quân Nam”.

Đồng chí tư lệnh thừa nhận rằng như vậy, một mối nguy lớn đang đe dọa các đơn vị bộ đội Liên Xô. Đồng chí cho rằng dựa vào những khả năng của bản thân mình thì phương diện quân chỉ có thể tạm thời kìm chân quân địch trên hướng Can-tê-mi-rốp-ca Min-lê-rô-vô, chứ không thể hoàn toàn kháng cự được, và đồng chí xin thêm quân bổ sung, nhất là máy bay.

Ở mặt trận phía Nam, tình hình cũng ngày càng trở nên nghiêm trọng. Bộ chỉ huy Hít-le đã mở một đợt tấn công dữ dội vào các tập đoàn quân 37 và 12 ở sườn phải. Xe tăng và bộ binh cơ giới thuộc tập đoàn quân xe tăng 1 của tên thượng tướng Clai-xtơ tấn công như vũ bão; ngoài 2 quân đoàn bộ binh ra, tập đoàn quân này còn bao gồm 3 quân đoàn xe tăng nữa. Không quân yểm trợ cho chúng cũng rất mạnh.

Chẳng bao lâu, người ta thấy rõ rằng địch tập trung cố gắng của chúng vào chỗ nối giữa mặt trận Tây – Nam và mặt trận Nam, từ phía Bắc đi bọc quanh các khu công nghiệp đông dân cư của vùng Đôn-bát bất lợi cho hoạt động của xe tăng chúng. Lúc này, mưu đồ của bộ chỉ huy Hít-le đã hoàn toàn lộ rõ: chúng định không những tiến tới sau lưng phương diện quân Tây

– Nam và phương diện quân Nam, mà còn xé lẻ các đơn vị bộ đội ta để sau đó tiêu diệt từng bộ phận.

Ta đã nắm rõ ý đồ của địch, song phương diện quân Nam không có những lực lượng rồi để đương đầu với địch hay ít ra là ngăn chặn bước tiến của xe tăng và bộ binh cơ giới địch. Tướng R. I-a. Ma-li-nốp-xki chỉ huy phương diện quân Nam lúc đầu quyết định chặn quân phát-xít Đức ở tuyến Min-lê-rô-vô, Pê-tơ-rô-páp-lốp-ca, Tséc-cát-xcô-i-ê, nhưng hầu như ngay lập tức đành phải từ bỏ quyết định đó vì các đơn vị cơ động hơn của địch đã tới tuyến ấy trước ta. Phương diện quân Nam phải lái cánh Bắc sang phía Đông để địch không thể đánh bọc được cánh đó và đột phá vào hậu tuyến.

Đồng chí tư lệnh yêu cầu Đại bản doanh mở những đợt tấn công từ phía mặt trận Tây – Nam để đánh lạc hướng địch, cấp thêm xe tăng và máy bay “Để vĩnh viễn đập tan ý đồ của địch muốn tiến vào các hậu tuyến sâu của tôi giữa sông Đôn và Đô-ne-txơ trong cái tham vọng chung của chúng là tiến tới Xta-lin-grát”.

Bộ tổng tham mưu biết rõ hướng phát triển chung của các chiến dịch và ý đồ của bộ chỉ huy Hít-le tại sườn phía Nam mặt trận Xô – Đức. Kẻ địch định tiến đến Xta-lin-grát, vào Bắc Cáp-ca-dơ và chia cắt tất cả các đơn vị bộ đội ta ở phía Nam – lúc này các vùng đó đã trở thành trung tâm của cuộc chiến đấu trên mặt trận Xô – Đức. Trong khi đó, việc nhanh chóng làm thay đổi diễn biến của các sự kiện có lợi cho ta cũng không phải là một việc giản đơn.

Theo ý kiến Bộ tổng tham mưu, sẽ là hợp lý nếu hợp nhất tất cả mọi lực lượng của ta hoạt động từ Li-xki cho tới cửa sông Đôn thành một phương diện quân và đặt nó dưới quyền chỉ huy của R. I-a. Ma-li-nốp-xki. Dĩ nhiên, phương diện quân này sẽ chiếm giữ một vùng rất rộng lớn, nhưng ở đây lại có một cơ quan tham mưu giàu kinh nghiệm, hoạt động giỏi, đứng đầu là tướng A. I. An-tô-nốp và không còn nghi ngờ gì nữa, đồng chí này có khả năng chỉ huy tốt các đơn vị.

A. M. Va-xi-lép-xki báo cáo những ý kiến của Bộ tổng tham mưu cho Tổng tư lệnh tối cao. Thì ra I. V. Xla-lin cũng nghĩ như vậy. Và khi trao đổi

ý kiến, R. I-a. Ma-li-nốp-xki có nhắc đến Xta-lin-grát thì Tổng tư lệnh tối cao đã chỉ thị cho đồng chí:

“Trong tình hình hiện nay, quân Đức có nhiệm vụ chủ yếu là tiến vào Xta-lin-grát, cắt đứt tuyến đường sắt còn lại duy nhất là Xta-lin-grát-ti-khô-rét-xcai-a nối phía Bắc với phía Nam, bằng cách đó bố đội toàn bộ mặt trận của Liên Xô và cắt đứt đường giao thông liên lạc giữa phía Bắc với ba phương diện quân phía Nam, cụ thể là phương diện quân Tây – Nam, Nam và Bắc Cáp-ca-dơ. Hiện nay, đó là nguy cơ to lớn nhất” (do tôi gạch dưới.-X. S.).

Phương diện quân Tây – Nam không thể đẩy lùi được bước tiến của địch chủ yếu là vì ban chỉ huy phương diện quân bị mất liên lạc với các đơn vị và hơi bị rối về mặt tổ chức. Ban chỉ huy đó không liên lạc được và không chỉ huy được tập đoàn quân 9. Tập đoàn quân 21 thì đã qua bên kia sông Đôn và đang đi vào ổn định. Tại mặt trận chỉ còn lại hai tập đoàn quân: tập đoàn quân 28 và tập đoàn quân 38, cùng cụm quân của Ni-ki-sép, phương diện quân cũng không liên lạc được thường xuyên với họ.

Không thể để tiếp tục kéo dài như vậy. Chúng tôi cho rằng lúc này cần phải... hợp nhất các tập đoàn quân của phương diện quân Nam với các tập đoàn quân của phương diện quân Tây – Nam thành phương diện quân Nam dưới sự chỉ huy của đồng chí trên tổng độ dài tuyến trận từ Rô-xtốp tới sông Đôn ở khu vực Vê-sen-xcai-a.

Còn phương diện quân Tây – Nam, tức là cơ quan tham mưu và bộ máy của nó, thì chúng tôi định điều về Xta-lin-grát phụ trách tập đoàn quân dự bị 5, tập đoàn quân dự bị 7 đang đóng ở Xta-lin-grát và tập đoàn quân dự bị 1 sắp chuyển về Xta-lin-grát, để cả ba tập đoàn quân này cùng với tập đoàn quân 21 lập thành phương diện quân Xta-lin-grát với nhiệm vụ không để cho địch tiến tới sông Đôn thuộc khu vực Xta-lin-grát”.

Tiếp sau đó, A. M. Va-xi-lép-xki truyền đạt chớ R. I-a. Ma-li-nốp-xki Chỉ thị Số 170495 của Đại bản doanh nêu rõ: nhiệm vụ của phương diện quân Xta-lin-grát, kể bên phương diện quân Nam, như sau: “...giữ vững tuyến Xta-lin-grát ở phía Tây sông Đôn và trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng không

được để cho địch đột phá ở phía Đông tuyến đó vào hướng Xta-lin-grát”. Chỉ thị được truyền đạt vào hồi 2 giờ 45 phút ngày 12 tháng Bảy 1942.

Các đồng chí cũng ra chỉ thị cho cả phương diện quân Tây- Nam. Trong phần đầu bản chỉ thị, ý đồ của địch cũng được cắt nghĩa rõ như khi Tổng tư lệnh tối cao giải thích cho R. I-a. Ma-li-nốp-xki, nhưng còn chỉ rõ thêm rằng: “..Đại bản doanh đặc biệt lưu ý rằng không được để cho địch đột phá vào Xta-lin-grát”.

Vậy là phương diện quân Xta-lin-grát đã được thành lập. Biên chế của nó bao gồm ba tập đoàn quân dự bị mà chúng ta đã nói tới và tập đoàn quân 21. Sau đó, nó được bổ sung thêm các tập đoàn quân 28, 38 và 57, tập đoàn quân không quân 8 và Chi hạm đội Vôn-ga. Kể từ ngày 23 tháng Bảy, tướng V. N. Goóc-đốp bắt đầu tham gia chỉ huy phương diện quân thay X. C. Ti-mô-sen-cô; ủy viên Hội đồng quân sự là N. X. Khơ-rút-sôp; tướng P. I. Bô-đin vẫn làm tham mưu trưởng.

Lúc này, tôi có nhiệm vụ phải chăm chú theo dõi gấp ba sự tiến triển của tình hình: chiến sự có thể sắp lan sang Cáp-ca-dơ. Tổng tham mưu trưởng lưu ý Tổng tư lệnh tối cao rằng địch có thể xuất hiện ở Bắc Cáp-ca-dơ và đi qua vùng Rô-xtôp: vượt sông Đôn ở nơi nào đó gần làng Véc-khơ- ne – Cuốc-mô-i-ác-xcai-a hoặc quá về phía Tây một chút.

I. V Xta-lin ra lệnh giao cho phương diện quân Bắc Cáp-ca-dơ phòng thủ bờ trái sông Đôn từ làng đó cho tới cửa sông. Nhưng các đơn vị của phương diện quân này đã bị yếu đi sau khi người ta gấp rút chuyển giao các trường bộ binh Oóc-giô-ni-kít-dê và Gi-tô-mia, trường súng máy – súng cối ở Cra-xnô-đa vào khu vực mặt trận Xta-lin-grát nguy hiểm hơn. Các đồng chí ở Bắc Cáp-ca-dơ còn có nhiều nhiệm vụ khác nữa, nảy sinh do cuộc rút lui của các đơn vị bộ đội phương diện quân Xta-lin-grát.

Đề phòng trường hợp xảy ra tình hình đặc biệt, Bộ tổng tham mưu đã tính đến những lực lượng có thể huy động được để phòng thủ Cáp-ca-dơ, nghiên cứu những phương án tiến quân có thể có và những tuyến thuận lợi để triển khai các đơn vị, những khả năng có thể huy động được của vùng và nói

chung là tất cả những gì có liên quan tới việc tổ chức chống trả địch ở Cáp-ca-dơ.

Các sự biến vẫn tiếp tục phát triển bất lợi cho ta. Chẳng bao lâu, các lực lượng chủ yếu của tập đoàn quân xe tăng Đức 4 từ phía Đông đánh bọc các tập đoàn quân 38 và 9 của ta. Địch tiến qua Mô-rô-dôp-xcai-a tới chỗ qua sông Đôn ở Txim-li-an-xcai-a, nơi đây chúng vấp phải sự kháng cự yếu ớt của các đơn vị bộ đội đã được bổ sung thuộc tập đoàn quân 51 của ta. Đông thời, xe tăng cùng với bộ binh cơ giới địch đã từ phía Bắc đột ngột quặt vào Li-khai-a, Sa-khơ-tư và Nô-vô-tséc-cát-xcơ, cắt rời các lực lượng cơ bản của phương diện quân Nam ở Đôn-bát.

Tình hình mặt trận này ngày càng trở nên gay go và ngày 16 tháng Bảy, A. M. Va-xi-lép-xki, theo chỉ thị của Đại bản doanh, đã thông báo cho tư lệnh phương diện quân Bắc Cáp-ca-dơ biết rằng “vào những ngày sắp tới phương diện quân Nam sẽ bắt đầu rút khỏi mặt trận đang chiếm giữ về tuyến bờ Nam sông Đôn từ Véc-khơ-ne – Cuốc-mô-i-ác-xcai-a và tiếp theo cho tới suốt khu vực bố phòng Rô-xtap”. Trách nhiệm giữ tuyến sông Đôn được dành cho phương diện quân Bắc Cáp-ca-dơ.

Trong lúc đó, bộ chỉ huy Hít-le vẫn tiếp tục dùng những khối lượng lớn xe tăng và bộ binh thuộc tập đoàn quân Đức 6 của tướng Pao-lút để gây sức ép dữ dội đối với tập đoàn quân 62 của phương diện quân Xta-lin-grát (Theo chỉ thị của Đại bản doanh, từ ngày 12 tháng Bảy 1942, các tập đoàn quân dự bị 1, 5 và 7 được đổi tên tương ứng thành các tập đoàn quân 64, 63, 62 và từ 6 giờ cùng ngày hôm đó, được đưa vào biên chế của phương diện quân Xta-lin-grát.) tại khúc ngoặt lớn của sông Đôn ở phía Tây Ca-la-trơ.

Địch có mưu đồ đánh bọc hai sườn của tập đoàn quân 62, bao vây và tiêu diệt tập đoàn quân này ở phía Tây sông Đôn. Nếu như mưu đồ đó thành công thì địch sẽ dọn được đường tới ngưỡng cửa Xta-lin-grát, cắt đứt giao thông đường sắt của Xta-lin-grát với phía Bắc. Ngay lập tức, nhiều vấn đề được đặt ra trước ban lãnh đạo chiến lược của Liên Xô: chặn địch tại các cửa ngõ xa của Xta-lin-grát, giáng trả địch tại vùng hạ lưu sông Đôn, rút các tập

đoàn quân thuộc phương diện quân Nam khởi cuộc tấn công, chặn các con đường vào Cáp-ca-dơ của địch.

Bắt đầu thiên anh hùng ca Xta-lin-grát và cuộc phòng thủ Cáp-ca-dơ anh hùng.

4. Ngay trước trận Xta-lin-grát

Dự tính địch sẽ tấn công chủ yếu ở đâu? – Tình hình trung lưu sông Đôn ngày càng trở nên trầm trọng. – Tổng tư lệnh tối cao ngửa trước nguy cơ ở sườn bên phải mặt trận. – A. M. Va-xi-lép-xki tại các đơn vị bộ đội. – Lệnh không được lùi một bước. – Các nhà chiến lược của Hít-le phân đôi lực lượng. – Dự thảo chỉ thị về nguyên nhân thất bại ở miền Nam không được thông qua. – Sĩ quan Bộ tổng tham mưu báo cáo tình hình Xta-lin-grát. – Đại bản doanh và Bộ tổng tham mưu phân tích tình hình. – “cần đi tìm một giải pháp khác” – Ý đồ diệt địch ở Xta-lin-grát hình thành như thế nào. – Ý đồ chiến dịch.

Tiết trời tháng Bảy 1942 thật là oi bức, khô hanh. Tôi có cảm tưởng như thép và đá đang nóng chảy dưới nắng mặt trời thiêu đốt. Khắp nơi bao trùm một không khí nóng nực không chịu nổi, thế nhưng trong các bản tin chiến sự của các mặt trận chỉ cho biết ngắn gọn khi đề cập đến tình hình chiến sự thôi vì điều chủ yếu không phải là thời tiết. Các sự kiện tại mặt trận Xô – Đức vẫn diễn biến bất lợi cho ta như trước.

Tại miền Nam, địch đã xông lên phía trước. Cần phải tìm ra những biện pháp để phá vỡ các mưu đồ của địch và diệt tan các đơn vị của chúng. Văn phòng Đại bản doanh của ta lẫn đại bản doanh của Hít-le phần nào cũng là chiến trường đọ trí giữa các nhà chiến lược của hai bên. Nhiều điều không chỉ phụ thuộc vào số lượng và chất lượng của các lực lượng cũng như các phương tiện của mỗi bên, mà còn phụ thuộc vào việc bên nào tìm ra được những phương pháp và hình thức chiến đấu tốt nhất, rốt cuộc có thể tạo ra bước ngoặt trong quá trình chiến tranh. Tất cả các cán bộ trong Bộ tổng tham mưu xô-viết đều hiểu điều đó và làm việc tận tụy theo hết khả năng của con người.

Tổng tư lệnh tối cao không nghi ngờ gì rằng nhiệm vụ chủ yếu của quân Đức vẫn như cũ: đánh chiếm Mát-xcơ-va. Tháng Bảy 1942, Bộ tổng tham mưu cũng tính đến điều đó khi phân tích tình huống tác chiến-chiến lược chung và những sự kiện trên sườn phía Nam mặt trận Xô – Đức. Cần phải

quyết định hướng nào là hướng chính trong hai hướng – Cáp-ca-dơ hay Xta-lin-grát.

Việc phân bổ các đơn vị bộ đội và các phương tiện vật chất, việc sử dụng các lực lượng dự trữ chiến lược, các hình thức hiệp đồng tác chiến giữa các phương diện quân, tính chất những biện pháp đã được chuẩn bị và nhiều điều khác nữa đều tùy thuộc vào sự quyết định đó.

Trong Bộ tổng tham mưu, các đồng chí cân nhắc rằng đối với địch, hướng Cáp-ca-dơ gắn liền với sự cần thiết phải vượt qua chướng ngại lớn là núi với một hệ thống đường sá thuận lợi tương đối kém phát triển. Muốn chọc thủng được phòng tuyến của ta trên núi thì các lực lượng hiện có phải lớn và sau này phải bổ sung thêm nhiều quân và trang bị kỹ thuật.

Phương tiện tấn công chủ yếu của địch là rất nhiều xe tăng, chúng chỉ có thể tung hoành trên các cánh đồng Cu-ban, còn trong điều kiện núi non thì chúng bị mất một phần đáng kể khả năng chiến đấu của chúng. Tình hình quân đội Hít-le ở Cáp ca-dơ sẽ trở nên khó khăn thêm nhiều do chỗ phương diện quân Xta-lin-grát của ta và các đơn vị tập trung ở vùng phía Nam Vô-rô-ne-giơ có thể đe dọa bên sườn và sau lưng chúng trong điều kiện thuận lợi.

Nhìn chung, Bộ tổng tham mưu cho rằng quân đội Hít-le khó có thể triển khai các hoạt động chủ yếu của chúng ở Cáp-ca-dơ. Theo nhận định của các cán bộ Bộ tổng tham mưu, địch có triển vọng chọn hướng Xta-lin-grát hơn. Ở đây, địa hình thuận lợi cho tất cả các binh chủng tiến hành những hoạt động chiến đấu rộng lớn, và cho tới sát sông Vôn-ga thì ngoài sông Đôn ra, không có những chướng ngại sông ngòi ao hồ gì lớn cả. Nếu địch tiên được đến sông Vôn-ga thì tình hình các phương diện quân Liên Xô sẽ trở nên hết sức gay go, và đất nước sẽ bị cắt khỏi các nguồn dầu mỏ ở Cáp-ca-dơ, các tuyến đường mà quân đồng minh cung cấp cho chúng ta qua I-ran cũng sẽ bị phá hoại.

Cộng tác chặt chẽ với các trợ lý tác chiến, với các đồng chí quân báo và với các cán bộ khác của Bộ tổng tham mưu, A. M. Va-xi-lép-xki trực tiếp phân tích tình hình tại các mặt trận và báo cáo tất cả những sự suy tính đó

lên Tổng tư lệnh tối cao. Xta-lin xem xét những ý kiến ấy trên tình thế Mát-xcơ-va bị đe dọa và đồng ý rằng cần phải thừa nhận hướng Xta-lin-grát là hướng chủ yếu.

Nhưng, như sau này mọi người đều biết, các nhà chiến lược phát-xít Đức lại coi hướng cố gắng chủ yếu của chúng là Cáp-ca-dơ. Chúng dự định lúc đầu nhanh chóng ập vào Bắc Cáp-ca-dơ để dùng xe tăng đánh bọc và chia cắt phương diện quân Nam tại vùng hạ lưu sông Đôn, tại khu vực phía Nam và phía Đông – Nam Rô-xtốp.

Theo sự tính toán của chúng, trong khi quân bộ binh tiêu diệt các đơn vị bộ đội Liên Xô đang bị chui vào thông lọng thì các lực lượng cơ động của quân Đức sẽ nhanh chóng tràn vào vùng trước núi Cáp-ca-dơ và theo các con đường chính qua núi tiến tới vùng ven Biển Đen, Ba-cu và vào Da-cáp-ca-dơ. Hỗ trợ cho các lực lượng cơ động đó từ phía eo Kéc-tơ sẽ có các binh đoàn thuộc tập đoàn quân 11 được điều từ Crưm sang. Chúng cho rằng trên các con đường hiểm trở qua triền núi Cáp-ca-dơ chính, các binh đoàn núi được huấn luyện đặc biệt sẽ đảm bảo thắng lợi.

Còn ở bên kia Cáp-ca-dơ... ở bên kia Cáp-ca-dơ thì bọn Hít-le đã hình dung thấy những triển vọng hấp dẫn của cuộc hành binh thắng lợi vào Cận Đông để hợp nhất với Rôm-men và vào Ấn Độ. Định định dùng các lực lượng chủ yếu của Cụm tập đoàn quân “A”, trong đó có tập đoàn quân xe tăng 1, nhiều máy bay và bộ binh cơ giới, để tiến tới Bắc Cáp-ca-dơ và đánh bọc sâu phương diện quân Nam.

Ngày 22 tháng Bảy, tại khu vực Nô-vô-tséc-cát-xcơ và Rô-xtốp, địch đã tìm cách cắt đôi phòng tuyến của tập đoàn quân 56 và của các đơn vị bộ đội khác thuộc phương diện quân Nam của ta, vượt sông Đôn trước, trực tiếp đánh bọc từ phía Đông, bao vây và tiêu diệt các đơn vị này. Tại khu vực mặt trận lớn từ Txim-li-an-xcai-a (địch đã chiếm được nơi này) cho tới Rô-xtốp đã hình thành một vị trí xuất phát thuận lợi cho quân Đức tiến vào Cáp-ca-dơ.

Đồng thời với cuộc hành binh vào Cáp-ca-dơ, đại bản doanh Hít-le dự định mở một cuộc tấn công rộng lớn tại vùng trung lưu sông Đôn và hạ lưu

sông Vôn-ga. Tại khu vực mặt trận Xta-lin-grát, dưới sự yểm trợ của một số lượng lớn xe tăng thuộc tập đoàn quân xe tăng 4 và của không quân cũng như của quân chur hầu, Cụm tập đoàn quân “B” mà thành phần bao gồm cả tập đoàn quân Đức 6, có nhiệm vụ phải lập các trận địa phòng thủ trên sông Đôn và đồng thời đánh vào Xta-lin-grát, diệt tan các đơn vị bộ đội Liên Xô, chiếm thành phố và phá vỡ việc vận chuyển của ta dọc sông Vôn-ga.

Nhiệm vụ dường như là tổng hợp: một mặt, chuẩn bị các trận địa phòng thủ có thể đảm bảo cho bên sườn và sau lưng quân Hít-le trên hướng Cáp-ca-dơ; mặt khác, đánh chiếm Xta-lin-grát.

Để thực hiện nhiệm vụ đó, bộ chỉ huy quân Đức dự tính lúc đầu sẽ bao vây và bứt tập đoàn quân 62 ra khỏi đội hình chung của bộ đội Liên Xô. Việc đó sẽ đưa tới chỗ hình thành một chỗ thủng lớn trên phòng tuyến của phương diện quân Xta-lin-grát và sẽ cho phép địch tiến tới sông Vôn-ga phía Bắc Xta-lin-grát. Đồng thời cũng sẽ chuẩn bị một cửa đột phá như vậy ở phía Nam Xta-lin-grát.

Tất cả những cuộc tấn công đó sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho địch bao vây các đơn vị bộ đội Liên Xô trên quy mô lớn hơn nữa. Vì trong trường hợp địch đột phá được tới sông Vôn-ga thì tất cả các lực lượng của ta trên hướng đó sẽ có nguy cơ bị quân địch từ phía Bắc và phía Nam đánh vào sau lưng. Bọn Hít-le thực sự hy vọng sẽ giành được những kết quả hết sức to lớn vì các đơn vị bộ đội Liên Xô sẽ bị diệt tan và toàn bộ vùng hạ lưu sông Vôn-ga sẽ nằm trong tay chúng. Những ý đồ của bộ máy lãnh đạo chiến lược phát-xít Đức là như vậy.

Tôi xin nói trước rằng các sự kiện ở miền Nam nước ta đã diễn ra không như kẻ địch mong muốn. Giới tinh hoa quân sự tụ tập xung quanh Hít-le đã tỏ ra quá tự tin. Các tướng lĩnh Đức cho rằng không những việc quân Đức bao vây và tiêu diệt các đơn vị bộ đội Liên Xô rút ra ngoài Rô-xtốp tới các vùng thảo nguyên Bắc Cáp-ca-dơ, mà cả việc chiếm vùng ven Biển Đen, khu vực Ba-cu và Da-cáp-ca-dơ, – cũng đều là tiền định.

Tại Hít-le mong sẽ nổ ra một cuộc tương tàn giữa các dân tộc thuộc vùng Cáp-ca-dơ gồm nhiều dân tộc, nên chúng không hy vọng vào sự giúp đỡ của

các dân tộc đó thì cũng hy vọng vào sự đồng tình của họ. Theo suy nghĩ của các chính khách phát-xít, điều đó sẽ mở ra một “đường phố xanh” cho quân chiếm đóng và do đó sẽ đưa tới chỗ tách Cáp-ca-dơ ra khỏi đất nước xô-viết. Trên đoàn xe quân địch thất thế một số tên vương hầu và quan lại thuộc bọn bạch vệ còn sống sót. Tội này sẽ giúp cho Đế chế Đức thiết lập chính quyền ở Cáp-ca-dơ. Vì tất cần phải nói rằng những hy vọng đó ngay từ đầu đã không tránh khỏi bị phá sản.

Các nhà chiến lược Đức cũng cho rằng bộ chỉ huy Liên Xô không thể kịp thời tổ chức phòng thủ Cáp-ca-dơ một cách vững chắc được và lại càng không thể tập trung một khối lượng lớn quân đội tại khu vực mặt trận Xta-lin-grát để tạo ra nguy cơ sau lưng cánh quân Cáp-ca-dơ của chúng.

Đón trước các sự kiện, đại bản doanh Hít-le quyết định: các lực lượng hiện có ở đây là hoàn toàn đủ để giải quyết các nhiệm vụ quân sự ở miền Nam. Vì vậy, chúng điều tập đoàn quân 11 từ Crưm không phải sang Cáp-ca-dơ mà là tới gần Lê-nin-grát. Tại đây, tập đoàn quân này đã bị các đơn vị bộ đội phương diện quân Vôn-khốp đánh cho tơi bời vào tháng Tám 1942.

Rốt cuộc, những ý đồ của địch ở miền Nam không được đảm bảo những lực lượng và phương tiện cần thiết cho nên đã bị thất bại. Song địch vẫn liều lĩnh cố sức thực hiện những mưu đồ đó và gây cho ta nhiều sự phiền toái.

Lợi dụng thế chủ động nắm trong tay, từ 17-22 tháng Bảy, tập đoàn quân Đức 6 của tên tướng Pao-lút đã tấn công tại khu vực mặt trận Xta-lin-grát. Chúng đã đánh bại được các đội quân tiên phong của ta tại sông Tsi-rơ và sông Txim-la tiến sát tới tiền duyên phòng thủ của các lực lượng chủ yếu ở tuyến Clét-xcai-a, Xu-rô-vi-ki-nô, Véc-khơ-ne – Cuốc-mô-i-ác-xcai-a. Lúc này, trên thực tế, địch đã bắt đầu thực hiện ý đồ bao vây và tiêu diệt tập đoàn quân 62 thuộc phương diện quân Xta-lin-grát do thiếu tướng V. I-a, Côn-pác-tsi chỉ huy. Nhằm mục đích đó, từ ngày 22 tháng Bảy, chúng tập trung đánh dữ dội ở vùng Ca-la-trơ vào hai bên sườn của tập đoàn quân 62.

Các cán bộ Bộ tổng tham mưu xô-viết biết trước tương đối rõ tập đoàn quân của Pao-lút sẽ tấn công như thế nào, ở đâu và nhằm mục đích gì. Việc

phân tích các trận đánh của các đội quân Đức đi trước và những hoạt động chiến đấu tiếp theo cho thấy rằng địch đang cố sức đột phá tới sông Vôn-ga. Bộ tổng tham mưu không hề nghi ngờ rằng bộ chỉ huy Hít-le sẽ hành động theo các quy tắc của nghệ thuật quân sự cổ điển và tiến hành mưu toan kẹp tập đoàn quân 62 vào gọng kìm, đồng thời từ phía Bắc – từ vùng Bô-cốp-xcai-a – và từ phía Nam – từ vùng Mô-rô-dôp-xcai-a – đánh vào các khu vực mặt trận tiếp giáp nhau ở gần Ca-la-trơ. Sự khống chế trên không sẽ đảm bảo cho quân địch những ưu thế hết sức quan trọng.

Thấy trước được các sự kiện có tính chất quyết định và để nhằm chống phá ý đồ của bộ chỉ huy Hít-le, phương diện quân Xta-lin-grát được giao nhiệm vụ hết sức gấp rút tổ chức các tập đoàn quân xe tăng 4 và 1 ở các vùng I-lô-vli-a và Ca-la-trơ. Thiếu tướng V. Đ. Cri-u-tren-kin được chỉ định làm tư lệnh tập đoàn quân xe tăng 4, còn thiếu tướng C. X. Mô-xca-len-cô làm tư lệnh tập đoàn quân xe tăng 1.

Ngày 23 tháng Bảy, các lực lượng lớn xe tăng và bộ binh địch đánh thọc sâu vào phòng tuyến của ta ở sườn bên phải tập đoàn quân 62. Từ trên không, chúng được sự yểm trợ của một lực lượng không quân rất mạnh.

Kết quả cuộc tấn công ồ ạt của quân địch ở những khu vực khác nhau của sườn Nam mặt trận Xô – Đức đã được xem xét tỉ mỉ tại Đại bản doanh Bộ tổng tư lệnh tối cao Liên Xô. Khu vực mặt trận Xta-lin-grát được thừa nhận là khu vực đặc biệt nguy hiểm.

Vào chiều tối, I. V. Xta-lin liên lạc bằng máy điện báo với Hội đồng quân sự phương diện quân. Tư lệnh phương diện quân, tướng V. N. Goóc-dốp, báo cáo rằng trong số 150 xe tăng Đức tham chiến thì có 35 xe tăng bị diệt, tuy vậy địch vẫn không bị chặn lại. Không còn nghi ngờ gì rằng bọn Hít-le đang xông tới Xta-lin-grát.

Tổng tư lệnh tối cao đánh điện cho Goóc-dốp: “Cái chính hiện nay không phải là chỗ qua sông ở Txim-li-an-xcai-a... mà là sườn bên phải của phương diện quân. Địch tung các đơn vị của chúng vào khu vực Txim-la để đánh lạc hướng chú ý của ta về phía Nam, giữa lúc đó thì chúng lén lút đưa các lực lượng chủ yếu vào sườn bên phải của phương diện quân. Sở dĩ kế nghi binh

đó của địch thành công là vì trình sát của ta không vững. Cần lưu ý vấn đề này và cần phải bằng mọi cách tăng cường sườn bên phải của phương diện quân”.

I. V. Xta-lin yêu cầu phải tập trung chín phần mười tổng số lực lượng không quân ở sườn bên phải. “Không cần chú ý tới sự nghi binh và những trò ảo thuật của địch ở khu vực Txim-la và phải chuyển toàn bộ lực lượng chiến đấu, tôi xin nhắc lại sang sườn bên phải của phương diện quân”, – đồng chí ra lệnh và cho biết về những lực lượng và phương tiện mà Đại bản doanh cấp cho phương diện quân, về việc duyệt y phương án tổ chức các tập đoàn quân xe tăng 1 và 4 của ta.

“Xin đồng chí lưu ý rằng, -Tổng tư lệnh tối cao ngừa trước Goóc-dốp, – nếu địch chọc thủng được sườn phải, tới gần sông Đôn đến vùng Gum-rắc hoặc quá về phía Bắc thì chúng sẽ cắt đứt các tuyến giao thông đường sắt của ta với phía Bắc. Vì vậy, lúc này tôi coi sườn bên phải phương diện quân của đồng chí là có tính chất quyết định”.

Tổng tư lệnh tối cao còn giao cho phương diện quân một nhiệm vụ quan trọng nữa, có ảnh hưởng đáng kể tới tiến trình tiếp sau của trận đánh Xta-lin-grát:

“Tôi yêu cầu phải tuyệt đối giữ vững tuyến phòng thủ phía Tây sông Đôn, từ Cli-ốt-xcai-a qua Rô-giơ-côp-xcai-a cho tới Hạ Ca-li-nôp-ca.

Bằng bất kỳ giá nào, phải tiêu diệt địch đang thọc sâu vào tuyến đó thuộc khu vực hoạt động của sư đoàn cận vệ (ý muốn nói tới sư đoàn bộ binh cận vệ 33. – X. S.). Các đồng chí có lực lượng để làm việc đó và các đồng chí phải thực hiện được việc ấy. Tôi kiên quyết cấm không được rút khỏi phòng tuyến đã định...”

V. N. Goóc-dốp đã hiểu rõ mọi việc. Song I. V. Xta-lin còn giải thích rõ thêm về tướng V. I-a. Côn-pác-tsi, tư lệnh tập đoàn quân 62: “xin lưu ý rằng Côn-pác-tsi là một người nóng tính và dễ xúc cảm. Nếu điều được một đồng chí nào đó cương nghị hơn một chút tới củng cố tinh thần cho Côn-pác-tsi thì sẽ rất tốt, còn nếu bản thân Goóc-dốp tới chỗ đồng chí ấy được thì lại càng hay”.

Thấy nước rằng các sự kiện quan trọng đang chín muồi, Tổng tư lệnh tối cao phái đại diện Đại bản doanh là A. M. Va-xi-lép-xki cùng một tổ sĩ quan tới phương diện quân Xta-lin-grát với nhiệm vụ xem xét tình hình và giúp bộ tư lệnh phương diện quân.

Dưới con mắt của Tổng tham mưu trưởng, tình hình tại khu vực tập đoàn quân 62 quả là ngày càng trở nên nghiêm trọng, địch vẫn tiếp tục gây áp lực cả ở khu vực Cli-ốt-xcai-a, Ép-xtơ-ra-tốp-xki có khả năng giành được thắng lợi trông thấy: đột phá vào sâu trong phòng tuyến và bao vây hai sư đoàn của ta. Đánh bọc các lực lượng chủ yếu của tập đoàn quân 62, địch đã tiến gần tới sông Đôn. Việc đó khiến ta có nguy cơ bị những thất bại mới, nặng nề hơn và quân Hít-le có thể đột phá được vào Xta-lin-grát.

A. M. Va-xi-lép-xki cùng với bộ tư lệnh phương diện quân đành phải chấp nhận một giải pháp miễn cưỡng nhưng lại là duy nhất đúng đắn trong tình huống đó: lập tức dùng các lực lượng chưa được phiên chế xong của các tập đoàn quân xe tăng 1 và 4 để mở một cuộc phản công. Thời gian quý giá hơn hết thảy. Nếu chậm trễ và bỏ lỡ thời cơ thì địch sẽ vượt qua sông Đôn và chốt lại ở tuyến đã giành được. Lúc đó mà đẩy chúng lui trở lại sẽ là một việc cực kỳ khó khăn.

Các tư lệnh các tập đoàn quân xe tăng được lệnh hành động không chậm trễ bằng những lực lượng hiện có, diệt tan quân địch đang thọc sâu vào đội hình chiến đấu của ta và lập lại phòng tuyến. Nhiệm vụ là ở chỗ tấn công từ hướng Bắc và hướng Nam để nhổ tận gốc mũi thọc sâu của quân đội phát-xít.

Ngay từ 10 giờ ngày 25 tháng Bảy, một quân đoàn thuộc tập đoàn quân xe tăng 1 của C. X. Mô-xca-len-cô đã bước vào tấn công. Tiếp theo đó là các lực lượng khác của tập đoàn quân này. Các đơn vị của tập đoàn quân chiến đấu rất kiên cường, buộc địch phải chuyển sang phòng ngự và sau đó phải rút lui.

Rạng sáng ngày 27 tháng Bảy, được sự hỗ trợ đặc lực của bộ binh và pháo binh các tập đoàn quân 62 và 64, tập đoàn quân xe tăng 4 của V. Đ. Cri-utren-kin cũng bắt đầu tấn công...

Những ngày này đối với Bộ tổng tham mưu, và chẳng cũng như mọi ngày khác, thật cực kỳ căng thẳng. Bây giờ tôi đang vùi đầu vào công việc chính của mình. Địch đã đến ngưỡng cửa Bắc Cáp-ca-dơ. Ngày 24 tháng Bảy, quân ta rời bỏ Rô-xtốp. Các đơn vị bộ đội phương diện quân Nam và phương diện quân Bắc Cáp-ca-dơ bắt đầu phòng thủ tại vùng hạ lưu sông Đôn. Ở đây, địch có ưu thế hơn bộ đội ta về xe tăng và máy bay và do đó cả về tính cơ động. Chúng ta không có phòng tuyến nào đáng kể ở phía Nam Rô-xtốp, đã được chuẩn bị để sẵn sàng chiến đấu.

Ở Bộ tổng tham mưu còn lại tướng P. G. Ti-khô-mi-rốp thay người phụ trách chính. Tổng tư lệnh tối cao yêu cầu Ti-khô-mi-rốp cho biết ý kiến xem nên lập tuyến phòng thủ Cáp-ca-dơ ở đâu và bằng cách nào. Sau khi tính toán cân nhắc mọi điều, Cục tác chiến chúng tôi đi tới kết luận rằng sẽ khó đánh xe tăng địch trên các vùng thảo nguyên Cu-ban, hơn nữa, ở Bắc Cáp-ca-dơ chúng ta có nhiều kỵ binh và có ít phương tiện chống tăng, các chướng ngại thiên nhiên thích hợp để tổ chức phòng thủ ở gần đó lại không có. Vì vậy, chúng tôi cho rằng cần lập phòng tuyến dọc theo sông Tê-rếch và các miền trước dãy núi Cáp-ca-dơ.

I. V. Xta-lin ra lệnh hỏi ý kiến tư lệnh phương diện quân Bắc Cáp-ca-dơ là X. M. Bu-đi-on-nưi và ủy viên Hội đồng quân sự là đô đốc I. X. I-xa-cốp. Hai người trả lời rằng: “Phòng tuyến chủ yếu và cơ bản phải là con sông Tê-rếch và dãy núi Cáp-ca-dơ. Về phương diện tác chiến thì cần đặt tập đoàn quân 47 cùng quân đoàn bộ binh độc lập dưới quyền Hạm đội Biển Đen để phòng thủ các căn cứ hải quân Nô-vô-rô-xi-xcơ A-na-pa, Tu-áp-xe”. Như vậy, các quan điểm là trùng hợp nhau.

Ngoài ra, chúng tôi còn đề nghị một loạt biện pháp gắn liền với việc tổ chức các lực lượng dự bị ở Cáp-ca-dơ, tổ chức việc cung cấp cho bộ đội qua biển Ca-xpi-en và bằng đường bộ, với việc cấp máy bay cho phương diện quân, cũng như với các công việc khác thiết yếu cho việc phòng thủ.

Sau khi tổ chức cho các tập đoàn quân xe tăng phản công ở sông Đôn, A. M. Va-xi-lép-xki bay về Mát-xcơ-va để báo cáo với Đại bản doanh những kết luận và đề nghị của mình về phương diện quân Xta-lin-grát. Nhưng

trong khi đồng chí đang bay thì ở dưới đất đã xảy ra những biến đổi: địch hạn chế diễn biến cuộc phản công của ta trong một phạm vi nhất định.

Đêm 25 rạng ngày 26 tháng Bảy, I. V. Xta-lin ra lệnh cho A-lếch-xan-đrơ Mi-khai-lô-vích phải đích thân liên lạc với phương diện quân Xta-lin-grát và truyền đạt lời cảnh cáo nghiêm khắc sau đây: “Đại bản doanh dứt khoát yêu cầu Hội đồng quân sự phương diện quân... phải làm mọi việc để lập tức tiêu diệt địch đang đột phá và khôi phục lại tình hình”.

Ngày 26 tháng Bảy, Tổng tư lệnh tối cao hạ lệnh cho Va-xi-lép-xki truyền đạt cho phương diện quân một chỉ thị còn gay gắt hơn:

“Hoạt động của bộ tư lệnh phương diện quân Xta-lin-grát khiến cho Đại bản doanh Bộ tổng tư lệnh tối cao rất bức mình... Đại bản doanh yêu cầu rằng trong những ngày sắp tới, tuyệt đối phải lập lại tuyến Xta-lin-grát, phòng tuyến từ Cli-ốt-xcai-a cho tới Can-mư-cốp và đuổi địch sang bên kia tuyến sông Tsi-rơ. Nếu như Hội đồng quân sự phương diện quân không thể làm được việc đó thì xin hay nói thẳng và nói thật.

Đại bản doanh yêu cầu bộ tư lệnh phương diện quân Xta-lin-grát trả lời rõ về việc sẵn sàng thi hành chỉ thị này”.

A. M. Va-xi-lép-xki đứng hồi lâu bên máy để đợi câu trả lời của bộ tư lệnh phương diện quân, nhưng người ta không thể nào tìm ngay được tướng V. N. Goóc-dôp vì lúc ấy đồng chí đang ở các đơn vị tập đoàn quân 62. Câu trả lời đến hơi chậm một chút: bộ tư lệnh đoàn chắc sẽ hoàn thành mọi chỉ thị của Đại bản doanh.

Cần nói rằng có lẽ Tổng tư lệnh tối cao cũng nhận thấy giọng nói cực kỳ gay gắt của chỉ thị đó là thiếu lý do xác đáng. Vấn đề là ngay trên chiến trường, địch đã chiếm ưu thế hơn ta, nhất là về xe tăng và máy bay. Biên chế phương diện quân Xta-lin-grát lúc đó gồm 38 sư đoàn. Trong một nửa số này thì mỗi sư đoàn có từ 6-8 nghìn quân, các sư đoàn còn lại thì mỗi sư đoàn chỉ có 1-3 nghìn quân. Với một lực lượng yếu như vậy mà phải chiến đấu trên một độ dài mặt trận 530 km.

Phương diện quân tất cả có 187 nghìn quân, 360 xe tăng, 337 máy bay chiến đấu còn hoạt động tốt, khoảng 7.900 pháo và súng cối; còn địch thì có

250 nghìn quân, gần 740 xe tăng, 1.200 máy bay, 7.500 pháo và súng cối. Như vậy, tương quan lực lượng có lợi cho địch: về người thì theo tỷ lệ 1,4:1, về pháo và súng cối – 1:1, về xe tăng – 2:1, về máy bay – 3,6:1. Do đó, để thực hiện những nhiệm vụ giao cho phương diện quân, mỗi chiến sĩ đòi hỏi phải nỗ lực hết sức.

Tổng tư lệnh tối cao tuy biết rõ Hội đồng quân sự phương diện quân Xta-lin-grát đã đoán chắc rằng sẽ hoàn thành được những chỉ thị của Đại bản doanh, song đồng chí vẫn thấy cần phải lại cử A-lếch-xan-đrơ Mi-khai-lô-vích tới nơi nóng bỏng nhất của mặt trận Xô – Đức: tình hình đòi hỏi phải như vậy. Vào 1 giờ đêm ngày 27 tháng Bảy 1942, Tổng tham mưu trưởng đã có mặt tại sở chỉ huy phương diện quân Xta-lin-grát.

Sau đó, Tổng tư lệnh tối cao ra lệnh chuẩn bị một mệnh lệnh đặc biệt nghiêm ngặt: yêu cầu các đơn vị bộ đội tuyệt đối phải giữ vững các tuyến đang chiếm giữ. Theo đồng chí, nếu rút nữa về phía Đông thì đất nước có nguy cơ bị những tai họa nặng nề. I. V. Xta-lin quy định những điều cơ bản của bản mệnh lệnh và truyền lệnh cho Bộ tổng tham mưu phải thẩm tra kỹ lưỡng việc các đơn vị nhất thiết phải thi hành mệnh lệnh đó.

Theo tôi, mệnh lệnh này là một trong những văn kiện đáng chú ý nhất và quan trọng nhất của cuộc chiến tranh. Nó vẽ nên bức tranh chân thực về tình hình chung tại các mặt trận, tình trạng quân địch, đặt ra cho các đơn vị bộ đội Liên Xô những nhiệm vụ cấp bách.

Tình hình chung của đất nước được đánh giá một cách ngắn gọn và cô đọng như sau: “Tổ quốc ta đang trải qua những ngày gay go”. Mệnh lệnh yêu cầu rằng:

“...phải chấm dứt hẳn những lời nói trống rỗng rằng... chúng ta có nhiều đất đai, đất nước ta vĩ đại và giàu có, dân ta đông, lúa mì bao giờ cũng thừa thãi. Những lời nói như vậy là giả dối và có hại, chúng sẽ làm cho ta yếu đi và kẻ địch mạnh lên, bởi vì nếu chúng ta không đình chỉ việc rút lui thì chúng ta sẽ không có lúa mì, không có nhiên liệu, không có kim loại, không có nguyên liệu, không có nhà máy và công xưởng, không có đường sắt... Đã

đến lúc phải chấm dứt việc rút lui. Không được lùi một bước! Khẩu hiệu chủ yếu của chúng ta lúc này phải là như vậy”.

Tiếp nữa, chỉ thị còn nói rằng các đơn vị bộ đội phải chốt lại ở các tuyến đã chiếm giữ, sau đó phải đánh lui và diệt tan quân địch bằng bất cứ giá nào (do tôi gạch dưới – X. S.).

Việc nhận định tình hình quân địch và tính chất của giai đoạn chiến tranh trước mắt quả là hết sức nhìn xa thấy rộng. Nhận định đó có thể được coi là mẫu mực của tài tiên đoán chiến lược sâu sắc:

“Quân Đức không đến nổi mạnh như những người hay hoang mang vẫn tưởng. Chúng đang dốc những lực lượng cuối cùng. Chống đỡ được cuộc tấn công của chúng trong một vài tháng tới có nghĩa là đảm bảo được thắng lợi cho chúng ta ... Chúng ta có thể chống đỡ được cuộc tấn công đó không và sau đó đánh lui kẻ địch về phía Tây được không? Được, chúng ta có thể làm được, bởi vì các nhà máy và công xưởng của chúng ta ở hậu phương hiện đang hoạt động rất cừ và tiền tuyến chúng ta ngày càng nhận được nhiều máy bay, xe tăng, pháo, súng cối”.

Dĩ nhiên, những thất bại ở mặt trận trong mỗi trường hợp cụ thể đều có nguyên nhân riêng của nó. Song bản mệnh lệnh nêu bật tình trạng chung có liên quan đến tất cả mọi chiến sĩ, nhấn mạnh điều cấp thiết nhất: “Chúng ta còn thiếu gì nữa? Thiếu trật tự và kỷ luật trong đại đội, tiểu đoàn, trung đoàn, sư đoàn, ở các đơn vị xe tăng, các phi đội không quân. Đó là thiếu sót chính của chúng ta lúc này. Chúng ta phải lập lại trật tự hết sức nghiêm ngặt và kỷ luật sắt trong quân đội ta, nếu như chúng ta muốn cứu vãn tình thế và bảo vệ Tổ quốc chúng ta...”.

Bản mệnh lệnh chứa đựng nhiều yêu cầu thực tiễn. Tôi xin dẫn ra một yêu cầu trong số đó mà tôi thiết nghĩ là hết sức cơ bản: “Từ nay trở đi, yêu cầu không được lùi một bước nếu không có lệnh của bộ tư lệnh tối cao, – phải là kỷ luật sắt đối với mỗi cán bộ chỉ huy, mỗi chiến sĩ Hồng quân và mỗi cán bộ chính trị”.

Ngày 28 tháng Bảy 1942, với tư cách là bộ trưởng Bộ dân ủy quốc phòng, I. V. Xta-lin đã ký lệnh đỏ mang số 227. Nguyên văn được sao thành nhiều

bản, gửi xuống các đơn vị bộ đội đang tác chiến và đọc cho toàn thể các chiến sĩ nghe. Sang ngày hôm sau, 29 tháng Bảy, Tổng cục chính trị Hồng quân ra chỉ thị giải thích bản mệnh lệnh đó cho các chiến sĩ và cán bộ chỉ huy. Toàn bộ ảnh hưởng chính trị mạnh mẽ của các đảng viên cộng sản trong quân đội đều tập trung vào việc thực hiện tuyệt đối yêu cầu “Không được lùi một bước!”. Bộ tổng tham mưu giao trách nhiệm cho các sĩ quan của mình tại các đơn vị phải kiểm tra tại chỗ việc thi hành bản mệnh lệnh đó.

Ban chấp hành trung ương Đảng và Tổng cục chính trị đã tổ chức việc giải thích rộng rãi ý nghĩa của bản mệnh lệnh đó tại các đơn vị bộ đội, tầm quan trọng của việc kiên cường phòng thủ mọi tuyến trên mảnh đất thân yêu. Các ủy viên Ban chấp hành trung ương Đảng, trong đó có Đ. D. Ma-nu-in-xki và Ê. M. I-a-rô-xláp-xki, nhiều nhà văn và nhà hoạt động xã hội đã đi ra mặt trận, trực tiếp xuống các đơn vị bộ đội.

Tất cả các cán bộ chính trị, tất cả các tổ chức Đảng đều thực hiện việc giải thích bản mệnh lệnh đó. Và không lấy gì làm lạ rằng bản mệnh lệnh số 227 đã có ảnh hưởng đặc biệt tốt tới sức chiến đấu của các đơn vị. Mỗi người đều thấm sâu tư tưởng về sự cần thiết phải chiến đấu đến hơi thở cuối cùng và làm tất cả những gì có thể làm được để giành thắng lợi. Và trước hết là ở nơi mà tình hình đang đặc biệt nghiêm trọng: khu vực mặt trận Xta-lin-grát.

Cuộc phản công của các tập đoàn quân xe tăng 1 và 4 thuộc phương diện quân Xta-lin-grát mặc dù chưa diệt tan được tập đoàn quân 6 của quân Đức, nhưng cũng đã làm rối loạn đáng kể hoạt động của địch và tạm thời làm mất khả năng tấn công của chúng. Chúng không bao vây được tập đoàn quân 62 của ta. Đồng thời, mưu toan của địch định lập tức chiếm các bến qua sông Đôn và tiến tới Xta-lin-grát, cũng bị phá sản. Bộ chỉ huy Hít-le biết rõ rằng: nếu chỉ tấn công bằng lực lượng của tập đoàn quân 6 thôi thì sẽ không thể chọc thủng được tới sông Vôn-ga. Và điều gì sẽ xảy ra nếu như bộ đội Liên Xô lại đánh lui được tập đoàn quân này?

Đối với đại bản doanh quân đội phát-xít Đức, giờ phút quyết định quan trọng đã đến. Phải xác định xem trong điều kiện tình hình ngày càng trở nên phức tạp ở vùng sông Đôn, các lực lượng quân chủ yếu phải đánh vào đâu ở

sườn phía Nam: vào Cáp-ca-dơ hay tới sông Vôn-ga? Các nhà chiến lược Hít-le quyết định: đánh vào Xta-lin-grát! Kết quả lô-gích của quyết định đó là: tập đoàn quân xe tăng Đức 4, trước đây đang nhằm vào hướng Cáp-ca-dơ, từ bàn đạp quân sự ở Txim-li-an-xcai-a đột ngột quay ngoặt vào Xta-lin-grát.

Nhiều nhà sử học tư sản và nhất là các tướng lĩnh cũ của quân đội Hít-le coi quyết định đó là sai lầm riêng của “kẻ ngu dốt” là Hít-le. Song vấn đề hoàn toàn không phải là như vậy. Bộ chỉ huy Hít-le lúc này phải đền tội vì đã đánh giá quá cao những khả năng của mình, vì đã quá coi thường một đối thủ mạnh như Quân đội Liên Xô, vì đã không thấy trước khả năng ban lãnh đạo chiến lược Liên Xô có thể tạo ra được một cánh quân mạnh ở khu vực mặt trận Xta-lin-grát, gây nên nguy cơ bị diệt vong đối với các tập đoàn quân của quân đội phát-xít Đức đang nhằm hướng Cáp-ca-dơ.

Tình hình xuất hiện hồi cuối tháng Bảy ở sườn Nam mặt trận Xô – Đức có nghĩa là trong mọi điều kiện, đồng thời với các chiến dịch ở Cáp-ca-dơ, địch sẽ phá vỡ tuyến phòng thủ của ta ở khu vực mặt trận Xta-lin-grát. Mặc dù kẻ địch quá tự tin cho rằng ta không thể nào ngăn chặn được việc chúng chiếm Cáp-ca-dơ, nhưng chúng không thể không nhận rõ rằng để phương diện quân Xta-lin-grát bên sườn Cụm tập đoàn quân “A” thì khá nguy hiểm.

Chúng ta nhận thấy rằng quyết định dùng những lực lượng hiện có để vừa tấn công vào Cáp-ca-dơ, vừa tấn công vào Xta-lin-grát, hẳn là sai lầm của kẻ địch. Kết quả cho thấy khá rõ: hình thành một sự biến chuyển đột ngột có lợi cho ta trong quá trình của cuộc chiến tranh. Nhưng, để cho biến chuyển đột ngột đó trở thành một sự kiện, quân đội ta đã phải vượt qua nhiều thử thách gay go.

Kế hoạch sử dụng quân đội phát-xít Đức ở khu vực mặt trận Xta-lin-grát, – như viên tướng Đức G. Đuê-rơ đã viết trong cuốn sách “Chiến dịch Xta-lin-grát”, – “là đơn giản và rõ ràng”: hai tập đoàn quân (tập đoàn quân xe tăng 4 ở phía Nam và tập đoàn quân 6 ở phía Bắc Xta-lin-grát) tấn công theo hướng sông Vôn-ga, đến sông thì một tập đoàn quân quật sang trái, một quật sang phải và kẹp toàn bộ khu vực Xta-lin-grát cùng với các đơn vị phòng thủ của nó vào gọng kìm ...

Thế nhưng thực hiện kế hoạch đó hóa ra không “đơn giản” như vậy!

Tại khúc ngoặt lớn của sông Đôn đã diễn ra những trận chiến đấu ngoan cường. Trong một thời gian nhất định, ta đã ổn định được phòng tuyến của các tập đoàn quân 62 và 64 thuộc phương diện quân Xta-lin-grát. Ta đã tranh thủ được thời gian cực kỳ quan trọng. Bộ tổng tham mưu đã thi hành mọi biện pháp để tập trung các đơn vị quân dự bị ở khu vực Xta-lin-grát – 10 sư đoàn bộ binh được điều tới đó. Tại các cửa ngõ xa gần của thành phố đã xây dựng các công sự bố phòng dã chiến.

Là người am hiểu rõ địa hình vùng này trong nội chiến, I. V. Xta-lin đích thân vạch các tuyến phòng thủ cho Bộ tổng tham mưu. Tổ chức Đảng ở Xta-lin-grát đã huy động nhân dân tham gia các công việc bố phòng. Hàng nghìn người dân thành phố đào hầm hào, hố chống tăng, xây dựng các cứ điểm phòng thủ bao quanh Xta-lin-grát. Mọi người làm việc khẩn trương, vội vã vì quân báo cho biết những tin đáng lo ngại: các binh đoàn thuộc tập đoàn quân Đức 6 trước đây đang phòng thủ tại khu vực Pa-vlốp-xcơ, Vê-sen-xcai-a, nay được thay bằng các đơn vị của tập đoàn quân I-ta-li-a 8 và được tập trung về khu vực mặt trận Xta-lin-grát. Bộ tổng tham mưu báo cáo với Đại bản doanh rằng trong thời gian sắp tới, địch sẽ bắt đầu ráo riết hoạt động gần Xta-lin-grát.

Bộ tổng tham mưu ước tính khả năng chỉ huy bộ đội ở khu vực Xta-lin-grát. Tuyến trận ở đây khá dài, địch có thể triển khai hoạt động không những sang Xta-lin-grát, mà còn xuống phía Nam nữa. Biên chế phương diện quân Xta-lin-grát bao gồm thêm cả tập đoàn quân 51 là tập đoàn quân phòng thủ ở bên kia sông Đôn, phía Nam Txim-li-an-xcai-a. Các đồng chí cho rằng nếu

có hai binh đoàn mặt trận, chứ không phải một, hoạt động ở khu vực mặt trận Xta-lin-grát thì sẽ tốt hơn. Ý nghĩ đó càng được củng cố thêm khi người ta nhận thấy rằng tập đoàn quân xe tăng 4 của địch đang ngoặt sang phía Đông.

Ngày 5 tháng Tám, Đại bản doanh ra chỉ thị chia phương diện quân Xta-lin-grát thành hai phương diện quân – Xta-lin-grát và Đông – Nam. Tuyến phân định ranh giới chạy dọc theo chỗ nối giữa tập đoàn quân 62 và tập đoàn quân 64, từ Mô-rô-dôp-xcai-a qua Véc-khơ-ne – Tsi-rơ-xcai-a sang Xta-lin-grát (kể cả vị trí cuối cùng của phương diện quân Đông – Nam).

Ngày 6 tháng Tám, sau khi đã tập hợp và bố trí lại lực lượng, địch chuyển sang tấn công. Các mũi tiến công nhằm vào các sườn phía Bắc và phía Nam của các tập đoàn quân phòng thủ ở phía Tây sông Đôn. Bộ tổng tham mưu biết rõ ý đồ của bộ chỉ huy phát-xít Đức là cắt tập đoàn quân 62 và 64 khỏi Xta-lin-grát, nhưng trước mắt không có gì để đối phó với địch cả: các lực lượng dự bị chưa tới. Tại khu vực mặt trận Xta-lin-grát xuất hiện một tình thế đáng lo ngại, địch đã chiếm các bến qua sông Đôn. Bộ tư lệnh phương diện quân tỏ ra lo ngại thực sự về tính vững chắc của phòng tuyến.

Ngày 9 tháng Tám 1942, khi P. G. Ti-khô-mi-rốp từ mặt trận báo cáo tình hình cho I. V. Xta-lin thì Xta-lin ra lệnh truyền đạt rằng: “tôi lấy làm kinh ngạc về sự thiếu cặn và bối rối của đồng chí. Lực lượng đồng chí có nhiều, nhưng đồng chí thiếu nghị lực để khắc phục tình hình. Tôi đợi đồng chí cho biết về việc thủ tiêu tình thế đáng lo ngại ở mặt trận đồng chí”.

Sau đó cũng không thấy có một thông báo nào đáng lạc quan từ mặt trận cả. Địch tăng cường gây sức ép. Các chiến sĩ xô viết quyết tử song tình hình vẫn ngày một nghiêm trọng hơn. Xta-lin-grát sắp phải trở thành một chiến trường trực tiếp. Sau khi trở về Bộ tổng tham mưu được một thời gian ngắn, A. M. Va-xi-lép-xki lại được Tổng tư lệnh tối cao cử đi Xta-lin-grát.

Ở Bộ tổng tham mưu thay cục trưởng Cục tác chiến mới. Việc đó xảy ra như sau. Vào khoảng những ngày chuẩn bị bản mệnh lệnh số 227, Tổng tư lệnh tối cao đề nghị tướng P. G. Ti-khô-mi-rốp suy nghĩ về những nguyên nhân thất bại ở Khác-cốp. Đồng chí nói thêm rằng lúc đó ban chỉ huy tất cả

các cấp đã phạm những sai lầm và cần phải làm sao cho những người khác không lặp lại những sai lầm ấy.

Ti-khô-mi-rốp ngồi chuẩn bị dự thảo chỉ thị. Cùng với các sĩ quan khác, tôi cũng phải báo cáo với đồng chí ấy những số liệu về phương diện quân Nam mà các đơn vị của nó lúc này đã nhập vào biên chế của phương diện quân Bắc Cáp-ca-dơ và tiến hành những hoạt động phòng thủ gay go ở phía Nam Rô-xtôp trên khu vực mặt trận có thể nói là do tôi phụ trách. Các báo cáo của các phương diện quân, những số liệu về sự thiệt hại, các băng ghi các cuộc trao đổi ý kiến bằng điện báo và những tài liệu khác, được dùng làm tài liệu cho bản chỉ thị.

Chúng tôi không biết I. V. Xta-lin muốn có một dự thảo chỉ thị như thế nào về những nguyên nhân thất bại của chúng ta ở miền Nam vào mùa hè 1942. Song đồng chí ấy không những không hài lòng với bản dự án đó, mà còn coi nó là có hại. Tổng tư lệnh tối cao không chấp nhận dự án này, còn tác giả của nó thì cho thôi giữ chức cục trưởng Cục tác chiến và sau đó được điều hẳn khỏi Bộ tổng tham mưu. Tháng Chín 1942, Pi-ốt Gê-oóc-giê-ê-vích được chỉ định làm phó tư lệnh tập đoàn quân 42 thuộc phương diện quân Lê-nin-grát. Thiếu tướng V. Đ. I-va-nốp đảm nhận chức trách cục trưởng Cục tác chiến.

Để tiến công tới sông Vôn-ga, địch lợi dụng những khoảng trống nhỏ nhất trong đội hình tác chiến của các đơn vị bộ đội Liên Xô và lập tức tung xe tăng vào đó với sự yểm trợ mạnh mẽ của máy bay ném bom và máy bay cường kích oanh tạc dữ dội từ trên không. Sau xe tăng là bộ binh. Các trận đánh diễn ra ác liệt và cứ ngày một tới gần Xta-lin-grát.

Bộ tổng tham mưu buộc phải suy nghĩ đến tình hình ngay trong thành phố là nơi đã trở thành hậu tuyến gần nhất của bộ đội và có nguy cơ trở thành mặt trận. Từ nơi đó đã truyền về những tin bất lợi. Dân sơ tán từ phía Tây về sống định cư ở đó đang trong tình cảnh gay go dưới những trận oanh tạc của máy bay phát-xít. Các sĩ quan Bộ tổng tham mưu tại phương diện quân Đông – Nam đứng đầu là N. V. Rê-dơ-nhi-cốp được giao nhiệm vụ kiểm tra

tình hình trong thành phố. Đúng 2-3 ngày sau, ngày 20 tháng Tám, nhận được báo cáo từ Xta-lin-grát gửi về.

Rê-dơ-nhi-cốp viết:

“Dân cư trú ở thành phố quá đông. Thậm chí tới mức người ta sống dưới bờ rào, trong vườn, trên bờ sông Vôn-ga, trên thuyền v. v.. Việc sơ tán khỏi thành phố diễn ra quá chậm chạp do không có đủ phương tiện vận chuyển và do ban sơ tán hoạt động tồi: những người chờ phương tiện vận chuyển phải nằm lại ở trạm sơ tán từ 5-6 ngày đêm.

Tất cả các trường học và câu lạc bộ đều chật ních những người bị thương. Các bệnh viện vẫn ở lại trong thành phố. Việc che chắn ánh sáng rất tồi...

Về phía mình, tôi thấy cần phải làm những việc sau đây:

1. Chuyển thành phố sang tình trạng giới nghiêm.

2. Đẩy nhanh việc sơ tán khỏi thành phố. Trước hết sơ tán các bệnh viện và sau đó là sơ tán dân cư thành phố. Chỉ để lại trong thành phố những người dân làm việc tại các xí nghiệp và có thể giúp được bộ đội phòng thủ thành phố. Chỉ để lại những tài sản nào cần thiết cho việc phòng thủ thành phố mà thôi.

3. Lập lại trật tự lý tưởng trong thành phố; để làm việc đó cần cử một đồng chí có tính nghiêm khắc cao làm tư lệnh quân quản thành phố Xta-lin-grát.

4. Để giữ gìn trật tự cách mạng trong thành phố, nhất thiết phải đặt các đơn vị của Bộ dân ủy nội vụ và công an dưới quyền người phụ trách bộ đội đóng ở đây, hoạt động và rút lui hoàn toàn theo lệnh của đồng chí này.

5. Khi bắt đầu trận đánh, không cho phép các cơ quan hậu cần hay các đơn vị bộ đội khác đi qua thành phố, mà phải đi vòng phía Bắc Xta-lin-grát”.

Công việc đòi hỏi phải có sự can thiệp cấp bách của các cơ quan lãnh đạo cao nhất. Vla-đi-mia Đmi-tơ-ri-ê-vích I-va-nốp, bây giờ phụ trách Cục tác chiến Bộ tổng tham mưu, gửi cho tư lệnh phương diện quân Đông – Nam một bản hướng dẫn việc chấn chỉnh lại trật tự trong thành phố. Một bản sao

gửi cho N. M. Svéc-nich “để thi hành các biện pháp”. Bây giờ N. M. Svéc-ních là trưởng ban sơ tán các xí nghiệp và tài sản quốc gia khác ra khỏi vùng chiến sự vào sâu trong đất nước. Ngày 22 tháng Tám, trong báo cáo N. V. Rê-dơ-nhi-cốp có nêu thêm vấn đề cần ra chỉ thị của Đại bản doanh và hướng dẫn của Tổng tham mưu trưởng cho ai, và đã hình thành một quyết nghị thích ứng về Xta-lin-grát.

Những biện pháp đó thật vô cùng đúng lúc. Ngày 23 tháng Tám 1942, triển khai mũi tấn công vào sườn phải tập đoàn quân 62 của ta, các đơn vị xe tăng và cơ giới của địch vọt tiến tới sông Vôn-ga sát vùng ngoại ô phía Bắc Xta-lin-grát. Tập đoàn quân 62 bị cắt đứt khỏi các lực lượng cơ bản của phương diện quân Xta-lin-grát. Đồng thời, chi đội không quân 4 của Đức cũng ném bom bắn phá dữ dội xuống thành phố và gây nên những sự hủy hoại lớn, mặc dù bản thân chúng kiểm lại thấy mất 90 máy bay bị phi công Liên Xô và pháo cao xạ bắn rơi.

Đường dây liên lạc bằng điện thoại và điện báo với Xta-lin-grát bị cắt đứt. Thủ trưởng cũ của chúng tôi A. M. Va-xi-lép-xki, nằm ở các đơn vị tập đoàn quân 62 buộc phải báo cáo với Tổng tư lệnh tối cao qua các sóng ngắn của ra-đi-ô. Các điện thoại viên và điện báo viên tiến hành mọi biện pháp để khôi phục đường dây liên lạc. Chật vật lắm họ mới chuyển được cho chúng tôi thông báo của Hội đồng quân sự phương diện quân Đông – Nam về việc địch đã tiến tới sông Vôn-ga. Đến đêm khuya, đường dây mới được ổn định và Đại bản doanh mới trực tiếp nhận được của A. M. Va-xi-lép-xki ý kiến nhận định tỷ mỉ đặc điểm tình hình khu vực Xta-lin-grát.

Lỗi đột phá của địch tới sông Vôn-ga phía Bắc Xta-lin-grát bị hạn chế trong phạm vi nhất định. Địch không thể lập tức chiếm được thành phố, các tập đoàn quân 62 và 64 vẫn vững vàng mặc dù tình hình cực kỳ gay go. Bộ đội thành phố anh hùng kháng cự dũng cảm và một thời gian dài chôn chân cánh quân xung kích lớn của quân đội phát-xít Đức. Các lực lượng bổ sung cơ bản của địch và các tập đoàn quân chủ hâu của nó đã được điều tới chính nơi đây. Khu vực Xta-lin-grát đã trở thành nơi quyết định nhiệm vụ chiến lược cơ bản trong giai đoạn đó của cuộc chiến tranh.

Vào đầu tháng Chín, tình hình các tập đoàn quân 62 và 64 tiếp tục xấu đi. Ta không tiêu diệt được số quân địch đã đột phá tới sông Vôn-ga. Đại diện Hội đồng quốc phòng Nhà nước Gh. M. Ma-len-cốp và đại diện Đại bản doanh – đại tướng Gh. C. Giu-cốp, cùng thượng tướng A. M. Va-xi-lép xki đã có mặt tận nơi. Nhiệm vụ cơ bản của họ là tìm ra các biện pháp tiêu diệt số quân địch đã đột phá tới sông Vôn-ga và đảm bảo thắng lợi cho sự phòng thủ của ta ở Xta-lin-grát.

Hai bên tham chiến gần Xta-lin-grát lúc đó đều tìm cách giải quyết các nhiệm vụ mà không thay đổi một cách căn bản cánh quân đã hình thành vào cuối tháng Tám. Cánh quân Liên Xô không có một sự tập trung lực lượng rõ ràng, kể cả ở phía Bắc Xta-lin-grát. Đó chính là một trong những nguyên nhân khiến cho mọi cố gắng tiêu diệt số quân địch đã đột phá tới sông Vôn-ga, – bị thất bại. Ngoài ra, tên tướng Pao-lút, tư lệnh tập đoàn quân Đức 6, ước đoán rằng Hồng quân sẽ giáng những đòn phản công ở chính phía Bắc thành phố, cho nên đã tập trung ở đây những lực lượng và phương tiện hết sức lớn.

Các đơn vị quân phát-xít Đức có thể bám chắc được hành lang tới sông Vôn-ga do chúng tạo ra, còn lực lượng các tập đoàn quân của ta – tập đoàn quân xe tăng 4, các tập đoàn quân cận vệ 24 và 1 cũng như tập đoàn quân 66 – thì đã bị giảm sút rõ rệt qua các trận chiến đấu liên tục. Địch ngày một tăng cường cố gắng của chúng ở ngay Xta-lin-grát. Không có sự hỗ trợ từ bên ngoài, không đánh lạc các lực lượng địch sang các hướng khác thì không thể nào giữ được Xta-lin-grát. Vì vậy, do sự cần thiết cho nên các cuộc tấn công của các tập đoàn quân Liên Xô nói trên được lặp đi lặp lại nhiều lần.

Ta cũng có những thiếu sót trong việc chỉ huy bộ đội Liên Xô ở khu vực Xta-lin-grát. Bộ tổng tham mưu nhanh chóng nhận thấy điều đó, vì vào giai đoạn cực kỳ quan trọng của cuộc chiến đấu giữ Xta-lin-grát thì bỗng nhiên những báo cáo chiến sự tới Đại bản doanh Bộ tổng tư lệnh tối cao từ đó gửi về rất chậm. Ph. E. Bô-cốp lúc đó ở lại thay Tổng tham mưu trưởng, có lẽ sau khi bị I. V. Xta-lin khiển trách về việc thông báo từ mặt trận thường

xuyên đến chậm, cho nên đêm ngày 4 rạng ngày 5 tháng Chín 1942, đồng chí liên lạc bằng máy điện báo với tham mưu trưởng phương diện quân Xta-lin-grát là tướng Đ. N. Ni-ki-sép. Sau đây là cuốn băng ghi cuộc nói chuyện giữa hai người:

“— Đồng chí Ni-ki-sép, tại sao bao giờ đồng chí cũng chậm gửi báo cáo tình hình chiến sự cho đồng chí Xta-lin như vậy?

- Xin báo cáo: Một là, tình hình chỉ huy (liên lạc) giữa chúng tôi với các tập đoàn quân và nhất là trong các tập đoàn quân, – không được tốt. Hai là, ban tác chiến và nói chung là cơ quan tham mưu làm việc ở bốn địa điểm: Xta-lin-grát, Cra-xnai-a Xlô-bô-đa, I-va-nôp-ca và Ôn-khốp-ca. Xin báo cáo thật là tôi đang bận quá nhiều việc. Trên thực tế, tôi vừa thực hiện chức trách trưởng ban, vừa thực hiện tất cả các chức trách khác... Đó là lý do tại sao báo cáo được gửi đến chậm. Vấn đề này sẽ được điều chỉnh, vào những ngày sắp tới cơ quan tham mưu sẽ họp. Còn bây giờ xin báo cáo tình hình ...

- Đồng chí hãy cố gắng thu xếp rành mạch hoạt động của cơ quan tham mưu. Cần thực hiện các chỉ thị của Đại bản doanh và những hướng dẫn của Bộ tổng tham mưu đúng thời hạn quy định. Hết.

- Vâng, sẽ cố gắng. Tôi sẽ thu xếp trong thời gian sắp tới. Rõ. Sẽ thực hiện đúng như đồng chí chỉ thị”.

Thật vẻ vang cho cơ quan tham mưu phương diện quân, cần phải nói rằng chẳng bao lâu, việc chỉ huy bộ đội trên thực tế đã được cải thiện: góp phần không nhỏ vào việc này có sự hỗ trợ kiên quyết của các đại diện Đại bản doanh.

Tình trạng kiệt lực của một số tập đoàn quân thuộc phương diện quân Xta-lin-grát khi thực hiện những ý đồ kiên quyết lấp lỗ thủng địch chọc vào tới sông Vôn-ga và hợp nhất với tập đoàn quân 62, – không thoát khỏi sự quan tâm chú ý của Gh. C. Giu-cốp và A. M. Va-xi-lép-xki. Để trả lời câu hỏi của I. V. Xta-lin ngày 7 tháng Chín 1942 – liệu các phương diện quân của ta có đủ lực lượng để hoàn toàn diệt tan quân đội phát-xít Đức ở Xta-lin-grát hay không – đại diện Đại bản doanh và đại diện Hội đồng quốc phòng Nhà nước đã nói rõ như sau: “Hiển nhiên là những lực lượng mà hai phương

diện quân hiện có ở Xta-lin-grát không đủ để hoàn toàn diệt tan quân địch ở đây. Cần phải tập trung một cụm quân bổ sung để trong một thời hạn ngắn nhất, giáng một đòn mạnh hơn vào kẻ địch”.

Các đại diện Đại bản doanh, các bộ tư lệnh phương diện quân và tập đoàn quân đồng thời cũng không từ bỏ ý định cải thiện tình hình ở Xta-lin-grát bằng những lực lượng hiện có. Hơn nữa, bộ chỉ huy Liên Xô rất lo ngại rằng việc bố trí thành tuyến các đơn vị bộ đội ta ở khu vực Xta-lin-grát không phù hợp với những nhiệm vụ đặt ra trước họ.

Trong lúc báo cáo tình hình tại các mặt trận vào đêm ngày 9 rạng ngày 10 tháng Chín 1942, Tổng tư lệnh tối cao tỏ ý hết sức không hài lòng về việc các tập đoàn quân của ta ở phía Bắc Xta-lin-grát vẫn giậm chân tại chỗ và tỏ ý rất lo ngại về việc tình hình ngay trong thành phố tiếp tục trở nên trầm trọng hơn.

Vào lúc 4 giờ 30 phút, đại tá I. I. Bôi-cốp (chủ nhiệm khu vực mặt trận Xta-lin-grát) bắt liên lạc với cục trưởng tác chiến phương diện quân 1. N. Ru-khơ-le và hỏi: liệu sẽ tốt hơn không nếu như tập trung cả “cụm lực lượng” tại mặt trận của một tập đoàn quân (nêu rõ là tập đoàn quân cận vệ 1) để đánh thọc sâu vào phòng tuyến địch nhằm giảm nhẹ tình hình ở Xta-lin-grát, khống chế sườn cụm quân địch và sau đó chính nó sẽ mở một cuộc tấn công vào sườn địch. Ru-khơ-le trả lời rằng mọi sự bố trí lại quân đều sẽ làm mất thời gian và làm giảm sút sức ép đối với quân địch, điều này sẽ rất bất lợi cho Xta-lin-grát. Tình hình đòi hỏi phải tăng cường gây sức ép và bố trí lại quân để tấn công.

Chúng ta cũng đã làm như vậy, song trong điều kiện tình hình cực kỳ gay go, cuộc tấn công này không thành công. Ngày 10 tháng Chín 1942, ý định mới của bộ chỉ huy Liên Xô nhằm khôi phục lại đường liên lạc với tập đoàn quân 62 bằng cách tấn công từ phía Bắc, cũng lại không thành công.

Còn tình hình phe địch thì ra sao? Bộ chỉ huy phát-xít không giải quyết được nhiệm vụ chủ yếu của nó là chiếm Xta-lin-grat. Cuộc tấn công của quân Đức đến đây bị dừng lại. Thêm vào đó, các đơn vị quân đội phát-xít Đức có khả năng chiến đấu nhất, được trang bị và chỉ huy tốt, thì nằm thành

cụm đông đặc ở khu vực quyết định của trung tâm mặt trận, còn hai bên cánh nó thì chỉ có các tập đoàn quân Hung-ga-ri, I-ta-li-a và Ru-ma-ni với khả năng chiến đấu kém hơn nhiều và được trang bị tồi hơn nhiều.

Chiến dịch ở Cáp-ca-dơ dù rằng đã đem lại những kết quả rõ rệt về đất đai, nhưng vẫn chưa hoàn tất: các đơn vị quân Hít-le vẫn không thể tới được Ba-cu và vùng ven Biển Đen. Các binh đoàn tinh nhuệ của quân đội phát-xít Đức bị mắc kẹt ở sông Tê-rếch và các đèo trên dãy núi Cáp-ca-dơ.

Ngày 11 tháng Chín 1942, tư lệnh Cụm tập đoàn quân “B” Phôn Vai-khơ-xơ và tư lệnh tập đoàn quân 6 Pao-lút được gọi về đại bản doanh Hít-le gần Vin-ni-txa để báo cáo tình hình khu vực Xta-lin-grát. Nhìn chung, tình hình được đánh giá là hoàn toàn thuận lợi. Ngay trước lúc họp bàn với Phôn Vai-khơ-xơ và Pao-lút, Tổng tham mưu trưởng lục quân Đức, tướng Han-đe, đã ghi trong cuốn nhật ký chiến tranh của mình một đoạn ngắn như sau: “Ở Xta-lin-grát đã có những kết quả đáng phấn khởi trong tấn công, tại khu vực phía Bắc đã đẩy lùi được các cuộc tấn công của kẻ địch”.

Tuy vậy theo nhận xét của Han-đe, các báo cáo ở chỗ quốc trưởng vẫn “diễn ra trong một bầu không khí lạnh ngắt” Người ta yêu cầu các tướng lĩnh phải hết sức nhanh chóng đánh chiếm thành phố. Người ta cho rằng 10 ngày là đủ để làm việc đó và hạ lệnh phải chuyển sang tấn công Xta-lin-grát vào ngày 14 hoặc 15 tháng Chín. Các tướng lĩnh cho làm như vậy là không thực tế và đưa ra những luận cứ để chứng minh rằng đang tồn tại một nguy cơ thực sự đối với quân đội Hít-le ở khu vực Xta-lin-grát.

Pao-lút chỉ rõ rằng mặt trận quân Đức ở Xta-lin-grát bị yếu. Nguy cơ lớn nhất là ở sườn trái tập đoàn quân 6, nơi bố trí các đơn vị quân đồng minh I-ta-li-a và quân các đồng minh khác của Đức. Theo Pao-lút, đã hình thành sự cần thiết phải sử dụng các binh đoàn Đức ở khu vực quân đồng minh và giữ họ ở đó làm lực lượng dự bị cho cụm tập đoàn quân.

Cuộc họp bàn kéo dài hai ngày. Các ý kiến bất đồng về kết cục hành động. Hai viên tư lệnh theo “giải pháp trung bình”: tính đến sức kháng cự mạnh mẽ của quân đội Liên Xô, không nên mưu toan chiếm hãn thành phố, mà nên làm sao cho Xta-lin-grát bị mất hết ý nghĩa của nó là một trung tâm

công nghiệp quân sự và đầu mối giao thông liên lạc. Họ nói rằng có thể làm được việc đó bằng cách sử dụng vũ khí hạng nặng. Tư lệnh tập đoàn quân 6 đặc biệt khăng khăng một mực giữ ý kiến đó.

Là người tham dự cuộc bàn luận, Han-đe chỉ bày tỏ cảm tưởng của mình khi viết vào cuốn nhật ký ngày 12 tháng Chín 1942 bằng một lời như sau: “Pao-lút!”. Sang ngày hôm sau, 13 tháng Chín, Hít-le ký chỉ thị. Cụm tập đoàn quân “B” được lệnh chuẩn bị “giải pháp trung bình” cho vấn đề vạch tuyến trận. Đồng thời ở đây cũng nói rõ là: “nếu cuộc tấn công gặp phải sức kháng cự giảm sút của quân địch thì cần phải tăng cường cố gắng tiêu diệt địch bằng cách cho các đơn vị cơ động đánh vượt qua tuyến cuối cùng đã được vạch ra theo “giải pháp trung bình”.

Địch không hủy bỏ cuộc tấn công vào A-xtơ-ra-khan, mà vẫn ra lệnh chuẩn bị cuộc tấn công đó. Còn về sườn trái của tập đoàn quân Đức 6 mà bộ chỉ huy quân Đức rất lo ngại, thì chúng đã bắt đầu vội vã lập các trận địa phòng thủ ở đây trên sông Đôn, phía Tây và phía Nam Vô-rô-ne-giơ. Ngoài ra, vào tháng Chín – tháng Mười, tập đoàn quân Ru-ma-ni 3 cũng được tung vào khu vực mặt trận từ Cli-ốt-xcai-a cho tới E-lan-xcai-a. Về sườn phải của tập đoàn quân 6 thì bộ chỉ huy địch không tỏ ra lo ngại vì chúng cho rằng cuộc tấn công vào A-xtơ-ra-khan sẽ thắng lợi và sự cần thiết phải đảm bảo bên sườn này tự nó sẽ mất đi.

Việc phân tích tỉ mỉ tình hình, mà Đại bản doanh và Bộ tổng tham mưu tiến hành một cách có hệ thống, vào giữa tháng Chín đã cho phép rút ra kết luận rằng trong tương lai gần đây sẽ xuất hiện khả năng thay đổi hẳn tình thế theo chiều hướng tốt hơn. Ở Xta-lin-grát, địch không thể tiến công được nữa và trên thực tế đã bị chặn lại. Cả điều sau đây cũng không kém phần quan trọng: ở sâu trong phần châu Âu của đất nước, ở Xi-bia và Trung Á đã hoàn thành việc tổ chức và huấn luyện các lực lượng dự bị to lớn của Đại bản doanh có thể được đưa tới Xta-lin-grát. Các đơn vị này, nhất là các đơn vị xe tăng, là một lực lượng hùng hậu, có thể làm thay đổi hẳn tình thế ở Xta-lin-grát có lợi cho ta.

Ngoài ra, do kết quả công tác chính trị toàn diện và được tổ chức tốt của Đảng ở tất cả các đơn vị bộ đội chiến đấu cũng như dự bị, nên đã trừ bỏ được những yếu tố vô tổ chức và vô kỷ luật mà mệnh lệnh số 227 đã vạch ra. Tính kiên cường trong phòng thủ của ta tăng lên đáng kể và tinh thần bộ đội được nâng cao. Chế độ một thủ trưởng và quyền uy của các cán bộ chỉ huy được tăng cường. Lúc này cần phải vạch kế hoạch tỉ mỉ và chuẩn bị vật chất cần thiết cho các chiến dịch cũng như cần phải có một số thời gian nhất định để tạo ra trong bản thân quân đội một khí thế tiến công cao, lòng quyết tâm và tinh thần sẵn sàng tiêu diệt địch.

Ngày 12 tháng Chín 1942, I. V. Xta-lin đã họp bàn với Gh. C. Giu-cốp và A. M. Va-xi-lép-xki. Tổng tư lệnh tối cao và hai báo cáo viên không hài lòng với những kết quả hoạt động tác chiến ở khu vực Xta-lin-grát. “cần phải tìm một giải pháp khác” – cuộc thảo luận về tình hình Xta-lin-grát đã nhất trí đi tới kết luận như vậy. Giu-cốp và Va-xi-lép-xki được giao nhiệm vụ vạch ý đồ chiến dịch nhằm tiêu diệt các lực lượng xung kích của địch ở sông Vôn-ga.

Suốt đêm sau đó, Gh. C. Giu-cốp và A. M. Va-xi-lép-xki làm việc bên tấm bản đồ khu vực Xta-lin-grát. Các cán bộ trợ lý Bộ tổng tham mưu tuy không được biết chính thức mục đích của công việc này, nhưng dĩ nhiên cũng đoán được đang có chuyện gì xảy ra. Họ báo cáo những tài liệu tham khảo cho Tổng tham mưu trưởng về tình hình địch, về các đơn vị bộ đội ta, nhất là các lực lượng dự bị, về những khả năng và thời hạn tập trung các đơn vị đó ở khu vực mặt trận Xta-lin-grát. Cuối cùng, đồ án của Giu-cốp và Va-xi-lép-xki được vạch xong. Xta-lin nhất trí với họ là: chìa khóa để đi đến thắng lợi là ở chỗ kiên quyết phản công ở sườn phía Nam mặt trận Xô – Đức.

Ta quyết định chọc thủng phòng tuyến địch ở các sườn của hai tập đoàn quân xe tăng Đức 6 và 4 tại phía Tây – Bắc và phía Nam Xta-lin-grát, bao vây và tiêu diệt cánh quân Xta-lin-grát của địch. Tiếp đó, ta dự tính triển khai cuộc tấn công của tất cả các lực lượng của ta trên hướng chung vào Rô-xtốp. Đồng thời cũng dự định mở những trận tấn công đánh lạc hướng địch ở khu vực mặt trận Tây.

Ta định dùng các lực lượng của 3 phương diện quân để phản công: một phương diện quân mới được thành lập ở Đông – Nam Vô-rô-ne-giơ (tạm thời chưa có tên) và hai phương diện quân hiện có – Xta-lin-grát và Đông – Nam, Chi hạm đội sông Vôn-ga, các máy bay có tầm bay xa. Nhập vào biên chế của các phương diện quân có các binh đoàn và liên binh đoàn dự bị chiến lược của Đại bản doanh, trong đó chiếm một tỷ lệ lớn là các đơn vị cơ động, nhất là các đơn vị xe tăng.

Gh. C. Giu-cốp, A. M. Va-xi-lép-xki, sau đó là N. N. Vô-rô-nốp và G. A. Vô-rô-giây-kin đã ra tận mặt trận với tư cách là đại diện Đại bản doanh để ngay tại chỗ, tại các đơn vị bộ đội, hoàn chỉnh nốt ý đồ chiến dịch đã được vạch ra trên những nét cơ bản. Các đồng chí chỗ chúng tôi cũng cùng đi với các đồng chí đó: thiếu tướng X. I. Tê-tê-skin dẫn đầu một tổ sĩ quan cùng đi với Gh. C. Giu-cốp, đại tá A. A. Grư-dơ-lốp và một nhóm sĩ quan cùng đi với A. M. Va-xi-lép-xki.

Sau khi Đại bản doanh đã thông qua quyết định có tính nguyên tắc về việc phản công thì chỗ chúng tôi có thêm nhiều việc bận rộn trông thấy: lúc thì phải đẩy nhanh việc huấn luyện lực lượng dự bị, lúc thì phải thi hành các biện pháp để tập trung các phương tiện vật chất, lúc thì phải chuẩn bị những dự tính linh hoạt này khác. Và khi X. I. Tê-tê-skin, A. A. Grư-dơ-lốp và các đồng chí khác ở chỗ chúng tôi có nhiệm vụ giúp Gh. C. Giu-cốp và A. M. Va-xi-lép-xki chuẩn bị tại chỗ cuộc phản công, - đi vào nắm bắt tình hình thì công việc lại càng bận rộn hơn. Ở những phương diện quân có các đại diện Đại bản doanh, các hội đồng quân sự tương ứng cũng tham gia việc vạch phương án tiêu diệt địch ở Xta-lin-grát.

Như vậy, từ giữa tháng Chín 1942, việc vạch ý đồ và kế hoạch phản công trên quy mô rộng lớn của các Lực lượng vũ trang Liên Xô đã được tiến hành cùng một lúc ở một số trung tâm: Đại bản doanh, Bộ tổng tham mưu và các phương diện quân dưới sự lãnh đạo kiên quyết của Đại bản doanh. Mặc dù tình hình lúc đó rất gay go, mặc dù những sự kiện diễn ra ở sườn phía Nam mặt trận Xô – Đức khiến cho những người xô-viết rất lo lắng, nhưng trong

Bộ tổng tham mưu vẫn tràn ngập một bầu không khí tin tưởng sâu sắc rằng chiến tranh sắp chuyển sang giai đoạn bước ngoặt.

Cần phải nói rằng vào cuối tháng Chín, bộ chỉ huy quân Đức đã tiến hành một loạt những biện pháp để đảm bảo hai bên sườn của cánh quân xung kích ở khu vực Xta-lin-grát và củng cố các đội quân chư hầu.

Trong lúc đó, quân đội Đức thực sự có nguy cơ bị mất tính cơ động, bởi vì tập đoàn quân 6 và xe tăng của quân đoàn xe tăng 14 bị hút vào những trận đánh trên đường phố Xta-lin-grát. Đối với địch, việc duy trì khả năng cơ động của xe tăng là đặc biệt quan trọng vì chúng không còn lực lượng dự bị và không có gì để chống đỡ các đòn tấn công của ta.

Song giải quyết vấn đề này tuyệt nhiên không đơn giản. Cần phải rút các đơn vị đang chiến đấu ra ngoài thành phố và chuyển trọng tâm tác chiến từ Xta-lin-grát sang khúc ngoặt lớn của sông Đôn, nơi có địa bàn cần thiết cho những hoạt động đó. Các nhà chiến lược Hít-le cho rằng việc tiến hành tác chiến cơ động sẽ không cho phép quân đội Liên Xô nắm được quyền chủ động.

Những ý đồ của địch ở khu vực Xta-lin-grát không dựa vào ưu thế cần thiết về lực lượng và phương tiện. Thế nhưng kẻ địch quá tự tin lại trông cậy vào ưu thế tưởng tượng về tư duy chiến lược của các tướng lĩnh phát-xít Đức. Các tập đoàn quân Hít-le hy vọng tăng lợi đã tới gần chúng nên sẵn sàng đổ máu, song không chấm dứt nổi cuộc tiến công.

Do không tin vào khả năng thống chế Li-xtơ có thể chiếm được Cáp-ca-dơ, Hít-le đã tự mình nắm quyền chỉ huy quân đội tại khu vực mặt trận này. Y không bắt tay làm việc đó ở khu vực mặt trận Xta-lin-grát, nhưng lại tăng cường ảnh hưởng của mình đối với bộ chỉ huy tập đoàn quân Đức 6.

Để buộc quân Ru-ma-ni phải đánh tốt hơn và dùng nó để đảm bảo an toàn cho hai bên sườn cánh quân Đức, bộ tổng tham mưu lục quân Đức đã nảy ra ý đồ thành lập một cụm tập đoàn quân mới, Cụm tập đoàn quân “Sông Đông”, dưới quyền chỉ huy của tên độc tài Ru-ma-ni I. An-tô-ne-xcu. Thậm

chí chúng còn thành lập cơ quan tham mưu của cụm tập đoàn quân này, nhưng thực ra thì chưa hoạt động được gì

Ý đồ dùng An-tô-ne-xcu không trót lọt. Ý đồ đó đã bị bộ tổng tham mưu quân đội phát-xít Đức chôn vùi vì những tướng lĩnh đặc biệt thân cận với Hít-le nằm ở đây không có ý định chia sẻ quyền lực với bất cứ ai, dù chỉ là trên danh nghĩa. Chúng phản đối việc rút dù chỉ một bộ phận của tập đoàn quân 6 ra khỏi Xta-lin-grát sang các vùng thảo nguyên mênh mông.

Việc tập trung quân tới khúc ngoặt lớn của Sông Đôn bị kéo dài. Chỉ tới khi bộ đội Liên Xô bắt đầu cuộc phản công ở gần Rư-tơ-côp-xki, Ni-giơ-ne – Tria-xai-a và Toóc-mô-xin cũng như ở gần Cô-ten-ni-cô-vô thì các binh đoàn địch mới được tập trung lại.

Để không phải quay trở lại vấn đề này nữa, tôi xin nói rằng ý đồ của bộ chỉ huy quân Đức định chốt lại ở khúc ngoặt lớn của sông Đôn đã bị Đại bản doanh và Bộ tổng tham mưu của ta phát hiện và bị đập tan nhờ những hoạt động tích cực của các đơn vị bộ đội Liên Xô.

Bộ tổng tư lệnh tối cao Liên Xô và Bộ tổng tham mưu thấy trước rằng khi rơi vào thế bị bao vây, kẻ địch sẽ chống cự quyết liệt. Nhưng địch sẽ chống lại ta bằng cách gì? Trước hết, chắc chúng sẽ tìm cách thoát khỏi vòng vây bằng cách theo hướng Tây đánh vào vùng trung lưu sông Đôn. Để thực hiện ý đồ đó, có thể chúng sẽ tổ chức một mũi đột kích để giải vây; hơn nữa, cũng không loại trừ mũi đột kích này là một hoạt động độc lập.

Trong cả hai trường hợp, khúc ngoặt lớn của sông Đôn đều sẽ đóng một vai trò trọng yếu. Như sau này chúng ta được biết, cả hai phương án đó đều được thảo luận trong đại bản doanh quân địch. Khi vạch ý đồ cuộc phản công, Đại bản doanh và Bộ tổng tham mưu đều hiểu rằng địch sẽ tìm mọi cách cứu giúp các đơn vị của chúng đang gặp tai họa ở Xta-lin-grát. Vì vậy, nghệ thuật bao vây đòi hỏi quân đội Liên Xô phải áp dụng những hình thức tấn công loại trừ khả năng giải thoát cho kẻ địch bị bao vây

Do đó, nhờ kết quả hoạt động phối hợp giữa Đại bản doanh, Bộ tổng tham mưu và các hội đồng quân sự phương diện quân nên đã đề ra phương pháp

bao vây cánh quân địch ở Xta-lin-grát, một phương pháp cổ điển đối với thời bấy giờ, song có thể nói một cách không cường điệu rằng nó hơn hẳn những phương pháp bao vây nổi tiếng như ở trận Can-nư.

Theo quyết định của ban chỉ huy chiến lược Liên Xô, ngoài trận tuyến bao vây trực tiếp ra, ta còn lập một trận tuyến bên ngoài nhằm đối phó với mưu toan của bộ chỉ huy quân Đức định giải vây cho quân của chúng bằng cách mở những mũi đột kích từ bên ngoài. Ý kiến lập trận tuyến bên ngoài như vậy được xem xét tỉ mỉ trên bản đồ; những lực lượng cần thiết cho việc lập trận tuyến này được tính toán kỹ càng; các tuyến hoạt động có thể có được xác định hết sức cẩn thận.

Việc bao vây tập đoàn quân Đức 6 chỉ được Bộ tổng tham mưu coi là bước mở đầu cho thắng lợi của ta ở Xta-lin-grát. Cái chính là còn phải triển khai rộng rãi các hoạt động tiến công nhằm diệt tan địch ở sườn phía Nam mặt trận Xô – Đức và tiêu diệt số quân địch bị bao vây.

Vào 10 ngày cuối tháng Chín, các trợ lý Bộ tổng tham mưu phải dốc hết sức để nghiên cứu những vấn đề đó, tập hợp những dự kiến tác chiến-chiến lược đủ loại khác nhau. Những ý kiến và đề nghị mà các đại diện Đại bản doanh trực tiếp trao đổi với Tổng tư lệnh tối cao chỉ lọt được đến chỗ chúng tôi qua X. I. Tê-tê-skin và A. A. Grư-dơ-lốp. Thậm chí Cục tác chiến chỉ ghi có một tấm bản đồ đặc biệt duy nhất, tuyệt mật. Tấm bản đồ này đề ngày 27 tháng Chín 1942, do I. I. Bôi-cốp thực hiện dưới sự theo dõi của tướng V. Đ. I-va-nốp, hiện vẫn còn được cất giữ. Tâm bản đồ cho thấy rất rõ tiến trình vạch ý đồ phản công và mục tiêu có tính chất quyết định được đặt ra cho các đơn vị bộ đội Liên Xô lúc bấy giờ.

Những người lập bản đồ đặc biệt chỉ rõ việc tập trung các lực lượng dự bị chiến lược, việc thành lập phương diện quân mới Vô-rô-ne-giơ ở Đông – Nam mà biên chế bao gồm ba tập đoàn quân gồm nhiều binh chủng và hai cụm quân kỵ binh cơ giới mạnh. Theo dự định, phương diện quân mới có nhiệm vụ phải tấn công từ căn cứ đầu cầu trên bờ phải sông Đôn ở khu vực Xê-ra-phi-mô-vích và tiến tới Ta-xin-xcai-a, điều đó sẽ cho phép cắt ngang các tuyến đường sắt cũng như các con đường khác của địch từ phía dưới

Xta-lin-grát sang phía Tây. Sau đó, phương diện quân này sẽ tiến công qua Ca-men-xơ vào vùng Rô-xtôp là nơi giao nhau giữa các con đường rút lui của quân đội phát-xít Đức không những từ phía dưới Xta-lin-grát, mà cả từ Cáp-ca-dơ nữa.

Đồng thời, ta cũng dự định tiến hành bao vây và tiêu diệt tập đoàn quân Đức 6 ở ngay sát Xta-lin-grát. Ta dự tính dùng các lực lượng cả phương diện quân Xta-lin-grát và phương diện quân Đông – Nam để làm việc đó với sự hỗ trợ của phương diện quân Da-cáp-ca-dơ. Phương diện quân này có nhiệm vụ từ khu vực Ghê-oóc-ghi-ép-xơ đánh qua vùng thảo nguyên Xan-xơ vào miền Tây – Bắc, việc đó sẽ tạo ra nguy cơ sau lưng các cánh quân Cáp-ca-dơ và A-xtơ-ra-khan của địch.

Trên tấm bản đồ của Bộ tổng tham mưu mà ta đã nói ở trên, người ta cũng thấy rõ những thiếu sót trong ý đồ. Chẳng hạn, chỉ dành một lực lượng tương đối yếu để bao vây tập đoàn quân Đức 6 là một tập đoàn quân mạnh, nhất là ở Phía Nam (ở phía Bắc thì dự định dùng tập đoàn quân 21 bao gồm 10 sư đoàn, trong khi đó thì ở phía Nam chỉ có tập đoàn quân 51 với tất cả là 4 sư đoàn và 1 lữ đoàn bao vây quân địch). Ta không dự tính đưa các đơn vị cơ động vào thành phần các cánh quân xung kích dùng để bao vây tập đoàn quân Đức 6.

Sự di động để bao vây của các phương diện quân Xta-lin-grát và Đông – Nam khá phức tạp: lúc đầu dự định chuyển vào khúc ngoặt nhỏ của sông Đôn rồi sau đó theo hướng Đông quặt vào Xta-lin-grát để chia cắt và tiêu diệt quân địch đang bị bao vây. Sau khi ngoặt vào Xta-lin-grát thì lại phải vượt qua sông Đôn. Tuyến trận bao vây bên ngoài thì được bố trí rất cách xa tuyến bao vây bên trong, thành thử các đơn vị bộ đội Liên Xô khó hành động phối hợp. Trong điều kiện địch có ưu thế hơn về xe tăng và máy bay, địa hình trống trải ở các vùng thảo nguyên Xan-xơ là ít thích hợp cho cuộc tấn công của phương diện quân Da-cáp-ca-dơ. Ngoài ra, bộ chỉ huy quân Đức lại có được một địa bàn lớn để di động ở Bắc Cáp-ca-dơ.

Tấm bản đồ do I. I. Bôi-cốp ký đó chỉ phản ánh giai đoạn đầu của việc vạch kế hoạch tiêu diệt địch ở khu vực Xta-lin-grát và ở sườn Nam mặt trận

Xô – Đức. Khi chinh lý lần cuối cùng kế hoạch phản công chung của bộ đội ta, ý đồ tấn công vào Rô-xtốp qua Ca-men-xơ mới được thể hiện trong kế hoạch của Đại bản doanh nổi tiếng dưới mật hiệu “sao Thổ tinh”. Các cánh quân xung kích bao vây địch được tăng cường thêm các quân đoàn xe tăng và cơ giới.

Việc nghiên cứu sâu sắc của các cán bộ Bộ tổng tham mưu đối với các vấn đề về cuộc phản công của ta đã giúp bộ chỉ huy Liên Xô sau đó giải quyết các nhiệm vụ tiêu diệt các lực lượng dự bị tác chiến của cụm tập đoàn quân “Sông Đôn” được tập trung từ cuối tháng Mười một 1942 ở khu vực Ni-giơ-nhe – Tria-xcai-a, Toóc-mô-xin, việc này đã góp phần không nhỏ làm thất bại những mưu toan của địch nhằm giải vây cho tập đoàn quân 6 bằng những trận đột kích từ bên ngoài.

Theo chỉ thị của A. M. Va-xi-lép-xki, sau đó tướng V. Đ. I-va-nốp phải tới khu vực Xta-lin-grát để tham gia điều tra tình hình cùng với Tổng tham mưu trưởng và đồng thời cũng là đại diện Đại bản doanh. Trong quá trình hoạt động trên địa hình khu vực các hồ Xa-rơ-pin-xơ, các đồng chí đã nghiên cứu tỉ mỉ điều kiện hoạt động của các binh chủng, binh đoàn và liên binh đoàn. Kết quả điều tra đã cho phép lập phương án tiến công của phương diện quân Xta-lin-grát dưới hình thức cuối cùng mà hiện chúng ta đã biết. Tại các phương diện quân khác, Gh. C. Giu-cốp cũng đã tiến hành một hoạt động như vậy.

Tôi có ý định bỏ qua tất cả những gì liên quan tới việc vạch kế hoạch phản công ở Xta-lin-grát và chuẩn bị trận đánh ở các đơn vị. Hồi ký của Gh. C. Giu-cốp, A. M. Va-xi-lép-xki, N. N. Vô-rô-nốp, G. A. Vô-rô-giây-kin và của nhiều tác giả khác đã nói rõ những việc đó. Quá trình và kết quả trận đánh Xta-lin-grát khá nổi tiếng. Hiện giờ, trận đánh đó đã đi vào lịch sử như một tuyệt tác của nghệ thuật quân sự. Tôi chỉ xin nói rằng việc tư tưởng chiến lược của các tướng lĩnh Liên Xô, của Đại bản doanh Bộ tổng tư lệnh tối cao Liên Xô và Bộ tổng tham mưu xô-viet hơn hẳn những mưu đồ của các nhà chiến lược và các cơ quan tối cao của bộ máy chỉ huy chiến lược nước Đức Hit-le, đã đóng một vai trò không nhỏ trong việc giành thắng lợi.

Trong trận đánh lịch sử này ở miền Nam đất nước, Bộ tổng tham mưu của chúng ta đã hoàn thành tốt những nhiệm vụ của mình, đã là cơ quan trợ thủ đắc lực của Bộ tổng tư lệnh tối cao; còn đại bản doanh Hít-le thì không thể đạt được những mục tiêu của chúng hoặc không thể đối phó được với những ý định của ta. Chúng đã chậm trễ trong việc thành lập cụm tập đoàn quân “Sông Đôn” để giải thoát cho tập đoàn quân 6 và tập đoàn quân xe tăng 4. Về phương diện tác chiến thì chúng đã hành động một cách khuôn sáo.

Tại vụ án Nuyn-béc xử bọn tội phạm chiến tranh, trạng sư của Gơ-rinh đã mỉa mai nhận xét rằng khi bị bắt làm tù binh, thống soái Pao-lút vẫn giảng về chiến lược tại Học viện quân sự cao cấp Liên Xô mang tên C. E. Vô-rô-si-lap (Việc này thực ra không hề có). Pao-lút bấy giờ có mặt tại phiên tòa với tư cách nhân chứng, đã đáp lại rằng: “chiến lược của Liên Xô cao hơn chiến lược của chúng tôi tới mức vị tất người Nga đã có thể cần đến tôi, dù chỉ để giảng dạy ở một trường hạ sĩ quan. Bằng chứng tốt nhất cho điều đó là kết cục của trận đánh trên sông Vôn-ga mà tôi bị bắt làm tù binh, cũng như việc tất cả các vị này đang ngồi trên ghế bị cáo ở đây”. Có lẽ bạn cũng không thể nào có được một lời đánh giá hay hơn về các nhà chiến lược tội phạm của nước Đức phát-xít.

5. Bước ngoặt

Mối nguy đối với Cáp-ca-dơ. – Báo cáo đầu tiên của tôi ở Đại bản doanh. – Chuyển đi công tác ở Da-cáp-ca-dơ. – Đóng kín các đèo. – Lá chắn ở vùng ven Biển Đen. – Địch bị chặn lại. – Những diềm báo trước cuộc tấn công vào Bắc Cáp-ca-dơ. – Bộ tổng tư lệnh tối cao tập trung sự quan tâm của mình vào Cụm Biển Đen. – Không nên thành lập tập đoàn quân kỵ binh ư? – Kế hoạch “Núi” và kế hoạch “Biển” – Căn cứ bàn đạp Ta-man. – Hai cuộc đổ bộ ở Nô-vô-rô-xi-xcơ. – Nguyên soái Gh. C. Giu-cốp tới Cu-ban. – Sự phá sản của “phòng tuyến xanh”.

Đồng chí A. M. Va-xi-lép-xki lên nhận chức Tổng tham mưu trưởng đã có ảnh hưởng rất nghiêm trọng đến công tác của Cục tác chiến. Trong vòng nửa năm, đã có mấy đồng chí thay nhau làm cục trưởng. Giữ chức vụ này lần lượt là các đồng chí P. I. Bô-đin, A. N. Bô-gô-liu-bốp (hai lần làm cục trưởng), V. Đ. I-va-nốp. Các đồng chí P. G. Ti-khô-mi-rốp, P. P. Vê-tơ-nưi, S. N. Ghê-nhi-a-tu-lin tạm thời quyền cục trưởng trong những thời gian chưa có cục trưởng mới.

Vì theo lệnh của Tổng tư lệnh tối cao, đồng chí A. M. Va-xi-lép-xki đã dùng phần lớn thời gian tại các mặt trận, nên lãnh đạo Bộ tổng tham mưu trong lúc vắng đồng chí Va-xi-lép-xki là chính ủy Ph. E. Bô-côp, một con người rất tốt, một cán bộ đảng cửu khôi, nhưng không được đào tạo để thực hiện những chức năng có tính chất tác chiến thuần túy.

Việc Tổng tham mưu trưởng hay đi xuống các mặt trận trong từng thời gian dài và việc luôn luôn thay đổi cục trưởng tác chiến đã gây nên một không khí căng thẳng trong chúng tôi. Vì vậy tính xác định trong công tác thường hay bị vi phạm. Trong một-hai tháng phụ trách cục, không ai kịp đi sâu vào công việc, nắm vững tình hình và vì vậy không thể vững tâm mỗi lần lên Đại bản doanh báo cáo. Cho nên, “để phòng xa”, các đồng chí ấy đều phải đem theo bên mình các chủ nhiệm khu vực mặt trận để nhờ khi có gì cần thiết phải báo cáo rõ thêm. Phòng khách của cục trưởng Cục tác chiến (chúng tôi thường gọi là “phòng chuẩn bị tắm”) lúc nào cũng đầy những

người là người. Một số cố tìm cách làm được một việc gì đó ngòai nghiên cứu các tài liệu nào đó, còn phần lớn đều để phí thời gian vô ích ...

Tình trạng đó lại càng đáng tiếc hơn khi tình hình lại trở nên cực kỳ căng thẳng, đòi hỏi tất cả chúng tôi phải có những hoạt động đặc biệt dứt khoát.

Khi đã rõ là quân phát-xít Đức nhất định sẽ tràn xuống phía Nam dọc theo ven biển Ca-xpi-en và vượt qua dãy núi Cáp-ca-dơ, một vấn đề mới không sao tránh khỏi được đặt ra rất gay gắt trước mắt chúng tôi: liệu Thổ Nhĩ Kỳ có ủng hộ chúng không? Nếu ở I-ran, mọi việc lúc này đều tương đối thuận lợi thì vấn đề Thổ Nhĩ Kỳ lại có khác. Hồi giữa năm 1942, không ai có thể cam đoan rằng Thổ Nhĩ Kỳ không đứng về phía Đức. Không phải vô cớ mà hồi đó có tới 26 sư đoàn Thổ Nhĩ Kỳ đã được tập trung ở sát biên giới Da-cáp-ca-dơ xô-viêt.

Phải khóa chặt biên giới Liên Xô – Thổ Nhĩ Kỳ và dùng lực lượng tập đoàn quân 45 bảo vệ miền biên giới, phòng mọi sự bất trắc. Để ngừa trường hợp quân Thổ đi qua I-ran tiến công vào Ba-cu, ta đã áp dụng những biện pháp đề phòng cần thiết cả trên biên giới I-ran – Thổ Nhĩ Kỳ. Thời gian này, quân đoàn kỵ binh 15 được tăng cường một sư đoàn bộ binh và một lữ đoàn xe tăng đang đóng ở đây.

Cần lưu ý rằng kế hoạch yểm hộ Da-cáp-ca-dơ đã có từ thời bình. Năm 1941, sau khi bộ đội ta tiến vào I-ran, kế hoạch này đã được chuẩn xác thêm, song vẫn chưa được coi trọng đến mức cần thiết. Tới cuối năm 1941, khi quân Đức đã chiếm được Rô-xtốp rồi và lần đầu tìm cách tràn vào Cáp-ca-dơ thì thấy cần phải cơ bản tu chỉnh lại kế hoạch này, vì phải yểm hộ chắc vùng Da-cáp-ca-dơ, không chỉ từ phía Thổ Nhĩ Kỳ mà từ cả phía Bắc nữa. Và lại, trong những điều kiện bây giờ, hướng Bắc vẫn được coi là hướng chủ yếu.

Được thành lập từ năm 1941, biên chế phương diện quân Da-cáp-ca-dơ lúc đầu có tập đoàn quân 45, 46 và bộ đội đang đóng ở I-ran, đến tháng Sáu 1942, lại có thêm tập đoàn quân 44 sau khi tập đoàn quân này đã được chấn chỉnh, bổ sung xong ở khu vực Ma-kha-trơ-ca-la. Bộ đội của phương diện quân Bắc Cáp-ca-dơ cũng có nhiệm vụ yểm hộ cho Da-cáp-ca-dơ. Nhưng

toàn bộ số lực lượng này rõ ràng vẫn không đủ để làm nhiệm vụ đó. Theo đề nghị của Bộ Tổng tham mưu, nhiều đơn vị bộ đội đã được cấp tốc điều từ Trung Á và các nơi khác sang miền này.

Ngày 23 tháng Sáu, Hội đồng quân sự Phương diện quân Da-cáp-ca-dơ đề trình lên Mát-xcơ-va kế hoạch phòng thủ Da-cáp-ca-dơ dưới dạng mới, đã được tu chỉnh. Ngay trong kế hoạch này, mọi thiếu sót đã bộc lộ ra còn rõ rệt hơn. Tất nhiên, tình trạng thiếu lực lượng đã có ảnh hưởng đến kế hoạch sử dụng bộ đội.

Bộ tư lệnh phương diện quân đã hoàn toàn đúng khi chủ trương điều tập đoàn quân 44 ra tuyến sông Tê-rếch để củng cố hướng Ba-cu, song đã để cho cả triền núi Cáp-ca-dơ chính hầu như không được bảo vệ. Nhiệm vụ này được giao cho tập đoàn quân 46 có số quân rất ít đảm nhiệm. Do đó, ở đèo ngang Ma-rúc-xki chẳng hạn, chỉ vẹn vẹn có một đại đội bộ binh cùng một trung đội súng cối và một trung đội công binh phòng giữ, còn đèo ngang Clu-kho-rơ thì được hai đại đội bộ binh và một trung đội công binh yểm hộ.

Với những lực lượng như vậy, tất nhiên không thể mong giữ được các đèo ngang. Sau khi vạch cho tư lệnh phương diện quân thấy những thiếu sót ấy trong kế hoạch, Bộ tổng tham mưu liền bắt tay đi tìm những lực lượng dự bị có thể dùng để củng cố tuyến phòng thủ Da-cáp-ca-dơ. Trong tháng Tám, hai quân đoàn bộ binh cận vệ 10, 11 và mười một lữ đoàn bộ binh độc lập đã được điều thêm đến vùng này.

Để thuận tiện cho việc chỉ huy, các đơn vị phòng ngự trên các tuyến sông U-rúc và Tê-rếch đã hợp thành cái gọi là Cụm chiến dịch phía Bắc do I. I. Ma-xlen-ni-cốp làm tư lệnh, gồm có tập đoàn quân 44, cụm quân của tướng V. N. Cu-rơ-đi-u-mốp đã nhập vào tập đoàn quân 9 và sau nữa có thêm cả tập đoàn quân 37 rút từ Đôn-bát và sông Đôn về. Tướng Ma-xlen-ni-cốp được giao nhiệm vụ yểm hộ vững vàng cho hướng Ba-cu và tuyến đường chủ yếu chạy qua dãy núi Cáp-ca-dơ: tuyến đường quân sự Gru-di-a.

Nhiều biện pháp tổ chức lớn đã được tiến hành trong phương diện quân Bắc Cáp-ca-dơ. Ngay từ ngày 28 tháng Bảy, các tập đoàn quân của phương diện quân Nam bị giải thể và rút lui về đây được hợp nhất vào phương diện

quân Bắc Cáp-ca-dơ, ở đây thành lập ra hai cụm chiến dịch: cụm chiến dịch sông Đôn do trung tướng R. I-a. Ma-li-nôp-xki làm tư lệnh và cụm chiến dịch miền Duyên hải do thượng tướng I-a. T. Trê-rê-vi-tsen-cô chỉ huy.

Cuối tháng Bảy và suốt mười lăm ngày đầu tháng Tám đã diễn ra những trận chiến đấu phòng ngự ác liệt trên cánh đồng Cu-ban. Bộ binh Liên Xô đã anh dũng chiến đấu, nhưng địch vẫn tiến từng bước lên phía trước và trong những ngày 20 tháng Tám, chúng đã tới Tê-rếch. Tại đây, cụm chiến dịch phía Bắc của phương diện quân Dá-cáp-ca-dơ đã bước vào chiến đấu. Điểm yếu của cụm chiến dịch này là tình trạng trang bị rất kém. Ví như sư đoàn bộ binh 417, theo hiện tình ngày 10 tháng Tám, chỉ vền vẹn có 500 súng trường. Chỉ một nửa số quân của sư đoàn 151 được trang bị, mà lại trang bị bằng súng trường nước ngoài. Một trong những lữ đoàn bộ binh chỉ có 30% số quân được trang bị vũ khí và hoàn toàn không có súng máy, đại bác.

Tất cả những tình hình trên đã gây nên mối lo ngại to lớn. Mà cũng phải lẽ thôi. Quân địch đã chiếm được đèo ngang Au-kho-rơ sau một trận đột phá bất ngờ và ngắn. Mãi ba ngày sau, cơ quan tham mưu của tập đoàn quân 46 mới biết tin này.

Những kỷ niệm của tôi về lần đầu tiên lên Đại bản doanh báo cáo, mật thiết gắn liền với công cuộc phòng ngự Da-cáp-ca-dơ. Chuyện ấy như sau.

Một đêm nọ, đồng chí Ph. E. Bô-cốp từ điện Crem-li gọi điện thoại đến lệnh cho đại tá K. Ph. Va-xin-tren-cô, người thay đại tá I. I. Bôi-cốp, và tôi mang ngay bản đồ công tác đến Đại bản doanh báo cáo. Có xe đến đón và chúng tôi ra xe lên đường.

Đến Crem-li, một trung tá tôi không quen ra đón và dẫn chúng tôi lên tầng hai, đến phòng khách của Xta-lin. Cả hai chúng tôi đều hồi hộp, vì biết sẽ phải trả lời về tình hình trên các khu vực mặt trận chúng tôi phụ trách. Ít phút sau, chúng tôi được triệu tập đến văn phòng của Tổng tư lệnh tối cao, ở đó, ngồi sau chiếc bàn lớn kê cạnh tường, một bên là các đồng chí Mô-lô-tốp, Ma-len-cốp, Mi-côi-an và một bên là các đồng chí Ph. E. Bô-cốp, cục

trưởng Cục tác chiến mới được bổ nhiệm, P. I. Bô-đin và I-a. N. Phê-đô-ren-cô. Xta-lin đi đi lại lại trong phòng. Chúng tôi trình diện.

Xta-lin hỏi chúng tôi:

- Các đồng chí có thể báo cáo tình hình ở Xta-lin-grát và ở miền Nam không?

Cả hai chúng tôi đồng thanh trả lời:

- Xin sẵn sàng!

K. Ph. Va-xin-tren-cô báo cáo trước về tình hình ở Xta-lin-grát. Tổng tư lệnh tối cao rất chú ý tới tình hình và tình trạng bộ đội: đơn vị nào rút về tuyến nào, những đơn vị đang rút lui sẽ phối thuộc vào đơn vị nào, thế đội hai bố trí ở đâu, các lực lượng dự bị ở đâu, tình hình cung cấp vật chất ra sao. Va-xin-tren-cô nắm được hết và báo cáo rất rành rọt.

Sau đến lượt tôi. Tôi mở bản đồ và báo cáo: những đơn vị nào đang phòng ngự ở Tê-rếch, còn có thể bố trí thêm những đơn vị nào nữa, hướng Ba-cu và tuyến đường quân sự Gru-di-a được yểm hộ như thế nào. Tôi không quên nói về tình trạng sức yểm hộ còn yếu ở những đèo ngang qua dãy núi Cáp-ca-dơ, chính mối nguy cơ trên các hướng Nô-vô-rô-xi-xcơ và Tu-áp-xe và về sự cần thiết phải đẩy nhanh việc xây dựng các tuyến phòng ngự.

Xta-lin lắng nghe, không ngắt lời tôi. Chỉ khi tôi báo cáo xong, đồng chí mới hỏi:

- Ở Da-cáp-ca-dơ còn có những đơn vị nào nữa?

Tôi báo cáo.

- Có thể điều thêm những đơn vị nào từ Trung Á đến đây?

- Sư đoàn bộ binh núi 83 do thiếu tướng Lu-trin-xki làm tư lệnh. – Tôi trả lời và liền nói thêm: – Bố trí sư đoàn này trên hướng Tu-áp-xe thì tốt hơn. Và, còn có thể lấy thêm một sư đoàn nữa.

- Có thể rút bao nhiêu đơn vị ở I-iran? – Tổng tư lệnh tối cao hỏi.

- Từ một đến hai sư đoàn, chứ không thể hơn. – Và tôi nói rõ tại sao.

- Phải đặc biệt chú ý hướng Ba-cu. – Xta-lin nói, quay về phía P. I. Bô-đin.

Tổng tư lệnh tối cao xử sự rất giản dị. Những lúng túng ban đầu của chúng tôi dần dần mất đi. Báo cáo gần xong, cả Va-xin-tren-cô lẫn tôi đều cảm thấy hoàn toàn thoải mái.

- Lúc đi, cần đem những đại tá này theo, – Tổng tư lệnh tối cao nói và không hướng vào ai cả.

Đến đây, mọi việc đã giải quyết xong, chúng tôi được phép ra về. Cách mấy ngày sau, kể từ hôm được triệu tập đến Đại bản doanh, đúng ngày 21 tháng Tám, P. I. Bô-đin nói với tôi:

- Đồng chí hãy chuẩn bị, đúng 4 giờ sáng mai chúng ta ra sân bay. Hãy mang theo một nhân viên mật mã và một số cán bộ trợ lý theo dõi các khu vực mặt trận.

Lúc này hầu như tôi không cần phải chuẩn bị gì nữa, vì mọi tin tức, tình huống của khu vực mặt trận, tôi như đã thuộc lòng: tôi đã sống và làm việc ở đây, ở phố Ki-rôp. Sáng sớm hôm sau, đúng giờ đã định, tôi lên xe của Bô-đin đi tới sân bay Trung tâm. Máy bay Xi-47 đang đợi chúng tôi ở đó. Đại tá V G. Gra-trép, người lái máy bay, tới trình diện Bô-đin.

Chúng tôi bay qua Trung Á tới Tơ-bi-li-xi. Bọn Đức đã chặn mất con đường bay thẳng tới đây. Chúng tôi hạ cánh xuống Cra-xnô-vôt-xcơ lúc chiều tối, đến khi trời tối hẳn chúng tôi vượt qua biển Ca-xpi-en tới Ba-cu, Tơ-bi-li-xi.

Chúng tôi đến Tơ-bi-li-xi lúc gần nửa đêm và từ sân bay chúng tôi đi thẳng tới cơ quan tham mưu phương diện quân. Thành phố vẫn còn chưa đi ngủ. Nhiều đường phố còn rực sáng và rất đông người.

P. I. Bô-đin lập tức nghe báo cáo của tham mưu trưởng phương diện quân A. I. Xu-bôt-tin và giải thích nhiệm vụ chúng tôi khi tới đó: chuẩn xác tình huống ngoài thực địa, định ra những biện pháp bổ sung nhằm tăng cường phòng ngự Da-cáp-ca-dơ và áp dụng những biện pháp đó, xây dựng các đội dự bị lấy từ những đơn vị đã và đang rút từ phía Bắc về Da-cáp-ca-dơ và

những người của địa phương mới động viên, cuối cùng đẩy nhanh việc chuẩn bị các tuyến phòng ngự, trước hết là tuyến phòng ngự trên hướng Ba-cu.

Lúc kết luận, Bô-đin nói với tư lệnh phương diện quân:

- Các nước đồng minh đang muốn lợi dụng tình thế khó khăn của chúng ta trên các mặt trận và mưu toan bắt ta phải đồng ý để cho quân đội Anh tiến vào Da-cáp-ca-dơ. Đồng chí có biết thế không? Tất nhiên, chúng ta không thể để cho họ làm như vậy. Hội đồng quốc phòng Nhà nước coi việc bảo vệ Da-cáp-ca-dơ là nhiệm vụ quan trọng nhất của nhà nước và chúng ta phải dùng mọi biện pháp nhằm đánh lui cuộc tiến công của quân địch, tiêu hao rồi tiêu diệt chúng. Phải chôn vùi mọi hy vọng của Hít-le và mọi thèm muốn của những nước đồng minh...

Hoạt động thực tiễn của chúng tôi ở đây bắt đầu từ ngày 24 tháng Tám, khi Da-cáp-ca-dơ ban bố tình trạng chiến tranh. Tất cả những đơn vị bộ đội đã rút một cách có tổ chức từ phía Bắc về đều được bố trí phòng ngự ở Tê-rếch, vùng ven dãy núi Cáp-ca-dơ, trên các hướng Tu-áp-xe và Nô-vô-rô-xi-xơ. Còn những đơn vị và binh đoàn nào đã bị tiêu hao trong các trận chiến đấu trước đây, bị mất các cơ quan chỉ huy hoặc trang bị, thì được rút về phía sau. Trên hướng chủ yếu, hướng Ba-cu ngày 28 tháng Tám bắt đầu thành lập tập đoàn quân 58. Ở khu vực Ki-dơ-h-a-rơ đã tập trung quân đoàn kỵ binh hỗn hợp.

Sau khi chúng tôi đã tỉ mỉ nghiên cứu xong tình huống thì có quyết định xây dựng các khu phòng ngự ở những vùng trung tâm chiến dịch quan trọng. Có tất cả ba khu như vậy: đặc khu Ba-cu, khu Grô-dơ-nuir và khu Vla-đi-cáp-ca-dơ. Tư lệnh các khu phòng ngự này đồng thời làm phó tư lệnh các tập đoàn quân phòng vệ những vùng cửa ngõ của các khu trên.

Nhiệm vụ bảo vệ tuyến đường quân sự Gru-di-a được hoàn toàn giao cho một sư đoàn bộ binh. Lực lượng chủ yếu của sư đoàn chốt chặt lối tiến vào khu vực Oóc-giô-ni-kít-dê. Và khu vực này còn có thêm một sư đoàn nữa điều từ Gô-ri tới.

Hướng Ba-cu đang có nhiều việc bận rộn. Khi tới nơi, chúng tôi phát hiện thấy việc xây dựng các tuyến phòng ngự đang được tiến hành rất chậm. Rõ ràng là không đủ lực lượng để đảm nhiệm công việc này. Ngày 16 tháng Chín, Hội đồng quốc phòng Nhà nước, theo đề nghị của chúng tôi, đã ra một nghị quyết đặc biệt về việc huy động mỗi ngày chín mươi nghìn dân địa phương tham gia xây dựng phòng ngự ở các khu vực Ma-kha-trơ-ca-la, Đéc-ben-tơ và Ba-cu. Sau đó, mọi việc đều hoàn toàn trôi chảy.

Suốt ngày đêm, ta đã khẩn trương xây dựng công sự, hào chống tăng và bố trí các chướng ngại chống tăng. Ngoài ra, ngày 29 tháng Chín, Đại bản doanh đã ra lệnh thực hiện ở đây một loạt biện pháp nữa nhằm củng cố phòng ngự và đã điều 100 xe tăng tới để tăng cường lực lượng phòng ngự.

Công cuộc phòng ngự trên hướng quan trọng khác, hướng Tu-áp-xe, cũng được đặc biệt chú ý. Từ đầu tháng Tám, Bộ tổng tham mưu đã luôn luôn quan tâm đến trận tuyến này. Nếu đột phá vào Tu-áp-xe, địch sẽ từ phía Bắc tiến vào hậu tuyến các đơn vị bộ đội phòng ngự Da-cáp-ca-dơ và sẽ chiếm lấy con đường tiếp cận thuận lợi nhất ở dọc ven biển Xô-tri và Su khu-mi. Địch rất kiên quyết nhưng không sao thực hiện được ý định ấy.

Ngày 5 tháng Tám, Đại bản doanh đã ra chỉ thị đặc biệt về việc này và sau đó, qua mười ngày chiến đấu ác liệt ta đã chặn đứng được quân địch trên sườn phía Bắc dãy núi Cáp-ca-dơ chính, cách Tu-áp-xe 50 ki-lô-mét. Tuy nhiên, sau đây tình hình ở đây vẫn căng thẳng đến tột độ.

Trên bán đảo Ta-man và ở Nô-vô-rô-xi-xcơ, nơi có các căn cứ của hải quân ta, tình huống cũng không kém phần nghiêm trọng. Địch có ý định từ đây góp phần đột kích vào Tu-áp-xe và chúng đã đạt được nhiều kết quả quan trọng hơn. Cuối tháng Tám – đầu tháng Chín, chúng đã chiếm được bán đảo này và phần lớn miền Nô-vô-rô-xi-xcơ. Tập đoàn quân 47 và các đơn vị hải quân phòng ngự cái hải cảng lớn nhất này của vùng ven Biển Đen đã lâm vào tình thế thật hiểm nghèo. Chỉ có sự kiên cường của bộ đội, nghệ thuật và lòng dũng cảm của các cấp chỉ huy, tính hợp lý của các quyết tâm cần có và thái độ kiên quyết thực hiện những quyết tâm đó mới quyết định được kết cục của trận giao tranh này.

Chúng tôi cho rằng: khu vực này trước hết cần tổ chức chỉ huy bộ đội cho thật vững. Ngày 1 tháng Chín, trên cơ sở của phương diện quân Bắc Cáp-ca-dơ, đã thành lập Cụm Biển Đen trực thuộc phương diện quân Da-cáp-ca-dơ. Mấy ngày sau, trung tướng I. E. Pê-tơ-rốp, người anh hùng của cuộc phòng thủ Xê-va-xtô-pôn, đến nhận nhiệm vụ tư lệnh cụm chiến dịch này, Hội đồng quân sự phương diện quân đề nghị cử thiếu tướng A. A. Grê-xcô làm tư lệnh tập đoàn quân 47 và toàn khu vực phòng ngự Nô-vô-rô-xi-xcơ, cử phó đô đốc hải quân X. G. Goóc-scốp Chỉ huy phòng ngự thành phố Nô-vô-rô-xi-xcơ. Đại bản doanh đã phê chuẩn đề nghị ấy. Kết quả liền được thể hiện ra ngay. Ngày 10 tháng Chín, bộ đội Liên Xô đã chặn đứng được quân địch ở phần phía Đông Nô-vô-rô-xi-xcơ, giữa các nhà máy xi-măng, và buộc chúng phải chuyển sang phòng ngự.

Dãy núi Cáp-ca-dơ chính không nằm trong phạm vi hoạt động của Cụm Biển Đen và Cụm phía Bắc. Tập đoàn quân 46 phòng ngự dãy núi này đứng ra phải trực thuộc bộ tư lệnh phương diện quân. Nhưng, về sau trực thuộc cơ quan tham mưu phương diện quân đã có một cơ quan đặc biệt mang tên “cơ quan tham mưu các đơn vị phòng ngự dãy núi Cáp-ca-dơ”. Đứng đầu cơ quan này là tướng G. L. Pê-tơ-rốp trong Bộ dân ủy nội vụ. Phải nói thẳng ra rằng đây là một cấp trung gian giả tạo và hoàn toàn không cần thiết. Trong thực tế, cơ quan tham mưu này đã thay thế cơ quan chỉ huy của tập đoàn quân 46.

Việc phòng ngự dãy núi này không được tổ chức chặt chẽ. Bộ tư lệnh phương diện quân đã đánh giá quá cao tính hiểm hóc bất khả xâm phạm của miền này và vì vậy đã để mất đèo ngang Clu-kho-rơ ngày 15 tháng Tám. Trong tình hình ấy đèo ngang Ma-rúc-xki cũng có thể bị chiếm và do đó có nguy cơ quân Đức có thể tiến xuống phía Nam, tới Biển Đen.

Những sai lầm phạm phải đã được gấp rút sửa chữa. Nhiều đội quân gồm những người trèo núi và nhân dân vùng rẻo cao đã cấp tốc được thành lập và điều tới bảo vệ các đèo ngang. Ngoài ra, còn điều thêm nhiều đơn vị chính quy tới vùng này. Ở khu vực Cra-xnai-a Pô-li-a-na, sư đoàn bộ binh núi 20 do đại tá A. P. Tua-trin-xki chỉ huy, trung đoàn biên phòng 23 và trung đoàn

cơ giới 33 của Bộ dân ủy nội vụ chặn đường ra biển của địch ở Xô-tri. Còn ở quá phía Đông khu vực này thì có một đơn vị lớn của đại tá I. I. Pi-ia-sép đảm nhiệm nhiệm vụ phòng ngự. Tiếp nữa là các đơn vị thuộc sư đoàn bộ binh 394 của trung tá I. G. Can-ta-ri-a và các đơn vị khác.

Nhiều đội công nhân vũ trang cũng đã được điều tới các mỏm núi. Toàn bộ đại gia đình các dân tộc miền Cáp-ca-dơ đã đứng lên chống địch. Cuộc đấu tranh sinh tử với những người khách không mời mà đến đã diễn ra quyết liệt trên các tuyến chiến đấu và ở phía sau quân địch. Tình hữu nghị anh em giữa các dân tộc đã vượt qua mọi thử thách. Mọi tính toán của bọn chiếm đóng trông đợi vào sự suy yếu của mối tình hữu nghị ấy, đã hoàn toàn sụp đổ

Chính trong thời gian này đã diễn ra những sự kiện ở khu vực đèo ngang Ma-rúc-xki. Trong những điều kiện rất khó khăn, các chiến sĩ bảo vệ đèo ngang đã anh dũng đánh bại mọi mưu toan của các đơn vị miền núi Đức nhằm đánh chiếm đèo ngang và đột phá vào đây qua dãy núi Cáp-ca-dơ chính. Các đồng chí đã hoàn thành nhiệm vụ quang vinh của những quân nhân cho đến phút cuối cùng.

Những trận chiến đấu ác liệt đã diễn ra ở Tê-rếch. Tập đoàn quân xe tăng 1 bao gồm 2 quân đoàn bộ binh và 3 quân đoàn xe tăng địch tiến công ta ở đây. Mũi đột kích của chúng nhằm cùng một lúc tiến ra tới tận bờ biển Caxpi-en lẫn tuyến đường quân sự Gru-di-a. Song, quân Đức không hề thu được kết quả gì ở cả hai nơi trên.

Những trận chiến đấu tại những cửa ngõ vào Oóc-giô-ni-kít-dê và Grô-dơ-nưi đã hoàn toàn thất bại và làm cho chúng bị tổn thất nặng. Dù cố sức đến mấy, chúng cũng không sao tới được vùng dầu lửa Grô-dơ-nưi và Ba-cu. Và, ý đồ của địch nhằm mở đường sang Cận Đông thế là cũng tan vỡ nốt.

Quân Đức cũng thoát khỏi cảnh tượng ấy trên hướng Biển Đen, mặc dù chúng đã đặc biệt tích cực hoạt động, nhất là ở Tu-áp-xe. Từ cuối tháng Chín, sau khi đã chuyển quân tập kết nhiều binh lực lớn, chúng một lần nữa mở các cuộc tiến công, rõ ràng nhằm bao vây và tiêu diệt chủ lực của tập đoàn quân 18. Vùng ven biển lại bị uy hiếp một lần nữa. Trong điều kiện ấy,

Đại bản doanh và Hội đồng quân sự phương diện quân đã điều động nhiều lực lượng mới đến tăng cường cho tập đoàn quân và đến giữa tháng Mười thì cư tướng A. A. Grê-xcô làm tư lệnh tập đoàn quân này.

Cả công tác chính trị cũng đã được đẩy mạnh. Trong quá trình chiến đấu ác liệt bộ đội xô-viết đã bị cột chặt vào dãy núi cuối cùng trên đường vào Tu-áp-xe, nhưng đã không để cho quân địch vượt qua được. Những đợt phản kích tiếp sau mới hất được chúng sang phía bên kia sông Pơ-si-sơ.

Trên cái tuyến quan trọng này đối với chúng ta, lực lượng hai bên lúc đầu tương đương nhau, nhưng về sau chúng ta có ưu thế hơn đôi chút. Vì vậy đến giữa tháng Mười một, khi bọn Hít-le cố sức đột phá lần thứ ba vào Tu-áp-xe, thì mọi cố gắng của chúng đều phí công; hơn nữa, một phần lực lượng tiến công của quân địch lại bị bao vây rồi bị tiêu diệt hoàn toàn.

Sau đó, trên hướng Tu-áp-xe, quân đội phát-xít Đức không còn chuyển sang tiến công được nữa. Bọn chúng cũng không vượt qua được dãy núi Cáp-ca-dơ, mặc dầu đã sử dụng quân đoàn bộ binh núi thien chiến. Còn ở sườn Bắc En-brút, quân địch chỉ chiếm được “trạm số 11” của những người leo núi, nhưng cũng không tiến được xa hơn nữa.

Khi công tác ở Da-cáp-ca-dơ, chúng tôi luôn luôn dựa chắc vào các sĩ quan trong Bộ Tổng tham mưu được đặc phái xuống bộ đội. Các đồng chí đó liên hệ mật thiết với chúng tôi trong nhiều khâu công tác, giúp chúng tôi nghiên cứu các tin tức tình huống, chuẩn bị báo cáo hàng ngày gửi về Đại bản doanh, tích cực tham gia vào những biện pháp tổ chức của chúng tôi. Đặc biệt, tôi còn giữ được nhiều kỷ niệm tốt về các đồng chí N. Đ. Xan-tư-cốp, A. N. Tam-ra-dốp và nhiều đồng chí khác.

Một tháng sau, chúng tôi trở về Mát-xcơ-va. Mặc cho bộ chỉ huy Cụm tập đoàn quân “A” của Đức tuyên bố huênh hoang rằng sức kháng cự của bộ đội xô-viết sắp bị bẻ gãy, tình hình ở Da-cáp-ca-dơ đã an định lại. Riêng trung tướng P. I. Bô-đin, tham mưu trưởng phương diện quân thì không còn nữa. Đồng chí giữ cương vị cao này chưa được bao lâu. Ngày 1 tháng Mười một,

Bô-đin đã hy sinh ở khu vực Oóc-giô-ni-kít-dê. Trong một vụ oanh tạc của không quân Đức, đồng chí không chịu ẩn nấp, vì vậy đã hy sinh.

Ngay khi về Mát-xcơ-va, chúng tôi đã được đọc vở kịch “Tiền tuyến” của A. E. Coóc-nây-trúc. Vở kịch ấy đột nhiên được đăng trên báo “Sự thật” và đã làm xúc động toàn thể hàng ngũ sĩ quan trong quân đội. Tuy hồi ấy trong Bộ tổng tham mưu chúng tôi phải tính từng phút một, nhưng cả những đồng chí bận nhất cũng đã tìm đọc hết. Chúng tôi đã toàn tâm toàn ý ủng hộ anh thanh niên Ô-gơ-nhép và phản đối Gô-rơ-lap.

Nhưng, như người ta thường nói, không có nguyên tắc nào lại không có ngoại lệ. Cả ở trong lẫn ở ngoài Bộ Tổng tham mưu, thậm chí trong số những người lãnh đạo quân sự có công lao, đã có những người coi vở kịch “Tiền tuyến” là một hành động đặc biệt phá hoại Hồng quân. Có một số điện gửi về Đại bản doanh đề nghị đình chỉ việc cho in vở kịch đó trên báo “Sự thật” và cấm đem nó ra trình diễn trên sân khấu vì đó là một cái gì “tuyệt đối có hại”. Đồng chí Tổng tư lệnh tối cao đã trả lời một trong số những bức điện ấy như sau:

“Các đồng chí đã đánh giá vở kịch đó không đúng. Vở kịch sẽ có một tác dụng giáo dục to lớn đối với Hồng quân và đội ngũ cán bộ chỉ huy. Vở kịch đã nêu lên một cách đúng đắn những thiếu sót của Hồng quân và nếu cứ nhắm mắt làm lơ trước những thiếu sót đó thì thật không đúng. Cần phải dũng cảm thừa nhận thiếu sót và có biện pháp trừ bỏ chúng. Đó là con đường duy nhất để cải tiến và hoàn chỉnh Hồng quân”.

Về phần mình, lớp thanh niên trong Bộ Tổng tham mưu – đều có thể gọi những cán bộ trung cấp, tuổi tác chưa nhiều như thế, chúng tôi đã coi vở “tiền tuyến) như là sự thể hiện chính sách của Đảng, là lời Đảng kêu gọi nâng cao trình độ nghệ thuật quân sự và trình độ lãnh đạo quân đội.

Ngày 2 tháng Hai 1943, cánh quân chủ yếu của quân đội Hít-le bị bao vây ở Xta-lin-grát từ ngày 23 tháng Mười một 1942 đã hoàn toàn bị tiêu diệt. Hệ quả gần nhất của thắng lợi Xta-lin-grát là sự kiện giải phóng Bắc Cáp-ca-dơ

mà tôi có quan hệ trực tiếp, do chức trách công tác lúc đó trong Bộ Tổng tham mưu.

Xta-lin-grát đã ràng buộc A. M. Va-xi-lép-xki trong một thời gian lâu. Cuối năm 1942 và đầu năm 1943, A. M. Va-xi-lép-xki hầu như bám sát không rời khu vực chủ yếu này của mặt trận Xô – Đức.

Vì Tổng tham mưu trưởng đi vắng nên Tổng tư lệnh tối cao thường hay gọi đây nói trực tiếp với Cục tác chiến, hỏi tình hình, đọc mệnh lệnh. Chúng tôi luôn luôn phải trực sẵn, ngày đêm không rời vị trí công tác. Và lại, thời kỳ này, tôi cùng đang giữ chức quyền cục phó Cục tác chiến (Ngày 2 tháng Tư 1943. X. M. Stê-men-cô được cử giữ chức vụ này. BT.).

Trong một số trường hợp cá biệt, I. V. Xta-lin gọi điện cho trực ban của Bộ Tổng tham mưu là một viên tướng và truyền đạt mệnh lệnh qua đồng chí này, không có viên tướng nào chuyên trách làm việc này cả. Khi còn B. M. Sa-pô-sni-cốp ở đây thì đồng chí ấy đảm nhận việc đó. Các tướng lĩnh thuộc các cục vụ khác nhau của Bộ tổng tham mưu lần lượt thay nhau thừa hành chức trách này. Các trợ lý Bộ Tổng tham mưu lập bản danh sách đặc biệt ấn định phiên trực của từng người. Trưởng trực ban có nhiệm vụ phải ghi bản đồ và bao giờ cũng phải nắm chắc tình hình tại các phương diện quân và công việc của các cục vụ chủ yếu ở Bộ Tổng tham mưu.

Địch vẫn lồng lộn tiến quân và bộ đội Liên Xô cũng dốc toàn lực để chặn chúng lại. Đại bản doanh và Bộ tổng tham mưu đã cân nhắc kỹ những kế hoạch tiến công sắp tới, đặt nền móng cho những chiến dịch quyết định nhằm tiêu diệt quân địch ở cả Xta-lin-grát lẫn ở Bắc Cáp-ca-dơ. Tôi còn nhớ bản chỉ thị của Tổng tư lệnh tối cao ngày 15 tháng Mười năm 1942. Giữa lúc đang chiến đấu phòng ngự quyết liệt ở Tê-rếch, thì bản chỉ thị đã nhắc bộ tư lệnh phương diện quân Da-cáp ca-dơ lưu ý đến Cụm Biển Đen:

“Thấy các đồng chí hay lui tới quan sát bộ đội ở Cụm phía Bắc và dồn phần lớn binh lực cho cụm này. Đại bản doanh cho rằng các đồng chí đã đánh giá thấp ý nghĩa của Cụm Biển Đen và vai trò chiến dịch – chiến lược của bờ Biển Đen”.

Là người trực tiếp chấp hành văn kiện này, trong đó có đoạn trích dẫn trên, tôi hiểu khá rõ rằng cơ sở của nó là sự quan tâm đến cuộc tiến công sắp tới. Vào 10 ngày cuối tháng ấy tôi lại có dịp thấy rõ thêm rằng Đại bản doanh ngày càng đi sâu quan tâm đến việc này. Một đêm, Ph. E. Bô-cốp triệu tập tôi đến và lệnh cho tôi báo cáo những ý kiến có liên quan đến việc thành lập tập đoàn quân kỵ binh ở Bắc Cáp-ca-dơ.

Đồng chí nói thêm:

- Xta-lin đang chú ý theo dõi việc này.

Đề nghị cải tổ quân đoàn kỵ binh cận vệ 4 thành tập đoàn quân kỵ binh là do I. V. Ti-u-lê-nép, tư lệnh phương diện quân Da-cáp-ca-dơ nêu lên. Dự kiến sẽ hợp nhất vào tập đoàn quân này bảy sư đoàn kỵ binh: hai sư đoàn kỵ binh cận vệ Cu ban 9 và 10, hai sư đoàn kỵ binh cận vệ sông Đôn 11 và 12 và các sư đoàn 30, 63, 110.

Xta-lin ngày càng quan tâm đến vấn đề ấy.

- Trên thực tế, lẽ nào không thành lập được tập đoàn quân kỵ binh ư?-Xta-lin hỏi Bô-cốp và liền ra lệnh cho Bộ tổng tham mưu nghiên cứu vấn đề này.

Ngoài ra, Tổng tư lệnh tối cao còn đích thân hỏi ý kiến tướng N. I-a. Ki-ri-tren-cô, tư lệnh quân đoàn kỵ binh cận

Ý kiến này thật hấp dẫn, ở miền Bắc Cáp-ca-dơ dường như có đủ điều kiện để thực hiện ý định ấy: có ngựa, có cả những kỵ sĩ ưu tú người Cô-đắc vùng Cu-ban và vùng sông Đôn và cả một không gian rộng đủ bảo đảm cho những đội kỵ binh lớn được tự do vận động. Thêm nữa, tất cả chúng tôi vẫn nuôi dưỡng sự khâm phục sâu sắc đối với quá khứ anh hùng của kỵ binh đó.

Tuy nhiên, vì những điều kiện của cuộc Chiến tranh giữ nước vĩ đại đã căn bản khác với những điều kiện của cuộc nội chiến, nên cần phải suy tính kỹ.

Có một số quan điểm khác nhau về vai trò của kỵ binh trong chiến tranh hiện đại, về tổ chức và phương pháp sử dụng kỵ binh. Một số người cho rằng kỵ binh đã hết thời, kỵ binh không thể tiến công hiên ngang và đột nhập sâu vì nó khó chống lại hỏa lực của súng tự động, vì địch có nhiều xe

tăng, vì khó tiếp tế cỏ khô cho ngựa và còn vì nhiều nguyên nhân khác. Những người này còn vạch ra rằng trong chiến tranh hiện đại thường gặp những trường hợp phải chuyển sang phòng ngự, song kỵ binh nếu không có bộ binh, xe tăng và pháo binh thì không thể tổ chức phòng ngự vững chắc được. Do đó, đòi hỏi phải tăng cường kỵ binh bằng những binh chủng khác và như vậy kỵ binh nhất định sẽ mất tính năng mạnh nhất của nó là tính cơ động. Đã thế thì, nói chung, có kỵ binh cũng chẳng có ý nghĩa gì.

Một số người khác có khuynh hướng cho rằng, nên sử dụng kỵ binh phối hợp với xe tăng và bộ đội cơ giới dưới hình thức những liên binh đoàn kỵ binh – cơ giới lâm thời trong điều kiện có không quân chi viện đầy đủ. Theo ý kiến của Bộ Tổng tham mưu, cách giải quyết vấn đề kỵ binh như vậy đúng đắn hơn. Nó cho phép sử dụng rộng rãi việc kết hợp các binh chủng một cách thích đáng hơn với tình huống thực tế.

Cuối cùng, còn có những người chủ trương xây dựng kỵ binh dưới “dạng thuần túy của nó”. Những quan điểm này mâu thuẫn với kinh nghiệm thực tiễn đã có, mà kinh nghiệm thực tiễn như mọi người đều biết, luôn luôn là tiêu chuẩn của chân lý. Nếu sử dụng kỵ binh mà không có phương tiện tăng cường cho nó thì kỵ binh sẽ bị tổn thất rất lớn và cũng chỉ thu được những kết quả hết sức hạn chế (dù có tiến hành những cuộc đột kích hết sức anh dũng). Ngoài ra, còn trường hợp phải chi viện cho kỵ binh (kể cả trường hợp phải dùng máy bay chuyển thóc cho ngựa ở vùng sau lưng địch) mà những binh đoàn kỵ binh ấy cũng không thể tự mình rút ra được.

Tất cả những điều đó đều được đem ra cân nhắc lúc xem xét vấn đề thành lập tập đoàn quân kỵ binh. Cuối cùng, Bộ Tổng tham mưu đã kết luận là không nên thành lập vì cho rằng cái tổ chức kèn càng này sẽ rất dễ bị đánh từ hai phía: dưới đất và trên không và sẽ không đáp ứng được những hy vọng gửi gắm vào nó. Tổng tư lệnh tối cao đã tán thành những ý kiến của chúng tôi.

Tháng Chạp 1 942, sau khi ta đánh tan đoàn quân của tướng Man-stai-nơ, tình hình ở miền Bắc Cáp-ca-dơ đã hoàn toàn thay đổi có lợi cho chúng ta. Lúc bấy giờ, phương diện quân Nam (phương diện quân Xta-lin-grát cũ) có

đủ khả năng trực tiếp tiến vào phía sau Cụm tập đoàn quân “A” của Đức đang đóng tại Tê-rếch, ở trên núi Cáp-ca-dơ và ở Nô-vô-rô-xi-xơ và chiếm lại những con đường nhất thiết chúng sẽ phải theo khi rút lui qua sông Đôn về Đôn-bát. Ngày 29 tháng Chạp ta đã giải phóng được vùng dân cư Cô-ten-ni-cô-vô. Và từ đây trong mùa đông, có những con đường qua cánh đồng cỏ, dẫn thẳng tới Ba-tai-xơ và Rô-xtôp. Đã đến lúc bắt đầu những chiến dịch tiến công lớn tại mặt trận Da-cáp-ca-dơ.

Dự kiến trước những sự kiện trên, Bộ Tổng tham mưu đề nghị phương diện quân Nam tập trung cố gắng chủ yếu vào hướng Rô-xtôp và có dự kiến đưa một phần lực lượng đi hoạt động ở Ti-khô-rét-xcai-a. Chiếm được Ti-khô-rét-xcai-a sẽ cắt cánh quân địch đóng ở Cáp-ca-dơ ra khỏi Rô-xtôp và sẽ đưa được bộ đội Liên Xô vào phía sau tập đoàn quân xe tăng 1 của Đức. Đại bản doanh đã thông qua đề nghị ấy. Kế hoạch hoạt động tiếp sau của bộ đội phương diện quân Nam được phê chuẩn trong đêm giao thừa sang năm mới 1943.

Cũng trong thời gian này, chúng ta đã áp dụng nhiều biện pháp không cho địch rút từ Bắc Cáp-ca-dơ sang bán đảo Ta-man, vì ở đây có bến vượt sang Crưm. Thực hiện ý định trên, Cụm Biển Đen của phương diện quân Da-cáp-ca-dơ có nhiệm vụ đột kích vào Cra-xnô-đa, Ti-khô-rét-xcai-a rồi tiến ra gặp bộ đội của phương diện quân Nam. Cụm phía Bắc giữ vai trò đơn giản hơn: buộc địch phải giao chiến trên tuyến chúng đang chiếm lĩnh, không cho chúng thoát ra ngoài và gây trở ngại cho cuộc hành quân của ta.

Như vậy là đến đầu năm 1943, trong Đại bản doanh đã dứt khoát hình thành ý định cô lập địch ở Bắc Cáp-ca-dơ nhằm sau này sẽ tiêu diệt chúng. Những hoạt động ở đây chỉ là một trong những khâu của cả chuỗi dài những chiến dịch tiến công của các Lực lượng vũ trang Liên Xô từ Vô-rô-ne-giơ đến Mô-dơ-đôc.

Chiến thắng Xta-lin-grát đã mở ra những triển vọng rộng lớn cả cho những phương diện quân khác. Phương diện quân Vô-rô-ne-giơ được giao nhiệm vụ đánh vào Khác-cốp, Phương diện quân Tây – Nam đánh vào Li-xi-

tran-xơ, Cra-xnô-ác-mây-xcôi-ê, Ma-ri-u-pôn. Phương diện quân Nam đánh vào Sa-khơ-tư, vu hồi qua Rô-xtốp.

Chủ trương mở những trận đột kích phối hợp chặt với nhau về thời gian như vậy nhằm phá vỡ mặt trận quân địch trên nhiều khu vực, tạo nên mối uy hiếp vào phía sau các cánh quân chủ yếu của chúng, buộc bộ chỉ huy phát-xít Đức phải phân tán lực lượng và phải hành động cô lập trên nhiều hướng cùng một lúc.

Thực hiện quyết tâm của Đại bản doanh, phương diện quân Da-cáp-ca-dơ đã vạch các kế hoạch chiến dịch Cra-xnô-đa và Nô-vô-rô-xi-xcơ của Cụm Biển Đen. Chiến dịch Cra-xnô-đa chủ yếu do lực lượng tập đoàn quân 56 tiến hành, chiến dịch Nô-vô-rô-xi-xcơ do tập đoàn quân 47 và hạm đội tiến hành.

Nhân chủ trương này, chúng tôi đã có nhiều lúc hồi hộp. Bộ Tổng tham mưu nhận được nhiều tin tức báo rằng, địch đã biết việc ta chuẩn bị chiến dịch ở Nô-vô-rô-xi-xcơ. Hình như thậm chí chúng còn biết rõ ta sẽ tấn công chủ yếu theo hướng qua đèo ngang Nhe-be-rơ-gia-ép-xki và đồng thời sẽ đổ bộ từ biển lên. Nếu quả thật như vậy thì phải cấp tốc thay đổi kế hoạch. Song, ta đã điều tra lại và khẳng định rằng ý định của ta không bị lộ và chiến dịch vẫn được tiếp tục chuẩn bị.

Nhưng, quân địch đã không chờ cho chúng ta thực hiện xong những kế hoạch ấy. Đúng vào lúc Đại bản doanh ra lệnh đột kích vào Ti-khô-rét-xcai-a, bộ chỉ huy phát-xít Đức đã cho tập đoàn quân xe tăng 1 rút từ Tê-rếch sang Tây – Bắc, vì phía sau chúng đang có nguy cơ bị Phương diện quân Nam uy hiếp. Chẳng cần phải có tài nhìn xa thấy rộng của các tướng soái cũng hiểu được những sự kiện này rồi sẽ phát triển tới đâu

Tập đoàn quân xe tăng 1 của địch cố tìm cách khẹp chặt sườn với tập đoàn quân xe tăng 4 thuộc cụm tập đoàn quân Man-stai-nơ, nhằm chặn đường tiến công của bộ đội phương diện quân Nam tại thung lũng Ma-nư-tơ không để cho chúng ta tiến đến Rô-xtốp. Trên thực tế, địch đã tạo nên một chiến lũy thép bằng hai tập đoàn quân xe tăng của chúng. Và xe tăng, như ta đã biết, có thể dễ dàng cơ động trên các cánh đồng cỏ và trong một thời gian ngắn có thể tạo thành cụm cơ động mạnh và đánh những đòn đột kích mãnh liệt.

Hơn nữa là ở đây ngoài những đơn vị của tập đoàn quân xe tăng 1, hồi đó địch còn có một binh đoàn đặc chủng được đặc biệt đào tạo để tiến hành chiến tranh trên các sa mạc và đồng cỏ, gọi là quân đoàn “Ph” (Quân đoàn “Ph” do tướng Phen-mi thành lập. Chữ cái đứng đầu là tên họ của viên tướng này được dùng làm tên gọi của quân đoàn. – Sr.). Trong biên chế của

nó có ba tiểu đoàn mô-tô cơ giới, một tiểu đoàn xe tăng, một tiểu đoàn công binh, nhiều phân đội pháo cường kích và một đội máy bay. Lúc này, chúng ta có tương đối ít xe tăng và phải phối hợp xe tăng với kỵ binh để trong một chừng mực nào đó làm giảm ưu thế của quân địch.

Chủ lực tập đoàn quân xe tăng 1 của địch bắt được khỏi Cụm phía Bắc của chúng ta. Việc truy kích quân địch đang rút lui đã được tiến hành một cách thiếu tổ chức và chậm chạp. Các phương tiện thông tin tỏ ra chưa được chuẩn bị đầy đủ cho việc điều khiển những hành động tiến công. Do đó, ngay trong ngày truy kích đầu tiên, nhiều đơn vị đã lẫn lộn mất vị trí của mình. Các cơ quan tham mưu không biết được chính xác tình hình và trạng thái bộ đội của mình. Tập đoàn quân 58 đi sau đơn vị bạn, và dường như tiến trong thế đội hai. Quân đoàn kỵ binh cận vệ sông Đôn 5 và xe tăng không thể vượt lên trước bộ binh. Bộ tư lệnh phương diện quân ra sức duy trì trật tự, nhưng cũng không kết quả lắm.

Song, bên phía Cụm Biển Đen lại không thấy hiện tượng địch rút chạy. Ở đây, chúng ngoan cố đề kháng, gắng sức cố thủ các tuyến chúng đang chiếm lĩnh. Chúng hiểu được nguy cơ gì sẽ đến với chúng khi bộ đội Liên Xô đột phá vào Cra-xnô-đa. Ti-khô-rét-xcai-a và bán đảo Ta-man.

Chính bộ tư lệnh phương diện quân Da-cáp-ca-dơ đã không đánh giá tình huống được thật chính xác. Các đồng chí ấy vẫn chú ý nhiều tới những hành động của Cụm phía Bắc như cũ, mặc dầu việc truy kích trên chính diện rõ ràng chỉ đẩy lùi được địch. Những triển vọng rất lớn đã hiện ra trong khu vực của Cụm Biển Đen. Song ở đây, bộ tư lệnh phương diện quân vẫn không áp dụng một biện pháp căn bản nào.

Ngày 4 tháng Giêng, lúc 13 giờ 30 phút, Xta-lin gọi đây nói tới Bộ Tổng tham mưu.

- Đồng chí ghi lại và chuyển cho phương diện quân. – Xta-lin nói với tôi và bắt đầu đọc chỉ thị. Đồng chí đọc chậm rãi, chắc là vừa đọc vừa cân nhắc nội dung:

“Một. Địch vừa rút khỏi Bắc Cáp-ca-dơ vừa đốt cháy kho tàng và phá hoại đường sá. Cụm phía Bắc của Ma-xlen-ni-côp sẽ trở thành cụm dự bị, có

nhiệm vụ truy kích địch, đẩy địch ra khỏi Bắc Cáp-ca-dơ là không có lợi cho chúng ta. Kìm địch lại để cho Cụm Biển Đen thực hiện đột kích hợp vây chúng thì có lợi hơn. Do đó, trọng tâm chiến dịch của phương diện quân Da-cáp-ca-dơ đang chuyển sang khu vực của Cụm Biển Đen, điều này cả Ma-xlen-ni-cốp lẫn Pê-tơ-rốp đều không hiểu.

Hai. Phải điều ngay quân đoàn bộ binh 3 ra khỏi khu vực của Cụm phía Bắc và tiến nhanh về khu vực của Cụm Biển Đen. Ma-xlen-ni-cốp có thể tung tập đoàn quân 58 đang thành thoi làm đội dự bị ra hoạt động và khi tình hình tiến công của chúng ta có kết quả, tập đoàn quân đó có thể đem lại những lợi ích lớn.

Nhiệm vụ thứ nhất của Cụm Biển Đen: tiến tới Ti-khô-rét-xcai-a và ngăn địch không cho chúng chuyên chở khí tài về phía Tây. Tập đoàn quân 51 và có thể cả tập đoàn quân 28 sẽ chi viện cho các đồng chí làm nhiệm vụ ấy.

Nhiệm vụ thứ hai và chủ yếu của các đồng chí là tách một thê đội mạnh ra khỏi đội ngũ Cụm Biển Đen, chiếm Ba-ta-xơ và A-dốp, rồi luồn vào Rô-xtốp từ phía Đông, và do đó bao vây chốt Cụm Bắc Cáp-ca-dơ của địch nhằm bắt chúng làm tù binh hoặc tiêu diệt chúng. Cánh trái phương diện quân Nam của Ê-ri-ô-men-cô đang có nhiệm vụ tiến ra phía Bắc Rô-xtốp sẽ chi viện cho các đồng chí làm nhiệm vụ này...”

Đến đây, Xta-lin ngừng lại khá lâu, rồi lại tiếp tục:

“Ba. Các đồng chí ra lệnh cho Pê-tơ-rốp mở đầu đợt tiến công đúng hạn, không được trì hoãn một giờ nào hết và cũng không đợi tất cả các đội dự bị phải tới đủ. Pê-tơ-rốp trước nay vẫn phòng ngự nên chưa có nhiều kinh nghiệm tiến công. Giải thích kỹ cho Pê-tơ-rốp rõ rằng phải chuyển sang hoạt động tiến công và phải biết quý từng ngày, từng giờ”.

Cuối cùng, Tổng tư lệnh tối cao bổ sung thêm một điểm, yêu cầu bộ tư lệnh phương diện quân phải rời ngay sang khu vực hoạt động của Cụm Biển Đen. Như vậy là: lại một lần nữa xác định rằng, những cố gắng chủ yếu của phương diện quân Da-cáp-ca-dơ phải tập trung vào chính nơi đây. Bây giờ không còn là dự đoán nữa, chính tình huống đã gợi lên phương pháp hoạt động hợp lý nhất này.

Song, việc chuyển trọng tâm chiến dịch vào khu vực của Cụm Biển Đen tuyệt nhiên không cho phép làm giảm tính tích cực của Cụm phía Bắc. Dầu sao, cụm cũng đã tiến hành truy kích địch và tình hình cho phép ta hy vọng vào kết quả khả quan của chiến dịch.

Cánh phải của Cụm phía Bắc tiến được 20 ki-lô-mét ở trên tuyến Xô-gu-li-a-kin. Tại đây, quân đoàn kỵ binh cận vệ 4 của chúng ta đang gặp sức chống cự của quân đoàn “Ph” của địch. Tập đoàn quân 44 đã đánh tan những đơn vị yểm hộ của hai sư đoàn xe tăng Đức 3 và 13, đã tiến quá phía Tây Xun-gien-xki được 20 ki-lô-mét.

Trong dải hoạt động của tập đoàn quân 44 còn có quân đoàn kỵ binh cận vệ 5 và binh đoàn xe tăng của tướng G. P. Lô-ba-nốp (3 lữ đoàn xe tăng, 1 trung đoàn xe tăng, 1 tiểu đoàn xe tăng độc lập, 2 trung đoàn tiêm kích chống tăng, tổng cộng có 106 xe tăng và 24 xe bọc thép).

Ở phía giữa, tập đoàn quân 58 đã đánh tan các đơn vị ở hai sư đoàn bộ binh 111 và 50 Đức, chiếm được Mô-dơ-đôc ngày 3 tháng Giêng và tiến chậm trên hướng Prô-khơ-lát-nưi. Ở bên trái, tập đoàn quân 9 đã đánh tan sư đoàn bộ binh 370 và sư đoàn dã chiến cơ động đường không 5 của địch, đã tiến được hơn 30 ki-lô-mét trong một ngày đêm.

Trong khu vực của tập đoàn quân 9 còn có binh đoàn xe tăng của V. I. Phi-líp-pốp (ba lữ đoàn xe tăng và hai tiểu đoàn xe tăng, cộng tất cả 123 xe tăng và còn có một lữ đoàn bộ binh, hai trung đoàn tiêm kích chống tăng). Bên cánh trái, trong lúc truy kích các đơn vị thuộc quân đoàn của Xtanh-bao-e-rơ, tập đoàn quân 37 đã chiếm được Nan-tríc và đang tiến công trên hướng Tây – Bắc.

Phía trước cánh phải Cụm phía Bắc là đồng cỏ, nơi các đơn vị cơ động có thể hoạt động thuận lợi. Còn ở giữa và bên cánh trái, theo ý kiến của Bộ Tổng tham mưu, có thể chia cắt địch bằng cách dùng tập đoàn quân 37 đột kích trên hướng Pi-a-ti-goóc-xcơ, đồng thời dùng tập đoàn quân 9 tiến công vào Ghê-oóc-ghi-ép-xcơ. Như vậy, sẽ tiêu diệt được lực lượng chủ yếu dùng để yểm hộ của địch, rồi đẩy nhanh được tốc độ những hoạt động tiến công tiếp sau. Việc tiến đến Ne-vin-nô-mư-xcơ đã mở ra khả năng cho Cụm phía

Bắc thọc vào phía sau lưng quân Đức đang đóng trên dãy núi Cáp-ca-dơ chính.

Lúc này, chúng tôi nhận ra rằng các đơn vị cơ động của Cụm phía Bắc không đủ sức đánh quạp sườn địch và lại càng không thể tiến vào phía sau những lực lượng chủ yếu của địch. Các quân đoàn kỵ binh của ta đã bị suy yếu nhiều. Ví dụ như lúc bắt đầu truy kích, sư đoàn kỵ binh cận vệ 10 có trong biên chế: dưới 2.000 người, 2 khẩu pháo 76 mi-li-mét, 4 khẩu pháo 45 mi-li-mét và 4 khẩu đại liên. Sư đoàn kỵ binh cận vệ 9 có trong đội ngũ: 2.317 người, 7 khẩu pháo các loại, 8 khẩu đại liên. Còn các sư đoàn khác thì có khá hơn về mặt này, song ở đơn vị nào ngựa cũng bị kiệt sức, đến nỗi không thể đi quá 20-25 ki-lô-mét trong một ngày đêm. Không có xe tăng và máy bay yểm hộ: những sư đoàn đó tất nhiên không thể giữ vai trò quan trọng trong chiến đấu với tập đoàn quân xe tăng 1 và quân đoàn “Ph” của địch.

Đồng thời, chúng ta rất muốn áp dụng những biện pháp để nếu như không tiêu diệt được toàn bộ thì cũng tiêu diệt được một phần lực lượng địch và chiếm lấy những khí tài của chúng, phải tạo được một quả đấm đột kích mạnh nào đó bên sườn phải. Bộ Tổng tham mưu đề nghị tăng cường xe tăng cho quân đoàn kỵ binh và sử dụng những lực lượng này trên các đường rút của địch.

Những ý kiến trên của Bộ Tổng tham mưu đã được gửi tới Hội đồng quân sự phương diện quân, gọi là để tham khảo ý kiến trong lúc đang tìm kiếm cách giải quyết hợp lý nhất. Song, những ý kiến đó không được coi trọng đúng mức. Ý định tác chiến của Cụm phía Bắc gửi lên Đại bản doanh ngày 6 tháng Giêng mà bộ tư lệnh phương diện quân chắc đã đồng ý có nhiều thiếu sót quan trọng. Nói chung, kế hoạch ấy vẫn tiếp tục giữ đường lối đẩy lùi địch như cũ, làm phân tán những cố gắng của bộ đội ta, đặc biệt là của các quân đoàn kỵ binh, xe tăng và có tính chất cơ động quá phức tạp, do đó kìm hãm cuộc tiến quân của các đơn vị bộ đội ta.

Một kế hoạch tác chiến như vậy tất nhiên không được Đại bản doanh phê chuẩn. Bộ Tổng tham mưu được lệnh phân tích tỉ mỉ những hành động của

Cụm phía Bắc, rồi gửi những bản phân tích đó tới tư lệnh Cụm phía Bắc và tư lệnh phương diện quân Da-cáp-ca-dơ. Chúng tôi đã làm việc này.

Trong thư ngày 7 tháng Giêng, Bộ tổng tham mưu nhận xét rằng các nhiệm vụ giao cho cụm đều rất không thực tế về chiều sâu ví như; giao cho quân đoàn kỵ binh Cu-ban nhiệm vụ đến ngày 9 tháng Giêng phải chiếm được thành phố Vô-rô-si-lốp-xơ (Xta-vrô-pôn), ở cách xa vị trí của quân đoàn những 200 ki-lô-mét; tập đoàn quân 58 phải vừa chiến đấu vừa tiến được trên 100 ki-lô-mét trong hai ngày. Và, những nhiệm vụ của tập đoàn quân 44 cũng không thiết thực. Trong khi đó tập đoàn quân 9 có sức tiến quân nhiều nhất thì theo kế hoạch, lại bị kìm tại chỗ trong ba ngày và chuyển sang làm nhiệm vụ dự bị.

Bộ Tổng tham mưu đề nghị: tập đoàn quân 9 tiếp tục tiến công vào Ghê-oóc-ghi-ép-xơ, Mi-ne-ran-nư-e Vô-dơ vì đang có ở phía trước ba lữ đoàn xe tăng; chủ lực của bộ đội cơ động chuyển sang hoạt động bên sườn phải và sử dụng những lực lượng ấy trên các đường địch đang rút lui ở khu vực Ne-vin-nô-mư-xơ hoặc ở sâu hơn nữa; còn bên sườn trái chỉ để lại một lực lượng tối thiểu nhằm ghìm địch ở lại chân dãy núi Cáp-ca-dơ chính và tránh được những cuộc điều động xáo trộn thừa sau này. Tập đoàn quân 58 làm nhiệm vụ của thê đội hai.

Nhân đây, có nhấn mạnh thêm sự cần thiết phải căn cứ vào những khả năng thực tiễn mà lập kế hoạch chiến dịch, tổ chức cho hợp lý việc chỉ huy vững chắc và bảo đảm tiếp tế cho bộ đội.

Cần phải nêu lên rằng: đúng trong ngày những ý kiến của chúng tôi được gửi đi, tại sườn phải Cụm phía Bắc lại đứt liên lạc với các đơn vị xe tăng và kỵ binh. Các cơ quan tham mưu không nắm được chính xác tình hình của các đơn vị ấy

Sau khi đọc báo cáo tổng kết tác chiến ngày 7 tháng Giêng của phương diện quân Da-cáp-ca-dơ, lúc 3 giờ 55 phút ngày 8 tháng Giêng, Xta-lin lại đọc một bức điện khẩn nộ gửi cho I. I. Ma-xlen-ni-cốp và đồng gửi cho I. V. Ti-u-lê-nép:

“...Các đồng chí đã xa rời và mất liên lạc với bộ đội của mình. Nếu trong đội ngũ Cụm phía Bắc vẫn cứ mất trật tự và mất liên lạc như vậy thì các đơn vị cơ động của các đồng chí sẽ bị rơi vào vòng vây ...

Tình hình ấy không thể dung thứ được.

Tôi ra lệnh cho các đồng chí phải khôi phục liên lạc với các đơn vị cơ động của Cụm phía Bắc và ngày hai lần báo cáo đều đặn lên Bộ Tổng tham mưu về tình hình trên mặt trận của các đồng chí ...

Trách nhiệm thuộc về các đồng chí...”

Trong những ngày sau đó, việc chỉ huy bộ đội ở Cụm phía Bắc đã được cải thiện đôi chút và việc truy kích được tiến hành có kế hoạch hơn, nhất là khi truy kích dọc theo con đường sắt tới Ác-ma-va. Tuy nhiên, ta vẫn không đạt được bước chuyển biến căn bản trong quá trình chiến dịch: quân địch không để cho ta đánh chiếm phía sườn của chúng, hoặc để cho các đơn vị cơ động của ta đột phá vào phía sau Cụm tập đoàn quân “A”. Song, địch cũng không chặn nổi cuộc tiến công của ta. Các trận đánh diễn ra hết sức ác liệt.

Phải kiên quyết chấn chỉnh bộ tư lệnh Cụm Biển Đen, hiện nay đang trở thành điểm tập trung những cố gắng chủ yếu của phương diện quân. Vấn đề là: từ khoảng giữa tháng Mười một 1942, ở đây đã chuẩn bị cho cái gọi là chiến dịch Mai-côp. Thời gian ấy, tổ chức chiến dịch này là hợp lý và Đại bản doanh đã chuẩn y.

Trên hướng Mai-côp, ta đã triển khai công việc mở rộng đường sá, xây dựng các kho dự trữ, tập trung bộ đội. Nhưng đến tháng Giêng 1943, nhu cầu mở chiến dịch ấy không còn nữa. Tình huống đã thay đổi và đòi hỏi ta phải tiến công trên hướng Cra-xnô-đa và Nô-vô-rô-xi-xcơ, điều đó buộc ta phải thay đổi tất cả và phải thay đổi rất gấp.

Theo chỉ thị của Xta-lin, bộ tư lệnh phương diện quân đã đến sở chỉ huy của Cụm Biển Đen ở Mô-lô-đe-giơ-nôi-e (gần Tu-áp-xe), cùng với I. E. Pê-tơ-rôp nghiên cứu ý định mở hai chiến dịch mới (lấy tên là “Núi”) và “Biển”. Trong lúc này, bộ đội và đặc biệt là pháo binh, đã bắt đầu kéo về hướng Cra-xnô-đa và Nô-vô-rô-xi-xcơ. Việc tập trung bộ đội dọc theo những đường núi ở đây gặp nhiều khó khăn lớn.

Kế hoạch mở hai chiến dịch của Cụm Biển Đen đã được đệ trình lên Đại bản doanh và ngày 8 tháng Giêng đã được đem ra xét duyệt.

Theo kế hoạch “Núi”, thì tập đoàn quân 56 giữ vai trò chủ yếu. Quyền chỉ huy tập đoàn quân này được giao cho tướng A. A. Grê-xcô. Đồng chí đã nổi tiếng là xuất sắc khi chỉ huy khu vực phòng ngự Nô-vô-rô-xi-xcơ, rồi chỉ huy tập đoàn quân 18 ở Tu-áp-xe; tại đây địch đã bị chặn đứng trong những ngày phòng ngự ác liệt ở Cáp-ca-dơ. Tập đoàn quân 56 có một lực lượng đáng kể: 5 sư đoàn bộ binh, 7 lữ đoàn bộ binh, xe tăng và những phương tiện tăng cường khác.

Chiến dịch gồm hai giai đoạn rõ rệt. Giai đoạn một (ngày 14-18 tháng Giêng), dự định đánh tan số đơn vị địch đang chống lại tập đoàn quân 56, chiếm Cra-xnô-đa và những bến vượt qua Cu-ban. Giai đoạn hai (ngày 19-30 tháng Giêng), sẽ tiến công từ khu vực Cra-xnô-đa tới Ti-khô-rét-xcai-a và chiếm tuyến Ti-khô-rét-xcai-a, Ca-nép-xcai-a. Trong kế hoạch không thấy nhắc đến việc sau đó sẽ tiến ra Ba-tai-xcơ.

“Sẽ rầy rà đây” – chúng tôi nghĩ vậy, mặc dù thành thật mà nói, chính chúng tôi cũng không tin rằng Cụm Biển Đen có thể tiến được tới Ti-khô-rét-xcai-a, chứ đừng nói tới được đến Ba-tai-xcơ, vì quân địch đang bị Cụm phía Bắc truy kích sẽ rút về đây và tất nhiên sẽ đến đây trước bộ đội ta. Nhưng, Tổng tư lệnh tối cao nói rõ Ba-tai-xcơ là mục tiêu đột kích cuối cùng. Đồng chí không bao giờ quên chỉ thị của mình và không cho phép người khác quên các chỉ thị ấy.

Chiến dịch “Biển” sẽ được tiến hành hiệp đồng với Hạm đội Biển Đen qua 3 giai đoạn. Trong giai đoạn một (ngày 12-15 tháng Giêng), tập đoàn quân 47 của trung tướng Ph. V. Căm-cốp phải chọc thủng tuyến phòng ngự của quân địch ở khu vực A-bin-xcai-a và chiếm làng Crưm-xcai-a, do đó tạo ra những điều kiện thuận lợi để từ đất liền đánh chiếm Nô-vô-rô-xi-xcơ rồi phát triển tiến công vào bên trong bán đảo Ta-man. Giai đoạn hai (ngày 16-25 tháng Giêng) quy định phải giải phóng bến cảng và thành phố Nô-vô-rô-xi-xcơ bằng mũi đột kích của tập đoàn quân 47 từ đất liền vào và của đội đổ bộ đường biển từ Nam Ô-de-rây-ca lên. Trong giai đoạn ba, sẽ giải phóng

bán đảo Ta-man và giai đoạn này được trù tính tiến hành đến ngày 1 tháng Hai.

Nếu kế hoạch “Biển” được Đại bản doanh phê chuẩn mà không có một lời chê nào, thì kế hoạch “Núi” gặp nhiều rắc rối. Như chúng tôi đã phỏng đoán, Tổng tư lệnh tối cao đã thắc mắc không hiểu vì sao kế hoạch lại không nói đến cuộc tiến công vào Ba-tai-xơ. Hồi 14 giờ ngày 8 tháng Giêng, Xta-lin lại gọi đây nói tới Bộ Tổng tham mưu, và tôi đã ghi bản chỉ thị sau đây gửi cho bộ tư lệnh phương diện quân Da-cáp-ca-dơ và Cụm Biển Đen:

“Một. Đã nhận được kế hoạch chiến dịch của các đồng chí. Kế hoạch mới phản ánh hai giai đoạn của chiến dịch: giai đoạn một – tiến ra tuyến Cra-xnô-đa, giai đoạn hai – tiến ra tuyến Ti-khô-rét-xcai-a. Nhưng trong kế hoạch, không thấy các đồng chí nói đến giai đoạn ba của chiến dịch như đã nói trong chỉ thị của tôi: tiến tới Ba-tai-xơ.

Đề nghị cho biết vì lý do gì các đồng chí đã cắt bỏ giai đoạn ba.

Hoàn toàn chắc chắn rằng do có cuộc tiến công của phương diện quân Nam và phương diện quân Tây – Nam, sẽ hình thành một tình huống thuận lợi để cho một bộ phận bộ đội Biển Đen tiến tới Ba-tai-xơ. Nếu bây giờ các đồng chí không chuẩn bị cho công việc đó, thì tình huống sẽ làm các đồng chí bị bất ngờ.

Vì vậy tôi yêu cầu các đồng chí báo cho Bộ Tổng tham mưu biết những lực lượng các đồng chí định dành cho việc thực hiện giai đoạn ba của chiến dịch.

Hai. Chuẩn y giai đoạn một và giai đoạn hai kế hoạch chiến dịch của các đồng chí”.

Sau đó, hình như nhớ lại bức điện mới gửi đêm qua cho I. I. Ma-xlen-ni-côp về việc không chỉ huy được bộ đội, Xta-lin lệnh viết thêm điểm ba, gửi riêng cho Hội đồng quân sự phương diện quân:

“Các đồng chí cần lưu ý đến Ma-xlen-ni-côp, đồng chí ấy đã xa rời bộ đội mình, không chỉ huy được họ và đang bơi trong cảnh mất trật tự”.

Chẳng bao lâu, phần còn thiếu trong kế hoạch “Núi” đã được đệ trình lên Đại bản doanh và ngày 11 tháng Giêng, Đại bản doanh đã phê chuẩn toàn bộ kế hoạch đó.

Mọi việc điều động, tập trung bộ đội trong khu vực của Cụm Biển Đen đã được tiến hành rất gấp. Sở dĩ phải như vậy không những vì tập đoàn quân xe tăng 1 của quân Đức đang tiếp tục rút chạy mà còn vì ngày 5 tháng Giêng, quân Đức đã bắt đầu rút khỏi các đèo ngang ở dãy núi Cáp-ca-dơ chính.

Phương diện quân đã áp dụng mọi biện pháp có thể có để kết thúc việc chuẩn bị chiến dịch đúng thời hạn quy định trong kế hoạch nhưng không sao làm được. Thời tiết quá xấu, trời mưa và có tuyết. Bộ đội và vật tư bị mắc nghẽn trên đường. Gặp khó khăn nhất là pháo binh. Bộ tư lệnh phương diện quân đã báo cáo lên trên về tình hình đó.

Lần này, Xta-lin có thái độ khoan dung. Ngày 13 tháng Giêng, lúc 11 giờ 50 phút, đồng chí chuyển qua tướng X. X. Brô-nhép-xki, thường trực tác chiến của Bộ Tổng tham mưu, bức điện trả lời tư lệnh phương diện quân như sau:

“Không nên coi thời hạn bắt đầu và tiến hành chiến dịch là một đại lượng tuyệt đối và bất biến. Nếu thời tiết xấu, có thể bắt đầu mở chiến dịch “Núi” hoặc chiến dịch “Biển” chậm lại một-hai ngày sau”.

Dựa vào bức điện trên, các tập đoàn quân 56 và 47 bắt đầu tiến công ngày 16 tháng Giêng, tuy vẫn chưa tập trung được đầy đủ bộ đội. Tiếp tục trì hoãn nữa cũng không được, vì tình huống có một vài biến đổi đột ngột ở phía trước chính diện của Cụm Biển Đen và các đơn vị bạn bên phải là các tập đoàn quân 46 và 18.

Vấn đề là ở chỗ tập đoàn quân 46 đã bắt đầu tiến công ngay từ ngày 11 tháng Giêng. Tập đoàn quân có nhiệm vụ: đột kích vào Nê-phte-goóc-xơ, Ap-sê-rôn-xki và Mai-cốp làm cho địch không chú ý tới hướng chính. Song, tập đoàn quân lại hành động mạnh đến mức đã buộc các đơn vị quân địch đang kháng cự ở hướng Bắc phải rút lui và đã tạo nên mối uy hiếp đối với số quân địch đang phòng ngự ở bên trái tập đoàn quân 18. Quân địch ở đây cũng bắt đầu rút.

Tập đoàn quân 18 chuyển sang truy kích, kéo chính diện quay lên Tây – Bắc. Và, tình hình đó có lợi cho cuộc tiến công của tập đoàn quân 56. Ngày 16 tháng Giêng, tập đoàn quân 56 bắt đầu tiến công địch và sau bảy ngày chiến đấu quyết liệt đã chọc thủng được tuyến phòng ngự của chúng trên hướng Cra-xnô-đa, rồi tiến đến các cửa ngõ tiến vào Cra-xnô-đa và tới sông Cu-ban.

Tập đoàn quân 47 giáng đòn đột kích chủ yếu vào Crưm-xcai-a nhưng không thu được kết quả. Và, ngay trong dải tiến công của tập đoàn quân 56, sức kháng cự của địch cũng ngày một tăng lên và chẳng bao lâu trở nên khó mà vượt qua được Tương quan lực lượng cân bằng, thậm chí có chiều hướng thay đổi có lợi cho địch.

Ở đây các quy luật biện chứng tất nhiên của chiến tranh đã tự thân nổi lên: tình hình nguy ngập chung của quân đội phát-xít Đức, nhất là ở Ba-tai-xcơ và Rô-xtốp, đã buộc bộ chỉ huy của chúng phải sử dụng mọi khả năng để củng cố phòng ngự trên các hướng Cra-xnô-đa và Nô-vô-rô-xi-xcơ và dù bất cứ giá nào cũng phải giữ cho bằng được con đường rút về Đôn-bát và Crưm.

Vì, trong lúc Cụm Biển Đen đang chiến đấu tại những cửa ngõ tiến vào Cra-xnô-đa thì tập đoàn quân cận vệ 2 và các tập đoàn quân 51, 28 của phương diện quân Nam đã ở cách Ba-tai-xcơ khoảng 8 ki-lô-mét, còn bộ đội Cụm phía Bắc của phương diện quân Da-cáp-ca-dơ đã tiến tới khu vực Pê-xtra-nô-ô-côp-xcôi-ê, Crô-pôt-kín, Ác-ma-vi. Như vậy là đã hình thành tình thế chứa đầy nguy cơ của một “Xta-lin-grát” mới đối với quân địch. Nên tất nhiên, bọn chúng đã cố tìm cách thoát khỏi cảnh đó và có các biện pháp đối phó lại.

Ngày 23 tháng Giêng, Bộ Tổng tư lệnh tối cao Liên Xô đã: ra một chỉ thị đặc biệt, chỉ cho phương diện quân Nam thấy rõ vai trò chủ yếu của mình trong việc bao vây quân địch ở Bắc Cáp ca-dơ.

Chỉ thị viết: “việc bộ đội ta chiếm được Ba-tai-xcơ có một ý nghĩa lịch sử to lớn. Chiếm được Ba-tai-xcơ, chúng ta sẽ vây kín quân địch ở Bắc Cáp-ca-dơ, không cho 24 sư đoàn Đức và Ru-ma-ni rút về khu vực Rô-xtốp, Ta-gan-rô-gơ, Đôn-bát.

Quân địch ở Bắc Cáp-ca-dơ phải bị bao vây và tiêu diệt cũng như chúng đã bị vây và tiêu diệt ở Xta-lin-grát.

Bộ đội của phương diện quân Nam cần cắt 24 sư đoàn địch ở Bắc Cáp-ca-dơ ra khỏi Rô-xtốp, còn bộ đội của Cụm Biển Đen của phương diện quân Da-cáp-ca-dơ có nhiệm vụ khếp chặt lối rút của các sư đoàn này về bán đảo Ta-man.

Ở đây phương diện quân Nam đóng vai trò chủ yếu: phải cùng Cụm phía Bắc của phương diện quân Da-cáp-ca-dơ bao vây, bắt làm tù binh hoặc tiêu diệt quân địch ở Bắc Cáp-ca-dơ”.

Đại bản doanh lệnh cho phương diện quân Nam điều ngay sang Ba-tai-xcơ những lực lượng chủ yếu đang bố trí ở khu vực sông Ma-nư-tơ và ở phía Nam sông Đôn, chiếm Ba-tai-xcơ và A-dốp. Mệnh lệnh được đem ra thi hành. Song, nhiều đợt xung phong của bộ đội ta ở khu vực Ba-tai-xcơ đã bị đẩy lùi, chủ yếu bởi xe tăng và không quân địch, lực lượng của phương diện quân Nam rõ ràng không đủ sức đánh cánh quân Ba-tai-xcơ của địch và chặn các con đường chúng rút chạy về Rô-xtốp.

Trong thời gian này, ở phương diện quân Da-cáp-ca-dơ, tình huống cũng có những biến đổi quan trọng. Các đơn vị cơ động của Cụm phía Bắc thuộc phương diện quân đã bắt liên lạc được với tập đoàn quân 28 ở sườn bên trái phương diện quân Nam và đã tiến tới tuyến Xrét-nhe – E-gô-rơ-lức, Pê-xtra-nô-ô-cốp-xcôi-ê, còn các tập đoàn quân 44, 58, 9 và 37 đã tiến đến cửa ngõ tiến vào Ti-khô-rét-xcai-a.

Lúc này, việc tập trung những cố gắng của Cụm Biển Đen vào đây không còn có tác dụng gì nữa. Nhiệm vụ này trước đây giao cho Cụm Biển Đen rõ ràng đã lỗi thời rồi. Tình hình đòi hỏi phải có những giải pháp mới khác. Và trên thực tế đã có những giải pháp ấy. Ngày 23 tháng Giêng, Cụm Biển Đen nhận được chỉ thị:

“1) Tiến tới khu vực Cra-xnô-đa, bám chắc lấy sông Cu-ban, phát triển dọc theo cả hai bờ sông, còn chủ lực hướng sang đánh chiếm Nô-vô-rô-xi-xcơ và bán đảo Ta-man, nhằm khếp kín lối quân địch rút về bán đảo Ta-man,

cũng như phương diện quân Nam phải khóa lối rút của quân địch ở gần Ba-tai-xơ và A-dốp.

2) Tiếp sau, nhiệm vụ chủ yếu của Cụm Biển Đen là đánh chiếm bán đảo Kéc-tơ”.

Cũng trong ngày 23 tháng Giêng ấy, A. M. Va-xi-lép-xki đến Mát-xơ-va theo lệnh triệu tập của Đại bản doanh. Căn cứ vào báo cáo của đồng chí về tình hình các mặt trận mà đồng chí đã phối hợp các hoạt động và hình dung được tình hình tại Bắc Cáp-ca-dơ, Đại bản doanh đã quyết định chuyển Cụm phía Bắc của phương diện quân Da-cáp-ca-dơ thành phương diện quân độc lập Bắc Cáp-ca-dơ. Trong biên chế của phương diện quân có các tập đoàn quân 9, 37, 44 và 58, các quân đoàn cận vệ Cu-ban, sông Đôn và tất cả những binh đoàn, đơn vị, cơ quan trước đây nằm trong Cụm phía Bắc. Tư lệnh phương diện quân vẫn là I. I. Ma-xlen-ni-cốp. Chỉ thị của Đại bản doanh ngày 24 tháng Giêng gửi cho đồng chí như sau:

“1. Điều tập đoàn kỵ binh cơ giới cơ động của trung tướng Ki-ri-tsen-cô sang Ba-tai-xơ để đột kích vào phía sau cụm quân địch đóng ở Rô-xtốp – Ba-tai-xơ và làm nhiệm vụ hiệp đồng với cánh trái của phương diện quân Nam tiêu diệt địch và đánh chiếm Ba-tai-xơ, A-dốp, Rô-xtốp.

2 Các tập đoàn quân 44 và 58 đang tiến công trên hướng Ti-khô-rét-xcai-a, Cu-tsép-xcai-a có nhiệm vụ tiêu diệt các đơn vị thuộc tập đoàn quân xe tăng 1 của địch đang rút lui và tiến tới tuyến Ba-tai-xơ, A-dốp, Ấy-xơ. Tiếp sau, sẽ tiến công qua vịnh Ta-gan-rô-gơ và tiến ra bờ Bắc vào khu vực Cri-vai-a Cô-xa, Bu-đi-on-nốp-ca.

3. Tập đoàn quân 9 đột kích vào Ti-ma-sép-xcai-a, tập đoàn quân 37 vào Cra-xnô-đa, có nhiệm vụ hiệp đồng với Cụm Biển Đen của phương diện quân Da-cáp-ca-dơ, bao vây, tiêu diệt địch hoặc bắt chúng làm tù binh”.

Nhìn vào hoạt động của phương diện quân Da-cáp-ca-dơ hồi tháng Giêng 1943, người ta thấy nổi bật vai trò chỉ đạo hàng ngày của Đại bản doanh và cơ quan công tác của nó là Bộ Tổng tham mưu. Không có một tình huống nào biến đổi mà không được chú ý tới, không có một sai sót nào đáng kể mà

không được uốn nắn. Xác nhận cho điều đó là những chỉ thị và mệnh lệnh viết tay chủ yếu đã nói trên.

Thêm vào đó, ngoài việc mỗi ngày vài lần thu thập tin tức về tình hình và hoạt động của ta cũng như của địch tại các mặt trận, các đồng chí còn phải tiến hành trao đổi trực tiếp chuẩn xác các chi tiết tình huống v. v. và làm việc đó với tất cả các phương diện quân. Đó là một công việc vô cùng to lớn căng thẳng, được một tập thể đông đảo của Bộ Tổng tham mưu tiến hành dưới sự lãnh đạo của Đại bản doanh Bộ tổng tư lệnh tối cao.

Những ngày đầu tháng Hai, trong dải tiến công của phương diện quân Bắc Cáp-ca-dơ, địch đã bị đánh bật ra khỏi những cánh đồng cỏ phía Tây – Bắc và phía Tây Ti-khô-rét-xcai-a và bị đánh bật ra khỏi miền duyên hải A-dốp, từ A-dốp đến Pri-moóc-xcơ – Ác-ta-rơ-xcai-a. Bộ đội chúng ta đã chiếm được khu vực Tre-pe-ghin-xcai-a và tiến đến Cô-re-nốp-xcai-a. Song, vẫn chưa chiếm được Ba-tai-xcơ. Ở đây trên những cửa ngõ vào Rô-xtốp, địch vẫn dựng lên tấm mộc thép độc đáo như trước kia.

Ở Nô-vô-rô-xi-xcơ, ta cũng không thu được kết quả, cuộc tiến công của tập đoàn quân 47 trên hướng làng A-bin-xcai-a và Crưm-xcai-a đã không được chuẩn bị kỹ: chưa tập trung được đầy đủ lực lượng, không tổ chức được một cách thích đáng đòn đột phá và các đợt xung phong chẳng bao lâu đã bị đánh bật trở lại. Còn việc đổ bộ quân trong khu vực Nam Ô-de-rây-ca cũng không làm được vì có bão biển.

Tình hình chiến đấu của các tập đoàn quân bên sườn phải của Cụm Biển Đen có tốt hơn đôi chút: đã truy kích địch có kết quả và gây cho chúng nhiều thiệt hại nặng. Tập đoàn quân 46 sau khi vượt sông Cu-ban, đã chiếm làng U-xtơ- La-bin-xcai-a. Tập đoàn quân 18 hất địch về Cu-ban, tập đoàn quân 56 đã ngoan cường chiến đấu trên những cửa ngõ vào Cra-xnô-đa và sau đó theo lệnh của Đại bản doanh đã đến chi viện cho tập đoàn quân 47, đột kích bên sườn hướng Nô-vui Bơ-gie-gô-nai, Lơ-vốp-xcai-a và Crưm-xcai-a. Hai ngày sau, mũi đột kích này lại được tăng cường thêm cả tập đoàn quân 18 nữa. Nhưng cũng không xong.

Ta cũng không đạt được mục tiêu đề ra trên sườn phải của cụm Biển Đen. Một lần nữa, đó lại là vì ta không có đủ phương tiện vật chất và không có đủ thời gian chuẩn bị tiến công. Nhưng nguyên nhân chính là vì bọn Đức đã tung những lực lượng chủ yếu của tập đoàn quân 17 của chúng tới đây và đã xây dựng được tuyến phòng ngự đặc biệt vững chắc từ trước. Kết quả là đến tháng Hai 1943, chúng đã xây dựng được cái gọi là căn cứ bàn đạp Ta-man mà sau này ta phải tốn mất nhiều công sức để trục nó đi.

Chúng tôi trong Bộ Tổng tham mưu đã nhiều lần tự đặt cho mình câu hỏi: vì sao căn cứ bàn đạp này lại có ý nghĩa quan trọng? Đó là biện pháp bị bắt buộc hay là hành động có sẵn ý định từ trước? Đương nhiên, bộ đội của tập đoàn quân 17 của địch vì chưa thể rút sang phía bên kia sông Đôn và bị những mũi đột kích của chúng ta uy hiếp nên buộc phải rút về bán đảo Ta-man.

Nhưng mặt khác, bọn Đức không thể không coi trọng ý nghĩa chiến dịch của bán đảo này. Trụ lại được ở đây bọn chúng sẽ uy hiếp phía sau bộ đội chúng ta ở hạ lưu sông Đôn và Cáp-ca-dơ, gây khó khăn cho hoạt động của hạm đội Liên Xô ở biển A-dốp. Sau nữa, căn cứ bàn đạp Ta-man yểm hộ cho Crưm từ phía Đông chống lại những cuộc đổ bộ đường biển. Nếu xét vấn đề trong khía cạnh này thì thấy rõ rằng địch đã có sẵn ý định chiếm giữ Ta-man.

Trong bất kỳ trường hợp nào, chúng tôi cũng ngày càng thiên về cách xem xét vấn đề như vậy và đi tới kết luận rằng địch sẽ ngoan cố phòng ngự căn cứ Ta-man và thanh toán được bọn chúng ở đây quả không phải là chuyện đơn giản.

Trong quá trình tác chiến trước đó, phương diện quân Bắc Cáp-ca-dơ và phương diện quân Da-cáp-ca-dơ đã tiếp giáp sườn bên nhau và cùng hướng chủ lực vào căn cứ bàn đạp Ta-man. Để bộ đội hoạt động ở đây thuộc quyền hai bộ tư lệnh phương diện quân nhưng cũng làm chung một nhiệm vụ thì thật là vô nghĩa. Vì vậy, từ ngày 5 tháng Hai, Đại bản doanh đã chuyển Cụm Biển Đen sang cho phương diện quân Bắc Cáp-ca-dơ và đặt Hạm đội Biển Đen thuộc quyền phương diện quân này về mặt chiến dịch. Nhưng ngược lại đã rút tập đoàn quân 44 và cụm cơ động của Ki-ri-tsen-cô ra khỏi biên chế của phương diện quân Bắc Cáp-ca-dơ vì về mặt chiến dịch và phạm vi hoạt động, hai tập đoàn trên đã xích lại gần phương diện quân Nam.

Thế là phương diện quân Bắc Cáp-ca-dơ sẽ tập trung toàn lực vào việc tiêu diệt cụm quân địch đóng ở Ta-man. Còn phương diện quân Da-cáp-ca-dơ có nhiệm vụ phòng ngự như cũ trong phạm vi Da-cáp-ca-dơ.

Nhưng, trước lúc cải tổ biên chế như vậy, ta lại tiến hành chiến dịch Nô-vô-rô-xi-xcơ. Ý định chiến dịch về cơ bản vẫn như trước, không thay đổi: bao vây và tiêu diệt địch ở khu vực Nô-vô-rô-xi-xcơ bằng những hoạt động phối hợp của tập đoàn quân 47 và quân đổ bộ đường biển. Bộ binh từ phía Tây – Bắc đánh vu hồi vào thành phố, còn quân đổ bộ đường biển sẽ đổ bộ lên hai nơi: chủ yếu – đổ bộ vào khu vực Nam Ô-de-rây-ca và thứ yếu – vào khu vực Xta-ni-tơ-ca. Thời gian đổ bộ phụ thuộc vào hành động của tập đoàn quân 47: sẽ thực hành đổ bộ sau khi bộ binh chọc thủng được tuyến phòng ngự của địch ở phía Bắc Nô-vô-rô-xi-xcơ và chiếm được đèo ngang Ma-rơ-cốt-khơ...

Ngày 1 tháng Hai, tập đoàn quân 47 chuyển sang tiến công, nhưng không thu được kết quả. Tuy nhiên, tư lệnh phương diện quân Da-cáp-ca-dơ vẫn ra lệnh đổ bộ đường biển. Ý định này được thực hiện ngày 4 tháng Hai mà không được chuẩn bị thích đáng. Vì sự hiệp đồng giữa các hạm tàu và quân đổ bộ tổ chức kém, nhưng chủ yếu là vì pháo trên các chiến hạm không chế áp được những phương tiện hỏa lực của địch, nên đã dẫn đến những kết quả đáng trách.

Ở khu vực Nam Ô-de-rây-ca, chỉ một phần nhỏ của đội đổ bộ chủ yếu (khoảng 1.400 người) là đổ bộ được. Tất nhiên, đơn vị ấy không thể giữ nổi bàn đạp và đã bị tổn thất nặng, buộc phải cố thọc ra khu vực Xta-ni-tơ-ca, nơi đổ bộ của đội đổ bộ thứ yếu. Mấy chục người trong biên chế của đội này được xuồng chở ra khỏi bờ.

Đội đổ bộ trên hướng thứ yếu có gần 900 người do thiếu tá Tx. L. Cu-nhi-cốp chỉ huy đã lên bờ được trọn vẹn. Sở dĩ được như vậy một phần là nhờ hoạt động được tổ chức tốt của đội tàu đổ bộ (do trung úy thuyền trưởng N. I. Xi-pi-a-ghin chỉ huy). Trên đất liền, bộ đội đổ bộ chiến đấu rất táo bạo và linh hoạt. Cơ quan tham mưu của bộ đội đổ bộ đứng đầu là Ph. E. Cô-ta-nôp, một đại úy giàu kinh nghiệm, hoạt động rất cừ. Về sau đồng chí này lên thay Cu-nhi-cốp bị tử thương.

Cần ghi công trung tá A. V. Xvéc-đlốp, tham mưu trưởng căn cứ hải quân Nô-vô-rô-xi-xcơ, người được giao nhiệm vụ chỉ huy toàn bộ lực lượng đổ bộ thứ yếu từ đài chỉ huy tiền tiêu. Lực lượng đổ bộ đã đánh chiếm và giữ được tốt vị trí đầu cầu nhỏ. Sau đó, mấy lữ đoàn bộ binh và thủy quân lục chiến cùng cơ quan chỉ huy của quân đoàn bộ binh 16 cũng đã đổ bộ tiếp lên đây. Các đơn vị này mở rộng bàn đạp đến tận dãy núi Mút-kha-cô, đã thu hút được hầu hết lực lượng của năm sư đoàn địch về phía mình, đã làm nổi danh quân đội Liên Xô.

Một chiến dịch tiến công khác ở khu vực Cra-xnô-đa đã diễn ra gần như đồng thời với những sự kiện trên, từ ngày 9 đến 22 tháng Hai. Hoạt động bên sườn phải khu vực này là các tập đoàn quân 58 và 9, ở giữa là các tập đoàn quân 37 và 46, còn bên cánh trái, ở phía Bắc Nô-vô-rô-xi-xcơ, vẫn là tập đoàn quân 47. Các mũi đột kích đều hướng vào làng Va-re-nhi-cốp-xcai-a. Các tập đoàn quân 18 và 56, đóng quân ở ngay phía trước Cra-xnô-đa, đang tiến công nhằm bao vây và tiêu diệt quân địch phòng ngự ngay trong thành phố.

Địa hình không thuận lợi cho chúng ta. Tập đoàn quân 47 phải vượt qua một dãy núi, còn các tập đoàn quân 58, 9 và 37 phải tiến công vượt qua các ao hồ, sinh lầy, vùng đất trũng, thấp, bãi sù, trong thời gian này lại đầy nước.

Còn đường sá thì chỉ nghĩ đến đã thấy sợ; có thể nói đó là những luống bùn nhầy nhụa cầm chân cả bộ binh lẫn pháo binh, nhất là các đơn vị hậu cần. Còn địch, chúng đóng trên các điểm cao không chế, lợi dụng từng giờ để rúc sâu thêm xuống đất, bổ sung thêm những chướng ngại tự nhiên trên đường tiến quân của chúng ta bằng những chướng ngại vật tự tạo, đặc biệt bằng những bãi mìn.

Bộ tư lệnh phương diện quân lúc này đứng trước một tình trạng khó xử: hoặc phải chuẩn bị thêm để tiến hành đột phá theo đúng mọi quy tắc, nhưng sẽ mất thời gian và địch sẽ lợi dụng số thời gian ấy để củng cố công sự thêm vững chắc, hoặc tiếp tục tiến công không ngừng lại lâu để không cho địch có khả năng tăng cường phòng ngự. Các đồng chí đã chọn phương án sau: chỉ dành vùn vện có năm ngày để chuẩn bị chiến dịch.

Ngày 9 tháng Hai, bộ đội của phương diện quân Bắc Cáp-ca-dơ đã đột kích từ tuyến sông Bây-xúc và Cu-ban. chọc thủng phòng tuyến phòng ngự của quân Đức ở khu vực Cô-rê-nôp-xcai-a, và tập đoàn quân 37 của chúng ta sau hai ngày chiến đấu đã tiến sâu về phía Tây được 25-30 ki-lô-mét. Bên sườn phải tập đoàn quân 18 trong khu vực Pa-sơ-cốp xcai-a, quân ta đã vượt qua Cu-ban và tiến được đôi chút.

Dựa vào thắng lợi của các đơn vị bạn, tập đoàn quân 46 cũng tiến lên phía trước. Ngày 12 tháng Hai, các đơn vị này đã cùng nhau phối hợp cố gắng và đánh bật địch ra khỏi Cra-xnô-đa và cả ngày hôm sau tiếp tục truy kích địch sâu thêm đến 50 ki-lô-mét. Do đó, tình hình bên sườn phải và Tây – Nam Cra-xnô-đa đã được chỉnh đốn lại chút ít. Còn ở khu vực Nô-vô-rô-xi-xcơ, các mũi đột kích của tập đoàn quân 41 và của các chiến sĩ anh dũng ở Mút-kha-cô đã bị đánh lui

Trong suốt nửa cuối tháng Hai, tháng Ba và nửa đầu tháng Tư, các cuộc chiến đấu tiến công vẫn tiếp diễn nhưng không thu được kết quả lớn. Quân địch bị đẩy ra tuyến sông Cu-rơ-ca và Cu-ban đến Pri-cu-ban-xki, ra sông A-đa-gum đến Cra-xnưi ra các cao điểm ở vùng Crưm-xcai-a, Ne-be-rơ-gia-ép-xcai-a, nhưng chúng vẫn chưa bị đánh bại hẳn. Sở dĩ như vậy là do nhiều

nguyên nhân và đặc biệt là do ta có nhiều thiếu sót trong việc chỉ huy bộ đội. Nên ta thấy cần phải có những biện pháp tổ chức bổ sung.

Ngày ngày 16 tháng Ba, Đại bản doanh đã giải thể cơ quan chỉ huy của Cụm Biển Đen và lấy số cán bộ ở đây tăng cường cho cơ quan tham mưu của phương diện quân Bắc Cáp-ca-dơ. Trước đó mấy ngày, cơ quan chỉ huy của tập đoàn quân 18 chuyển sang bố trí ở khu vực Nô-vô-rô-xi-xcơ và hợp nhất các đơn vị bộ đội đang hoạt động ở bán đảo Mút-kha-cô và ở núi Đôn-gai-a. Còn các sư đoàn còn lại trong khu vực Cra-xnô-đa thì nhập vào các tập đoàn quân 46 và 56.

Trong lúc này, bản thân quân địch cũng tăng cường hoạt động cả trên bộ lẫn trên không và ngoài biển. Tháng Tư, chúng đã tăng cường quân đội ở khu vực Nô-vô-rô-xi-xcơ và phản kích cực mạnh vào các chiến sĩ bảo vệ đất nhỏ và cả vào phía Đông thành phố. Không còn nghi ngờ gì nữa, bọn Đức đang mưu toan thủ tiêu căn cứ đầu cầu của chúng ta.

Bọn chúng còn đột kích cả vào những tập đoàn quân khác của chúng ta. Từ ngày 15 tháng Tư, quân địch phản kích trên hướng chủ yếu chống lại tập đoàn quân 56. Không quân Đức từ các sân bay Ta-man, Crum và cả từ các sân bay U-crai-na bay tới đây. Bọn chúng cố tìm cách giành quyền khống chế trên không, rất nhiều trận không chiến đã diễn ra trên bầu trời Cu ban, trong đó các máy bay tiêm kích mới nhất của Đức Me-109 G-2 và Me-109 G-4 đã tham chiến.

Hoạt động chiến đấu của không quân ta rõ ràng có thấp hơn. Ví như ngày 9 tháng Tư, quân địch đã xuất kích hơn 750 lần chiếc, chúng ta – 307; ngày 12 tháng Tư, bọn chúng – 862, chúng ta – 300; ngày 15 tháng Tư, bọn chúng – 1.560, chúng ta – 447; ngày 17 tháng Tư, bọn chúng – 1.560, chúng ta – 538. Ngoài biển, quân địch phong tỏa vịnh Gê-len-gích.

Như vậy là tình hình không thuận lợi cho chúng ta. Đại bản doanh đã chăm lo tăng cường cho phương diện quân Bắc Cáp-ca-dơ. Nhiều đơn vị mới thuộc bộ đội không quân và súng cối phản lực cùng những thê đội bổ sung và nhiên liệu đạn dược đã được điều động đến khu vực ấy. Tập đoàn quân 47, hai quân đoàn bộ binh và một sư đoàn được đưa đến làm đội dự bị

của phương diện quân này. Các tập đoàn quân cũng thành lập những đội dự bị. Công tác hậu cần cũng đã được chấn chỉnh lại.

Sau khi đã phân tích tỉ mỉ tình huống ở Bắc Cáp-ca-dơ, ngày 17 tháng Tư, Bộ Tổng tham mưu đã báo cáo lên đồng chí Tổng tư lệnh tối cao các kết luận của mình và kế hoạch sử dụng binh lực hiện có của phương diện quân Bắc Cáp-ca-dơ và những binh lực sắp được điều tới đây. I. V. Xta-lin hội ý với Gh. C. Giu-cốp mới ở Bên-gô-rat về. Giu-cốp không loại trừ việc bộ chỉ huy Đức muốn sử dụng tập đoàn quân 17 của chúng đang đóng ở Ta-man vào các chiến dịch tiến công trong mùa xuân và mùa hè năm 1943. Đồng chí cho rằng cần phải nhanh chóng thủ tiêu căn cứ bàn đạp Ta-man của địch và đẩy lùi chúng tới Crum.

Đồng chí Tổng tư lệnh tối cao suy nghĩ một lúc về ý kiến này, xong nói với Giu-cốp:

- Đồng chí đích thân nghiên cứu các vấn đề này tại chỗ thì tốt hơn. Thời gian gần đây, ở Ma-xlen-ni-cốp có chuyện gì đó không ổn. Những cố gắng của phương diện quân không đem lại kết quả đáng kể... Đồng chí mang Stê-men-cô trong Bộ tổng tham mưu cùng đi, và các đồng chí đích thân tới đấy...

Ngay lúc ấy, đồng chí Tổng tư lệnh tối cao cho phép sử dụng sư đoàn đặc biệt thuộc Bộ dân ủy nội vụ, trong lực lượng dự bị của Đại bản doanh vào những trận chiến đấu ở Ta-man. Tư lệnh sư đoàn là đại tá Pi-ia-sép mà bạn đọc đã biết. Binh đoàn này trong thời gian ấy được kiện toàn đầy đủ nhất: nó có đến 11 nghìn người.

Sáng ngày hôm sau, 18 tháng Tư, chúng tôi đáp máy bay đến Cra-xnô-da. Gh. C. Giu-cốp mời tư lệnh không quân A. A. Nô-vi-cốp và bộ trưởng dân ủy hải quân N. Gh. Cu-dơ-nét-xốp cùng tham gia chuyến đi công tác này.

Chúng tôi đi xuống Rô-xtốp lấy nhiên liệu và từ đó bay là thấp tới Cra-xnô-đa, vì trên trời Cu-ban máy bay địch hoành hành rất dữ và đang diễn ra những trận không chiến ác liệt. Bay như vậy cũng đáng ngại. Phía dưới, vườn tược đang nở đầy hoa, đồng ruộng rục rờ một màu xanh.

Ma-xlen-ni-cốp ra đón chúng tôi tại sân bay Cra-xnô-đa và đưa chúng tôi về cơ quan tham mưu của phương diện quân. Các tư lệnh các tập đoàn quân 58, 9 và 37 đã được triệu tập đến đây. Bộ đội của các tập đoàn quân này đang hoạt động trong vùng sinh lầy, rải ra đến hơn 6 ki-lô-mét. Những con đường hẹp vắt ngang qua vùng sinh lầy đều bị bọn địch kiểm chế. Chỉ những đơn vị tương đối không lớn, được trang bị đặc biệt, hoạt động ở đây mới có lợi.

Sau khi nghe các tư lệnh tập đoàn quân báo cáo, Giu-cốp nói:

- Chúng ta sẽ tìm cách giải quyết vấn đề phía Nam Cu-ban. Ngày mai ta sẽ đến tại chỗ.

Tình hình phía Nam Cu-ban như sau: tập đoàn quân 56 đang tiến công trên hướng chủ yếu. Mũi đột kích chính vu hồi từ phía Nam vào rừng Crưm-xcai-a, còn mũi phụ vu hồi từ phía Bắc vào. Quân địch đã tung nhiều lực lượng bộ binh mới, xe tăng và một số lớn máy bay vào chiến đấu. Do đó tập đoàn quân 56 chỉ tiến gần được đến Crưm-xcai-a, song không thể đánh chiếm được vùng này. Các sư đoàn tiến công rất thiếu đạn dược. Không đủ pháo binh và xe tăng. Tập đoàn quân 18 cũng gặp nhiều khó khăn. Chiến đấu suốt hai ngày, tập đoàn quân này đã đánh lui được những đợt xung phong cực mạnh của địch ở khu vực Mút-kha-cô.

Sáng ngày 19 tháng Tư, chúng tôi đã đến sở chỉ huy của tập đoàn quân 56, đóng ở làng A-bin-xcai-a. Trong lúc báo cáo tình hình, A. A Grê-xcô, tư lệnh tập đoàn quân tuyên bố thẳng rằng cuộc tiến công dự định cho ngày mai chưa được chuẩn bị. Gh. C. Giu-cốp đồng ý với ý kiến đó và hoãn cuộc tiến công của tập đoàn quân lại năm ngày, tức là đến 25 tháng Tư.

Trong thời gian đó, tập đoàn quân sẽ được bổ sung thêm đạn dược, nhiên liệu, chòi pháo binh của lực lượng dự bị của Bộ Tổng tư lệnh tối cao và điều quan trọng nhất là sẽ có thể sử dụng được toàn bộ số máy bay, kể cả số máy bay mới đến, nhằm chiếm lại quyền khống chế trên không. Và sư đoàn của đồng chí Pi-ia-sép cũng phải đến đây trong thời hạn đó.

Cũng đã dự định rút bớt số pháo binh và súng cối phản lực từ những khu vực khác trong mặt trận về tăng cường cho tập đoàn quân 56. Ngoài ra, Giu-

côp còn muốn đích thân tới các quân đoàn và sư đoàn, trực tiếp tận mắt xem xét mọi việc trước lúc bắt đầu tiến công.

Đồng chí ra lệnh đào ngay trong khu vực sở chỉ huy của tập đoàn quân 56 cho chúng tôi một số hầm, để chúng tôi có điều kiện bám sát được bộ đội đang hoạt động trên hướng chủ yếu và không mất thời gian vô ích để đi về Cra-xnô-đa. Gh. C. Giu-côp còn yêu cầu cả Ma-xlen-ni-cốp cũng lập đài quan sát của mình ngay tại tập đoàn quân này.

Trong những ngày tiếp sau, phần lớn thời gian chúng tôi đã ở dưới các đơn vị, làm quen với các tư lệnh quân đoàn và sư đoàn, nghiên cứu mọi chi tiết của tình hình, tổ chức hiệp đồng ngay tại thực địa. Từ đài quan sát của tư lệnh tập đoàn quân cách tiền duyên chừng hai ki-lô-mét, chúng tôi đã ấn định sẽ đưa sư đoàn đặc biệt của Bộ dân ủy nội vụ bước vào chiến đấu ở đâu và như thế nào.

Đồng thời với việc chuẩn bị cho cuộc tiến công của tập đoàn quân 56, đồng chí đại diện Đại bản doanh còn rất quan tâm đến việc củng cố phòng ngự của đội đổ bộ đường biển của tập đoàn quân 18 ở Mút-kha-cô, bảo đảm cho nó được vững chắc và được liên tục cung cấp mọi thứ cần thiết. Ngày 20 tháng Tư, ta đã hai lần dùng máy bay ào ạt đột kích địch ở trước chính diện của đội đổ bộ đường biển. Trong mỗi đợt đột kích, ta đã dùng tới 200 máy bay, sau đó địch đã phải đình chỉ ngay cuộc tiến công của chúng và bắt đầu chui xuống đất. Theo chỉ thị của Gh. C. Giu-côp, hạm đội đã tách thêm nhiều phương tiện để chuyển vào đất nhỏ, pháo binh của tập đoàn quân 18 trong khu vực vịnh Xe-mét-xcai-a được tăng cường thêm hệ thống hỏa lực pháo binh đã cải thiện.

Đêm 20 rạng ngày 21 tháng Tư, không quân hoạt động tầm xa, phương diện quân Bắc Cáp-ca-dơ và Hạm đội Biển Đen đã chung sức cố gắng phối hợp đột kích vào các sân bay của địch ở A-na-pa, vào những phần đất còn bị địch chiếm ở Nô-vô-rô-xi-xcơ và vào cả đội hình chiến đấu của quân đội phát xít Đức. Những đòn đột nhập này đã tỏ ra rất có hiệu lực.

Trong số những biện pháp tổ chức tuần túy đã thực hiện trong những ngày ấy, có lẽ chỉ có hai biện pháp đáng được nhắc lại ở đây: điều động cơ

quan chỉ huy của tập đoàn quân 58 tới miền duyên hải biển A-dốp, đồng thời chuyển giao các sư đoàn trong biên chế của tập đoàn quân này cho tập đoàn quân 9 và đưa ba sư đoàn bộ binh cận vệ của tập đoàn quân 56 vào quân đoàn bộ binh cận vệ 11.

Một hôm, đã quá nửa đêm, tôi viết xong báo cáo thường lệ gửi về Mát-xcơ-va và mang sang lấy chữ ký của Giu-cốp. Đồng chí ngồi trong căn hầm của mình và đang chăm chú suy nghĩ trên tấm bản đồ trải rộng, đồng chí ký báo cáo, không bổ sung gì thêm, rồi hỏi theo thói quen:

- Thế đồng chí định làm gì bây giờ?

- Thưa, tôi đi gửi báo cáo rồi đi nằm nghỉ, – tôi trả lời và tính nhẩm: chẳng còn mấy nữa thì trời sáng.

- Nèn thế, đúng đấy ...

Đến đây, chúng tôi chia tay nhau.

Gửi báo cáo cũng chóng thôi. Nửa giờ sau, tôi đã trở về tới chỗ của mình, vừa ngả lưng thì nghe thấy tiếng đàn bai-an vọng tới. Có người nào đấy đang dạo một bản nhạc buồn mà hồi đó ai cũng biết. Tôi ngó ra cửa và thấy Gh. C. Giu-cốp. Đồng chí ngồi trên ngưỡng cửa hầm, đang chậm rãi kéo đàn. Hết bản nhạc thứ nhất, tiếp đến bản nhạc thứ hai, thứ ba – toàn là những bản nhạc nồng nhiệt cả. Đó là những bài hát hay ngoài mặt trận của chúng tôi. Người chơi đàn chưa có trình độ giỏi lắm nhưng đã chơi đàn với một nhiệt tình đầy hấp dẫn. Tôi ngồi lâu bên cửa, lặng lẽ nghe.

Từ sáng ngày 21 tháng Tư, chúng tôi đã ở tập đoàn quân 18. Đơn vị này đang phòng ngự trong khu vực Nô-vô-rô-xi-xcơ Chúng tôi nghe báo cáo của tư lệnh tập đoàn quân C N. Lê-xe-lít-de, đi sâu nghiên cứu những đề nghị của đồng chí ấy. Chúng tôi hứa chi viện cho tập đoàn quân bằng không quân mà Lê-xe-lít-de rất ca ngợi. Cũng ở đây, lần đầu tiên tôi bắt quen với L. I. Brê-giơ-nép, chủ nhiệm chính trị tập đoàn quân này.

Đến tối, trên đường về, chúng tôi đã ghé vào đài quan sát của A. A. Lu-trin-xki, tư lệnh quân đoàn bộ binh 3. Quân đoàn này bố trí bên sườn trái tập đoàn quân 56. Đứng trên đài quan sát của Lu-trin-xki, nhìn thấy rất rõ những

cứ điểm Ne-be-rơ-gia-ép-xcai-a của địch. Máy bay Đức ném bom vào các trận địa ta, sau đó đánh cả vào đài quan sát. Chờ cho địch bắn phá xong, chúng tôi bắt đầu chuẩn xác kế hoạch hành động của quân đoàn, quyết định sử dụng quân đoàn tiêu diệt địch ở khu vực Ne-be-rơ-gia-ép-xcai-a và bảo đảm phía Nô-vô-rô-xi-xcơ cho toàn chiến dịch tiến công.

Ngày 22 tháng Tư, đại diện Đại bản doanh làm việc với các tư lệnh sư đoàn thuộc tập đoàn quân 56. Các đồng chí này được giải thích rõ rằng tập đoàn quân 56 sẽ hành động trên hướng chủ yếu của mặt trận, có nhiệm vụ trước mắt là phá vỡ tuyến phòng ngự của địch ở khu vực Crưm-xcai-a và đánh chiếm trung tâm đê kháng này, sau đó sẽ tiến công Glát-côp-xcai-a và Ve-lơ-khơ-ne – Ba-can-xki tại phía sau cánh quân phát-xít Đức ở Nô-vô-rô-xi-xcơ. Cũng tại đây, dự định sẽ sử dụng những lực lượng chủ yếu của không quân và trước hết sẽ chờ đạn dược tới đây.

Nhiệm vụ của các tập đoàn quân khác cũng đã được xác định. Đảm nhiệm sườn phải của phương diện quân, tập đoàn quân 9 do C. A. Cô-rô-tê-ép chỉ huy hoạt động ở khu vực Đông – Bắc Sa-po-rơ-xki, phải tiến công vượt sông Cu-ban và đánh chiếm Va-le-nhi-côp-xcai-a, rồi sau đó phát triển thắng lợi vào sâu trên bán đảo Ta-man tới Gi-gin-xcô-i-ê và đưa một bộ phận lực lượng tới Tem-ri-úc.

Tập đoàn quân 37 của tướng P. M. Cô-dơ-lốp có nhiệm vụ đột kích lừ Pri-cu-ban-xki và Re-me-khốp-xki thắng sang phía Tây, cũng nằm trong hướng chung với Va-re-nhi-côp-xcai-a; còn tập đoàn quân 18 phải khôi phục lại tình hình tại Mút-kha-cô đã bị địch phá rối trước đây.

Đại bản doanh phê chuẩn kế hoạch chiến dịch này mà không thêm bớt gì cả. Nhưng thực tiễn đã tu chỉnh kế hoạch ấy: cuộc tiến công phải lui lại mấy ngày tức là đến 29 tháng Tư. Chỉ đến thời gian ấy, mọi lực lượng và khí tài mới được hoàn toàn chuẩn bị xong.

Những ngày ấy nắng ấm. Từ sớm đến tận đêm khuya, chúng tôi làm việc ở các sư đoàn và trung đoàn, đi sâu nghiên cứu tỉ mỉ mọi chi tiết, cố gắng không bỏ sót một vấn đề gì. Quá nửa đêm, chúng tôi mới về chỗ ở của mình. Như thường lệ, sau khi ăn tối xong, tôi ngồi viết ngay báo cáo gửi về Đại

bản doanh, còn Gh. C. Giu-côp, trong lúc chờ đợi tôi viết xong báo cáo, nói chuyện bằng điện thoại với các tư lệnh tập đoàn quân. Trước lúc đi ngủ, đồng chí thường chơi đàn bai-an, đồng chí chỉ chơi đàn sau khi đã làm xong mọi việc và còn lại có một mình.

Cuối cùng, ngày 29 tháng Tư đã đến. Chúng tôi ở trên đài quan sát của tư lệnh tập đoàn quân 56. Đúng 7 giờ 40 phút, bắt đầu pháo bắn chuẩn bị. Toàn bộ pháo binh của phương diện quân cùng với không quân pháo kích 100 phút vào tuyến phòng ngự của quân địch.

Rồi pháo chuyển làn bắn vào sâu trong trận địa địch, bộ binh xông lên xung phong. Đứng tại đài quan sát nhìn thấy rất rõ các mũi từ phía Bắc và phía Nam đang đánh quạp lấy Crưm-xcai-a. Đây là trung tâm đề kháng chủ yếu của địch. Chúng đang phòng ngự một cách tuyệt vọng.

Đi đôi với những trận đánh đẫm máu trên mặt đất, còn có những trận không chiến sôi nổi. Có đến hàng trăm máy bay xuất hiện càn quét một lúc trên bầu trời. Các phi công xuất sắc của chúng ta: A. I. Pô-crư-skin, G. A. Re-trơ-ca-lốp, hai anh em Đơ-mi-tơ-ri và Bô-rít Glin-ca, đã tham gia chiến đấu ở đây.

Rõ ràng bọn địch đã phát hiện được đài quan sát của A. A. Grê-xcô nên đã dồn hỏa lực pháo binh của chúng vào đây. Máy chiếc ô-tô đậu cách hầm chúng tôi 600-700 mét bị phá tan, nhưng hầm chúng tôi vẫn nguyên vẹn thậm chí không bị hư hại gì. Chúng tôi ở đây hơn một ngày đêm liền và đến ngày 1 tháng Năm cũng ở tại đây. Sau đó, đến 14 giờ, chúng tôi chuyển qua sở chỉ huy của tập đoàn quân, nơi A. A. Grê-xcô đã tổ chức một bữa ăn, tuy đạm bạc nhưng vẫn có hương vị của ngày lễ lớn.

Các trận chiến đấu quyết liệt trong dải tiến công của tập đoàn quân 56 tiếp diễn mây ngày liền. Quân địch đã nhiều lần ngoan cố phản xung phong, đặc biệt là ở bên sườn phải, ở đây mỗi ngày ta phải đánh lui từ 6 đến 8 lần phản xung phong của chúng. Tốc độ tiến quân trung bình trong một ngày đêm của bộ đội không vượt quá một ki-lô-mét rưỡi đến hai ki-lô-mét.

Tới ngày thứ năm của chiến dịch, ta quyết định đưa sư đoàn đặc biệt của Pi-ia-sép vào chiến đấu. Gh. C. Giu-cốp đặt nhiều hy vọng vào sư đoàn này và ra lệnh phải giữ vững máy liên lạc điện thoại trực tiếp với Pi-ia-sép. Đồng chí ủy nhiệm tôi đích thân nói chuyện với Pi-ia-sép trong quá trình chiến đấu.

Sư đoàn tiến vào thê đội một của tập đoàn quân trong đêm và đã tiến công từ sáng ở phía Nam Crưm-xcai-a, nhưng liền bị không quân địch đánh phá mạnh. Các trung đoàn đã dừng lại tìm nơi ẩn nấp.

Gh. C. Giu-cốp có mặt ở tập đoàn quân 56 với bí danh là Côn-xtan-ti-nốp, truyền lệnh cho tôi:

- Lệnh cho Pi-ia-sép tiến công? Cớ sao dừng lại ẩn nấp?

Tôi gọi đây nói tới tư lệnh sư đoàn:

- Côn-xtan-ti-nốp đòi không được ngừng tiến công.

Kết quả thật không ngờ, Pi-ia-sép nổi nóng:

- Lại ông nào nữa đây? Ai cũng đòi chỉ huy thì chẳng được cái tích sự gì sắt đâu. Mặc xác ông ta...

Giu-cốp hỏi:

- Pi-ia-sép nói gì thế?

Tôi trả lời, sao cho tư lệnh sư đoàn cũng nghe được:

- Thưa đồng chí nguyên soái, Pi-ia-sép đang áp dụng những biện pháp cần thiết.

Thề là đủ. Đại tá đã hiểu Côn-xtan-ti-nốp là ai và sau đó đã tuyệt đối chấp hành mọi chỉ thị của đồng chí.

Đến hết ngày 4 tháng Năm, do bị hai mũi giáp công, quân địch đã bị đánh bật ra khỏi Crưm-xcai-a. Chúng tôi liền đến ngay đó để xem xét cách bố trí phòng ngự của bọn Đức. Đó thật là một trung tâm đề kháng không thể bị phá vỡ một cách đơn giản. Không kể hệ thống dày đặc những hào chiến đấu, hào giao thông, công sự và hầm hố, chúng còn lấy xi-măng ở Nô-vô-rô-xi-

xcơ, biến các tầng hầm những nhà gạch thành lô-cốt. Ngoài ra, chúng còn dùng nhiều xe tăng đặt ngầm dưới đất yểm hộ các cửa ngõ vào Crum-xcai-a.

Những ngày tiếp sau, cuộc tiến công cũng gặp nhiều khó khăn như vậy. Gặp nhiều khó khăn nhất là bộ đội ta ở các khu vực Ki-ép-xcôi-e và Môn-đa-van-xcôi-e. Không sao đánh chiếm được những cứ điểm này. Tất cả đã dừng lại trên tuyến các sông Cu-rơ-ca và Cu-ban, Ki-ép-xcôi-ê, Môn-đa-van-xcôi-e và Ne-be-rơ-gia-ép-xcai-a. Trinh sát báo cáo rằng phía trước chúng ta là một phòng tuyến mới, mạnh của địch với số đơn vị vừa rút lui về và nhiều lực lượng dự bị vừa được điều tới.

Đó chính là cái gọi là “Phòng tuyến xanh”. Mọi cố gắng định đột phá phòng tuyến đó trong lúc hành tiến đều không đem lại kết quả. Nếu cứ tiếp tục cố đánh thì cũng không có tác dụng gì. Và, ngày 15 tháng Năm, ta đã kết thúc chiến dịch. Muốn đột phá dải phòng ngự mới này, ta phải tổ chức một chiến dịch mới, và như vậy phải có thời gian và phương tiện.

Đại diện Đại bản doanh không có việc gì để ở lại đây nữa. Gh. C. Giu-cốp và tất cả chúng tôi trở về Mát-xcơ-va. Trên đường về, chúng tôi không thấy vui lắm. Nhiệm vụ quét sạch địch ra khỏi bán đảo Ta-man chưa được hoàn thành. Chúng tôi biết trước rằng Xta-lin sẽ không hài lòng và chuẩn bị chịu khiển trách. Nhưng mọi việc đã trôi qua một cách tương đối thuận lợi. Tổng tư lệnh tối cao chỉ quyết định thay đổi tư lệnh phương diện quân: cử I. E. Pê-tơ-rốp thay I. I. Ma-xlen-ni-cốp. Dưới sự lãnh đạo của Pê-tơ-rốp, trong vòng năm tháng, bộ đội Liên Xô đã quét sạch địch ra khỏi bán đảo Ta-man.

Phương diện quân Bắc Cáp-ca-dơ đã dành cả tháng Tám và đầu tháng Chín năm 1943 để chuẩn bị tiến tới tiêu diệt địch trên “Phòng tuyến xanh”. Lần này, X. C. Ti-mô-sen-cô làm đại diện của Đại bản doanh ở đây.

“Phòng tuyến xanh” cấu trúc phức tạp, thành những tuyến tăng cường hình cánh cung nối tiếp nhau thành lớp chắn ngang bán đảo Ta-man, dựa vào những cao điểm không chế và những chướng ngại thiên nhiên khác như: sông, bãi sù, sinh lầy. Khu vực Nô-vô-rô-xi-xcơ có thể là cứ điểm then chốt của toàn bộ tuyến phòng ngự. Đánh chiếm được cứ điểm này, bộ đội ta sẽ có khả năng tiến vào phía sườn và phía sau một số tuyến phòng ngự và trung

tâm đề kháng của địch cấu trúc ở những vùng dân cư Ki-ép-xcôi-ê Môn-đa-van-xcôi-e, Ne-be-rơ-gia-ép-xcai-a, Vê-rơ-khơ-ne – Ba-can-xki, nơi chủ lực của địch đóng.

Kế hoạch chiến dịch tiến công mới quy định phải tiêu diệt cánh quân địch đóng tại Nô-vô-rô-xi-xcơ, bằng những cố gắng phối hợp của tập đoàn quân 18, Hạm đội Biển Đen, Chi hạm đội A-dốp và không quân, tiếp sau sẽ phát triển thẳng lợi vào phía sau các đoàn quân phát-xít Đức đang bố trí ở Va-re-nhi-cốp-xcai-a, Ki-ép-xcôi-ê và Môn-đa-van-xcôi-ê. Trong lúc đó, các tập đoàn quân 9 và 56 phải từ phía Đông tiến công thẳng vào chính diện chủ lực địch, chia cắt chúng, buộc chúng phải chiến đấu và bị tiêu diệt từng bộ phận một. Các mũi đột kích của cả ba tập đoàn quân cuối cùng đều phải dồn chĩa vào Ta-man.

Kế hoạch này được bắt đầu thực hiện vào đêm 9 rạng ngày 10 tháng Chín 1943, bằng những hoạt động oanh tạc ráo riết của không quân và pháo binh vào những địa điểm sẽ có đổ bộ đường biển. Sau đấy, tiếp đến những hành động táo bạo của Hạm đội Biển Đen và tập đoàn quân 18 ở khu vực Nô-vô-rô-xi-xcơ. Hải quân của ta được không quân và pháo mặt đất chi viện đã đột phá vào vịnh Xe-mét-xcai-a, đổ quân lên bờ và đánh chiếm miền duyên hải vịnh này, công phá vào các khu phố trong thành phố. Tập đoàn quân 18 từ phía đường cái lớn Tu-áp-xe và đất nhỏ tiến công vào phía Bắc thành phố, chi viện cho đội đổ bộ đường biển.

Ngày hôm sau, tập đoàn quân 9 ở bên sườn phải làm nhiệm vụ tập đoàn xung kích của phương diện quân đã chuyển sang tiến công, thu hút được các lực lượng dự bị của địch về phía mình, nhằm không để cho địch có khả năng sử dụng chúng trên các khu vực khác.

Ngày 14 tháng Chín, tập đoàn quân 56 đột kích thẳng vào các trung tâm đề kháng của địch ở Ki-ép-xcôi-e và Môn-đa-van-xcôi-e. Những đơn vị tiên tiêu của chúng ta đã thọc sâu vào tuyến phòng ngự ở đấy của quân đội phát-xít Đức.

Các đợt tiến công của bộ binh thuộc phương diện quân Bắc Cáp-ca-dơ, của các chiến hạm thuộc Hạm đội Biển Đen và của không quân, tuy tiến

hành trong những thời gian và không gian khác nhau nhưng được phối hợp với nhau rất tốt đã là những đòn tiến công mãnh liệt và chớp nhoáng, khiến bọn phát-xít Đức không sao chống đỡ nổi.

Ngày 16 tháng Chín, các sư đoàn của tướng Lê-xe-lít-de hiệp đồng với hạm đội đã đánh tan quân địch ở Nô-vô-rô-xi-xơ, hoàn toàn giải phóng thành phố, thành phố này năm 1973 được phong tặng danh hiệu cao quý: thành phố anh hùng.

Bộ đội Liên Xô bắt đầu chiến đấu nhằm chiếm đèo ngang Ne-be-rơ-gia-ép-xki, cách Tây – Bắc áng chừng 8-10 ki-lô-mét. Tình hình này trở thành mối uy hiếp rõ rệt từ phía sau lưng đối với chủ lực của quân địch đang phải phòng ngự trước sức tiến công của các tập đoàn quân 9 và 56, buộc bộ chỉ huy phát-xít Đức phải cho rút quân của chúng ra khỏi “Phòng tuyến xanh”. Phương diện quân Bắc Cáp-ca-dơ chuyển sang truy kích, đè bẹp sức kháng cự đang bị yếu dần của quân địch trên các tuyến giữa.

Những đội đổ bộ đường biển mới lại đổ bộ lên phía sau lưng quân địch, làm cho các đơn vị địch đang rút lui mất những căn cứ để dựa vào đó mà tổ chức rút chạy. Trên không, các phi công Liên Xô độc chiếm bầu trời, gây tổn thất lớn không những cho bộ binh quân Đức mà cho cả những chiến hạm địch đang chở tàn quân của tập đoàn quân 17 rút chạy sang Crưm.

Ngày 9 tháng Mười 1943, những loạt đạn cuối cùng đã ngừng hẳn trên bán đảo Ta-man. Sau một tháng chiến đấu quyết liệt riêng số tù binh địch bị ta bắt được ở đây đã lên tới gần 4 000 lên. Về chiến lợi phẩm, bộ đội ta thu được: 1300 khẩu pháo và súng cối, 92 xe tăng. Chúng ta đã tước khỏi tay quân thù lưỡi dao găm sẵn sàng thọc vào lưng các phương diện quân chủ yếu của chúng ta đang tiến về Đni-ép-rơ. Bộ Tổng tham mưu bắt đầu suy nghĩ đến việc chuyển những hành động chiến đấu sang vùng Crưm.

6. Mùa đông chiến tranh thứ hai

Thất bại thảm hại của tập đoàn quân 2 Đức – Chiến dịch “Ngôi sao” – Quan tâm đến các lực lượng dự bị. – Tính đúng và tính nhầm. – Những biến chuyển ngoài mặt trận hướng trung tâm. – Kết thúc chỗ lồi Rơ-giép – Vi-a-dơ-ma. – Thành lập mặt chính diện phía Bắc của vòng cung Cuốc-xcơ – Những phức tạp mới ở phương diện quân Vô-rô-ne-giơ. – Thành lập mặt chính diện phía Nam. – Kết quả chiến cục mùa đông năm 1943.

Trí nhớ lại đưa dần tôi trở về với những sự kiện mùa đông của năm bước ngoặt trong chiến tranh. Sự phát triển các hoạt động chiến đấu của các phương diện quân Vô-rô-ne-giơ, Tây – Nam và Nam đã gặp rắc rối, phần lớn vì hồi đó có nhiều khó khăn trong việc vận chuyển các phương tiện vật chất lên phía trước. Các luồng vật tư gửi ra mặt trận vẫn tiếp tục đi theo phương hướng giống như trong thời kỳ chuẩn bị cho cuộc phản công ở Xta-lin-grát. Còn bộ đội chúng ta thì cứ tiến mãi sang phía Tây, cách xa những tuyến đường sắt chạy ra các mặt trận đến 250-300 ki-lô-mét, có nơi đến 350 ki-lô-mét.

Cụm quân Đức của tướng Pao-lút bị bao vây ở Xta-lin-grát đã cản trở việc vận chuyển vật tư theo bộ đội bằng đường sắt từ Xta-lin-grát đến Ca-men-xcơ và đi xa nữa tới Đôn-bát: chúng đã án ngữ tuyến đường này ở gần Xta-lin-grát; có tuyến đường sắt Vô-rô-ne-giơ – Min-lê-rô-vô hoàn toàn thích hợp để phục vụ mục tiêu ấy, nhưng đoạn đường từ Li-xki đến Can-tê-mi-rop-ca vẫn còn nằm trong tay giặc. Bộ tổng tham mưu chúng tôi ngày càng kiên trì, quả quyết rằng nếu không chiếm được con đường này thì không thể tiến hành những chiến dịch tiến công lớn mới ở phía Nam.

Rõ ràng, Đại bản doanh Bộ tổng tư lệnh tối cao cũng thiên về ý nghĩ ấy: Đại bản doanh luôn luôn đặc biệt quan tâm tới việc cung cấp cho các phương diện quân đang tác chiến mọi thứ cần thiết để sinh hoạt và chiến đấu. Ngay từ 21 tháng Chạp 1942, Xta-lin đã ra lệnh chuẩn bị chiến dịch trong khu vực của phương diện quân Vô-rô-ne-giơ nhằm tiêu diệt cụm quân địch tại Ô-xtơ-rô-gô-giơ-xcơ – Rôt-xô-sơ và khôi phục việc đi lại tự do trên đoạn đường sắt Li-xki – Can-tê-mi-ro-a.

Tướng Ph. I. Gô-li-cốp, tư lệnh phương diện quân Vô-rô-ne-giơ đã tham gia nghiên cứu chiến dịch. Đại bản doanh tán thành ý định của chiến dịch, phê chuẩn kế hoạch và từ đầu tháng Giêng 1943, đã đảm nhận việc trực tiếp kiểm tra chiến dịch này. Các đồng chí Gh. C. Giu-cốp và A. M. Va-xi-lép-xki đã xuống phương diện quân Vô-rô-ne-giơ.

Ý định chiến dịch rất kiên quyết: phải quét mạnh và bao vây chủ lực của tập đoàn quân 2 Hung ở khu vực Ô-xtơ-rô-gô-giơ xơ. A-lếch-xê-ép-ca, Rốt-xô-sơ. Chúng ta đã bắt mạch được chỗ yếu hơn cả trong tuyến phòng ngự của địch là khu vực Can-tê-mi-rốp-ca: ở đây, sau đợt tiến công vừa qua của chúng ta, địch còn chưa xây dựng được những công sự phòng ngự tương đối kiên cố. Tập đoàn quân xe tăng 3 sẽ đột kích vào đây, còn tập đoàn quân 40 thì tiến đánh vào phía Nam Vô-rô-ne-giơ.

Phương diện quân Vô-rô-ne-giơ không chiếm được ưu thế chung hơn địch về lực lượng, nhưng đã dám dũng cảm để những khu vực thụ động của mình bị yếu, dám tập trung bộ đội và khí tài kỹ thuật trên các hướng chủ yếu. Lần này, các đồng chí đã chú ý đến kinh nghiệm chiến đấu với cụm quân địch bị bao vây ở khu vực Xta-lin-grát. Để rút ngắn thời hạn thủ tiêu cái lòng chảo đang được chuẩn bị này, các đồng chí đã sớm lập kế hoạch dùng lực lượng của quân đoàn bộ binh độc lập 18 đột kích chia cắt địch và sau này đã thực hiện đúng như vậy.

Mùa đông năm 1943 nổi tiếng rét dữ. Bão nhiều và tuyết lắm. Nhưng đây lại là mùa đông chiến tranh thứ hai! Những điều kiện thời tiết không làm ai bối rối cả.

Chiến dịch định mở đầu vào ngày 15 tháng Giêng, song trong thực tế đã triển khai sớm hơn. Hai ngày trước thời hạn quy định trong kế hoạch, ta đã tiến hành trinh sát chiến đấu trên những hướng sẽ đột kích. Trong dải tiến công của tập đoàn quân 40, các phân đội trinh sát đã hành động quyết liệt đến mức địch đã bị đánh bật ra khỏi trận địa và bắt đầu rút lui. Kịp thời nắm được tình hình đó, bộ tư lệnh tập đoàn quân liền tung chủ lực vào tiến công và đến cuối ngày hôm đó đã thọc sâu vào tuyến phòng ngự của địch được 7 ki-lô-mét. Từ sáng hôm sau, ta đã phát triển được thắng lợi.

Tình hình rất thuận lợi cho chúng ta. Chưa đầy một tuần lễ, cụm quân chủ yếu của địch đã bị chia cắt và bị bao vây trong hai khu vực: vùng gần Rốt-xô-sơ và vùng A-lếch-xê-ép-ca. Bộ đội Liên Xô không cho địch kịp củng cố, bằng cách ngoan cường dồn dập tiến công chúng và đến ngày 25 tháng Giêng, mười lăm sư đoàn địch đã không còn tồn tại nữa và sáu sư đoàn khác của chúng đã bị tổn thất nặng. Đoạn đường sắt nối liền Li-xki với Can-tê-mi-rốp-ca chuyển về tay ta. Để phục hồi lại việc lưu thông các đoàn tàu ở đây, chúng ta phải làm một số việc không lớn lắm.

Kết quả rực rỡ của chiến dịch Ô-xtơ-rô-gô-giơ-xcơ – Rốt-xô-sơ đã kéo theo sau một chuỗi biến cố mới khó mà lường trước được đầy đủ và thật chính xác. Thất bại của địch diễn ra nhanh chóng, đến nỗi bộ chỉ huy phát-xít Đức không thể áp dụng được những biện pháp cần thiết để bảo đảm sườn phía Nam của tập đoàn quân 2 Đức đang bị trói chặt gần Vô-rô-ne-giơ. Mất tuyến Ác-khan-ghen-xcô-i-e, Re-pi-ép-ca, tập đoàn quân này đã bị bộ đội của hai phương diện quân Bri-an-xcơ và Vô-rô-ne-giơ vây chặt. Đã thế, ở mặt chính diện phía Nam chỗ lồi của tập đoàn quân địch, trận địa phòng ngự được bố trí vội vã, công trình phòng ngự còn yếu. Hơn nữa, địch lại không có đủ lực lượng dự bị.

Từ đó đã nảy sinh ra ý kiến nhanh chóng lợi dụng tình thế đang thuận lợi cho chúng ta, chuẩn bị và tiến hành một chiến dịch mới, mà không chờ tên lính cuối cùng trong số địch đang bị bao vây ở Rốt-xô-sơ giơ tay xin hàng. Và, chúng ta đã hành động như vậy.

Tham gia chiến dịch mới, chiến dịch Vô-rô-ne-giơ – Ca-xtô-rơ-nôi-ê, có lực lượng của hai phương diện quân: phương diện quân Bri-an-xcơ sử dụng tập đoàn quân 13 bên sườn trái, và phương diện quân Vô-rô-ne-giơ sử dụng lực lượng của hai tập đoàn quân 60 và 40 làm mũi đột kích chủ yếu.

Ngày 24 tháng Giêng, các tập đoàn quân trên đã bước vào tiến công và đến ngày 29 cùng tháng thì xác định được rằng tập đoàn quân 2 Đức đã bị thua đau: tuyến phòng ngự của chúng đã bị chọc thủng trên một số hướng, một số sư đoàn đã sa vào chiếc lòng chảo lớn ở Ca-xtô-rơ-nôi-ê, và một số sư đoàn khác rơi vào chiếc lòng chảo nhỏ ở những khu vực khác. Việc tiêu

diệt số quân địch bị bao vây đã diễn ra vô cùng căng thẳng và mãi đến giữa tháng Hai mới kết thúc. Chỉ một ít tàn quân của tập đoàn quân 2 Đức hung bạo một thời là tránh được số phận chung, thoát được khỏi vòng vây và vội vã rút chạy về phía Tây.

Kết quả của hai chiến dịch trong tháng Giêng này là mặt trận của quân địch bị suy yếu nặng trên một phạm vi đáng kể. Đến lúc đó, Đại bản doanh và Bộ tổng tham mưu đã nghĩ chín về việc tiếp tục tiến công. Chúng ta định lợi dụng tình trạng suy sụp mạnh này của địch trên tuyến Ca-xtô-rơ-nôi-ê Xta-rô-ben-xcơ để chớp nhoáng chiếm lại Cuốc-xcơ, Ben-gô-rốt, Khác-cốp và cả Đôn-bát vì nó rất cần thiết cho đất nước chúng ta.

Kết hợp với các chiến dịch của bộ đội các phương diện quân Nam và Bắc Cáp-ca-dơ ở hạ lưu sông Đôn và ở những vùng chân núi Cáp-ca-dơ, việc triển khai cuộc tiến công của phương diện quân Vô-rô-ne-giơ vào Cuốc-xcơ, Khác-cốp và của phương diện quân Tây – Nam ở Đôn-bát, theo ý kiến chung hồi đó, phải dẫn tới chỗ tiêu diệt được toàn bộ cánh phía Nam của quân địch. Trong chỉ thị của Đại bản doanh lúc đó có viết: “tình huống thuận lợi để bao vây và tiêu diệt từng phần các cụm quân địch ở Đôn-bát, Da-cáp-ca-dơ và Biển Đen đã đến”. Đồng thời đã mở ra những khả năng to lớn cả ở hướng trung tâm nữa: Bộ tổng tư lệnh tối cao có ý định đưa phương diện quân sông Đôn đến đây tham gia chiến đấu, sau khi đã hoàn thành việc thanh toán quân địch ở Xta-lin-grát.

Để các bạn trẻ ngày nay hiểu rõ hơn tiến trình chiến sự từ tháng Giêng đến tháng Ba 1943, tôi xin nhắc lại: hồi ấy Đại bản doanh đã đánh giá như thế nào về những kết quả đã đạt được. Đại bản doanh cho rằng: tại vùng Vôn-ga và vùng Đôn, ở Bắc Cáp-ca-dơ và Vô-rô-ne-giơ, trong khu vực Vê-li ki-ê Lu-ki và phía Nam hồ La-đô-ga, Quân đội Liên Xô đã đánh tan một trăm linh hai sư đoàn địch. Riêng số tù binh mà chúng ta bắt được đã tới hơn 200 nghìn binh lính và sĩ quan địch. Còn về chiến lợi phẩm, chỉ riêng số pháo đã là 13 nghìn khẩu. Đồng thời, hàng triệu đồng bào đã thoát khỏi ách nô dịch của bọn phát-xít và một vùng rộng lớn đất đai xô-viết thân yêu đã

được giải phóng khỏi nạn chiếm đóng. Bộ đội chúng ta đã tiến lên được khoảng 400 ki-lô-mét.

Dựa vào những số liệu hiển hách trên đây, đã được công bố trong nhật lệnh ngày 25 tháng Giêng 1943 của Tổng tư lệnh tối cao, Chúng ta có kết luận quan trọng nhất là: phòng ngự của địch đã bị phá vỡ trên một trận tuyến rộng, tạo nên nhiều nơi và nhiều đoạn trống trải chỉ do từng đội độc lập và từng nhóm chiến đấu yếm hạp; lực lượng dự bị của chúng đã bị kiệt quệ và chúng đã phải tung toàn lực vào chiến đấu một cách rời rạc trong hành tiến.

Lúc này, nhiều đồng chí tư lệnh phương diện quân và cả Đại bản doanh đã nhận định rằng cách xử lý của các đạo quân phát-xít Đức từ phía nam Vô-rô-ne-giơ đến Biển Đen là miễn cưỡng rút sang phía bên kia sông Đni-ép-rơ, nhằm cố thủ ở bờ Tây của cái vật chướng ngại nước quan trọng này, điều hiển nhiên ai cũng thừa nhận là quyền chủ động chúng ta đã giành được ở Xta-lin-grát vẫn đang được giữ vững và bây giờ địch không còn có khả năng giành lại chủ động được nữa. Hơn thế, các đồng chí còn cho rằng chưa chắc trong thời gian trước mắt, quân đội Đức đã có thể đánh những trận phản công đáng kể trên tả ngạn U-crai-na hoặc ở trung tâm trận tuyến chiến lược.

Từ chỗ đánh giá tình hình như vậy, chúng ta đã hạ quyết tâm: tiến công liên tục, không dừng lại, vì ta trùng trùng để mất thời gian chừng nào thì địch sẽ tranh thủ được thời gian chừng nấy, để bám chắc hơn trên những tuyến đang còn chiếm lĩnh được. Theo chỉ thị của Đại bản doanh, phương diện quân Vô-rô-ne-giơ đã kịp vạch kế hoạch đánh chiếm vùng công nghiệp Khác-cốp. Chiến dịch đó mang mật danh là “Ngôi sao”. Nửa đêm ngày 23 tháng Giêng, Xta-lin đã phê chuẩn chiến dịch này và đích thân đọc cho Bô-cốp ghi một chỉ lệnh thường thấy trong những trường hợp như vậy.

Giữa lúc đó, Gh. C. Giu-cốp từ phương diện quân Vô-rô-ne-giơ trở về Mát-xcơ-va. Căn cứ vào báo cáo của đồng chí ở Đại bản doanh. Bộ tổng tham mưu đã ước tính các khả năng đột kích trên một hướng khác – hướng Cuộc-xơ. Và ba hôm sau, ngày 26 tháng Giêng, phương diện quân Vô-rô-ne-giơ đã nhận thêm một nhiệm vụ nữa: dùng cánh phải tiến công vào

hướng chung Ca-xtô-rơ-nôi-ê, Cuốc-xơ, tiêu diệt quân địch đang chống cự và chiếm lại khu vực Cuốc-xơ

Đại bản doanh và Bộ tổng tham mưu cố nhiên đã hiểu rằng, một phương diện quân phải tiến công trên hai hướng chiến dịch là một việc không dễ. Có thể dự đoán trước là địch sẽ không chịu bỏ Cuốc-xơ và Khác-côp mà không chống cự lại quyết liệt. Song, tình huống đang thuận lợi cho chúng ta và nhiệm vụ vẫn được dễ như vậy.

Tiếp thay, những sự kiện sau này chứng tỏ rằng chúng ta đã đánh giá quá cao triển vọng trước mắt và chưa cân nhắc kỹ mọi chuyện.

Chiến dịch “Ngôi sao” được ấn định bắt đầu vào ngày 1 tháng Hai và tiến hành trên một chiều sâu gần 250 ki-lô-mét. Theo quan điểm của chúng tôi, để hoàn thành một nhiệm vụ như thế vào hồi ấy, bộ đội phương diện quân không những phải cố gắng nhiều hơn mà còn phải tiến hành chiến dịch với một đội hình có chiều sâu. Ấy thế mà khi tiến công, phương diện quân Vô-rô-ne-giơ đã đưa hết các tập đoàn quân của mình lên tuyến trước, nên hầu như không có lực lượng dự bị.

Cả ở phương diện quân Tây – Nam của Va-tu-tin cũng thấy có một tình hình tương tự. Cố nhiên là phát triển thắng lợi tránh những bất ngờ nào đó trong một tình thế như vậy, là vấn đề hết sức phức tạp làm cho Bộ tổng tham mưu phải hồi hộp lo lắng. Đại bản doanh đã được báo cáo về sự cần thiết phải chấn chỉnh lại việc xây dựng lực lượng dự bị, không những lực lượng dự bị chiến lược mà cả lực lượng dự bị chiến dịch nữa. Dựa vào triển vọng phát triển của các sự kiện, ta phải xây dựng những lực lượng dự bị đủ lớn, bao gồm mọi binh chủng, đặc biệt là xe tăng.

Đại bản doanh chấp thuận những ý kiến đề đạt của Bộ tổng tham mưu và đã dành cho công cuộc này một hình thức tổ chức cần thiết. Ngày 29 tháng Giêng 1943, Đại bản doanh gửi xuống các phương diện quân một chỉ lệnh như sau:

“1. Từ tháng Hai năm nay, lấy những sư đoàn và lữ đoàn bộ binh vào làm nhiệm vụ dự bị của các phương diện quân để họ chấn chỉnh, bổ sung, nghỉ ngơi và sau này bước vào chiến đấu và đồng thời rút những binh đoàn đã bị

suy yếu nhiều hơn cả vào làm nhiệm vụ dự bị, thay cho những sư đoàn và lữ đoàn trên.

2. Số lượng các sư đoàn và lữ đoàn bộ binh rút ra cùng một lúc và thời hạn chấn chỉnh bổ sung những binh đoàn ấy do các tư lệnh phương diện quân quyết định, căn cứ vào tình huống chiến dịch và sự tồn tại của các lực lượng dự trữ cần thiết để bổ sung cho các binh đoàn đã được rút ra ấy”

Trước đó một ngày. Hội đồng quốc phòng Nhà nước đã ra nghị quyết thành lập tập đoàn quân xe tăng 1 làm lực lượng dự bị của Bộ tổng tư lệnh tối cao. Rồi ngày 13 tháng Ba, đã thành lập phương diện quân Dự bị dưới quyền chỉ huy của tướng M. A. Rây-te.

Sau đó, công cuộc xây dựng và tăng cường các đội dự bị chiến lược và chiến dịch được tiến hành một cách có kế hoạch. việc thành lập các tập đoàn quân, binh đoàn và đơn vị dự bị, bao gồm cả xe tăng, cơ giới, pháo binh là một trong những điều kiện tất yếu để chúng ta giành được những thắng lợi lịch sử.

Nhưng, chúng ta hãy trở lại với những sự biến tại mặt trận Vô-rô-ne-giơ. Thoạt đầu, chiến dịch “Ngôi sao” đã phát triển cực kỳ thắng lợi. Tập đoàn quân 60 do tướng I. Đ. Tséc-ni-a-khốp-xki trẻ và cương nghị làm tư lệnh, ngày mùng 8 tháng Hai đã giải phóng Cuốc-xcơ. Đến lúc ấy, chủ lực của phương diện quân vừa đánh vừa tiến tới cửa ngõ vào Khác-cốp, đến đây, tập đoàn quân đã vấp phải sức kháng cự của quân đoàn xe tăng SS từ Tây Âu mới sang.

Trong quá trình tiến công, bộ đội của ta đã có tổn thất. Càng tiến xa. càng thiếu đạn dược và nhiên liệu nghiêm trọng, vì các cơ quan hậu cần còn rớt lại sau. Ngay không quân cũng không kịp chuyển những căn cứ sân bay theo sau các tập đoàn quân gồm nhiều binh chủng hợp thành.

Đến giữa tháng Hai, lúc bộ đội phương diện quân Vô-rô-ne-giơ tiến đến gần Khác-cốp, cuộc tiến công đã bị chậm lại. Nhưng, tư lệnh phương diện quân Ph. I. Gô-li-cốp hằng ngày vẫn báo cáo về Đại bản doanh là những binh lực lớn của địch đang rút về phía Tây. Cả phương diện quân Tây – Nam đang triển khai những hành động chiến đấu rộng lớn ở phía Nam Khác-cốp

chống lại cụm quân địch ở Đôn-bát, cùng đã gửi về những tin tức tương tự. N. Ph. Va-tu-tin cũng đánh giá tính chất hoạt động của địch là một sự bỏ chạy về phía bên kia sông Đni-ép-rơ.

Thực ra, bộ chỉ huy Đức không có ý định rút quân sang phía bên kia sông Đni-ép-rơ. Trong khi rút lui và phòng ngự, chúng đã chuẩn bị phản kích. Trận thất bại ở Cô-ten-ni-cô-vô chỉ buộc được chúng phải tạm thời từ bỏ những hoạt động tích cực trên một quy mô lớn. Địch vẫn chưa bỏ âm mưu phục thù cho trận Xta-lin-grát và hy vọng giành lại quyền chủ động chiến lược. Ngược lại, việc ta đánh cho chúng thất bại nặng ở những đồng cỏ vùng sông Đôn và tiêu diệt Cụm tập đoàn quân “B” ở Vô-rô-ne-giơ, cũng như những hậu quả nảy sinh từ tình hình ấy đã buộc các tướng lĩnh Hít-le phải có những biện pháp đặc biệt.

Vì không có đủ lực lượng dự bị ở hậu phương trực tiếp để triển khai hành động tiến công quy mô lớn, địch đã cố xây dựng những lực lượng xung kích bằng cách tập hợp lại và điều quân của chúng từ Tây Âu sang. Nhưng, làm như vậy cần có thời gian. Để tranh thủ thời gian, giữ vững Đôn-bát và bảo đảm có những tuyến xuất phát thuận lợi để phản công, bọn Đức đã chuyển sang phòng ngự bằng những trận địa tiền tiêu dọc theo Bắc Đô-ne-txơ và hạ lưu sông Đôn.

Chiến trường chính (các tướng lĩnh Hít-le gọi nơi tập trung những cố gắng phòng ngự lớn nhất của chúng như vậy) dựa vào sông Mi-u-xơ. Số quân Đức đổ bộ xuống tuyến này do tướng Man-stai-nơ chỉ huy đã nhập vào Cụm tập đoàn quân “Sông Đôn” (từ ngày 12 tháng Hai năm 1943, cụm tập đoàn quân này đổi tên thành Cụm tập đoàn quân “nam”).

Chủ lực quân địch ở vùng này là những lực lượng trước đây đã ở khu vực mặt trận Xta-lin-grát và một phần ở Bắc Cáp-ca-dơ. Đặc biệt, hai tập đoàn quân xe tăng Đức 1 và 4, quả đấm cơ động mạnh của bọn địch, cũng đã được đưa đến đây. Dưới quyền sử dụng của Man-stai-nơ còn có một số lớn máy bay, bố trí một cách thuận tiện trên các sân bay và hoàn toàn được bảo đảm về xăng dầu.

Việc Cụm tập đoàn quân “Sông Đôn” của địch chuyển sang phòng ngự cũng không được phát hiện kịp thời, sự vận động của các tung đội địch trong lúc tập kết lại vẫn bị coi là một sự bỏ chạy, là ý muốn tránh chiến đấu ở Đôn-bát, mau chóng rút sang hữu ngạn U-crai-na, như trước đây đã từng nhận định. Bộ tư lệnh phương diện quân Tây – Nam vẫn kiên trì quan điểm sai lầm này, mặc dầu đã có nhiều nhân tố buộc phải hết sức thận trọng.

Ý kiến cá nhân của N. Ph. Va-tu-tin được đánh giá cao trong Bộ tổng tham mưu, nên tất nhiên đã có ảnh hưởng lớn đến việc hình thành trong Bộ ý định chiến dịch của bộ đội Liên Xô ở Đôn-bát. Vì tất cả chúng tôi đều hiểu rõ Va-tu-tin và cũng không phải không có căn cứ mà chúng tôi coi đồng chí là một nhà đạo diễn lãng mạn có tài trong lĩnh vực quân sự, đồng chí có đầy nghị lực và đầy ý muốn làm việc hết sức mình.

Ngay bây giờ đây, tôi vẫn nhớ hồi mùa hè năm 1942, bấy giờ đồng chí còn là Phó tổng tham mưu trưởng phụ trách miền Viễn Đông, N. Ph. Va-tu-tin đã đêm đêm thức trắng say mê nghiên cứu trên bản đồ những hướng chiến dịch khác, vạch ra nhiều phương án tác chiến của bộ đội Liên Xô trên mặt trận Xô – Đức như thế nào. Chúng tôi đã vui vẻ tiếp thu các công trình nghiên cứu của đồng chí và sử dụng chúng, nếu có thể.

Một hôm có mặt tại Đại bản doanh, nơi đồng chí A. M. Va-xi-lép-xki đang báo cáo về việc cần thiết phải phân lập phương diện quân Bri-an-xơ, Va-tu-tin yêu cầu được phái xuống bộ đội tác chiến và chỉ huy một phương diện quân. Đề nghị của đồng chí được chuẩn y và ngày 14 tháng Bảy 1942, khi Vô-rô-ne-giơ đang đứng trước một tình huống rất phức tạp, Va-tu-tin đã đứng đầu phương diện quân Vô-rô-ne-giơ.

Ba tháng sau, đồng chí được bổ nhiệm làm tư lệnh phương diện quân Tây – Nam. Dưới sự lãnh đạo của đồng chí, bộ đội của phương diện quân này đã hiệp đồng với các phương diện quân Xta-lin-grát và Sông Đôn bao vây cụm xung kích của địch tại Vôn-ga. Sau đấy, đã đánh tan tác tập đoàn quân 8 của I-ta-li-a tại miền trung lưu sông Đôn, tiến tới phía Nam Khác-cốp và Bắc Đô-ne-txơ.

Lúc bộ đội chúng ta tiến tới khu vực Xta-rô-ben-xcơ, Li-xi-tran-xcơ, Vô-rô-si-lốp-grát, N. Ph. Va-tu-tin đã say mê với ý kiến lợi dụng tình thế uy hiếp địch ở Đôn-bát và chỗ yếu của khu vực Xta-rô-ben-xcơ trên chính diện quân địch. Đồng chí dự định tung tập đoàn cơ động mạnh của phương diện quân vượt qua Xta-rô-ben-xcơ vào hướng Ma-ri-u-pôn, cắt mọi đường rút lui của địch ra khỏi Đôn-bát, còn trên những hướng khác vẫn tiếp tục truy kích.

Va-tu-tin báo cáo ý kiến của mình lên Đại bản doanh và ngày 19 tháng Giêng, khi xác định được rằng cụm quân phát-xít Đức bị bao vây ở khu vực Rốt-xô-sơ nhất định sẽ bị tiêu diệt, Va-tu-tin được phép tiến hành chiến dịch tiến công ở Đôn-bát theo ý định của mình. Chiến dịch lấy tên là “Bước nhảy vọt”. Nhiệm vụ và những phương pháp thực hiện chiến dịch được diễn đạt như sau:

“Các tập đoàn quân của phương diện quân Tây – Nam giáng đòn đột kích chủ yếu từ chính diện Pô-crốp-xcôi-ê, Xta-rô-ben-xcơ tới chính diện Cra-ma-toóc-xcai-a, Ác-ti-ô-môp-xcơ và xa hơn nữa vào hướng Xta-li-nô Đô-ne-txơ-cơ, Vôn-nô-va-kha, Ma-ri-u-pôn, đồng thời mở một mũi đột kích mạnh khác từ khu vực Tây – Nam Ca-men-xcơ vào hướng Xta-li-nô, chia cắt toàn bộ tập đoàn quân địch đang đóng trên vùng Đôn-bát và trong khu vực Rô-xtốp, bao vây và tiêu diệt chúng, không cho chúng rút sang phía Tây và lấy đi bất kỳ một thứ tài sản nào”.

Kế hoạch dự định đến ngày tiến công thứ bảy sẽ tiến tới khu vực Ma-ri-u-pôn. Đồng thời còn quy định dùng những lực lượng dự bị cơ động của phương diện quân đánh chiếm lấy những bến chủ yếu của sông Đni-ép-rơ. Chiến dịch tiến hành phối hợp với phương diện quân Nam đang có nhiệm vụ tiến công dọc theo miền duyên hải A-dốp.

Ý định này xuất hiện trên sơ sở đánh giá không đúng hoạt động của địch, chỉ có bề ngoài phù hợp với tình huống hiện thực. Song lúc ấy, cả phương diện quân, cả Bộ tổng tham mưu, và cả Đại bản doanh đều tin chắc rằng mình đã đánh giá và tính toán đúng. Tất nhiên, đó là điều không thể tha thứ được, nhưng đó là sự thực. Những báo cáo chiến thắng từ các mặt trận gửi về đã làm cho Đại bản doanh và Bộ tổng tham mưu lơ là cảnh giác, mặc dầu

vì sự thật phải nói rằng chúng tôi cũng có một số nghi ngại và chúng tôi đã trình bày những nghi ngại ấy với Va-tu-tin, rồi sau đó đã báo cáo lên Tổng tư lệnh tối cao, lúc có mặt cả nguyên soái Gh. C. Giu-cốp. Song, báo cáo ấy quá chậm.

Tình trạng bộ đội của phương diện quân Tây – Nam còn lâu mới đáp ứng được những đòi hỏi của một chiến dịch quá phức tạp đến như vậy, mà kết quả phải là bao vây ở Đôn-bát một đạo quân địch còn lớn hơn cả đạo quân ở Xta-lin-grát. Thêm nữa, khi rút về Đôn-bát, quân địch đã xích lại gần những căn cứ hậu cần của chúng, còn phương diện quân Tây – Nam của chúng ta thì ngày càng rời xa căn cứ.

Ở một số nơi, bộ đội và các trạm tiếp tế cách xa nhau đến 300 ki-lô- mét. Vật tư phải chuyên chở lên phía trước bằng ô-tô vận tải nhưng ô-tô lúc này vốn đã ít lại bị hư hỏng nhiều. Chúng ta chỉ có 1.300 xe vận tải và 380 xe chở dầu, số xe này chỉ có thể chuyên chở 900 tấn nhiên liệu, trong khi ấy thì bộ đội lại cần tới những 2.000 tấn, ấy thế mà ngoài nhiên liệu ra, tiền tuyến còn cần cả đạn dược lẫn lương thực và cỏ khô cho ngựa.

Theo cách nhận định lúc đó thì chỉ có truy kích địch, nên cũng không xảy ra những cuộc điều quân bố trí lại: các tập đoàn quân tiếp tục hành động trong những dải tiến công cũ trong đội hình chiến dịch cũ, phần lớn là theo tuyến. Phương diện quân không có thế đội hai, chỉ có hai quân đoàn xe tăng làm lực lượng dự bị, tập trung ở phía sau sườn phải. Với không quân, tình hình cũng xấu: máy bay cất cánh ít, từ các sân bay ở rất xa. Trong tình hình như vậy, đột phá một tuyến phòng ngự quan trọng của địch đương nhiên là khó tránh khỏi bất lợi.

Để thọc sâu vào Ma-ri-u-pôn, ta đã xây dựng một tập đoàn cơ động do phó tư lệnh phương diện quân, trung tướng M. M. Pô-pốp, chỉ huy. Cơ quan tham mưu của tập đoàn được trang bị gấp điện đài các cỡ cùng những phương tiện chỉ huy khác. Tập đoàn này được thành lập ngày 27 tháng Giêng, và hai ngày sau thì chiến dịch bắt đầu.

Trong đội ngũ của tập đoàn cơ động có 4 quân đoàn xe tăng (các quân đoàn xe tăng cận vệ 3 và 4, các quân đoàn xe tăng 10 và 18) và ba sư đoàn

bộ binh (sư đoàn bộ binh cận vệ 57 và hai sư đoàn bộ binh 38 và 52). Tất cả có chừng 180 xe tăng, trung bình được bảo đảm một cơ số xăng dầu và một đến hai cơ số đạn dược. Còn trong các sư đoàn bộ binh, việc bảo đảm đạn dược và nhiên liệu có kém hơn. Tư lệnh phương diện quân hy vọng sẽ chấn chỉnh được tình hình ấy trong quá trình chiến dịch, song những hy vọng này không thực hiện được

Và điều phải xảy ra đã xảy ra thật, cái chiến dịch mà kế hoạch được vạch ra trên cơ sở đánh giá tình huống theo định kiến đã phát triển không thuận lợi. Tập đoàn cơ động trong thực tế lại tỏ ra kém cơ động. Các quân đoàn xe tăng chìm ngập trong tuyết, hành tiến theo những trục đường rời rạc, cách nhau khá xa nên đã bị máy bay địch khống chế trên không đột kích và bị quân mặt đất của chúng phản xung phong. Có lúc xe tăng phải ngừng tiến vì thiếu nhiên liệu.

Các tập đoàn quân binh chủng hợp thành cùng thu được một kết quả rất hạn chế, vì phải đương đầu với sự phòng ngự vững chắc và được chuẩn bị chu đáo của địch. Các chiến sĩ, sĩ quan và tướng lĩnh của ta đã thể hiện chủ nghĩa anh hùng cao cả nhưng như vậy vẫn không đủ. Trên nhiều hướng, một số sư đoàn và quân đoàn Liên Xô, sau khi thọc sâu được vào phòng tuyến địch, đã phải chiến đấu trong vòng vây.

Lâm vào tình hình này, đặc biệt có lẽ đoàn xe tăng cận vệ 9 và quân đoàn xe tăng cận vệ Can-tê-mi-rốp-ca 4. Ngày 11 tháng Hai, các đơn vị trên đã chiếm được đầu mối đường sắt và đường cái lớn quan trọng Cra-xnô-ác-mây-xcôi-ê, cắt đứt được tuyến giao thông của địch. Nhưng về phía địch, chúng đã cắt đứt liên lạc giữa các đơn vị trên với hậu tuyến và buộc các chiến sĩ xe tăng phải tiến hành chiến đấu trong điều kiện thiếu nhiên liệu, đạn dược và lương thực một cách trầm trọng.

Trong tất cả các tập đoàn quân của phương diện quân Tây – Nam, chỉ có tập đoàn quân 6 tiến công bên sườn phải ở phía Nam Khác-cốp là tiếp tục tiến quân được mà thôi. Sở dĩ như vậy là vì phương diện quân Vô-rô-ne-giơ đã đánh bại bọn Đức ở đây và cuối ngày 16 tháng Hai đã chiếm được Khác-cốp một cách chật vật.

Nhưng Va-tu-tin lại nghĩ khác. Đồng chí đánh giá quá cao những thắng lợi hạn chế của tập đoàn quân 6. Báo cáo của đồng chí gửi về Đại bản doanh vẫn thấm đượm lạc quan như trước, nhất là khi xe tăng chúng ta đã tiến tới gần Cra-xnô-ác-mây-xcôi-ê. Tư lệnh phương diện quân Tây – Nam cho rằng sức chống cự của địch sắp bị bẻ gãy hoàn toàn. Và cả Ph. I. Gô-li-cốp cũng mắc nhầm lẫn nghiêm trọng này. Và tình trạng ấy, đã từ các tư lệnh phương diện quân truyền lên Bộ tổng tham mưu, rồi từ Bộ tổng tham mưu sang Đại bản doanh.

Ở Mát-xcơ-va cũng cho rằng: nói chung những chiến dịch tiến công đã bắt đầu đang phát triển theo kế hoạch. Ngày mồng 8 tháng Hai, phương diện quân Tây – Nam nhận được chỉ thị: không cho địch rút về Đni-ép-rô-pê-tơ-rôp-xcơ, Da-pô-rô-giê, đuổi cụm quân địch đóng tại Đô-ne-txơ sang Crưm. Còn phương diện quân Vô-rô-ne-giơ, chưa tỏ ra đặc biệt băn khoăn về tình trạng hao quân của mình, đã nhận nhiệm vụ: phát triển tiến công bên sườn phải tới Lơ-gốp, Glu-khốp, Tséc-ni-gốp, còn bên sườn trái tới Pôn-ta-va, Crê-mên-trúc.

Chấp hành chỉ thị của Đại bản doanh, Va-tu-tin đã tung tập đoàn quân 6 và toàn bộ đội dự bị của mình – hai quân đoàn xe tăng cận vệ 25 và 1 – tới các bến sông Đni-ép-rơ. Ngày 1-19 tháng Hai, các đơn vị tiêu phong đã tới Đni-ép-rô-pê-tơ-rôp-xcơ và Da-pô-rô-giê, sẵn sàng vượt sông, nhưng đã không thể hoàn thành nhiệm vụ đến cùng vì không đủ nhiên liệu và chủ yếu là vì cuộc phản công của địch đã bắt đầu một cách bất ngờ vào ngày 19 tháng Hai đối với các đơn vị trên của ta.

Thật ra, trong trường hợp này, việc khẳng định tính bất ngờ không phản ánh đúng tình hình thực. Bộ tư lệnh phương diện quân Tây – Nam đã biết có thể phải xung đột với những lực lượng dự bị mạnh của địch trong khu vực Đni-ép-rô-pê-tơ-rôp-xcơ và thậm chí đã thông báo cho các cơ quan tham mưu cấp dưới biết tình hình đó, nhưng đã giải thích theo ý mình những tin tức mới về sức kháng cự đang mạnh lên của địch và những báo cáo của tập đoàn quân 6 về sự xuất hiện của những đơn vị mới của địch ở phía trước lập đoàn quân.

Ban lãnh đạo phương diện quân đã ghép mọi sự kiện trên vào trong khuôn khổ cái thuyết ưa thích của mình là quân đội phát-xít Đức đang rút chạy. Thậm chí ngày 21 tháng Hai, khi đã hoàn toàn rõ ràng là có cuộc tiến công của mấy sư đoàn SS, các đồng chí vẫn không bỏ thuyết ấy. Chỉ thị truyền đạt trong cùng ngày hôm đó cho M. M. Pô-pô – tư lệnh tập đoàn cơ động – có đoạn nói dứt khoát rằng: “địch đang bằng mọi cách vội vã rút quân của chúng từ Đôn-bát sang bên kia sông Đni-ép-rơ, tình huống này đòi hỏi phải hành động kiên quyết”.

Cho đến nay, vẫn tồn tại một điều khó hiểu: tại sao trong một thời gian dài như vậy, đồng chí Va-tu-tin, vốn là người rất thận trọng và luôn quan tâm thích đáng đến vấn đề trinh sát địch, lại không đánh giá được quy mô của mối nguy cơ xuất hiện trước phương diện quân. Chỉ có thể giải thích: sở dĩ như vậy là vì đồng chí đã quá tin rằng địch không còn khả năng thu thập lực lượng cho những hành động kiên quyết. Nhưng, thực ra còn rất lâu nữa mới có tình trạng ấy. Các tướng lĩnh Hít-le không có ý định nhường thắng lợi cho ta. Chúng đã làm mọi việc để giành lại quyền chủ động chiến lược đã mất ở Xta-lin-grát.

Bộ đội chúng ta đã bị chặn đứng lại bên sông Mi-út. Trong thời gian đó, địch đã tập kết được lực lượng của chúng ở phía Tây – Nam Khác-cốp, và đến ngày 19 tháng Hai đã tổ chức được hai lực lượng xung kích: một ở khu vực Cra-xnô-grát gồm các đơn vị SS trong đội ngũ các sư đoàn xe tăng “Đầu lâu”, “A-đôn-phơ Hít-le”, và của sư đoàn bộ binh mô-tô “Đế chế”; một ở phía Nam và Tây – Nam Cra-xnô-ác-mây-xcôi-ê, chủ yếu gồm các sư đoàn của tập đoàn quân 4 và một bộ phận của tập đoàn quân xe tăng 1.

Bị bảy sư đoàn xe tăng và bộ binh mô-tô của địch đột kích vào bên sườn và vào phía sau, tập đoàn quân 6 và tập đoàn của M. M. Pô-pô buộc phải vừa chiến đấu ác liệt vừa rút về phía Nam Khác-cốp và về Ba-rơ-ven-cô-vô rồi về bên kia Bắc Đô-ne-txơ. Đại bản doanh yêu cầu phương diện quân Vô-rô-ne-giơ chi viện cho phương diện quân bạn. Tập đoàn quân xe tăng 3 và tập đoàn quân binh chủng hợp thành 69 đã bị suy yếu rất nhiều, được lệnh quay xuồng phía Nam. Song, các tập đoàn quân trên cũng tỏ ra không thể

chống lại mũi đột kích lập trung của địch. Đến ngày 4 tháng Ba, địch lại một lần nữa tập kết được quân và bắt đầu đột kích sâu vào Khác-cốp, Ben-gô-rôt. Tình huống mỗi ngày một nghiêm trọng hơn và cuối cùng đã báo hiệu những chuyện không lành.

Cũng trong thời gian này, trên hướng trung tâm đã có những biến đổi quan trọng.

Cả Bộ tổng tham mưu lẫn Đại bản doanh đều quan tâm ngày càng nhiều đến khu vực trung tâm của mặt trận Xô – Đức ở đây chúng ta phải đương đầu với một đạo quân mạnh nhất trong các đạo quân của địch: Cụm tập đoàn quân “Trung tâm”. Chúng dựa vào những trận địa phòng ngự đã được chuẩn bị chu đáo, vẫn còn tiếp tục uy hiếp Mát-xcơ-va từ chỗ lồi Rơ-giép – Vi-a-dơ-ma ăn sâu về phía Đông, đây là nơi thuận lợi cả cho việc đột kích vào bộ đội ta ở phía Bắc Rơ-giép.

Kinh nghiệm vô số trận chiến đấu và nhiều chiến dịch lẻ không thắng lợi của phương diện quân Tây chỉ ra rằng bọn Đức sẽ giữ vững chỗ lồi này và muốn thủ tiêu nó thì phải tổ chức một chiến dịch lớn có dùng lực lượng của một số phương diện quân.

Chỗ lồi thứ hai, cái gọi là chỗ lồi Ô-ri-ôn, cũng gặp trở ngại. Bọn Đức giữ chỗ này cũng vững.

Trong một thời gian dài, Bộ tổng tham mưu đã mất khả năng đề ra một giải pháp triệt để cho hai chỗ lồi này. Muốn đột phá chính diện vào tuyến phòng ngự vững chắc này của địch đòi hỏi phải có rất nhiều lực lượng và phương tiện. Nhưng cùng với việc tiêu diệt được địch ở Vô-rô-ne-giơ và Cuốc-xcơ tình hình đã thực sự thay đổi.

Ở phía Bắc Cuốc-xcơ, địch bị hở sườn trên một quãng dài, trước đây do Cụm tập đoàn quân “B” đảm bảo. Từ khi cụm tập đoàn quân này không còn tồn tại nữa thì bộ đội Liên Xô rõ ràng có thể đánh chiếm phía sườn và tiến đến phía sau cụm Ô-ri-ôn và Bri-an- xcơ của bọn Đức và nếu các sự kiện phát triển thuận lợi thì tiến đến đường giao thông của Cụm tập đoàn quân

“Trung tâm” ở một nơi nào đó trong khu vực Xmô-len-xcơ, Vi-tép-xcơ – Oóc sa.

Chỉ có thể thực hiện một nhiệm vụ chiến dịch – chiến lược to lớn như vậy bằng cách sau đây: thoát đầu, đánh tan quân địch ở khu vực Ô-ri-ôn và sau đấy dựa vào những tuyến đã chiếm được, phát triển đột kích vào bên trong. Đã có sẵn những lực lượng cần thiết cho giai đoạn đầu: bộ đội của các phương diện quân Tây, Bri-an-xcơ và Vô-rô-ne-giơ. Nhưng để tiếp tục hành động nữa thì phải có nhiều lực lượng dự bị, mà lúc bấy giờ lại chưa sẵn có. Mãi đến ngày 2 tháng Hai, quân địch ở Vôn-ga mới chịu đầu hàng và ta mới có khả năng hiện thực để hoàn toàn tung phương diện quân Sông Đôn vào hướng trung tâm.

Ngày 5 tháng Hai 1943, phương diện quân Trung tâm được thành lập. Cục dã chiến của phương diện quân Sông Đôn được đổi tên thành cục dã chiến phương diện quân Trung tâm. C. C. Rô-cô-xốp-xki được cử làm tư lệnh. Đêm 5 rạng ngày 6 tháng Hai, Đại bản doanh giao cho C. C. Rô-cô-xốp-xki nhiệm vụ chuyển căn cứ sang khu vực Bắc Cuốc-xcơ triển khai bộ đội của mình giữa hai phương diện quân Bri-an-xcơ và Vô-rô-ne-giơ, và từ ngày 15 tháng Hai sẽ tiến công vào các hướng Rô-xláp, Xmô-len-xcơ.

Theo ý định chiến dịch do đồng chí X. I. Tê-te-skin, cục phó Cục tác chiến Bộ tổng tham mưu – dự thảo, thì đến lúc đó các phương diện quân Tây và Bri-an-xcơ đã phải chọc thủng tuyến phòng ngự của Cụm tập đoàn quân “Trung tâm”. Dựa vào thắng lợi của phương diện quân trên, bộ đội của C. C. Rô-cô-xốp-xki phải vọt lên phía trước, chiếm lấy Rô-xláp, Xmô-len-xcơ và dùng một phần lực lượng chiếm Oóc-sa, đẩy địch vào một tình huống gần như là bị bao vây. Và, để phương diện quân Trung tâm có thể làm tròn được nhiệm vụ này, đã chuyển thuộc cho nó tập đoàn quân xe tăng 2 và mấy binh đoàn kỵ binh.

I. V. Xta-lin đã đích thân kiểm tra việc chuẩn bị chiến dịch. Và, lúc tư lệnh phương diện quân Bri-an-xcơ chỉ mới đả động đến chuyện hoãn việc mở đầu hành động chiến đấu lại một ngày, đồng chí Tổng tư lệnh tối cao đã phê phán nghiêm khắc ngay.

Đối với Rô-cô-xốp-xki, đồng chí lại tỏ ra dụi dàng hơn. Có lẽ vì chính đồng chí đã thấy rõ việc chuyển quân từ Xta-lin-grát tới đây sẽ gặp những khó khăn gì. Đường sắt rõ ràng đã làm cho Rô-cô-xốp-xki lúng túng và đồng chí đã đề nghị Đại bản doanh hoãn ngày bắt đầu tiến công của phương diện quân Trung tâm từ ngày 15 đến ngày 24 tháng Hai. Đại bản doanh đồng ý.

Trong khi ấy, số ngày quý báu không phải đã mất đi một cách vô ích. Địch đã rút nhiều sư đoàn khỏi chỗ lồi Rơ-giép – Vi-a-dơ-ma (lúc đó ta chưa tiến công) và khẩn cấp điều chúng tới Ô-ri-ôn và Bri-an-xcơ. Chúng còn điều nhiều lực lượng từ Tây Âu đến đây nữa.

Nhưng, sau khi địch đã rút đến 16 sư đoàn ra khỏi Vi-a-dơ-ma và Rơ-giép thì bộ chỉ huy Cụm tập đoàn quân “Trung tâm” dù muốn hay không cũng buộc phải từ bỏ việc tiếp tục cố thủ cái bàn đạp quan trọng này. Ngày 2 tháng Ba, địch bắt đầu bỏ nhiều trận địa ở Rơ-giép – Vi-a-dơ-ma. Bộ đội của các phương diện quân Tây và Ca-li-nin liền chuyển sang truy kích và trong vòng 20 ngày đã tiến được 150 ki lô mét, bắt được một số lớn tù binh, thu được rất nhiều chiến lợi phẩm. Nhưng sau đó, ngày 22 tháng Ba, đã bị địch chặn lại trên tuyến Rip-se-vô, Xa-phô-nô-vô, Mi-li-a-chi-nô.

Cũng trong thời gian này, phương diện quân Bri-an-xcơ đang tiến công ác liệt ở Ô-ri-ôn. Phương diện quân chỉ đẩy lùi địch được vài cây số. Cuối cùng, phương diện quân Trung tâm đã tập trung bộ đội xong, và ngày 26 tháng Hai bắt đầu tiến công trên hướng Bri-an-xcơ. Và đúng như ta đoán trước, địch đã đề kháng một cách ngoan cố và có tổ chức. Tập đoàn quân binh chủng hợp thành 65 và tập đoàn quân xe tăng 2 đã giành được một kết quả hạn chế.

Thế nhưng tập đoàn kỵ binh-bộ binh, tiến công bên sườn trái của phương diện quân theo hướng Xta-rô-đúp, Nô-vô-dúp-cốp, Mô-ghi-li-ốp, đã tiến lên được 100-120 ki-lô-mét, xốc tới gần Ê-xna ở phía Bắc Nốp-gô-rốt – Xe-véc-xki và tạo nên mối uy hiếp thực sự cho đường giao thông của Cụm tập đoàn quân “Trung tâm”. Đáng tiếc là những đơn vị ấy đã chẳng có gì cả để phát triển và củng cố thắng lợi đó.

Kỵ binh Liên Xô đã đột phá với một khí thế dũng mãnh vốn có và đã làm cho quân địch hoảng sợ. Chúng đã điều chín sư đoàn ra chống đỡ với tập đoàn kỵ binh-bộ binh của ta, lúc ấy chỉ có hai sư đoàn kỵ binh và ba lữ đoàn trượt tuyết. Những trận đánh diễn ra khốc liệt, rốt cuộc đến ngày 20 tháng Ba, kỵ binh và các đơn vị trượt tuyết của ta đã bị đẩy lùi về khu vực Xép-xơ, và ngày 21 tháng Ba, toàn bộ phương diện quân Trung tâm chuyển sang phòng ngự dọc theo tuyến Mơ-xen-xơ, Nô-vô-xin, Xép-xơ, Rưn-xơ, tạo nên mặt chính diện phía Bắc của vòng cung Cuốc-xơ

Như vậy là ta chưa thực hiện được hy vọng tiêu diệt Cụm tập đoàn quân “Trung tâm” của địch. Song, do kết quả hành động của ta, địch đã bị tổn thất lớn và chịu mất một vùng đất đai khá rộng. Chúng ta đã thu hẹp mặt trận lại được gần 300 ki-lô-mét. Nhưng quân đội phát-xít Đức vẫn giữ được lợi thế ở Ô-ri-ôn.

Còn tình hình trong các dải tiến công của hai phương diện quân Tây – Nam và Vô-rô-ne-giơ ra sao?

Tập đoàn quân xe tăng 3 và tập đoàn quân 69 của ta hoạt động ở khu vực Khác-cốp đã bị kiệt sức trong các trận chiến đấu liên tục và không thể đánh lui những mũi đột kích của các sư đoàn xe tăng SS, trong đó lần đầu tiên xuất hiện nhiều tiểu đoàn xe tăng kiểu mới mang tên “xe tăng cạp”. Trong những trận chiến đấu không cân sức, bộ đội xe tăng của ta đã phải chịu nhiều tổn thất mới và ngày 16 tháng Ba buộc phải bỏ Khác-cốp. Địch vọt tiến ra đường cái Bê-n-gô-rốt và lao sang phía Bắc.

Cùng với việc quân Đức xâm nhập vào khu vực Bê-n-gô-rốt, tình thế của phương diện quân Vô-rô-ne-giơ lại càng khó khăn hơn và đã xuất hiện nguy cơ quân địch sẽ tiến vào tuyến sau của phương diện quân Trung tâm. Để ngăn ngừa những tai họa mới, ta đã phải áp dụng nhiều biện pháp khẩn cấp.

Ngay từ ngày 13 tháng Ba, tập đoàn quân 21 đã được rút khỏi phương diện quân Trung tâm và tiến ra chặn địch. Tập đoàn quân này phải chặn con đường cái chính Ô-bô-i-an và yểm hộ mặt Nam hướng tiến về Cuốc-xơ, đồng thời phải bảo đảm cho tập đoàn quân xe tăng 1 của chúng ta tập trung được ở phía Đông – Nam Cuốc-xơ, để rồi cùng đánh tan đoàn quân địch

đang tiến lên phía Bắc. Ngày 20 tháng Ba, tập đoàn quân 21 đã chiếm lĩnh xong tuyến đã định. Nhưng quân địch đã đóng ở Bên-gô-rốt. Chúng đã hoàn toàn chiếm lĩnh được thành phố này trước chiều ngày 18 tháng Ba.

Trong những ngày diễn biến gay gắt nhất của các sự kiện này lại phương diện quân Vô-rô-ne-giơ, chúng ta không thể lập ra một bức tranh khách quan theo các báo cáo của Ph. I. Gô-li-cốp được. Đại bản doanh đã phái các đại diện của mình là Gh. C. Giu-cốp và A. M. Va-xi-lép-xki tới đây để xác định đúng tình hình hai bên, nhận định xu hướng phát triển của các sự kiện và áp dụng tại chỗ mọi biện pháp cần thiết nhằm không để cho địch giành thêm được những thắng lợi mới nữa.

Suốt ngày 19 tháng Ba, các đại diện của Đại bản doanh đã ra tuyến giáp sát địch ở phía Bắc Ta-ma-rốp-ca. Các đồng chí không những đã phát hiện, mà còn sửa chữa được một phần những thiếu sót nghiêm trọng trong công tác chỉ huy bộ đội. Các đồng chí đã ra lệnh cho cơ quan tham mưu phương diện quân chuyển vị trí về khu vực Ô-bô-ri-an và chủ yếu là đã giúp phương diện quân rút ra được kết luận đúng đắn về những âm mưu tiếp sau của quân địch. Theo ý kiến của Gh. C. Giu-cốp và A. M. Va-xi-lép-xki báo cáo ngay trong đêm ấy lên Tổng tư lệnh tối cao thì trên hướng Bên-gô-rốt, Cuốc-xcơ chắc sẽ có đợt tiến công mới của một trong những tập đoàn xung kích mạnh nhất của quân đội phát-xít Đức với một số lượng xe tăng lớn.

Các đại diện Đại bản doanh còn nghiên cứu cả tình huống trên một hướng nguy kịch khác: vùng tiếp giáp giữa hai phương diện quân Tây và Trung tâm. Ở đây cũng thấy có nhiều cơ sở để lo ngại thật sự. Vấn đề là ở chỗ: trước đó ít lâu ta đã giải thể phương diện quân Bri-an-xcơ nhằm tập trung được quyền chỉ huy các đơn vị đang chiến đấu chống cụm quân địch đóng tại Ô-ri-ôn.

Ngay khi xuất hiện những tình huống phức tạp mới và chúng ta buộc phải chuyển từ hoạt động tiến công sang phòng ngự, chúng ta đã xác định được là phải giữ thật vững hướng Ô-ri-ôn, Tu-la. Nhưng vì hướng này lại ở cách xa hai bên sườn cả của phương diện quân Tây lẫn của phương diện quân Trung tâm, nên cả V. Đ. Xô-cô-lốp-xki, cả C. C. Rô-cô-xốp-xki đều không thể

quan tâm thích đáng tới nó. Các đại diện Đại bản doanh thấy cần khôi phục lại trên hướng này một phương diện quân độc lập Các đồng chí đề nghị cử Ph. I. Gô-li-cốp làm tư lệnh và đưa N. Ph. Va-tu-tin trở về phương diện quân Vô-rô-ne-giơ thay Gô-li-cốp.

Lúc đầu, phương diện quân mới mang tên là phương diện quân Cuốc-xcơ. Nhưng đến ngày 27 tháng Ba, nó lại đổi tên là phương diện quân Ô-ri-ôn, rồi sau này lại trở về với tên cũ – phương diện quân Bri-an-xcơ. Đó không phải là một sự đổi tên đơn giản, ở đây phản ánh một sự dao động nào đó trong việc đánh giá tình huống và xác định hành động sắp tới của địch: từ Ô-ri-ôn, chúng sẽ đột kích vào phía Đông hay vào Cuốc-xcơ để hợp điểm với mũi đột kích từ Ben-gô-rôt lên?

Việc điều trước quân tới hướng đã định tùy thuộc vào tình hình trên. Việc điều tập đoàn quân 21 tới Ô-bô-i-an, việc tập trung tập đoàn quân xe tăng 1 ở Đông – Nam Cuốc-xcơ, việc điều động bố trí lại nhiều đơn vị khác, sau nữa, việc củng cố ban lãnh đạo phương diện quân Vô-rô-ne-giơ và sự giúp đỡ thiết thực tại chỗ của hai đại diện đầy kinh nghiệm của Đại bản doanh như Gh. C. Giu-cốp và A. M. Va-xi-lép-xki, tất cả những việc đó rốt cuộc đã cho phép ta thoát đầu ngăn chặn và đến ngày 27 tháng Ba thì hoàn toàn chặn đứng được quân địch trên tuyến Ga-pô-nô-vô, Tơ-rê-phi-lốp-ca, Bên-gô-rôt, Vôn-tran-xcơ. Thế là hình thành mặt chính diện phía Nam của vòng cung Cuốc-xcơ.

Trong chiến cục mùa đông năm 1942-1943, mặc dầu có một số tính toán nhầm lẫn và không thực hiện được như mong muốn, các Lực lượng vũ trang Liên Xô đã giành được những thắng lợi cực kỳ lớn. ở Xta-lin-grát, chúng ta đã hoàn thành tiêu diệt một đạo quân 330 ngàn người bị bao vây của Pao-lút. Những đoàn quân do I-ta-li-a, đồng minh của Hit-le, phái tới mặt trận phía Đông đã bị đánh tan tành. Và bọn chư hầu khác của nước Đức phát-xít cũng đã phải chịu thất bại nghiêm trọng.

Mùa đông này còn được đánh dấu bằng trận phá vây Lê-nin-grát và việc thành phố anh hùng này xây dựng được mối liên lạc với đất Lớn trên đất

liền. Địch bị đánh bật ra khỏi Đê-mi-an-xcơ, Vi-a-dơ-ma và Rơ-giép và bị đẩy lùi xa trên sườn phía Nam. Bộ đội Liên Xô đã giải phóng được 480.000 ki-lô-mét vuông của đất nước thân yêu khỏi ách chiếm đóng của Đức và tại một số khu vực đã tiến lên được đến 600-700 ki-lô-mét.

Như sau này chính quân địch đã tự thú nhận: riêng một mình Đức đã mất trong mùa đông này ở nước Nga gần 1.200.000 binh lính và sĩ quan và nếu tính cả các quân đội chư hầu thì tổn thất của địch lên tới 1.700.000 người và thiệt hại của chúng về mặt binh khí kỹ thuật cũng đã được tính bằng những con số rất lớn: 24.000 khẩu pháo, 3.500 xe tăng, 4.300 máy bay.

Có lẽ những thắng lợi của chúng ta sẽ còn lớn hơn nữa nếu không bị những bất lợi đã nói ở trên. Nguyên nhân của những bất lợi ấy là ở đâu? Tôi nghĩ rằng, trên cơ sở những thắng lợi to lớn mà bộ đội ta đã giành được ở Mát-xcơ-va và Xta-lin-grát, một số đồng chí chỉ huy quân sự, kể cả ở Đại bản doanh lẫn ở Bộ tổng tham mưu, rõ ràng đã đánh giá thấp những khả năng của địch, điều đó đã có ảnh hưởng tiêu cực đối với việc chuẩn bị một số chiến dịch và đã đưa đến chủ trương tiến công không xác đáng tới Đni-ép-rô-pê-tơ-rốp-xcơ và Ma-ri-u-pôn trên hướng Khác-cốp. Rõ ràng, nếu chín chắn hơn thì ngay trong tháng Giêng, ta đã phải hoãn cuộc tiến công của hai phương diện quân Vô-rô-ne-giơ và Tây – Nam, tạm thời chuyển sang phòng ngự, nối dài thêm hậu tuyến, bổ sung người đầy đủ cho các sư đoàn và lập những kho dự trữ vật tư cần thiết.

Giai đoạn kết thúc tiến công của hai phương diện quân trên trong mùa đông năm 1943 có đặc điểm là lực lượng ta hoạt động phân tán. Thực tế, ta đã không có những tập đoàn đột kích mạnh trên những hướng chủ yếu.

Cuối cùng, trinh sát đã làm cho ta rất lúng túng và chúng ta đã mắc sai lầm tai hại trong khi xác định ý đồ của địch.

Theo tôi nghĩ, đó là những nguyên nhân chủ yếu khiến chúng ta đã bị bất lợi và không thực hiện được một số điều mong muốn trong mùa đông năm 1943. Nhưng dầu sao tôi cũng vẫn nhấn mạnh một lần nữa: nói chung, chúng ta đã thắng lợi trong chiến cục mùa đông. Quân đội Liên Xô đã phát triển được sức tiến công của mình.

7. Việc và người ở Bộ tổng tham mưu

Từ “khẩn trương cùng làm” đến tính kế hoạch. – A. M. Va-xi-lép-xki và A. I. An-tô-nốp. – Các bạn cộng sự của tôi. – Hạt nhân công tác của Cục tác chiến. – Chu trình làm việc trong ngày. – Báo cáo buổi sáng lên Tổng tư lệnh tối cao. – Báo cáo buổi tối. – Những lần đêm hôm lên Đại bản doanh. – Đoàn sĩ quan Bộ tổng tham mưu. – Về những người đứng đầu cơ quan tham mưu các phương diện quân.

Trong những trang sách viết trên đây, tôi đã đứng trên vị trí một cán bộ của Bộ tổng tham mưu để xem xét một số sự kiện chiến tranh. Nhưng, hầu như tôi chưa đề cập đến cuộc sống nội bộ của chính Bộ tổng tham mưu và mới chỉ nói lướt qua về các nhân vật trong Bộ tổng tham mưu. Ấy thế mà đây lại là một đề mục nghiên cứu rất lý thú.

Bây giờ tôi muốn kể lại: chúng tôi đã sống và làm việc như thế nào trong những năm chiến tranh và chủ yếu là nhắc nhở đến những đồng chí và bạn cộng sự thân thiết của tôi, những người đã đảm đương toàn bộ gánh nặng của một công tác nhiều mặt trong Bộ tổng tham mưu thời chiến.

Như đã nêu lên ở trên, ngay từ ngày đầu chiến tranh, chúng tôi đã phát hiện thấy tình trạng không hoàn chỉnh của cơ cấu Bộ tổng tham mưu. Có cái thừa hoàn toàn không cần thiết, còn cái cực kỳ cần thiết thì lại hoàn toàn chưa có. Chiến tranh đã sắp xếp mọi thứ vào đúng vị trí của nó: cái không cần thiết thì bị vứt bỏ đi, còn cái cần thiết thì được xây dựng nên.

Đến khoảng nửa cuối năm 1942, những hình thức tổ chức của Bộ tổng tham mưu mới phù hợp được với nội dung công tác của Bộ. Và, cũng đến thời gian này, biên chế Bộ tổng tham mưu mới được ổn định. Tình trạng “khẩn trương cùng làm” đã lùi về quá khứ. Chúng tôi đã xây dựng được tính kế hoạch, cho phép đi sâu nghiên cứu tình huống và các nhiệm vụ, xuất phát từ đó tính toán mọi việc theo thời gian và không gian, có lập luận thỏa đáng cho từng biện pháp và bất kỳ giả định tác chiến nào. Bộ tổng tham mưu là cơ quan công tác của Đại bản doanh và chỉ thuộc quyền Tổng tư lệnh tối cao.

Hoạt động của Đại bản doanh, và do đó cả của Bộ tổng tham mưu nữa, đã mang tính chất rất khẩn trương và không chỉ bó hẹp trong bốn bức tường, ở đây luôn luôn cảm thấy nhịp đập của quân đội tác chiến. Chúng tôi gắn bó với quân đội không phải chỉ bằng sợi dây nhỏ của điện báo hay điện thoại. Chúng tôi không ngừng có những mối quan hệ sinh động, mối tiếp xúc trực tiếp với bộ đội, với các cơ quan tham mưu và bộ tư lệnh các phương diện quân.

Sau khi giải thể các bộ tổng tư lệnh Khu vực mặt trận thì nhu cầu phải có mối liên hệ sinh động giữa Đại bản doanh và Bộ tổng tham mưu với các phương diện quân ngày một tăng lên. Việc phối hợp những hành động chiến đấu của các phương diện quân, việc kiểm tra sự chấp hành những chỉ lệnh của Bộ tổng tư lệnh tối cao, việc giúp đỡ các phương diện quân lập kế hoạch, chuẩn bị và thực hiện những chiến dịch có những mục đích quyết định – tất cả những công việc ấy đòi hỏi phải cử những người có trọng trách, có khả năng độc lập đề ra những quyết định quan trọng và ra những chỉ thị phù hợp xuống các đơn vị một cách có hệ thống. Chính lúc ấy đã xuất hiện chế độ đại diện của Đại bản doanh mà bạn đọc đã biết.

Phó tổng tư lệnh tối cao Gh. C. Giu-cốp và tổng tham mưu trưởng A. M. Va-xi-lép-xki đã xuống các đơn vị làm đại diện của Đại bản doanh nhiều lần hơn cả. Sau này, vài người trong số các tư lệnh phương diện quân đã khẳng định rằng việc Giu-cốp và Va-xi-lép-xki thường xuyên có mặt ở bên cạnh họ đã có ảnh hưởng tiêu cực tới việc lãnh đạo bộ đội. Trong lời phê phán này (chủ yếu là sau chiến tranh), có thể có một phần nào sự thật. Nhưng nói chung, chúng tôi nghĩ rằng hoạt động của các đại diện Đại bản doanh đã tỏ ra là đúng đắn.

Tình hình đòi hỏi phải có mặt ngay tại các phương diện quân những người có kinh nghiệm và quyền hạn, có thể nhanh chóng giải quyết được những vấn đề quan trọng nhất: những vấn đề này thường vượt ra ngoài phạm vi thẩm quyền của tư lệnh phương diện quân. Sở dĩ Gh. C. Giu-cốp công tác dài ngày và trực tiếp tại đơn vị bộ đội đang tác chiến trên những hướng chủ yếu, trước hết vì đồng chí có cương vị là phó tổng tư lệnh tối cao.

Còn về phần A. M. Va-xi-lép-xki thì tất nhiên nên ở lại Bộ tổng tham mưu nhiều hơn. Nhưng Tổng tư lệnh tối cao không hỏi ý kiến ai về vấn đề này cả. Có lẽ coi tình hình đó là bình thường, nên ngay trong cuộc gặp gỡ đầu tiên với Va-xi-lép-xki và Giu-cốp vừa mới ở các phương diện quân trở về, I. V. Xta-lin đã hỏi xem các đồng chí này định bao lâu sau lại ra tiền tuyến lần nữa.

Công tác của Bộ tổng tham mưu không bao giờ nhẹ nhàng cả, nhất là trong thời chiến. Chiếm vị trí chủ yếu trong công tác này tất nhiên là việc thu thập và đánh giá những tin tức tình báo và tình huống đang diễn biến trên các mặt trận, nghiên cứu và đề xuất những đề nghị thiết thực, thảo chỉ thị, mệnh lệnh, ý định và kế hoạch những chiến dịch sắp tới, lập kế hoạch, bảo đảm cung cấp vũ khí, đạn dược và các phương tiện vật chất khác cho các phương diện quân, xây dựng các đội dự bị. Tất cả những công việc ấy rất phức tạp và không phải lúc nào cũng được thực hiện đúng như mong muốn.

I. V. Xta-lin quy định chế độ làm việc trong một ngày đêm của Bộ tổng tham mưu và đích thân điều chỉnh thời gian làm việc của đội ngũ cán bộ lãnh đạo Bộ tổng tham mưu. Ví dụ như: Phó tổng tham mưu trưởng (từ tháng Chạp 1942, đồng chí A. I. An-tô-nốp giữ cương vị này) được yêu cầu dành 17- 18 giờ trong một ngày đêm để thực hiện các nhiệm vụ công tác của mình. Số thời gian nghỉ ngơi của đồng chí là từ 5-6 giờ sáng đến 12 giờ trưa. Còn tôi (từ tháng Năm 1943, giữ chức vụ cục trưởng Cục tác chiến) được phép nghỉ từ 14 đến 18-19 giờ chiều. Thời gian biểu làm việc và nghỉ ngơi của những đồng chí cán bộ lãnh đạo khác cũng được quy định chính xác như vậy.

Theo lệ thường, trong một ngày đêm phải ba lần báo cáo lên Tổng tư lệnh tối cao. Báo cáo lần đầu vào lúc 10-11 giờ trưa, thường bằng dây nói. Đó là nhiệm vụ của tôi. Đến chiều, vào 16- 17 giờ, đồng chí Phó tổng tham mưu trưởng báo cáo. Đến đêm, chúng tôi cùng tới Đại bản doanh với báo cáo tổng hợp tình hình trong ngày. Trước khi đi báo cáo, mọi tình huống đều được chuẩn bị trên những bản đồ 1:200000 cho từng phương diện quân,

trong đó ghi rõ tình hình bộ đội chúng ta đến cấp sư đoàn, có trường hợp tới cấp trung đoàn.

Dù có biết tường tận việc gì đã xảy ra ở đâu trong ngày, trước khi đi báo cáo chừng 2-3 giờ, bao giờ chúng tôi cũng cẩn thận tìm cách quán triệt kỹ tình huống, liên lạc với các tư lệnh và tham mưu trưởng phương diện quân, cùng các đồng chí đó chuẩn xác những chi tiết cá biệt của những chiến dịch đang tiến hành hoặc còn nằm trong kế hoạch, tham khảo ý kiến các đồng chí ấy, và thông qua các đồng chí ấy để kiểm tra tính đúng đắn của những dự án của mình, nghiên cứu các yêu cầu và đề nghị của các phương diện quân, và đến giờ chót thì biên tập lại các dự thảo chỉ thị, mệnh lệnh của Đại bản doanh để xin chữ ký Tổng tư lệnh tối cao.

Mọi tài liệu đòi hỏi phải có quyết định của Tổng tư lệnh tối cao đã được phân loại trước và xếp vào ba cặp hồ sơ khác màu nhau. Cặp hồ sơ đỏ đựng những văn kiện có tầm quan trọng hàng đầu, cần được báo cáo trước hết; những văn kiện ấy chủ yếu là những mệnh lệnh, chỉ thị, kế hoạch phân phối vũ khí cho bộ đội đang tác chiến và cho các đội dự bị. Cặp hồ sơ xanh sẫm đựng những giấy tờ có tầm quan trọng vào hàng thứ hai, thường là những yêu cầu, đề nghị các loại. Còn cặp hồ sơ thứ ba màu xanh lá cây là những đề nghị thăng cấp và khen thưởng, những đề nghị và mệnh lệnh điều động và bổ nhiệm những cán bộ giữ các trọng trách.

Những văn kiện trong cặp hồ sơ đỏ nhất thiết phải được báo cáo thật đầy đủ và giải quyết ngay tại chỗ. Còn những tài liệu trong cặp hồ sơ xanh sẫm thì giải quyết có chọn lọc “tùy theo khả năng”, nhưng làm hàng ngày, theo lệ thường. Cặp hồ sơ xanh lá cây chỉ được báo cáo khi có hoàn cảnh thuận tiện. Đôi khi, chúng tôi không có dịp mở đến hồ sơ này trong 3-4 ngày liền. Chúng tôi cố gắng xác định đúng tình thế cho phép báo cáo vấn đề này hay vấn đề khác và hầu như chưa khi nào phạm sai lầm. Chẳng bao lâu, Xta-lin đã khám phá ra cái trò không lấy gì làm lấu lỉnh của chúng tôi. Nên có lúc đồng chí báo trước:

- Hôm nay chúng ta chỉ xem xét những tài liệu quan trọng.

Và lần khác đồng chí nói:

- Nào, bây giờ các đồng chí cho xem hồ sơ xanh lá cây chứ.

Để cho được công bằng, tôi phải nêu lên rằng I. V. Xta-lin đã đánh giá rất cao cán bộ thuộc Bộ tổng tham mưu và đã cử họ vào những cương vị có trách nhiệm nặng nề trong quân đội đang tác chiến. Ngay trong những tháng đầu chiến tranh, Tổng tham mưu trưởng, hồi đó là Gh. C. Giu-cốp, đã ra chỉ huy phương diện quân. Phó tổng tham mưu trưởng N. Ph. Va-tu-tin đi làm tham mưu trưởng và sau đó đã làm tư lệnh phương diện quân. Các cục trưởng và cục phó Gh. C. Ma-lan-đin và A. Ph. A-ni-xốp, các trưởng ban V. V. Cu-ra-xốp, M. N. Sa-rô-khin, P. I. Cô-cô-rép, Ph. I. Sép-tsen-cô và nhiều đồng chí khác đã được bổ nhiệm làm tham mưu trưởng phương diện quân, tập đoàn quân và sau này một số các đồng chí ấy đã thành công trong việc chỉ huy các tập đoàn quân. Cũng có đồng chí, như V. Đ. Các-pu-khin, đã làm tư lệnh sư đoàn.

Trái với những quy tắc đã định, Xta-lin cho rằng một cán bộ tham mưu giỏi cũng có thể làm được công tác chỉ huy nhưng để trở thành một cán bộ tham mưu hoàn toàn xứng đáng thì phải hiểu biết cuộc sống của bộ đội. Vì vậy, tất cả chúng tôi, không trừ ai, thường được phái xuống các mặt trận và đôi khi xuống trong một thời gian dài. Trong một số trường hợp, việc làm như vậy rõ ràng đã làm yếu đội ngũ bộ tổng tham mưu, gây thêm nhiều khó khăn mới trong công tác hàng ngày của bộ. Nhưng trong vấn đề này, Tổng tư lệnh tối cao luôn kiên trì quan điểm của mình. Đồng chí đã nghĩ và có lẽ không phải không có căn cứ, rằng “ở nhà, bao giờ Bộ tổng tham mưu cũng có cách xoay xở”, còn thực tế chiến đấu của bộ đội sẽ giúp ích cho từng người chúng tôi.

Đồng thời, chúng tôi luôn luôn cảm thấy đồng chí quan tâm đến uy tín của Bộ tổng tham mưu. Khi nghe các tư lệnh phương diện quân báo cáo ở Đại bản doanh, I. V. Xta-lin nhất định thế nào cũng hỏi: “ý kiến Bộ tổng tham mưu ra sao?”, hoặc: “Bộ tổng tham mưu đã xem xét vấn đề này chưa?”. Và, Bộ tổng tham mưu thường phải trình bày ý kiến của mình. Có nhiều khi ý kiến của Bộ tổng tham mưu cũng không khác với ý kiến của các tư lệnh phương diện quân, nhưng vì được hỏi đến nên vẫn phải báo cáo.

Tổng tư lệnh tối cao không dung thứ một sai sót nào, dù là nhỏ nhất, trong báo cáo và cũng không dung thứ kiểu tô hồng thực tế và đã nghiêm khắc trừng phạt những ai làm như vậy. Tôi còn nhớ rõ: hồi tháng Mười một 1943, đồng chí tham mưu trưởng phương diện quân U-crai-na 1 đã bị cách chức vì không báo cáo việc địch đã chiếm một vùng dân cư quan trọng, vì hy vọng sau này sẽ đánh chiếm lại được.

Đương nhiên là khi báo cáo ở Đại bản doanh, chúng tôi rất chú ý tới cách diễn đạt. Chúng tôi tự quy định cho mình một nguyên tắc là không bao giờ báo cáo những việc chưa được kiểm tra lại hay còn nghi ngờ, mà những sự việc ấy lại có khá nhiều. Trong các báo cáo thường hay nhắc tới câu: “Bộ đội ta đã đột nhập điểm N”, hoặc “Bộ đội ta đang giữ vững ngoại vi điểm X”. Trong những trường hợp này, nên báo cáo Tổng tư lệnh tối cao: “Bộ đội ta đang tiến hành chiến đấu vì điểm N hoặc điểm X”.

Những báo cáo của Bộ tổng tham mưu trong Đại bản doanh đều tuân theo một chế độ chặt chẽ. Khi được lệnh triệu tập bằng dây nói, chúng tôi lên ô-tô, đi qua thành phố Mát-xcơ-va vắng vẻ tới điện Krem-li, hoặc tới “Bli-giơ-nhi-a” – nhà riêng của Xta-lin ở Cun-xê-vô. Bao giờ xe chúng tôi cũng vào điện Krem-li qua cổng lớn Bô-rô-vít-xki, vòng qua ngôi nhà của Xô-viêt tối cao Liên Xô trên quảng trường I-va-nốp-xcai-a, rồi quặt vào cái gọi là “góc con”, nơi có phòng ở và văn phòng của I. V. Xta-lin. Qua phòng làm việc của đồng chí Pô-xcri-ô-bư-sép, chúng tôi đi vào gian nhà nhỏ của đồng chí phụ trách bảo vệ Tổng tư lệnh tối cao và cuối cùng tới chính gian buồng của người.

Chiếc bàn hình chữ nhật dài kê bên trái phòng làm việc, chỗ có trần cuốn vòm và tường viền gỗ sồi bóng. Chúng tôi mở bản đồ đặt trên chiếc bàn ấy và báo cáo theo bản đồ tình hình từng phương diện quân một, bắt đầu từ nơi nào đang có những sự kiện chủ yếu. Chúng tôi không sử dụng đến bất kỳ một bản ghi chép chuẩn bị trước nào cả. Chúng tôi thuộc lòng tình huống và mọi tình huống đều được phản ánh trên bản đồ.

Phía sau bàn, tại một góc nhà, có đặt một quả địa cầu lớn. Song, phải nói là có đến hàng trăm lần tôi lui tới căn phòng này, nhưng không bao giờ thấy

dùng đến quả địa cầu ấy khi nghiên cứu những vấn đề tác chiến. Những chuyện đồn đại về việc chỉ đạo hoạt động của các phương diện quân bằng quả địa cầu là hoàn toàn không có căn cứ.

Trong những lúc báo cáo, ngoài Tổng tư lệnh tối cao ra, thường có mặt các đồng chí ủy viên Bộ chính trị Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản toàn Liên Xô (bôn-sê-vích) và các thành viên Đại bản doanh. Trường hợp cần thiết, có triệu tập thêm tư lệnh pháo binh N. N. Vô-rô-nốp, tư lệnh bộ đội xe tăng và cơ giới I-a. N. Phê-đô-ren-cô, tư lệnh Lực lượng không quân A. A. Nô-vi-côp, chủ nhiệm bộ đội công binh M. P. Vô-rô-bi-ép, chủ nhiệm Tổng cục pháo binh N. Đ. I-a-cô-vlêp, chủ nhiệm hậu cần Quân đội Liên Xô A. V. Khơ-ru-li-ốp và nhiều đồng chí khác. Những đồng chí này báo cáo và bổ sung thêm về những vấn đề thuộc binh chủng của mình.

Các đồng chí ủy viên Bộ chính trị thường ngồi dọc bên bàn sát tường, đối diện với chúng tôi – những quân nhân – và đối diện với những bức chân dung lớn Xu-vô-rốp và Cu-tu-dốp, treo trên tường. Xta-lin nghe báo cáo, đi đi lại lại bên phía bàn chúng tôi ngồi. Thịnh thoảng, đồng chí bước tới bàn làm việc của mình kê ở cuối phòng bên phải, lấy hai điều thuốc lá “ghéc-xô-gô-vi-na Phlo-rơ”, xé ra và nhồi vào tẩu thuốc của mình. Bên phải bàn làm việc của Xta-lin, trên một cái giá đặc biệt lồng kính, là bức tượng Lê-nin bằng thạch cao, được dựng sau khi Người đã qua đời.

Báo cáo của chúng tôi bắt đầu từ những đặc điểm hoạt động của bộ đội ta trong ngày. Các phương diện quân, tập đoàn quân, các quân đoàn xe tăng và cơ giới được gọi theo tên của các đồng chí tư lệnh, còn sư đoàn thì gọi theo phiên hiệu. Xta-lin quy định như vậy. Sau này, tất cả chúng tôi đều quen gọi như thế và trong Bộ tổng tham mưu cũng tuân theo nền nếp ấy.

Sau đó, chúng tôi báo cáo đến những dự thảo chỉ thị gửi cho bộ đội. Những chỉ thị của Đại bản doanh do Tổng tư lệnh tối cao và Phó tổng tư lệnh tối cao hoặc Tổng tham mưu trưởng ký, còn khi nào Gh. C. Giu-cốp và A. M. Va-xi-lép-xki không có mặt ở Mát-xcơ-va thì A. I. An-tô-nốp ký. Những chỉ thị ít quan trọng hơn đều kết thúc bằng câu “thừa ủy quyền Đại bản doanh” và do A. M. Va-xi-lép-xki hoặc A. I. An-tô-nốp ký.

Những Chỉ thị này thường làm ngay trong Đại bản doanh. Xta-lin đọc, tôi ghi. Sau đó, đồng chí bắt đọc to toàn văn và có gì lại bổ sung thêm. Những văn kiện ấy, theo lệ thường, không đưa đánh máy, mà đưa thẳng bản chính tới trung tâm thông tin ở cách đây không xa và truyền đạt ngay cho các phương diện quân.

Trong lúc này, chúng tôi mở hồ sơ xanh sẫm ra và báo cáo về những yêu cầu của các phương diện quân. Những yêu cầu ấy chủ yếu đề cập đến việc xin bổ sung quân số, xin cung cấp vũ khí, khí tài, nhiên liệu. Đương nhiên, Bộ tổng tham mưu đều đã sơ bộ nghiên cứu trước mọi yêu cầu trên cùng với các đồng chí tư lệnh quân chủng và binh chủng.

Báo cáo xong, chúng tôi ra về lúc 3-4 giờ sáng.

Đôi khi phải đến báo cáo ở Đại bản doanh hai lần trong một ngày đêm.

Không ai có thể thay đổi chế độ làm việc chặt chẽ của Bộ tổng tham mưu do Xta-lin quy định. Khối lượng công tác rất lớn trong Bộ tổng tham mưu, cùng với tính chất cấp bách của nó làm cho công tác ở đây luôn khẩn trương, căng thẳng. Chúng tôi làm việc đến cùng, vì biết trước rằng chỉ một sai lầm nhỏ cũng bị kỷ luật nghiêm khắc. Không phải ai cũng đã có thể chịu đựng được nhịp điệu làm việc khẩn trương và căng thẳng ấy, một số đồng chí đã mắc bệnh suy nhược thần kinh và đau tim kéo dài. Ngay sau khi kết thúc chiến tranh, nhiều người không tiếp tục phục vụ được đến hết hạn tuổi quy định và đã chuyển sang ngạch dự bị.

Tôi cần nói thêm rằng chế độ làm việc thời chiến trong Bộ tổng tham mưu đã được giữ hầu như không đổi cho đến lúc Xta-lin mất: chúng tôi vẫn kết thúc ngày lao động của mình vào lúc 3-4 giờ sáng như cũ và đến 10-11 giờ lại có mặt tại vị trí công tác.

Đã thành lệ là khi nói đến lao động trí óc, sáng tạo, người ta thường nghĩ ngay đến những cán bộ văn học, nghệ thuật, đôi khi nghĩ đến những cán bộ kỹ thuật và hầu như không bao giờ nghĩ đến những quân nhân cả.

Ấy thế mà công tác quân sự cũng đòi hỏi phải có nguồn cảm hứng sáng tạo và trí lực phát triển cao. So với các nhà chuyên môn khác, có lúc quân

nhân phải tiếp xúc nhiều hơn với số lượng những yếu tố khởi đầu và những số hạng mà nếu nhận thức được thì có thể rút ra những kết luận nhất định và dựa vào những kết luận ấy để đi tới cách giải quyết tốt nhất.

Đương nhiên, tất cả những điều đó đều có quan hệ trước hết tới những cán bộ lãnh đạo quân sự. Người lãnh đạo quân sự không những phải hiểu kỹ những vấn đề quân sự, mà còn phải thấy được triển vọng phát triển của chúng. Người ấy phải biết định hướng trong mỗi quan hệ chằng chịt phức tạp của những vấn đề chính trị, kinh tế, kỹ thuật, hiểu đúng những vấn đề ấy và thấy trước ảnh hưởng của nó tới lý luận và thực tiễn quân sự, tới chiến tranh nói chung, tới chiến dịch và chiến đấu nói riêng.

Những đức tính ấy là đặc biệt cần thiết đối với người Tổng tham mưu trưởng. Phạm vi hoạt động của Tổng tham mưu trưởng thực sự là rất lớn. Tổng tham mưu trưởng gánh vác trách nhiệm lớn lao trong việc huấn luyện các Lực lượng vũ trang trong thời bình và sử dụng đúng đắn các Lực lượng vũ trang trong quá trình chiến tranh. Ai cũng vậy, nhưng riêng đối với người Tổng tham mưu trưởng thì lại càng luôn luôn đòi hỏi phải biết nhìn xa lên phía trước.

Nhưng dù người Tổng tham mưu trưởng có tài đến đâu đi nữa thì “một mình ông ta ngoài chiến trường vẫn chưa đoàn trưởng, A. M. Va-xi-lép-xki được bổ nhiệm về Bộ tổng tham mưu. Thời gian đầu, đồng chí làm trợ lý trưởng ban tác chiến. Đến giữa năm 1939, lúc thành lập Cục tác chiến, đồng chí làm trợ lý cục trưởng Cục tác chiến, rồi làm cục phó phụ trách hướng Tây. Trên cương vị này, năng khiếu quân sự của A. M. Va-xi-lép-xki lại càng thêm vững vàng. Đồng chí là người chủ chốt khi nghiên cứu những kế hoạch quan trọng nhất của Bộ tư lệnh Liên Xô.

Cuộc Chiến tranh giữ nước vĩ đại bắt đầu. Ngày 25 tháng Tám 1941, thiếu tướng A. M. Va-xi-lép-xki được bổ nhiệm làm cục trưởng Cục tác chiến, đồng thời giữ chức Phó tổng tham mưu trưởng. Đồng chí đã tham gia trực tiếp vào việc vạch kế hoạch cho các chiến dịch nhằm đánh lui những mũi đột kích của địch và đánh tan quân đội phát-xít Đức tại những cửa ngõ vào Mát-xcơ-va.

Cái gì xảy ra trong thời gian ấy đều đã được trình bày ở các chương trên và ta có thể tự hình dung được rằng lúc ấy Va-xi-lép-xki đã phải hoạt động trong một khung cảnh khó khăn như thế nào. Nhưng đồng chí đều vượt qua mọi khó khăn xảy đến, với một phong thái điềm tĩnh rất quý và một sự tự chủ tuyệt vời. Hiểu biết sâu rộng về bản chất chiến tranh, tài dự kiến quá trình và kết cục của những trận đánh vô cùng phức tạp đã sớm nâng A. M. Va-xi-lép-xki lên vị trí hàng đầu trong số những nhà lãnh đạo quân sự ở Liên Xô.

Đặc điểm nổi bật của A. M. Va-xi-lép-xki là tin cậy cấp dưới, yêu quý mọi người và tôn trọng phẩm cách của mọi người. Đồng chí hiểu sâu xa việc gìn giữ tính tổ chức và tính chuẩn xác, trong tình thế nguy biến của thời kỳ đầu chiến tranh bất lợi cho chúng ta, là một việc khó khăn như thế nào và đã cố gắng đoàn kết cả tập thể lại, xây dựng một không khí làm việc khiến mọi người hoàn toàn không còn cảm thấy áp lực của chính quyền mà chỉ thấy nổi lên cánh vai chắc nịch của người đồng chí lâu năm hơn, dày kinh nghiệm hơn mà ta có thể dựa vào khi cần. Chúng tôi, tất cả đều nồng nhiệt, tận tình và chân thực đối với đồng chí như đồng chí đã đối xử với mình. Va-xi-lép-xki không những có uy tín lớn nhất trong Bộ tổng tham mưu, mà còn được mọi người thương yêu quý mến.

Từ những tháng chiến tranh đầu tiên, A. M. Va-xi-lép-xki đã có điều kiện tiếp xúc gần gũi với Xta-lin. Như tôi viết trong các phần trên, Xta-lin không dung thứ những câu trả lời phỏng chừng, hú họa và thường đòi hỏi phải đích thân chuẩn xác tình huống tại chỗ. Hoạt động trong các đơn vị đang tác chiến. Va-xi-lép-xki đã gặp nhiều trường hợp rất nguy hiểm tới tính mệnh, nhưng luôn luôn hoàn thành nhiệm vụ đúng thời hạn và chính xác tột bậc. Những báo cáo của đồng chí tại Đại bản doanh đều nổi tiếng là rất toàn diện và rõ ràng. Tổng tư lệnh tối cao cũng đã đánh giá đầy đủ những đức tính ấy của Va-xi-lép-xki và thường phái đồng chí ra ngoài tiền tuyến những khi cần phân tích thật sâu một vấn đề nào đó và đề ra những cách giải quyết đúng đắn nhất dưới dạng những đề nghị có sẵn.

A. M. Va-xi-lép-xki có biệt tài là biết nắm lấy cái chủ yếu, biết rút ra những kết luận đúng đắn và biết dự kiến đặc biệt rõ hướng tiếp tục phát triển của các sự kiện. Tuy nhiên, đồng chí không bao giờ phô trương biệt tài ấy. Ngược lại, đồng chí luôn luôn rất chăm chú lắng nghe ý kiến của những người khác, không có thói quen ngắt lời người đang nói chuyện với mình, dù không đồng ý với người ấy, và kiên nhẫn thuyết phục, chứng minh, rốt cuộc thường lôi cuốn được những người có ý kiến trái ngược tin theo mình. Đồng thời, đứng trước Tổng tư lệnh tối cao, A. M. Va-xi-lép-xki biết bảo vệ quan điểm của mình. Đồng chí đã làm như vậy một cách nhã nhặn, nhưng khá kiên quyết.

Đặc điểm nổi lên trong phong cách tác chiến của Va-xi-lép-xki là kiên quyết trong những ý định muốn bao vây địch, cắt đường rút lui của chúng hoặc chia cắt tập đoàn của chúng sao cho chiến dịch càng phát triển thì mối uy hiếp cô lập treo trên đầu địch ngày càng lớn hơn. Những nét điển hình ấy được thể hiện rõ trong các chiến dịch Ô-xtơ-rô-gô-giơ-xcơ, Rôt-xô-sơ, Xta-lin-grát, Bê-lô-ru-xi-a, Me-men và trong nhiều chiến dịch khác mà đích thân A. M. Va-xi-lép-xki đã tham gia chuẩn bị và thực hành.

Tính kiên quyết còn in dấu cả trong chiến dịch Đông Phổ, khi A. M. Va-xi-lép-xki chỉ huy phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 3 thay I. Đ. Tséc-ni-a-khốp-xki hy sinh hồi tháng Hai 1945. Đồng chí luôn luôn sẵn sàng chịu trách nhiệm vô điều kiện trước Tổ quốc và những hành động của mình. Và, như mọi người đều rõ, đó là biểu hiện cao nhất về lòng dũng cảm của người chỉ huy quân sự. Đồng chí không làm bộ làm tịch vì có nhiều thắng lợi. Là kẻ thù của mọi sự khoa trương, Va-xi-lép-xki không nhấn mạnh tới cá nhân mình, mặc dầu có lúc đồng chí đã giữ vai trò quyết định.

Hiểu rất rõ việc người Tổng tham mưu trưởng luôn vắng mặt trong Bộ tổng tham mưu sẽ có ảnh hưởng không lợi tới công tác của cơ quan đến mức nào, A. M. Va-xi-lép-xki đã kiên trì tìm bằng được một người phó xứng đáng. Và, đồng chí đã tìm được một người như vậy. Ngày 11 tháng Chạp 1942, chúng tôi được biết, theo đề nghị của A. M. Va-xi-lép-xki, trung tướng A-lếch-xây I-nô-ken-ti-vích An-tô-nốp, trước đó đang giữ chức tham mưu

trưởng phương diện quân Da-cáp-ca-dơ. đã được điều động về làm cục trưởng Cục tác chiến kiêm Phó tổng tham mưu trưởng.

Nhiều người hiểu biết An-tô-nốp đều tán thành việc bổ nhiệm này. Tuy nhiên, cũng đã có những người hoài nghi, cho rằng chỉ có thể thấy được An-tô-nốp có thích hợp với công tác trong Bộ tổng tham mưu hay không, sau khi đồng chí này đã đến báo cáo tại Đại bản doanh vài ba chuyến, xem làm ăn ra sao cái đã! Vì, hầu như tất cả những người đến nhận cương vị này trước An-tô-nốp đều được chuyển đi công tác khác, ngay sau vài lần đi báo cáo với Tổng tư lệnh tối cao.

Song, An-tô-nốp đã xử sự rất thông minh. Đồng chí tìm hiểu một cách chi tiết mọi người trong cục, nghiên cứu tỉ mỉ tình huống tác chiến và không vội đi báo cáo với Đại bản doanh. Sau sáu ngày, nghĩa là sau khi đã thực sự định hướng được trong công việc của Bộ tổng tham mưu và tình hình các mặt trận, An-tô-nốp mới lên báo cáo tại Đại bản doanh.

Mọi việc tiến triển thuận lợi. Và lúc đó, cả những người hoài nghi cũng đều nhận ra rằng đồng chí cục trưởng mới của Cục tác chiến chính là người mà chúng ta đang cần tới. Và, không phải không có sự giúp đỡ của An-tô-nốp mà Tổng tư lệnh tối cao đã quy định được một chế độ làm việc chặt chẽ, nghiêm khắc nhưng nói chung là cần thiết, có thể tiếp thu được và duy trì trong nhiều năm tại Bộ tổng tham mưu. Hơn nữa, chính An-tô-nốp cũng đã cùng chúng tôi gánh vác mọi nỗi gian truân của công tác.

Chưa đầy một tháng sau khi nhận chức trong Bộ tổng tham mưu, An-tô-nốp đã được giao một nhiệm vụ đặc biệt quan trọng: làm đại diện của Đại bản doanh xuống nghiên cứu tình hình ở phương diện quân Vô-rô-ne-giơ, Bri-an-xơ và ít lâu sau ở cả phương diện quân Trung tâm, nhằm đề xuất những đề nghị cụ thể sử dụng các lực lượng này trong thời gian tới. Chuyến đi công tác ấy của đồng chí kéo dài từ ngày 10 tháng Giêng đến hết ngày 27 tháng Ba 1943. Như mọi người chúng tôi đều hiểu, đây là một cuộc thử thách đối với cục trưởng mới của Cục tác chiến. Bộ tổng tư lệnh tối cao muốn dứt khoát tìm hiểu xem việc bổ nhiệm A. I. An-tô-nốp vào cương vị có trọng trách này có phải là đúng hay không.

Thời gian này, bộ đội của hai phương diện quân Vô-rô-ne-giơ và Bri-an-xơ đang trải qua một loạt khủng hoảng tiến công trong những điều kiện khó khăn của mùa đông. Sau khi giành được một loạt chiến thắng vẻ vang, bộ đội của hai phương diện quân cũng đã bị kiệt sức rờ rệt và cuối cùng buộc phải ngừng tiến công. An-tô-nốp làm việc ở đây dưới sự lãnh đạo của A. M. Va-xi-lép-xki. Do đó nhất định có thuận lợi nhiều cho công tác của An-tô-nốp. Nhưng, Va-xi-lép-xki lại được người phụ tá tin cậy và có tài. Cùng nhau chung sức cố gắng, và đương nhiên, tranh thủ được sự tham gia tích cực của bộ tư lệnh các phương diện quân, các đồng chí đã đánh giá rất đúng được triển vọng tiếp tục phát triển của các sự kiện trên hướng quan trọng nhất hồi đó là hướng Ô-ri-ôn – Cuốc-xơ.

Trình độ lý luận xuất sắc, năng lực tổ chức cao, trí thông minh tuyệt vời và lòng tự chủ đến cao độ cùng năng khiếu tác chiến lỗi lạc của A. I. An-tô-nốp như đã báo trước rằng đồng chí sẽ đứng đầu Cục tác chiến trong thời gian lâu dài. Nhưng vì A. M. Va-xi-lép-xki vắng mặt ở Bộ tổng tham mưu và ngày càng hay vắng mặt trong một thời gian dài nên An-tô-nốp đã đảm nhận thêm một gánh quá nặng những chức năng của người Tổng tham mưu trưởng.

Đồng thời đảm đương hai chức trách nặng nề như vậy, nhất là trong thời chiến, không phải là một việc vừa sức ngay cả đối với An-tô-nốp. Biết như vậy. Đại bản doanh đã quyết định để đồng chí thôi giữ chức cục trưởng Cục tác chiến, và vì vậy An-tô-nốp đã thực tế đảm nhiệm lãnh đạo Bộ tổng tham mưu, tất nhiên bằng cách duy trì sự tiếp xúc chặt chẽ nhất với A. M. Va-xi-lép-xki, thường xuyên thông báo cho Va-xi-lép-xki biết toàn bộ những việc quan trọng và ngược lại, tiếp nhận được những chỉ thị, những lời khuyên và sự ủng hộ thích đáng.

Là người lao động giỏi, người am hiểu thành thạo công tác tham mưu, An-tô-nốp đã nắm rất chắc mọi khâu lãnh đạo về mặt tác chiến những hoạt động chiến đấu của một quân đội đông hàng triệu người. Nhờ có trình độ uyên thâm sâu rộng của mình và hồi ấy sức lực lại còn trai trẻ, An-tô-nốp đã làm tròn nhiệm vụ một cách xuất sắc. Các đồng chí đại diện Đại bản doanh

khi gửi báo cáo lên Tổng tư lệnh tối cao đều nhất thiết gửi bản sao tới “đồng chí An-tô-nốp”. Ai cũng biết rằng: căn cứ vào những báo cáo đó, An-tô-nốp sẽ quyết định mọi việc cần thiết một cách chính xác và kịp thời.

Trình độ kiến thức chung và nhất là kiên thức quân sự của An-tô-nốp đã thể hiện sâu rộng trong thái độ giải quyết mọi vấn đề công tác trong Bộ tổng tham mưu, trong ngôn ngữ, trong phẩm cách cá nhân và trong quan hệ với mọi người. Trong sáu năm cùng cộng tác với đồng chí, tôi chưa lần nào thấy đồng chí “mất tự chủ” nổi nóng, lớn tiếng với một ai cả. Đồng chí có đức tính điềm đạm lạ thường, song tuyệt nhiên không hề tỏ ra nhu nhược. Ở An-tô-nốp, tính điềm đạm kết hợp với tính cứng rắn và tôi có thể nói kết hợp với tính hơi khô khan, thậm chí với tính khắt khe trong quan hệ công tác.

Có người nào đó đã gọi đồng chí là con người cầu kỳ. Nhưng đó lại là tính cầu kỳ tốt. Những người nhìn xa thấy rộng hơn lại thấy biết ơn A. I. An-tô-nốp về tính nguyên tắc và tính đòi hỏi trước sau như một hoàn toàn cần thiết cho công tác quân sự và nhất là trong những ngày chiến tranh nặng nề.

A. I. An-tô-nốp không dung thứ thái độ hời hợt, hấp tấp, nửa vời và quan hệ hình thức đối với chức trách. Đồng chí thận trọng trong việc khen ngợi khuyến khích người khác và chỉ những ai biết suy nghĩ, chủ động và chuẩn xác trong công tác mới xứng đáng được nhận những lời cổ vũ của đồng chí.

Đồng chí rất quý thời gian và đặt kế hoạch thời gian rất tỉ mỉ. Có lẽ vì vậy mà nội dung những bài diễn văn của đồng chí cũng có đặc điểm là ngắn gọn và rõ ràng. Là người rất ghét lời nói sáo rỗng, đồng chí tuyệt không lạm dụng hội nghị mà chỉ tiến hành hội nghị (thường là ngắn) vào những lúc thật cần.

A. I. An-tô-nốp được Tổng tư lệnh tối cao rất tín nhiệm. Và tôi cho rằng ở đây, tính thẳng thắn dũng cảm của An-tô-nốp, tính trung thực trong những báo cáo của đồng chí, mà mọi điểm bao giờ cũng nghiêm chỉnh phù hợp với sự thật, dù là sự thật cay đắng đến thế nào, đã có một vai trò quan trọng. Khi cần, An-tô-nốp dám phản đối ý kiến Xta-lin và dù thế nào cũng đều nói ra ý kiến của mình.

A. M. Va-xi-lép-xki và A. I. An-tô-nốp có vẻ rất không giống nhau, nhưng thực ra lại có rất nhiều nét chung. Hai đồng chí đã xứng đáng là đại diện của Bộ tổng tham mưu Liên Xô trong những năm Chiến tranh giữ nước vĩ đại, đã cống hiến rất nhiều cho thắng lợi của chúng ta trước quân thù. Và chúng tôi, những người bạn chiến đấu, những người phụ tá gần gũi nhất, những học trò của các đồng chí, chúng tôi sẽ mãi mãi tự hào về các đồng chí.

Và bây giờ nói về hạt nhân công tác chủ yếu của Bộ tổng tham mưu: cơ quan phụ trách xây dựng kế hoạch cho mọi chiến dịch, thu thập và phân tích những tin tức tình huống trên các mặt trận, kiểm tra việc chấp hành những chỉ thị của Bộ tổng tư lệnh tối cao. Đó là Cục tác chiến. Ngoài những nhiệm vụ đã nói trên, cục còn có nhiều nhiệm vụ khác nữa, kể cả việc thảo những nhật lệnh mừng chiến thắng mà bộ đội phương diện quân này hay phương diện quân khác đã giành được

Các cơ quan khác trong Bộ tổng tham mưu hiệp đồng chặt chẽ với Cục tác chiến, thực hiện những đề nghị của Cục tác chiến, và được Cục tác chiến cung cấp cho những tin tức gốc để tiến hành công tác của mình.

Những lần lên Đại bản doanh báo cáo, đi cùng với Tổng tham mưu trưởng chỉ có cục trưởng hoặc cục phó Cục tác chiến. Việc này đòi hỏi những đồng chí đó phải hiểu biết tất cả những gì mà Bộ tổng tham mưu đang làm và đang nắm trong tay, phải nắm vững địch tình, số liệu về quá trình di chuyển tác chiến, tình trạng bổ sung, kiện toàn các phương diện quân và tình trạng lực lượng dự bị. Nếu không như vậy thì không thể vạch ra được những yêu cầu tác chiến.

Các cơ quan trinh sát, chịu trách nhiệm thu thập những tin tức về địch trong thời gian chiến tranh, lần lượt do thiếu tướng bộ đội xe tăng A. P. Pan-phi-lốp, trung tướng I. I. I-li-trép rồi thượng tướng Ph. Ph. Cu-dơ-nét-xốp lãnh đạo. Cục trưởng Cục tác chiến trực tiếp tiếp xúc hàng ngày với từng đồng chí trên. Và chúng tôi đã có quan hệ còn chặt chẽ hơn nữa với đồng chí

Lê-ô-nít Va-xi-li-ê-vích Ô-nhi-a-nốp, một người làm việc không biết mệt, và với nhóm của đồng chí.

Đồng chí có nhiệm vụ phân tích và nghiên cứu mọi tin tức về biên chế, hành động và âm mưu của quân đội phát-xít Đức. Bản thân đồng chí và những sĩ quan dưới quyền đồng chí đã nghiêm chỉnh chăm lo sao cho những tin tức thu lượm về địch được phản ánh đúng trên các bản đồ tác chiến. Thông qua các đồng chí ấy, chúng tôi đã đề ra nhiệm vụ trinh sát những mục tiêu địch mà chúng tôi đang đặc biệt quan tâm.

Những vấn đề thuộc về cơ cấu tổ chức mọi binh chủng do trung tướng A. G. Các-pô-nô-xốp phụ trách. Chính đồng chí lập kế hoạch bổ sung cho các phương diện quân, kiểm tra tính sẵn sàng chiến đấu của các lực lượng dự bị và cả việc huấn luyện bổ sung nữa. Ngoài ra, bộ máy của đồng chí còn nắm tình hình bố trí và quân số trong các quân khu, tình hình tổn thất ngoài mặt trận. Thuộc quyền đồng chí còn có cả những phòng huấn luyện quân sự và phòng điều động tác chiến. Thông qua phòng điều động tác chiến mà giao cho các cơ quan giao thông vận tải quân sự nhiệm vụ vận chuyển bộ đội lúc chuẩn bị và lúc tiến hành chiến dịch.

Phải nói thêm rằng các cơ quan giao thông vận tải quân sự thường chuyển thuộc dưới quyền lúc thì đồng chí chủ nhiệm này, khi thì đồng chí chủ nhiệm khác, nhưng không thoát ra ngoài phạm vi Bộ tổng tham mưu. Lúc đầu chiến tranh, đứng về mặt tổ chức, Cục giao thông vận tải quân sự nằm trong cơ cấu Bộ tổng tham mưu. Sau đấy, có một thời gian cục này trở thành một cơ quan độc lập và chủ nhiệm cục là đồng chí bộ trưởng Bộ dân ủy giao thông. Sau nữa, cục lại chuyển thuộc đồng chí chủ nhiệm hậu cần, hồi đó kiêm nhiệm cả bộ trưởng Bộ dân ủy giao thông. Và đến cuối chiến tranh, Cục giao thông vận tải quân sự lại trở về Bộ tổng tham mưu.

Kinh nghiệm xác nhận một sự thật không ai chối cãi được là: cơ quan giao thông vận tải quân sự, dù có thuộc quyền ai đi nữa, cũng không thể làm việc được nếu tách khỏi Bộ tổng tham mưu. Vì trong thời chiến, việc điều động, vận chuyển cho chiến dịch diễn ra thường xuyên liên tục và vận mệnh các chiến dịch lại phụ thuộc trong một chừng mực không nhỏ vào cái khâu

ấy nên Bộ tổng tham mưu phải đặt kế hoạch, phải kiểm tra công tác này hàng ngày và có lúc hàng giờ, ra những chỉ thị cụ thể cho Cục giao thông vận tải quân sự, cũng như phải theo dõi chặt chẽ việc chấp hành những chỉ thị ấy.

Cơ quan phụ trách tổ chức hậu cần và lập kế hoạch vật tư do A. I. Si-mô-na-ép rồi N. P. Mi-khai-lốp lãnh đạo. Cơ quan này trước hết nghiên cứu và chuẩn bị những vấn đề bảo đảm trang bị và khí tài cho tiền tuyến, tính toán những nguồn dự trữ của đất nước có thể động viên cho chiến tranh, tập trung mọi số liệu về sản lượng của công nghiệp chiến tranh.

Trong cơ quan này có mặt nhiều nhà kinh tế am hiểu thông thạo về kinh tế quốc gia, chẳng hạn như N. I. Pô-ta-pốp, người được mệnh danh một cách chính đáng là “cuốn bách khoa từ điển sống”. Đồng chí đã làm việc lâu năm tại Bộ tổng tham mưu, mãi đến năm 1963 mới về nghỉ theo chế độ công huân. Một cán bộ kỳ cựu và uyên bác nữa của cơ quan này là tướng Đ. A. Ne-li-pơ. Đồng chí làm việc trong Bộ tổng tham mưu còn lâu hơn, mãi đến năm 1964.

I. T. Pê-rê-xúp-kin, chủ nhiệm thông tin Quân đội Liên Xô trong suốt cả quá trình chiến tranh, đã giữ một vai trò xuất sắc không ai thay thế được trong việc tổ chức thông tin quân đội. Ở đây, tôi muốn dùng những từ tốt đẹp để nhắc nhở đến những phụ tá gần gũi của đồng chí Pê-rê-xúp-kin: các tướng N. A. Nay-đe-nốp, N. A. Bô-rơ-dốp và nhất là đồng chí M. T. Bê-li-cốp – chủ nhiệm trung tâm thông tin của Bộ tổng tham mưu. Những sự quan tâm chăm sóc của các đồng chí đã bảo đảm liên lạc không ngừng thông suốt với quân đội đang tác chiến trong ngày, bất kể vào thời gian nào và trong suốt quá trình chiến tranh, kể cả trong những tháng khó khăn nhất của năm 1941.

Chỉ xin nêu một sự kiện cũng đủ chứng minh cho khả năng công tác thông tin của chúng ta. Trong thời gian hội nghị những người đứng đầu ba nước lớn – Liên Xô, Mỹ và Anh – ở Tê-hê-ran, tác giả những dòng này nằm ở thủ đô nước I-ran, phải từ đây giữ vững liên lạc với các phương diện quân và Bộ tổng tham mưu, ngày hai lần thu thập mọi tin tức tình huống báo cáo

cho Tổng tư lệnh tối cao. Và, chúng tôi chưa hề gặp trường hợp nào trở ngại về phương tiện thông tin cả.

Tướng M. C. Cu-đri-áp-xép, một người thông thạo công tác đồ bản, đã phụ trách cơ quan đồ bản của Bộ tổng tham mưu. Chúng ta cần rất nhiều bản đồ lớn nhỏ theo nhiều tỷ lệ khác nhau và sử dụng trong nhiều việc khác nhau. Cũng phải nêu lên rằng: trước chiến tranh, ta chưa có những bản đồ cần thiết cho quân đội về phần lớn lãnh thổ nước ta. Chúng ta chỉ mới có những bản đồ địa hình hoàn toàn hiện đại tới tuyến Pê-tơ-rô-da-vốt-xcơ, Vi-tép-xcơ, Ki-ép, Ô-đét-xa.

Khi địch đẩy ta ra khỏi tuyến trên, bên cạnh nhiều cái họa khác, lại có thêm cái họa thiếu bản đồ. Phải cấp tốc thành lập nhiều đơn vị mới để khảo sát địa hình, xây dựng nhiều xưởng đồ hình quân sự mới và động viên khả năng của các cơ quan dân sự. Công việc đã được tiến hành khẩn trương, sôi nổi cả đêm lẫn ngày. Và, chỉ sau nửa năm đầu chiến tranh, ta mới có được những tấm bản đồ kích thước khác nhau về một diện tích hơn một triệu rưỡi ki-lô-mét vuông.

Quy mô việc đo vẽ địa hình quân sự và việc sản xuất bản đồ vẫn còn cực lớn cả trong thời gian sau chiến tranh. Nói chung, trong những năm chiến tranh, chúng ta đã đo vẽ và thám thính được một phạm vi đất đai rộng hơn năm triệu rưỡi ki-lô-mét vuông, biên soạn và phát hành nhiều sách tra cứu và mô tả địa hình quân sự trên một diện tích rộng hơn bảy triệu ki-lô-mét vuông.

Xưởng mang tên Đu-na-ép đã giữ một vai trò đặc biệt trong việc sản xuất bản đồ cho quân đội đang tác chiến. Tập thể đoàn kết chặt chẽ của xưởng đã hoàn thành những nhiệm vụ khẩn cấp nhất và phức tạp nhất do Bộ tổng tham mưu giao cho.

Cục bảo mật nằm trong những cánh tay tin cẩn của trung tướng P. N. Beli-u-xốp và người trợ lý dày kinh nghiệm của đồng chí là đại tá I. V. Bu-đi-lép. Trung tướng N. V. Xla-vin, một người có đức tính khiêm tốn rất cao và tâm hồn trong sáng như pha lê, đã phụ trách công tác rất tế nhị là duy trì các mối tiếp xúc với Bộ dân ủy ngoại giao và các quan hệ của Bộ tổng tham mưu với các nước đồng minh. Cơ quan của đồng chí không đông, nhưng là một cơ quan rất có năng lực. Lúc ấy, đồng chí là thành viên cố định tham gia đàm phán với các đại diện quân sự của Mỹ và Anh cũng như với những người đứng đầu các nước đồng minh và đã có mặt tại nhiều hội nghị quốc tế. Sau chiến tranh, và cho mãi tới những ngày cuối cùng của đời mình, N. V. Xla-vin đã đại diện một cách xứng đáng cho Liên bang Xô-viết ở Đan Mạch.

Cuối cùng, tôi không thể không giới thiệu với bạn đọc những người rất thân thiết và rất gần gũi với tôi trong Cục tác chiến. Trừ một số ít ra, còn thì

đó là những tướng lĩnh và sĩ quan ưu tú. Đặc điểm nổi bật của tập thể chúng tôi nói chung là đoàn kết chặt chẽ, gắn bó keo sơn và có năng lực công tác rất cao. Không một ai tiếc sức mình vì sự nghiệp chung.

Những đồng chí cục phó Cục tác chiến của chúng tôi là trung tướng A. A. Grư-dơ-lốp và trung tướng N. A. Lô-mốp. Trung tướng A. A. Grư-dơ-lốp nổi bật ở khả năng nắm đúng thực chất của vấn đề một cách nhanh chóng và chính xác, có nghị lực hầu như vô tận, viết lách giỏi và có tài ghi hết được tình huống lên bản đồ chỉ trong vòng mấy phút đồng hồ. Tính vui vẻ yêu đời và luôn luôn lạc quan của Grư-dơ-lốp bao giờ cũng tạo nên xung quanh đồng chí một không khí hào hứng sôi nổi.

Lô-mốp thì điềm đạm, bình tĩnh hơn, làm việc có chậm hơn đôi chút, nhưng bao giờ cũng chắc chắn và sâu sắc. Hai người dường như bổ sung lẫn cho nhau. Cho đến tận ngày nay, tôi vẫn giữ trong tâm trí mình lòng vô cùng biết ơn sự giúp đỡ vô giá và cống hiến to lớn của các đồng chí vào công việc của Cục tác chiến trong những năm chiến tranh.

Thiếu tướng I. N. Rư-giơ-cốp là cục phó phụ trách công tác chính trị. Đồng chí đã thật sự đem hết tâm sức mình vào công tác giáo dục và do có đức tính giản dị, cởi mở và ân cần chu đáo đối với mọi người, đồng chí đã làm cho tất cả chúng tôi có quan hệ tốt nhất đối với đồng chí, ở đồng chí, chúng tôi thấy một chức viên thì ít mà thấy một cán bộ lãnh đạo chân chính của Đảng thì nhiều.

Cho đến ngày nay, dường như trước mắt tôi đang xuất hiện những đồng chí trợ lý, những người đảm đương toàn bộ gánh nặng công tác sơ thảo của cục, thu thập và phân tích tình huống, xác định và kiểm tra đi kiểm tra lại các số liệu tin tức. Những công việc này thật là đặc biệt phức tạp trong những ngày đầu chiến tranh.

Chủ nhiệm các khu vực mặt trận là những cán bộ tham mưu ưu tú, họ phần lớn giữ chức trách này cho tới khi kết thúc chiến tranh. Và đây là thiếu tướng Mi-khai-in A-lếch-xây-ê-vích Cra-xcô-vét, một người đầy nhiệt tình, nóng nảy, hơi hiếu danh. Gặp chuyện, đồng chí có thể nêu ý kiến phản đối

cấp trên, nhưng không ai phải băn khoăn về những việc đã giao cho đồng chí. Cra-xcô-vét luôn luôn hoàn thành nhiệm vụ một cách chính xác.

Hoàn toàn đối lập với Cra-xcô-vét là thiếu tướng Xéc-gây I-va-nô-vích Gu-nhê-ép. Đồng chí là một người bình tĩnh, điềm đạm, có khi chưa thật thích nghi với hoàn cảnh, đồng chí đã có mặt nhiều lần ở Lê-nin-grát khi còn bị bao vây.

Thiếu tướng Tru-ma-cốp Gri-gô-ri Mi-rô-nô-vích là một trợ lý xuất sắc nhưng tính khí hơi bất thường. Chắc chắn là đồng chí biết giá trị của mình, nhưng lại còn biết rõ hơn nữa tình hình trên khu vực mình phụ trách và luôn sẵn sàng trình bày những quan điểm và đề nghị của mình..

Thiếu tướng Vla-đi-mia Đmi-tơ-ri-ê-vích Út-kin lại có nét đặc sắc riêng. Đồng chí thích triết lý, làm thơ và tự phổ nhạc những bài thơ ấy. Các đồng chí khác gọi đùa đồng chí là “nhà sáng tác chiến đấu”. Nhưng cái đó không hề cản trở Vla-đi-mia Đmi-tơ-ri-ê-vích hoàn thành tốt nhiệm vụ công tác.

Các thiếu tướng Va-xi-li Phê-đô-rô-vích Me-rơ-nốp và Xê-mi-ôn Mi-khai-lô-vích E-nhi-u-cốp nổi bật vì học vấn uyên bác và kiến thức chiến đấu rộng. Còn Ni-cô-lai Va-xi-li-ê-vích Pốt-nhi-cốp và Ni-cô-lai Ép-ghê-nhi-ê-vích Xô-cô-lốp trước hết là những người lao động xuất sắc.

Một trong những trợ lý ưu tú nhất là thiếu tướng Va-xin-tren-cô Côn-xtan-lin Phê-đô-rô-vích. Sau chiến tranh, đồng chí là một tham mưu trưởng quân khu giỏi.

Thiếu tướng I-a-côp A-pha-na-xi-ê-vích Cút-xép nổi tiếng là con người của tư duy. Nếp suy nghĩ phân tích đã giúp đồng chí nhìn ra nhiều vấn đề mà người khác không thấy. Sau chiến tranh, căn cứ vào tài đức, đồng chí được cử làm cục phó Cục tác chiến Bộ tổng tham mưu.

Thiếu tướng Mi-khai-in Ni-ki-phô-rô-vích Cô-tréc-ghin là một nhà thành thạo ưu tú nhất của chúng ta về Viễn Đông và Da-bai-can. Còn Xtê-pan A-đa-mô-vích Pê-tơ-rôp-xki cũng thông thạo tình hình ở Cận Đông và nổi tiếng là người khéo giáo dục cấp dưới. Cùng với thời gian, tiếng tăm ấy đã ngày càng được xác nhận: hầu hết những sĩ quan đã làm việc dưới sự hướng

dẫn của đồng chí, như A. P. Tru-ma-kin, G. G. Ê-li-xê-ép, N. Ph. I-a-nhin, A. X. Ba-sna-ghi-an, đều trở thành những tướng lĩnh trong quân đội.

Tôi còn giữ được những hồi ức tốt đẹp nhất về trung tướng X. P. Pla-tô-nốp, đồng chí nắm chắc tất cả các trợ lý của mình, đồng thời tổng hợp toàn bộ tin tức qua các báo cáo tác chiến và thông tin chiến sự từ các mặt trận gửi về. Không phải không có căn cứ mà nhiều đồng chí trợ lý đã cho rằng báo cáo với X. P. Pla-tô-nốp còn khó hơn là báo cáo với chính Tổng tham mưu trưởng. Pla-tô-nốp đòi hỏi phải chính xác đến mức hay sinh sự.

Thật ra, đồng chí biết rằng mọi trợ lý đều quá bận với khối lượng công tác hiện hành. Bởi vậy, không bao giờ đồng chí chờ cho có tài liệu hoàn hảo mà thường đích thân cầm sổ tay công tác tới gặp hết người này đến người khác, xem các bản đồ công tác, nghe báo cáo miệng, và sau mỗi lần đi gặp hết lượt như vậy là đồng chí đã có trong tay bản báo cáo tác chiến hoàn chỉnh.

Đức tính vô cùng quý báu của X. P. Pla-tô-nốp là linh hoạt cao độ, biết làm việc rất nhanh. Khi cần thiết, đồng chí có thể đích thân thu thập mọi tin tức và viết báo cáo tác chiến của tất cả các mặt trận trong vòng một giờ đồng hồ. Được như vậy vì đồng chí đã hiểu rất cặn kẽ toàn bộ tình hình.

Thông thường, chúng tôi phải chuẩn bị báo cáo tác chiến ba lần trong một ngày đêm. Nhưng lại còn có những thông cáo bất thường nữa. Rồi sau đấy, mọi báo cáo trên đều được tổng hợp thành bản thông báo tác chiến hàng ngày, dày đến 20 trang đánh máy hoặc hơn. Thông báo soi sáng tiến trình hoạt động chiến đấu trên mọi mặt trận đến cấp sư đoàn. Và, như ta đã biết, đội ngũ quân đội tác chiến và lực lượng dự bị của Đại bản doanh có tới 488 sư đoàn.

Các sĩ quan làm việc dưới sự lãnh đạo của X. P. Pla-tô-nốp đã làm nên một công trình to lớn, vô giá đối với lịch sử. Trong Cục lưu trữ trung ương của Bộ quốc phòng còn cẩn trọng gìn giữ hàng nghìn trang do các đồng chí viết, phản ánh bức tranh xác thực của cuộc chiến đấu của các Lực lượng vũ trang Liên Xô chống bộ máy chiến tranh của Hít-le.

Không kể những báo cáo chiến đấu và thông báo tác chiến, hàng ngày tướng Pla-tô-nốp còn phải chuẩn bị những thông cáo cho báo chí và cho

buổi phát thanh “Từ cơ quan thông tấn Liên Xô”. Những tài liệu này được báo cáo trực tiếp cho chính A. X. Séc-ba-côp, người đã kiêm nhiệm nhiều việc trong những năm chiến tranh và giữ những cương vị quan trọng.

Là bí thư Ban chấp hành đảng bộ Mát-xcơ-va và bí thư Ban chấp hành trung ương Đảng, đồng chí đồng thời còn làm chủ nhiệm Tổng cục chính trị Quân đội Liên Xô và phụ trách cơ quan thông tấn Liên Xô – một tổ chức rất lớn và rất bận. Tôi thường có dịp gặp đồng chí và lần nào cũng vậy tôi như có ý tự hỏi mình: một con người đầu yếu nặng như thế sao lại có thể đảm đương nhiều công việc như vậy, đồng chí lấy đâu ra sức và bằng cách nào vẫn giữ được những mối quan hệ chân tình, nồng nhiệt đối với mọi người?

Còn có nhiều cán bộ khác cũng giống như Pla-tô-nốp. Đứng đầu bộ phận phụ trách hải quân thoát tiên là thiếu tướng hải quân V. I. Xu-min, về sau là thiếu tướng hải quân V. A. Ca-xa-tô-nốp, một người thành thạo về tất cả các chiến trường mặt biển, cũng như về lý luận và thực hành nghệ thuật tác chiến của hải quân, do đó được liệt vào số những nhà lãnh đạo lỗi lạc của hải quân.

Thiếu tướng N. M. Ma-xlen-ni-cốp, một người đĩnh trí, dễ mến, cả đời chưa hề làm cho ai phải bực mình, phụ trách pháo binh và mọi công việc phòng không nói chung.

N. G. Cô-le-xnhi-côp, cựu phi công hải quân, phụ trách những vấn đề không quân. Đồng chí có nhiệt tình sôi nổi; đôi khi quá mức. Đồng chí rất cần một người có tính tình thật tương phản với mình. Và thiếu tướng không quân N. V. Vô-rô-nốp, người phó ban giới của đồng chí (sau này làm trưởng ban), chính là người có tính tình tương phản ấy.

Thiếu tướng xe tăng P. I. Ca-li-nhi-tren-cô rất am hiểu bộ đội xe tăng thiết giáp, về sau được cử giữ chức tham mưu trưởng tập đoàn quân xe tăng. Thay thế đồng chí lần lượt là thiếu tướng V. N. Ba-xca-côp, rồi thiếu tướng L. M. Ki-ta-ép.

Thiếu tướng C. I. Ni-cô-lai-ép phụ trách công tác thông tin liên lạc; còn phụ trách công binh là thiếu tướng V. A. Bô-li-át-cô người thông hiểu công việc của mình và sau này đã trưởng thành lên đến thượng tướng.

Tôi không thể nào nêu lên hết ở đây những đặc điểm, dù là vắn tắt nhất, của từng sĩ quan trong Cục tác chiến. Tôi chỉ có thể nói rằng tôi không tìm đâu thấy những cán bộ giỏi hơn. Và lại, khó mà tìm thấy cho được. Vì người ta đã chọn những người giỏi hơn trong số những người giỏi cho Bộ tổng tham mưu.

Tôi tự hào được vinh dự lãnh đạo cái tập thể tốt đẹp ấy.

Chu trình làm việc trong ngày của Cục tác chiến cũng như của toàn thể Bộ tổng tham mưu bắt đầu từ bảy giờ sáng. Vào giờ này, các chủ nhiệm khu vực mặt trận bắt đầu thu thập tình huống trong đêm qua. Đại biểu cơ quan trinh sát đến gặp từng đồng chí chủ nhiệm khu vực mặt trận và xác định địch tình trên bản đồ. Đồng thời, những tin tức về tình hình và trạng thái bộ đội ta cũng được tổng hợp lại. Tất cả những cơ quan khác trong Bộ tổng tham mưu, căn cứ theo mặt hoạt động của mình, đã giúp đỡ các chủ nhiệm khu vực mặt trận làm việc này.

Và không lúc nào thấy vắng tiếng chuông điện thoại gọi đến cục trưởng Cục tác chiến. Đồng chí nói chuyện với các tham mưu trưởng phương diện quân, tự mình chuẩn xác tình huống. Các tham mưu trưởng phương diện quân nhất thiết tự mình gọi dây nói về cục nếu trong đêm giành được một thắng lợi lớn, hay chiếm được một cứ điểm quan trọng. Khi bất lợi, các đồng chí đó không vội gọi điện đâu. Nhưng khi dưới không thông lên trên thì trên phải thông xuống dưới vậy: trong trường hợp này chúng tôi phải gọi “người chậm trễ” ra đầu dây nói, thế là sự thật mới được sáng tỏ.

Chủ nhiệm khu vực mặt trận nào chuẩn bị tài liệu xong trước thì đến báo cáo trước. Tất nhiên là báo cáo không dài. Tất cả chúng tôi đều hiểu cặn kẽ tình huống, vì vậy nhiều khi báo cáo viên không phải nói gì mà chỉ đối chiếu bản đồ của mình với bản đồ của cục trưởng trải rộng trên bàn. Nếu như phát hiện thấy những gì không khớp với nhau, thì chủ nhiệm khu vực mặt trận mới lưu ý cục trưởng về các điểm đó và nói những điểm cần bổ sung.

Có trường hợp, trên bản đồ của cục trưởng Cục tác chiến lại có những tin tức mới, nhận được qua các cuộc trao đổi với cơ quan tham mưu các phương diện quân và khi ấy chủ nhiệm khu vực mặt trận lại bổ sung, sửa chữa vào

bản đồ của mình. Và thỉnh thoảng, khi có những chỗ không ăn khớp nhau quá lớn, hoặc vì những nguyên nhân nào đó mà đề ra những nghi ngờ về hình thái xác thực của bộ đội, thì lập tức gọi điện trực tuyến cho cơ quan tham mưu phương diện quân để chuẩn xác lại tình hình.

Có thể nói là bản đồ được vẽ chính xác đến mức lý tưởng. Trong cục, chúng tôi dùng những quy ước thống nhất về các loại màu sắc và ký hiệu để thể hiện những thời gian nhất định và mọi hình thức tác chiến. Việc tuyệt đối chấp hành những quy ước đã định đó và công tác thực hành trong một thời gian dài đã giúp chúng tôi dễ dàng đọc những tình huống ghi trên bản đồ của bất kỳ khu vực mặt trận nào mà không cần được giải thích gì thêm cả.

Thái độ toàn tâm, toàn ý đến cao độ của các sĩ quan và tướng lĩnh đối với các điểm “vụn vặt” đó trong công tác đã giúp chúng tôi đỡ mất nhiều thời gian không có năng suất, và chủ yếu là đã giúp chúng tôi tránh được sai sót. Thật vậy, không một giáo lệnh nào có thể quy định được hết mọi chi tiết của công tác trong Bộ tổng tham mưu chúng tôi.

Vào khoảng 9 giờ, trung tướng Ô-nhi-a-nốp mang theo những tin tức tổng hợp về địch tới gặp cục trưởng Cục tác chiến. Cũng vào thời gian ấy, Cục giao thông vận tải quân sự lên biểu đồ công tác vận chuyển; căn cứ vào biểu đồ đó, ta có thể dễ theo dõi xem cái gì đang được vận chuyển đến mặt trận nào và hiện nay nó ở đâu. Sau đó, chúng tôi xem xét tới tình trạng những đội dự bị và bắt đầu hiệu đính bản báo cáo tác chiến buổi sáng.

Báo cáo tác chiến ký xong lúc 10 giờ. Cục trưởng Cục tác chiến sẵn sàng báo cáo lên Tổng tư lệnh tối cao. Tình hình tất cả các mặt trận đều được phản ánh trên hai bản đồ tỷ lệ 1:200000 về từng mặt trận và một bản đồ tổng hợp tỷ lệ 1:1000000 trải rộng trên hai mặt bàn nghiêng, to, sáng trưng. Liên đây còn có ba tài liệu để tra cứu bổ sung: tình trạng lực lượng dự bị của các binh chủng, biểu đồ vận chuyển và cuốn sách ghi biên chế quân đội đang tác chiến đến cấp trung đoàn, kèm theo tên, họ từ các tư lệnh đến các sư đoàn trưởng. Tất cả những tin tức khác đều ghi trên bản đồ.

Cục tác chiến liên lạc với Tổng tư lệnh tối cao bằng dây nói trực tiếp riêng. Trước khi có đường dây này, Xta-lin sử dụng mạng dây nói chung.

Nhưng đã xảy ra trường hợp là có lần đồng chí không được trả lời ngay vì đường dây bận. Mấy phút sau, cục trưởng tác chiến được nghe đồng chí căn dặn và nhận lệnh: “báo đồng chí phụ trách thông tin liên lạc cho người đặt đường dây riêng”. Thế là chúng tôi lại có thêm một máy nữa với 10 thước dây, rất thuận tiện trong lúc báo cáo tình huống bằng bản đồ.

Khoảng từ 10 đến 11 giờ, ít khi muộn hơn. Tổng tư lệnh tối cao đích thân gọi dây nói tới chúng tôi. Đôi khi đồng chí có chào hỏi, nhưng thường là hỏi thẳng ngay vào việc:

- Có gì mới không?

Cục trưởng tác chiến báo cáo tình huống, chuyển từ bàn này sang bàn kia, ống nói áp bên tai. Lần nào cũng vậy, báo cáo bắt đầu từ mặt trận có chiến sự căng thẳng nhất và thông thường là từ khu vực quyết liệt nhất. Mọi tình huống được trình bày liên tục theo từng mặt trận một, không bị lệ thuộc vào một khuôn khổ gò bó nào.

Báo cáo thường không bị gián đoạn, nếu đang nói về những thắng lợi của bộ đội ta. Theo đường dây chỉ thỉnh thoảng lắm mới nghe thấy tiếng ho khan và tiếng rít tẩu của người nghiện thuốc.

Xta-lin không cho phép báo cáo bỏ sót một tập đoàn quân nào, mặc dù trong dải hoạt động của tập đoàn quân ấy đêm qua không có gì quan trọng xảy ra. Đồng chí liền ngắt lời báo cáo viên:

- Ở tập đoàn quân của Ca-da-côp thì thế nào?

Đôi khi, trong lúc đang nhận báo cáo, Tổng tư lệnh tối cao ra ngay một chỉ thị nào đó để truyền xuống mặt trận. Chỉ thị này được đọc lại và một đồng chí cục phó ghi tất cả đúng theo từng lời một, sau viết lại thành chỉ thị hay mệnh lệnh.

Gần trưa, cục trưởng tác chiến tới gặp Tổng tham mưu trưởng. Trong buổi làm việc của Tổng tham mưu trưởng cũng có một bộ bản đồ giống như ở chỗ chúng tôi và đến lúc này mọi tình huống đầy đủ nhất và mới nhất đã được ghi xong trên bản đồ. Chúng tôi chỉ còn báo cáo lại tình hình đã báo cáo lên Tổng tư lệnh tối cao, những chỉ thị đã nhận được từ Tổng tư lệnh tối

cao, và đưa xin chữ ký vào những mệnh lệnh, chỉ thị đã làm sẵn để gửi xuống các đơn vị.

Cách báo cáo hơi khác thường này (báo cáo lên Tổng tư lệnh tối cao trước rồi sau mới báo cáo lên Tổng tham mưu trưởng) do chính Xta-lin quy định. Chúng tôi phải làm như vậy vì theo thời gian biểu làm việc, vào lúc 10- 11 giờ, Tổng tham mưu trưởng còn đang nghỉ.

Sau khi nghe Cục tác chiến báo cáo buổi sáng xong, Tổng tham mưu trưởng tiếp cục trưởng khác và chủ nhiệm các binh chủng, nói chuyện bằng đây nói với các tư lệnh phương diện quân, đọc báo cáo của các đại diện Đại bản doanh.

Phần việc quan trọng nhất của Tổng tham mưu trưởng là phân tích tình huống trên các mặt trận. Trong quá trình phân tích tình huống, thường nảy sinh ra những dự kiến tác chiến mà sau đó liền được tính toán, cân nhắc thật tỉ mỉ và đệ trình lên Đại bản doanh xét định.

Khi các tư lệnh phương diện quân về Mát-xcơ-va thì Tổng tham mưu trưởng nhất thiết cùng tiếp với cục trưởng tác chiến và đại biểu của khu vực mặt trận hữu quan. Chúng tôi cùng nhau nghiên cứu mọi đề nghị của bộ tư lệnh phương diện quân và chuẩn bị kết luận về những đề nghị ấy. Nếu như tư lệnh phương diện quân đồng ý với chúng tôi thì sẽ cùng nhau đưa lên Đại bản doanh những đề nghị đã được chỉnh lý của đồng chí ấy. Còn nếu vẫn chưa thống nhất, chúng tôi sẽ báo cáo lên Đại bản doanh ý kiến của cả hai bên.

Những điểm hai bên không thống nhất với nhau thường không thuộc về ý định chiến dịch, hoặc cách tiến hành chiến dịch, mà thường thuộc về những vấn đề biên chế và về việc cung cấp cho bộ đội. Mọi người đều biết rằng, đồng chí tư lệnh nào cũng muốn được Đại bản doanh cung cấp cho mình nhiều lực lượng dự bị hơn nữa, muốn có đầy đủ xe tăng, pháo binh, đạn dược hơn nữa. Chúng tôi không bao giờ nói cho một đồng chí tư lệnh phương diện quân nào biết cụ thể là Đại bản doanh có những gì, nhưng các tư lệnh cũng có cách riêng của mình, do đó cũng biết được lực lượng dự trữ

của Đại bản doanh. Nên họ thường đòi hỏi ở Bộ tổng tham mưu và yêu cầu ở Đại bản doanh

Phải nói thẳng rằng mặt trận nào có các đại diện của Đại bản doanh xuống trực tiếp thì mặt trận ấy thường được cung cấp tốt hơn. Một là vì Đại bản doanh thường phái đại diện của mình xuống những khu vực mặt trận nào quan trọng nhất, hai là vì đồng chí đại diện nào của Đại bản doanh cũng đều có một quyền lực nhất định, nhất là nguyên soái Gh. C. Giu-cốp. Có một số trường hợp, đồng chí ấy đã đặt Bộ tổng tham mưu vào tình thế rất khó xử: nếu không thể cung cấp được thì hãy thử từ chối Phó tổng tư lệnh tối cao xem...

Trước 15 giờ, Cục tác chiến nghiên cứu xong những tin tức trong nửa ngày. Trung tướng A. A. Grư-dơ-lốp, cục phó Cục tác chiến, báo cáo những tin tức ấy lên Tổng tham mưu trưởng. Lúc đó, tôi nghỉ. Thường cùng đi báo cáo với Grư-dơ-lốp có cả chủ nhiệm của khu vực mặt trận nào đang có tình hình rất ác liệt. Tổng tham mưu trưởng đích thân hỏi thêm, rồi chuẩn xác lại mọi chuyện bằng điện trực tuyến với các phương diện quân và đến gần 16 giờ thì báo cáo tình huống lên Tổng tư lệnh tối cao. Báo cáo tác chiến thứ hai gửi lên Đại bản doanh và đồng thời gửi tới tất cả các thành viên chính phủ có tên trong một danh bạ đặc biệt.

Đến 21 giờ, chúng tôi lại thu thập và tổng hợp mọi tin tức tình huống, rồi chuẩn bị đi đến Đại bản doanh để báo cáo tổng kết chung trong một ngày đêm. Theo lệ thường, sau 23 giờ là có lệnh triệu tập lên Đại bản doanh.

Khi trên các mặt trận tình hình diễn biến tốt, báo cáo thường kết thúc nhanh hơn, nhưng sau đấy, đôi khi Xta-lin mời chúng tôi xem chiếu bóng, phần lớn là phim thời sự mặt trận. Chúng tôi không muốn dự, vì công tác vô cùng vô tận trong cục đang chờ đợi mình. Nhưng không ai dám từ chối. Tôi đành ngồi ôm cặp bản đồ tác chiến mà xem chiếu bóng. Nếu hôm nào Xta-lin có khách nước ngoài, thì chúng tôi phải ngồi đặc biệt lâu: Xta-lin nhất thiết chiếu dài phim về những sự kiện trên các mặt trận, phần nhiều là những cuốn chúng tôi đã được xem rồi.

Đến cuối ngày, ngoài báo cáo tổng kết trong ngày của chúng tôi, Đại bản doanh còn nhận được những báo cáo tác chiến về từng phương diện quân. Những báo cáo này do các hội đồng quân sự ký, Bộ tổng tham mưu nhận được qua máy điện báo Bô-dô rồi cho đánh máy lại và ký gửi đi các nơi theo quy định.

Như vậy là trong một ngày đêm, Đại bản doanh nhận được ba báo cáo tác chiến, trong đó có hai báo cáo của Bộ tổng tham mưu và một báo cáo trực tiếp của các phương diện quân. Ngoài ra, chúng tôi còn chuẩn bị riêng cho Xta-lin những bản đồ tỷ lệ 1:200000 cho từng mặt trận và một bản đồ tổng hợp tỷ lệ 1:2500000. Bản đồ được thay tùy theo sự cần thiết: bản đồ tỷ lệ 1:200000 chừng hai đến ba ngày thay một lần, còn bản đồ tổng hợp thì năm đến sáu ngày một lần. Đích thân X. P. Pla-tô-nốp chịu trách nhiệm về công việc này.

Công tác trong Cục tác chiến ngày này qua ngày khác cứ diễn ra như thế cho đến tận lúc kết thúc chiến tranh. Tại những cục khác trong Bộ tổng tham mưu, chế độ làm việc cũng như vậy, nhưng nội dung công tác tất nhiên có khác.

Tôi không thể không nhớ đến cái gọi là đoàn sĩ quan Bộ tổng tham mưu. Đoàn cán bộ này được thành lập trong năm 1941, lúc đầu có khá đông người.

Ngay trong phần đầu cuốn sách này, tôi đã kể lại là trong những tháng nặng nề đầu tiên của chiến tranh, đôi khi tin tức về tình hình các mặt trận gửi về Bộ tổng tham mưu rất nghèo nàn và mâu thuẫn. Nhiều khi chúng tôi năm địch còn tốt hơn là năm ta. Và để bù đắp cho thiếu sót này, các trợ lý phải đích thân đáp máy bay ra tiền tuyến để tìm hiểu tiền duyên phòng ngự của chúng ta ở đâu, cơ quan tham mưu các phương diện quân và tập đoàn quân đã di chuyển đến đâu. Trong những chuyến đi ấy, nhiều đồng chí đã hy sinh, nhiều đồng chí phải xa đội ngũ trong một thời gian dài vì bị thương, nhiều đồng chí khác đã được các tư lệnh phương diện quân dùng quyền lực của mình giữ lại và bổ nhiệm vào nhiều chức vụ khác nhau dưới các đơn vị.

Số cán bộ trợ lý có năng lực bị hụt đi nhiều đến nỗi ban lãnh đạo Bộ tổng tham mưu cuối cùng đã quyết định thành lập một đoàn cán bộ đặc biệt chuyên trách liên hệ với bộ đội. Thoạt đầu, đoàn này nằm trong Cục tác chiến, nhưng sau đó theo đề nghị của B. M. Sa-pô-sni-cốp, nó được tách ra khỏi cục và trở thành một đơn vị độc lập mà Đại bản doanh đặt tên là đoàn sĩ quan Bộ tổng tham mưu.

Trong lịch sử Hồng quân, danh từ “sĩ quan” lần đầu tiên được sử dụng ở đây để dường như muốn nhấn mạnh đặc điểm công tác và quan hệ phụ thuộc của đoàn: trong lúc mọi cán bộ khác thuộc biên chế các Lực lượng vũ trang của chúng ta được gọi là cán bộ chỉ huy, tư lệnh, hoặc thủ trưởng, thì những người đại diện cho Bộ tổng tham mưu tại các đơn vị lại được gọi là sĩ quan Bộ tổng tham mưu.

Đứng đầu đoàn sĩ quan Bộ tổng tham mưu là thiếu tướng N. I. Đu-bi-nin – một người rất mực chính trực và cần mẫn. Về sau, thiếu tướng S. N. Ghê-nhi-a-tu-lin, một cán bộ kỳ cựu của Cục tác chiến thay thế. Còn phó đoàn phụ trách về công tác chính trị vẫn là thiếu tướng Ph. T. Pê-rê-gu-đốp.

Thời gian đầu, hẳn hoàn thành xong nhiệm vụ ở các đơn vị tác chiến là các sĩ quan Bộ tổng tham mưu trở về Mát-xcơ-va. Nhưng ít lâu sau, lại thấy rằng nên để họ thường xuyên ở lại các phương diện quân, tập đoàn quân và trên một số khu vực mặt trận, thậm chí để họ ở lại các quân đoàn và sư đoàn thì hợp lý hơn. Đồng thời, bộ lại quy định một chế độ lãnh đạo và phục tùng rất chặt chẽ: những sĩ quan Bộ tổng tham mưu công tác ở tập đoàn quân phải phục tùng những sĩ quan các cấp của Bộ tổng tham mưu đang công tác ở các bộ tư lệnh phương diện quân và được những đồng nghiệp của họ công tác ở các quân đoàn và sư đoàn phục tùng.

Phạm vi chức trách của các sĩ quan Bộ tổng tham mưu khá rộng. Họ có nhiệm vụ kiểm tra tình hình và tình trạng bộ đội, kiểm tra việc cung cấp cho bộ đội mọi thứ cần thiết về sinh hoạt và chiến đấu, đồng thời báo cáo thẳng những kết quả công tác lên Bộ tổng tham mưu.

Tính chính xác của báo cáo đã được đặc biệt chú ý. Sĩ quan Bộ tổng tham mưu chỉ có quyền báo cáo những gì chính mắt mình trông thấy, chứ không

được báo cáo dựa vào lời người khác hoặc tài liệu của cơ quan tham mưu. Sau khi tình trạng lộn xộn của mấy tháng đấu chiến tranh đã được chấm dứt, các sĩ quan Bộ tổng tham mưu không phải báo cáo về những tình huống hiện đang diễn biến nữa.

Có nhiều sĩ quan Bộ tổng tham mưu đã phải công tác trong những hoàn cảnh chiến đấu phức tạp và đã tỏ ra hết sức anh dũng. Tôi còn nhớ rõ trường hợp đã xảy ra với đại úy V. A. Bli-u-đốp và trung tá A. Đ. Ma-rơ-cốp. Đang công tác trong quân đoàn xe tăng 2 thuộc tập đoàn quân xe tăng 3, ngày 24 tháng Ba 1943, ở làng Kít-xép-ca phía Tây Cu-pi-a-xcơ, hai đồng chí đã đứng ra chỉ huy một số phân đội pháo binh đang bị lâm vào một tình thế hiểm nghèo.

Chẳng bao lâu, Bli-u-đốp bị thương, nhưng được cứu thoát. Còn Ma-rơ-cốp tiếp tục chỉ huy các phân đội pháo binh, để từng khẩu đội tránh đòn đột kích của địch cho đến khi bị hy sinh vì hỏa lực bắn thẳng của xe tăng địch. Do chiến công của mình, đồng chí đã được truy tặng huân chương Chiến tranh giữ nước hạng nhất.

Hoạt động trong những hoàn cảnh khác, các đại úy X. V. Sê-re-dơ-kin, X. Ph. Xa-phô-nốp, N. M. Si-kha-lép, các thiếu tá V M. Tca-trép, K. N. Nhi-cu-lin, E. X. Cu-kha-rơ, M. I-a. Đư-slen-cô, A. T. Si-i-an, P. M. Da-rơ-ga-ri-an; các trung tá I. M. Bu-rơ-lắc, V. N. Vê-nê-đích-tôp, V. Ph. Lư-xkin, A. A. Pô-dơ-đnhì-a-cốp cũng đã hy sinh anh dũng trong chiến đấu.

Còn trong số những sĩ quan Bộ tổng tham mưu đã trải qua chiến tranh, bản thân tôi đặc biệt khâm phục đại tá A. V. Pi-xa-rép, sau này làm chủ nhiệm một khu vực mặt trận, đại tá M. N. Cô-xtin và đại tá A. I. Kha-ri-tô-nốp. Các đồng chí có quyền được coi là những đại biểu ưu tú nhất của chúng ta tại các cơ quan tham mưu mặt trận, đã biết nhìn xa trông rộng và đề xuất được nhiều vấn đề lớn lên Bộ tổng tham mưu.

Nhiều quyết định quan trọng đã được thông qua căn cứ vào báo cáo của các sĩ quan khác của Bộ tổng tham mưu. Ví dụ như: trung tá N. V. Rê-dơ-nhi-cốp, khi công tác tại phương diện quân Tây, đã nhiều lần báo cáo rằng tập đoàn quân 33 đã dùng lực lượng một cách vô ích vào cái gọi là “nhữn

chiến dịch nhỏ”hằm đánh chiếm những cao điểm lẻ tẻ từ lâu đã không còn là vùng dân cư nữa. Do đó, một phái đoàn đặc biệt của Hội đồng quốc phòng Nhà nước đã đến phương diện quân Tây. Những kết luận của N. V. Rê-dơ-nhi-cốp đã được hoàn toàn xác nhận và một loạt biện pháp quan trọng liền được đề ra. Đặc biệt là ban lãnh đạo tập đoàn quân 33 đã được củng cố. Trung tướng V. N. Gô-rơ-đốp, tư lệnh tập đoàn quân, đã bị cách chức vì những khuyết điểm đã mắc.

Trong chiến đấu, người ta thường trưởng thành nhanh. Những đồng chí ưu tú nhất trong đoàn sĩ quan Bộ tổng tham mưu đã được lựa chọn về công tác trong bộ máy trung ương nói chung, trong Cục tác chiến nói riêng. Và, những đồng chí khác đã được cử xuống các đơn vị thay cho những đồng chí ấy. Như vậy là đoàn sĩ quan Bộ tổng tham mưu trở thành một nguồn vô tận, bổ sung cán bộ đã gửi mùi thuốc súng cho bộ máy trung ương, đồng thời là chỗ dựa tin cậy của các đại diện Đại bản doanh.

Đến giữa năm 1943, hoạt động của đoàn sĩ quan Bộ tổng tham mưu có thu gọn lại đôi chút, đến lúc này, các tư lệnh liên binh đoàn lớn, các tư lệnh binh đoàn và cơ quan tham mưu các cấp đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm chiến đấu, biết làm việc nhịp nhàng và chính xác khi phân tích tình huống. Việc dùng sĩ quan Bộ tổng tham mưu thường xuyên quan sát tình hình trong các đơn vị tác chiến hầu như không còn cần thiết nữa và, về mặt tổ chức, họ đã được đưa vào biên chế Cục tác chiến.

Các sĩ quan Bộ tổng tham mưu đã giữ một vai trò đáng kể trong việc tổ chức và đưa vào chiến đấu nhiều quân đội dân tộc mới thành lập như quân đội Tiệp Khắc, Ba Lan, Ru-ma-ni. Đặc biệt, thiếu tướng N. M. Mô-lốt-cốp, sĩ quan cao cấp Bộ tổng tham mưu công tác trong Quân đội Ba Lan, đã giúp chúng tôi và bộ tư lệnh bạn được rất nhiều.

Nhìn lại chặng đường đã qua, có lẽ cũng nên nói đến chuyện đôi khi nhiều sĩ quan Bộ tổng tham mưu đã vấp phải ác cảm của các đơn vị. Có những cán bộ chỉ huy đã gọi họ một cách miệt thị là mật thám. Song, tôi không hề nhớ có trường hợp nào người sĩ quan Bộ tổng tham mưu bị tố cáo vi phạm cách đạo đức xấu, không khách quan hoặc vượt quyền cả. Ngược lại, hàng ngàn

sự thật đã chứng tỏ rằng: cái cơ cấu linh hoạt giám sát và kiểm tra này tồn tại ở Bộ tổng tham mưu trong những năm chiến tranh vừa qua, đã hành động với một tinh thần toàn tâm, toàn ý vì sự nghiệp chung.

Nhiều tham mưu trưởng phương diện quân đã kinh qua công tác tại Bộ tổng tham mưu. Cũng vì vậy, ở đây tôi không thể không nói đến số đồng chí đó.

Đồng chí X. X. Bi-n-u-dốp nổi tiếng là một cán bộ tham mưu cỡ lớn trong thời gian chiến dịch Xta-lin-grát, khi đồng chí làm tham mưu trưởng tập đoàn quân cận vệ 2. Về sau, đồng chí đã đứng đầu cơ quan tham mưu của phương diện quân Nam và phương diện quân U-crai-na 3 và 4. Đồng chí đã góp nhiều ý kiến sáng tạo vào các chiến dịch giải phóng Rô-xtốp, Bắc Pri-a-dô-vi-e và Crưm.

Bi-ri-u-dốp là người rất nghiêm chỉnh, thậm chí khắt khe, không chịu được những ý kiến chống đối. Đồng chí không thích ngồi yên trong bốn bức tường và đã để nhiều thời gian xuống các đơn vị. Đôi khi đồng chí muốn tập trung quyền chỉ huy hoạt động của đơn vị vào trong tay mình một cách quá mức.

Tuy vậy, Bi-ri-u-dốp là một con người có tính nguyên tắc, rất quan tâm tới công tác chính trị của đảng, coi trọng và hiểu rõ ý nghĩa của công tác. Bi-ri-u-dốp biết lựa chọn và tổ chức tập thể bộ tham mưu, biết phát huy và tìm mọi cách duy trì trình độ công tác tham mưu giỏi của cấp dưới, và chính bản thân đồng chí đã nêu gương về mặt này, đồng chí nắm vững nghệ thuật biên soạn các văn kiện tác chiến.

A. N. Bô-gô-liu-bốp là tham mưu trưởng các phương diện quân Tây – Bắc, U-crai-na 1 và Bê-lô-ru-xi-a 2. Đồng chí có đặc điểm là hay nổi nóng, rất khó hòa mình với tập thể. Cũng vì vậy nên đồng chí đã hai lần rời Bộ tổng tham mưu và nhiều lần chuyển từ cơ quan tham mưu phương diện quân này sang cơ quan tham mưu phương diện quân khác. Nhưng đồng thời, đồng chí lại là một người thông hiểu sâu sắc công tác tham mưu. Vì vậy, đồng chí cũng được đánh giá cao.

Trong suốt thời gian chiến tranh, M. V. Da-kha-rốp nổi tiếng là một người có nhiều kinh nghiệm nhất trong số tham mưu trưởng phương diện quân. Và, điều đó là hoàn toàn đúng. Vì đồng chí đã gắn liền đời mình với cuộc đấu tranh vũ trang vì sự nghiệp cách mạng, bắt đầu từ cuộc tiến công Cung điện Mùa Đông và đã trải qua gần như khắp các cấp chỉ huy và cấp tham mưu, kể từ cấp thấp nhất. Ngay từ trước chiến tranh (từ 1 tháng Bảy 1938 đến 19 tháng Bảy 1940), đồng chí làm trợ lý của Tổng tham mưu trưởng, phụ trách về tổ chức động viên và xây dựng hậu phương, rồi sau đó làm tham mưu trưởng quân khu Ô-đét-xa.

Lúc đầu chiến tranh, M. V. Da-kha-rốp đã làm tham mưu trưởng khu vực mặt trận Tây – Bắc, trực tiếp tham gia vạch kế hoạch hành động của phương diện quân Ca-li-nin trong thời gian phản công ở Mát-xcơ-va. Tên tuổi đồng chí gắn liền với sự nghiệp lãnh đạo hoạt động của phương diện quân Thảo nguyên trong chiến dịch Cuốc-xcơ và Đni-ép-rơ, của phương diện quân U-crai-na 2 trong trận tiêu diệt địch ở Hữu ngạn U-crai-na, và trong chiến dịch I-át-xư – Ki-si-ni-ốp, ở Bu-đa-pét, ở Viên, Pra-ha. Và sau nữa, trong thời gian chiến tranh chống đế quốc Nhật, đồng chí làm tham mưu trưởng phương diện quân Da-bai-can.

Mối quan hệ sinh động với bộ đội đã thường xuyên nuôi dưỡng tư tưởng sáng tạo của M. V. Da-kha-rốp. Trong chiến tranh cũng như sau chiến tranh, đồng chí đã nhiều năm công tác dưới sự hướng dẫn của R. I-a. Ma-li-nốp-xki và hai đồng chí đã nêu gương tốt về trách nhiệm công tác với nhau. Vào những năm cuối đời, đồng chí đã giữ chức vụ Tổng tham mưu trưởng một cách xứng đáng.

Xê-mi-ôn Páp-lô-vích I-va-nốp là một người rất cứng rắn và kiên quyết, hiểu rất rõ vị trí của mình trong việc chỉ đạo bộ đội không bao giờ để ai vi phạm đến chức trách của mình. Ngoài kiến thức uyên bác chung và hiểu biết đặc điểm công tác tham mưu ra, đồng chí còn luôn luôn có một khả năng công tác rất lớn. Trong những năm chiến tranh, đồng chí đã lãnh đạo có kết quả cơ quan tham mưu các phương diện quân Tây – Nam, Vô-rô-ne-giơ, U-

crai-na 1, Da-cáp-ca-dơ và U crai-na 3, tiếp đó là cơ quan tham mưu Bộ tổng tư lệnh bộ đội Liên Xô ở Viễn Đông.

Chiến dịch Cuốc-xơ, Đni-ép rơ, chiến dịch Viên là một số mốc đánh dấu chặng đường chiến đấu của đồng chí. Mặc dầu đồng chí đã trải qua nhiều năm làm công tác tham mưu và hiểu thấu đáo mọi tình tiết của công tác này, tôi vẫn dám khẳng định rằng khả năng chỉ huy của đồng chí vẫn trội hơn tất cả những khả năng khác. Sau chiến tranh, đồng chí làm tư lệnh bộ đội quân khu Xi-bi-ri và chủ nhiệm Học viện Bộ tổng tham mưu.

V. V. Cu-ra-xốp là một tham mưu trưởng, như ta thường nói, thuộc loại kinh điển. Đồng chí là một tướng điềm tĩnh, rất chín chắn, nhã nhặn, có xu hướng nghiên cứu một cách khoa học những vấn đề nảy sinh ra trước mắt cơ quan tham mưu, giỏi kết hợp lý thuyết với thực hành. Trong chiến tranh, đồng chí cộng tác chặt chẽ với I. Kh. Ba-gra-mi-an và cán bộ tham mưu chúng tôi đã đánh giá rất cao sự cộng tác ấy. Mọi tin tức về các chiến dịch của phương diện quân Pri-ban-tích 1 chúng tôi đã nhận được đều không những đúng hạn, mà còn tốt nữa. Sau chiến tranh V. V. Cu-ra-xốp đã đứng đầu Học Viện Bộ tổng tham mưu trong một thời gian dài.

Tướng Gh. C. Ma-lan-đin cũng giống Cu-ra-xốp cả về đức tính lẫn phong cách làm việc. Đồng chí cũng là một người rất điềm đạm, luôn luôn đúng mực, khiêm tốn lạ thường và nhiệt tâm. Đồng chí làm việc đến quên mình và biết hoàn thành mọi công việc, dù cho công việc phức tạp đến thế nào. Đồng chí được Bộ tổng tham mưu rất tôn trọng vì tài phân tích chính xác và sâu sắc tình huống. Đồng chí cũng đã trở thành một nhà bác học quân sự lớn và đứng đầu Học viện Bộ tổng tham mưu.

Gần như hoàn toàn đối lập với Cu-ra-xốp và Ma-lan-đin ở tư chất tính tình là M. X. Ma-li-nin. Đồng chí rất nóng nảy và sôi nổi. C. C. Rô-cô-xốp-xki hiểu rất rõ những mặt mạnh của tham mưu trưởng của mình, một người biết làm việc một cách xuất sắc (đồng chí có dịp cộng tác với Ma-li-nin từ ngày còn ở trong tập đoàn quân 16, sau đó trong các phương diện quân Sông Đôn, Trung tâm, Bê-lô-ru-xi-a I) và biết làm giảm bớt những nhược điểm của đồng chí ấy.

Về phần mình, Ma-li-nin cũng luôn cố gắng hành động thống nhất với tư lệnh. Kết quả là: cơ quan tham mưu do Ma-li-nin phụ trách luôn được liệt vào hàng ngũ những cơ quan tham mưu ưu tú, ở đây cán bộ, nhân viên làm việc rất thuận hòa và ăn ý với nhau. Từ năm 1952 cho tới những ngày cuối đời, M. X. Ma-li-nin làm Phó tổng tham mưu trưởng thứ nhất.

A. P. Pô-crôp-xki, tham mưu trưởng của khu vực mặt trận Tây – Nam, rồi của các phương diện quân Tây và Bê-lô-ru-xi-a 3 đã hoạt động ngoài mặt trận một cách bình tĩnh lạ thường. Trông chừng như đồng chí có một bí quyết đặc biệt nào đó, khiến đồng chí giữ được tính kế hoạch và chế độ làm việc chặt chẽ trong mọi tình huống. Nhưng cái “bí quyết” đó chỉ là vốn kiến thức sâu rộng và kinh nghiệm phong phú của đồng chí, là nghệ thuật tổ chức của đồng chí, mặc dầu tôi thấy đồng chí bao giờ cũng làm việc với văn kiện nhiều hơn là với con người.

Hồi đầu chiến tranh L. M. Xan-đa-lốp giữ chức tham mưu trưởng tập đoàn quân 4 rồi tập đoàn quân 20 và sau đó là tham mưu trưởng các phương diện quân Bri-an-xơ và Pri-ban-tích 2. Mọi người đều biết rõ đồng chí về tính tự chủ, tính chín chắn, thận trọng và khả năng kết hợp công tác dưới các đơn vị với công tác tại cơ quan tham mưu. Đồng chí luôn luôn nổi tiếng là chuyên gia về công tác tư liệu tham mưu.

Cũng cần phải đặc biệt nhấn mạnh rằng đồng chí là một người rất cương nghị, đã biết tìm ra vị trí của mình trong cuộc sống sau tấn thảm kịch nặng nề của cá nhân khiến đồng chí phải sớm rời khỏi hàng ngũ chiến đấu.

Danh sách những người đã giữ chức vụ tham mưu trưởng phương diện quân từ sáu tháng đến một năm rưỡi có đến gần hai chục đồng chí. Trong đó có những đồng chí: A. I. An-tô-nốp, P. I. Bô-đin, I. Kh. Ba-gra-mi-an, V. R. Va-sơ-kê-vích, N. Ph. Va-tu-tin, G. Ph. Da-kha-rốp, M. I. Ca-da-cop, B. A. Pi-ga-rê-vích, M. M. Pô-pốp, L. X. Xơ-vi-rơ-xki, G. Đ. Xten-mắc, M. N. Sa-rô-khin, A. N. Cru-chi-côp, A. I. Cu-đơ-ri-a-sép, A. I. Xu-bot-tin, X. E. Rô-giơ-đe-xơ-ven-xki, L. Ph. Mi-nhi-ức. Ph. P. Ô-de-rốp, I. A. La-xkin. Nhiều đồng chí trong lớp người xuất sắc này đã được cử giữ những chức vụ chỉ huy. Riêng I. Kh. Ba-gra-mi-an, N. Ph. Va-tu-tin, G. Ph. Da-kha-rốp, M.

M. Pô-pốp đã thành các tư lệnh phương diện quân; M. I. Ca-da-cap Và M. N. Sa-rô-khin đã chỉ huy tập đoàn quân đến lúc kết thúc chiến tranh.

Một số đồng chí đã đứng đầu cơ quan tham mưu phương diện quân chưa đầy sáu tháng. Đó là V. X. Gô-lu-skê-vích, V. M. Dơ-lô-bin, P. P. Vê-tơ-nưi, I. X. Va-ren-ni-cốp, A. A. Da-ba-lu-ép, X. I. Li-u-ba-rơ-xki, Đ. N. Ni-ki-sép, I. T. Slê-min, A. P. Pi-li-pen-cô, V. I-a. Côn-pác-tsi.

Còn thượng tướng I. V. Xmô-rô-đi-nốp, Các trung tướng E. G. Tơ-rốt-xen-cô và Ph. I. Sép-tsen-cô đã là tham mưu trưởng các phương diện quân Viễn Đông và Da-bai-can khi những phương diện quân này chưa đi chiến đấu.

Chúng tôi còn nhớ tất cả những đồng chí trên và coi là những đồng chí gần gũi nhất của mình. Các đồng chí đã cùng chia sẻ với cán bộ, nhân viên Bộ tổng tham mưu niềm vui nhưng khi thành công cũng như nỗi buồn những khi thất bại

8. Trước chiến dịch Cuốc-xơ

Giải quyết những nhiệm vụ chủ yếu trong chiến cục mùa hè như thế nào và ở đâu: phòng ngự hay tiến công? – Đề nghị của Gh. C. Giu-cốp. – Ý kiến của bộ tư lệnh phương diện quân Trung tâm. – Kế hoạch linh hoạt của N. Ph. Va-tu-tm. – Quyết tâm của Đại bản doanh ngày 12 tháng Tư 1943. – Phương diện quân dự bị chiến lược – Kế hoạch “Cu-tu-dop” – Định kế hoạch phản công. – Những chiến dịch không quân. – Ba thông báo gửi cho bộ đội – Dịch chuyển sang tiến công.

Mùa xuân năm 1943, Đại bản doanh và dĩ nhiên cả cơ quan công tác của nó là Bộ tổng tham mưu, đã đặc biệt tập trung chú ý đến tình hình phía giữa mặt trận chiến lược.

Đến cuối tháng Ba, tình hình hai bên ở khu vực Cuốc-xơ đã ổn định. Quân địch đã ngừng tiến công, viện cớ là đầu xuân đường sá khó đi lại. Nhưng sự việc hoàn toàn không phải như vậy. Địch đã đánh bật chúng ta ra khỏi Khác-cốp, nhưng đầu sao kết quả chung của chiến cục mùa đông vẫn cực kỳ bất lợi cho chúng: lực lượng quân đội phát-xít Đức đã bị suy yếu và lúc này chúng không có khả năng tiếp tục mở những chiến dịch tiến công lớn, ít nhiều có kết quả nữa. Quyền chủ động chiến lược vẫn nằm trong tay ta như trước kia. Chúng vẫn chưa phục thù được trận Xta-lin-grát.

Vấn đề triển vọng chiến đấu trong thời gian tới đây đương nhiên được đặt ra. Bộ tổng tham mưu quyết nhiên không loại trừ khả năng là địch sẽ có những âm mưu mới, nhằm xoay chuyển lại tình thế. Song để làm được như vậy, chúng buộc phải đưa thêm lực lượng bổ sung từ phía Tây sang và động viên lực lượng dự bị. Nhưng nếu ta đánh bại được những âm mưu ấy, giáng cho chúng hai – ba đòn đột kích mới nữa với những kết quả tương đương như ở Xta-lin-grát thì thế nào? Không một ai nghi ngờ rằng: nếu làm được như vậy thì sẽ tạo được bước ngoặt quyết định trong quá trình chiến tranh và bộ máy quân sự của Hít-le sẽ đứng trước thất bại hoàn toàn. Tổng tư lệnh tối cao tin như vậy hơn ai hết, nhưng vì nhớ lại bài học ở Khác-cốp, nên đồng chí tỏ ra thận trọng hơn.

Những sự kiện đang phát triển rõ ràng ngày một có lợi cho chúng ta. Những mục tiêu cao quý của Quân đội Liên Xô được toàn dân triệt để ủng hộ, đấu tranh du kích đang tiếp tục phát triển trong những vùng đất đai Liên Xô còn bị địch tạm chiếm. Tại những nước Tây Âu và Đông – Nam châu Âu, cuộc kháng chiến chống bọn chiếm đóng cũng đã mạnh thêm và có tổ chức hơn. Quân đội phát-xít Đức bị thất bại nặng ở Li-bi và Tơ-ri-pô-li-ta-ni, chiến tranh đang diễn ra kịch liệt ở Tuy-ni-di. Không quân đồng minh đang đánh phá những trung tâm công nghiệp của Đức và I-ta-li-a.

Trong lúc đó, quân đội chúng ta lại có nhiều loại phương tiện kỹ thuật không thua những phương tiện chiến đấu của địch cả về chất lượng lẫn số lượng. Cố nhiên, như thường thấy trong chiến tranh, phương tiện kỹ thuật bao giờ cũng ít hơn số lượng mong có, nhưng đã vĩnh viễn qua rồi cái thời kỳ phân phối nhỏ giọt, thời kỳ mà có lúc địch thân Xta-lin phải đứng ra phân phối từng khẩu súng chống tăng, từng khẩu súng cối, từng chiếc xe tăng.

Hiện nay, tình hình đã khác hẳn rồi. Nhưng Đảng và Chính phủ vẫn không ngừng quan tâm đến việc tiếp tục trang bị kỹ thuật cho các Lực lượng vũ trang Liên Xô, lại càng quan tâm nhiều hơn khi dự kiến đến những chiến dịch quyết định mới. Các đồng chí lãnh đạo Bộ tổng tham mưu thường được triệu tập đến Đại bản doanh cùng với các đại biểu của ngành công nghiệp quốc phòng và các công trình sư giải quyết những vấn đề cấp thiết, nhằm đẩy mạnh tốc độ sản xuất sản phẩm quân sự và cải tiến tính năng chiến đấu của máy bay, xe tăng và pháo binh.

Còn ngay trong Bộ tổng tham mưu, cũng đang nghiên cứu cho thật chắc chắn những vấn đề như chiếm quyền khống chế trên không hoặc đột phá các tuyến chiến hào phòng ngự sâu của địch và tiếp tục phát triển thắng lợi, đồng thời cân nhắc rất kỹ lưỡng phương thức vận dụng những khối lượng lớn pháo binh, máy bay và xe tăng.

Trong lúc chuẩn bị cho những chiến dịch sắp tới, Đại bản doanh đã quy định nhất thiết phải bảo đảm công tác chính trị toàn diện cho mọi hoạt động của bộ đội. Tinh thần tư tưởng cao vốn là đặc tính của bộ đội chúng ta từ những ngày đầu chiến tranh, đã được tiếp tục nâng cao hơn nữa. Mọi người

đều dũng cảm hơn lên, ngày càng thêm vững tin vào sự sáng suốt của Đảng, vào tính vững chắc không gì phá vỡ nổi của chế độ xô-viết.

Thắng lợi Xta-lin-grát đã chắp cánh cho mọi người – từ người chiến sĩ đến vị nguyên soái và các cán bộ chính trị đã dùng mọi cách để củng cố nhiệt tình phấn khởi ấy. Khó mà không đánh giá vai trò quan trọng của cán bộ chính trị trong việc thực hiện bất kỳ một kế hoạch tác chiến nào của chúng ta. Tình đoàn kết chiến đấu giữa những cơ quan tham mưu và chính trị ngày càng thêm vững chắc hơn.

Tôi thường tiếp xúc nhiều hơn cả với đồng chí chủ nhiệm Tổng cục chính trị, bí thư Ban chấp hành trung ương Đảng, A-lếch-xan-đrơ Xéc-gây-ê-vích Séc-ba-cốp. Chúng tôi gặp gỡ nhau hầu như hàng ngày. Tôi báo cáo cho đồng chí về tình hình các mặt trận và về các dự thảo thông cáo của cơ quan thông tấn xô-viết. Có lần, tôi đã cùng đồng chí xuống phương diện quân Tây. Mỗi quan hệ thuần túy công tác ấy dần dần trở thành mối thiện cảm chân thành sâu sắc trong tôi.

A-lếch-xan-đrơ Xéc-gây-ê-vích là người có nguyên tắc, đầy nghị lực nghiêm khắc trong công tác, nhưng đồng thời lại giản dị và chân thành. Tôi không sao quên được buổi nói chuyện cuối cùng với đồng chí. Buổi nói chuyện ấy diễn ra lúc sáng sớm, trước ngày chiến thắng nước Đức Hít-le. A. X. Séc-ba-cốp từ bệnh viện gọi dây nói đến tôi:

- Tôi nói chuyện với đồng chí phải giấu các bác sĩ đấy. Họ cấm tôi không được làm bất cứ một việc gì. Mong đồng chí nói nhanh hơn nhé, ngoài ấy ta đang làm gì?

Tôi không thể từ chối đồng chí và đã báo cáo vắn tắt tất cả những tin tức quan trọng.

- Xin cảm ơn đồng chí, – đồng chí nói. – Tôi sẽ khỏi ngay thôi. Sắp được về làm việc rồi.

Nhưng những ngày làm việc của đồng chí không còn nữa. Ngày 10 tháng Năm 1945, A. X. Séc-ba-cốp mất năm đồng chí 44 tuổi, khi chúng ta đã giành được thắng lợi huy hoàng mà vì nó đồng chí đã cống hiến biết bao tâm trí, sức lực.

Sự lãnh đạo chính trị của Đảng trong các phương diện quân trước hết do các ủy viên Hội đồng quân sự đảm nhiệm. Đó là những người giàu kinh nghiệm sống và kinh nghiệm chính trị. Trước chiến tranh, hầu hết các đồng chí này đã đứng đầu tỉnh ủy, khu ủy và Ban chấp hành hung ương các đảng cộng sản của các nước Cộng hòa xô-viết.

Ủy viên Hội đồng quân sự cùng với tư lệnh chịu toàn bộ trách nhiệm về tình trạng và mọi hoạt động chiến đấu của bộ đội, tham gia vào việc xây dựng kế hoạch tác chiến, chăm lo sao cho chiến dịch nào cũng được bảo đảm đầy đủ về mặt vật chất. Bao giờ hai đồng chí cũng cùng được triệu tập về Đại bản doanh. Tuy nhiên, nhiệm vụ chủ yếu của ủy viên Hội đồng quân sự là nuôi dưỡng tinh thần chiến đấu vững chắc của bộ đội. Đồng chí hoạt động với tư cách người tổ chức toàn bộ công tác chính trị của Đảng trong các đơn vị. Gắn bó với đồng chí là cơ quan chính trị của phương diện quân, đồng chí có thẩm quyền bố trí cán bộ Đảng trong đơn vị và thông qua số cán bộ này mà bảo đảm vai trò tiên phong trên chiến trường của từng đảng viên và đoàn viên thanh niên cộng sản.

Ngoài ra, ủy viên Hội đồng quân sự còn có nhiệm vụ: bảo đảm mối quan hệ đúng đắn giữa bộ đội và nhân dân trong khu vực gần mặt trận, tham gia phục hồi Chính quyền xô viết trong những vùng đất đai Liên Xô đã được giải phóng khỏi ách chiếm đóng và duy trì quan hệ tiếp xúc với các cơ quan chính quyền địa phương nước ngoài, khi bộ đội ta vượt qua biên giới quốc gia.

Tôi thấy cần phải nói rõ rằng, những điều nói trên về ủy viên Hội đồng quân sự chỉ dành riêng để nói về ủy viên thứ nhất của Hội đồng quân sự mà thôi vì các ủy viên khác, chẳng hạn như tham mưu trưởng hoặc tư lệnh pháo binh, khác với ủy viên thứ nhất, đều đảm đương những nhiệm vụ theo chức trách trực tiếp của mình.

Trong những năm chiến tranh, giữ cương vị ủy viên thứ nhất của Hội đồng quân sự phương diện quân có hơn 40 người. Trong số đó, ba đồng chí – A. A. Giơ-đa-nốp, A. X. Giên-tốp và C. Ph. Tê-lê-ghin – đã giữ trọng trách này hầu như từ lúc bắt đầu đến lúc kết thúc chiến tranh. Những đồng

chí đã giữ cương vị ủy viên thứ nhất Hội đồng quân sự phương diện quân trong khoảng từ hai năm trở lên là: V N. Bô-gát-kin, P. I. Ê-phi-mốp, C. V. Cray-nhi-u-cốp, Đ. X. Lê-ô-nốp, L. D. Mê-khơ-li-xơ, I. D. Xu-xai-cốp, N. X. Khơ-rút-sốp, T. Ph. Stư-cốp.

Mười hai đồng chí đã giữ trọng trách trên từ sáu tháng đến hai năm là: Ph. E. Bô-cốp N. A. Bun-ga-nin, Đ. A. Ga-pa-nô-vích, C. A. Gu-rốp, A. I. Da-pô-rô-giét, I. I. La-rin, V. E. Ma-ca-rốp, M. V. Ru-đa-cốp, N. E. Xu-bốt-tin, A. N. Tép-tren-cốp, A. I-a. Phô-mi-nức, Ph. A. Sa-ma-nin. Còn các đồng chí đã giữ trọng trách trên trong khoảng chưa đầy nửa năm là: P. C. Ba-tơ-ra-cốp, Ph. Ph. Cu-dơ-nét-xốp, M. A. Buốc-mi-xten-cô, N. N. Clê-men-chi-ép, G. N. Cu-pri-i-a-nốp, A. Ph. Cô-lô-bi-a-cốp, A. I. Ki-ri-tsen-cô, V. M. Lai-ôc, P. I. Ma-dê-pốp, P. C. Pô-nô-ma-ren-cô, E. P. Rư-cốp, P. I. Xe-le-dơ-nép, N. I. Sa-ba-lin, I. V. Si-kin, E. A. Sa-đen-cô.

Trong các hạm đội, số cán bộ này ổn định hơn. Trong suốt thời gian chiến tranh, đồng chí A. A. Ni-cô-lai-ép giữ cương vị ủy viên thứ nhất Hội đồng quân sự Hạm đội Bắc, còn đồng chí X. E. Da-kha-rốp là ủy viên thứ nhất Hội đồng quân sự Hạm đội Thái Bình Dương. Đồng chí N. C. Xmi-rơ-nốp đã giữ cương vị ủy viên thứ nhất Hội đồng quân sự Hạm đội Ban-tích Cờ đỏ cũng trong thời gian gần bằng như vậy. Đồng chí N. M. Cu-la-cốp giữ trọng trách trên được hơn hai năm tại Hạm đội Biển Đen.

Song, tôi xin trở lại với đề mục cơ bản của chương này là những vấn đề tác chiến đang được giải quyết tại Bộ tổng tham mưu trong mùa xuân năm 1943. Không thể giành được bước ngoặt quyết định trong chiến tranh nếu không xây dựng những đội dự bị mạnh của các binh chủng. Công tác theo hướng này rất lớn.

Nếu như ngày 1 tháng Ba, Bộ tổng tư lệnh tối cao chỉ có bốn tập đoàn quân trong số lực lượng dự bị của mình (các tập đoàn quân 24, 62, 66 và tập đoàn quân dự bị 2), thì trong khoảng tháng Ba, con số tập đoàn quân ấy đã lên đến mười. Đến ngày 1 tháng Tư, lực lượng dự bị của Đại bản doanh gồm có: các tập đoàn quân 24, 46, 53, 57, 66, tập đoàn quân cận vệ 6, các tập

đoàn quân binh chúng hợp thành dự bị 2 và 3, và hai tập đoàn quân xe tăng-tập đoàn quân xe tăng 1 và tập đoàn quân xe tăng cận vệ 5.

Trong lúc này, Bộ tổng tham mưu vẫn thường xuyên theo dõi địch. Những tin tức về địch hơi mâu thuẫn với nhau. Cả cán bộ trinh sát lẫn các trợ lý đều cho rằng địch tỏ ra thận trọng, đôi khi thận trọng đến dè dặt. Tuy nhiên, ở vùng Ô-ngôn, Bên-gô-rốt và Khác-cốp, chúng vẫn duy trì cánh quân đột kích gồm cả không quân và xe tăng như trước, và sức mạnh của cánh quân này đang không ngừng được tăng cường thêm. Tình hình ấy được coi là bằng chứng trực tiếp nói lên ý định tiến công của quân địch.

Cuối tháng Ba và trong tháng Tư, tại Đại bản doanh và Bộ tổng tham mưu có cuộc trao đổi ý kiến xem phải giải quyết nhiệm vụ chủ yếu của chiến tranh trong mùa hè năm 1943 ở đâu và như thế nào. Về các vấn đề, đều lấy ý kiến của các nhà quân sự có uy tín: các đại diện Đại bản doanh tại các đơn vị đang tác chiến, cả của một số tư lệnh phương diện quân.

Vấn đề “ở đâu” không phải là vấn đề quá khó. Chỉ có thể có một ý kiến trả lời cho câu hỏi này: ở vòng cung Cuốc-xcơ. Vì chính trong khu vực này có những lực lượng đột kích chủ yếu của địch, chứa chất hai khả năng nguy hiểm cho chúng ta: vu hồi sâu vào Mát-xcơ-va hoặc quật xuống phía Nam. Mặt khác, chính chúng ta cũng đang ở đây, tức là trực diện với cánh quân chủ yếu của địch và có thể sử dụng với hiệu quả lớn nhất những lực lượng và phương tiện của chúng ta, trước hết là những tập đoàn xe tăng mạnh. Còn ở mọi hướng khác, dù chúng ta có hoạt động kết quả đi chăng nữa, thì cũng không thể mang lại cho các Lực lượng vũ trang Liên Xô những triển vọng như ở vòng cung Cuốc-xcơ. Rốt cuộc, cả Đại bản doanh, cả Bộ tổng tham mưu, cả các tư lệnh phương diện quân đều đi đến kết luận như vậy.

Còn vấn đề thứ hai – giải quyết nhiệm vụ chủ yếu của chiến tranh như thế nào – thì phức tạp hơn. Nó không được trả lời ngay, các ý kiến trả lời lại khác nhau xa.

Ngày 8 tháng Tư, Gh. C. Giu-cốp đang ở phương diện quân Vô-rô-ne-giơ, viết về tổng tư lệnh tối cao:

“Tôi nghĩ rằng: trong những ngày sắp tới, chuyển bộ đội ta sang tiến công là không hợp lý. Tốt hơn hết là nên tiêu hao địch trong tuyến phòng ngự của chúng ta, diệt lực lượng xe tăng của chúng, sau đó điều những lực lượng dự bị sinh lực còn dồi dào đến rồi chuyển sang tiến công toàn diện và kết liễu cánh quân chủ yếu của địch ở đây”.

A. M. Va-xi-lép-xki đồng ý với quan điểm này.

I. V. Xta-lin không phát biểu ý kiến của mình mà cho lệnh triệu tập một cuộc họp đặc biệt tại Đại bản doanh vào ngày 12 tháng Tư, để thảo luận kế hoạch chiến cục mùa hè. Trước ngày đó, Bộ tổng tham mưu phải tìm hiểu những ý kiến của các tư lệnh phương diện quân về tính chất hành động và phương hướng của cuộc đột kích mà địch có thể tiến hành. Trong trường hợp này, Tổng tư lệnh tối cao đã thay đổi nguyên tắc thường xuyên của mình “không được say mê dự đoán địch”. Tình huống đòi hỏi phải làm như vậy.

- Đồng chí hãy viết thông tri hỏi ý kiến các tư lệnh phương diện quân, – An-tô-nốp lệnh cho tôi trong đêm rạng ngày 10 tháng Tư, khi chúng tôi mới đi báo cáo thường kỳ ở Đại bản doanh về.

Chỉ vài phút sau, thông tri đã viết xong, rất ngắn:

“Đề nghị các đồng chí: trước ngày 12 tháng Tư năm 1943, cho biết ý kiến đánh giá đối phương của mình và các hướng hành động có thể có của chúng”.

A. I. An-tô-nốp ký bức điện ấy.

Đến thời hạn quy định, các tư lệnh và tham mưu trưởng phương diện quân xác nhận tình hình địch vẫn như cũ, và đều tin chắc rằng địch nhất thiết sẽ tiến công trên hướng Cuốc xơ. Trong vấn đề này, bộ tư lệnh phương diện quân Trung tâm có ý kiến nên tiến công trước quân địch. Các đồng chí cho rằng, ta có thể và cần thiết phải tiêu diệt cánh quân địch đóng tại Ô-ri-ôn khi chúng chưa sẵn sàng tiến công. Ngày 10 tháng Tư, tham mưu trưởng phương diện quân M. X. Ma-li-nin viết lên Bộ tổng tham mưu như sau:

“Địch có thể bắt đầu điều động và tập trung quân trên những hướng chúng dự kiến sẽ tiến công, bắt đầu xây dựng những kho tàng cần thiết sau khi

chấm dứt mùa lũ và tình trạng đường sá khó đi lại trong mùa xuân. Vì vậy, chừng hạ tuần tháng Năm 1943, chúng mới có thể chuyển sang tiến công mạnh được.

Trong những điều kiện của tình huống tác chiến ấy, tôi cho rằng áp dụng những biện pháp sau đây là thích hợp: cố gắng phối hợp bộ đội ba phương diện quân Tây, Bri-an-xơ và Trung tâm, tiêu diệt cánh quân địch tại Ô-ri-ôn và do đó làm cho quân chúng mất khả năng đột kích từ khu vực Ô-ri-ôn qua Li-vơ-nư tới Ca-xtô-rơ-nôi-ê đánh chiếm đoạn đường sắt chính rất quan trọng và cần thiết cho chúng ta: Mơ-xen-xơ – Ô-ri-ôn – Cuốc-xơ, và không cho chúng có thể lợi dụng đầu mối đường sắt và đường bộ ở Bri-an-xơ”

Hội đồng quân sự phương diện quân Vô-rô-ne-giơ chưa vội nêu đề nghị về hành động của bộ đội ta, nhưng cũng đã phát biểu khá rõ về địch:

“Địch định mở những mũi đột kích tập trung: từ khu vực Bên-gô-rốt tới Đông – Bắc, và từ khu vực Ô-ri-ôn tới Đông – Nam nhằm bao vây bộ đội chúng ta đang ở phía Tây tuyến Bên-gô-rốt, Cuốc-xơ.

Sau đó, trên hướng Đông – Nam, địch có thể đột kích vào sườn và phía sau phương diện quân Tây – Nam để rồi sẽ hành động trên hướng Bắc. Tuy nhiên, cũng không loại trừ khả năng là trong năm nay địch sẽ bỏ kế hoạch tiến công vào hướng Đông – Nam và sẽ tiến hành một kế hoạch khác: sau khi đã thực hiện xong những đòn đột kích tập trung từ khu vực Bên-gô-rốt và Ô-ri-ôn, chúng sẽ mở cuộc tiến công vào hướng Đông – Bắc để vu hồi vào Mát-xơ-va. Cần phải tính đến khả năng này và chuẩn bị lực lượng dự bị thích hợp”.

Cuối bản báo cáo có kết luận sau đây:

“Hiện nay địch chưa sẵn sàng mở cuộc tiến công lớn. Căn cứ kiến rằng cuộc tiến công ấy sẽ bắt đầu sau ngày 20 tháng Tư năm nay và rất có thể là vào những ngày đầu tháng Năm... Chúng có thể đánh lẻ tẻ vào bất cứ lúc nào”.

Tối ngày 12 tháng Tư, trong cuộc họp ở Đại bản doanh, sau khi phân tích kỹ lưỡng tình huống, mọi người đều nhất trí rằng cuộc tiến công mùa hè của

quân đội phát-xít Đức có khả năng nhiều nhất là nhằm mục đích bao vây và tiêu diệt những lực lượng chủ yếu của các phương diện quân Trung tâm và Vô-rô-ne-giơ tại vòng cung Cuốc-xcơ. Sau đó cũng không loại trừ khả năng là chúng sẽ phát triển kết quả sang các hướng Đông và Đông – Nam, kể cả tới Mát-xcơ-va. I. V. Xta-lin tỏ ra đặc biệt băn khoăn về điểm này.

Cuối cùng, cuộc họp đã đi đến quyết định tập trung những cố gắng chủ yếu của chúng ta ở khu vực Cuốc-xcơ, tiêu hao địch trong chiến dịch phòng ngự ở đây, rồi sau đó chuyển sang phản công và tiêu diệt chúng đến cùng. Để dự phòng mọi bất trắc, cuộc họp đã thừa nhận là cần phải xây dựng tuyến phòng ngự vững chắc và có chiều sâu trên toàn bộ mặt trận chiến lược và tuyến phòng ngự thật mạnh trên hướng Cuốc-xcơ.

Trong trường hợp bộ chỉ huy Hít-le chưa mở đợt tiến công trong thời gian tới, mà hoãn tiến công đến một thời gian dài sau, thì sẽ áp dụng phương án khác: chuyển bộ đội xô viết sang hành động tích cực, không chờ những mũi đột kích của địch.

Sau cuộc họp ấy, Bộ tổng tham mưu bắt tay ngay vào việc xây dựng kế hoạch cho cả chiến cục mùa hè và cho những chiến dịch quan trọng nhất trong chiến cục này. Mãi đến ngày 21 tháng Tư, Đại bản doanh mới nhận được ý kiến của bộ tư lệnh phương diện quân Vô-rô-ne-giơ. Bộ tư lệnh phương diện quân Vô-rô-ne-giơ cũng chủ trương lúc đầu phòng ngự, sau chuyển sang phản công, song cũng cho rằng ta có thể mở những mũi đột kích trước, nếu địch không tổ chức tiến công trong một thời gian dài. Còn những nhiệm vụ sắp đến, nói chung đã được trình bày một cách rất mềm dẻo.

Để xây dựng các kế hoạch chiến cục mùa hè năm 1943 thì, như người ta nói, cần phải báy lần đo, một lần cắt. Chúng ta cũng chưa có khả năng tiến công ngay. Đồng thời, muốn phá vỡ cuộc tiến công của địch, ta cần phải chuẩn bị kỹ thêm: bổ sung và tập trung bộ đội và các lực lượng dự bị, tiếp vận thêm đạn dược, tích lũy nhiên liệu, tổ chức việc đảm bảo cứu thương và các mặt khác. Người ta đã tính rằng: trước khi tiến hành một chiến dịch, chỉ riêng không quân chẳng hạn cũng cần đến 20 cơ sở xăng dầu. Để xây dựng

được nguồn dự trữ cần thiết ấy cho các đơn vị không quân, thậm chí phải tạm thời đình những hoạt động bắn phá vào các sân bay và đường giao thông của địch.

Vào thời kỳ chuẩn bị chiến dịch, Bộ tổng tham mưu phải phối hợp với rất nhiều các chủ nhiệm, tư lệnh để giải quyết các vấn đề tổ chức. Mỗi người đều có tính cách riêng, có phong cách làm việc riêng và thói quen ưa thích riêng của mình. Tôi còn nhớ tướng Ê. I. Xmi-rơ-nốp, chủ nhiệm Tổng cục quân y của Hồng quân đã “hành động” như thế nào. Xmi-rơ-nốp là người bạn lớn của tôi, nhưng hồi bấy giờ nhiều khi tôi phải cắn răng chịu đựng vì đồng chí ấy thường xuất hiện chẳng hợp lúc tỳ nào, tức là khi tôi đang bận tối mắt với cương vị cục trưởng Cục tác chiến.

“Anh chàng chủ nhiệm quân y” ấy ngồi xuống ghế và hỏi không thừa lời tỳ nào:

- Ta sẽ tấn công ở đâu? Tớ phải dồn lực lượng tới đâu?

- Ê-phim I-va-nô-vích, lúc này tớ chưa thể nói điều đó được, phải một thời gian nữa.

- Tớ biết, đó là việc bí mật. Nhưng cậu cứ thử khuyên mình nên chuyển các quân y viện tới đâu, không thì sẽ muộn mất.

- Tớ cũng chẳng thể khuyên được.

- Thôi được. Thế thì nói hướng nào vậy.

- Ê-phim I-va-nô-vích, – tôi lại nói, – cả việc này tôi không thể nói được.

Và cứ thế mãi. Đồng chí ấy không phát bực, cũng không nổi cáu, mà cứ tiếp tục đặt “những câu hỏi dò”... đến khi tự bản thân chúng tôi nói ra nên điều lực lượng tới đâu thì đồng chí mới thỏa mãn ra về, và thế là công việc bắt đầu sôi nổi lên.

Trong quá trình chiến tranh, cơ quan quân y của chúng ta đã cứu sống sinh mạng cho hàng triệu chiến sĩ, đã trả họ về với đội ngũ, đã góp phần to lớn vào sự nghiệp chung là chiến thắng quân thù.

Ngày 25 tháng Tư, Đại bản doanh kiểm tra tình hình phương diện quân Vô-rô-ne-giơ mà đối diện với nó là cánh quân Bên-gô-rôt – Khác-cốp mạnh

nhất của địch. Kế hoạch phòng ngự của phương diện quân được phê chuẩn. Đại bản doanh quy định thời hạn phải sẵn sàng chiến đấu là ngày 10 tháng Năm, còn sẵn sàng tiến công thì không được quá ngày 1 tháng Sáu. Ý định sẽ mở những mũi đột kích trước khi quân địch tiến công vẫn chưa bị bác bỏ nhưng bị xếp vào hàng thứ hai.

Chúng ta đã dự tính như vậy đấy. Chúng ta đã tận lực triển khai một công tác tổ chức to lớn và sáng tạo, cần thiết khi chuẩn bị bất kỳ một chiến dịch quy mô lớn nào.

Đến lúc này, ta mới dứt khoát thấy rõ là: cả cuối tháng Tư lẫn đầu tháng Năm, quân địch vẫn chưa thể chuyển sang tiến hành một cuộc tiến công quyết định. Nhưng chúng cũng không chịu để mất thời gian một cách vô ích. Khi tình hình ở Bên-gô-rôt vừa được ổn định, quân đội phát-xít Đức liền bắt tay ngay vào việc xây dựng phòng ngự thành tuyến chiến hào có tung thâm sâu như kiểu ta đã gặp ở khu vực sông Mi-u-xơ.

Chúng ta có tính tới tình hình ấy, và trong dự kiến tiến công đột phá một tuyến phòng ngự như vậy, Đại bản doanh đã xúc tiến thành lập nhiều quân đoàn pháo binh đột phá, nhiều sư đoàn pháo thuộc lực lượng dự bị của Bộ tổng tư lệnh tối cao, nhiều lữ đoàn pháo tiêm kích chống tăng. Dẫu sao, ngay trong phòng ngự, chúng ta cũng cần những binh đoàn pháo binh như thế, dùng để đánh lui những mũi đột kích của địch khi chúng tiến công ta.

Bộ tổng tham mưu đã tiến hành tập kết phương tiện vật chất và bộ đội trên một quy mô lớn nhất trong thời gian chiến tranh về khu vực Cuốc-xơ, do đó, phải xem xét lại khả năng của đường sắt và mở rộng kế hoạch vận chuyển.

Chúng ta phải giải quyết cả nhiều vấn đề còn chưa rõ về mặt lý luận, xoay quanh chủ trương chủ tâm phòng ngự trước rồi sau mới chuyển sang phản công. Những vấn đề ấy có nhiều. Làm thế nào để bảo đảm phòng ngự có kết quả và liệu có thể thực hiện việc phòng ngự ấy bằng một lực lượng ít hơn địch không? Có cần phải xây dựng ưu thế về lực lượng trước hay không? Khâu nào cần có ưu thế ấy – khâu chiến thuật hay chiến dịch, khâu tập đoàn quân hay khâu phương diện quân? Phải chăng tốt nhất là tập trung lực lượng

dự bị vào tay Đại bản doanh và nhờ đó, đến lúc thích hợp sẽ tạo nên ưu thế về lực lượng có tính chất quyết định khi chuyển sang phản công? Còn phải giải quyết vấn đề là đến khi nào và đến lúc nào trong quá trình chiến dịch thì nên chuyển sang phản công, không để địch gây tổn thất nặng cho bộ đội phòng ngự của ta. Song cũng không nên vội vã, không được chuyển sang phản công sớm khi chưa tiêu hao được địch.

Các đồng chí tư lệnh phương diện quân, các cơ quan tham mưu phương diện quân, kể từ phương diện quân Tây cho đến phía Nam, đã cùng với Bộ tổng tham mưu chăm lo giải quyết tất cả những vấn đề trên. Thời gian thật căng thẳng: công tác chuẩn bị cho chiến cục mùa hè xen kẽ với những công việc hiện hành, công tác lý luận đi liền với công tác thực tiễn, bổ sung lẫn nhau và dựa vào nhau.

Khi chúng tôi hỏi ý kiến Tổng tư lệnh tối cao xem lúc nào sẽ chuyển sang phản công, đồng chí trả lời như sau:

- Cái đó để các phương diện quân tự giải quyết, căn cứ vào tình hình diễn biến lúc bấy giờ. Bộ tổng tham mưu chỉ có nhiệm vụ theo dõi chăm lo sao cho việc hiệp đồng không bị phá hoại, chiến cuộc không bị ngừng lại lâu khiến địch có thể trụ chắc tại những tuyến chúng đã giành được. Điều rất quan trọng là phải kịp thời đưa các lực lượng dự bị của Đại bản doanh vào chiến đấu.

Ai cũng thấy rằng phương diện quân Trung tâm và phương diện quân Vô-rô-ne-giơ sẽ giữ vai trò chủ yếu trong phòng ngự, nhưng cũng không loại trừ khả năng phương diện quân Bri-an-xơ và phương diện quân Tây – Nam sẽ cùng tham gia vào đây. Thậm chí, Gh. C. Giu-côp và R. I-a. Ma-li-nốp-xki cũng tin chắc rằng phương diện quân Tây – Nam nhất định sẽ phải chịu những đòn đột kích của địch. Vì rằng ở đây không có những đội dự bị đủ mạnh của bản thân phương diện quân nên các đồng chí nhấn mạnh đến sự cần thiết có một tập đoàn quân hoặc ít ra cũng là một quân đoàn xe tăng lấy trong lực lượng dự bị của Đại bản doanh, bố trí ở chỗ tiếp giáp giữa phương diện quân Tây – Nam và phương diện quân Vô-rô-ne-giơ.

Việc phân tích cận kề những thủ đoạn tác chiến của địch trong những chiến cục trước đây đã buộc chúng ta còn phải chú ý đến một tình huống nữa: địch có thể triển khai những hành động yểm hộ hoặc những hành động thu hút trong các dải hoạt động của bất kỳ phương diện quân nào của chúng ta ở cánh phía Nam.

Vì vậy, ngay trước ngày 20 tháng Tư, Đại bản doanh và Bộ tổng tham mưu đã kiểm tra tình trạng phòng ngự của gần hết mọi nơi trong các dải tiền tuyến, và cố nhiên, đã phát hiện ra nhiều thiếu sót. Nhân đó, ngày 21 tháng Tư, Xta-lin đã ký nhiều chỉ thị đặc biệt gửi cho tất cả các phương diện quân, trừ hai phương diện quân Lê-nin-grát và Ca-rê-li-a.

Càng tiến dần đến bước ngoặt quyết định trong quá trình chiến tranh, Bộ tổng tư lệnh tối cao Liên Xô càng tăng cường quan tâm đến lực lượng dự bị chiến lược: bố trí chúng ở đâu và thể thức sử dụng chúng ra sao? Đại bản doanh có ý định xây dựng một phương diện quân dự bị đặc biệt từ đầu tháng Ba.

Như đã nói ở trên, đến ngày 13 tháng Ba, ta đã thành lập phương diện quân ấy gồm ba tập đoàn quân binh chủng hợp thành (tập đoàn quân dự bị 2, các tập đoàn quân 24, 66) và ba quân đoàn xe tăng (quân đoàn xe tăng cận vệ 4 và các quân đoàn xe tăng 3, 10). Trong tháng Tư, phương diện quân này đã được tăng cường đáng kể: đội ngũ của nó có thêm ba tập đoàn quân binh chủng hợp thành (46, 47 và 53), một tập đoàn quân xe tăng (tập đoàn quân xe tăng cận vệ 5), một quân đoàn xe tăng nữa (quân đoàn 1) và hai quân đoàn cơ giới (1 và 4).

Phương diện quân cũng đã mang nhiều tên khác nhau theo thời gian: lúc đầu là phương diện quân Dự bị (từ 10 đến 15 tháng Tư), sau là quân khu Tháo nguyên và cuối cùng là phương diện quân Thảo nguyên (từ 9 tháng Bảy đến 20 tháng Mười). Như sau đây, bạn đọc sẽ thấy, việc đổi tên có bao hàm một ý nghĩa nhất định, nhưng thực chất có tính nguyên tắc của những lực lượng dự bị chiến lược vẫn không thay đổi.

Đại bản doanh và Bộ tổng tham mưu không định sử dụng lực lượng dự bị chiến lược trong giai đoạn phòng ngự của chiến dịch đang trù tính, mà định dành cho chúng vai trò chủ yếu khi chuyển sang phản công. Song, I. V. Xta-lin cho rằng: để sẵn sàng trước mọi trường hợp, quân khu Thảo nguyên cần bố trí sẵn quân trên hướng trung tâm, ở phía sau những phương diện quân đang tác chiến, vì chúng có thể được sử dụng để giải quyết những nhiệm vụ phòng ngự, nếu tình hình buộc phải làm như vậy.

Ngày 23 tháng Tư, quân khu Thảo nguyên nhận được những chỉ thị dưới đây mà quân khu phải hoàn thành đồng thời với việc kiện toàn bổ sung và huấn luyện bộ đội.

“Phòng trường hợp địch chuyển qua tiến công trước lúc bộ đội quân khu sẵn sàng, chú ý yểm hộ vững chắc các hướng: 1) Li-vơ-nư, Ê-lê-txơ, Ra-nen-buốc; 2) Si-grư, Ca-xtô-rơ-nôi-ê, Vô-rô-ne-giơ; 3) Va-lui-ki, A-lếch-xê-ép-ca, Li-xki; 4) Rô-ven-ki, Rốt-xô-sơ, Páp-lap-xcơ; 5) Xta-rô-ben-xcơ, Can-tê-mi-rốp-ca, Bô-gu-tsa-rơ và khu vực Tre-rơ-tơ-cô-vô, Min-lê-rô-vô”.

Đồng thời, sử dụng lực lượng nhân dân địa phương, dưới sự lãnh đạo của các tổ chức đảng, ta đã chuẩn bị xong trước ngày 15 tháng Sáu công việc phòng ngự cái gọi là tuyến quốc gia chạy dài theo tả ngạn sông Đôn tới Vô-ây-cô-vô, Lê-bê-đi-an, Da-đôn-xcơ, Vô-rô-ne-giơ, Li-xki, Páp-lốp-xcơ, Bô-gu-tsa-rơ. Quân khu Thảo nguyên nghiên cứu tuyến này và chuẩn bị chiếm lĩnh khi bắt đầu thấy cần. Cũng đã tiến hành trinh sát thực địa tuyến phòng ngự cũ của chúng ta: Ê-phrê-mốp, Bô-rơ-ki, A-lếch-xê-ép-ca, Bê-lô-vôt-xcơ, Ca-men-xcơ ở Bắc Đô-ne-txơ.

Kết quả là: tại phía sau các phương diện quân đang tác chiến, trong dải dự kiến địch sẽ tiến công, đã xây dựng tuyến phòng ngự sâu tới 300 ki-lô-mét. Trong khoảng không gian ấy các lực lượng dự bị chiến lược của ta phải tiêu diệt địch nếu chúng đột phá vào đây. Đồng thời, quân khu Thảo nguyên nhận được mệnh lệnh: “Bộ đội, các cơ quan tham mưu và tư lệnh binh đoàn chủ yếu phải chuẩn bị cho chiến đấu và chiến dịch tiến công, đột phá dải phòng ngự của địch, đồng thời chuẩn bị cho bộ đội ta tạo được những đợt phản xung phong mạnh, chống lại những mũi đột kích ào ạt của xe tăng và không quân”.

Những nhiệm vụ như thế về nguyên tắc không phù hợp với khái niệm quân khu. Chính vì vậy, ngày 9 tháng Bảy, quân khu Thảo nguyên đã đổi thành phương diện quân Thảo nguyên gồm: tập đoàn quân 27 của trung tướng X. G. Tơ-rô-phi-men-cô, tập đoàn quân 47 của trung tướng A. I. Ru-giốp (từ ngày 13 tháng Bảy, trung tướng P. M. Cô-dơ-lốp chỉ huy tập đoàn quân 47. Sau đó, từ ngày 4 tháng Tám, trung tướng P. P. Cô-rơ-dun chỉ huy

tập đoàn quân này), tập đoàn quân 53 của trung tướng I. M. Ma-na-ga-rôp, tập đoàn quân cận vệ 5 (trước là tập đoàn quân 66) của trung tướng A. X. Gia-đôp, tập đoàn quân xe tăng cận vệ 5 của trung tướng P. A. Rôt-mi-xtơ-rôp, tập đoàn quân không quân 5 của trung tướng X. C. Gô-riu-nốp, quân đoàn xe tăng cận vệ 4 và quân đoàn xe tăng 10, quân đoàn cơ giới cận vệ 1, và ba quân đoàn kỵ binh cận vệ 7, 3 và 5.

Việc phòng ngự có tung thâm sâu nhiều dải của những phương diện quân tác chiến, việc bố trí những lực lượng dự bị chiến lược mạnh ở phía sau và cuối cùng việc thành lập phòng tuyến quốc gia dọc theo sông Đôn nhất định bảo đảm cho chúng ta khả năng ngăn chặn được địch trong mọi hoàn cảnh. Nhưng như thế vẫn chưa đủ bảo đảm đánh bại hoàn toàn được quân đội phát-xít Đức. Do đó, ta vẫn tiếp tục tìm kiếm thêm những khả năng mới.

Nhằm mục đích ấy, chúng tôi đã nhiều lần xuống các phương diện quân Tây và Bri-an-xcơ. Dự kiến rằng: quy mô hành động tiến công của quân địch ở đây sẽ không lớn bằng ở vùng các phương diện quân Trung tâm và Vô-rô-ne-giơ. Đồng thời, theo giả định của chúng ta, cánh quân địch đóng tại Ô-ri-ôn nhất thiết sẽ tích cực tham gia vào cuộc tiến công quyết định của quân đội phát-xít Đức ở Cuốc-xcơ. Chúng sẽ tung cánh quân này vào chiến đấu, khi những lực lượng xung kích của chúng đã hết khả năng tiến công, và bộ chỉ huy Hít-le sẽ buộc phải khắc phục tình hình khủng hoảng của chiến dịch, phải tìm mọi cách ngăn chặn tình huống này. Lúc cánh quân Ô-ri-ôn được tung vào chiến đấu, ta phải tiêu diệt chúng bằng những cố gắng hợp nhất của hai phương diện quân Tây và Bri-an-xcơ. Vì vậy, chúng tôi đã vạch trước kế hoạch chiến dịch tiến công trên hướng này, và chiến dịch sẽ mở màn vào lúc có đột biến trong chiến sự trên vòng cung Cuốc-xcơ. Chiến dịch ấy tất nhiên là một bảo đảm mới và rất quan trọng cho thắng lợi chung của bộ đội Liên Xô. Kế hoạch chiến dịch lấy tên là “Cu-tu-dốp”.

Nói chung, chúng ta hình dung tiến trình của những sự kiện sắp tới như sau: khi tiến công, địch sẽ dựa chủ yếu vào xe tăng và không quân. Bộ binh của chúng sẽ giữ vai trò thứ yếu vì đã bị suy yếu hơn những năm trước đây.

Cách bố trí những cánh quân đột kích của địch cho phép ta dự đoán chúng sẽ từ nhiều hướng đánh quặp vào Cuốc-xơ: cánh quân Ô-ri-ôn – Crô-mư sẽ từ phía Bắc đánh xuống và cánh quân Ben-gô-rốt – Khác-côp từ phía Nam đánh lên. Mũi đột kích phụ, chia cắt mặt trận chúng ta, có thể xuất phát từ phía Tây, từ khu vực Vô-rô-giơ-ba giữa hai con sông Xây-mơ và Pxi-ôn đánh vào Cuốc-xơ.

Định hướng sử dụng bộ đội xe tăng, máy bay và bộ binh như vậy, bộ chỉ huy phát-xít Đức hy vọng bao vây và trong một thời hạn ngắn tiêu diệt toàn bộ tập đoàn quân của chúng ta đang phòng ngự trên vòng cung Cuốc-xơ. Giả định rằng: địch có kế hoạch trong giai đoạn đầu tiến công tới tuyến Cô-rô-tra, Tim, Đrô-xcô-vô, và trong giai đoạn hai đột kích vào sườn và phía sau phương diện quân Tây – Nam qua Va-lui-ki, U-ra-dô-vô.

Có thể là chúng sẽ tiến công từ khu vực Li-xi-tran-xơ lên phía Bắc theo hướng Xva-tô-vô, U-ra-dô-vô để gặp mũi đột kích trên. Cũng không loại trừ việc bọn Đức còn âm mưu đánh chiếm tuyến Li-vơ-nư, Ca-xtô-rơ- nô-i-ê, Xta-rưi Ô-xcôn và Nô-vưi Ô-xcôn nhằm chiếm lĩnh con đường sắt đi Đôn-bát quan trọng đối với chúng ta. Sau đó, tất nhiên chúng sẽ tập trung binh lực để tiến ra tuyến Li-xki, Vô-rô-ne-giơ, Ê-lê-txơ và tổ chức đột kích vu hồi từ phía Đông – Nam vào Mát-xơ-va.

Đến ngày 8 tháng Tư, ở phía trước phương diện quân Vô-rô-ne-giơ và phương diện quân Trung tâm, địch đã tập trung 15-16 sư đoàn xe tăng, với 2.500 xe tăng. Ngoài ra, ở đây chúng còn có khá nhiều sư đoàn bộ binh. Những lực lượng ấy vẫn không ngừng tăng lên. Ngày 21 tháng Tư, N. Ph. Va-tu-tin tính rằng chỉ riêng ở phía trước phương diện quân Vô-rô-ne-giơ, trong khu vực Bên-gô-rốt đã có tới hai mươi sư đoàn bộ binh và mười một sư đoàn xe tăng.

Phù hợp với những tin tức và giả thiết của Bộ tổng tư lệnh tối cao Liên Xô, từng phương diện quân sẽ tham gia chiến dịch có tính chất chiến lược ở Cuốc-xơ đã dần dần vạch ra những nét lớn trong kế hoạch chiến dịch của mình.

Hội đồng quân sự phương diện quân Vô-rô-ne-giơ báo cáo rằng cơ sở của toàn bộ hoạt động thực tiễn của phương diện quân trong thời gian sắp tới là:

“a) bố trí đội hình phòng ngự có tung thâm sâu, muốn vậy không những đang chuẩn bị một loạt tuyến chiến đấu mà còn đang đưa bộ đội vào chiếm lĩnh những tuyến chiến đấu ấy ngay từ bây giờ để không cho địch tiến hành đột phá chiến dịch;

b) tổ chức phòng ngự chống tăng với mật độ dày đặc và phát triển trên một tung thâm lớn, nhất là trên những hướng tối quan trọng có thể bị xe tăng địch uy hiếp. Do đó, đang chú trọng xây dựng các kế hoạch chống tăng, thành lập nhiều khu vực chống tăng trên một tuyến sâu, cấu trúc nhiều công trình chướng ngại chống tăng, nhiều bãi mìn cả ở phía trước tiền duyên lẫn ở trong tung thâm, sử dụng nhiều súng phun lửa, chuẩn bị hỏa lực pháo binh, pháo phản lực và những đòn đột kích của không quân vào các hướng tiến quân của xe tăng địch. Nhiều chướng ngại vật cơ động đang được chuẩn bị trên một tung thâm lớn. Trong tất cả các đơn vị và binh đoàn đều có những đội dự bị cơ động chống tăng,

c) tổ chức phòng không vững chắc bằng cách xây dựng hầm hào cho các đội hình chiến đấu, nguy trang và sử dụng tập trung pháo cao xạ trên những hướng quan trọng nhất. Tuy nhiên, cách phòng không hiệu nghiệm nhất vẫn là tiêu diệt không quân địch tại các sân bay và triệt phá các kho nhiên liệu của chúng, do đó cần kịp thời sử dụng cầu không quân của tất cả các phương diện quân lẫn không quân hoạt động tầm xa;

d) chuẩn bị và thực hiện cơ động là cơ sở thắng lợi trong phòng ngự.

Đã áp dụng nhiều biện pháp bảo đảm cơ động cho những khí tài chống tăng, pháo binh, các đơn vị pháo phản lực, xe tăng, các thể đội hai và đội dự bị nhằm nhanh chóng tạo ra một mật độ và tung thâm phòng ngự lớn trên những hướng tiến công của địch, nhanh chóng tập trung lực lượng để tổ chức phản kích và giành ưu thế lực lượng rồi chuyển sang phản công”.

Phương diện quân Trung tâm cũng tiến hành một công tác tương tự như vậy. Đang công tác ở đây với tư cách là đại diện Đại bản doanh, Gh. C. Giucốp báo cáo lên Tổng tư lệnh tối cao:

“Phòng ngự của hai tập đoàn quân 13 và 70 đã được tổ chức đúng đắn và bố trí sâu thành nhiều tuyến. Phòng ngự của tập đoàn quân 48 được tổ chức lỏng lẻo với một mật độ và một lực lượng pháo binh rất yếu... Tôi cho rằng: nên lấy trong lực lượng dự bị Đại bản doanh tăng cường thêm cho Rô-ma-nen-cô hai sư đoàn bộ binh, ba trung đoàn xe tăng T-34, hai trung đoàn pháo tiêu kích chống tăng và hai trung đoàn súng cối hoặc hai trung đoàn pháo binh thuộc lực lượng dự bị của Bộ tổng tư lệnh. Nếu có được những lực lượng đó, Rô-ma-nen-cô sẽ có thể tổ chức phòng ngự tốt và khi cần, có thể chuyển sang tiến công bằng một lực lượng khá dày đặc”.

Đại bản doanh đã nghiên cứu tỉ mỉ tất cả những yêu cầu trên và không giống như trước kia, hiện nay đã có khả năng thỏa mãn gần hết những yêu cầu đó. Đến thời gian này, đất nước chúng ta đã có một nền kinh tế thời chiến hoàn chỉnh. Ngành luyện kim, ngành năng lượng, công nghiệp cơ khí ở U ran, Tây Xi-bi-ri và Ca-dắc-xtan là những cơ sở rộng lớn để sản xuất vũ khí, trang bị kỹ thuật quân sự cần thiết cho tiền tuyến. Tháng Năm 1943, đại đội bộ binh nào cũng đều đã có một trung đội tiểu liên. Tiểu liên cũng còn được trang bị cho bộ đội xe tăng và cơ giới.

Trong khi tiến hành chuẩn bị phòng ngự, chúng ta đã suy nghĩ và cân nhắc mọi chi tiết của cuộc phản công. Đại bản doanh và Bộ tổng tham mưu đặc biệt quan tâm đến việc chọn hướng đột kích chủ yếu. Các đồng chí đã suy nghĩ, tính toán sâu sắc và không phải đã tìm ra giải pháp hay nhất ngay được.

Lúc đầu, nhiều người đã chú ý đến đề nghị của bộ tư lệnh phương diện quân Vô-rô-ne-giơ: tập trung những cố gắng chủ yếu vào phía Nam Cuốc-xcơ, đột phá vào hướng Khác-cốp và Đni-ép-rô-pê-tơ-rôp-xcơ nhằm đánh chiếm căn cứ bàn đạp lớn ở hữu ngạn sông Đni-ép-rơ rồi tiến ra tuyến Crê-mên-trúc, Cri-vôi Rô-gơ, Khéc-xôn, và nếu có điều kiện thuận lợi thì sẽ tiến tới kinh tuyến Tséc-ca-xư, Ni-cô-lai-ép.

Theo ý kiến của Hội đồng quân sự phương diện quân, thì chính ở đây cuộc phản công sẽ cho phép “giành được những kết quả quyết định đối với

quá trình chiến tranh”. Nó sẽ loại ra khỏi vòng chiến đấu cụm tập đoàn quân “nam”, một lực lượng hùng hổ nhất trong thời gian ấy của bộ chỉ huy phát-xít Đức, sẽ làm cho địch mất một căn cứ giàu lương thực nhất, và những khu vực công nghiệp quan trọng như Đôn-bát, Cri-vô-rô-gie, Khác-côp và Đni-ép-rô-pê-tơ-rốp-xcơ.

Ngoài ra, chúng ta còn có dịp tiến sát tới biên giới các nước đồng minh phía Nam của nước Đức Hít-le và do đó có thể nhanh chóng loại các nước đó ra khỏi chiến tranh. Trong chiến dịch này, sẽ sử dụng lực lượng các phương diện quân Vô-rô-ne-giơ, Tây – Nam và Nam, còn trong giai đoạn kết thúc chiến dịch sẽ sử dụng thêm phương diện quân Trung tâm cùng với lực lượng tăng cường thích ứng, rút ra từ các lực lượng dự bị của Đại bản doanh.

Ý định tiêu diệt cánh quân địch ở phía Nam thật là hấp dẫn. Nhưng kế hoạch ấy vẫn bị bác bỏ. Nó không đụng chạm đến phía giữa của mặt trận Xô – Đức và đến hướng chiến lược chủ yếu ở phía Tây, không quật ngã cánh quân chủ yếu của địch ở cụm tập đoàn quân “Trung tâm” – là cánh quân có thể đe dọa bên sườn những phương diện quân quan trọng nhất của chúng ta, không để ý đến hướng tiến về Ki-ép, hướng rất quan trọng về các mặt chính trị, kinh tế và thuần túy quân sự.

Theo ý kiến của Bộ tổng tham mưu thì đột kích vào Khác-côp, Pôn-ta-va, Ki-ép là có nhiều triển vọng hơn cả. Cuộc tiến quân của Quân đội xô-viết vào thủ đô U-crai-na – trung tâm kinh tế quan trọng của đất nước – sẽ đem lại nhiều kết quả chiến lược lớn hơn. Hơn nữa, sẽ giành được mọi điều kiện để tiến công trên hướng Đni-ép-rô-pê-tơ-rốp-xcơ, và ngoài ra còn chia cắt được chính diện quân địch (nhất là khi bộ đội xô-viết tiến đến Các-pát), sẽ làm cho những tập đoàn quan trọng nhất của địch khó hiệp đồng được với nhau. Từ khu vực Ki-ép, ta có thể uy hiếp được cả hai bên sườn và phía sau cụm tập đoàn quân “nam”, đồng thời uy hiếp được cả cánh phải của cụm tập đoàn quân “trung tâm” (điều này đặc biệt quan trọng).

Cuối cùng, với phương án này chúng ta sẽ giành được hoàn cảnh thuận lợi cho những hành động tiếp sau. Kế hoạch đó đã được thông qua. Phần thứ

nhất của kế hoạch (tiêu diệt cánh quân Bên-gô-rôt – Khác-cốp của địch) được trình bày dưới dạng kế hoạch chiến dịch liên hợp nhiều phương diện quân, ước định gọi là chiến dịch “Ru-mi-an-txép”.

Gắn liền với cuộc đột kích vào Ki-ép là kế hoạch chiến dịch “Cu-tu-dốp” mà bạn đọc đã biết, tức là dùng lực lượng hai phương diện quân Tây và Bri-an-xơ tiến công thẳng sang phía Tây nhằm đánh tan cánh quân Ô-ri-ôn của địch rồi sau đánh chiếm Bê-lô-ru-xi-a và sau đó đột nhập vào Đông Phổ và Đông Ba Lan.

Tôi xin nhắc lại rằng: theo tính toán của Bộ tổng tham mưu, hai phương diện quân trên sẽ chỉ xuất quân khi địch đã bị sa lầy đến tận cổ trong dải phòng ngự sâu thành nhiều tuyến của các phương diện quân Trung tâm và Vô-rô-ne-giơ. Và, trong thực tiễn cũng đã thực hiện như vậy: các phương diện quân Tây và Bri-an-xơ đã chuyển sang tiến công ngày 12 tháng Bảy, tức bảy ngày sau khi quân địch đã đột kích vào các phương diện quân Trung tâm và Vô-rô-ne-giơ. Còn phương diện quân Trung tâm đến ngày 15 tháng Bảy mới bắt đầu hành động tiến công.

Nhưng tất cả những sự việc đó đều là chuyện của những ngày sắp tới. Hiện nay thì quân địch cũng như quân ta đều còn đang ẩn mình trong đất. Trong những cơ quan tham mưu cao cấp của bọn địch và trong Tổng hành dinh của Hít-le, chúng đang ráo riết chuẩn bị cho cái gọi là chiến dịch “thành trì”. Địch đặt nhiều hy vọng lớn lao vào chiến dịch này: đánh tan được hai phương diện quân Trung tâm và Vô-rô-ne-giơ của ta, giành lại quyền chủ động chiến lược cho bộ chỉ huy phát-xít Đức. Do đó, chúng đã điều ra tiền tuyến nhiều đơn vị, vũ khí và trang bị kỹ thuật quân sự mới, nhất là xe tăng và máy bay.

Một tình thế độc đáo đã hình thành: cả hai bên đều ra sức cải thiện công trình phòng ngự của mình, đồng thời đều chuẩn bị tiến công. Chúng ta lại tình nguyện nhường cho địch quyền ưu tiên tiến công trước.

Tuy nhiên, chúng ta đã không thụ động phòng ngự. Vì dự kiến trước cuộc tiến công của địch, ta đã tiến hành nhiều đợt đánh phá lớn bằng không quân.

Đợt đánh phá thứ nhất kéo dài trọn một tuần, từ ngày 6 đến hết ngày 13 tháng Năm. Tham gia đợt đánh phá này có không quân của các phương diện quân Ca-li-nin, Tây, Bri-an-xơ, Trung tâm, Vô-rô-ne-giơ, Tây – Nam và Nam. Các trận đột kích này chủ yếu nhằm đánh các sân bay căn cứ của những phi đoàn máy bay 4 và 6 của bọn Đức. Đồng thời còn nhằm giải quyết nhiều nhiệm vụ khác, đặc biệt là phá hoại sự vận chuyển của địch bằng đường sắt và đường ô-tô.

Đòn đột kích ào ạt đầu tiên của máy bay ném bom và cường kích của chúng ta, đã làm cho địch bị bất ngờ nên rất hiệu nghiệm: tiêu diệt được trên 200 máy bay địch mà mình chỉ bị thiệt hại rất ít. Cô nhiên, những lần đột kích sau thì đạt ít kết quả hơn, vì địch đã tăng cường đề kháng. Dù sao, chỉ trong có ba ngày (6-8 tháng Năm), theo số liệu của ta, địch đã bị mất gần 450 máy bay.

Chiến dịch không quân thứ hai được tiến hành sau đó một tháng, từ ngày 8 đến ngày 10 tháng Sáu. Đợt này chỉ dùng lực lượng ba tập đoàn quân không quân – 1, 2 và 15, nhưng đã dùng thêm máy bay tầm xa. Mục đích vẫn như cũ. Song lần này không còn thể bất ngờ nữa và nói chung chiến dịch này thu được ít kết quả hơn. Tuy nhiên, tổng kết chung trong tháng Năm và mười ngày đầu tháng Sáu, địch đã mất trên 1.000 máy bay. Việc đó đã làm cho cánh quân xung kích của chúng bị suy yếu nghiêm trọng.

Cho nên, thuật ngữ “tạm ngừng chiến lược” thường được dùng trong sách vở để đánh giá thời kỳ này chỉ có tính cách rất là ước lệ. Tạm ngừng ở chỗ nào, khi ta vẫn tiến công ở Bắc Cáp-ca-dơ và tiến hành những chiến dịch không quân lớn?

Các chiến dịch này đã dẫn Bộ tổng tham mưu và Đại bản doanh đến một số kết luận quan trọng. Chúng tôi dứt khoát tin rằng chỉ có thể tiêu diệt nhiều máy bay địch trên các sân bay khi có những điều kiện nhất định, và không thể giành được quyền hoàn toàn khống chế trên không nếu không có những trận không chiến lớn. Lực lượng không quân tiêm kích phải đóng vai trò quyết định trong việc thực hiện nhiệm vụ này. Song, chúng ta đã gặp nhiều khó khăn: vẫn còn chưa đủ máy bay tiêm kích. Đã thế, số máy bay

tiêm kích hiện có lại phân tán trong các phương diện quân nên không thể sử dụng được tập trung để giành quyền khống chế trên không trên hướng quan trọng nhất.

Toàn bộ tình hình đó đã được báo cáo lên I. V. Xta-lin, khi tổng kết về những trận không chiến lớn trên bầu trời Cu ban. Xta-lin liền triệu tập hội nghị những người có thẩm quyền để làm sáng tỏ khả năng tiếp tục tăng cường sản xuất máy bay tiêm kích và hợp lý hóa tổ chức không quân tiêm kích. Tôi thấy cần phải nói rằng, hội nghị này đã mang lại kết quả rất nhanh: máy bay tiêm kích được sản xuất ra nhiều hơn và chủ yếu là việc sử dụng không quân tiêm kích đã được cải tiến rõ rệt.

Đầu tháng Năm, việc dịch chuyển sang tiến công đã mang tính chất hoàn toàn hiện thực.

Trình sát báo cáo về: Hít-le có ý định triệu tập một hội nghị những người lãnh đạo các lực lượng vũ trang của chúng để giải quyết dứt khoát vấn đề tiến công trên mặt trận Xô – Đức Cuộc hội nghị này đã diễn ra trong hai ngày 3 và 4 tháng Năm ở Mui-ních, thành phố xưa kia là hang ổ của đảng Quốc xã Đức. Trong hai ngày họp ấy, kế hoạch chiến dịch “thành trì” được chuẩn xác lại lần cuối cùng rồi phê chuẩn. Bây giờ ta phải cẩn thận. Cuộc đột kích bất ngờ của địch, với mật độ xe tăng và máy bay chúng đã có ở phía trước vòng cung Cuốc-xơ, có thể buộc ta phải trả giá rất đắt.

Từ đầu tháng Năm 1943, Bộ tổng tham mưu đã lợi dụng mọi trường hợp thích hợp để nhắc nhở các cơ quan tham mưu phương diện quân rằng cần phải cảnh giác. Thay mặt Đại bản doanh, Bộ tổng tham mưu đề nghị các phương diện quân đặc biệt phải tránh những cuộc điều động quân phức tạp trong nội bộ “dù chỉ trong một thời gian ngắn” có thể làm yếu khả năng sẵn sàng chiến đấu.

Ngày 8 tháng Năm 1943, bằng nhiều nguồn tin khác nhau, Bộ tổng tham mưu được biết rằng cuộc tiến công của địch trên hướng Ô-ri-ôn – Cuốc-xơ và Bên-gô-rốt – Khác-cốp có thể bắt đầu trong ngày 10- 12 tháng Năm. Những tin tức trên đã được báo cáo cho A. M. Va-xi-lép-xki lúc này đang ở

Mát-xơ-va. Đồng chí đã được I. V. Xta-lin chỉ thị là phải thông báo cho bộ đội biết khi nào thấy cần thiết. Ngay sau đó Đại bản doanh đã gửi cho các tư lệnh phương diện quân Bri-an-xơ, Trung tâm, Vô-rô-ne-giơ và Tây – Nam bức điện như sau:

“Căn cứ vào một số tin tức nhận được, địch có thể chuyển sang tiến công vào ngày 10- 12 tháng Năm trên hướng Ô-ri-ôn – Cuốc-xơ hay hướng Bê-n-gô-rôt – Đơ-bô-i-an, hoặc trên cả hai hướng trong cùng một lúc.

Đại bản doanh Bộ tổng tư lệnh tối cao ra lệnh: đến sáng ngày 10 tháng Năm, toàn thể bộ đội, cả trên tuyến đầu phòng ngự lẫn trong lực lượng dự bị, phải hoàn toàn sẵn sàng chiến đấu chống cuộc đột kích có thể có của địch. Phải đặc biệt chú ý đến tình hình sẵn sàng chiến đấu của không quân ta để khi địch tiến công, không những đánh lui được những mũi đột kích bằng máy bay của chúng, mà còn ngay từ phút đầu chiếm được quyền khống chế trên không.

Hãy xác nhận là đã nhận được điện. Báo cáo về những biện pháp đã áp dụng”.

Sau đó, Đại bản doanh đã gửi một bức điện đặc biệt cho đồng chí tư lệnh quân khu Thảo nguyên, đồng chí được lệnh: “bằng mọi cách, xúc tiến kiện toàn bổ sung bộ đội quân khu và đến sáng ngày 10 tháng Năm, toàn thể các đơn vị hiện có của quân khu phải hoàn toàn sẵn sàng để chiến đấu phòng ngự cũng như để hành động tích cực theo lệnh của Đại bản doanh”.

Bức điện này cũng do A. M. Va-xi-lép-xki ký, nhưng phía trên còn đề thêm tên họ của Xta-lin. Chúng tôi quen làm như thế khi nội dung văn kiện đã được báo cáo bằng đây nói lên I. V. Xta-lin, hoặc đã được Xta-lin đồng ý trước. Trong trường hợp nội dung đã được Xta-lin đồng ý trước, thì bản sao văn kiện đó phải được trình lên Tổng tư lệnh tối cao để phê chuẩn, khi đi báo cáo thường kỳ ở Đại bản doanh.

Ít lâu sau, C. C. Rô-cô-xôp-xki báo cáo về, nói rằng đơn vị đồng chí sẽ tổ chức trận phản chuẩn bị, nhằm phá cuộc tiến công của địch trên hướng Ô-ri-ôn – Cuốc-xơ, trong đó có sử dụng toàn bộ pháo binh của tập đoàn quân 13

và máy bay của tập đoàn quân không quân 16. Sau đó, cả phương diện quân Vô-rô-ne-giơ cũng đặt kế hoạch phản chuẩn bị.

Tuy nhiên, cuộc tiến công của quân địch ngày 10-12 tháng Năm đã không xảy ra. Có lẽ chúng còn chưa sẵn sàng. Hít-le muốn trang bị cho bộ đội của hắn nhiều xe tăng mới và pháo tự hành hơn nữa, nhưng những khí tài ấy đến chậm.

N. Ph. Va-tu-tin cho rằng địch hoãn thời hạn tiến công tức là đã dao động. Tư lệnh phương diện quân Vô-rô-ne-giơ nảy ra ý định là nếu tình hình đã như vậy thì đánh địch trước là thích hợp hơn. Ủy viên Hội đồng quân sự N. X. Khơ-rút-sốp ủng hộ ý kiến ấy. Mát-xcơ-va đã thảo luận ý kiến này, song Gh. C. Giu-cốp, A. M. Va-xi-lép-xki, A. I. An-tô-nốp và Cục tác chiến Bộ tổng tham mưu không đồng ý, rồi cuộc Đại bản doanh đã bác bỏ.

Mười ngày sau, ngày 19 tháng Năm 1943, Bộ tổng tham mưu nhận được những tin mới xác đáng hơn (hồi đó chúng tôi cho là như vậy), nói rằng địch dự định bắt đầu tiến công vào khoảng ngày 19-26 tháng Năm. Nội dung bản thông báo thứ hai gửi các phương diện quân do A. I. An-tô-nốp chuẩn bị, sau khi báo cáo bằng dây nói lên Tổng tư lệnh tối cao hồi 3 giờ 30 phút đêm rạng ngày 20 tháng Năm, đã được truyền đạt xuống các đơn vị. Cũng giống như lần trước, bản thông báo này nhắc các tư lệnh phương diện quân không được lơ lửng cảnh giác và phải tăng cường khả năng sẵn sàng chiến đấu của bộ đội, kể cả không quân và trinh sát, đồng thời tổ chức bắt tù binh địch để phát hiện cánh quân địch và những ý định thực sự của chúng.

Đại bản doanh nhìn thấy trước những sự kiện quyết định sắp xảy ra, nên đã chú ý nhiều đến các đơn vị đang phòng ngự tại vòng cung Cuôc-xcơ. Những đại diện Đại bản doanh – nguyên soái Gh. C. Giu-cốp và A. M. Va-xi-lép-xki – hầu như lúc nào cũng có mặt ở đây và đã không chỉ làm việc trong các cơ quan tham mưu mà còn trực tiếp đến tận tiền duyên.

Chẳng hạn, ngày 21 tháng Năm, Gh. C. Giu-cốp đã cùng với tư lệnh phương diện quân C. C. Rô-cô-xốp-xki và các tư lệnh tập đoàn quân I. V. Ga-la-nin, N. P. Pu-khốp, P. L. Rô-ma-nen-cô ra tiền duyên của tập đoàn quân 13, nơi có thể xảy ra mũi đột kích chính của cánh quân phát-xít Đức ở

Ô-ri-ôn. Các đồng chí đã xem xét việc phòng ngự của quân địch, quan sát hành động của chúng và rút ra kết luận: hiện nay chưa có mũi uy hiếp trực tiếp là địch sắp tiến công. Kết luận này được đem ra hỏi ý kiến các sư đoàn trưởng và các sư đoàn trưởng cũng nghĩ như vậy. Theo ý kiến chung thì, cho đến cuối tháng Năm, địch chắc chưa thể chuyển sang tiến công được.

Lúc này, A. M. Va-xi-lép-xki đang công tác tại phương diện quân Tây, rồi tại phương diện quân Bri-an-xcơ. Đồng chí cũng đã chuyên tâm phân tích tình trạng các đơn vị quân đội địch và cũng đã đi đến kết luận rằng: trong những ngày sắp tới chúng chưa thể tiến công được.

Tình trạng chờ đợi căng thẳng đã kéo dài suốt tháng Năm. Bộ tổng tham mưu nhận được nhiều tin báo địch đang điều động rất nhiều xe tăng từ Tây sang Đông. Tuy nhiên, ngoài những tin tức về tình hình tập trung quân, vẫn chưa thấy có một dấu hiệu nào khác về việc bọn Đức chuẩn bị chuyển sang tiến công.

Bắt đầu tháng hè thứ nhất. Bộ chỉ huy phát-xít Đức thường quen cho quân của chúng hoạt động ráo riết nhất vào thời kỳ đêm rất ngắn và thời tiết rất tốt này. Liệu thói quen đó có được lặp lại trong năm 1943 không? Và, phải chăng chúng ta không có nhầm lẫn trong việc đánh giá ý đồ của bọn địch? Còn nếu như trái với sự mong đợi, ta đã nhầm lẫn, thì ai biết sẽ có thể xảy ra những hậu quả như thế nào?

I. V. Xta-lin hơi nóng tính. Có lẽ, cũng vì thế mà có lần đông tố nổi lên ở Đại bản doanh. Đại bản doanh được báo cáo rằng những máy bay tiêm kích gửi đến vòng cung Cuốc-xcơ có vỏ bọc không thích ứng. Xta-lin liền kết luận là toàn bộ máy bay tiêm kích của ta không thể chiến đấu được. Trường hợp này đã được A. X. I-a-cô-vlép miêu tả tỉ mỉ trong cuốn sách nổi tiếng của mình “Mục đích cuộc sống”. Cũng may, tình hình không đến nỗi quá nghiêm trọng như vậy và đã được thu xếp tương đối nhanh.

Và còn có nhiều ngày sóng gió lớn khác.

Ví dụ như, ngày 6 tháng Sáu, khi phân tích tình huống, Cục tác chiến đã chú ý đến một số hành động hơi lạ của địch. Chúng tôi mới có ý hoài nghi

việc bố trí các sư đoàn xe tăng của chúng. Rõ ràng, những mối nghi ngờ ấy cũng cản rứt An-tô-nốp. Chúng tôi thỏa thuận là phải kiểm tra lại vị trí thực sự của các đơn vị xe tăng địch thông qua các cơ quan tham mưu phương diện quân. Ngay hôm đó, An-tô-nốp đã ký điện gửi các đơn vị với nội dung như sau:

“Hiện nay chúng ta cần biết một vấn đề cực kỳ quan trọng là: các binh đoàn xe tăng địch vẫn như trước đây, hay đã có thay đổi rồi. Vì vậy, các đồng chí phải giao cho các cơ quan trinh sát nhiệm vụ xác định lại nơi bố trí các sư đoàn xe tăng địch”.

Hạn phải báo cáo là năm ngày đêm. Đến thời hạn này, các cơ quan tham mưu đã báo cáo về rằng: tình hình ngoài mặt trận vẫn như cũ, tập đoàn xe tăng địch vẫn không thay đổi gì. Có nghĩa là mọi việc vẫn đầu vào đó.

Gh. C. Giu-cốp và A. M. Va-xi-lép-xki lúc này vẫn không rời đơn vị. Từ buổi sáng này đến buổi sáng khác, các đồng chí chỉ bớt vài giờ để nghỉ ngơi đôi chút, còn thì lại làm việc với các tư lệnh phương diện quân và tập đoàn quân, với chỉ huy trưởng các binh đoàn. Những cán bộ Bộ tổng tham mưu, hợp thành một cơ quan tham mưu lâm thời ở bên các đồng chí, đã cùng chia sẻ với các đại diện Đại bản doanh cái công việc nặng nhọc ấy.

Trong lúc này, hoạt động hiệp đồng ở những nơi tiếp giáp giữa các phương diện quân Vô-rô-ne-giơ và Tây – Nam, cũng như giữa các phương diện quân Tây và Bri-an-xơ, đã được xây dựng rất tỉ mỉ. Chỉ huy bộ đội phương diện quân Bri-an-xơ là M. M. Pô-pốp, một trong những tướng soái lỗi lạc của chúng ta, người hồi đầu chiến tranh đã đứng đầu phương diện quân Bắc (phương diện quân Lê-nin-grát), sau đó đã chỉ huy nhiều tập đoàn quân và giữ cương vị phó tư lệnh phương diện quân Xta-lin-grát và phương diện quân Tây – Nam. A. M. Va-xi-lép-xki đã đề cử đồng chí giữ chức vụ mới, như người ta nói, ngay tại thực địa.

Rồi cả tháng Sáu 1943 cũng đã trôi qua... Từ lâu rồi, các đơn vị Phòng ngự của chúng ta đã sẵn sàng đánh lui cuộc đột kích của quân địch. Việc chuẩn xác những chi tiết cuối cùng của cuộc phản công cũng đã hoàn thành xong.

Xta-lin quyết định Gh. C. Giu-cốp cứ ở lại hướng Ô-ri-ôn để phối hợp các hoạt động của các phương diện quân Trung tâm, Bri-an-xơ và Tây. Còn Va-xi-lép-xki thì xuống phương diện quân Vô-rô-ne-giơ.

Đến lúc này (lần thứ ba), Bộ tổng tham mưu lại nhận được những tin báo là địch đã sẵn sàng chuyển sang hành động tích cực.

Tiện thể xin nói thêm: vào những ngày này, tại khu vực Vô-rô-ne-giơ, trung úy không quân tiêm kích A. L. Cô-dép-nhi-cốp đã bắn rơi một máy bay trinh sát của địch. Tên phi công Đức bị bắt và khi bị hỏi cung ở cơ quan tham mưu phương diện quân Vô-rô-ne-giơ đã khai rằng quân Đức định tấn công vào tháng Sáu, nhưng sau lại hoãn đến đầu tháng Bảy. Như vậy, những tin tức của Bộ tổng tham mưu đã được xác nhận.

Hồi 2 giờ 15 phút ngày 2 tháng Bảy, An-tô-nốp gọi đây nói báo cáo lên Xta-lin bản thông báo lần thứ ba do đồng chí viết gửi cho bộ đội. Nội dung như sau:

“Căn cứ vào những tin tức hiện có, quân Đức có thể chuyển sang tiến công trên mặt trận chúng ta trong thời gian từ mùng 3 đến mùng 6 tháng Bảy.

Đại bản doanh Bộ tổng tư lệnh tối cao ra lệnh:

1. Tăng cường trinh sát và theo dõi địch để kịp thời phát hiện âm mưu của chúng.
2. Bộ đội và không quân phải sẵn sàng đánh lui cuộc đột kích có thể có của địch”.

Xta-lin phê chuẩn nội dung bức điện mà không thay đổi gì. Theo chỉ thị của đồng chí, bức điện ấy được sao gửi cho Gh. C. Giu-cốp, N. N. Vô-rô-nốp, A. A. Nô-vi-cốp và I-a N. Phê-Đô-ren-cô.

Mọi người đều tin chắc rằng lần này thì quân địch không còn hoãn cuộc đột kích đã định nữa. Và, như ta được biết, tăng sáng ngày mùng 5 tháng Bảy, quân đội phát-xít Đức đã thực sự chuyển sang tiến công.

9. Từ Cuộc-xcơ đến Ki-ép

Thành trì sụp đổ – Những khó khăn ở Ô-ri-ôn. – Sự cáo chung của đầu mối Mơ-txen-xcơ. – Tập đoàn quân xe tăng cận vệ 3 cơ động. – Cuộc đối thoại giữa Hít-le với tướng Vác-li-mông. – Bao vây hay không bao vây? – Thống soái Ru-mi-an-xép – Ác-rư-rơ-ca bị uy hiếp. – Xta-lin điện cho Vatu-tin: “Đề nghị không phân tán, không say sưa phương án Bu-crin. – Khuyết điểm của chúng ta. – Tổng tư lệnh tối cao thay đổi quyết định. – Ki-ép được giải phóng.

Thế là sáng ngày 5 tháng Bảy, chiến dịch Cuộc-xcơ bắt đầu. Quân địch đã tung những lực lượng chủ yếu của chúng ra chiến đấu: trên hướng Ô-ri-ôn – Cuộc-xcơ – bảy sư đoàn xe tăng, hai sư đoàn mô-tô và mười một sư đoàn bộ binh; trên hướng Bê-n-gô-rốt – Cuộc-xcơ – mười sư đoàn xe tăng, một sư đoàn mô-tô và bảy sư đoàn bộ binh. Theo những tin tức của chúng ta, tất cả có mười bảy sư đoàn xe tăng, ba sư đoàn mô-tô và mười tám sư đoàn bộ binh địch đã tham gia tiến công.

Thực hiện kế hoạch chiến dịch “thành trì” một cách thận trọng nhưng máy móc, bộ chỉ huy Đức đã tập trung những lực lượng ấy trên nhiều khu vực hẹp ngoài mặt trận. Chúng tính toán thật cực kỳ đơn giản: từ hai mặt đối diện của chỗ lồi Cuộc-xcơ đột phá cùng một lúc vào khu vực phòng ngự của ta, và từ phía Bắc và phía Nam mở những mũi đột kích giao nhau, hay hợp điểm như ta thường nói lúc bấy giờ, nhằm vào một hướng chung là Cuộc-xcơ để chia cắt rồi tiêu diệt các tập đoàn quân xô-viết đang bố trí ở đây.

Chúng ta đã không để cho mình bị bất ngờ. Bộ đội ta đã sẵn sàng không những để đánh lui những mũi đột kích ấy mà còn để giáng cho chúng những đòn phản kích trả đũa mạnh mẽ. Tôi không có ý định đánh giá vai trò của quân chúng hay binh chủng này khác trong chiến dịch đó hoặc tỏ lòng tôn kính đặc biệt đối với ai trong số đó. Thực ra, tất cả họ ở cả bộ binh, pháo binh, xe tăng, phi công lẫn cái gọi là những đơn vị đặc biệt – đều đã góp phần to lớn của mình vào thắng lợi chung đối với quân thù. Và cần phải nói rằng họ đã hành động một cách xuất sắc. Bằng chứng nói lên điều đó là những kết quả của cuộc chiến đấu ác liệt diễn ra lúc đó trên “vòng cung

lửa”. Quân địch chỉ có thể thọc vào phòng ngự của ta bằng một cái giá tổn thất to lớn.

Trên hướng Ô-ri-ôn – Cuốc-xơ, chúng thọc sâu được vền vền có 9- 12 ki-lô-mét, trên hướng Bên-gô-rốt – Cuốc-xơ, từ 15 đến 35 ki-lô-mét. Sau đó, chính phương diện quân Trung tâm và phương diện quân Vô-rô-ne-giơ đã tự chuyển sang tiến công, đẩy lùi những sư đoàn đã bị tiêu hao, kiệt quệ của địch.

Trước khi khôi phục lại hình thái cũ của hai bên trước ngày 5 tháng Bảy, bộ đội hai phương diện quân Tây và Bri-an-xơ cũng đã bước vào tiến công: sau khi chọc thủng được phòng ngự của bọn phát-xít Đức, các đơn vị của hai phương diện quân trên đã tiến như vũ bão về phía Ô-ri-ôn.

Ngày 24 tháng Bảy, khi Bộ tổng tham mưu chuẩn bị nhận lệnh của Tổng tư lệnh tối cao tổng kết giai đoạn phòng ngự của chiến dịch Cuốc-xơ, chúng tôi đã nghĩ mãi mà vẫn không tìm ra những lời lẽ có sức gợi cảm đủ mạnh để đánh giá những cái ta đã làm được. Trong vấn đề này, óc tưởng tượng mạnh bạo nhất cũng đành chịu. Cuối cùng, chúng tôi cũng đề ra được những dòng sau đây:

“Những trận đánh mà ta đã tiến hành nhằm triệt phá cuộc tiến công của quân Đức, đã chứng minh nghệ thuật chiến đấu cao của bộ đội chúng ta, đã nêu những tấm gương chưa từng có về tính ngoan cường, kiên định và lòng dũng cảm của chiến sĩ và cán bộ tất cả các binh chủng, kể cả các pháo thủ và các chiến sĩ súng cối, các chiến sĩ xe tăng và các phi công”.

Ngày nay, ta thấy những dòng chữ ấy thật bình thường, lại có vẻ sáo nữa. Nhưng hồi ấy thì dường như cuối cùng chúng tôi mới tìm ra được những chữ mình cần tìm. Những chữ ấy vang lên như hồi kèn tiến quân, phản ánh hào quang của trận quyết chiến, lòng khát khao mãnh liệt của toàn dân xô-viêt quyết bẻ gãy cuộc tiến công tuyệt vọng và cuối cùng của bọn phát-xít Đức xâm lược, như chúng tôi hằng tin tưởng lúc đó.

Bộ tổng tư lệnh tối cao Liên Xô đánh giá những kết quả trong giai đoạn phòng ngự của chiến dịch Cuốc-xơ là bằng chứng thất bại hoàn toàn của kế hoạch tiến công mùa hè của quân địch. Như trong bản nhật lệnh đã chỉ rõ,

lần này chúng ta đã triệt để vạch trần “cái thuyết hoang đường cho rằng hễ mùa hè thì quân Đức luôn giành được thắng lợi trong tiến công, còn bộ đội xô-viết thì dường như bắt buộc phải lâm vào cảnh chịu rút lui”.

Những ngày tiếp sau đã đem lại cho bộ đội xô-viết nhiều chiến thắng mới chói lọi, còn quân địch thì bị thất bại thảm hại. Mọi người đã biết khá rõ kết quả của chiến dịch Cuốc-xơ nhưng tôi thiết nghĩ có một số tình tiết của nó cần được làm sáng tỏ thêm. Ở đây, tôi không có ý định tranh luận với những tác giả khác, mà chỉ muốn báo cáo những sự việc cá biệt nhằm giúp chúng ta xét định được chính xác hơn, ví dụ như: về vai trò và vị trí của tập đoàn quân xe tăng cận vệ 3 trong chiến dịch này, về những cố gắng chiến đấu của bộ đội ta khi giải phóng Bên-gô-rốt và Khác-cốp, về cuộc tiến công vượt sông Đni-ép-rơ ở Bu-crin.

Tôi xin lần lượt bắt đầu nói về các vấn đề đó.

Ngày 12 tháng Bảy 1943, ở Prô-khô-rốp-ca mà đến nay vẫn còn ít người biết đến, đã diễn ra trận giao chiến xe tăng vĩ đại nhất. Cái chèn sắt của quân đội Hít-le đã vấp phải xe tăng xô-viết. Chiếc lưỡi hái đụng phải đá. Cuộc tiến công của bọn Đức trên vòng cung Cuốc-xơ bắt đầu khủng hoảng.

Đúng hôm đó, ở phía Bắc Ô-ri-ôn, quân ta mở đầu chiến dịch “Cu-tu-dốp”. Tham gia chiến dịch đó, như đã nêu lên ở trên, có bộ đội của hai phương diện quân: Tây và Bri-an-xơ

Ngay trong lúc chuẩn bị chiến dịch, vấn đề tăng cường xe tăng cho phương diện quân Bri-an-xơ đã được đặt ra một cách gay gắt. Phòng ngự của địch ở đây rất mạnh, có rất nhiều hỏa điểm chuẩn bị sẵn từ trước. Bộ binh không thể nào khắc phục được hệ thống phòng ngự ấy, nếu không có những phương tiện bọc thép trực tiếp chi viện.

Dù tính toán như thế nào đi nữa, nếu không có ít ra là hai quân đoàn xe tăng thì cũng khó làm nên chuyện. Gh. C. Giu-cốp đích thân đến nghiên cứu tại chỗ rồi báo cáo như vậy lên Xta-lin, và phương diện quân Bri-an-xơ đã nhận được sự tăng cường ấy. Song, phương diện quân vẫn không có xe tăng để phát triển thắng lợi.

Lúc đó, người ta nhớ tới tập đoàn quân xe tăng cận vệ 3. Tập đoàn quân này được thành lập trong dải của phương diện quân, gần Pláp-xcơ. Trong biên chế của tập đoàn quân có hai quân đoàn xe tăng và một quân đoàn cơ giới, cộng thêm một lữ đoàn xe tăng độc lập, Trung tướng P. X. Rư-ban-cô chỉ huy tập đoàn quân này.

Cuộc tiến công của phương diện quân Bri-an-xcơ phát triển tương đối chậm và năm ngày sau, ngày 17 tháng Bảy, phương diện quân tiến sâu được 22 ki-lô-mét thì hoàn toàn bị kìm lại ở tuyến sau sông Ô-lê-sni-a. Cái gọi là cánh quân Mơ-txen-xcơ của địch đang đóng tại nơi đây và dường như tạo thành cái “chèn” giữa những lực lượng chủ yếu của hai phương diện quân Tây và Bri-an-xcơ. Cái “chèn” ấy làm cho sự hiệp đồng giữa các phương diện quân gặp nhiều phức tạp nghiêm trọng. Đặc biệt khó khăn là phương diện quân Bri-an-xcơ, vì nó là một thứ khâu nối trong ba phương diện quân.

Từ phía Đông tiến công vào Ô-ri-ôn, phương diện quân Bri-an-xcơ có nhiệm vụ sử dụng cánh phải của mình phối hợp cùng với bộ đội của phương diện quân Tây tiêu diệt địch ở Bôn-khốp. Đồng thời, những lực lượng chủ yếu của phương diện quân lại phải phối hợp hành động với phương diện quân Trung tâm. Phương diện quân này, từ ngày 15 tháng Bảy, đã bắt đầu tiêu diệt địch ở khu vực Crô-mư. Lực lượng của phương diện quân Bri-an-xcơ bị sè làm hai và cạn dần, xảy ra nguy cơ làm vỡ kế hoạch diệt địch ở Ô-ri-ôn. Muốn khắc phục tình trạng khó khăn này, phải chi viện cho phương diện quân Bri-an-xcơ.

Những tình hình trên đã được báo cáo lên I. V. Xta-lin. Đồng chí đồng ý chuyển thuộc tập đoàn quân xe tăng cận vệ 3 tới đây và tán thành những đề nghị của Bộ tổng tham mưu ở nhiệm vụ của tập đoàn quân. Tuy vậy, đồng chí vẫn chưa cho ra lệnh.

- Phải hỏi ý kiến tư lệnh phương diện quân đã, – Xta-lin nói thế và đồng chí đích thân nói chuyện bằng điện thoại với tướng M. M. Pô-pốp.

Trong lúc nói chuyện với Pô-pốp, Tổng tư lệnh tối cao đánh giá tình hình ở Ô-ri-ôn, nhấn mạnh rằng: nhiệm vụ quan trọng nhất của phương diện quân Bri-an-xcơ là tiêu diệt cánh quân Mơ-txen-xcơ của địch và cho tập đoàn

quân binh chủng hợp thành 3 của A. V. Goóc-ba-lốp tiến ra tuyến sông Ô-ca. Sau đấy, đồng chí thông báo quyết định chuyển thuộc tập đoàn quân xe tăng cận vệ 3 cho phương diện quân. Tập đoàn quân này lúc đầu có nhiệm vụ phá vỡ phòng ngự địch trong dải tiến công của tập đoàn quân binh chủng hợp thành 3, sau đó trong dải tiến công của tập đoàn quân 63 của V. I-a. Côn-pác-tsi. Tổng tư lệnh tối cao đề nghị đưa tập đoàn quân xe tăng của Rư-ban-cô vào giao chiến càng sớm càng tốt, để không cho địch kịp củng cố. Nhưng ngay lúc ấy đồng chí lại báo trước:

- Có thể giết hại đơn vị xe tăng này, nếu điều nó tiến thẳng vào Ô-ri-ôn. Không nên tung tập đoàn quân xe tăng vào chiến đấu trên đường phố trong một thành phố lớn như thế. Sau khi bảo đảm được cho những lực lượng chủ yếu của phương diện quân tiến lên phía trước, tốt hơn hết là nên điều tập đoàn quân xe tăng sang Crô-mư vì lợi ích của đơn vị bạn bên trái.

M. M. Pô-pô liền chấp hành ngay những chỉ thị trên, và chúng tôi cũng dùng dây nói ra lệnh ngay cho P. X. Rư-ban-cô chuyển thuộc tập đoàn quân xe tăng của đồng chí sang đội ngũ phương diện quân Bri-an-xcơ.

Tập đoàn quân xe tăng cận vệ 3 đã hành quân khôn khéo và bí mật rồi tập trung ở phía sau phương diện quân Bri-an-xcơ. Ngày 19 tháng Bảy, ngay sau khi bộ binh đột phá phòng ngự địch, những đơn vị đi trước rồi đến cả những lực lượng chủ yếu của tập đoàn quân đã bắt đầu hành động. N. N. Vô-rô-nốp đại diện Đại bản doanh – báo cáo là tập đoàn quân xe tăng cận vệ 3 đã tiến vào đột phá địch kịp thời và tương đối có tổ chức tốt.

Thực tiễn chiến đấu đã xác nhận những tin tức của quân báo: trong dải hoạt động của tập đoàn quân xe tăng ta, có những đơn vị thuộc các sư đoàn xe tăng 2 và 8, sư đoàn mô-tô 36 và sư đoàn bộ binh 262 của địch đang phòng ngự. Chúng kháng cự lại quyết liệt.

Dầu vậy, đến cuối ngày bộ đội của P. X. Rư-ban-cô đã tiến công vượt sông Ô-lê-sni-a, tiến sâu được 10-12 ki-lô-mét vượt qua tuyến phòng ngự phía sau của bọn Đức, tạo nên những điều kiện thuận lợi để đột kích vào phía sau cánh quân Mơ-txen-xcơ của địch. Có thể nói rằng, việc rút lui của

địch ra khỏi Mơ-txen-xcơ và trên toàn bộ tuyến hạ lưu sông Ô-lê-sni-a đã được quyết định trước.

Rạng ngày 20 tháng Bảy, chúng tôi đã báo cáo tình hình trên lên Đại bản doanh. Trong Bộ tổng tham mưu chúng tôi rất ngại rằng tập đoàn quân xe tăng không giữ được khả năng hành động có tổ chức, vì cơ động gặp nhiều phức tạp, và sức chống cự của địch vẫn chưa suy yếu. Tuy nhiên, sau khi cân nhắc kỹ những ý kiến “nên” và “không nên”, chúng tôi đã tin chắc vào nghệ thuật và kinh nghiệm của P. X. Rư-ban-cô và M. M. Pô-pôp. Hồi 2 giờ sáng, đã ký và cho gửi điện khẩn cấp tới đại diện Đại bản doanh, nguyên soái pháo binh N. N. Vô-rô-nốp và tư lệnh phương diện quân Bri-an-xcơ, thượng tướng M. M. Pô-pôp. Tôi xin trích dẫn nội dung bức điện ấy:

“Đại bản doanh Bộ tổng tư lệnh tối cao ra lệnh:

1. Nhiệm vụ trước mắt của phương diện quân Bri-an-xcơ là tiêu diệt cánh quân Mơ-txen-xcơ của địch và đưa tập đoàn quân 3 tiến tới tuyến sông Ô-ca.

Muốn thế, tập đoàn quân xe tăng 3 của Rư-ban-cô từ sáng ngày 20 tháng Bảy phải đột kích trên hướng Prô-ta-xô-vô Ô-lơ-ra-đa và đến hết ngày 20 tháng Bảy phải cắt được con đường cái và con đường sắt Mơ-txen-xcơ – Ô-ri-ôn, trong ngày 21 tháng Bảy phát triển tiến công từ phía Nam vào Mơ-txen-xcơ cùng với tập đoàn quân 3 của Goóc-ba-tốp hoàn thành việc tiêu diệt cánh quân Mơ-txen-xcơ của địch và giải phóng thành phố Mơ-txen-xcơ.

2. Sau khi hoàn thành nhiệm vụ trên, điều tập đoàn quân xe tăng 3 của Rư-ban-cô sang phía Nam nhằm cắt con đường sắt Mô-khô-vôi-e – Ô-ri-ôn và phối hợp hành động với tập đoàn quân 63 của Côn-pác-tsi, khi tập đoàn quân này tiến ra tuyến sông Ô-ca.

3. Tiếp sau, tập đoàn quân xe tăng 3 của Rư-ban-cô có nhiệm vụ cắt con đường sắt Ô-ri-ôn – Cuốc-xcơ ở một khu vực do tư lệnh phương diện quân quyết định và, nếu có điều kiện thuận lợi, phải đánh chiếm thành phố Ô-ri-ôn.

Nếu việc đánh chiếm thành phố Ô-ri-ôn không phù hợp với tình huống thì tập đoàn quân xe tăng 3 của Rư-ban-cô phải tiếp tục tiến sang phía Tây trên hướng Crô-mư”.

Phần cơ bản này của bản mệnh lệnh đã nhắc lại một cách chính xác những mệnh lệnh của I. V. Xta-lin truyền đạt bằng điện thoại ngay trong ngày 17 tháng Bảy. Những chỉ thị ấy đã được thi hành ngay và rất có kết quả.

Rạng ngày 20 tháng Bảy địch bỏ Mơ-txen-xcơ. Từ sáng, chúng đã tung ra một số lớn máy bay, nhằm yểm hộ cho cuộc rút lui của chúng và để chống lại những lực lượng chủ yếu của phương diện quân Bri-an-xcơ, kể cả tập đoàn xe tăng của ta. Nhưng cuộc tiến công vẫn không dừng lại. Đến 17 giờ cùng ngày, tập đoàn quân xe tăng đã cắt con đường cái Mơ-txen-xcơ – Ô-ri-ôn tại khu vực Ca-mê-nê-vô, tiến ra con đường sắt và tuyến sông Ô-ca. Hôm sau, bộ đội của tập đoàn quân binh chủng hợp thành 3 đã tiến tới gần sông Ô-ca, thay phiên cho các đơn vị xe tăng và bước vào chiến đấu nhằm đánh chiếm những bến vượt sông.

Ngày 21 tháng Bảy, thực hiện mệnh lệnh của Đại bản doanh, tập đoàn quân xe tăng cận vệ 3 quay xuống phía Nam, tới Xta-nô-vôi Cô-lô-đe-dơ – dải hoạt động của tập đoàn quân 63. Để tiến công trên hướng mới, P. X. Rư-ban-cô đã sử dụng thê đội hai của mình: quân đoàn xe tăng 12 và lữ đoàn xe tăng 91. Còn những quân đoàn trước đó đã tiến công ở thê đội một của tập đoàn quân xe tăng, bây giờ tiến theo sau những đơn vị trên. Việc điều động binh lực như vậy thật hợp lý và căn cứ vào đặc điểm của nó thì cũng hoàn toàn bình thường.

Nhân đây, cần nói thêm rằng, P. X. Rư-ban-cô đã nhiều lần thực hành cơ động như thế và sau này còn thực hiện nữa trong những khi bộ đội phải hành động đồng thời trên một số hướng, đôi khi trên những hướng ngược chiều nhau. Còn trường hợp ở đây, tập đoàn quân phải hành động trên những hướng ngược chiều nhau không cùng một lúc, mà nối tiếp nhau, nhưng đều sao cũng đòi hỏi phải có cuộc điều động quân, và đồng chí tư lệnh đã thực hành cuộc điều động ấy một cách đúng đắn, mặc dù gặp khó khăn.

Các chiến sĩ xe tăng đã làm tròn nhiệm vụ mới một cách thắng lợi: đập tan sức chống cự của địch ở khu vực Xta-nô-vôi Cô-lô-đe-dơ và trên toàn cánh phía Nam phương diện quân Bri-an-xcơ. Sau đó, tập đoàn quân xe tăng cận vệ 3 chuyển thuộc vào phương diện quân Trung tâm và tiến về Crô-mu.

Thực tế tiến trình của các sự kiện là như vậy. Trên cơ sở những sự kiện ấy, phải thấy quả là lạ lùng ý kiến khẳng định rằng trong chiến dịch “Cu-tu-dốp”, tập đoàn quân xe tăng cận vệ 3 (đã được sử dụng để kiềm chế địch trên một chính diện rộng) và những việc điều động tập đoàn quân ấy từ hướng này sang hướng khác đều do M. M. Pô-pốp quyết định cả. Sự thật chứng minh rằng, P. X. Rư-ban-cô luôn luôn hành động theo kế hoạch rõ ràng đã được Đại bản doanh phê chuẩn, và tập đoàn quân xe tăng đã hoàn thành nhiệm vụ của mình một cách vẻ vang. Hoạt động của tập đoàn quân này đã ảnh hưởng quyết định đến sự phát triển tiến công của bộ đội phương diện quân Bri-an-xcơ và đã giữ một vai trò quan trọng trong kết cục thắng lợi của toàn chiến dịch nhằm tiêu diệt cánh quân Ô-ri-ôn của địch.

Cùng với chiến dịch “Cu-tu-dốp”, tôi còn nhớ một việc thật không dễ chịu đối với cá nhân. Trong thời gian chiến dịch này, một hôm tôi cùng với A. I. An-tô-nốp đến báo cáo thường kỳ ở Đại bản doanh. Cũng như mọi lần, tôi trải lên bàn những bản đồ từng mặt trận và một bản đồ tổng hợp. Báo cáo hơi bị kéo dài, nhưng vẫn diễn ra trong hoàn cảnh bình thường. Vì phải giải quyết ngay nhiều vấn đề về sử dụng xe tăng, I. V. Xta-lin đã mời I-a. N. Phê-đô-ren-cô đến.

Phê-đô-ren-cô bước vào và không đợi chúng tôi báo cáo xong, đồng chí đã trải những tấm bản đồ, bảng thống kê, chú giải, danh sách, cùng những tài liệu khác lên trên bản đồ của tôi. Khi trả lời những câu hỏi của Tổng tư lệnh tối cao, I-a. N. Phê-đô-ren-cô không lúc nào tìm ra được ngay những số liệu cần thiết. Đồng chí chuyển giấy tờ tài liệu hết từ chỗ nọ sang chỗ kia, đặt cả cặp của mình lên bàn, điều mà chúng tôi không bao giờ làm như thế cả.

Khi mọi tình huống đã được báo cáo xong, tôi thu xếp bản đồ lại. Trước khi rời khỏi buồng làm việc của Tổng tư lệnh tối cao, theo thói quen sau khi làm xong việc, tôi chú ý xem xét lại mặt bàn một lần nữa và thấy chỉ còn lại những tài liệu của Phê-đô-ren-cô thôi.

Cũng như mọi lần, các đồng chí chủ nhiệm khu vực và trưởng ban đang đợi tôi trong Bộ tổng tham mưu. Ở điện Crem-li về, tôi trả lại ngay các đồng chí mọi tài liệu và ra những chỉ thị ngắn về những việc cần phải làm. Song, lần này hai đồng chí chủ nhiệm khu vực mặt trận không nhận lại được bản đồ của mình, vì trong cặp của tôi không thấy có hai tấm bản đồ ấy, trong đó có tấm bản đồ chính yếu nhất, tấm bản đồ tổng hợp.

Ý nghĩ đầu tiên của tôi là có lẽ Phê-đô-ren-cô ngẫu nhiên cầm giữ chằng. Tôi gọi đây nói và được biết là đồng chí đã từ điện Crem-li về tới đơn vị, nhưng còn chưa xem lại các tài liệu của mình.

- A-na-tô-li A-lếch-xây-ê-vích! – tôi nói với Grư-dơ-lốp – Đồng chí đi gấp tới chỗ Phê-đô-ren-cô và cùng với đồng chí ấy xem xét mọi tài liệu, kể cả những thứ để trong két sắt nữa. Có thể tấm bản đồ còn nằm đấy chằng.

Grư-dơ-lốp ra đi. Còn tôi, tôi gọi đây nói tới Pô-xcri-ô-bư-sép và đề nghị đồng chí tìm hộ xem có còn tài liệu gì của tôi sót lại trong phòng làm việc của Tổng tư lệnh tối cao. Không có, đồng chí nói, bàn sạch trơn và mọi người đã ra về cả rồi.

Grư-dơ-lốp cũng trở về với hai bàn tay trắng: ở chỗ Phê-đô-ren-cô không có các tấm bản đồ của chúng tôi.

Tôi báo cáo việc này với An-tô-nốp. Đồng chí góp ý là chưa nên vội báo cáo lên Tổng tư lệnh tối cao, vì có thể sẽ tìm thấy bản đồ.

Cũng trong ngày hôm ấy, chúng tôi lại đến báo cáo ở Đại bản doanh lần thứ hai, và như đã quy ước trước, chúng tôi không nói gì đến việc vừa xảy ra. Xta-lin cũng không nói gì cả.

Tôi trở về Bộ tổng tham mưu, ở đây, chẳng có gì thay đổi: bản đồ vẫn biệt tăm tích. Bây giờ thì tôi không còn nghi ngờ gì nữa, rằng những tấm bản đồ ấy chắc đang nằm trong tay Xta-lin. Vì ngoài Đại bản doanh ra, tôi không hề đi đến đâu nữa.

Cứ im lặng mãi không được. Ngày hôm sau, khi đang báo cáo thường kỳ ở chỗ Tổng tư lệnh tối cao, tôi chọn lúc thuận tiện và nói cứng như sau:

- Đồng chí Xta-lin, ngày hôm qua tôi có để lại ở chỗ đồng chí hai tấm bản đồ ghi tình huống. Đề nghị đồng chí cho tôi xin lại.

Đồng chí làm ra vẻ ngạc nhiên:

- Tại sao đồng chí lại nghĩ rằng những bản đồ ấy ở chỗ tôi? Tôi không có gì hết.

- Không có lẽ, – tôi kiên trì. – Ngoài Đại bản doanh và Bộ tổng tham mưu ra, tôi không đi đâu hết. Bản đồ chẳng biến đi đâu được. Chắc nó ở chỗ đồng chí.

Xta-lin không trả lời. Đồng chí rời phòng làm việc, sang buồng nghỉ, lấy bản đồ ra. Đồng chí cầm hai tấm bản đồ ấy ở phía góc, vừa dang tay và nhún vai, vừa đặt chúng lên bàn:

- Đồng chí cầm lấy đi, từ nay về sau nhớ đừng để quên nữa... Khá đấy, đồng chí đã nói thật...

Sau này, cả trong Đại bản doanh và Bộ tổng tham mưu, không ai còn nhớ đến sự việc ấy nữa. Vâng, cũng không cần thiết phải nhớ đến nó nữa. Nhưng đối với tôi, nó vẫn là một bài học thiết thực cho nhiều năm sau.

Và bây giờ, chúng ta hãy để một khoảng khắc nhớ tới một đại bản doanh khác, đại bản doanh của Hít-le. Ngày 25 tháng Bảy 1943, tức là chậm hơn chúng ta một ngày, ở đây cũng đã thảo luận về những kết quả thất bại của chiến dịch “thành trì”. Hiện nay, chúng ta còn giữ được một phần biên bản tốc ký của cuộc họp ấy, đoạn đối thoại giữa Hít-le và trung tướng Van-te Vác-li-mông, phó ban chỉ đạo tác chiến các lực lượng vũ trang Đức.

“Hít-le. Tiện đây, ngài hãy đọc báo cáo của Xta-lin, trong bản nhật lệnh mới ngày hôm qua, Xta-lin đã kể rõ số sư đoàn bộ binh mô-tô, sư đoàn xe tăng và bộ binh. Tôi cho rằng, ông ta đã kể thật chính xác.

Vác-li-mông. Về chiến dịch “thành trì”?

Hít-le. Về chiến dịch “thành trì”... Tôi có cảm giác rằng đó là hiệu kèn rút bỏ cuộc tiến công của chính ông ta, tức là ông ta trình bày vấn đề như thể là kế hoạch của chúng ta đã bị phá vỡ, nhưng lại tạo nên một ấn tượng là ông ta đang căn cứ vào đó để đề ra những quyết định của mình. Chắc là đã

có những tin tức báo cáo rằng công việc ở đây không tiến triển được nữa, ở đây đâu đâu cũng thấy đình trệ, do đó ông ta đã từ bỏ ý nghĩ cho rằng mọi việc sẽ tiếp tục phát triển theo nhịp điệu nhanh. Cảm giác là như vậy đấy”.

Khó nói rằng, trong những lời đoán mò kể trên cái nào là cái nhiều hơn: những tính toán sai lầm thực sự hay là thói đạo đức giả quen thuộc? Có thể tạm cho rằng tên độc tài quá bốc này chỉ đơn giản muốn khích lệ chính bản thân y và các tướng lĩnh của y. Nhưng, dầu thế nào mặc lòng, những “cảm giác” của y thực ra cũng chỉ là những ảo tưởng rỗng tuếch.

Bộ đội xô-viết đã quay về những trận địa cũ của mình và chỉ tạm dừng tiến công một thời gian ngắn để điều động thêm lực lượng và khí tài rồi sẽ mở một đợt đột kích mãnh liệt mới. Làm như vậy là hoàn toàn cần thiết, vì ta định tiêu diệt cánh quân Bên-gô-rốt – Khác-côp hùng mạnh của địch trong một thời gian ngắn nhất. Vấn đề làm thế nào để đạt được mục tiêu ấy, đã khiến toàn thể Bộ tổng tham mưu phải suy nghĩ đến.

Kinh nghiệm chỉ ra rằng: vì nguyên nhân thời gian, vì cơ động phức tạp và vì nhiều điều kiện khác, nên không phải lúc nào bao vây từng cụm quân địch cũng là có lợi. Tư lệnh phương diện quân Vô-rô-ne-giơ có lẽ là người đầu tiên lên tiếng tán thành bao vây các đơn vị phát-xít Đức đang phòng ngự ở Bên-gô-rốt và Khác-cốp. Cả trong Bộ tổng tham mưu cố nhiên cũng có những người đồng tình với quan điểm này. Nhưng nói chung Bộ tổng tham mưu đã giữ một quan điểm khác.

Có nhiều lý do để phản đối chủ trương bao vây trong trường hợp này. Trước hết, phải tính đến lực lượng địch: chúng rất đông. Tập đoàn quân xe tăng Đức 4 và cái gọi là cụm chiến dịch “kem-phơ” đóng tại đây. Tính tổng cộng, chúng có tất cả 18 sư đoàn, trong đó có 4 sư đoàn xe tăng. Cũng cần phải tính đến cả hệ thống phòng ngự thành hai dải mạnh của địch mà chúng đã bắt đầu xây dựng từ tháng Ba. Ban đầu, đó là tuyến xuất phát tiến công, rồi đến cuối tháng Bảy, chúng đã dùng nó làm cái dự phòng bị ta đột kích.

Những lực lượng chủ yếu của địch bố trí ở phía Bắc Khác-cốp, và trong trường hợp cần thiết chúng sẽ dựa vào thành phố rộng lớn này như dựa vào một pháo đài độc đáo. Nói vắn lại, bao vây rồi tiếp sau mới tiêu diệt cánh quân Bên-gô-rốt – Khác-cốp của bọn Đức thì sẽ giữ chân một số lớn bộ đội ta trong một thời gian dài và ta không thể tiến công Đni-ép-rơ, do đó tạo cho địch khả năng xây dựng tuyến phòng ngự mới, mạnh ở hữu ngạn sông Đni-ép-rơ.

Có đồng chí nghĩ rằng ta sẽ từng bước tiêu diệt cánh quân Bên-gô-rốt – Khác-cốp, bắt đầu bằng cách chia cắt những lực lượng chủ yếu của chúng ở phía Bắc ra khỏi Khác-cốp. Thoạt nhìn thì thấy có khả năng làm được như vậy nếu như ta từ hai hướng tiến công hợp điểm lại, ví dụ như: từ khu vực Xu-mu tiến công vào hướng đông-nam và từ Vôn-tran-xcơ tiến công vào hướng Tây.

Nhưng, muốn thực hiện nhiệm vụ ấy, ta cần phải có ở Xu-mư và Vôn-tran-xcơ những đơn vị đã sẵn sàng để đột kích mà chúng ta lúc này lại chưa có. Để thực hiện những mũi đột kích từ Xu-mư và Vôn-tran-xcơ, ta cần phải có những cuộc điều động binh lực lớn, tất nhiên phải mất nhiều thời gian.

Song, thời gian thì lại không nên để mất một phút nào, khi địch mới bị thất bại trong chiến dịch “thành trì”, chưa kịp ổn định hàng ngũ và còn đang choáng váng. Vì vậy, phương án này cũng không phù hợp với thời cơ chiến tranh.

Sau nhiều lần tính toán và cân nhắc mọi ý kiến đề nghị, Bộ tổng tham mưu đã đi đến kết luận cuối cùng: bước một là phải cô lập cánh quân Bên-gô-rốt – Khác-cốp của quân phát-xít Đức với nguồn lực lượng dự bị của chúng từ phía Tây đến. Muốn vậy, phải dùng hai tập đoàn quân xe tăng hiện đang sẵn sàng tiến công ở phía Bắc Bên-gô-rốt để bẻ gãy và làm rối loạn toàn bộ hệ thống phòng ngự của địch, dùng những mũi đột kích thọc sâu chia cắt phòng ngự của chúng, rồi sau đó mới tiêu diệt địch từng bộ phận một. Chiến dịch mới được suy tính như vậy mang mật danh là “Thống soái Ru-mi-an-txép”.

Trong thực tế, các trận chiến đấu vẫn tiếp diễn liên tục; trước khi bộ đội ta chuyển sang phản công không có đợt tạm dừng lâu, và vì vậy việc vạch kế hoạch chiến dịch này quả có những nét thật là đặc sắc: phần lớn đều tiên hành ở dưới các đơn vị, trực tiếp ngoài thực địa. Chẳng hạn như: ngày 27 tháng Bảy, nguyên soái Giu-cốp đã gặp tướng Ma-na-ga-rốp, tư lệnh tập đoàn quân 53 và cùng trong ngày hôm đó nguyên soái đã báo cáo về Đại bản doanh như sau: “Đã cùng đồng chí tư lệnh hoàn chỉnh quyết định về “Ru-mi-an-txép”.

Ngoài các đại diện Đại bản doanh, các hội đồng quân sự phương diện quân Vô-rô-ne-gơ, Thảo nguyên và Tây – Nam đã tham gia tích cực vào công việc này. Ngày 1 tháng Tám, Gh. C. Giu-cốp về Mát-xcơ-va hội ý với I. V. Xta-lin về nội dung cơ bản của kế hoạch, rồi sau đó ở các phương diện quân liền giao nhiệm vụ cho các tập đoàn quân, và chiến dịch bắt đầu.

Tôi không hề biết một văn kiện duy nhất nào, bằng chữ hoặc bằng sơ đồ, về kế hoạch chiến dịch “thống soái Ru-mi-an-txép”. Không có một văn kiện như thế. Đại bản doanh và Bộ tổng tham mưu đặt mật danh chiến dịch như vậy để muốn nói rằng đó không phải là một văn bản mà là những hành động phối hợp của bộ đội các phương diện quân Vô-rô-ne-gơ, Thảo nguyên và

một phần phương diện quân Tây – Nam trong tháng Tám 1943, thống nhất vì một mục tiêu chung và dưới một sự lãnh đạo thống nhất.

Mục tiêu hành động của chiến dịch là tiêu diệt địch ở khu vực Bên-gô-rốt và Khác-cốp, mở đường tiến ra Đni-ép-rơ, tạo khả năng đánh chiếm những bến vượt ở đây và chặn đường rút của địch từ Đôn-bát sang phía Tây. Toàn bộ những sự việc trên hứa hẹn cho chúng ta nhiều lợi thế chiến dịch to lớn.

Trong thực tế, chiến dịch đã bắt đầu từ ngày 3 tháng Tám, nhưng mãi đến ngày 5 và 6, khi Tô-ma-rôp-ca, A-lếch-xan-đơ-rốp-ca và Bên-gô-rốt được giải phóng, Đại bản doanh cùng với tư lệnh các phương diện quân Vô-rô-ne-giơ và Thảo nguyên mới báo cáo về Tổng tư lệnh tối cao các kế hoạch tiến công, đã được chuẩn xác cho từng phương diện quân. Ngày 6 và 8 tháng Tám, Đại bản doanh phê chuẩn các kế hoạch ấy. Nói đúng ra thì đây mới là cơ sở văn kiện của kế hoạch chiến dịch “Thống soái Ru-mi-an-txép”.

Chiến dịch chia làm hai giai đoạn. Trong giai đoạn một, kế hoạch quy định đánh bại các đội quân phát-xít Đức ở phía Bắc, phía Đông và phía Nam Khác-cốp. Sang giai đoạn hai, kế hoạch quy định giải phóng ngay chính thành phố Khác-cốp, Và về thực chất thì là kết thúc toàn bộ chiến dịch Cuộc-xơ

Vì chiến dịch “thống soái Ru-mi-an-txép” là chiến dịch chủ yếu trong thời gian ấy, nên hành động của bộ đội xô-viet trên những hướng khác, nhất là hướng Đôn-bát, đều nhằm phối hợp với nó và phù hợp với những mục tiêu của nó. A. M. Va-xi-lép-xki, đại diện Đại bản doanh tại các phương diện quân Tây – Nam và Nam, đã đặc biệt chăm lo bảo đảm yêu cầu này.

Sau khi tính toán khả năng của các phương diện quân Vô-rô-ne-giơ và Thảo nguyên, Đại bản doanh đã ra lệnh: từ ngày 8 tháng Tám rút tập đoàn quân 57 của tướng N. A. Ga-ghen trong biên chế của phương diện quân Tây – Nam chuyển thuộc cho phương diện quân Thảo nguyên để mở mũi đột kích vu hồi từ phía Nam vào Khác-cốp. Lực lượng còn lại của phương diện quân Tây – Nam phải phối hợp với phương diện quân Nam đánh tan cánh quân Đôn-bát của địch và đánh chiếm khu vực Goóc-lốp-ca, Xta-li-nô. Như

vậy là, đã dứt khoát hình thành biên chế các lực lượng và xác định những nhiệm vụ của các đơn vị trong chiến dịch “thống soái Ru-mi-an-txép”.

Lực lượng chủ yếu của các phương diện quân Vô-rô-ne-giơ và Thảo nguyên gồm sáu tập đoàn quân binh chủng hợp thành (hai tập đoàn quân cận vệ 6 và 5, hai tập đoàn quân 53 và 69, tập đoàn quân cận vệ 7 và tập đoàn quân 57), hai tập đoàn quân xe tăng (tập đoàn quân xe tăng 1 và tập đoàn quân xe tăng cận vệ 5), và hai tập đoàn quân không quân (2 và 5).

Những tập đoàn quân trên có nhiệm vụ mở những mũi đột kích từ phía Bắc, Đông – Bắc và phía Đông, tiêu diệt địch ở những cửa ngõ vào Khác-cốp. Đồng thời, các tập đoàn quân xe tăng và một quân đoàn xe tăng độc lập được sử dụng để chia cắt tập đoàn địch từ Bắc xuống Nam trên hướng Bô-gô-đu-khốp, Van-ki, Nô-vai-a Vô-đô-la-ga và chặn mọi đường rút lui của địch từ Khác-cốp sang phía Tây và Tây – Nam.

Đồng thời, quân ta còn mở một mũi đột kích thứ hai cũng rất mạnh, bằng hai tập đoàn quân binh chủng hợp thành (40 và 27) và ba quân đoàn xe tăng (10, cận vệ 4 và 5) vào hướng chung tới Ác-tư-rơ-ca. Như vậy là nó bảo đảm cho mặt phía Tây của những lực lượng chủ yếu của ta và cô lập khu vực Khác-cốp với nguồn lực lượng dự bị của địch.

Ngoài ra, nơi tiếp giáp với phương diện quân Trung tâm được tập đoàn quân 38 và một quân đoàn xe tăng bảo đảm. Tập đoàn quân 47 làm thê đội hai của phương diện quân Vô-rô-ne-giơ tiến ra phía sau sườn phải của phương diện quân trên hướng Tơ-rôt-chi-a-nét, từ đó có thể, tùy theo tình thế hoặc tiến ra Đen-côp hoặc tiến xuống phía Nam qua Ác-tư-rơ-ca.

Sau khi hoàn thành nhiệm vụ giai đoạn đầu của chiến dịch, tức là sau khi tiêu diệt địch ở những cửa ngõ vào Khác-cốp, ta đã xây dựng một tập đoàn binh lực mới nhằm bảo đảm đạt được mục tiêu cuối cùng của chiến dịch. Đồng thời, một bộ phận binh lực ta còn phải sẵn sàng đột kích vào Pôn-ta-va.

Rõ ràng, một ý định như vậy đòi hỏi lực lượng của các phương diện quân phải tập trung tối đa trên những hướng đã chọn, từ đầu đến cuối chiến dịch. Bộ tổng tham mưu đã rất chú trọng chăm lo việc này.

Cuộc tiến công bước sang ngày thứ tư thì thấy rằng tập đoàn quân cận vệ 5 của A. X. Gia-đốp và tập đoàn quân xe tăng 1 của M. E. Ca-tu-cốp buộc phải tạm thời điều một phần lực lượng cánh quân xung kích sang tiêu diệt số quân địch đang đe dọa bên sườn từ khu vực Tô-ma-rop-ca và Bô-ri-xốp-ca. Trong buổi báo cáo tình huống đêm rạng ngày 7 tháng Tám, Tổng tư lệnh tối cao đã chú ý tới tình hình ấy và nhận thấy có khuynh hướng vi phạm nguyên tắc tập trung lực lượng. Kết quả là có chỉ thị sau đây gửi cho tư lệnh phương diện quân Vô-rô-ne-giơ:

“Từ tình hình bộ đội của tập đoàn quân cận vệ 5 của Gia-đốp, thấy rõ rằng cánh quân xung kích của tập đoàn quân đã bị phân tán và các sư đoàn của tập đoàn quân đang hành động trên những hướng không hợp điểm được với nhau. Đồng chí I-va-nốp (Bí danh của I. V. Xta-lin hồi ấy) hạ lệnh xiết chặt đội hình cánh quân xung kích của tập đoàn quân Gia-đốp, không được phân tán lực lượng của nó thành mấy hướng. Cả tập đoàn quân xe tăng 1 của Ca-tu-cốp cũng phải như vậy”.

Lúc đó, việc tập trung mọi nỗ lực của bộ đội có một tầm quan trọng đặc biệt, vì những trận đánh ở Khác-cốp đang ở trong giai đoạn quyết định. Rạng ngày 10 tháng Tám, Mát-xcơ-va lại có điện mới, lần này gửi tới đại diện Đại bản doanh Gh. C. Giu-cốp. Trong bức điện này có nói:

“Đại bản doanh Bộ tổng tư lệnh tối cao thấy cần phải cô lập Khác-cốp bằng cách nhanh chóng đánh chiếm các tuyến giao thông đường sắt và đường bộ đi về Pôn-ta-va, Cra-xnô-grát, Lô-dô-vai-a và do đó xúc tiến nhanh việc giải phóng Khác-cốp.

Nhằm đạt mục tiêu ấy, tập đoàn quân xe tăng 1 của Ca-tu-cốp phải cắt các đường giao thông cơ bản trong khu vực Cô-vi-a-ghi, Van-ki, còn tập đoàn quân xe tăng cận vệ 5 của Rat-mi-xtơ-rốp từ phía Tây – Nam vu hồi vào Khác-cốp, cắt các đường giao thông trong khu vực Mê-rê-pha”.

Ít lâu sau, cả hai tập đoàn quân xe tăng đều nhanh chóng tiến tới tuyến đã định. Còn phương diện quân Thảo nguyên lúc này đã tiến tới phía Bắc và phía Đông những tuyến phòng ngự quanh Khác-cốp. Quân địch lâm vào tình thế vô cùng khó khăn.

Nhưng, sau này tình hình lại diễn biến hơi bất ngờ. Địch gấp rút tập trung vào khu vực tác chiến những đội dự bị của chúng (chủ yếu là những sư đoàn xe tăng), âm mưu chặn đứng cuộc tiến công của ta, không để cho ta tiêu diệt cụm chiến dịch “kem-phơ” và tập đoàn quân xe tăng 4 của chúng.

Bộ tư lệnh phương diện quân Vô-rô-ne-giơ lại đánh giá thấp, nói cho đúng hơn, thậm chí không thấy mối nguy cơ ấy. Ta vẫn tiếp tục tiến quân mà không chú ý đầy đủ đến việc củng cố những tuyến đã chiếm được và bảo đảm hai bên sườn. Địch đã lợi dụng tình hình này và tổ chức những mũi phản kích mạnh: ngày 11 tháng Tám, từ khu vực phía Nam Bô-gô-đu-khốp và những ngày 18-20 tháng Tám, từ khu vực phía Tây Ác-tư-rơ-ca.

Tham gia vào những mũi phản kích ấy, có tất cả chừng mười một sư đoàn địch, phần lớn là những sư đoàn xe tăng và mô-tô. Từ phía Ác-tư-rơ-ca, địch phản kích nhằm thẳng vào sườn phía sau mũi thọc sâu của bộ đội chúng ta trên hướng chủ yếu. Kết quả: sau mấy ngày chiến đấu quyết liệt, từ 17 đến 20 tháng Tám, bộ đội phương diện quân Vô-rô-ne-giơ đã bị tổn thất lớn. Cả hai tập đoàn quân xe tăng của chúng ta đều bị đánh bật lên phía Bắc ở một số chỗ. Khả năng tiến vào sau lưng cánh quân Khác-côp của địch xâu đi.

Trong lúc báo cáo tình hình cho Tổng tư lệnh tối cao đêm rạng ngày 22 tháng Tám, A. I. An-tô-nôp đã rút ra kết luận như vậy.

- Đồng chí hãy ngồi xuống và ghi chỉ thị cho Va-tu-tin, – Xta-lin ra lệnh cho tôi. – Bản sao gửi cho đồng chí Giu-cốp.

Chính Xta-lin cũng cầm một cây bút chì đỏ, vừa đi đi lại lại bên bàn vừa đọc cho tôi viết câu thứ nhất: – “Sự kiện trong những ngày gần đây cho thấy rằng, đồng chí chưa lưu ý tới kinh nghiệm cũ và tiếp tục lập lại những khuyết điểm cũ cả trong khi xây dựng kế hoạch lẫn trong lúc tiến hành chiến dịch”.

Đến đây, Xta-lin ngừng lại một lát, suy nghĩ. Rồi đồng chí đọc liền một mạch cả đoạn:

“Có tham vọng tiến công khắp nơi và đánh chiếm những vùng đất đai rộng lớn mà không củng cố thắng lợi và bảo đảm vững chắc hai bên sườn của các tập đoàn xung kích là tiến công không xác đáng; tiến công như vậy

sẽ làm cho lực lượng và khí tài bị phân tán và tạo cho địch khả năng đột kích vào bên sườn và sau lưng các tập đoàn của chúng ta đang tiến xa lên phía trước, mà không được bảo đảm ở hai bên sườn”

Tổng tư lệnh tối cao ngừng lại một phút, đứng ghé bên sau vai tôi, đọc lại những câu đã viết. Xong, đồng chí lại tự tay viết thêm vào cuối câu: “...và diệt các tập đoàn này từng bộ phận một”. Sau đấy, đồng chí lại tiếp tục đọc:

“Trong hoàn cảnh ấy, địch đã tiến được tới sau lưng tập đoàn quân xe tăng 1 đang ở khu vực A-lếch-xê-ép-ca, Cô-vi-a-ghi; sau đó, chúng đã đột kích vào bên sườn bị hở của các binh đoàn thuộc tập đoàn quân cận vệ 6 đang tiến ra tuyến Ô-tơ-ra-đa, Vi-a-dô-vai-a, Pa-na-xôp-ca, và cuối cùng, chúng đã lợi dụng sự sơ hở của đồng chí, để ngày 20 tháng Tám đột kích từ khu vực Ác-tư-rơ-ca sang Đông – Nam vào phía sau tập đoàn quân 27 và các quân đoàn xe tăng cận vệ 4 và 5.

Những hành động trên của địch đã làm cho bộ đội ta phải chịu những tổn thất khá lớn không đáng phải chịu, đồng thời mất thế thuận lợi để tiêu diệt cụm Khác-côp của địch”.

Tổng tư lệnh tối cao ngừng lại, đọc lại những câu đã viết, gạch bỏ những chữ “lợi dụng sự sơ hở của đồng chí”, rồi lại tiếp tục:

“Một lần nữa, tôi buộc phải chỉ ra cho đồng chí thấy những khuyết điểm đã mắc và tái phạm nhiều lần khi tiến hành chiến dịch và đòi hỏi nhiệm vụ tiêu diệt cụm Ác-tư-rơ-ca của địch, nhiệm vụ quan trọng nhất, phải được hoàn thành trong những ngày gần đây.

Nhiệm vụ ấy đồng chí có thể thực hiện được vì có đủ phương tiện cần thiết.

Tôi yêu cầu không say sưa với nhiệm vụ từ phía Pôn-ta-va đánh quặp vào căn cứ bàn đạp Khác-côp, mà phải tập trung mọi chú ý vào nhiệm vụ thiết thực và cụ thể: nhiệm vụ tiêu diệt cụm Ác-tư-rơ-ca của địch, vì không tiêu diệt được cụm này thì những thắng lợi khả quan của phương diện quân Vô-rô-ne-giơ sẽ không thể thực hiện được”.

Lúc tôi viết xong đoạn cuối, Xta-lin lại đưa mắt qua vai tôi đọc nhanh đoạn này, nhấn mạnh ý nghĩa câu mới viết bằng cách thêm chữ “không phân tán” sau câu “tôi yêu cầu”, và bảo tôi đọc to toàn văn cả đoạn này.

- “Tôi yêu cầu không phân tán, không say sưa với nhiệm vụ...,” tôi đọc lại.

Tổng tư lệnh tối cao gật đầu đồng ý và ký vào văn bản. Một phút sau, điện đã được chuyển ra mặt trận.

Tuy nhiên, tôi phải nói thêm rằng lúc phát chỉ thị này, thì tình hình đã có thay đổi, mũi phản kích của địch đã bị đánh lui. Các hành động của cánh phải phương diện quân Vô-rô-ne-giơ đã được tổ chức tốt hơn và những cố gắng của địch nhằm chặn đứng cuộc tiến công của ta đã bị phá sản.

I. X. Cô-nép liền lợi dụng ngay tình hình đó. Bộ đội của đồng chí đã tiến công chiếm Khác-cốp. Ngày 23 tháng Tám, hồi 21 giờ, Mát-xcơ-va cho hai trăm hai mươi bốn khẩu pháo bắn hai mươi loạt chào mừng bộ đội quang vinh của phương diện quân Thảo nguyên đã phối hợp hành động với hai phương diện quân Vô-rô-ne-giơ và Tây – Nam giải phóng một thành phố lớn thứ hai của U-crai-na.

Thủ tiêu xong cụm Khác-cốp của địch, chiến dịch Cuốc-xcơ kết thúc, đánh dấu một giai đoạn lịch sử mới trên đường tiến tới hoàn toàn chiến thắng nước Đức phát-xít. Phía trước chúng ta là Đni-ép-rơ.

Trong mùa hè năm 1943, hành động tiến công của các Lực lượng vũ trang Liên Xô đã diễn ra trên một quy mô ngày càng lớn hơn. Đợt đợt kích này nối tiếp đợt đợt kích kia trên một không gian ngày càng rộng hơn. Sở dĩ như vậy vì cần phải cùng một lúc tiêu diệt quân đội phát-xít Đức trên cả hai hướng, khiến chúng khó có thể điều động được lực lượng từ mặt trận này sang mặt trận khác.

Cuộc tiến công vào Đni-ép-rơ bắt đầu trên hướng Tây. Những khu vực then chốt ở đây là Xmô-len-xcơ và Rô.

Bộ đội phương diện quân Tây và một phần lực lượng của phương diện quân Ca-li-nin đã triển khai chiến dịch Xmô-len-xcơ từ lâu, trước lúc kết

thúc chiến dịch Cuốc-xơ, từ ngày 7 tháng Tám 1943. Chỉ huy phương diện quân Tây, phương diện quân được thành lập sớm nhất của chúng ta, hồi ấy là Va-xi-li Đa-nhi-lô-vích Xô-cô-lốp-xki, một người thận trọng, thích bảy lần đo trước khi cắt.

Trong thời gian sóng gió của chiến dịch Mát-xơ-va, đồng chí là tham mưu trưởng phương diện quân ấy, sau thay Gh. C. Giu-cốp làm tư lệnh và trong tháng Ba 1943 đã hoàn thành thắng lợi chiến dịch khó khăn nhằm thanh toán cái gọi là chỗ lồi Rơ-giép – Vi-a-dơ-ma. Trong chiến dịch Cuốc-xơ, bộ đội phương diện quân Tây đã sử dụng cánh trái góp phần tiêu diệt cánh quân Ô-ri-ôn của địch và sau đó tiến về Xmô-len-xơ. Sau những trận đánh quyết liệt, hiệp đồng với các đơn vị bạn, phương diện quân đã chiếm được Xmô-len-xơ và đến cuối tháng Chín tiến tới những cửa ngõ vào Gô-men, Mô-ghi-li-ốp, Oóc-sa và Vi-tép-xơ.

Từ giữa tháng Tám, các tập đoàn quân của phương diện quân Tây – Nam và phương diện quân Nam bước vào tiến công, làm nhiệm vụ giải phóng Đôn-bát và những khu phía Nam bên tả ngạn U-crai-na. Chi hạm đội A-dốp bảo đảm sườn ven biển, đã tiến hành những cuộc đổ bộ chiến thuật ở Ta-gan-rô-gơ, Ma-ri-u-pôn, Ô-xi-pen-cô. Sau đấy, những mũi đột kích của phương diện quân Vô-rô-ne-giơ và phương diện quân Thảo nguyên lại được tăng cường mạnh hơn nữa: thời kỳ giải phóng thành phố Ki-ép cổ kính và Hữu ngạn U-crai-na khỏi ách chiếm đóng của địch đã bắt đầu

Trong Bộ tổng tham mưu, chúng ta hiểu rõ mức độ sâu rộng của những sự kiện sắp đến. Chúng ta hiểu cặn kẽ yêu cầu sử dụng càng nhanh chóng và đầy đủ càng hay những kết quả chiến thắng lo lớn ở Cuốc-xơ. Một việc không lấy gì làm bí mật là bọn Hít-le đang xây dựng tuyến phòng ngự mạnh theo dọc những con sông Mô-lô-trơ-nai-a, Đni-ép-rơ và Xô-giơ. Không thể cho phép địch rút quân về đây và chuẩn bị đầy đủ để chờ đón ta. Yếu tố thời gian lần này có ý nghĩa quyết định. Kế hoạch chiến dịch, cả các thời hạn và nhịp độ của chiến dịch, đều được căn cứ vào đây để tính toán, xác định

Cuộc tiến công của quân đội xô-viết tới sông Đni-ép-rơ, và việc điều quân sang sông Đni-ép-rơ trên hướng chủ yếu, hướng Ki-ép, sẽ bắt đầu trong

tháng Chín. Những dự kiến của phương diện quân Vô-rô-ne-giơ phối hợp với Bộ tổng tham mưu, mang chữ ký của nguyên soái Giu-cốp, đã được chuẩn bị xong ngày 8 tháng Chín và đệ trình lên Tổng tư lệnh tối cao dưới hình thức kế hoạch trình bày trên bản đồ.

Phương diện quân có ý định tiến công bằng con đường ngắn nhất và khi cần thì tiến công trực tuyến. Để căng địch ra và phân tán sự chú ý của chúng, bộ đội ta đã tiến ra tuyến sông cùng một lúc trong toàn dải tiến công. Tập đoàn quân 38 phải đánh chiếm những bến vượt ở Đa-rơ-nít-xa, ngoại ô Ki-ép. Để tập đoàn quân hành động không bị chậm trễ, ba sư đoàn của tập đoàn quân được chuẩn bị hành quân bằng ô-tô.

Tuyến xuất phát của toàn thể bộ đội phương diện quân Vô-rô-ne-giơ là tuyến: Ne-dơ-ri-gai-lốp, Ve-prích, Bô-rơ-ki, Ô-pô-sni-a. Chặng đường tiến quân đến sông Đni-ép-rơ dài 160-210 ki-lô-mét dự tính sẽ đi trong bảy-tám ngày, từ 18 đến hết ngày 26-27 tháng Chín. Tốc độ tiến quân trung bình trong một Ngày là 20-30 ki-lô-mét.

Nhằm nhanh chóng và dứt khoát đánh tan quân địch, tập đoàn quân xe tăng cận vệ 3 và ba quân đoàn xe tăng độc lập quân đoàn cận vệ 5, các quân đoàn 2 và 10 đã được đưa vào biên chế thể đội một của phương diện quân.

Chúng ta dự định vượt sông Đni-ép-rơ và tiếp tục phát triển tiến công trong hành tiến ở phía Nam Ki-ép, chỗ khúc ngoặt sông, cong về phía ta. Ở đây có những vùng dân cư Ma-lưi Bu-cơ-rin và Bôn-sôi Bu-cơ-rin. Vì vậy, căn cứ bàn đạp ở đây sau này lấy tên là Bu-cơ-rin. Tất nhiên, cũng cần phải vạch ra phương án hai nhằm vượt sông Đni-ép-rơ tại khu vực Ki-ép trong trường hợp tiến công từ căn cứ bàn đạp Bu-cơ-rin không thành công. Nhưng đáng tiếc là cả Bộ tổng tham mưu lẫn bộ tư lệnh phương diện quân đều chưa làm việc ấy kịp thời.

Mờ sáng ngày 22 tháng Chín, tiểu đoàn bộ binh mô-tô phái đi trước của tập đoàn quân xe tăng cận vệ 3 tiến tới khúc ngoặt ở Bu-cơ-rin và vượt sông Đni-ép-rơ thắng lợi. Tiếc rằng không có những đơn vị khác để sử dụng vào việc nhanh chóng mở rộng căn cứ đầu cầu vừa chiếm lĩnh được. Ngược lại, quân bạn ở bên ngoài, tức tập đoàn quân 40 của C. X. Mô-xca-len-cô, đã đi

chiếm một số căn cứ đầu cầu phạm vi nhỏ hơn trong khu vực Rơ-gi-sép. Còn trên những khu vực khác của phương diện quân, chúng ta đều chưa thực hiện trước ý định của mình.

Để cuộc tiến công vượt sông Đni-ép-rơ, một cuộc vượt sông khó khăn trong bất kỳ hoàn cảnh nào, được thực hiện dễ dàng, kế hoạch đã quy định sử dụng một đội đổ bộ đường không mạnh, gồm hai lữ đoàn đổ bộ xuống hữu ngạn sông. Đội đổ bộ có nhiệm vụ đánh chiếm và giữ vững căn cứ đầu cầu dọc theo tuyến Rơ-gi-sép, Mi-gi-ri-trơ, Mô-snư, Tréc-ca-xư, cho đến lúc những lực lượng chủ yếu tiếp cận đến nơi. Tuyến này có chính diện rộng tới 110 ki-lô-mét và sâu 25-27 ki-lô-mét, nên tất nhiên đã vượt quá khả năng của hai lữ đoàn đổ bộ đường không.

Đợt đổ bộ tiến hành trong đêm rạng ngày 24 tháng Chín. Một lữ đoàn đổ bộ xuống toàn bộ, còn một lữ đoàn đổ bộ xuống một phần. Do công tác chuẩn bị chưa đến nơi đến chốn nên đã phạm một loạt sai lầm nghiêm trọng: đội đổ bộ bị rải xuống một khu vực rất rộng, vì mất phương hướng nên một bộ phận quân đổ bộ đã nhảy xuống vị trí bố trí của quân ta, một bộ phận khác nhảy xuống sông Đni-ép-rơ và số còn lại nhảy ngay xuống đầu những sư đoàn địch đang hành quân.

Việc vượt sông Đni-ép-rơ của các lực lượng chủ yếu của ta bây giờ thành ra phức tạp. Tảng sáng ngày 24 tháng Chín, địch đã tập trung một số sư đoàn, trong đó có một tiểu đoàn xe tăng, để đối phó với những căn cứ đầu cầu Rơ-gi-sép và Bu-cơ-rin.

Chúng tôi trong Bộ tổng tham mưu đã phân tích tỉ mỉ tình huống diễn biến và thống nhất ý kiến với nhau rằng cuộc tiến công vượt sông từ căn cứ bàn đạp Bu-cơ-rin thật khó mà thực hiện được thắng lợi. Yếu tố bất ngờ đã bị mất. Sức chống cự của quân địch tăng lên. Địa hình ở đây lại cực kỳ bất tiện cho hoạt động của xe tăng: có rất nhiều khe lạch và đồi núi rất mấp mô. Trên một địa hình như vậy, có thể giấu quân tốt, nhưng cơ động gặp nhiều khó khăn. Mọi người hiểu ngay ra rằng, ta không thể hạn chế trong phạm vi một phương án tiến công vượt sông Đni-ép-rơ, mà phải có vài phương án khác.

Ngày 25 tháng Chín, Gh. C. Giu-côp cũng báo cáo lên I. V Xta-lin về những khó khăn của cuộc tiến công từ căn cứ bàn đạp Bu-cơ-rin, về tình trạng thiếu đạn dược nghiêm trọng và phát biểu ý kiến cần đánh chiếm căn cứ bàn đạp mới. Quan điểm của đồng chí hoàn toàn phù hợp với ý kiến của Bộ tổng tham mưu.

Đồng chí Tổng tư lệnh tối cao không bác bỏ nhưng cũng không đồng ý với những lý lẽ của chúng tôi. Xta-lin nói:

- Ta chưa thử tiến công theo đúng quy cách mà đã vội thoái lui. Cần phải thực hiện đột phá từ căn cứ bàn đạp hiện có. Không biết trong lúc này, phương diện quân có thể tạo ra được một căn cứ bàn đạp mới không?

Đồng chí rất bực mình vì thất lợi trong việc sử dụng bộ đội đổ bộ đường không trong chiến dịch. Trong bản mệnh lệnh đặc biệt về sự việc này, có nhận xét: “Cho một đội đổ bộ đông như vậy nhảy vào lúc đêm tối là một bằng chứng về sự dốt nát của người tổ chức công việc này, vì kinh nghiệm đã chỉ rõ rằng một đơn vị lớn nhảy dù vào ban đêm thậm chí xuống chính ngay vùng đất đai của mình cũng đã gặp nhiều khó khăn lớn rồi”. Một lữ đoàn rượt bộ đội đổ bộ đường không còn lại, đã được rút khỏi phương diện quân và chuyển vào đội dự bị của Đại bản doanh.

Hành động của tập đoàn quân 38 tỏ ra có nhiều hy vọng hơn. Tập đoàn quân tiến về Đni-ép-rơ đến đúng khu vực đã định, đối diện trực tiếp với Ki-ép và chệch xuống phía Nam một ít, có tập đoàn chủ yếu bên sườn trái của mình. Tổ chức vượt sông Đni-ép-rơ ngay phía trước Ki-ép là một việc quá phức tạp. Tại đây địch có một công sự đầu cầu kiên cố.

Sau khi được phép của tư lệnh phương diện quân, N. E. Tsi-bi-xôp – tư lệnh tập đoàn quân – đã nhanh chóng tung lực lượng lên phía Bắc Ki-ép, và từ 27 đến 29 tháng Chín đã chiếm được hai vị trí đầu cầu nhỏ, một ở khu vực Xva-rô-mi-e và một ở Li-u-te-giơ. Sau này đơn vị đã nối liền được hai vị trí ấy, mở rộng ra đến 15 ki-lô-mét chính diện, sâu đến 10 ki-lô-mét. Khu vực này sau trở thành khu vực chủ yếu khi giải phóng Ki-ép.

Nhiều đợt cố gắng tiến công trong tháng Mười từ căn cứ bàn đạp Bu-cơ-rin đã không có kết quả. Tổng tư lệnh tối cao rất không hài lòng, trách bộ tư

lệnh phương diện quân Vô-rô-ne-giơ và đại diện Đại bản doanh là hành động không kiên quyết, và nêu gương tư lệnh phương diện quân Thảo nguyên I. X. Cô-nép đã đưa bộ đội vượt sông Đni-ép-rơ thắng lợi trong khu vực Crê-men-trúc và tiến đến phía Nam khu vực này. Cuối cùng, đêm khuya rạng ngày 25 tháng Mười, Xta-lin quyết định cho điều động tập đoàn quân xe tăng cận vệ 3 tới phía Bắc Ki-ép, và ký mệnh lệnh sau đây:

“1. Đại bản doanh Bộ tổng tư lệnh tối cao chỉ ra rằng cuộc tiến công trên căn cứ bàn đạp Bu-cơ-rin đã không thành công vì không kịp thời cân nhắc những điều kiện địa hình gây trở ngại cho hoạt động tiến công của bộ đội, nhất là của tập đoàn quân xe tăng...

2. Đại bản doanh ra lệnh điều động bộ đội phương diện quân U-crai-na 1 (Ngày 20 tháng Mười đã tiên hành đổi tên các phương diện quân: phương diện quân Vô-rô-ne-giơ gọi là phương diện quân U-crai-na 1 còn các phương diện quân Thảo nguyên, Tây – Nam và Nam lần lượt gọi là phương diện quân U-crai-na 2, 3 và 4. – TC.) sang tăng cường cho cánh phải của mặt trận, với nhiệm vụ trước mắt là tiêu diệt cụm Ki-ép của địch và đánh chiếm Ki-ép”.

Tham gia chiến dịch Ki-ép có tập đoàn quân 60 của tướng I. Đ. Tséc-ni-a-khốp-xki, tập đoàn quân 38 lúc này do C. X. Mô-xca-len-cô làm tư lệnh và tập đoàn quân xe tăng cận vệ 3 của P. X. Rư-ban-cô. Những bộ đội còn để tại căn cứ bàn đạp Bu-cơ-rin vẫn tiếp tục hoạt động, có nhiệm vụ thu hút lực lượng địch về phía mình càng nhiều càng tốt, và nếu điều kiện thuận lợi cũng sẽ đột phá vào mặt trận của chúng

Cuộc tiến công ở phía Bắc Ki-ép bắt đầu ngày 3 tháng Mười một 1943. Tập đoàn quân xe tăng cận vệ 3 đã được bí mật điều động tới đây, và bộ chỉ huy phát-xít Đức đã bị bất ngờ. Sáng ngày 6 tháng Mười một, Ki-ép cổ kính – bà mẹ của các thành phố Nga – được giải phóng khỏi ách chiếm đóng của địch.

Cuộc tiến công của phương diện quân U-crai-na 1 tiếp tục phát triển thắng lợi, đánh lui những mũi phản kích của địch và gây cho chúng nhiều thiệt hại nặng nề. Trong vòng mười ngày, cụm Ki-ép của quân đội phát-xít Đức đã bị

hoàn toàn tiêu diệt. Bộ đội chúng ta tiến ra tuyến Tre-rơ-nô-bưn, Ma-lin, Gi-tô-mia, Pha-xtôp, Tơ-ri-pô-li-e và tuyến này trở thành tuyến xuất phát cho những chiến dịch tiến công sau này.

10. Chuyển đi Tê-hê-ran

Nhiệm vụ mới. – Từ xe lửa sang máy bay. – Thủ đô I-ran trước mắt chúng ta. – Những điểm bổ sung vào kế hoạch “Ô-véc-lo-dơ” – Ru-dơ-ven ủng hộ Xta-lin. – Trách nhiệm của chúng ta đối với đồng minh. – Bản đồ của Sóc-sin về Nam Tư. – Những sự tương phản ở Tê-hê-ran. – Xây dựng kế hoạch chiến cục cho nửa đầu năm 1944. – Từ cuộc tiến công trên toàn thể mặt trận đến hàng loạt những đòn đột kích nối tiếp nhau.

Trưa ngày 24 tháng Mười một 1943, A. I. An-tô-nốp nói với tôi:

- Đồng chí chuẩn bị đi công tác. Mang theo bản đồ các mặt trận và đồng chí mật mã. Lúc nào đi và đi đâu, sẽ biết sau.

Chúng tôi quen không hay hỏi thêm trong những trường hợp như thế. Mọi việc cũng đã rõ ràng: sắp có chuyển đi quan trọng nào đây.

Hai giờ đêm, đồng chí liên lạc trong điện Crem-li đến tìm tôi. Tôi báo cáo A. I. An-tô-nốp, lấy cặp đựng bản đồ, xong chúng tôi lên đường.

Về đêm, phố xá Mát-xcơ-va đầy tuyết, tắt hết đèn theo thời chiến và không một bóng người. Chỉ thỉnh thoảng mới gặp đội tuần tra đêm, mặc áo lông ngắn và đi ủng da.

Xe chạy nhanh. Tôi không được thông báo về hành trình. Ngồi phía sau, tôi cố định hướng bằng cách nhìn các phố lớn, nhỏ qua tấm kính cửa xe khép chưa kín. Cuối cùng, tôi xác định được rằng xe đang đi về phía ga Ki-ép. Rồi chỉ một lúc đã bỏ nhà ga lại phía sau.

Xe tăng tốc độ khi chạy trên đại lộ Mô-giai-xcơ. nơi vào thời gian này trên hai bên lề đường đã có nhiều tòa nhà mới, cao lớn, màu xám mọc lên bên cạnh những ngôi nhà nhỏ thấp lè tè với một hai tầng vốn có từ một trăm năm trước đây. Xe lao nhanh ngang qua nghĩa trang Do-thái. Mát-xcơ-va ở lại phía sau.

Xe quành đi quành lại mấy vòng sau khi vượt qua Cun-xê-vô rồi ra đến đường sắt, tới một sân ga quân sự nào đó tôi chưa biết. Đoàn tàu tối om đã trực sẵn trên đường: Đồng chí liên lạc dẫn tôi đến một toa xe, nói ngắn:

- Mời đồng chí lên đây.

Trong toa, ngoài tôi ra không thấy có ai khác. Đồng chí phụ trách toa xe chỉ chỗ cho tôi. Lúc này, tôi thoáng nghĩ: “Có lẽ mình sẽ đi theo một đồng chí nào đó trong Đại bản doanh ra mặt trận”.

Một lúc sau, có tiếng tuyết lạo xạo dưới gót giày phía sau cửa sổ, C. E. Vô-rô-si-lốp và hai người nữa bước vào toa xe. Vô-rô-si-lốp chào tôi và nói:

- Đồng chí trưởng tàu sẽ đến gặp đồng chí. Đồng chí hãy báo cho đồng chí trưởng tàu biết cần cho xe lửa dừng lại ở đâu và vào lúc nào để đến mười một giờ thu thập được những tin tức tình huống của tất cả các mặt trận và báo cáo cho đồng chí Xta-lin biết. Sau này, đồng chí vẫn sẽ báo cáo như khi ở Mát-xcơ-va, ba lần trong một ngày đêm ...

Đoàn tàu chuyển bánh. Tôi còn lại một mình trong toa. Đồng chí trưởng tàu bước vào, báo cho tôi biết là tàu đang chạy trên chặng đường tiến về Xta-lin-grát. Chúng tôi thỏa thuận với nhau rất nhanh: đến 9 giờ 40 phút, tàu tới thành phố Mi-tru-rin-xcơ và sẽ dừng lại ở đó chừng nửa giờ, bắt mối ngay với đường điện thoại trực tuyến.

- Mọi việc sẽ được thực hiện đúng như vậy, – đồng chí trưởng tàu hứa rồi bước ra ngoài.

Tắt đèn xong, tôi ngồi lại một lát. Những cột dây điện báo vun vút băng qua ngoài khung cửa, những khu rừng thưa, những đồi, gò phủ đầy tuyết cứ lướt qua. Thỉnh thoảng, hiện ra bóng dáng mờ mờ của làng mạc.

Tôi bắt đầu nghĩ miên man: “đến Xta-lin-grát để làm gì? Chúng ta sẽ làm gì ở đấy, khi chiến tranh đang diễn ra ở bên kia sông Đni-ép-rơ?.. Chắc hẳn mục tiêu của chuyến đi này không phải là Xta-lin-grát...”

Theo thói quen, tôi leo lên tầng trên và nằm nghỉ. Tầng trên là ông bạn đáng tin cậy của tôi từ lâu, bao giờ cũng giúp tôi tránh khỏi những bất tiện dọc đường thường đến với những người nằm ở tầng dưới. Tôi luôn luôn chân thành tiếc cho những ai vì tuổi tác hay vì những nguyên nhân nào khác không thể leo lên tầng trên được.

Trong những năm này, tôi chỉ nằm xuống một tý là ngủ. Lúc thức dậy, thấy trời mưa lâm lâm hắt qua cửa sổ, đồng hồ chỉ 8 giờ. Tôi đi đi lại lại trên

toa xe. Đồng chí vệ binh đứng gác ở đầu toa và đồng chí phụ trách toa xe không ngủ.

Tôi lấy cặp, bước sang toa xe làm việc, nơi đặt máy điện thoại trực tuyến. Tôi trải bản đồ lên bàn. Lúc tàu đến Mi-tru-rin-xcơ, tôi liên lạc được ngay với A. A. Grư-dơ-lốp. Đồng chí lúc nào cũng sẵn sàng. Tôi được đồng chí cho biết mọi tin tức cần thiết và ghi tình huống lên các bản đồ.

Khoảng 10 giờ, Vô-rô-si-lốp ghé vào toa xe làm việc. Có lẽ lúc nói chuyện bằng điện thoại tôi đã làm đồng chí tỉnh

- Này, đồng chí nói to thật đây, – đồng chí có ý nhắc tôi – Ngoài ấy chiến trận có gì mới?

Tôi báo cáo vắn tắt, không mở bản đồ. Thời gian này, bộ đội các phương diện quân Pri-ban-tích 2 và 1 đang tiến hành những trận chiến đấu tiến công ác liệt trong các khu vực I-đri-xa, Gô-rô-đốc, Vi-tép-xcơ, nhưng không tiến lên được là bao. Phương diện quân Tây tiến đến Vi-tép-xcơ, tới những cửa ngõ vào Mô-ghi-li-ốp cũng bị kìm lại.

Tình hình trong dải tiến công của phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a tốt hơn nhiều. Bộ đội của ta ở đây, dưới sự chỉ huy của C. C. Rô-cô-xốp-xki, đánh vu hồi vào Gô-men (thành phố này chỉ còn chờ giải phóng từng giờ một), phát triển tiến công đến Giơ-lô-bin và trên hướng Pô-lê-xi-ê.

Tình hình của phương diện quân U-crai-na 1 có phức tạp. Sau khi chiếm Ki-ép, bộ đội phương diện quân này đã chiếm được một khu vực rộng đến tuyến Ma-lin, Gi-tô-mia, Pha-xtốp Tơ-ri-pô-li-e. Ngày 17 tháng Mười một, ta giải phóng Cô-rô-xten. Và đến đây, quân địch đã hạn chế được thắng lợi của chúng ta. Chúng điều động quân, đưa những đội dự bị sinh lực còn dồi dào vào chiến đấu và chuyển sang phản công, đột kích trên hướng Ki-ép vào ngay sau lưng tập đoàn bộ đội của ta. Xe tăng Đức ép rất mạnh ở những khu vực Gi-tô-mia và Pha-xtốp. Ngày 19 tháng Mười một, địch chiếm lại Gi-tô-mia và ngày 25 bao vây được Cô-rô-xten. Sư đoàn bộ binh 226 thuộc tập đoàn quân 60 đang tiếp tục anh dũng chiến đấu ở đây.

Trong những dải hoạt động của các phương diện quân U-crai-na 2 và 3 đang diễn ra những trận chiến đấu tiến công khó khăn trên các hướng Ki-rô-

vô-grát, Cri-vôi Rô-gơ và ở xế phía Tây Da-pô-rô-giê.

Lúc 11 giờ, trung tướng Vla-xích, chủ nhiệm đội bảo vệ Xta-lin, mời Vô-rô-si-lốp sang toa xe làm việc của Tổng tư lệnh tối cao. Tôi ngồi lại và báo cho Vla-xích biết rằng tôi đã sẵn sàng báo cáo tình hình. Chừng năm phút sau, các đồng chí cho lệnh tìm tôi đến báo cáo.

Ngoài Xta-lin và Vô-rô-si-lốp ra, trong toa xe làm việc còn có Mô-lô-tốp. Tổng tư lệnh tối cao hỏi ngoài mặt trận có những gì mới. Tình hình mới không có bao nhiêu, các đồng chí cho phép tôi ra về sớm.

Buổi tối, tôi thu thập tình hình ở Xta-lin-grát. Sau đó tôi chuẩn bị ‘bốc hàng’: xếp bản đồ vào cặp và chờ lệnh. Song, lệnh không đến. Không thấy có ai ra khỏi tàu cả và nửa giờ sau, đoàn xe lại tiếp tục lên đường.

Khi lại được triệu tập đến gặp Xta-lin, tôi vẫn thấy các đồng chí Vô-rô-si-lốp và Mô-lô-tốp ở đó. Mọi người đang ngồi bên bàn chuẩn bị ăn trưa.

Tôi báo cáo tình huống theo bản đồ tỷ lệ 1:1000000, sau đó tôi chuyển những yêu cầu và đề nghị của các mặt trận do A. I. An-tô-nốp điện lên Tổng tư lệnh tối cao. Xta-lin giải quyết mọi yêu cầu, phê chuẩn các đề nghị và mời tôi ăn trưa.

Chúng tôi ăn trong khoảng một giờ rưỡi. Câu chuyện luôn luôn xoay quanh một hội nghị sắp tới nào đó, có Ru-dơ-ven và Sốc-sin tham dự, mà tôi không hề hay biết gì cả.

Một đêm trôi qua. Ngày mới bắt đầu. Thứ tự công việc trong ngày vẫn không thay đổi. Tôi đến toa xe của Xta-lin báo cáo ba lần trong một ngày đêm. Xe lửa chạy qua Ki-dơ-li-a-rơ, Ma-kha-trơ-ca-la. Chiều tối tới Ba-cu. Tối đây, chỉ trừ tôi, còn mọi người lên ô-tô và đi đâu đó. Tôi ngủ lại trên tàu. Lúc 7 giờ sáng, có người đến tìm tôi và chúng tôi lên đường ra sân bay.

Một số máy bay Xi-47 đã trực sẵn trên đường bay. Tư lệnh các lực lượng không quân A. A. Nô-vi-cốp và tư lệnh không quân hoạt động tầm xa A. E. Gô-lô-va-nốp đang đi dạo bên một trong những chiếc máy bay đó. Tôi nhận ra đồng chí V. G. Gra-trép, một phi công quen biết, đứng gần chiếc máy bay bên cạnh.

8 giờ, I. V. Xta-lin đến sân bay. Nô-vi-cốp báo cáo đã chuẩn bị cho hai máy bay sẵn sàng cất cánh ngay: một do thượng tướng Gô-lô-va-nốp và một do đại tá Gra-trép lái. Nửa giờ sau còn có hai chiếc chở nhóm cán bộ Bộ dân ủy ngoại giao sẽ cất cánh nữa.

A. A. Nô-vi-cốp mời Tổng tư lệnh tối cao đi chiếc máy bay của Gô-lô-va-nốp. Lúc đầu, đồng chí như thuận ý, nhưng đi được vài bước, đồng chí bỗng dừng lại.

- Các thượng tướng ít khi lái máy bay, – Xta-lin nói, – chúng ta bay với đại tá tốt hơn.

Rồi đồng chí quay sang phía Gra-trép. Mô-lô-tốp và Vô-rô-si-lốp đi theo đồng chí.

- Stê-men-cô cùng đi với chúng ta. dọc đường sẽ báo cáo tình hình, – Xta-lin nói lúc đang bước lên thang máy bay.

Tôi không để các đồng chí phải đợi mình. Trong chiếc máy bay thứ hai có các đồng chí A. I-a. Vư-sin-xki, mấy cán bộ Bộ dân ủy ngoại giao và bảo vệ.

Mãi đến sân bay tôi mới được biết là chúng tôi sẽ bay đến Tê-hê-ran. Ba phi đội gồm chín máy bay tiêm kích hộ tống chúng tôi. Hai tốp bay hai bên, một tốp bay cao ở phía trước.

Tôi báo cáo tình hình các mặt trận. Tình huống ở Cô-rô-ten lại càng xấu thêm. Bộ đội ta sắp phải bỏ thành phố này. Căn cứ theo mọi tình hình, ta nhận thấy rằng địch có ý đột phá vào Ki-ép và đánh bật bộ đội ta ra khỏi căn cứ bàn đạp ta vừa chiếm được ở đây...

Bay chừng 3 tiếng đồng hồ thì tới Tê-hê-ran. Thượng tướng A-pô-lô-nốp, thứ trưởng Bộ dân ủy nội vụ, được cử đến trước để tổ chức bảo vệ phái đoàn Liên Xô, ra đón chúng tôi. Cùng đi với A-pô-lô-nốp có mấy đồng chí cán bộ khác, tôi không quen biết. Có tất cả chừng 5-6 người. Ô-tô chạy sát đến máy bay. Xta-lin và các thành viên khác của Chính phủ ngồi vào xe. Xe lấy tốc độ chạy nhanh. Có hai xe bảo vệ đi theo sau. Tôi đi chiếc xe thứ hai.

Một lát sau, chúng tôi đã đến Đại sứ quán của ta.

Đại sứ quán Liên Xô ở mấy ngôi nhà trong một công viên tốt, Có hàng rào chắc chắn vây quanh. Gần đấy là những ngôi nhà của phái bộ Anh, có đội bảo vệ hỗn hợp Anh – Ấn Độ canh gác. Đại sứ quán Mỹ ở cách chúng tôi khá xa.

Tôi và đồng chí mật mã ở tầng dưới ngôi nhà của Xta-lin và các thành viên khác trong phái đoàn. Các đồng chí bố trí cho chúng tôi một gian phòng nhỏ, có một cửa sổ. Điện báo ở phòng bên. Tối đến, Xta-lin dạo chơi trong công viên có lưu ý đến những điều kiện làm việc của chúng tôi. Đồng chí không vừa lòng với gian phòng của chúng tôi ở:

- Ở đây thì trải bàn đồ ra chỗ nào? Tại sao lại tối thế này? Không thể bố trí cho các đồng chí một chỗ khác tốt hơn hay sao?

Kết quả cuộc đến thăm này liền được thể hiện ra ngay. Các đồng chí nhường cho chúng tôi một gian phòng khác, rộng hơn và sáng sủa hơn, với ba chiếc bàn. Máy điện trực tuyến được chuyển sang chỗ khác.

Ngày 28 tháng Mười một, vào lúc chiều tà, hội nghị những người lãnh đạo ba nước lớn khai mạc tại một ngôi nhà riêng trong khu vực Đại sứ quán Liên Xô. Tôi cũng được cấp giấy ra vào nơi họp và cũng đã phải dùng đến nó. Một đội vệ binh quốc tế đảm nhận việc canh gác nơi họp; mỗi trạm gác có ba vệ binh: một Liên Xô, một Mỹ và một Anh. Mỗi bên tự bố trí phiên gác cho người của mình. Nói chung, đây là một nghi thức đặc biệt và khá thú vị.

Ít lâu sau, theo lời mời của Xta-lin, Ru-dơ-ven sang ở hẳn trong khu vực Đại sứ quán Liên Xô. Làm như vậy là do nhu cầu bảo vệ: có tin đồn về âm mưu ám sát tổng thống Mỹ.

Sóc-sin hết sức bất bình về việc Ru-dơ-ven trú chân ở Đại sứ quán Liên Xô. Và có lẽ không phải vô cớ mà Sóc-sin cho rằng đây là một biện pháp rất khôn khéo của I. V. Xta-lin nhằm tạo cho mình khả năng gặp gỡ Ru-dơ-ven một cách không chính thức để bàn những vấn đề quan trọng mà không có mặt Sóc-sin và lôi kéo Ru-dơ-ven về phía mình.

Phái đoàn Liên Xô rất vững vàng tham gia hội nghị. Theo những câu chuyện trao đổi nghe được lúc còn ở trên tàu tôi hiểu rằng phái đoàn ta định

kiên quyết đặt ra trước các nước Đồng minh vấn đề mở mặt trận thứ hai mà họ rõ ràng đã cố ý trì hoãn. Xta-lin đã nhiều lần bảo tôi phải nắm chính xác số sư đoàn địch và chư hầu của chúng trên mặt trận Xô – Đức cũng như trên mặt trận giữa Đức và các nước Đồng minh.

Những số liệu này đã được sử dụng ngay trong ngày đầu của hội nghị. Chúng là một cây “chủ bài” trong tay phái đoàn Liên Xô, khi bàn đến vấn đề rút ngắn thời hạn chiến tranh, mở ngay mặt trận thứ hai, hoặc như những nước Đồng minh thường nói: thực hiện kế hoạch “Ô-véc-lo-dơ”. Những con số về tương quan lực lượng hai bên đã đập thẳng vào mắt Sốc-sin, bóc trần mọi mưu toan của ông ta nhằm lấy những chiến dịch thứ yếu thay cho mặt trận thứ hai.

Dựa vào những số liệu ấy, Xta-lin đã chỉ ra rằng: trong năm 1943, do tính tiêu cực của các nước Đồng minh, bộ chỉ huy Đức đã có thể tập trung được nhiều tập đoàn đột kích mới chống lại quân đội ta. Và, đồng chí thông báo ngay về những tình huống phức tạp trên mặt trận Xô – Đức, kể cả ở Cô-rô-xten và ở Ki-ép nói chung.

Một trong những vấn đề trung tâm của hội nghị là: xác định thế nào là mặt trận thứ hai và nên mở mặt trận này ở đâu. Phái đoàn Liên Xô buộc phái đoàn Anh thừa nhận rằng, chiến dịch “Ô-véc-lo-dơ” phải là chiến dịch chủ yếu của các nước Đồng minh. chiến dịch này phải được bắt đầu chậm nhất là tháng Năm sang năm và nhất thiết phải tiến hành trên lãnh thổ miền Bắc nước Pháp.

Để bảo vệ quan điểm đúng đắn này. Xta-lin đã phân tích gọn nhưng rất cặn kẽ, những khả năng các nước Đồng minh tiến đánh Đức từ những hướng khác. Phương án những chiến dịch ở Địa Trung Hải và trên bán đảo A-pen-nin – nơi quân đội Đồng minh đang tiến tới Rô-ma- đã được phân tích tỉ mỉ hơn cả.

Bộ Tổng tư lệnh tối cao Liên Xô coi chiến dịch Địa Trung Hải là chiến dịch thứ yếu, vì địch ở đây có tương đối ít lực lượng và chiến trường này lại ở xa lãnh thổ Đức. Còn đề cập tới chiến trường I-ta-li-a, phái đoàn Liên Xô thừa nhận rằng chiến trường này là rất quan trọng để bảo đảm cho tàu bè

Đồng minh tự do qua lại Địa Trung Hải, nhưng lại không hoàn toàn thích hợp để mở những cuộc đột kích trực tiếp vào nước Đức Hít-le: dãy núi An-pơ chặn mất đường tiến ra biên giới Đức phát-xít.

Những chiến dịch ấy không thích hợp với việc đột nhập vào Đức từ vùng Ban-căng mà Sốc-sin trước hết quan tâm đến

Các đại biểu Liên Xô đã đề nghị với các đồng minh phương Tây thực hiện một phương án có cơ sở sâu sắc về mặt quân sự, gồm ba chiến dịch gắn bó mật thiết với nhau và hoàn toàn phù hợp với thực chất và quy mô của mặt trận thứ hai: dùng lực lượng chủ yếu tiến hành kế hoạch “Ô-véc-lo-dơ”, ở Bắc Pháp, mở mũi đột kích thứ yếu vào phía Nam nước Pháp, rồi tiến công hợp điểm với những lực lượng chủ yếu, và cuối cùng mở chiến dịch ở I-ta-li-a để thu hút lực lượng địch. Nhân dịp này, ta đã trình bày khá chi tiết trật tự hiệp đồng hợp lý nhất của những chiến dịch trên cả về thời gian và nhiệm vụ.

Ta đã đặc biệt bàn nhiều về việc quân Đông minh đổ bộ vào miền Nam nước Pháp. Ta dự kiến rằng sẽ có nhiều khó khăn ở đây, nhưng chiến dịch này lại tạo nhiều điều kiện thuận lợi cho những lực lượng chủ yếu hoạt động. Tóm tắt quan điểm của Liên Xô về vấn đề miền Nam nước Pháp, Xta-lin tuyên bố:

- Riêng tôi thấy cần phải có một hành động cực đoan như vậy.

Như ta đã biết, Ru-dơ-ven đã ủng hộ Xta-lin và đề nghị của Liên Xô về thời hạn mở chiến dịch “Ô-véc-lo-dơ” cũng như cả về những hoạt động phụ ở miền Nam nước Pháp đều được chấp nhận. Không nghi ngờ gì nữa, quyết định này đã góp phần củng cố khối liên minh ba nước lớn chống Hít-le và là sự thắng lợi của những tư tưởng đấu tranh chung.

Trong suốt thời gian họp hội nghị, tôi làm công việc của mình: thường kỳ ba lần một ngày, tôi thu thập tin tức về tình hình các mặt trận bằng điện báo và điện trực tuyến rồi báo cáo lên Xta-lin. Thông thường, tôi báo cáo vào buổi sáng và sau phiên họp của những người đứng đầu chính phủ “thường họp vào chiều tối”.

Gần như ngày nào A. I. An-tô-nốp cũng chuyển cho tôi những dự thảo chỉ thị, mệnh lệnh cần có chữ ký của Tổng tư lệnh tối cao. Sau khi Tổng tư lệnh tối cao đã ký xong, tôi báo về Mát-xcơ-va và xếp văn bản chính vào tủ sắt do đồng chí mật mã giữ.

Có một hai lần Xta-lin trực tiếp nói chuyện với An-tô-nốp. Và cũng có lần đồng chí đích thân nói chuyện với Va-tu-tin và Rô-cô-xốp-xki, tìm hiểu xem các đồng chí này có khả năng triệt phá cuộc phản công của địch ở Ki-ép hay không. Đồng chí đặc biệt chú ý đến ý kiến của Rô-cô-xốp-xki: phương diện quân của Rô-cô-xốp-xki có nhiệm vụ chi viện cho phương diện quân của Va-tu-tin trên hướng Mô-dư-a.

Là cục trưởng Cục tác chiến, tôi cố nhiên đã hết sức quan tâm đến việc hiệp đồng giữa Quân đội Liên Xô với quân đội Đồng minh trong những chiến dịch sắp tới. Vấn đề này được Xta-lin nêu lên trong cuộc hội đàm với Sóc-sin ngày 30 tháng Mười một và cũng ngay trong ngày hôm đó, trong phiên họp thứ ba của những người đứng đầu chính phủ, đã được trình bày dưới dạng lời cam kết của Liên Xô.

Trong lời tuyên bố của người đứng đầu đoàn đại biểu Liên Xô về vấn đề này, không loại trừ khả năng là quân đội Đồng minh sẽ gặp nguy cơ lớn nhất không phải trong thời gian đầu hành động theo kế hoạch “Ô-véc-lo-đơ” mà trong quá trình chiến dịch, khi quân Đức cố tìm cách điều một bộ phận quân lính từ mặt trận Đông sang mặt trận Tây.

Tuy nhiên, đi trước vấn đề một chút, đến đây tôi phải nói rằng: trung thành với những trách nhiệm của mình đối với Đồng minh, Quân đội Liên Xô trong năm 1944 đã có những hành động kiên quyết, khiến địch không rút quân của chúng từ mặt trận Đông sang mặt trận Tây, mà ngược lại, đã buộc Hít-le phải điều động nhiều sư đoàn của chúng từ Tây sang Đông.

Không phải không có đụng chạm khi giải quyết vấn đề chỉ định người làm Tổng tư lệnh quân đội Đồng minh ở phía Tây. Người được cử giữ cương vị này phải chịu toàn bộ trách nhiệm về các mặt để chuẩn bị và tiến hành chiến dịch “Ô-véc-lo-đơ”. Nếu không có cá nhân chịu trách nhiệm về công việc tối quan trọng ấy, thì nhất thiết sẽ có những sai phạm nghiêm trọng làm hỏng,

thậm chí làm thất bại kế hoạch đã định. Mọi thành viên tham gia hội nghị đều hiểu rất rõ vấn đề này và cuối cùng đã thỏa thuận cử tướng Mỹ Ai-xen-hao làm Tổng tư lệnh.

Trong quá trình làm việc, hội nghị Tê-hê-ran đã giải quyết có kết quả nhiều khía cạnh rất quan trọng khác của vấn đề mở mặt trận thứ hai, đặc biệt là điểm số lực lượng mà Đồng minh sẽ tung vào lục địa là bao nhiêu. Sốc-sin xác định phải cho đổ bộ tới một triệu hoặc vào khoảng một triệu quân.

Và cũng trong hội nghị Tê-hê-ran này, các nước Đồng minh đã được phía Liên Xô thỏa thuận về nguyên tắc là Liên Xô sẽ tuyên chiến với đế quốc Nhật, sau khi đánh bại nước Đức Hít-le.

Tôi còn nhớ tình hình vô cùng bận rộn sau khi U. Sốc-sin chuyển cho I. V. Xta-lin tám bản đồ Nam Tư. Nguyên do là ở chỗ những số liệu của thủ tướng Anh về nước này không giống với những số liệu mà người đứng đầu phái đoàn Liên Xô đã dẫn ra trong hội nghị.

Trưa ngày 30 tháng Mười một, tôi nhận được bản đồ này kèm theo một mệnh lệnh dứt khoát: “kiểm tra lại”. Trong tay tôi không có một tài liệu nào về Nam Tư cả. Phải cấp tốc liên lạc với A. A. Gru-dơ-lốp. Đồng chí ấy đã cung cấp cho tôi những tin tức mới nhất về tình hình Nam Tư. Chúng tôi thấy rõ rằng bản đồ của Sốc-sin kém chính xác hơn bản đồ của chúng ta. Nhưng, như tôi được biết, trong các buổi hội đàm tiếp sau với Sốc-sin, Xta-lin không quay trở lại vấn đề này nữa.

Tôi còn nhớ rõ buổi lễ trao tặng thành phố Xta-lin-grát Thanh kiếm danh dự của vua nước Anh. Ngày 29 tháng Mười một, Sốc-sin thay mặt vua nước Anh trao thanh kiếm cho I. V. Xta-lin, Ru-dơ-ven có tham dự buổi lễ trọng thể này. Các thành viên phái đoàn ba nước, các cán bộ đại sứ quán ta, nhiều sĩ quan và chiến sĩ Liên Xô đã được mời đến dự lễ. Sốc-sin đọc một bài diễn văn ngắn. Xta-lin tiếp nhận và hôn thanh kiếm.

Trong thời gian họp hội nghị, Sốc-sin vừa tròn 69 tuổi. Nhân dịp này, phái bộ Anh có mở đại tiệc chiêu đãi. Nhân vật chính của buổi lễ, miêng không rời điều xì-gà cổ truyền, ngồi vào bàn chính, với Ru-dơ-ven bên phải và Xta-lin bên trái. Trước mặt là một tấm bánh to có cắm 69 ngọn nến đang cháy,

biểu hiện 69 năm sinh. Nhiều người nâng cầu chúc mừng Sóc-sin, trong đó có Xta-lin.

Trong những ngày hội nghị bình thường, những người đứng đầu chính phủ và các thành viên phái đoàn đã lần lượt dùng bữa, khi thì ở chỗ Xta-lin, khi thì ở chỗ Ru-dơ-ven, khi thì ở chỗ Sóc-sin. Những bữa ăn ấy đều rất muộn (vào lúc 20 giờ theo giờ Mát-xcơ-va), khi chúng tôi đã ăn tối xong rồi.

Ru-dơ-ven không bao giờ nán lại sau bữa ăn, ông ta thường về ngay trụ sở của mình, còn Xta-lin và Sóc-sin thì ngồi lâu với nhau để tiến hành cái gọi là “những cuộc hội đàm không chính thức”. Ngược lại, Ru-dơ-ven thích gặp Xta-lin vào buổi trưa, trước phiên hội nghị và những buổi gặp gỡ ấy, đã góp phần không nhỏ làm cho những buổi đàm phán chính thức đạt được kết quả.

Không ai nghi ngờ rằng cơ quan tình báo Hít-le – Tê-hê-ran biết có cuộc hội nghị này. Tiện thể xin nói thêm là cuộc gặp gỡ long trọng của U. Sóc-sin đã góp phần không nhỏ vào việc đó. Nhưng bọn Hít-le không dám phá hoại. Đội canh phòng thực hiện nhiệm vụ rất cảnh giác, và bản thân những người I-ran là những người có lòng yêu hòa bình, thậm chí nhiệt tình, nhất là đối với những người xô-viết. Điều đó bắt nguồn từ nguyện vọng của cả hai nước muốn sống trong hữu nghị và hòa hợp.

Cố nhiên, tôi muốn có dịp đi tham quan Tê-hê-ran. Và, cơ hội này có lần đã đến. Các đồng chí trong Đại sứ quán cho biết là không nên mặc quân phục đi ngoài đường phố Tê-hê-ran. Người ta cho tôi mượn áo khoác và mũ. Tôi khoác áo ra ngoài quân phục đang mặc, áo thì dài, còn mũ không vừa đầu, nhưng tôi vẫn cố dùng. Rồi có vẻ như nhà thám tử thực sự, tôi lên xe đi du ngoạn khắp Tê-hê-ran lúc chiều tối.

Mình không quen nhìn những đường phố chính rực sáng, các biển quảng cáo đủ màu. Có cảnh tương phản lạ lùng: những cung điện đồ sộ của các bậc quyền quý, với những vườn cây và công viên lộng lẫy đủ màu sắc, với nhiều hoa, sóng đôi bên cạnh nghèo khó kinh người tại những vùng ngoại ô thủ đô, nơi phụ nữ còn mang mạng che mặt và gánh nước kênh bần thiu về dùng.

Tôi đi dạo chùng nửa tiếng đồng hồ. Và cố nhiên, tôi chỉ mới thấy thoáng qua cảnh Tê-hê-ran.

Họp hội nghị xong, chúng tôi lại trở về Mát-xơ-va theo trật tự cũ: đi máy bay của Gra-trép tới Ba-cu và từ Ba-cu đi xe lửa về Mát-xơ-va. Theo lệ thường, tôi vẫn thu thập tin tức và báo cáo tình huống. Tự nhiên là chúng tôi đã nói chuyện với nhau xoay quanh cuộc hội nghị này.

Mấy ngày sau, chúng tôi đã từ cảnh thu ảm áp của nước I-ran hòa bình trở lại với mùa đông chiến tranh của Mát-xơ-va thân yêu.

Sau hội nghị Tê-hê-ran, Bộ tổng tham mưu không nhận được những chỉ thị thật đặc biệt nào cả. Tuy nhiên, mọi nhiệm vụ xuất phát từ Đại bản doanh rõ ràng đều được trù tính sao cho những trách nhiệm đồng minh của chúng ta đối với triển vọng mở mặt trận thứ hai, được thực hiện đầy đủ. Chiếm vị trí chủ yếu trong những công việc này, đương nhiên là việc phá tan bộ máy chiến tranh của Hít-le và sau đó là việc chuẩn bị chiến tranh với Nhật.

Cố nhiên, chúng ta không quên rằng bản chất của khối đồng minh chống Hít-le chứa đựng nhiều mâu thuẫn và mọi chuyện bất ngờ. Vấn đề đặc biệt sinh ra nhiều nghi ngại là thời hạn mở mặt trận thứ hai đã định trong hội nghị Tê-hê-ran. Vì ngay tại đây, ở Tê-hê-ran, các nước Đồng minh đã đề ra rất nhiều ý kiến bảo lưu trong vấn đề này. Cho nên Đại bản doanh và Bộ tổng tham mưu đã hành động theo phương châm: không thể chỉ trông mong ở Đồng minh, mà cần phải dựa vào sức mình

Trong nhiều vấn đề xác định công tác thực tiễn của Bộ tổng tham mưu thời gian ấy đã nảy sinh vấn đề như sau: liệu có cần điều chỉnh kế hoạch chiến cục mùa đông xây dựng hồi tháng Chín 1943 hay không?

Nếu nói về mục tiêu chính trị của những chiến dịch sắp tới của bộ đội xô-viết, thì mục tiêu đó trước hết nhằm hoàn toàn giải phóng nước ta khỏi ách xâm lược của phát-xít Đức. Hiện nay chỉ 1/3 đất đai bị chiếm trước đây là còn nằm dưới gót sắt của chúng. Và trong năm tới, Quân đội Liên Xô phải sẵn sàng thực hiện sứ mệnh quốc tế vĩ đại: giúp đỡ nhân dân những nước khác. Vì vậy, phải tiến hành những chiến dịch tiến công với quy mô còn lớn

hơn so với năm qua. Nguyên tắc cũ đã được khảo nghiệm, vẫn có hiệu lực là: đánh địch liên tục, không cho chúng kịp thở.

Tuy nhiên, cuộc tiến công quá dài đã có ảnh hưởng tới tình trạng bộ đội chúng ta: bộ đội bị mệt mỏi, cần được bổ sung thêm người và vũ khí. Trong quá trình chiến đấu mùa thu – đông năm 1943, quân thù đã huy động nhiều lực lượng dự bị mạnh và tạm thời uy hiếp được ta ở U-crai-na, kìm hãm cuộc tiến công của ta ở Bê-lô-ru-xi-a, đánh lui những mũi đột kích của ta tại những cửa ngõ vào vùng Pri-ban-tích. Bộ chỉ huy phát-xít Đức cố sức bằng mọi giá ổn định tình hình trên các mặt trận. Như vậy là tình huống căn bản đã thay đổi và các giải pháp cũ không còn thích hợp nữa.

Đại bản doanh và Bộ tổng tham mưu hiểu rất rõ rằng dù trong hoàn cảnh nào chúng ta cũng không được để mất quyền chủ động chiến lược, không được để cho địch tiến hành chiến đấu theo hình thái trận địa. Cần phải nghiêm chỉnh điều động lại binh lực, trước hết là ở U-crai-na.

Chủ trương cho các Lực lượng vũ trang Liên Xô đồng thời tiến công trên toàn mặt trận từ Ban-tích đến Biển Đen, nét đặc trưng của kế hoạch mùa thu 1943, thực ra bây giờ không thể đem ra thực hiện được nữa. Thực tiễn chiến tranh buộc phải từ bỏ cuộc tiến công đồng loạt ấy, và thay thế nó bằng những chiến dịch lớn nối tiếp nhau, phù hợp hơn với thời cơ mới, hay như hồi đó ta thường nói và viết, là những đòn đột kích chiến lược.

Trong lúc xác định mục tiêu đột kích, số lượng và tính chất những lực lượng và phương tiện tham gia, thời gian tiến hành đột kích và yêu cầu hiệp đồng với những chiến dịch tương tự khác, Bộ tổng tham mưu đã tính toán trước hết đến cụm quân phát-xít Đức mà ta cần tiêu diệt. Đến đầu năm 1944, rõ ràng địch đã có tập trung lực lượng ở khu vực Lê-nin-grát và bên Hữu ngạn U-crai-na, ở Crưm và Bê-lô-ru-xi-a.

Tiêu diệt được mỗi cụm quân này tức là tạo được những cửa mở trong phòng ngự của chúng và địch chỉ có thể bịt những cửa mở ấy, chủ yếu bằng cách cơ động những lực lượng từ những khu vực khác đến, vì chúng không có đủ lực lượng dự bị chiến lược. Bộ chỉ huy Đức không tổ chức những binh

đoàn chiến dịch trong lực lượng dự bị, mà thường sử dụng những quân đoàn và sư đoàn các loại, phần lớn là những quân đoàn và sư đoàn xe tăng.

Muốn chọc thủng mặt trận quân địch, phá vỡ nó trên một khoảng lớn và không cho chúng có thể khôi phục lại được, chiến lược xô-viết trước hết phải quy định khả năng thành lập những cụm quân mạnh hơn các cụm của Đức. Mỗi cụm quân này phải được tăng cường tính chất đột kích mạnh, bằng cách tiếp tục nâng cao vai trò của xe tăng, pháo binh và không quân. Đòi hỏi phải xây dựng những binh đoàn và cụm dự bị lớn, để trong một thời hạn ngắn và bất ngờ đối với địch, ta có thể có được ưu thế quyết định về lực lượng trên những hướng đã chọn. Để phân tán lực lượng dự bị của địch, tốt hơn hết là tổ chức và tiến hành nhiều chiến dịch nối tiếp nhau liên tục về thời gian và trên các khu vực cách nhau khá xa.

Tất cả những vấn đề trên đều được định rõ trong các kế hoạch chiến cục nửa đầu năm 1944. Ngoài ra, các kế hoạch này còn tính đến cả trách nhiệm ta đã đảm nhận tại hội nghị Tê-hê-ran là “đến tháng Năm sẽ tổ chức tiến công lớn, đánh quân Đức ở một số địa điểm”.

Thời gian mở đầu những chiến dịch trên trước hết do tình hình sẵn sàng hành động của các lực lượng ta quyết định. Cũng đã có nhiều ý đồ khác nữa, có liên quan đến khu vực chiến đấu này hay khu vực chiến đấu khác, ví như cần “giải tỏa” Lê-nin-grát, phá hoại các vị trí chính trị của Đức ở Phần Lan và Ru-ma-ni.

Cũng như trước đây, mũi đột kích chủ yếu hướng vào tả ngạn U-crai-na. Ở đây, ta định tiêu diệt cánh quân của Man-stai-nơ và dùng các phương diện quân U-crai-na 1 và 2 tiến tới Các-pát, chia cắt mặt trận quân địch. Đồng thời, bộ đội của phương diện quân U-crai-na 3 phải tiêu diệt cánh quân Ni-cô-pôn – Cri-vôi Rô-gơ của chúng. Phương diện quân U-crai-na 4 sẽ hoạt động ở Ni-cô-pôn để hiệp đồng với phương diện quân U-crai-na 3 rồi sẽ chuyển sang tiêu diệt tập đoàn quân 17 của Đức ở Crum.

Theo kế hoạch chiến cục thì phương diện quân Pri-ban-tích 2 sẽ chuyển sang tiến công sớm nhất (ngày 12 tháng Giêng). Sau đó (ngày 14 tháng Giêng), các phương diện quân Lê-nin-grát và Vôn-khốp sẽ hợp nhất hành

động với phương diện quân Pri-ban-tích 2. Chiến dịch chung của ba phương diện quân trên hồi đó gọi là “Đòn đột kích thứ nhất”. Mười ngày sau (24 tháng Giêng), sẽ bắt đầu tiến công trên hướng chủ yếu ở Hữu ngạn U-crai-na.

Những hành động của bộ đội ta ở đây lấy tên là “đòn đột kích thứ hai”. Trong tháng Ba – tháng Tư, dự định mở “đòn đột kích thứ ba”: dùng lực lượng của phương diện quân U-crai-na 3 giải phóng Ô-đét-xa và sau đó đưa phương diện quân U-crai-na 4 đến tiêu diệt quân địch ở Crưm. Tiếp sau, chúng ta xây dựng kế hoạch tiến công trên eo Ca-rê-li-a và ở Nam Ca-rê-li-a.

Hàng loạt những (đòn đột kích) trên những địa điểm trong những thời gian khác nhau ấy đã tỏ ra là hoàn toàn đúng. Quân địch buộc phải điều động lực lượng của chúng khi thì sang hướng này, lúc thì sang hướng khác, kể cả những phía sườn xa xôi và phải chịu mất từng bộ phận một.

11. Ở Crưm

Ý định và những phương án chiến dịch. – Đề nghị của A. M. Va-xi-lép-xki. – Quyết định cuối cùng. – Đi cùng C. E. Vô-rô-si-lốp – Đến tập đoàn quân miền Duyên hải. – Căn cứ bàn đạp Kéc-tơ. – Đàm luận với các chiến sĩ thủy quân, biên bản có mười chữ ký và phản ứng của Xta-lin – Những chàng bộ binh Cô-dắc. – Lòng dũng cảm của các đơn vị đổ bộ. – Bất ngờ thay đổi tư lệnh tập đoàn quân. – Mang báo cáo về Đại bản doanh. – Lại đến Crưm. – Trận chung kết ở Khéc-xô-nét.

Đầu tháng Mười 1943, bộ đội Liên Xô đã ở trên tuyến Xta-rai-a Ru-xa, Pu-xtô-sca, U-xvi-a-tư và đã từ phía Đông tiến gần đến Vi-tép-xcơ, Oóc-sa và Mô-ghi-li-ôp, tiến sát tới Pô-lê-xi-ê và Ki-ép. Ở xa hơn nữa, mặt trận về cơ bản nằm theo dọc sông Đni-ép-rơ mà ở bên hữu ngạn ta đã chiếm được một loạt căn cứ bàn đạp, và dọc theo sông Mô-lô-tơ-nai-a.

Vấn đề đánh chiếm Crưm được đặt ra một cách hơi riêng biệt trong các kế hoạch của Đại bản doanh chuẩn bị tiêu diệt địch ở phía Bắc Pô-lê-xi-ê, trong khu vực Ki-ép và ở khúc ngoặt lớn của sông Đni-ép-rơ. Ph. I. Tôn-bu-khin (phương diện quân Nam) đã điều bộ đội của mình từ phía Bắc tiến vào những cửa ngõ tới bán đảo, và sắp phải vượt qua Pê-rê-cốp.

Còn phương diện quân Bắc Cáp-ca-dơ, dưới quyền chỉ huy của I. E. Pê-tơ-rôp, ngày 9 tháng Mười đã hoàn thành nhiệm vụ giải phóng bán đảo Taman. Những chiến hạm của Hạm đội Biển Đen và Chi hạm đội A-dôp kiểm soát vùng biển bao quanh Crưm.

Cục tác chiến Bộ tổng tham mưu chú ý nghiên cứu những ý định và phương án tác chiến nhằm giải phóng Crưm. Chúng ta đã ôn lại lịch sử và kinh nghiệm đấu tranh của M. V. Phun-de chống Vran-ghen năm 1920. Có nhiều ý kiến được đem ra trao đổi. Một số ý kiến đề nghị lúc này chưa nên chiếm mà chỉ bao vây Crưm, bằng cách cô lập nhiều lực lượng địch ở đây, đồng thời tách phần lớn đơn vị của ta cho đi hoạt động trên những hướng khác. Chúng tôi gọi đùa những đồng chí có quan điểm này là “phái cô lập”.

Nếu ta hành động theo phương pháp này thì địch có thể từ Crưm uy hiếp phía sau những phương diện quân của chúng ta đang tiến công ở bên kia

sông Đni-ép-rơ. Chúng còn giữ được căn cứ để hoạt động tích cực trên các đường giao thông ở Bắc Ta-vri-a, ở miền ven Biển Đen, A-dốp và trong vùng công nghiệp dầu hóa Bắc Cáp-ca-dơ.

Ngoài ra, lập trường của “phái cô lập” còn có nhiều điểm yếu khác nữa. Vì vậy, quan điểm của những đồng chí này đã bị loại bỏ về nguyên tắc, còn phương án đánh chiếm Crưm và hoàn toàn tiêu diệt số quân địch đóng tại đây đã được chú ý đi sâu nghiên cứu

Bây giờ, phải quyết định cách đánh chiếm bán đảo. Lúc đầu cả trong vấn đề này cũng đã có nhiều quan điểm không thống nhất với nhau.

Ngày 22 tháng Chín, theo yêu cầu của Đại bản doanh, A. M. Va-xi-lép-xki đã trình bày ý kiến của mình về vấn đề này. Ý định của đồng chí là: bộ đội của phương diện quân Nam, trong lúc vu hồi từ phía Nam Mê-li-tô-pôn, nhanh chóng đánh chiếm Xi-va-sơ, Pê-rê-côp cùng khu vực Đơ-gian-côi và xốc tới Crưm tràn lên vai địch.

Do đó, phải lấy quân của phương diện quân Bắc Cáp-ca-dơ tăng cường cho phương diện quân Nam. Ngoài ra, phải cho quân đổ bộ đường không nhảy xuống khu vực Đơ-gian-côi và sử dụng Chi hạm đội A-dốp làm nhiệm vụ đổ bộ đường biển vào đây, nhằm tiến về phía sau cánh quân địch đang phòng ngự Xi-va-sơ và đột kích trên hướng Bắc tiến lên gặp bộ đội của phương diện quân Nam.

Kế hoạch này có điểm tốt là dự định tập trung nhiều lực lượng trên hướng đột kích đã chọn. Nhưng nó đòi hỏi nhiều đợt điều quân lớn, khó giấu được địch. Thêm nữa, hướng Kéc-tơ lại thụ động, do đó địch có thể rút phần lớn quân của chúng ra khỏi đây, sang tăng cường cho hướng Đơ-gian-côi.

Thật vậy, phương diện quân Bắc Cáp-ca-dơ trước khi tiến công vào Crưm, còn phải tiến công vượt qua vịnh và đánh chiếm căn cứ bàn đạp ở bán đảo Kéc-tơ. Việc đó tạo thành một chiến dịch riêng, khá phức tạp, nhưng rất đáng thực hiện. Phần lớn những người có uy tín trong Bộ tổng tham mưu chủ trương tiến hành một chiến dịch trừ bị, nhằm đánh chiếm căn cứ bàn đạp ở khu vực Kéc-tơ để sau này từ hai hướng đổ cả về Crưm.

Càng về sau, vấn đề giải phóng Crum càng có ý nghĩa thực tiễn. Đến cuối tháng Mười, bộ đội của phương diện quân Nam đã vượt qua tuyến phòng ngự mạnh của quân địch trên sông Mô-lô-tơ-nai-a và sang đầu tháng Mười một đã chiếm được eo đất Pê-rê-cốp và những căn cứ bàn đạp tại bờ phía Nam Xi-va-sơ. Tập đoàn quân 17 của Đức bị bao vây trên bán đảo.

Cũng trong khoảng thời gian này, từ ngày 1 đến hết ngày 11 tháng Mười một, theo quyết định của Đại bản doanh, phương diện quân Bắc Cáp-ca-dơ hiệp đồng với các lực lượng của hạm đội, đã tiến hành một chiến dịch đổ bộ và đánh chiếm căn cứ bàn đạp ở phía Đông – Bắc Kéc-tơ. Căn cứ bàn đạp này không lớn, nhưng nếu tổ chức chiến đấu tốt, nó có thể làm bàn đạp để tiếp tục phát triển tiến công vào Crum.

Chiến dịch này thật phức tạp và khó khăn. Đội đổ bộ trợ công gồm các đơn vị thuộc sư đoàn bộ binh 318, lữ đoàn hải quân 255 và tiểu đoàn thủy quân lục chiến độc lập 386 đã góp phần rất đáng kể vào thắng lợi của các lực lượng chủ yếu. Nó đã đổ bộ xuống khu vực làng En-ti-ghen phía Tây – Nam Kéc-tơ. Quân đổ bộ đã đánh chiếm một căn cứ bàn đạp nhỏ và suốt 40 ngày, trong những điều kiện hết sức khó khăn, đã đẩy lùi các cuộc phản công của các lực lượng địch có ưu thế hơn ta nhiều lần. Khi nhiệm vụ chủ yếu của đội đổ bộ – trói chặt các lực lượng dự bị của địch và không cho địch tung các lực lượng này ra đối phó với các lực lượng chủ yếu của ta – đã hoàn thành, những người anh hùng của “đất lửa” đã tiến tới gặp quân ta ở khu vực ở Kéc-tơ.

Sau khi chiếm được căn cứ bàn đạp Kéc-tơ thì phương diện quân Bắc Cáp-ca-dơ lúc này không còn cần thiết, và từ ngày 20 tháng Mười một, nó đã không còn tồn tại nữa. Trên cơ sở phương diện quân Bắc Cáp-ca-dơ và tập đoàn quân 56 đang hoạt động ở Crum, ta đã thành lập tập đoàn quân độc lập miền Duyên hải. Tướng I. E. Pê-tơ-rốp làm tư lệnh ở tập đoàn quân ấy.

Mọi việc, như người ta thường nói, đã đầu vào đấy và Tổng tư lệnh tối cao giao cho chúng tôi nhiệm vụ bắt tay xây dựng kế hoạch hành động từ bán đảo Kéc-tơ.

Đồng chí nói:

- Phải giải quyết nhiệm vụ đánh chiếm Crum bằng hành động đột kích phối hợp của bộ đội Tôn-bu-khin và Pê-tơ-rốp cùng với sự tham gia của Hạm đội Biển Đen và Chi hạm đội A-dôp. Chúng ta cử Vô-rô-si-lốp tới chỗ Pê-tơ-rốp. Vô-rô-si-lốp sẽ xem xét và báo cáo nên làm thế nào cho tốt hơn. Stê-men-cô thay mặt Bộ tổng tham mưu sẽ đi cùng với Vô-rô-si-lốp

Xta-lin thường coi trọng việc báo cáo những sự kiện tại chỗ

Trước đây, tôi chưa có dịp được tiếp xúc gần gũi với Vô-rô-si-lốp trừ cuộc đi Tê-hê-ran, mặc dầu cũng như tất cả những quân nhân khác, tôi được nghe nói nhiều về Vô-rô-si-lốp. Vì vậy chuyến đi công tác Crum lần này đã làm cho tôi có nhiều hứng thú.

Chúng tôi rời Mát-xcơ-va trên toa tàu dành riêng cho C E. Vô-rô-si-lốp. Hai phụ tá đi theo Vô-rô-si-lốp là thiếu tướng L. A. Séc-ba-cốp và đại tá L. M. Ki-ta-ép; tiện thể cũng nói thêm, hai người là bạn cùng học với tôi ở Học viện quân sự. Như thường lệ, một đồng chí mật mã cùng đi với tôi. Một số sĩ quan Bộ tổng tham mưu cũng sẽ sáp nhập với đoàn chúng tôi ở ngoài thực địa.

Ngay trong buổi đầu tiếp xúc với Vô-rô-si-lốp trên đường đi Crum, tôi đã có thể tin chắc rằng đồng chí là một người ham đọc sách, ưa thích và am hiểu văn học nghệ thuật. Trong toa xe của đồng chí, có một tủ sách chọn lọc khá lớn và thú vị.

Khi chúng tôi vừa giải quyết xong những vấn đề công tác khẩn thiết nhất và ngồi vào ăn tối, Vô-rô-si-lốp liền quan tâm tìm hiểu xem tôi biết và thích những vở nhạc kịch nào. Tôi mới nói tên những vở nhạc kịch: “Các-men”, “Ri-gô-lét-tô), “Ép-ghê-nhi Ô-nê-ghin”, “Con đầm pích”, “Bô-rít Gô-đu-nốp”, “Chi-ô – Chi-ô-xan”, thì Vô-rô-si-lốp đã cười:

-Ồ anh bạn trẻ, thế thì còn ít lắm.

Và đồng chí bắt đầu kể tên những tác phẩm nhạc kịch mà trước đây tôi thậm chí chưa được nghe nói tới.

- Thế trong số những nhà soạn nhạc, đồng chí yêu thích ai nhất? – Vô-rô-si-lốp tiếp tục tiến công.

Trả lời vấn đề này không phải là dễ. Tôi chưa từng coi mình là người sành sỏi âm nhạc, mặc dầu tôi không hề bàng quan với âm nhạc và thường dự các buổi biểu diễn nhạc kịch và hòa nhạc. Hồi còn là học viện Học viện bộ đội xe tăng ở thiết giáp, tôi cùng với bạn là Gri-gô-ri Ni-cô-lai-ê-vích Ô-ren để dành tiền và mua được chiếc máy hát, rồi trong suốt mùa đông sau đó ra công tìm kiếm đĩa hát. Lúc ấy, đó là một công việc khó. Hầu như chủ nhật nào chúng tôi cũng dậy thật sớm, đi chuyển xe điện đầu tiên vào trung tâm thành phố, để xếp hàng trong một cửa hàng nào đó bán những đĩa hát nhạc kịch có lời ca của Cô-dơ-lốp-xki, Lê-mê-sép, Mi-khai-lốp, Rây-den, hoặc những đĩa hát của những ca sĩ nhạc kịch Ca-tra-lốp, La-da-rê-va, Ghê-dơ-rôi-ét và những nghệ sĩ nổi tiếng khác hồi đó. Chúng tôi rất thích tình ca, dân ca và cả âm nhạc xô-viết.

Dù có lúng túng trước mặt C. E. Vô-rô-si-lốp, tôi cũng kể hết cho đồng chí nghe tất cả những chuyện đó mà không hề giấu giếm chút gì. Đồng chí thông cảm mỉm cười, và chỉ nhận xét rằng âm nhạc bao giờ cũng làm cho cuộc sống thêm đẹp và con người thêm tốt hơn.

Cuộc “sát hạch” về văn chương đã diễn ra có kết quả. Tôi không những đã trả lời được những câu hỏi về văn học cổ điển nước nhà, mà còn tỏ ra có trình độ am hiểu nhất định về những tác phẩm của các nhà văn phương Tây trước đây và hiện nay.

Tối tối, Vô-rô-si-lốp thường đề nghị Ki-ta-ép đọc một chuyện nào đó của Tsê-khốp hoặc Gô-gôn trong khoảng từ nửa tiếng đến một giờ rưỡi. Ki-ta-ép đọc hay, và trên khuôn mặt Vô-rô-si-lốp ánh lên niềm vui sướng lớn.

Mờ sáng, đoàn xe lửa chở chúng tôi đến ga Va-re-nhi-cốp-xcai-a bị phá hoại và đốt cháy trong những trận chiến đấu vừa qua. I. E. Pê-tơ-rốp và ủy viên Hội đồng quân sự V A. Bai-u-cốp ra đón chúng tôi. – Chở thẳng tới căn cứ bàn đạp, – C. E. Vô-rô-si-lốp ra lệnh, và cả nhóm chúng tôi lên xe.

Xe chạy nhanh, chẳng mấy chốc đã đi ngang qua Tem-ri-uc. Ta-man – “thành phố công viên” theo xác định của Léc-mông-tốp – ở một bên. Chúng tôi đến dải đất Tru-sca mà không hề gặp biến cố gì.

Chúng tôi được thông báo:

- Không nên trùng trình ở đây, dải đất này nằm trong tầm súng địch.

Cũng không phải không nguy hiểm khi dùng xuồng bọc sắt vượt qua vịnh sang Crum. Trước đây, lúc thời bình, tôi đã nhiều lần được ngắm cảnh nông trang viên Cu-ban chở những trái dưa hấu to lạ lùng bằng thuyền qua chính con đường này. Những tay chèo chậm rãi, thậm chí như ưỡ oải dưa đẩy mái chèo. Cọc chèo kéo kẹt nhịp nhàng. Mặt trời rọi sáng rực rỡ. Vạn vật đều toát lên cảnh thanh bình và phồn vinh hạnh phúc. Tôi như muốn nằm xuống ván thuyền và ngắm nhìn màu xanh trong trẻo, trù mển của bầu trời, mãi mãi không thôi.

Nhưng bây giờ cảnh vật không phải như vậy nữa rồi. Xuồng chúng tôi rẽ sóng băng lên phía trước, trong cái vịnh lạnh lẽo và lãnh đạm này. Bên phải, bên trái chúng tôi là các loại “phương tiện nổi”, to có, nhỏ có, chở hàng quân sự và thương binh đang tỏa đi các hướng khác nhau. Đó là những con tàu của Chi hạm đội A-dớp bấy giờ đang đảm đương toàn bộ gánh nặng của một công việc quá lớn đối với họ, một công việc thực sự anh hùng, là chở tới bán đảo Kéc-tơ toàn bộ tập đoàn quân miền Duyên hải rất cần cho hoạt động tác chiến. Quân địch dùng pháo bắn phá vịnh một cách có hệ thống và thường dùng máy bay đánh phá thuyền qua lại vịnh này.

Chúng tôi hoàn toàn coi trọng thái độ thận trọng phòng xa của I. E. Pê-tơ-rốp, khi buộc chúng tôi phải dùng xuồng bọc sắt, và công việc khó khăn, nguy hiểm của các chiến sĩ hải quân Chi hạm đội A-dớp làm nhiệm vụ tháo gỡ thủy lôi của địch trên con đường qua vịnh.

Tư lệnh tập đoàn quân không quân 4, K. A. Véc-si-nhin thì bay trên chiếc Po-2 – “ông vua của bầu trời”. Đồng chí cho rằng dùng cách này để vượt vịnh tới bán đảo thì chắc chắn hơn, mặc dầu trên không lúc nào cũng có máy bay tiêm kích Đức bay lượn.

Sau này, chính bản thân tôi cũng thấy rõ những ưu thế của cách vượt vịnh ấy. Đã mấy lần tôi vượt vịnh bằng máy bay Po-2. Máy bay thường bay thấp cách mặt nước độ 5 mét, và máy bay tiêm kích địch đành chịu không làm gì nổi. Rõ ràng, bọn chúng thậm chí cũng không phát hiện thấy chúng tôi nữa.

Đã đến lúc ngồi trên xuồng cũng thấy được hình dáng ở mờ mờ của ngọn núi Mi-tơ-ri-đát, nơi có các đài quan sát của địch khổng lồ chế vịnh Kéc-lơ. Đồng chí cầm lái vững tay điều khiển con tàu cập bến, và chúng tôi lên bờ.

Đất đai Crưm!.. Trước đây nó là nguồn sức khỏe và lạc thú, là xứ sở của những vườn cây tỏa hương thơm và những bãi biển óng vàng, là kho bảo tàng nhiều kỷ vật văn hóa có một không hai của nhiều thời đại và nhiều dân tộc. Thực ra tôi hiểu Crưm chủ yếu từ khía cạnh khác.

Trong bản thân tôi, những ký ức tươi sáng gắn chặt với Crưm. Từ Trường pháo binh Mát-xcơ-va mang tên L. B. Cra-xin, tôi được điều về đây. Ở Mát-xcơ-va, việc học tập cũng rất thú vị, một năm vụt trôi qua lúc nào không biết. Tôi học hành tấn tới, thu được nhiều kết quả trong môn cưỡi ngựa. Song một hôm vào đầu tháng Chín 1927, khi điểm danh buổi sáng, đồng chí khẩu đội trưởng nói rằng ở Xê-va-xtô-pôn đang thành lập một trường pháo binh mới: người ta đang chiêu sinh năm thứ nhất, tuyển học viên của tất cả các trường pháo binh trong nước cho ba lớp trên cùng. Khẩu đội của chúng ta mỗi khóa phải cử cho Xê-va-xtô-pôn hai người.

- Nếu đồng chí nào có nguyện vọng thì bước lên hai bước. Nếu không có ai thì tôi sẽ chỉ định, -đồng chí khẩu đội trưởng kết thúc.

Chẳng phải suy nghĩ lâu, tôi huých anh bạn đồng hương Pi-ốt Va-xi-li-ép và thế là hai chúng tôi cùng bước lên phía trước. Các khóa khác mỗi khóa cũng có một người, còn số thiếu thì được chỉ định ngay tức khắc. Mọi thể thức cử người chỉ có vậy. Chiều tối ngày hôm sau chúng tôi đã có mặt ở sân ga Cuốc-xcơ với chiếc hòm gỗ trong tay.

Chúng tôi đến Xê-va-xtô-pôn. Lúc này mới biết rõ rằng đây là trường pháo cao xạ đầu tiên ở Liên Xô. Chừng một tháng, chúng tôi chưa phải lên lớp, chỉ có việc trông nom ngựa mà thôi: ngày hai lần tắm rửa kỳ cọ, cho ngựa ăn uống và dựng chuồng ngựa nữa. Lần đầu tiên chúng tôi được nhìn thấy biển, được tắm biển và nằm dài trên bờ. Chúng tôi hài lòng khôn tả vì đã “bước lên hai bước”.

Ngoài chúng tôi là những người từ Mát-xcơ-va về đây ra, còn có các học viên từ Ki-ép, Xu-mư, Lê-nin-grát. Mọi việc đều được thu xếp ổn thỏa và

việc học bắt đầu. Xê-va-xtô-pôn là xứ sở của lính hải quân. Đối diện trường chúng tôi là một đơn vị huấn luyện của Hạm đội Biển Đen. Chẳng bao lâu chúng tôi đã làm quen được với rất nhiều “người anh em” mới và nói chung chúng tôi sống hòa thuận.

Cũng như ở Mát-xcơ-va, nhà trường cũng cho phép nghỉ trong thành phố. Thứ bảy thì được nghỉ từ sau giờ học cho đến 24 h 00; chủ nhật thì một bộ phận học viên nghỉ cho đến bữa trưa, một bộ phận thì từ sau bữa ăn trưa trở đi. Nhưng dù nghỉ ở đâu đi nữa thì cũng vẫn phải về để tắm rửa và cho ngựa uống nếu như không nhờ ai làm mọi phần việc thay cho mình hoặc không báo cáo với đồng chí chuẩn úy. Ở Mát-xcơ-va, chủ nhật nào tôi cũng phải tắm cho 3-4 con ngựa.

Ở thủ đô cũng như ở Xê-va-xtô-pôn, các quy tắc đều như nhau, nhưng ở đây có nhiều người là dân Mát-xcơ-va, họ có việc phải đi đâu đó, còn chúng tôi là “dân thành phố khác” thì thay họ tắm cho ngựa. Song ở đây thì hầu như không có học viên là người Xê-va-xtô-pôn cả, vì vậy mọi người đều tự làm lấy cho mình.

Tiện thể nói thêm, lòng yêu thích ngựa và khả năng biết cưỡi ngựa đã giúp ích cho tôi hoặc đặt tôi vào những tình huống bất ngờ. Chẳng hạn, sau đây là một sự việc làm tôi ghi nhớ mãi.

Có lần, vào một ngày mùa xuân 1950, I. V. Xta-lin hỏi bộ trưởng Quốc phòng, nguyên soái Liên Xô A. M. Va-xi-lép-xki, bây giờ đang báo cáo chỗ đồng chí, rằng ai sẽ đi duyệt các đơn vị tại lễ duyệt binh Ngày 1 tháng Năm. Thường thì các nguyên soái Liên Xô lần lượt được cử làm việc đó.

A-lếch-xan-đrơ Mi-khai-lô-vích không trả lời thẳng vào câu hỏi:

- Thưa đồng chí Xta-lin, đồng chí định cử ai?

- Đồng chí hoặc Bun-ga-nin sẽ làm việc đó. Bu-đi-on-nưi thì vừa mới làm rồi, – I. V. Xta-lin trả lời và tiếp tục: – Tôi cho rằng cần phải để bộ trưởng Quốc phòng làm việc đó. Đồng chí có biết cưỡi ngựa không?

A. M. Va-xi-lép-xki hơi lúng túng.

- Tôi hoạt động ở bộ binh, – Va-xi-lép-xki trả lời, dĩ nhiên cũng đã từng cưỡi ngựa, nhưng từ lâu lắm rồi.

Một người nào đấy có mặt lúc đó đề nghị: liệu đi ô-tô duyệt các đơn vị có được không?

I. V. Xta-lin quay về phía người vừa nói và trả lời dứt khoát: không, không được, ta không nên phá vỡ những truyền thống của ta.

- Chắc đồng chí cũng chẳng hề biết cưỡi ngựa phải không? -Xta-lin quay sang hỏi N. A. Bun-ga-nin.

- Chưa từng bao giờ cả, đồng chí Xta-lin ạ, – Bun-ga-nin trả lời.

- Nếu vậy thì ai sẽ đi duyệt các đơn vị? Chẳng lẽ lại triệu các nguyên soái ở các quân khu lên, mà như thế cũng sẽ bất tiện, – I. V. Xta-lin nói tiếp. Rồi đột nhiên đồng chí hỏi tôi: – Thế Tổng tham mưu trưởng đã bao giờ cưỡi ngựa chưa?

- Thưa đồng chí Xta-lin, cả bây giờ hầu như ngày nào tôi cũng vẫn cưỡi ngựa, – tôi trả lời.

Thực vậy, hầu như sáng nào tôi cũng cưỡi ngựa từ 7-8 giờ sáng, còn chủ nhật thì cưỡi ngựa trong rừng vài giờ đồng hồ.

- Vậy thì đồng chí sẽ đi duyệt các đơn vị, đồng chí chuẩn bị đi và chớ có ngại.

Có lẽ đây là trường hợp duy nhất trong lịch sử các Lực lượng vũ trang Liên Xô: Tổng tham mưu trưởng đi duyệt các đơn vị trong lễ duyệt binh.

Mặc dù biết cưỡi ngựa, nhưng tôi hiểu rằng cưỡi trên bãi quần ngựa hoặc trong rừng là một việc, còn cưỡi trên quảng trường chính của đất nước trước mặt mọi người lại là một việc hoàn toàn khác.

Còn 1 tháng nữa là đến ngày 1 tháng Năm. Sau khi được X. M. Bu-đi-on-nưi chọn cho một con ngựa hợp với tạng người, hàng ngày tôi bắt đầu tập cho nó và mình chuẩn bị cho giờ phút trọng đại của lễ duyệt binh. Hầu như ngày nào Bu-đi-on-nưi cũng ra bãi tập ngựa, và sau đó là Sân bay trung tâm, để tập dượt cùng tôi và đồng chí chỉ huy cuộc diễu binh là P. A. Ác-tê-mi-ép, tư lệnh bộ đội Mát-xcơ-va. Bu-đi-on-nưi cùng phi ngựa với chúng tôi

trong điệu kèn của đội quân nhạc và không hề bỏ qua một sơ suất nhỏ nhất nào của chúng tôi.

Cuộc duyệt binh diễn ra tốt đẹp và thậm chí tôi còn được khen là có tư thế cười ngựa đẹp.

Ở Xê va-xtô-pôn hồi ấy, khi bắt đầu năm học mới 1929-30, có 6 người thuộc khóa ra trường – mỗi khẩu đội 2 người được gọi lên gặp hiệu trưởng Vu-cô-tích và chính ủy nhà trường Hai-phét-xơ. Tại đó cũng có mặt tiểu đoàn trưởng Cri-u-cốp và cả ba đồng chí khẩu đội trưởng.

- Chắc các đồng chí đều biết có những người trong sản xuất nhận giao ước sẽ làm việc tốt hơn và hoàn thành vượt mức các kế hoạch. Người ta gọi họ là những người tiên tiến, – đồng chí chính ủy bắt đầu.

Tiếp đó là những lời thuyết trình thực sự về đề tài: những người tiên tiến đó là thế nào, họ làm việc ra sao và đem lại lợi ích gì cho đất nước.

Chúng tôi không hiểu đang nói về việc gì và chỉ im lặng nhìn nhau.

- Nhà trường quyết định ủng hộ phong trào mới đó, tiến kịp những người lao động và cũng sẽ có những người tiên tiến của mình, – Vu-cô-tích nói tiếp. – Chính vì vậy mà chúng tôi đã chọn ra những học viên hiện có mặt ở đây. Chúng tôi cho rằng các đồng chí sẽ xứng đáng với danh hiệu cao quý đó. Các đồng chí phải đảm nhận trách nhiệm học xong chương trình cả năm trong thời hạn nửa năm để đến tháng Năm sẽ thi được tất cả các môn đã quy định. Bằng cách đó, chúng ta sẽ cho ra trường khóa đầu gồm những người tiên tiến.

- Tất cả các đồng chí đều là những người bôn-sê-vích, đồng chí chính ủy bổ sung, – như vậy có nghĩa là các đồng chí sẽ không phụ lòng tin của nhà trường. Các đồng chí sẽ học thành một lớp, chúng tôi sẽ giảm nhẹ các công việc quân ngũ khác cho các đồng chí. Dĩ nhiên là cần phải tăng thêm thời gian học, hy sinh những ngày nghỉ và kỳ nghỉ đông. Tôi nói đến đây là hết. Có đồng chí nào hỏi gì không?

Chúng tôi im lặng.

- Đồng chí chuẩn úy có ý kiến gì không? – Vu-cô-tích đột ngột hỏi tôi.

Tôi nhóm phắt dậy và không hề do dự, báo cáo luôn:

- Chuẩn úy xin cảm ơn sự tín nhiệm của cấp trên và sẽ hoàn thành nhiệm vụ được giao.

- Rất tốt. Bắt đầu từ ngày mai các đồng chí sẽ được lệnh chính thức và bắt đầu học tập như những người tiên tiến. Bây giờ, mời các đồng chí nghỉ, – Vu-cô-tích kết thúc.

Thế là bắt đầu cuộc sống “tiên tiến”. Chúng tôi rất vất vả không được đặc biệt giảm nhẹ một công việc nào. Sáu người chúng tôi học theo một chương trình riêng, mỗi ngày 10 tiếng và còn phải làm các công việc quân vụ khác vì tất cả đều là trung đội phó, tiểu đội trưởng, còn tôi là chuẩn úy không ai trút bỏ được trách nhiệm đó cho chúng tôi.

Đến ngày 1 tháng Năm thì kết thúc chương trình, thi xong các môn và có lệnh của bộ trưởng Bộ dân ủy quốc phòng chứng nhận tốt nghiệp và bổ nhiệm, một lệnh mà chúng tôi mong đợi từ lâu. Tạm biệt nhà trường, thế là chúng tôi bước vào cuộc sông tự lập!

Theo tôi nhớ thì khóa những người tiên tiến đó là khóa đầu tiên và cũng là khóa cuối cùng. Lúc ấy chúng ta thử nghiệm và tìm kiếm những hình thức thi đua xã hội chủ nghĩa mới, song không phải tất cả đều có thể chấp nhận được đối với các trường quân sự, và cuộc sống đã gạt bỏ những gì sai lầm.

Trong hoàn cảnh thời bấy giờ, những người tốt nghiệp loại ưu có quyền được chọn nơi công tác và chúng tôi đã có lần bàn với nhau xem ai nên đi đâu. Tôi muốn về gần những nơi thân thuộc và đã chọn Rô-xtôp hoặc Xta-lin-grát. Nhưng cả lúc này mọi việc cũng đều không diễn ra như đã định.

Ít lâu trước khi ra trường, tôi và hai học viên nữa cùng lớp (Ê-go Men-nhi-cốp và Đmi-tơ-ri I-lích-cô-vích) lại được mời lên gặp chính ủy. Cả bí thư chi ủy Ma-dê-pốp cũng có mặt ở đó. Thực chất của vấn đề là: trung đoàn pháo cao xạ 121 đóng ở Xê-va-xtô-pôn, nơi tất cả mọi học viên chúng tôi đã từng đi thực tập ở đó, cần 3 trung đội trưởng. Các đồng chí giải thích cho chúng tôi rằng trung đoàn này dường như là đơn vị được nhà trường chúng tôi đỡ đầu và cần phải đưa các học viên ưu tú nhất của nhà trường tới đó làm

trung đội trưởng. Nói tóm lại, các đồng chí đề nghị chúng tôi về trung đoàn đó. Còn 3 học viên tiên tiến kia thì về những nơi mà họ có nguyện vọng.

Sự phục vụ trong trung đoàn bắt đầu từ chỗ đồng chí P. Ph. Tre-xnức, chỉ huy khẩu đội huấn luyện, nơi tôi được phân bổ về đó, dẫn tôi tới chuồng ngựa, giao cho tôi một con ngựa và lập tức cùng với tôi ra bãi tập ngựa để kiểm tra khả năng cưỡi ngựa, vượt chướng ngại, sử dụng kiếm v. v.. Bản thân đồng chí là một người Cô-dắc, một lính kỵ binh thực sự, một nhà thể thao, có lối sống khắc khổ và đòi hỏi những người dưới quyền mình cũng phải theo như vậy.

Sau bãi tập ngựa là khu thể thao, đồng chí khẩu đội trưởng xem khả năng chơi thể dục dụng cụ của chúng tôi tới mức nào. Đồng chí hài lòng tất cả, chỉ trừ một điều: tôi không biết đi bằng hai tay. Thế là trước mặt tôi, đồng chí bỏ kiếm ra, đi bằng hai tay dọc theo doanh trại của khẩu đội và nói rằng sau hai tháng nữa chúng tôi sẽ cùng nhau vượt một khoảng cách xa như thế.

Tôi đảm nhận một trung đội trinh sát gồm 25 người. Tất cả họ đều là những con người tốt bụng. thật vậy, tám người trong số họ mới có trình độ hết lớp ba. Đây là ở khẩu đội huấn luyện, nơi đào tạo các cán bộ chỉ huy cấp dưới. Còn ở các khẩu đội chính quy hồi đó thì có nhiều người không biết chữ.

Vào mùa hè, trung đoàn nhận thêm biên chế; số này hợp thành một tiểu đoàn riêng, lấy cán bộ chỉ huy các cấp từ tất cả các khẩu đội. Tôi cũng rơi vào trong số đó. Sở dĩ tôi hồi tưởng lại việc này là vì số phận đã gắn tôi với một con người tuyệt diệu.

Chỉ huy tiểu đoàn này là Xê-mi-ôn I-lích Ma-kê-ép. Điểm nổi bật ở đồng chí là trình độ hiểu biết chung rất cao và hết sức nhã nhặn, thích sách hơn là chuồng ngựa. Đồng chí có vóc người cao lớn, ăn mặc bao giờ cũng chỉnh tề, đường hoàng, có lẽ đồng chí là một cán bộ chỉ huy uyên bác và thông minh nhất trong trung đoàn chúng tôi.

Điểm giống nhau giữa Ma-kê-ép và P. Ph. Tre-xnức là có tính đòi hỏi cao, sốt sắng với công việc, chăm lo đến mọi người, chân thật và dễ gần. Các đồng chí ấy đã truyền sang chúng tôi tất cả những phẩm chất ưu tú đó,

truyền thụ cho chúng tôi nhiều hiểu biết và kinh nghiệm. Từ bấy đến nay đã gần 45 năm, và hàng năm, chúng tôi, những bạn đồng sự cũ thuộc trung đoàn pháo cao xạ 121 hiện còn sống, họp mặt nhau lại và hồi tưởng về những ngày đã qua.

Trung tướng P. Ph. Trê-xnức và trung tướng X. I. Ma-kê-ép đã về nghỉ theo chế độ công huân, các cán bộ chỉ huy trung đội trước đây lúc này cũng đã là những vị tướng: V. M. Cru-tri-nhin, I-a. M. Ta-bun-tren-cô. Thượng tướng G. N. Ô-ren không còn có mặt với chúng tôi nữa. Bước đường phục vụ của chúng tôi tỏa đi mọi hướng nhưng không bao giờ chúng tôi để mất mối liên hệ và luôn luôn giúp đỡ lẫn nhau.

Một năm phục vụ ở trung đoàn đã trôi qua. Một sự kiện quan trọng đã xảy ra: rất cuộc, tôi được một căn phòng và chấm dứt cảnh lang bạt ở góc buồng nhà người khác. Trước đó khoảng nửa năm, hai chúng tôi cùng ở trong phòng chơi bi-a của câu lạc bộ trung đoàn và chỉ được nằm ngủ trên các bàn bi-a bỏ trống sau khi câu lạc bộ đã đóng cửa. Tất cả các bạn tôi đều đã lập gia đình và bây giờ là đến lượt tôi.

Ở làng, tôi đã có người vợ chưa cưới là Tai-xi-a Đmi-tơ-ri-ép-na An-đrô-xô-va, cô ấy đợi tôi đã hơn 5 năm rồi. Chúng tôi trao đổi thư từ với nhau, mỗi năm gặp nhau một lần song từ lâu chúng tôi đã ước hẹn sẽ cùng chung sống với nhau ngay sau khi tôi có thể đưa cô ấy về chỗ tôi. Bản thân tôi rất muốn về đón cô ấy, nhưng theo kế hoạch thì sau khi xuống các binh trại về tôi mới được đi phép. Thế là đành phải bảo cô ấy tự lên vậy. Chừng 10 ngày sau, tôi nhận được một bức điện: đã lên đường. Cô ấy lên cùng với mẹ tôi. Ngày hôm sau, vào tháng Bảy 1931, chúng tôi đi đăng ký kết hôn và kể từ đó, chúng tôi cùng nhau chia xẻ mọi niềm vui và nỗi đau buồn.

Công tác ở trung đoàn, như người ta thường nói, chẳng phải là dễ dàng. Trong các cuộc hành quân, chúng tôi phải lên tới tận các điểm cao Ác – Mô-nai. Trinh sát thường được quy định là bao giờ cũng phải đi cùng với bộ binh và chúng tôi đã từng phải trải qua rất nhiều thử thách. Từ các điểm cao, chúng tôi triển khai cuộc tấn công huấn luyện tới tận Kéc-tơ.

Gần 5 năm phục vụ trong quân ngũ ở Xê-va-xtô-pôn đã để lại trong ký ức tôi không hẳn chỉ là mặt biển xanh và những bãi biển vàng óng, mà chủ yếu là cái nóng gắt của miền thảo nguyên và tình trạng không có chỗ trú chân ở vùng đồi núi, nơi chúng tôi đã từng bị thấm ướt không phải chỉ một chiếc áo va-rơ.

Còn giờ đây, cuối năm 1943, tôi lại có mặt tại Crưm. Trước mắt chúng tôi là bờ đá tối tăm, ảm đạm và dốc đứng. Xung quanh không một bóng cây, không một lùm cỏ. Chỉ có vết tích những trận chiến đấu mới đây: những hố bom hốc đạn. Thật không muốn tin rằng ở đây lúc này chỉ có những thứ đó là thuộc về chúng ta, còn toàn bộ Crưm thì vẫn đang nằm trong tay giặc, và để giải phóng Crưm, ta còn phải chịu tổn không ít sinh mệnh nữa.

Căn cứ bàn đạp của tập đoàn quân độc lập miền Duyên hải không rộng quá 10-12 ki-lô-mét. Sườn phải của mặt trận dựa vào biển A-dốp, sườn trái chạy dài lên phía Đông – Bắc Kéc-tơ. Địa hình rất lồi lõm, mấp mô. Vách núi dốc đứng ăn ra tận biển. Những điểm cao khống chế nằm trong tay giặc. Từ đó, chúng có thể quan sát rõ tiền duyên phòng ngự của ta, riêng có một vách núi không lớn lắm là có thể che khuất được bờ ăn sâu ra biển của vịnh Kéc-tơ.

Căn cứ bàn đạp dọc ngang đầy những chiến hào, nhà hầm, hào giao thông, hầm trú ẩn chằng chéo với nhau thành một mạng lưới kỳ khôi. Lực lượng chủ yếu của tập đoàn quân độc lập miền Duyên hải đóng tại đây, gồm hai quân đoàn (11 và 16) và đội dự bị, tổng cộng là 9 sư đoàn và 2 lữ đoàn bộ binh. Một số đơn vị xe tăng, pháo binh và thậm chí không quân đã được điều đến căn cứ này: sân bay đầu tiên của ta thiết bị ngay sát biển trong khu Ô-pa-xnai-a.

Các đồng chí đã dành cho C. E. Vô-rô-si-lốp, tôi và những người cùng đi với chúng tôi ba căn nhà hầm cấu trúc trên sườn một cao điểm hướng ra ngoài vịnh. Cách chỗ chúng tôi chừng 600 mét là túp nhà gỗ ghép của tư lệnh tập đoàn quân I-van E-phi-mô-vích Pê-tơ-rốp. Dưới nền nhà có một

hầm trú ẩn không lớn và không chắc chắn lắm. Cơ quan tham mưu tập đoàn quân miền Duyên hải bố trí trong các hầm trú ẩn bao quanh.

Chúng tôi bắt tay làm việc ngay. C. E. Vô-rô-si-lốp nghe báo cáo của I. E. Pê-tơ-rốp và của tư lệnh Hạm đội Biển Đen L. A. Vla-đi-mi-rơ-xki. Ngày hôm sau, chúng tôi đến hai quân đoàn bộ binh: quân đoàn 11 của thiếu tướng B. N. Ác-sin-xép và quân đoàn 16 của thiếu tướng K. I. Prô-va-lốp.

Vô-rô-si-lốp không chịu ngồi yên lúc nào. Đồng chí không những chỉ nghe báo cáo của các tư lệnh quân đoàn và đích thân tới các đài quan sát của họ, mà còn xuống các chiến hào ngoài tiền duyên, mặc dầu thật ra đồng chí không có gì cần làm ở đó. Nhưng không ai can ngăn được đồng chí cả.

- Xá gì bom đạn, tôi không sợ địch, – đồng chí bác bỏ mọi lý lẽ của chúng tôi. – Còn như ai cho rằng ở đây không cần đến chúng ta thì có thể không cùng đi với tôi.

Như vậy thì còn ai dám ở lại đài quan sát hoặc cơ quan tham mưu nữa. Đương nhiên, tất cả chúng tôi đã xuống các sư đoàn và trung đoàn thuộc thể đội một.

Năm ấy, trên bán đảo Kéc-tơ, mùa đông rét dữ. Trời lạnh giá, xuống tới dưới 10 độ. Gió hoành hành dữ dội, lúc thì từ phía Bắc xuống, lúc thì từ phía Đông lại. Gió thổi xám mặt, làm chảy nước mắt và đuổi từng người xuống hầm. Những vạt mây mù từ ngoài biển lừ lừ kéo vào, trút xuống mặt đất lạnh giá một lớp mưa mau nhỏ hạt, làm buốt đến tận xương thịt. Còn đêm đêm, ở ngoài vịnh lúc nào cũng lơ lửng một bức tường mù âm u, cho mãi đến sáng mới chịu rút ra xa.

Có một lần chúng tôi ghé vào một căn hầm chiến sĩ. Mới đến ngưỡng cửa, ai nấy đã cảm thấy ấm áp gần như ở trong một phòng tắm tốt. Giữa căn hầm đặt chiếc lò sắt nung đến đỏ rực, ngọn lửa bập bùng cháy reo xèo xèo. Một trung sĩ đã đứng tuổi, có vẻ đảm đang, chào mừng rành rọt và ân cần mời chúng tôi “ngồi sát gần ngọn lửa”.

- Các đồng chí kiểm đầu ra củi vậy, – chúng tôi hỏi. Trên căn cứ bàn đạp này, chất đốt rất thiếu: củi chuyển qua vịnh chỉ dùng để nấu ăn.

- Báo cáo: củi ở chỗ kia, gần ngay đây thôi, – đồng chí trung sĩ trở ngón tay phải xám đen muội than qua vai, có ngôi nhà gạch... Chúng tôi đốt nóng căn nhà ấy.

Chúng tôi phá lên cười, cho rằng chủ nhân căn hầm định “bịa” ra một giai thoại của binh lính thời xưa, nhằm góp vui chung. Chúng ta ai mà chẳng có lần được nghe chuyện anh lính nấu xúp bằng cái rìu? Nhưng câu chuyện đem ngôi nhà gạch bỏ lò thì thật tình chúng tôi còn chưa được biết. Chúng tôi chăm chú quay sang nghe người kể chuyện. Nhưng đồng chí trung sĩ bỗng lặng im. Cậu ta kể cũng biết cách làm ăn, cứ lặng thinh “chăm chăm nhìn các thủ trưởng”, sau đó mới khoan thai hé mở cửa lò. Chúng tôi nhận thấy quả là có gạch đang cháy thực ở trong lò. Những viên gạch tự nhiên nhất!

Có người ngạc nhiên kêu “ồ” lên. Những câu chất vấn “thế nào và tại sao” được nêu ra.

Đồng chí trung sĩ chỉ vào chiếc “xô” đặt ở góc hầm. Trong đó có nhiều viên gạch tắm dầu. Sau vài giờ được tắm dầu như vậy, gạch sẽ trở thành chất đốt sẵn sàng sử dụng.

- Nhưng cố nhiên không bằng củi thật đâu, – đồng chí trung sĩ nói rõ thêm, – cũng có nhiều cái bất tiện, chẳng hạn như hơi khó châm thuốc hút. Anh mà châm bằng thanh củi thì thuốc chẳng sao cả. Còn bằng viên gạch, thì nó liền cháy sạch thuốc ngay. Nhưng không sao, chúng tôi điều khiển được. Chỉ khổ một nỗi là nếu lấy phải viên gạch mộc thì nó sẽ cháy hết ra tro. Còn gạch thật thì vẫn dùng được mãi: khi cháy hết chỉ việc tẩm dầu là lại dùng được. Và, cứ như thế mà tuần hoàn dùng mãi...

Trong căn hầm bên, lại có cách sưởi khác. ở đây có công binh, những người có trình độ văn hóa kỹ thuật cao. Họ dùng mìn chống tăng chiến lợi phẩm: lấy thuốc mìn và cho vào lò đốt. Thuốc cháy đều lửa, không khói. Các hầm bên đến điều tra xem công binh sưởi bằng cách nào, nhưng công binh không hề tiết lộ bí mật của mình. Chỉ riêng có trung đội trưởng là phàn nàn rằng chiến lợi phẩm sắp chóng hết, và lại phải tổ chức đi lấy mìn ở hàng rào chướng ngại của địch. Người đi làm công việc này lúc nào cũng có sẵn.

Chúng tôi xuống các trung đoàn nhiều lần, và bao giờ ra về cũng thấy lạc quan sáng khoái.

Trong những tuần đầu ở đơn vị I. E. Pê-tơ-rốp, chúng tôi chủ yếu quan tâm xây dựng kế hoạch giải phóng Crum, tổ chức chiến dịch phối hợp của các đơn vị thuộc tập đoàn quân độc lập miền Duyên hải, Hạm đội Biển Đen và Chi hạm đội A-dôp. Chúng tôi hoàn toàn nhất trí về nhiệm vụ và phương pháp tiến hành chiến dịch này. Lục quân, hải quân và không quân đều đi đến kết luận chung là: sau khi chọc thủng tuyến phòng ngự của địch tại căn cứ Kéc-tơ, cho chủ lực phát triển thẳng lợi vào bên trong Crum tới Vla-đi-xla-vôp-ca. Ca-ra-xu-ba-da-rơ và như thế là góp phần cho bộ đội của phương diện quân Nam giành thắng lợi trên hướng chủ yếu từ Pê-rê-cốp, nhưng đồng thời dùng một phần lực lượng tiến công dọc miền ven biển phía Nam. Chúng tôi đã báo cáo các kế hoạch này lên Đại bản doanh.

Sau khi nghiên cứu kỹ lưỡng tình huống, chúng tôi hội ý với ý kiến của tư lệnh tập đoàn quân miền Duyên hải về nhu cầu tổ chức một chiến dịch trừ bị. Nhưng có vấn đề phần lớn tiền duyên của chúng ta tại căn cứ bàn đạp lại rất không thuận tiện cả cho việc chuyển sang tiến công việc giữ những trận

địa đang chiếm lĩnh. Như đã nói ở trên, địch đã bố trí trên các điểm cao khống chế, quan sát rất dễ, có thể dùng hỏa lực uy hiếp gần như toàn bộ chiều sâu tuyến phòng ngự của ta.

Chúng tôi tiến hành trinh sát thực địa tỉ mỉ, tính toán lực lượng và phương tiện cần dùng, xác định thời gian chuẩn bị. Ngày 22 tháng Chạp, C. E. Vô-rô-si-lốp đã xem xét kế hoạch hành động, có I. E. Pê-tơ-rốp và L. A. Vla-đi-mi-rơ-xki tham gia. Kế hoạch quy định đột phá tuyến phòng ngự của Đức bên sườn phải căn cứ này. Để bảo đảm đột phá thắng lợi và chiếm được những điểm cao khống chế mà ta khó tiến công từ chính diện cũng như để thu hút sự chú ý, lực lượng và phương tiện của địch ra khỏi hướng đột kích chủ yếu của ta, kế hoạch quy định cho đội đổ bộ đường biển chiến thuật từ biển A-dốp đổ bộ vào phía sau lưng gần nhất của quân Đức, cách tiền duyên chúng ta chừng 4-5 ki-lô-mét.

Lúc đầu mọi người đều đồng ý với kế hoạch này. Song, khi giải quyết những vấn đề về hiệp đồng và cùng nhau bảo đảm cho chiến dịch thì lại thấy có nhiều khó khăn. Trong khi I. E. Pê-tơ-rốp dành cho hạm đội vai trò hàng đầu trong việc bảo đảm mọi thứ cần thiết để tiến công thì L. A. Vla-đi-mi-rơ-xki cho rằng, dùng hạm đội làm nhiệm vụ vận chuyển qua biển và tiến hành đổ bộ chiến thuật đường biển là nhiệm vụ thứ yếu đối với hạm đội. Đồng chí không dành đủ lực lượng để làm nhiệm vụ trên. Bộ tư lệnh Hạm đội Biển Đen có ý định giao việc chở quân đội và vật tư của tập đoàn quân độc lập miền Duyên hải cho riêng một căn cứ hải quân Kéc-tơ đảm nhiệm, nhưng căn cứ hải quân này không sao có thể làm trọn nhiệm vụ ấy.

I. E. Pê-tơ-rốp gay gắt tỏ ý không đồng tình trong chuyện này và tuyên bố với C. E. Vô-rô-si-lốp rằng, phải giải quyết những vấn đề hiệp đồng với hạm đội một cách cơ bản và phù hợp với quy tắc đã định trong các Lực lượng vũ trang của chúng ta. Vô-rô-si-lốp ra lệnh triệu tập hội nghị để giải quyết cho xong mọi ý kiến tranh chấp và thông nhất nhận thức về nhiệm vụ cũng như phương pháp giải quyết các vấn đề trên.

Hội nghị họp ngày 25 tháng Chạp trong cơ quan tham mưu hạm đội A-dốp ở Tem-ri-úc. Đại biểu của tập đoàn quân độc lập miền Duyên hải dự hội

ng nghị là I. E. Pê-tơ-rốp, phó tư lệnh là trung tướng K. X. Men-ních, các ủy viên Hội đồng quân sự là thiếu tướng V. A. Bai-u-côp và thiếu tướng P. M. Xô-lôm-cô. Đại biểu cho Hạm đội Biển Đen là trung tướng hải quân L. A. Vla-đi-mi-rơ-xki và ủy viên Hội đồng quân sự là thiếu tướng hải quân N. M. Cu-la-côp. Trong hội nghị còn có mặt cả đồng chí thứ trưởng Bộ dân ủy hải quân, trung tướng I. V. Rô-gôp, các đại biểu của Chi hạm đội A-dốp và của tập đoàn quân không quân 4. C. E. Vô-rô-si-lốp chủ tọa hội nghị.

Tại đây, I. E. Pê-tơ-rốp và L. A. Vla-đi-mi-rơ-xki đã tranh luận với nhau còn kịch liệt hơn trước. Thêm nữa, tư lệnh tập đoàn quân miền Duyên hải đã tỏ ra hoàn toàn am hiểu những lực lượng và phương tiện của hạm đội trong khu vực bố trí quân của mình, và giải thích rõ ràng nhiệm vụ và trách nhiệm của hạm đội về mặt vận chuyển. Đồng thời, trong hội nghị cũng đã xác định rõ nhiệm vụ của tập đoàn quân, thống nhất thời hạn và trật tự tiến hành các biện pháp cùng nhau hiệp đồng bảo đảm chiến dịch.

Lúc kết thúc hội nghị, tôi đọc bản dự thảo báo cáo hàng ngày gửi về Đại bản doanh, trình bày cuộc thảo luận ở đây như là một biện pháp chuẩn bị thông thường trước chiến dịch sắp đến. Song C. E. Vô-rô-si-lốp lại có quyết định khác: đồng chí đề nghị lập một biên bản đặc biệt về hiệp đồng tác chiến giữa tập đoàn quân và hạm đội, trong đó có ghi mọi nhiệm vụ và trách nhiệm của hạm đội và tập đoàn quân, sau đó tất cả những đại biểu có trách nhiệm của mỗi bên hữu quan đều ký vào đây. Theo Vô-rô-si-lốp, phải có tất cả mười chữ ký, kể cả chữ ký của chính Vô-rô-si-lốp và tôi

Cho đến thời gian này, tôi đã hiểu rõ lẽ lỗi làm việc của Đại bản doanh và thái độ của các ủy viên trong Đại bản doanh, nhất là của I. V. Xta-lin, đối với trật tự giải quyết những vấn đề quan trọng. Tôi còn nhớ các trường hợp có những văn kiện mang nhiều chữ ký gửi về Đại bản doanh. Tổng tư lệnh tối cao kịch liệt phê bình những văn kiện này, vì cho rằng hành động như vậy tức là người chỉ huy trưởng hoặc Hội đồng quân sự không muốn nhận trách nhiệm về cách giải quyết đã định hoặc hơn nữa là không tin vào sự đúng đắn của những đề nghị do chính mình nêu ra.

- Xem đấy, người ta lấy nhiều chữ ký, – Xta-lin nói, – để làm cho chính họ và cả chúng ta nữa tin tưởng.

Tổng tư lệnh tối cao đòi hỏi rằng, mọi văn kiện gửi về Đại bản doanh phải do tư lệnh và tham mưu trưởng ký, còn những văn kiện thật quan trọng (ví dụ như: những báo cáo tổng kết hàng ngày và những kế hoạch chiến dịch) thì phải có 3 chữ ký: ngoài hai chữ ký của tư lệnh và tham mưu trưởng ra còn có thêm chữ ký của ủy viên Hội đồng quân sự.

Tôi thành thật trình bày với C. E. Vô-rô-si-lốp mối lo ngại của mình về cái biên bản này và đề nghị cùng lắm thì chỉ ba người ký vào đó là đủ. Nhưng, đồng chí cho rằng làm như vậy là thiếu tôn trọng những người có mặt, là mưu toan giành lấy về mình cách giải quyết của cả tập thể. Đồng chí giữ vững lập trường của mình.

Và văn kiện này, được mười người cùng ký, gọi là “Biên bản hội nghị liên tịch của các hội đồng quân sự tập đoàn quân độc lập miền Duyên hải (thượng tướng Pê-tơ-rốp, thiếu tướng Bai-u-cốp, thiếu tướng Xô-lôm-cô, trung tướng Men-ních) và Hạm đội Biển Đen (trung tướng hải quân Vla-đi-mi-rơ-xki và thiếu tướng hải quân Cu-la-cốp), có sự tham gia của đồng chí C. E. Vô-rô-si-lốp-nguyên soái Liên Xô, thượng tướng Stê-men-cô – cục trưởng Cục tác chiến Bộ tổng tham mưu, trung tướng Rô-gop – thứ trưởng Bộ dân ủy hải quân, và đại tá kỹ sư Ê-ray-de-rơ – tổng thanh tra hải quân của Bộ dân ủy thanh tra nhà nước, phụ trách về vấn đề chuyển vận bộ đội và vật tư qua vịnh Kéc-tơ”.

Khi mọi người đã lần lượt ký xong rồi, tôi lại tuyên bố rằng làm như thế này là không đúng, còn riêng tôi thì phải chịu trách nhiệm về việc làm sai trái này đối với quy định lập các văn kiện tác chiến quan trọng. C. E. Vô-rô-si-lốp chỉ cười. Biên bản được gửi đi. Nhân buổi trao đổi thường lệ bằng điện thoại với An-tô-nốp, tôi được biết rằng đúng là Xta-lin có phê bình chúng tôi về bản văn kiện này.

Cũng trong ngày hôm ấy, chúng tôi nhận được thông báo từ Mát-xcơ-va gửi về phê chuẩn kế hoạch chiến dịch chủ yếu của tập đoàn quân độc lập miền Duyên hải. I. E. Pê-tơ-rốp được chuyển thuộc thêm sư đoàn bộ binh

Cô-dắc Cờ đỏ 9 gồm những chiến sĩ người Cô-dắc Cu-ban lấy trong đội dự bị của Đại bản doanh. Tư lệnh tập đoàn quân giao ngay nhiệm vụ cho sư đoàn trưởng sư đoàn này – thiếu tướng P. I. Mê-tan-ni-cốp – chuẩn bị cho bộ đội hành động tiến công. Để làm việc này, chúng tôi đã chọn một địa hình trên đất liền, có những điều kiện đúng như địa hình căn cứ bàn đạp về tiền duyên của địch và những chiến hào của ta, đội hình chiến đấu và khoảng cách giữa những đơn vị độc lập

Chúng tôi vài lần xuống xem sư đoàn diễn tập. Có một lần, C. E. Vô-rô-si-lốp yêu cầu mọi người đi ngựa xuống sư đoàn. Tôi cố tìm cách bác ý kiến này, trình bày rằng đi ngựa 20 ki-lô-mét chẳng những không có ích gì mà còn lãng phí thời gian rất quý đối với ta. Nhưng uống công vô ích. C. E. Vô-rô-si-lốp bảo tôi chưa hiểu hết tâm lý người Cô-dắc.

Thế là phải đi ngựa. Phải sử dụng những con ngựa lạ và chạy tôi nên chúng tôi phải khó khăn lắm mới đi được đến đích. Còn lúc trở về chúng tôi đi ô-tô. Nhưng liền sau đó mấy ngày, một số đồng chí trước đây không đi ngựa, vẫn không tài nào lại hồn được và đành phải đứng nhiều hơn là ngồi. Và ngay C. E. Vô-rô-si-lốp sau này cũng bỏ cái cách đi lại bằng ngựa đó.

Vấn đề phương pháp sử dụng sư đoàn Cô-dắc trong chiến đấu không giải quyết được ngay. Ví dụ như có ý kiến đề nghị: cho các chiến sĩ bộ binh Cô-dắc ban đêm bí mật, lặng lẽ bò tới chiến hào một của bọn Đức (chính vì vậy mà họ là bộ binh Cô-dắc!), đột nhập vào mà không nổ súng, dùng vũ khí trắng diệt địch, sau đó mới phát huy hỏa lực vào tung thâm phòng ngự và cuộc xung phong thông thường bắt đầu

Phương pháp này chứa đầy những chuyện bất ngờ. Xung phong vào phòng ngự quân Đức chưa bị hỏa lực pháo binh áp chế, bằng cách bò sấp tới tuyến phòng ngự của chúng, là một việc rất mạo hiểm. Dù có chiếm được chiến hào một, thì tuyến phòng ngự hiện đại của địch cũng không thể sụp đổ. Dầu thế nào cũng phải dùng pháo bắn chuẩn bị, rồi mới xung phong được. Dùng toàn sư đoàn vận động bằng cách bò trườn như vậy thì có lẽ thế nào địch cũng kịp thời phát hiện ra và ta sẽ bị tổn thất lớn.

Song, những người chủ trương phương pháp hành động ấy lại kiên trì lập trường của mình. Chúng tôi bèn cho thí nghiệm sử dụng phương pháp này trong luyện tập, sau đó mọi người mới thấy rõ là phải xung phong theo phương pháp thông thường. Bộ binh Cô-dắc là bộ binh Cô-dắc, thời đại của những đợt xung phong như thế đã qua lâu rồi. Hiện nay, không phải là thời chiến tranh Crưm nữa rồi.

Sư đoàn bộ binh Cô-dắc nom ngoạo mục về mọi mặt. Phân đội nào cũng đầy nhiệt huyết. Các chiến sĩ đều xuất sắc, cừ khôi. Nhiều chiến sĩ tình nguyện cũ, dũng cảm, mang Huân chương Ghê-oóc-ghi trên ngực. Mọi người đều mặc trang phục mới, trông rất đẹp.

Sư đoàn này thành lập theo sáng kiến của Khu ủy Đảng cộng sản toàn Nga (bôn-sê-vích). I. V. Xta-lin đã ủng hộ những người Cu-ban và luôn luôn theo dõi sư đoàn này. Đồng chí đã mời P. I. Mê-tan-ni-cốp đến chỗ mình để báo cáo về tiến trình thành lập sư đoàn. Phải được phép của Đại bản doanh mới có thể sử dụng đơn vị Cô-dắc này. Và do đó, cố nhiên là sư đoàn đã được quan tâm nhiều, nhưng sau này, bằng thực tế chiến đấu của mình, sư đoàn đã tỏ ra rất xứng đáng với những sự quan tâm ấy: một trong số những đơn vị của sư đoàn đã chiến đấu xuất sắc khi giải phóng Crưm. Sư đoàn đã hoàn thành tốt đẹp mọi nhiệm vụ chiến đấu đến tận ngày kết thúc chiến tranh.

Chiến dịch cục bộ, nhất là việc đổ bộ đường biển, đã được chuẩn bị hết sức chu đáo. Đã có quyết định là lực lượng cơ bản của đội đổ bộ chủ yếu phải gồm toàn những chiến sĩ và sĩ quan chọn lọc kỹ thuộc trung đoàn bộ binh cận vệ 166, do trung đoàn trưởng trung đoàn cận vệ ấy, trung tá G. K. Gla-vát-xki phụ trách. Đồng chí nổi tiếng giàu kinh nghiệm, dũng cảm và xử trí giỏi trong chiến đấu.

Người ta nói rằng những người này đã từng được thử thách dày trong khói lửa. Trong trường hợp này, điều đó là hoàn toàn đúng. Trên ngực Gla-vát-xki lấp lánh Huân chương Sao vàng Anh hùng Liên Xô. Ngoài trung đoàn 166 ra, đồng chí còn được tăng cường thêm tiểu đoàn độc lập lính thủy đánh bộ 143 do đại úy Lép-tren-cô cũng dày kinh nghiệm, can đảm chỉ huy,

cùng với một đại đội trinh sát. Tổng cộng, đội đổ bộ đường biển có trên 2.000 người.

Đội đổ bộ thứ hai, đội trợ công, có quân số ít hơn: dưới 600 người, do thiếu tá A-lếch-xây-en-cô chỉ huy. Thiếu tướng hải quân G. N. Khô-lô-xti-a-côp và cơ quan tham mưu của đồng chí dưới sự lãnh đạo của đại tá hải quân A. V. Xvéc-đlôp chịu trách nhiệm việc huấn luyện đội đổ bộ, tổ chức cho họ xuống tàu, và bảo đảm việc vận chuyển trên mặt biển. Các chiến sĩ đổ bộ khẩn trương tập luyện, từ sáng tới đêm khuya.

Có gặp khó khăn về tàu đổ bộ. Phái tập trung cả những tàu đánh cá, trong đó nhiều chiếc phải sửa chữa lại mới dùng được. Chúng ta đã kiện toàn ngay đội ngũ thủy thủ trên tàu, huấn luyện cho họ các hoạt động cần thiết.

Công việc chuẩn bị trên căn cứ bàn đạp cũng không kém phần khẩn trương. Các quân đoàn cận vệ 11 và 16 tăng cường trinh sát địch, tập trung các kho dự trữ, bổ sung người và kỹ thuật. I. E. Pê-tơ-rốp suốt ngày và đôi khi suốt đêm ở dưới các đơn vị. Riêng lúc gần bước sang Năm mới, đồng chí mới về sở chỉ huy sớm hơn thường lệ và mời chúng tôi đến dùng bữa tối tại căn nhà nhỏ của đồng chí. Những phụ tá trực tiếp của tư lệnh tập đoàn quân cũng được mời đến dự.

Chúng tôi cùng nhau ăn mừng thắng lợi của các Lực lượng vũ trang chúng ta trong năm 1943 vừa qua và thân ái chúc nhau trong năm 1944 đang tới đạt nhiều thắng lợi hơn nữa. Vô-rô-si-lốp gửi lời chúc mừng các tư lệnh quân đoàn và sư đoàn, bộ tư lệnh Hạm đội Biển Đen và Chi hạm đội A-dốp.

Rồi sau đó, mọi việc lại diễn ra theo nhịp điệu bình thường của chúng. Ngày bắt đầu tiến công được quy định là sáng mùng 10 tháng Giêng.

Ngày đông nói chung đều ngắn, nhưng trong ngày 9 tháng Giêng, chúng tôi mê mải hoàn thành những công việc chuẩn bị cuối cùng cho chiến dịch, đến nỗi trời tối lúc nào cũng không hay. Cho đến lúc bắt đầu đột kích, cũng vẫn còn nhiều thời gian. Mãi đến 20 giờ mới bắt đầu đổ bộ đường biển. Nhưng ai nay đều nóng lòng, sốt ruột.

- Chúng ta ra đài quan sát đi, – C. E. Vô-rô-si-lốp đề nghị

Đài quan sát của I. E. Pê-tơ-rốp cách tiền duyên chừng 2 ki-lô-mét, trên vách đứng ngay sát biển A-dốp. Lúc trời quang đãng, từ đây có thể quan sát được khu vực ven biển, nơi đổ bộ của đội đổ bộ chủ yếu, nhưng lúc này thì chẳng trông thấy gì hết: mây mù phủ kín bầu trời.

- Ngoài biển thế nào? – Chúng tôi hỏi đồng chí đại biểu hạm đội.

- Mây ấy thì sóng nhỏ thôi, – đồng chí trả lời. Sau đó, đồng chí im lặng một lúc rồi nói thêm: – Dầu sao tình hình cũng có thể chuyển biến khác đi. Biển là một lực lượng tự phát...

Nhìn đồng hồ, chúng tôi chờ đợi lúc đội đổ bộ xuất phát từ đồn I-lích. Trên căn cứ bàn đạp, các tư lệnh quân đoàn từ lâu đã báo cáo hoàn toàn sẵn sàng tiến công. Còn Khô-lô-xti-a-cốp lúc này im lặng. Nhưng chúng tôi hiểu rằng thủy thủ là những con người chính xác: họ im lặng tức là mọi việc đang diễn ra đúng theo kế hoạch. ...

Song, lần này rõ ràng công việc sao mà kéo dài. Đã nửa đêm rồi. Pê-tơ-rốp được mời đến máy nói. Đội đổ bộ đã xuất phát...

Chừng một tiếng rưỡi-hai tiếng đồng hồ sau, lại có báo cáo mới: ngoài biển A-dốp sóng lên tới cấp 4, cấp 5. Như vậy nghĩa là điều kiện cập bến đổ bộ đã trở nên khó khăn hơn.

Tự nhiên như theo khẩu lệnh, tất cả chúng tôi đều ra xem mặt biển. Biển nổi sóng âm ỉ, tung từng đợt sóng xô. Đối với tàu biển khổng lồ thì sóng cấp 4, cấp 5 không thấm vào đâu, nhưng đối với những con tàu nhỏ ọp ẹp, đang chờ quân đổ bộ, thì sóng cấp ấy có thể gây hại, vì tàu chạy trong đêm tối lại chờ quá nhiều người.

Pê-tơ-rốp tái mặt đi, nhưng ở ngoài vẫn bình tĩnh. Chúng tôi hỏi Khô-lô-xti-a-cốp xem tình hình ra sao. Câu trả lời của đồng chí làm mọi người an tâm lại: không thấy có dấu hiệu tai nạn gì cả.

Khi đồng hồ chỉ đúng giờ phải đổ bộ, đồng chí chủ nhiệm pháo binh ngược mắt dò hỏi, nhìn I. E. Pê-tơ-rốp. Và Pê-tơ-rốp lại nhìn sang Vô-rô-si-lốp. Cả hai đều lắc đầu: chưa phải lúc, lúc này chưa đổ bộ được, cần chờ thêm nữa.

Bình minh muộn mằn của tiết tháng Giêng đã hừng sáng. Bỗng, trên những điểm cao mà các lực lượng đổ bộ có nhiệm vụ đánh chiếm, súng nổ vang từng tràng. Pháo binh Đức bắn loạn xạ. Đội đổ bộ đã đến những nơi đó. Họ đã bí mật tiếp cận địch và trung tá Gla-vát-xki không chờ đổ bộ hết quân, đã bắt đầu tiến công.

Các đơn vị đổ bộ đã bất ngờ dũng mãnh tiến công, ào ạt xông vào các chiến hào địch, không bắn và không hô “xung phong”. Mãi tới khi các chiến sĩ đổ bộ của ta đoạt mất súng máy trên điểm cao, địch mới biết chuyện.

Lúc này, pháo binh ta liền lên tiếng. Rồi sau đó, những lực lượng quy định cho chiến dịch này của các quân đoàn bộ binh tập kết trên căn cứ bàn đạp bắt đầu bước vào tiến công.

Trong khi ấy, các tàu đổ bộ vẫn tiếp tục chờ quân cập bến. Không phải tàu nào cũng ghé sát bờ được. Thủy thủ và chiến sĩ ta thường nhảy ngay xuống nước, tay nâng cao súng. Sóng biển tràn qua đầu một số đồng chí. Họ đều gắng sức tiến vào bờ, và khi chạm đất đã lấy tay bám chặt lấy nó để khỏi bị sóng đẩy ra. Xong, liền lấy lại sức chồm dậy, chạy băng lên điểm cao, nơi quân bạn đang đánh giáp lá cà với địch.

Các chiến sĩ đổ bộ đã dũng cảm đánh địch trên bờ và vật lộn với sóng gió ngoài biển khơi. Trung tá hải quân N. C. Ki-n-lốp, chỉ huy các lực lượng đổ bộ, và tham mưu trưởng, đại úy N. A. Sa-ta-ép đã hy sinh trong chiến đấu

Thêm ba tiếng đồng hồ dài dặc trôi qua. Các quân đoàn bộ binh đã có báo cáo vẫn tắt gửi về. Xét theo mọi tình hình thì cuộc tiến công nói chung đang phát triển không thuận lợi, nói riêng đã bị chặn lại ở một số nơi. Pe-tơ-rốp ra lệnh cho pháo binh tập trung hỏa lực vào những khu vực ta đang thắng lợi. Nhưng quân địch vẫn cố thủ vững chắc

Chúng tôi được biết: quân đổ bộ đang tiếp tục chiến đấu trên các điểm cao, chiếm được hai khẩu đội pháo cao xạ của địch, thu nhiều vũ khí bộ binh và bắt được đến 60 tù binh. Về cơ bản, dãy điểm cao đã nằm trong tay ta. Đội đổ bộ đang sục sạo, điều thêm lực lượng lên và tổ chức phòng ngự

Nhưng quá trưa, tình hình lại trở nên phức tạp thêm. Quân địch từ phía công ty ngư nghiệp, trại vắt sữa và chỗ Gri-a-dê-vai-a Pu-tri-na bắt đầu phản

xung phong đội đổ bộ. Chúng cho máy bay liên tục oanh tạc đội hình ta. Hồi 19 giờ ngoài chiến trường xuất hiện nhiều chiếc xe tăng kiểu “Phéc-đi-nan”, nhưng chúng vẫn tỏ ra bất lực: các phân đội của ta vẫn giữ vững vị trí của mình. Mọi đợt phản xung phong của địch đều bị đánh lui và chịu thiệt hại nặng.

Suốt đêm, quân Đức đã nhiều lần tìm cách len vào phía sau đội đổ bộ, nhưng lần nào cũng bị đánh bật trở lại.

Một thời gian dài vắng tin của thiếu tá A-lếch-xây-en-cô. Cuối cùng lại thấy. Thiếu tá báo cáo rằng đội đổ bộ trợ công đã hoàn thành nhiệm vụ, đã chiếm được điểm cao cần thiết cho chúng ta và đã liên lạc được với một sư đoàn bộ binh của ta.

Còn các đơn vị của quân đoàn bộ binh cận vệ 11 đã không thể liên lạc được với đội đổ bộ của Gla-vát-xki. Dòng dã một ngày đêm, những đơn vị này mới tiến được 1-2 ki-lô-mét. Các cuộc chiến đấu tiếp diễn sang ngày thứ hai. Sư đoàn thuộc thê đội hai của ta đã bước vào chiến đấu, địch cũng huy động thêm lực lượng dự bị của chúng. Máy bay Đức lại bắn phá vào trận địa quân đổ bộ. Chúng cho pháo binh bắn rất dữ dội và điều xe tăng tiến đánh đội đổ bộ. Các chiến sĩ của Gla-vát-xki đã buộc phải tính toán thật chính xác trong chiến đấu chống xe tăng: đạn được gần hết rồi.

Đến quá trưa, ta đã hoàn toàn xác định rõ được ý đồ của địch. Quân Đức muốn chặn đường ra phía biển, bao vây và tiêu diệt đội đổ bộ. I. E. Pê-tơ-rôp ra lệnh cho Gla-vát-xki đột phá quân địch và tiến ra gặp quân đoàn 11. Lúc này, các chiến sĩ đổ bộ đã hành động rất kiên quyết và đến cuối ngày, đã liên lạc được với những lực lượng chủ yếu của ta, bàn giao lại những điểm cao đã chiếm được cho họ, rồi rút về làm đội dự bị của sư đoàn bộ binh cận vệ 55.

Kết quả, những trận chiến đấu trên đã làm cho tình hình bên sườn phải của tập đoàn quân được cải thiện hơn một ít nhưng chưa đến mức ta mong muốn. Vô-rô-si-lốp thấy bức bối. Đã thế, trong lúc hiệp đồng với quân đoàn bộ binh cận vệ 11, một phi đội máy bay cường kích của Hạm đội Biển Đen lại nhằm lẫn trút bom xuống quân ta. Cũng may, không gây ra thiệt hại gì.

Tôi và đại tá Ki-ta-ép lúc này đang đứng trên đài quan sát của quân đoàn nên không những quan sát được toàn bộ cảnh ấy, mà ngay bản thân cũng bị oanh tạc

Sáng sớm ngày 15 tháng Giêng, chúng tôi tới xem những điểm cao mà đội đổ bộ đường biển đã đánh chiếm được. Các chiến sĩ vừa bắt đầu thiết bị đài quan sát mới của tập đoàn quân ở đây: đào chiến hào sâu để cấu trúc sở chỉ huy. Công việc này chủ yếu được tiến hành trong đêm tối.

Cũng tại đây, chúng tôi đã gặp tư lệnh quân đoàn bộ binh cận vệ 11, thiếu tướng Ác-sin-xép. Đồng chí cũng chuyển đài quan sát của mình ra gần tiền duyên và đích thân rời sang đây. Chúng tôi không có vấn đề gì hỏi đồng chí cả. Ác-sin-xép không trùng trình lại và tiếp tục đi theo đường của mình. Nhưng đến 15 giờ 30 phút, đồng chí đã không còn nữa. Pháo binh địch rớt trúng hầm của đồng chí, trong đó có cả chủ nhiệm pháo binh quân đoàn-đại tá A. M. An-ti-pốp, chủ nhiệm trinh sát – trung tá T. P. Lô-ba-kin và trợ lý ban tác chiến – thiếu tá A. P. Men-si-cốp. Đạn xuyên qua lớp ván mỏng và nổ ngay trong hầm. Trừ Men-si-cốp bị thương nặng, còn tất cả đều hy sinh.

Ngày hôm ấy, pháo địch đã bắn rất dữ. Đến tối, lúc chúng tôi đang ở chỗ Pê-tơ-rốp, pháo của chúng đã phá hỏng căn hầm của C. E. Vô-rô-si-lốp, đồng chí vệ binh đứng bên cửa hầm bị hy sinh. Chúng ta cũng không chịu kém: pháo binh và không quân ta đã liên tiếp, hết đợt này sang đợt khác, đợt kích mãnh liệt vào đội hình chiến đấu, sở chỉ huy và hậu tuyến trực tiếp của chúng. Đêm đến, trung đoàn máy bay ném bom ban đêm Po-2 do nữ phi công điều khiển, nằm trong biên chế của tập đoàn quân không quân 4, đã hoạt động liên tục không ngừng.

Địch gây nhiều trở ngại cho tập đoàn quân độc lập miền Duyên hải, chúng củng cố trận địa ở ngay Kéc-tơ. Từ trên núi Mi-tơ-ri-đát, chúng hoàn toàn bao quát và khống chế được bằng hỏa lực toàn bộ vịnh Kéc-tơ và một phần đáng kể khu vực bán đảo mà tập đoàn quân đang chiếm giữ. Chính ngọn núi này và các khu phố giáp liền với nó cùng một loạt điểm dân cư khác đã được biến thành khu vực phòng thủ. Trong trường hợp cuộc tấn công của tập đoàn quân miền Duyên hải triển khai vào sâu trong bán đảo Kéc-tơ và xa hơn

nữa, vào tới trung tâm Crum, thì khu vực này có thể được dùng làm điểm xuất phát cho kẻ địch phản kích vào hậu tuyến của bộ đội ta.

Khi tổ chức đột phá phòng tuyến của quân phát-xít Đức ở khu vực Kéc-tơ, tư lệnh tập đoàn quân miền Duyên hải đã phải, bằng cách nào đấy, đảm bảo an toàn cho bên sườn của mình khỏi bị kẻ địch có thể tấn công từ phía Kéc-tơ. Vì vậy đồng chí đã dự kiến dành riêng một đơn vị nào đó trong lực lượng của mình để tiêu diệt quân Đức – Ru-ma-ni đang cố thủ trong thành phố. Song không thành công, mặc dù các trận chiến đấu trên đường phố Kéc-tơ mang tính chất quyết liệt.

Các báo cáo của tập đoàn quân độc lập miền Duyên hải gửi Đại bản doanh về tình hình bán đảo Kéc-tơ bao giờ cũng rất khách quan và không hề tô vẽ thêm cho những hoạt động không thành công của quân ta ở Kéc-tơ. Khi nhận được những báo cáo đó, Đại bản doanh đâm ra lo lắng vì, như mọi người đều biết, các trận chiến đấu trong thành phố thường hay đưa đến những thiệt hại lớn cho các đơn vị và gây trở ngại cho việc sử dụng pháo binh, xe tăng, không quân.

Vì thế, I. E. Pê-tơ-rốp và Cli-mốp – C. E. Vô-rô-si-lốp đã nhận được một bức điện, trong đó nêu rõ rằng tập đoàn quân miền Duyên hải có ưu thế đáng kể so với địch về số lượng quân, về pháo binh, xe tăng và máy bay. “Nhưng bức điện nhấn mạnh – “tập đoàn quân bị mất những ưu thế đó khi lao vào những trận chiến đấu trên đường phố, nơi kẻ địch đã củng cố vững chắc trận địa của chúng, nơi mà chúng ta phải tiến hành những trận đánh dằng dai để giành giật từng góc phố, từng ngôi nhà và không có điều kiện để sử dụng có hiệu quả tất cả các phương tiện tăng cường hiện có.

Đại bản doanh coi chiến thuật đó của bộ tư lệnh tập đoàn quân là hoàn toàn sai lầm, có lợi cho kẻ địch và hết sức bất lợi cho ta. Đại bản doanh cho rằng cần phải tập trung những cố gắng chủ yếu của tập đoàn quân cho những hoạt động đánh địch trên địa bàn trống, nơi có đầy đủ khả năng để sử dụng có hiệu quả mọi phương tiện tăng cường của tập đoàn quân.

Những lời bàn cãi cho rằng không thể chọc thủng được phòng tuyến mạnh của địch trên địa bàn trống, – là hoàn toàn vô căn cứ, vì ngay cả phòng tuyến

ở Lê-nin-grát của quân Đức là phòng tuyến mạnh gấp ba lần phòng tuyến ở Kéc-tơ, cũng vẫn bị ta chọc thủng, nhờ sự lãnh đạo khéo léo... Đại bản doanh Bộ Tổng tư lệnh tối cao hạ lệnh:

1. Chuyển các hoạt động chiến đấu chủ yếu của các đơn vị bộ đội tập đoàn quân vào địa bàn trống.

2. Hạn chế hoạt động trong thành phố ở những trận đánh có vai trò hỗ trợ cho các hoạt động của chủ lực tập đoàn quân trên địa bàn trống.

3. Căn cứ vào những chỉ thị này mà điều phối lại lực lượng và trình bày lên Bộ tổng tham mưu dự kiến kế hoạch hành động tiếp theo, chậm nhất là đến ngày 28. 1. 1944”.

Dưới bức điện có chữ ký của I. V. Xta-lin và A. I. An-tô-nốp.

Chúng tôi ở căn cứ bàn đạp đã được một tháng. Trong suốt thời gian này, việc chuẩn bị cho chiến dịch chủ yếu nhằm giải phóng Crum vẫn được tiếp tục tiến hành: tích lũy đạn dược, kiện toàn bổ sung, các thê đội hai không ngừng huấn luyện chiến đấu cho bộ đội.

Bỗng có một chuyến tàu đặc biệt đến ga Va-re-nhi-ôp-xcai-a. Tướng A. I. Ê-ri-ô-men-cô, tư lệnh mới của tập đoàn quân độc lập miền Duyên hải, đến cùng chuyến tàu này. I. E. Pê-tơ-rốp đã bị cách chức, điều về Mát-xcơ-va và do Đại bản doanh sử dụng, mà đại diện Đại bản doanh ở đây không được hay biết, thậm chí không được hỏi ý kiến gì trong cái việc không kém phần quan trọng này

Ít lâu sau, A. I. An-tô-nốp qua đây nói gọi tôi về Đại bản doanh báo cáo tình hình ở Kéc-tơ. Chắc là các sự kiện trong mấy ngày qua đã làm cho Xta-lin băn khoăn nhiều. C. E. Vô-rô-si-lốp thì vẫn ở lại.

Lúc tôi báo cáo chỉ có các ủy viên Đại bản doanh và A. I. An-tô-nốp dự thôi. Pê-tơ-rốp không được mời đến. Xta-lin hoài nghi lợi ích của chiến dịch đê-mo do tập đoàn quân miền Duyên hải tiến hành. Tôi cố hết sức trình bày mọi lý do cần có chiến dịch ấy.

Khi tôi nói tới tình hình tập đoàn quân miền Duyên hải, Tổng tư lệnh tối cao nhớ đến cái biên bản có mười chữ ký của chúng tôi và lại bắt đầu nặng

lời:

- Thật như là ở nông trang tập thể vậy. Thế các đồng chí không biểu quyết một cách ngẫu nhiên chứ?...

Đối với Vô-rô-si-lốp thì còn có thể tha thứ được, vì đồng chí ấy không phải là cán bộ tham mưu, còn đồng chí thì có bốn phạm phải hiểu rõ thủ tục làm việc chứ. – Sau đó đồng chí nói với An-tô-nốp, hất đầu về phía tôi: – Phải có hình thức kỷ luật nào đó đối với Stê-men-cô.

An-tô-nốp im lặng không nói gì.

Và khi lại quay về bàn tới chiến dịch giải phóng Crưm, Xta-lin ra lệnh triệu tập A. M. Va-xi-lép-xki và C. E. Vô-rô-si-lốp về Đại bản doanh để giải quyết dứt khoát mọi vấn đề trong kế hoạch chiến dịch, rồi sau đó cử hai người đến hướng chủ yếu của Ph. I. Tôn-bu-khin để nghiên cứu giải quyết việc hiệp đồng tác chiến của các đơn vị ngay tại thực địa.

Không hề thấy nói gì đến Pê-tơ-rốp cả. Về sau, khi nghĩ tới chuyện này, chúng tôi trong Bộ tổng tham mưu đã đi đến kết luận là: những kết quả hạn chế của chiến dịch trù bị và tình hình bất hòa với bộ tư lệnh hạm đội đã làm cho Xta-lin hoài nghi I-van E-phi-mô-vích Pê-tơ-rốp. Và, Pê-tơ-rốp đã bị thay thế ngay trước lúc mở đầu chiến dịch lớn, khi tập đoàn quân độc lập miền Duyên hải về cơ bản đã sẵn sàng đi vào chiến dịch. I. E. Pê-tơ-rốp đã không được hưởng những thành quả lao động của mình, còn chiến dịch đã diễn ra thắng lợi.

Tháng Năm, sau khi giải phóng xong Crưm, nhiều người tham gia chiến dịch này đã được tặng thưởng. Nhân dịp này, I. V. Xta-lin lại nhớ đến cái biên bản bất hạnh của chúng tôi. Sau khi thấy trong danh sách đề nghị khen thưởng có tên tôi, đồng chí nói với A. I. An-tô-nốp:

- Chúng ta khen thưởng Stê-men-cô thấp xuống một mức, để đồng chí ấy nhớ mãi xem phải ký văn kiện thế nào cho đúng.

Và đồng chí lấy bút chì xanh gạch đậm nét tên tôi.

Từ ngày 14 đến hết ngày 23 tháng Năm 1944, tôi lại có dịp tới Crưm. Lần này, với tư cách là đại diện Đại bản doanh, tôi có nhiệm vụ góp sức xây

dựng kế hoạch phòng ngự bán đảo đã quét sạch địch, và tổ chức rút các tập đoàn quân cận vệ 2 và tập đoàn quân 51 về làm nhiệm vụ dự bị của Bộ Tổng tư lệnh tối cao. Việc này phải làm xong gấp, vì đến ngày 22-23 tháng Năm, Đại bản doanh sẽ thảo luận kế hoạch “Ba-gra-chi-on” là kế hoạch tiêu diệt địch ở Bê-lô-ru-xi-a, do đó cần có những số liệu chính xác về lực lượng dự bị.

Cũng như mọi khi, chúng tôi đã làm việc thâu đêm suốt sáng, mà vào tiết tháng Năm thì gần như không có đêm. Đặc biệt phức tạp là vấn đề chuyển vận bộ đội. Không đủ nhiên liệu để chở bộ đội bằng ô-tô ra tới các ga đường sắt. Thời gian này, đồng chí Xê-rốp, thứ trưởng Bộ dân ủy nội vụ phụ trách việc phân phối các toa xe và đầu máy ở Crưm. Phải đấu tranh với đồng chí Xê-rốp mới được phân phối đủ xe tàu. Những ga chính nhận hàng năm trong các khu vực Khéc-xôn và Xni-gi-ri-ốp-ca, bộ đội phần lớn phải đi bộ tới đây. Các tướng lĩnh và sĩ quan trong nhóm tôi đã tổ chức cho không quân yểm hộ những nhà ga này và đã quan tâm bảo vệ những bến vượt qua Đni-ép-rơ.

Nhiệm vụ phòng vệ Crưm lúc bấy giờ hoàn toàn được giao cho tập đoàn quân độc lập miền Duyên hải. Cùng với tướng K. X. Men-ních, tư lệnh mới của tập đoàn quân, chúng tôi chuẩn xác mọi chi tiết của kế hoạch do cơ quan tham mưu tập đoàn quân chuẩn bị. Tướng X. X. Bi-rt-u-dốp, tham mưu trưởng phương diện quân U-crai-na 4, đã giúp chúng tôi rất nhiều trong công việc này. Để yểm hộ mặt Tây và mặt Nam miền ven biển Crưm, từ chiến lũy Tu-rét-xki đến vịnh Kéc-tơ dài hơn 700 ki-lô-mét có tất cả 10 sư đoàn, 2 lữ đoàn bộ binh và 1 lữ đoàn xe tăng. Như vậy thì phải nghĩ đến nát óc mới giải quyết được nhiệm vụ phòng vệ Crưm.

Đã thế, lại gặp thêm một loạt khó khăn khác nữa: tập đoàn quân độc lập miền Duyên hải bắt đầu bị rút cán bộ. Hai trong số ba tư lệnh quân đoàn đã được bổ nhiệm đi làm nhiệm vụ mới. Cả đồng chí chủ nhiệm pháo binh và trưởng phòng bổ sung cũng được điều đi nơi khác. Thế rồi, đồng chí chủ nhiệm hậu cần tập đoàn quân, chủ nhiệm quân lương, tham mưu trưởng hậu cần, chủ nhiệm trinh sát cũng sẽ lần lượt ra đi.

Được sự đồng ý của Đại bản doanh, chúng tôi đã đình việc điều động này lại và nhanh chóng bổ nhiệm ngay những đồng chí cấp phó lên thay những đồng chí đã ra đi. Hầu hết các đồng chí này đều là những người giàu kinh nghiệm, thông thạo công việc của mình.

Chúng tôi cũng đã đến Xê-va-xtô-pôn gặp tư lệnh Hạm đội Biển Đen – đô đốc: Ph. X. Ốc-chi-áp-rơ-xki – và đã thỏa thuận với nhau về vấn đề hiệp đồng giữa lục quân và hạm đội.

Chúng tôi đặc biệt chú ý tới các đơn vị phòng không vì số chúng quá ít mà địch thì vẫn không ngừng dùng không quân đánh phá Crưm. Có ngày, trong cùng một lúc địch đã oanh tạc nhiều ga xe lửa: Đơ-gian-côi, Cuộc-man – Kê-men-tri, Bi-úc – Ôi-la-rơ, Ta-sơ-lức – Ta-i-rơ, Ép-pa-tô-ri-a. Thật ra, kết quả những trận oanh tạc này đều không đáng kể.

Có lần, tôi định cùng với X. X. Bi-ri-u-dốp và I. N. Rư-dơ-cốp đáp máy bay từ Xa-ra-bu-dơ đến khu vực đồi Xa-pun, nơi đóng quân của cơ quan tham mưu tập đoàn quân độc lập miền Duyên hải. Bi-ri-u-dốp khuyên chúng tôi dọc đường nên ghé thăm mũi Khéc-xô-nét, nơi diễn ra trận kết thúc chiến dịch Crưm.

Chúng tôi bay trên ba chiếc máy bay Po 2. Thời tiết tuyệt đẹp, vùng trời không có máy bay địch. Nhìn xuống các tuyến đường phía dưới, thấy từng đoàn tù binh quần áo xanh xám đang lê bước chậm chạp và xe vận tải của chúng ta đang rong ruổi trên đường. Bay qua Ba-khơ-txi xa-rai, máy bay của Bi-ri-u-dốp bỗng nhiên là thấp xuống mặt đất.

Chờ cho máy bay của đồng chí ấy an toàn đỗ xong xuống cánh đồng, chúng tôi cũng lượn thêm một vòng, rồi cùng hạ cánh xuống bên cạnh. Té ra là động cơ máy bay của đồng chí bị trục trặc. Chúng tôi không biết xoay xỏa ra sao cả, đành phải để máy bay lại và cuốc bộ ra đường cái. Gặp ô tô của tập đoàn quân độc lập miền Duyên hải, chúng tôi lên xe đi tới Khéc-xô-nét. K. X. Men-ních đã đợi chúng tôi ở đấy.

Trước mắt chúng tôi là chiến trường ác liệt vừa qua. Mũi đất này ngập đầy xác xe tăng, ô-tô, đại bác và súng cối ở Đức. Chỗ nào cũng thấy dấu vết bắn phá của pháo binh và không quân Liên Xô. Trong các khe núi và ở

những sườn vách dốc đứng ven biển, có rất nhiều kho tàng các loại. Xác người đã được thu dọn, nhưng mùi hôi thối vẫn còn vương vất. Xác ngựa trương phồng và nứt nẻ vì nóng, phủ kín mặt biển bập bênh theo sóng. Quân địch khi rút đã tự tay giết hết ngựa của chúng ngoài bờ biển này...

Ít lâu sau, chúng tôi trở về Mát-xơ-va, ở đây, nhiều công việc mới, khẩn cấp, gắn liền với việc chuẩn bị chiến dịch “Ba-gra-chi-on” đang chờ đợi chúng tôi.

12. “Ba-gra-chi-on”

Kết quả cuộc tiến công mùa đông năm 1943 và những dự đoán tương lai. – Việc chia phương diện quân Tây. – I. Đ. Tséc-nhi-a-khốp-xki và I. E. Pê-tơ-rốp. – Nghi binh chiến dịch. – Gh. C. Giu-cốp phối hợp hoạt động của hai phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1 và 2. – A. M. Va-xi-lép-xki ở phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 3 và phương diện quân Pri-ban-tích 1. – Pháo binh và xe tăng trong chiến dịch Bê-lô-ru-xi-a. – Đột kích bằng không quân. -Những đặc điểm chỉ huy bộ đội. – Hay dở cuối cùng mới rõ.

Bộ đội chúng ta tiến công kiên quyết, đã đập tan quan niệm lý thuyết cũ kỹ cho rằng mùa đông và mùa xuân đường sá xấu ảnh hưởng tới những hành động chiến đấu, và tới giữa tháng Tư 1944 đã tiến ra đến tuyến hồ Tsút-xcô-i-ê và sông Vê-li-cai-a, đến những cửa ngõ tiếp cận vào Vi-tép-xcơ, Oóc-sa, Mô-ghi-li-ốp, Giơ-lô-bin, tới Cô-ven. Những lực lượng chủ yếu của các phương diện quân U-crai-na đã thọc ra vùng đất cổ xưa bao la Vô-lưn và tới chân núi Các-pát, chiếm được Téc-nô-pôn và Tséc-nôp-xư hướng thẳng đến I-át-xư và Ki-si-ni-ốp, mở ra những hướng tiến về Li-u-blin, Lơ-vốp và Bu-ca-rét, tạo điều kiện cho Quân đội Liên Xô hoạt động ở hai bên sườn và phía sau những tập đoàn chủ yếu của địch.

Bộ tổng tham mưu đánh giá đầy đủ những nhân tố tích cực trên. Tuy nhiên, chúng tôi vẫn cho rằng sức kháng cự của địch không những không giảm sút, mà ngày càng trở nên ác liệt, mặc dù chúng đã bị tổn thất nặng và đang ra sức khôi phục lại lực lượng. Cần phải tăng cường và đẩy mạnh những cuộc đột kích của ta để ngăn không cho các tướng của Hít-le có thể điều động lực lượng và tổ chức phòng ngự vững

Nói chung, tình hình chiến dịch, chiến lược mùa hè năm 1944 từ chỗ có lợi cho chúng ta đã trở nên phức tạp hơn. Tiếp tục tiến công ở U-crai-na và Môn-đa-vi-a lúc này là không lợi vì ở các khu vực Lơ-vốp, I-át-xư và Ki-si-ni-ốp, ta phải đương đầu với những tập đoàn mạnh của địch trên mặt trận, ngang sức với lực lượng của ta. Tất cả sáu tập đoàn quân xe tăng của ta đều được điều tới đây để chiến đấu với cụm tập đoàn xe tăng chủ yếu của Đức. Bộ đội mệt mỏi, cần phải cải tiến việc tiếp tế. Hành động bất ngờ thì lại đã

bị loại trừ. Nếu ra sức tiến công nhanh trên những hướng này, chúng ta sẽ mắc vào một trận chiến đấu đẫm máu, kéo dài trong những điều kiện bất lợi và kết quả cũng đáng ngại.

Trong thời gian ấy, bộ đội của ta tiến thẳng ra biên giới vùng Pri-ban-tích, cũng chưa thấy có triển vọng gì tốt đẹp, ở đây, ta cũng không mong có được những hành động bất ngờ. Địch thì đang chờ Quân đội Liên xô tiến công với những lực lượng lớn và đã áp dụng những biện pháp cần thiết để đánh lui cuộc tiến công ấy. Chúng có ưu thế cơ động với những tuyến tác chiến bên trong, với mạng lưới đường sắt và đường bộ rất phát triển; còn xe tăng của ta thì trong thời gian ấy đang gặp nhiều khó khăn. Địa hình rõ ràng là không thuận lợi cho ta. Chúng ta vấp phải những trở ngại nghiêm trọng trong việc tập trung quân và tiếp tế. Đại bản doanh cũng cho rằng trong tình hình như thế, vùng Pri-ban-tích không thể là hướng nỗ lực chủ yếu của chúng ta được.

Ngay miền Bắc cũng chẳng hứa hẹn gì mấy. Diệt địch ở đây chỉ có thể làm cho Phần Lan rút khỏi chiến tranh, nhưng lại không tạo nên được tình thế hiểm nghèo trực tiếp đối với nước Đức.

Tình hình ở hướng Tây, ở các phía Bắc và Nam Pô-lê-xi-e có khác đôi chút. Trong quá trình chiến đấu, địch đã tạo ra được cái gọi là “Ban công Bê-lô-ru-xi-a” chặn hãm con đường tiến quân của bộ đội ta tới Vác-sa-va. Nó có thể làm bàn đạp cho quân địch đột kích vào hai bên sườn bộ đội xô viết khi chúng ta tiến công đến biên giới Đông phổ, lại còn uy hiếp cả bên sườn và phía sau hướng Tây – Nam và từ đây chúng có thể dùng những hành động phản chuẩn bị, phá vỡ cuộc tiến công vào Lơ-vốp và Hung-ga-ri của quân ta. Ngoài ra, từ Bê-lô-ru-xi-a, chúng có thể tiến hành những cuộc bắn phá bằng không quân vào Mát-xcơ-va.

Cuối cùng, chiếm lĩnh cái “ban công Bê-lô-ru-xi-a”, quân địch còn có khả năng cơ động nhanh chóng trên những tuyến đường sắt và đường bộ rất phát triển và kiểm chế được những lực lượng lớn của Quân đội Liên Xô ở đây. Tất cả những tình hình trên, cố nhiên đã buộc chúng ta phải coi cuộc tiến công ở Bê-lô-ru-xi-a nhằm tiêu diệt tập đoàn lớn của quân địch đang đóng tại đây là nhiệm vụ quan trọng nhất.

Chúng ta đã thử giải quyết nhiệm vụ ấy, nhưng không thành công. phương diện quân Tây đã nhiều lần tiến công vào khu vực Vi-tép-xơ và Oóc-sa, nhưng chỉ thu được những kết quả ít ỏi mà phải trả bằng cái giá rất đắt. “Ban công Bê-lô-ru-xi-a” được phòng ngự vững chắc.

Ở phía Nam Pô-lê-xi-ê tình hình có khá hơn: bộ đội ta tiến xa lên phía trước, ra tới hướng Li-u-blin và Lơ-vốp, nhưng sinh lực đã bị tiêu hao; ta chỉ có thể phát triển đột kích nếu điều được những đội dự bị lớn từ nội địa lên phía trước và điều động thêm lực lượng tại chỗ.

Vì vậy mới thoát nhìn thì không thấy hiện ra chút gì có vẻ khả quan ở Bê-lô-ru-xi-a và Tây U-crai-na cả. Nhưng nếu chú ý nghiên cứu sâu tình huống, thì cũng có thể làm nảy ra một số kết luận đáng hy vọng. Bộ tổng tham mưu cho rằng nguyên nhân chủ yếu của những thất bại của ta ở phía Bắc Pô-lê-xi-ê không phải là chỉ riêng ở chỗ trận địa quân địch vững chắc, mà còn ở chỗ một số các tư lệnh và cơ quan tham mưu không theo đúng những quy tắc tổ chức, bảo đảm và thực hành tiến công. Những việc như thế, có thể và cần phải tránh trong tương lai. Còn về hướng Lơ-vốp, tôi xin nhắc lại là muốn giành được mục tiêu đã định ở đây thì trước hết phải bổ sung và tăng cường bộ đội cho phương diện quân U-crai-na 1.

Tình hình sau lưng địch chiếm một vị trí đặc biệt trong dự tính của Bộ tổng tham mưu. Ở Bê-lô-ru-xi-a, đặc trưng của tình hình đó là phong trào du kích rất mạnh. Tại đây, hoạt động chống bọn Hít-le có một đội quân du kích và các đội viên hoạt động bí mật Bê-lô-ru-xi-a gồm 150 nghìn người, họ đã chiếm được của địch một vùng đất rộng lớn. Nhiều vùng trọn vẹn của nước Cộng hòa đã sống theo pháp luật của Chính quyền xô-viết.

Bộ tổng tham mưu cho rằng can dựa vào tính tổ chức của các lực lượng du kích do các cơ quan Đảng lãnh đạo (trong hàng ngũ quân du kích Bê-lô-ru-xi-a có trên 11 nghìn đảng viên cộng sản và 31 nghìn đoàn viên thanh niên cộng sản), dựa vào mối liên hệ chặt chẽ giữa họ với các phương diện quân của ta. Cả quân du kích Lít-va cũng hoạt động tích cực và có kế hoạch. Du kích và những người hoạt động bí mật ở Bê-lô-ru-xi-a cũng như Lít-va đâu có thể làm rối loạn hậu tuyến tác chiến, nhất là phá hoại các tuyến giao

thông liên lạc quân sự của Cụm tập đoàn quân “trung tâm”, gây cho địch những tổn thất lớn.

Càng phân tích tình huống chiến lược, càng ngày chúng tôi càng tin chắc rằng phải tìm thắng lợi trong chiến cục mùa hè 1944 ngay ở Bê-lô-ru-xi-a và Tây U-crai-na. Thắng lợi lớn trong khu vực này sẽ là con đường ngắn nhất cho phép ta đưa quân đội xô-viết tiến đến những tuyến quan trọng sinh tử đối với vận mệnh của Đế chế thứ ba, đồng thời còn tạo ra được những điều kiện thuận lợi hơn, để đột kích mãnh liệt vào quân địch trên mọi hướng, mà trước hết là hướng Nam, nơi đang có tập đoàn mạnh của ta.

Vấn đề thời hạn và trình tự hành động là rất quan trọng. Không thể để cho quân địch có thời gian kịp huấn luyện những đội dự bị, khôi phục những sư đoàn bị tan tác và củng cố phòng ngự trên những hướng quan trọng nhất. Bắt đầu vào tiến công mùa hè là không nên để thời gian tạm dừng kéo dài, và đồng thời phải có nhiều cuộc điều quân rất lớn.

Những ý kiến sơ bộ ấy của Bộ tổng tham mưu sau đó được quán triệt cụ thể trong ý định chiến cục mùa hè, trong kế hoạch của chiến cục, và cả trong rất nhiều biện pháp tổ chức khác.

Biện pháp tổ chức cụ thể nhất là việc của phương diện quân Tây. Một phái đoàn gồm những đồng chí có uy tín trong Hội đồng quốc phòng Nhà nước đã xuống tại chỗ. Tham gia phái đoàn, ở Bộ tổng tham mưu có chủ nhiệm quân báo Ph. Ph. Cu-dơ-nét-xốp và cục trưởng Cục tác chiến. Phái đoàn nghiên cứu kỹ những nguyên nhân thất bại vừa qua của phương diện quân và trình bày một bản báo cáo tỉ mỉ cùng những đề nghị cụ thể.

Ngoài những nguyên nhân chủ quan, phái đoàn còn phát hiện ra những nguyên nhân khách quan nữa. Mùa đông năm 1944, phương diện quân Tây có trong biên chế 5 tập đoàn quân binh chủng hợp thành, gồm tất cả 33 sư đoàn bộ binh, 3 sư đoàn pháo binh, 2 sư đoàn pháo nòng dài, 2 sư đoàn pháo cao xạ và 1 sư đoàn súng cối. Ngoài ra, phương diện quân còn có tập đoàn quân không quân và trực thuộc phương diện quân còn có một quân đoàn xe

tăng, 9 lữ đoàn xe tăng độc lập và 8 lữ đoàn pháo binh, 1 lữ đoàn súng cối cận vệ, hai khu cứ điểm và những binh đoàn, binh đội khác nữa.

Phương diện quân phải giải quyết nhiệm vụ của mình trên bốn hướng chiến dịch: Vi-tép-xcơ Bô-gu-sép-xcơ, Oóc-sa và Mô-ghi-li-ốp, cho nên lực lượng bị phân tán, bộ đội lại không thể cơ động được do các con đường giao thông dọc mặt trận hết sức bị hạn chế. Quân địch có một hệ thống đường sá tốt nối liền Vi-tép-xcơ, Oóc-sa và Mô-ghi-li-ốp, chúng có thể nhanh chóng điều viện binh tới hướng nào đang bị uy hiếp, để chống đỡ những cuộc đột kích của ta.

Dựa vào kết quả công tác của phái đoàn, Đại bản doanh quyết định tách phương diện quân Tây ra làm hai phương diện quân – Bê-lô-ru-xi-a 2 và 3 để việc chỉ huy được dễ dàng và như thế cũng sát thực tế hơn, đồng thời lại đề nghị tăng cường những lực lượng dự bị cho cả hai phương diện quân mới.

Cả vấn đề tăng cường cho phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a cũng được chú ý đến. Trước hết, Tổng tư lệnh tối cao có hỏi ý kiến nhiều tư lệnh phương diện quân và tự mình nói chuyện bằng điện thoại trực tuyến với một số đồng chí tư lệnh như với đại tướng C. C. Rô-cô-xốp-xki, tư lệnh phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a (sau này là phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1); bấy giờ bộ đội của phương diện quân ấy đang ở trên hướng Bô-brui-xcơ.

Rô-cô-xốp-xki bày tỏ ý kiến đề nghị chuyển cho đồng chí những tập đoàn quân thuộc biên chế của phương diện quân U-crai-na 1, đang hoạt động ở Pô-lê-xi và ở Cô-ven. Theo ý đồng chí, làm như vậy sẽ cải tiến được việc hiệp đồng và cơ động, khi tiến công trên các hướng Bô-brui-xcơ và Li-u-blin.

Sau khi phân tích rất kỹ các ý kiến “tán thành” và “phản đối”, Đại bản doanh đồng ý với đồng chí. Đồng thời quyết định chuyển thuộc tập đoàn quân 50 của phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1 vào biên chế của phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 2. Thượng tướng I. Đ. Tséc-ni-a-khốp-xki (phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 3) và thượng tướng I. E. Pê-tơ-rốp được cử làm tư lệnh hai phương diện quân mới. Việc phân chia cho hai phương diện quân

mới những sư đoàn bộ binh, pháo binh, xe tăng, máy bay và tất cả tài sản quân sự của phương diện quân Tây phải tiến hành với sự tham gia của đại diện Đại bản doanh.

Tôi được cử đi làm nhiệm vụ ấy và rời Mát-xcơ-va cùng với đồng chí I-van Đa-ni-lô-vích Tséc-ni-a-khốp-xki, bạn đồng học ở học viện. Tối ngày 14 tháng Tư, chúng tôi đến chỗ Cra-xnôi-ê, trước đây là cơ sở chỉ huy của phương diện quân Tây. I-van E-phi-mô-vích Pê-tơ-rốp đã đợi chúng tôi ở đây. Đồng chí nổi tiếng trong các Lực lượng vũ trang là một người chỉ huy chín chắn, thận trọng, rất mực bác ái, học vấn uyên thâm và giàu kinh nghiệm quân sự. Tên tuổi đồng chí gắn liền với cuộc phòng ngự anh hùng ở Ô-đét-xa và Xê-va-xtô-pôn.

Khác với Pê-tơ-rốp, I. Đ. Tséc-ni-a-khốp-xki hồi đó chưa được nhiều người biết đến. Nhưng đồng chí đã tỏ ra xuất sắc ở cương vị tư lệnh tập đoàn quân, trình độ tác chiến có cơ sở vững chắc, am hiểu sâu về pháo binh và bộ đội xe tăng. Đồng chí còn trẻ, mới 38 tuổi, giàu nghị lực, nghiêm túc và toàn tâm toàn ý cống hiến cho sự nghiệp nặng nề, khó khăn của mình.

Chúng tôi bắt tay ngay vào việc, và trong mấy ngày đã giải quyết xong tất cả các vấn đề tổ chức. Cơ quan chỉ huy của phương diện quân Tây cũng hoàn toàn chuyển cho Tréc-ni-a-khốp-xki và đồng chí đặt đài chỉ huy tại Cra-xnôi-ê, còn I. E. Pê-tơ-rốp thì sẽ lập cơ quan chỉ huy phương diện quân mới và chuyển sang khu vực Mơ-xti-xláp

Trước đó ba chúng tôi đã phân tích tỉ mỉ tình huống và đánh giá những khả năng của từng phương diện quân. Tình hình đã cho thấy rõ là việc tiêu diệt các cụm Vi-tép-xcơ, Oóc-sa và Mô-ghi-li-ốp của địch đều phải tiến hành cùng một lúc với yêu cầu phải hiệp đồng chặt chẽ với phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1 đang có nhiệm vụ tiêu diệt quân địch ở khu vực Bô-brui-xcơ. Bốn cụm quân địch nói trên hợp thành một thể thống nhất, nằm trong biên chế các lực lượng chủ yếu của Cụm tập đoàn quân “trung tâm” và là xương sống của quân đội Đức đang phòng ngự ở Bê-lô-ru-xi-a.

Ở đây toàn bộ lực lượng quân địch tập trung chủ yếu trong vùng chiến thuật. Nói chung đó cũng là đặc điểm phòng ngự của quân Đức trong thời kỳ

ấy. Như vậy, thực tế có nghĩa là muốn đột phá vào những trận địa quân địch thì phải có một số lượng lớn pháo binh để chế áp chắc chắn và đánh tan chúng ở ngay trong vùng chiến thuật.

Tuy vậy, cũng cần phải phát huy tác dụng, gây ảnh hưởng đến những đội dự bị trong tung thâm, dù cho chúng nhỏ yếu thế nào đi nữa. Vì vậy, chúng tôi đã thảo luận đến phương án dùng những quả đấm xe tăng mạnh đột kích sâu vào hướng Bô-ri-xốp Min-xơ để tiêu diệt những lực lượng dự bị của chúng trước khi chúng bước vào chiến đấu. Mũi đột kích như vậy, theo dự đoán của chúng tôi, hẳn sẽ giữ vai trò quyết định để phát triển chiến dịch theo nhịp độ cao trên tất cả các hướng, kể cả hướng Bô-brui-xơ.

Nhưng cả ba phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a, không phương diện quân nào có lấy một tập đoàn quân xe tăng, nên phải xin Đại bản doanh. Thỏa thuận là I. Đ. Tséc-nhi-a-khốp-xki thì đề nghị xin, còn Bộ tổng tham mưu thì ủng hộ.

Sau khi đã giải quyết việc tập trung những cố gắng chủ yếu vào đâu trong chiến cục mùa hè năm 1944, thì vấn đề thời hạn hành động lập tức được đặt ra trong chương trình thảo luận. Những tính toán sơ bộ cho biết rằng: trước lúc bắt đầu tiến công ở Bê-lô-ru-xi-a, cần có một thời gian tạm ngừng chiến dịch để điều quân, tích lũy và chuyển lên phía trước những phương tiện vật chất cần thiết, nhất là đạn dược và nhiên liệu. Rõ ràng, tất cả những vấn đề trên không tránh khỏi làm nảy sinh ra một tình trạng khẩn trương lớn trong ngành đường sắt. Khó khăn về vận tải cũng là một trong những nguyên nhân khiến cho tất phải chuyển sang thể tạm thời phòng ngự.

Bộ tổng tham mưu không coi việc phòng ngự là mục tiêu chính, nhưng là một biện pháp bắt buộc, giúp ta có điều kiện chuẩn bị tốt cuộc tiến công quyết định sắp tới. Lại còn dự kiến nữa là việc chuyển sang phòng ngự trên toàn bộ mặt trận Xô – Đức, kết hợp với việc ngưng trang chiến dịch, sẽ làm cho quân địch mất phương hướng, khó đoán nổi những ý định xác thực của Bộ chỉ huy Lên Xô.

Giữa tháng Tư, khi đề nghị này được báo cáo lần đầu ở Đại bản doanh thì I. V. Xta-lin không đồng ý. Đồng chí có khuynh hướng cứ tiếp tục những hành động tiến công.

- Chúng ta cần suy nghĩ thêm – Tổng tư lệnh tối cao nói, mặc dầu biết rõ là nhiều tư lệnh phương diện quân phản đối việc tiến hành những chiến dịch đẫm, vì thường thu được ít kết quả.

Đến ngày hôm sau, I. V. Xta-lin mới đồng ý cho hướng Tây – Bắc và hướng Tây chuyển sang phòng ngự. Những chỉ thị về việc này ban hành ngày 17 và 19 tháng Tư. Còn với những phương diện quân khác thì Tổng tư lệnh tối cao ra lệnh không được vội vã, mà như cách nói của đồng chí là phải “chuyển sang phòng ngự dần dần”, theo mức độ tạm ngừng tiến công. Thực tế thì, từ ngày 1 tới 7 tháng Năm, các nơi mới nhận được chỉ thị chuyển sang phòng ngự. Cần phải nói rõ rằng trong bất cứ trường hợp nào nội dung của những chỉ thị ấy cũng vẫn toát lên tinh thần chuẩn bị cho tiến công. Đại bản doanh yêu cầu:

“1. Tổ chức quan sát địch hằng ngày thật cẩn thận, có nhiệm vụ phát hiện hệ thống phòng ngự và hỏa lực từng hỏa điểm độc lập của địch, từng khẩu đội súng cối và pháo. Mọi biến động về tình hình địch phải được kịp thời cân nhắc và ghi vào những sơ đồ trinh sát và sơ đồ các mục tiêu.

2. Để nguy trang hệ thống phòng ngự, phải che giấu những phương tiện hỏa lực của ta và tích lũy đạn dược, cần giảm bớt những hoạt động bắn phá của pháo binh, súng cối và vũ khí của bộ binh; quy định cho những phương tiện hỏa lực nào được tách riêng ra để phát huy hỏa lực. Tất cả những trận địa hỏa lực mà địch đã bắn vào đều phải đổi chỗ.

Chỉ được phép bắn từ những trận địa hỏa lực lâm thời hoặc dự bị.

Việc quy định giới hạn tiêu phí đạn dược trong ngày cho từng khẩu đội, nhất là pháo cỡ lớn (pháo cối 120 mi-li-mét, lựu pháo 122 mi-li-mét và 152 mi-li-mét), phải làm thật chặt chẽ”.

Bộ tổng tham mưu tiến hành xây dựng ý định tác chiến công, rồi sau đó xây dựng kế hoạch hành động trong chiến cục mùa hè năm 1944, trên cơ sở

những đề nghị của các tư lệnh phương diện quân. Các đồng chí đều hiểu rõ tình huống đến từng chi tiết một.

Hội đồng quân sự phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1 thấy nhiệm vụ của mình là phải tiêu diệt quân đội phát-xít Đức đang chiếm lĩnh khu vực rộng Min-xcơ, Ba-ra-nô-vi-tsi, Xlô-nim, Brét, Cô-ven, Lu-ni-nét, Bô-brui-xcơ; sau khi đạt được mục tiêu của chiến dịch, dự kiến sẽ cho các tập đoàn quân của ta tiến ra tuyến Min-xcơ, Xlô-nim, Brét, sông Tây Búc, nhờ đó chúng ta sẽ cắt đứt được tất cả những đường bộ và đường sắt chủ yếu của địch trên một chiều sâu tới 300 ki-lô-mét, nghĩa là sẽ phá vỡ việc hiệp đồng của những cụm chiến dịch của địch trên hướng Tây.

Chiến dịch dự kiến sẽ rất phức tạp. Theo ý kiến của tư lệnh C. C. Rô-cô-xốp-xki thì chiến dịch không thể tiến hành cùng một lúc với mọi lực lượng của phương diện quân, vì hệ thống phòng ngự của địch ở phía Đông Min-xcơ rất chắc, cứ đột phá chính diện vào đây thì thật nông nổi, thiếu thận trọng. Do đó, đồng chí đề nghị tiến hành chiến dịch là làm hai giai đoạn.

Trong giai đoạn thứ nhất, dài chừng 12 ngày, thì sử dụng lực lượng bốn tập đoàn quân bên cánh trái của phương diện quân để phá vỡ sự ổn định phòng ngự của địch ở mặt Nam. Vì vậy, dự định sẽ tiêu diệt toán quân địch đứng đối diện và đánh chiếm những trận địa bên bờ Đông sông Tây Búc, trên khu vực từ Brét đến Vla-đi-mia Vô-lưn-xki, và như vậy là đánh vu hồi vào sườn phải của Cụm tập đoàn quân “trung tâm”.

Còn trong giai đoạn thứ hai thì dự kiến toàn bộ lực lượng của phương diện quân sẽ hành động đồng thời, tiêu diệt cụm Bô-brui-xcơ và Min-xcơ của địch. Dựa vào những trận đánh chiếm được dọc theo sông Tây Búc và bảo đảm sườn trái của mình chống những cuộc phản kích của địch từ phía Tây và Tây – Bắc đến, những tập đoàn quân bên sườn trái của phương diện quân phải sử dụng những lực lượng chủ yếu của mình từ khu vực Brét đột phá vào phía sau lưng quân địch ở Cô-brin, Xlô-nim, Xtôn-bơ-txu. Đồng thời sẽ mở mũi đột kích thứ hai: dùng cánh phải của phương diện quân từ khu vực Rô-ga-tsi-ốp, Giơ-lô-bin đột kích vào hướng chung tới Bô-brui-xcơ và Min-xcơ.

Ước tính thời gian cần thiết cho việc điều động bộ đội, để hoàn thành những nhiệm vụ trên, ta thấy cần ít ra là 30 ngày. Muốn giành thắng lợi cho cuộc cơ động vu hồi này, cần phải tăng cường cho cánh trái vu hồi của phương diện quân từ một đến hai tập đoàn quân xe tăng.

Ý định ấy có tầm quan trọng lớn và là mẫu mực cho cách giải quyết độc đáo nhiệm vụ tiến công trên một chính diện rất rộng. Trước mặt tư lệnh phương diện quân là những vấn đề rất phức tạp về chỉ đạo hành động của bộ đội trên các hướng rất phân tán ở miền Pô-lê-xi-ê. Đến nỗi, Bộ tổng tham mưu đã nghĩ tới vấn đề: có nên chia phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1 ra thành hai hay không?

Nhưng C. C. Rô-cô-xốp-xki lại chứng minh rằng những hành động ấy đều theo một kế hoạch chung và được một bộ tư lệnh phương diện quân chỉ đạo chung trong khu vực này thì sẽ hợp lý hơn. Đồng chí tin chắc rằng trong trường hợp này, Pô-lê-xi-e sẽ là một sự kiện không làm cho hành động của bộ đội bị phân tán, mà lại thống nhất được những hành động ấy.

Đáng tiếc là lúc này, Đại bản doanh chưa có khả năng tách ra và tập trung ở khu vực Cô-ven những lực lượng và phương tiện cần thiết, nhất là những tập đoàn quân xe tăng. Vì vậy, ý định cực kỳ hay của C. C. Rô-cô-xốp-xki không được thực hiện. Tuy vậy, ý định mở những mũi đột kích theo phương hướng ấy, với hành động liên tục của bộ đội trong điều kiện nhiều rừng và đầm lầy của phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1 nói lên, đã được Cục tác chiến Bộ tổng tham mưu sử dụng khi lập kế hoạch những chiến dịch sau này.

Gh. C. Giu-cốp trong thời gian ấy được cử giữ chức tư lệnh phương diện quân U-crai-na 1, thay N. Ph. Va-tu-tin hy sinh, cũng gửi lên Đại bản doanh ý kiến của mình về những hành động tiến công tiếp sau. Sau khi kết thúc việc tiêu diệt tập đoàn Prô-xcu-rốp – Ca-mê-nét – Pô-đôn-xki của địch, và sau khi chiếm lĩnh được Tséc-nốp-xư, đồng chí có ý định tiêu diệt địch ở khu vực Lơ-vốp và cho bộ đội mình tiến ra biên giới quốc gia. Nhiệm vụ trước mắt của những lực lượng chủ yếu trong phương diện quân là đánh chiếm Vla-đi-mia- Vô-lưn-xki bên cánh phải, Lơ-vốp ở giữa, và Đrô-gô-bút

bên cánh trái. Nhiệm vụ tiếp sau là giải phóng khu vực Pê-rê-mư-sơ. Cơ sở ý định của chiến dịch Lơ-vốp lại vẫn là cơ động vu hồi.

Tuy nhiên, chiến dịch này hồi ấy cũng không được thực hiện, chủ yếu là vì chưa có đủ lực lượng. Nhưng cái hạt nhân duy lý trong ý định của vị tư lệnh thì không mất đi. Đánh giá kỹ những khả năng phát triển tình huống khi tiến công, chúng tôi đã phát hiện ra mối quan hệ thật chặt chẽ giữa những tập đoàn quân sườn trái của phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1 với bộ đội của phương diện quân U-crai-na 1 và điều đó có ảnh hưởng quyết định đến trình tự và thời hạn tiến hành những chiến dịch mùa hè ở khu vực này.

Đến hạ tuần tháng Tư, Bộ tổng tham mưu đã thu thập xong mọi ý kiến về chiến cục mùa hè. Đó là hệ thống những chiến dịch lớn nhất trong lịch sử chiến tranh, tiến hành trong một không gian mênh mông từ miền Pri-ban-tích đến núi Các-pát, thu hút trên dưới năm, sáu phương diện quân vào những hành động tích cực gần như cùng một lúc. Nhưng trong quá trình tiếp tục nghiên cứu thực chất của công việc, chúng tôi đã nhận ra được rằng: việc tiến hành một chiến dịch lớn độc lập trên hướng Lơ-vốp và cả những chiến dịch trên các hướng Vư-boóc-gơ và Xvia – Pê-tơ-rô-da-vết-xơ là hợp lý hơn.

Bây giờ, chiến cục mùa hè hiện ra theo trình tự như sau. Đầu tháng Sáu, phương diện quân Lê-nin-grát sẽ mở màn chiến cục bằng cuộc tiến công vào Vư-boóc-gơ, rồi sau đó, thu hút phương diện quân Ca-rê-li-a vào tiến công tiêu diệt tập đoàn Xvia – Pê-tơ-rô-da-vết-xơ của địch. Kết quả của các chiến dịch trên là phải loại ra khỏi vòng chiến ông bạn Phần Lan của nước Đức Hít-le.

Tiếp theo cuộc tiến công của phương diện quân Ca-rê-li-a, những hành động ở Bê-lô-ru-xi-a phải nổ ra ngay và cố đạt cho được tính bất ngờ. Đến khi bộ chỉ huy quân Đức hiểu ra rằng chính đó mới là những sự kiện quyết định, và điều những đội dự bị của chúng từ phía Nam đến, thì phương diện quân U-crai-na 1 phải triển khai ngay cuộc tiến công trời giáng vào hướng Lơ-vốp.

Tiêu diệt những tập đoàn quân địch ở Bê-lô-ru-xi-a và ở Lơ-vôp là nội dung cuộc đột kích chủ yếu của các Lực lượng vũ trang Liên Xô trong chiến cục mùa hè năm 1944. Trong thời gian này, lực lượng của phương diện quân Pri-ban-tích 2 phải hành động tích cực để kiềm chế những đơn vị của Cụm tập đoàn quân “bắc” của địch, vì cụm tập đoàn quân này nhất định sẽ cố bảo đảm cho đơn vị bạn bên phải là Cụm tập đoàn quân “Trung tâm” được ổn định.

Và cuối cùng, do kết quả của những mũi đột kích mạnh vừa kể, quân thù sẽ bị thất bại, đến lúc đó, ta có thể xác nhận rằng cuộc tiến công trên hướng mới ở Ru-ma-ni, Bun-ga-ri, Nam Tư và cả ở Áo, Hung, Tiệp Khắc – sẽ được bảo đảm.

Đến cuối tháng Tư thì kế hoạch chiến cục mùa hè được báo cáo lên Đại bản doanh như vậy và được lấy làm cơ sở để xây dựng những mục tiêu chính trị của các Lực lượng vũ trang Liên Xô trong nhật lệnh ngày 1 tháng Năm của Tổng tư lệnh tối cao. Nhật lệnh kêu gọi bộ đội hãy quét sạch địch ra khỏi đất đai của Tổ quốc ta và giải phóng các dân tộc anh em: Ba Lan, Tiệp Khắc cùng những nước Đông Âu khác, khỏi ách chiếm đóng của quân Hít-le.

Bắt tay vào chuẩn bị chiến dịch Bê-lô-ru-xi-a, Bộ tổng tham mưu muốn lừa cho bộ chỉ huy Hít-le tin là mùa hè năm 1944 những mũi đột kích của Quân đội Liên Xô sẽ ở phía Nam và ở miền Pri-ban-tích. Ngay ngày 3 tháng Năm, tư lệnh phương diện quân U-crai-na 3 nhận được chỉ thị sau đây:

“Các đồng chí sẽ tiến hành những biện pháp nghi binh chiến dịch để lừa địch, làm cho chúng nhận lầm rằng bên sườn phải của phương diện quân đang tập trung từ 8 tới 9 sư đoàn bộ binh đã được tăng cường xe tăng và pháo binh, khu vực tập trung giả phải náo nhiệt, có vận động, bố trí từng nhóm, từng tổ bộ đội, xe pháo, xe tăng, đại bác và có thiết bị khu vực; những nơi đặt các mô hình xe tăng và pháo binh phải có pháo cao xạ, đồng thời có cả mạng lưới cao xạ phòng không trong toàn khu vực, có các máy bay tiêm kích bay tuần tiễu.

Phải dùng máy bay quan sát và chụp ảnh từ trên không để kiểm tra hình dáng các mục tiêu giả làm cho các mục tiêu ấy giống hệt như thật... Thời hạn tiến hành nguy trang chiến dịch bắt đầu từ ngày 5 đến hết ngày 15 tháng Sáu năm nay”.

Phương diện quân Pri-ban-tích 3 cũng nhận được mệnh lệnh tương tự. Phương diện quân này phải thực hiện những công tác nguy trang ở phía Đông sông Tre-re-khơ.

Quân địch căn cả hai cái mối ấy. Bộ chỉ huy Đức tỏ ra rất lo ngại, nhất là ở hướng Nam. Tăng cường trinh sát đường không để lấy tài liệu, bộ chỉ huy Đức muốn xác định chắc chắn ý định của ta ở phía Bắc Ki-si-ni-ốp.

Những tập đoàn quân xe tăng ở lại trên hướng Tây – Nam cũng có nghĩa là lừa địch. Quân trinh sát của địch theo dõi cả hai mối ấy của ta, thấy những tập đoàn quân nói trên không rời khỏi vị trí, chúng liền kết luận rằng chúng ta chắc chắn sẽ tiến công ở đây. Thực ra, chúng ta đã chuẩn bị dần mũi đột kích của xe tăng ở chỗ khác hẳn. Được bổ sung trước hết về người và kỹ thuật là những binh đoàn xe tăng và cơ giới sắp được điều sang hướng Bê-lô-ru-xi-a.

Chúng ta còn áp dụng cả những biện pháp khác để bảo đảm bí mật ý định của ta. Chỉ có một số rất ít người trực tiếp xây dựng kế hoạch chiến cục mùa hè nói chung và chiến dịch Bê-lô-ru-xi-a nói riêng. Chỉ có năm người được biết toàn diện các kế hoạch này là: Phó tổng tư lệnh tối cao, Tổng tham mưu trưởng và Phó tổng tham mưu trưởng, cục trưởng Cục tác chiến và một cục phó Cục tác chiến. Tuyệt đối cấm thư từ, và cả những câu chuyện bằng điện thoại hay điện báo cũng không được đề cập đến vấn đề này, lại có tổ chức kiểm tra theo dõi việc báo mật thật nghiêm ngặt.

Những ý định tác chiến của phương diện quân cũng chỉ có hai hay ba người xây dựng, thường phải viết tay và do chính vị tư lệnh phải tự mình đi báo cáo. Trong các đơn vị thì triển khai những công tác nhằm hoàn chỉnh việc phòng ngự. Báo chí của các phương diện quân, tập đoàn quân và sư đoàn chỉ được phép đăng những tư liệu về đề tài phòng ngự mà thôi.

Toàn bộ công tác cố động, tuyên truyền miệng đều hướng vào việc cố thủ bám chắc lấy những trận địa đang chiếm lĩnh. Những đài phát thanh có sóng điện mạnh đều tạm thời ngừng hoạt động một thời gian. Trong mạng lưới điện đài dùng cho huấn luyện, chỉ sử dụng những đài phát có sóng yếu, bố trí cách tiền duyên ngoài 60 ki-lô-mét và hoạt động bằng dây ăng-ten thấp, dưới sự kiểm soát của điện đài đặc biệt.

Toàn bộ tổng hợp những biện pháp nguy trang chiến dịch cuối cùng đã tỏ ra rất cần thiết. Lịch sử chứng minh là địch đã nhầm lẫn nghiêm trọng về những ý định thực sự của chúng ta. C. Típ-pen-xkhiếc-khơ, bấy giờ chỉ huy tập đoàn quân Đức 4, sau này có viết rằng tướng Mô-đen, chỉ huy mặt trận xứ Ga-li-xi-a, đã cho rằng quân Nga không thể tiến công ở đâu hết, ngoài khu vực của hắn ta. Và, bộ chỉ huy tối cao của Hít-le đã hoàn toàn đồng ý với hắn ta, nhưng công nhận thêm là mũi đột kích của chúng ta ở Ga-li-xi-a có thể kết hợp với mũi đột kích ở miền Pri-ban-tích, còn bộ đội xô-viết đang triển khai trước mặt Cụm tập đoàn quân “trung tâm” thì chỉ có ý nghĩa thứ yếu thôi.

Cả thượng tuần tháng Năm 1944, chúng tôi dành cho việc biên soạn kế hoạch chiến cục mùa hè. Những chi tiết của cuộc tiến công ở Bê-lô-ru-xi-a lại được xác định rõ thêm nhiều lần nữa. Vì không đủ lực lượng dự bị, nên chúng ta phải bỏ đề nghị của C. C. Rô-cô-xốp-xki định tiến công qua Cô-ven, nhằm đánh tan mặt sau quân địch ở phía Tây miền Pô-lê-xi-ê. Chúng ta tập trung vào phương án đã cắt giảm của chiến dịch ở phía Bắc những khu rừng và đầm lầy ven sông Pri-pi-át. Trước đó, chúng ta lại hỏi ý kiến tư lệnh phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1, đồng thời cho biết là trong thời gian sắp tới có thể cho tập đoàn quân 28 và quân đoàn xe tăng 9 phối thuộc vào phương diện quân.

C. C. Rô-cô-xốp-xki và cơ quan tham mưu của đồng chí nghiên cứu tất cả tình hình trên và báo cáo với Bộ tổng tham mưu ý kiến của mình vào ngày 11 tháng Năm. Các đồng chí cho rằng mục đích chiến dịch của phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1 là tiêu diệt cụm Giơ-lô-bin của bọn Hít-le, và sau đó phát triển thắng lợi tới Bô-brui-xcơ, Ô-xi-pô-vi-tri, Min-xcơ.

Trong chiến dịch ấy, những lực lượng chủ yếu của phương diện quân sẽ đột kích không phải chỉ một mũi, mà là hai mũi cùng một lúc và đều mạnh như nhau: mũi thứ nhất vào bờ phía Đông sông Bê-rê-di-na tiến ra Bô-brui-xcơ; mũi thứ hai vào bờ phía Tây từ phía Nam vu hồi vào Bô-brui-xcơ.

Tổ chức hai mũi đột kích chủ yếu, lực lượng tương đương với nhau như thế, một là để làm cho địch mất phương hướng và bị lâm vào thế bất ngờ, hai là cốt không cho chúng có thể cơ động chống lại cuộc tiến công của ta. Những hành động thứ yếu thì dự định diễn ra trên hướng Xlút-xcơ, Ba-ra-nô-vi-tsi.

Rô-cô-xốp-xki đặc biệt coi trọng ý nghĩa của việc tiến công liên tục. Nhằm loại trừ những thời gian tạm ngừng chiến thuật, và sau này là tạm ngừng chiến dịch, các đồng chí tính là đến ngày thứ ba của chiến dịch, khi đã chọc thủng tuyến phòng ngự chiến thuật của Đức thì sẽ điều tập đoàn quân 3 và quân đoàn xe tăng 9 vào dải tiến công để phát triển thắng lợi trên hướng Bô-brui-xcơ. Ngay lúc các tập đoàn quân 3 và 48 tiếp cận đến sông Bê-rê-di-na, cần điều ngay tập đoàn quân 28, sinh lực còn dồi dào, vào chỗ tiếp giáp giữa hai tập đoàn quân trên với nhiệm vụ phải đánh chiếm thành pha Bô-brút-xcơ và tiếp tục tiến công tới Ô-xi-pô-vi-tri, Min-xcơ.

Hành động theo phương pháp như thế quả là có khác thường đối với thời ấy, tư lệnh phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1 dự định chia cắt những lực lượng địch đang chống cự, lần lượt tiêu diệt chúng, nhưng lại không ra sức bao vây ngay. Cục tác chiến Bộ tổng tham mưu giữ những ý kiến ấy để nghiên cứu.

Đến ngày 14 tháng Năm, xây dựng xong chiến dịch Bê-lô-ru-xi-a, chúng tôi tập hợp tất cả vào một kế hoạch thống nhất, lập thành văn kiện ngắn gọn và lên bản đồ tình huống. Tướng A. A. Gruđơ-lốp viết tay văn kiện chiến dịch và ngày 20 tháng Năm, sau mấy hôm suy nghĩ tiếp nữa, A. I. An-tô-nốp mới ký vào văn kiện ấy.

Dù đã nghĩ nhiều đến tên gọi kế hoạch đó nhưng cho mãi đến lúc đệ trình lên Tổng tư lệnh tối cao, chúng tôi vẫn chưa tìm ra. I. V. Xta-lin đề nghị đặt tên cho kế hoạch ấy là “Ba-gra-chi-on” để nhớ đến vị tướng của dân tộc ta đã góp phần vào những chiến thắng của nước Nga trong cuộc chiến tranh chống ngoại xâm năm 1812.

Theo phương án đầu tiên của kế hoạch “Ba-gra-chi-on” thì mục tiêu chiến dịch là thanh toán chỗ lồi phòng ngự của địch ở khu vực Vi-tép-xcơ, Bô-brui-xcơ, Min-xcơ và tiến ra tuyến Đê-xna, Mô-lô-đê-tsnô, Xtôn-bơ-txư, Xta-rô-bin. Ý định chiến dịch nhằm tiêu diệt những tập đoàn hai bên sườn của quân địch, vu hồi vào hai bên sườn và đột phá phía giữa những trận địa của chúng, sau đó phát triển thắng lợi theo hai hướng, tiến tới hợp điểm ở Min-xcơ.

Tất cả lực lượng của bốn phương diện quân chúng ta, gồm ba phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a và phương diện quân Pri-ban-tích 1, đều hướng vào tiến công Cụm tập đoàn quân “trung tâm” của địch; còn một phần lực lượng không đáng kể thì phụ trách bảo đảm mặt phía Bắc và Tây – Nam của chiến dịch.

Lực lượng dự bị của Đại bản doanh cũng sẽ được cấp tốc điều vào hướng đột kích chủ yếu. Trong những ngày đầu tháng Sáu, phần tập trung ở đây hai tập đoàn quân lấy ở Crưm tới là tập đoàn quân 51 ở Đông – Nam Gô-men và tập đoàn quân cận vệ 26 khu vực I-ác-txê-vô.

Các lực lượng chủ yếu tham gia tiến công được chia thành hai cụm.

Cụm tập đoàn quân “A” gồm có phương diện quân Pri-ban-tích 1 và phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 3, tất cả có 39 sư đoàn bộ binh, 2 quân đoàn xe tăng, 1 quân đoàn kỵ binh, 6 sư đoàn pháo binh (kể cả 2 sư đoàn súng cối cận vệ).

Cụm “B” có phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 2 và những tập đoàn quân bên sườn phải của phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1, tất cả có 38 sư đoàn bộ binh, 1 quân đoàn xe tăng và một quân đoàn cơ giới, 3 sư đoàn pháo binh (trong đó có 1 sư đoàn súng cối cận vệ).

Nói chung, ta có tất cả 77 sư đoàn bộ binh, 3 quân đoàn xe tăng, 1 quân đoàn cơ giới, 1 quân đoàn kỵ binh, 6 sư đoàn pháo nòng dài và 3 sư đoàn súng cối cận vệ để tiến công 42 sư đoàn địch (theo tính toán hồi đó của chúng ta thì con số đó thấp hơn một ít), đang phòng ngự ở chỗ lồi Bê-lô-ru-xi-a.

Bộ tổng tham mưu cho là những lực lượng như thế đủ bảo đảm cho chúng ta hoàn thành được ý định của chiến dịch. Tuy vậy, ít lâu sau ta mới phát hiện ra rằng số những sư đoàn của địch cao hơn con số ta nắm được, còn phương diện quân Pri-ban-tích 2 của ta thì đang yếu đi, không đủ sức kiểm chế chặt được các đơn vị của Cụm tập đoàn quân “bắc” của địch, vì vậy cụm tập đoàn quân ấy có thể đột kích vào một bên sườn ta, trong dải của đơn vị cạnh nó ở bên phải là Cụm tập đoàn quân “trung tâm” và như thế thì quả rất nguy hiểm cho ta.

Bởi vậy, kế hoạch phải hiệu chỉnh lại, theo kết quả việc xác định lại những lực lượng và phương tiện của địch. Chúng tôi đã dự kiến là dù sao thì cũng khó tránh khỏi được những việc như thế. Vì vậy, Bộ tổng tham mưu đã tổ chức những buổi thảo luận kế hoạch với các tư lệnh phương diện quân khoảng một tháng trước lúc bắt đầu tiến công, có tính đến cả những tình huống mới nhất và đến xu hướng phải triển của tình hình trong thời gian tiếp theo đó.

Yếu tố quan trọng nhất trong kế hoạch của bất kỳ một chiến dịch nào là ý định chiến dịch. Kế hoạch “Ba-gra-chi-on” có ý định tiêu diệt hoàn toàn những lực lượng chủ yếu của địch phòng ngự ở Bê-lô-ru-xi-a. Vấn đề này được thảo luận nhiều lần và về mọi mặt với Tổng tham mưu trưởng A. M. Va-xi-lép-xki và Phó tổng tư lệnh tối cao Gh. C. Giu-cốp.

Bộ tổng tham mưu dự kiến rằng, ngay trong thời gian đột phá phòng ngự cũng đã tiêu diệt được phần lớn quân tinh nhuệ của địch trong dải phòng ngự thứ nhất của chúng, là nơi mà sinh lực của chúng tập trung dày đặc. Do chỗ quân địch dành ít đơn vị ra làm nhiệm vụ dự bị và ta lại đặt nhiều hy vọng vào đòn đột kích hỏa lực đầu tiên trong vùng chiến thuật của chúng, nên các phương diện quân của ta được tăng cường nhiều sư đoàn pháo binh đột phá.

Còn nói đến các phương pháp hành động về sau, thì chúng có khác nhau. Khu vực Vi-tép-xcơ thì đã hoàn toàn rõ ràng, ở đây hình thái chiến dịch của quân đội xô-viết sẽ là hình thái đánh vu hồi, sâu vào trung tâm căn cứ này; vì vậy hợp lý hơn hết là bao vây kết hợp với chia cắt và tiêu diệt tập đoàn địch từng bộ phận một. Thuật ngữ “bao vây” dùng ở đây không có nghĩa như ở các hướng khác. Giống như trong chiến dịch “Ru-mi-an-txép”, phương pháp hành động ở đây phải rất thận trọng.

Kinh nghiệm rút ra từ chiến dịch lịch sử Xta-lin-grát và từ những chiến dịch lớn khác chứng minh rằng bao vây và tiêu diệt quân địch trong vòng vây tổn rất nhiều bộ đội và binh khí kỹ thuật, lại mất nhiều thời gian. Mà ở Bê-lô-ru-xi-a này thì bất kỳ một sự chậm trễ nào trên mặt trận tiến công rộng như vậy, cũng đều tạo cho địch khả năng điều những lực lượng dự bị lớn lên phía trước, để chống đỡ những đòn đột kích của ta. Đồng thời, chúng ta lại phải tính toán cả đến điều kiện địa hình rừng – đầm lầy của chiến dịch Bê-lô-ru-xi-a nữa: những điều kiện ấy không cho phép tổ chức một vòng vây dày đặc.

Trong tình huống cụ thể ấy, những phương pháp tiêu diệt địch như trước đây đều chưa thấy thích hợp. Cần phải nghĩ ra cái gì mới hơn kia. Chẳng hạn, đã nảy ra ý kiến là làm thế nào đánh tan đại bộ phận chủ yếu quân địch trong chiều sâu phòng ngự chiến thuật của chúng bằng những đòn đột kích pháo binh và không quân mạnh, hất tàn quân của chúng ra khỏi những trận địa thiết bị sẵn, đẩy chúng vào rừng và đầm lầy, ở đó, địch sẽ lâm vào tình trạng bất lợi hơn, vì ta sẽ tiến công chúng từ chính diện, ở hai bên sườn và trên không và có cả du kích ở phía sau lưng chúng nữa. Và kết quả thì cũng

sẽ như là đã hợp vây chúng và chúng ta cho rằng phương pháp hành động như vậy là tuyệt đối có lợi.

Vấn đề nhịp độ tiến công cũng được đặc biệt chú trọng trong khi xây dựng kế hoạch “Ba-gra-chi-on”. Rõ ràng, nhịp độ tiến quân của bộ đội tiến công mà cao, thì quân địch thật khó có thể tổ chức lại và tiến hành phòng ngự theo đúng kế hoạch của chúng, để rồi cuối cùng phải mất hẳn quyền chủ động phòng ngự và bị tiêu diệt hoàn toàn.

Nhưng muốn cho cuộc tiến công giữ nhịp độ cao, cần phải có những lực lượng cơ cộng, mà những lực lượng cơ động ấy thì trong thời gian xây dựng kế hoạch chiến dịch Bê-lô-ru-xi-a, chúng ta lại hầu như chưa có. Tất cả những tập đoàn quân xe tăng của ta đều ở bên cánh phía Nam của mặt trận Xô – Đức như trước.

Hơn nữa, chúng ta còn hiểu rõ là trên địa hình rừng – đầm lầy rất phức tạp của đất Bê-lô-ru-xi-a này, ta chỉ có thể sử dụng một số lượng tương đối nhỏ những đơn vị cơ động, chủ yếu là những trung đoàn, lữ đoàn, và quân đoàn xe tăng độc lập, giỏi lắm là một tập đoàn quân xe tăng.

Không còn nghi ngờ gì nữa là nếu trong biên chế của binh đoàn đang tiến công mà có một tập đoàn quân xe tăng, thì có thể làm cho nhịp độ tiến công của chiến dịch tăng rất nhanh. Thế là Bộ tổng tham mưu đã quyết định đưa vấn đề này ra khi thảo luận kế hoạch ở Đại bản doanh.

Kế hoạch được đem ra thảo luận tại Đại bản doanh ngày 22 và 23 tháng Năm, với sự tham gia của Gh. C. Giu-côp, A. M. Va-xi-lép-xki, tư lệnh bộ đội phương diện quân Pri-ban-tích 1 là I. Kh. Ba-gla-mi-an, tư lệnh bộ đội phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1 là C. C. Rô-cô-xốp-xki, các ủy viên Hội đồng quân sự của các phương diện quân trên, và cả các đồng chí A. A. Nô-vi-côp, N. N. Vô-rô-nôp, N. Đ. I-a-cô-vlép, A. V. Khơ-ru-li-ốp, M. P. Vô-rô-bi-ép, L. T. Pê-rê-xúp-kin và những cán bộ Bộ tổng tham mưu, đứng đầu là A. I. An-tô-nôp. I. Đ. Tséc-ni-a-khốp-xki ốm nên vắng mặt. I. E. Pê-tơ-rốp hoạt động trên hướng thứ yếu nên không được triệu tập đến Đại bản doanh.

Họp suốt hai ngày, cuối cùng hội nghị đề ra được mục tiêu của chiến dịch Bê-lô-ru-xi-a là bao vây và tiêu diệt những lực lượng lớn của Cụm tập đoàn

quân “trung tâm” trong khu vực Min-xơ. Bộ tổng tham mưu, như đã nói ở trên, không muốn dùng cái từ “bao vây”, nhưng các đồng chí có nói rõ thêm cho thống nhất cách hiểu rằng bao vây bằng cách đồng loạt tiêu diệt trước những tập đoàn hai bên sườn của địch là tập đoàn Vi-tép-xơ và Bô-brui-xơ và cả những lực lượng của chúng tập trung ở Mô-ghi-li-ốp nữa, rồi nhân thế mà mở ngay đường ra tới thủ đô của Bê-lô-ru-xi-a bằng hai hướng vu hồi hợp điểm.

Trong quá trình thảo luận ý định chiến dịch, đã xác định phần những tập đoàn đột kích của các phương diện quân, giải quyết vấn đề tăng cường các đơn vị cơ động cho những tập đoàn ấy. Cả đề nghị của Bộ tổng tham mưu về việc sử dụng một tập đoàn quân xe tăng trên hướng chủ yếu của phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 3 đã được thỏa mãn, và tập đoàn quân xe tăng cận vệ 5 được điều động đến đây. Chiều sâu và nhịp độ chiến dịch đều dự kiến là sẽ tăng lên ngay lúc tung các tập đoàn quân binh chủng hợp thành trong đội dự bị của Đại bản doanh vào hoạt động. Và, quyết định tiến công bắt đầu vào ngày 15-20 tháng Sáu.

I. Kh. Ba-gra-mi-an đề nghị hướng những nỗ lực của phương diện quân Pri-ban-tích 1 chủ yếu vào việc bảo đảm cho chiến dịch không bị Cụm tập đoàn quân “bắc” phản đột kích trở lại. Các đồng chí đã đồng ý với Ba-gra-mi-an. Nhiệm vụ của phương diện quân này có thay đổi một ít: nó không được quy định là sẽ tham gia trực tiếp vào việc bao vây quân địch ở phía Đông Min-xơ. Phương diện quân Pri-ban-tích 1 phải tiến công vu hồi từ phía Nam vào Pô-lat-xơ. Cắt những lực lượng chủ yếu của Cụm tập đoàn quân “bắc” ra khỏi cánh quân địch đang hoạt động ở khu vực chính giữa. Ngoài ra, lại có dự kiến giải quyết việc bảo đảm chiến dịch ở mặt phía Bắc bằng những hành động tích cực của phương diện quân Pri-ban-tích 2 nữa.

Còn sườn phía Nam thì chúng ta ít lo lắng hơn, vì miền Pô-lê-xi-ê sẽ bảo vệ chắc chắn cho nó, và mũi đột kích từ trung tâm ra sẽ hạn chế việc phản cơ động của quân địch, hơn nữa là trong quá trình chiến dịch “Ba-gra-chi-on”, phương diện quân U-crai-na 1 phải mở cuộc tiến công trên hướng

Lơ-vốp nên không cần phải tách những lực lượng lớn ra để bảo đảm cho mặt sườn ấy.

Phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 2 có nhiệm vụ kiềm chế quân địch càng nhiều càng tốt, không để cho bộ chỉ huy của bọn Hít-le sử dụng lực lượng của chúng chống lại mũi cơ động vu hồi của hai phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1 và 3. Về mặt này, I-van E-phi-mô-vích Pê-tơ-rốp đã có đầy đủ kinh nghiệm, và chúng ta có thể yên tâm được.

Ngày 24 tháng Năm, sau khi khỏi bệnh, I. Đ. Tséc-ni-a-khốp-xki đến Mát-xcơ-va. Cùng đi với đồng chí có ủy viên Hội đồng quân sự V. E. Ma-ca-rốp. Các đồng chí mang theo kế hoạch chiến dịch của phương diện quân do chính Gh. C. Giu-cốp cùng với A. M. Va-xi-lép-xki nghiên cứu và căn bản tán thành.

Nhưng ngày 25 tháng Năm, lúc báo cáo kế hoạch ở Đại bản doanh, phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 3 lại được đề nghị xây dựng kế hoạch mở hai mũi đột kích đồng thời vào hai hướng Bô-gu-sép-xcơ và Oóc-sa. I. Đ. Tséc-ni-a-khốp-xki, V. E. Ma-ca-rốp và chủ nhiệm hướng là đại tá V Ph. Me-rơ-nốp phải nghiên cứu suốt đêm kế hoạch ấy. Trong kế hoạch chiến dịch mới này, có nói rõ là phương diện quân được tăng cường tập đoàn quân xe tăng cận vệ 5 và một sư đoàn pháo binh đột phá.

Trước khi trời sáng, Tséc-ni-a-khốp-xki, Ma-ca-rốp và tôi đến “biệt thự xa” của Xta-lin trên đường phố Đê-mi-tơ-rô-xcôi-ê. Tổng tư lệnh tối cao nghe báo cáo của chúng tôi và phê chuẩn kế hoạch, không bổ sung gì thêm.

Sau đó, chúng tôi dốc hết tâm lực vào việc bảo đảm vật chất cho cuộc tiến công ở Bê-lô-ru-xi-a. Những đoàn tàu chở bộ đội, vũ khí, trang bị kỹ thuật và những vật tư quân sự khác ở khắp mọi nơi đổ về phía Bê-lô-ru-xi-a. Hai tập đoàn quân binh chủng hợp thành Crưm dần dần được điều tới. Chúng tôi cố tìm mọi cách giữ kín những việc ấy.

Ngày 21 tháng Năm, tư lệnh phương diện quân U-crai-na 4 nhận lệnh phải tuân thủ những biện pháp giữ bí mật hết sức nghiêm ngặt trong việc chuyên chở bằng đường sắt. Cấm chỉ việc trao đổi thư từ về vấn đề này và gần như đình hẳn việc đi công tác về Mát-xcơ-va của các sĩ quan và tướng

lĩnh. Ở các ga, cứ tàu đến là các đội tuần tra nhanh chóng vây chặt lấy đoàn tàu; người ra khỏi toa phải có lệnh. Các cơ quan đường dây của cục giao thông vận tải quân sự và cán bộ trong Bộ dân ủy giao thông cũng không được thông báo gì hết ngoài số liệu của đoàn tàu.

Lúc bắt đầu điều động tập đoàn quân xe tăng cận vệ 5, thì phát hiện ra rằng các đồng chí ở phương diện quân U-crai-na 2 muốn giữ lại một phần xe tăng và những trung đoàn pháo tự hành. Ý muốn của phương diện quân cố nhiên cũng có thể hiểu được, nhưng làm yếu tập đoàn quân là sai với dự tính của Bộ tổng tham mưu. Vì vậy, phương diện quân U-crai-na 2 nhận được chỉ thị sau đây:

“Điều tập đoàn quân xe tăng cận vệ 5 đi thì phải có trong biên chế quân đoàn của Vốp-tsen-cô và quân đoàn của Ki-ri-tsen-cô với toàn bộ số người, vật chất, khí tài và tài sản. Cả hai quân đoàn đều phải có ít nhất là 300 xe tăng”.

Trong khi thực hiện việc điều động bộ đội và tích lũy những phương tiện vật chất cần thiết cho cuộc tiến công sắp tới chúng tôi luôn luôn lo lắng đến khâu vận tải bằng đường sắt. Khâu này rất nặng và có thể làm cho chúng ta gặp khó khăn. Những ý nghĩ về việc phải kịp thời hoàn thành việc chuyên chở bằng đường sắt tựa hồ chiếc đinh nhọn cắm vào xương tủy của cán bộ Cục tác chiến Bộ tổng tham mưu.

Chúng tôi đã báo cáo nhiều lần mối lo lắng ấy với Xta-lin. Nhưng Tổng tư lệnh tối cao tin vào bộ trưởng Bộ dân ủy giao thông, và ít lâu sau đồng chí cũng phát hiện ra rằng chính mình đã đánh giá quá cao những khả năng của đồng chí đó. Đường sắt không giải quyết được nhiệm vụ đúng thời hạn, nên chiến dịch mở ra chậm mất mấy ngày.

Song song với công tác lớn là tập trung bộ đội và những thư dự trữ cho cuộc tiến công ở Bê-lô-ru-xi-a, cố nhiên chúng tôi vẫn phải tiếp tục hoàn chỉnh mọi chi tiết tác chiến của kế hoạch chiến cục mùa hè nói chung. Bộ tổng tham mưu nghiên cứu những ý kiến về các chiến dịch Vư-boóc-gơ và Via – Pê-tơ-rô Đa-vốt-xcơ, do bộ tư lệnh phương diện quân Lê-nin-grát,

đứng đầu là đại tướng L. A. Gô-vô-rốp và bộ tư lệnh phương diện quân Ca-rê-li-a, đứng đầu là đại tướng K. A. Mê-rét-xcốp gửi lên.

Như đã nói ở trên, mọi người đều tin chắc vào kết cục thắng lợi của hai phương diện quân và chuỗi chiến thắng của Quân đội tiên Xô trong mùa hè năm 1944 sẽ bắt đầu bằng những hành động của các phương diện quân ấy. Sau đó, thắng lợi nối tiếp thắng lợi sẽ truyền qua tay bộ đội trên hướng chủ yếu là hướng Bê-lô-ru-xi-a và trong quá trình tiến công, lại truyền sang những tập đoàn quân của phương diện quân U-crai-na 1 hiện đang dưới quyền chỉ huy của I. X. Cô-nép.

Quy mô những hành động tích cực của quân đội xô-viết phải tăng lên không ngừng như vậy, để cho cuộc tiến công của ta đến cuối mùa hè sẽ biến thành tảng tuyết lở từ trên núi xuống như vũ bão cuốn phăng mọi chướng ngại, làm cho bộ máy chiến tranh của Đế chế thứ ba không thể nào đứng vững được nữa. Chính phủ chúng ta không giấu giếm các nước đồng minh của mình về việc đó.

Ngày 30 tháng Năm, những ý định tác chiến của Bộ tổng tư lệnh tối cao Liên Xô đã được thể hiện hoàn chỉnh trên bản đồ của Bộ tổng tham mưu. Ngày 31 tháng ấy, đã ra những chỉ thị thích hợp cho các phương diện quân, và đến ngày 6 tháng Sáu thì I. V. Xta-lin viết cho U Sốc-sin:

“Cuộc tiến công mùa hè của quân đội xô-viết tổ chức theo thỏa ước ở hội nghị Tê-hê-ran, đến giữa tháng Sáu sẽ bắt đầu trên một trong những khu vực quan trọng của mặt trận.

Cuộc tổng tiến công của quân đội xô-viết sẽ triển khai thành từng giai đoạn liên tục điều những tập đoàn quân bước vào những chiến dịch tiến công. Cuối tháng Sáu và trong tháng Bảy, các chiến dịch tiến công sẽ biến thành cuộc tổng tiến công của quân đội xô-viết”.

Bức thông điệp ấy mang nội dung xác thực và khá chi tiết về những ý định tác chiến của chúng ta.

Tiếp theo chỉ thị về cuộc tiến công ở Bê-lô-ru-xi-a, các đồng chí đại diện của Đại bản doanh lập tức xuống ngay các mặt trận. Trước hết, các đồng chí có nhiệm vụ kiểm tra xem chỉ thị có được hiểu đúng đắn không, tất cả các

đồng chí tư lệnh đã rõ nhiệm vụ của mình chưa và có hiểu như nhau không. Rồi các đồng chí đại diện của Đại bản doanh phải cùng với bộ tư lệnh và các cơ quan tham mưu phương diện quân nghiên cứu những phương pháp tốt nhất để sử dụng các lực lượng và phương tiện sẵn có, tổ chức hiệp đồng và sau đó là kiểm tra chặt chẽ việc chấp hành kế hoạch đã được phê chuẩn. Các đồng chí còn có nhiệm vụ giúp đỡ các phương diện quân bảo đảm vật chất – kỹ thuật cho chiến dịch.

Gh. C. Giu-cốp có nhiệm vụ phối hợp những hoạt động của các phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1 và 2. A. M. Va-xi-lép-xki được cử xuống phối hợp những hành động của phương diện quân Pri-ban-tích 1 với phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 3, là những phương diện quân mà các đồng chí tư lệnh còn chưa đủ kinh nghiệm tổ chức và tiến hành những chiến dịch của phương diện quân theo quy mô lớn. Tséc-ni-a-khốp-xki trước đó nói chung chưa chỉ huy phương diện quân. Vì vậy, A. M. Va-xi-lép-xki không những chỉ có thiên tài của một vị chỉ huy quân sự lớn, mà lại còn có tính cách của một nhà giáo dục, đến đây rất có ích.

Tôi được cử đến phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 2, đứng đầu nhóm sĩ quan của Bộ tổng tham mưu. Tình hình công tác của tôi có đôi nét độc đáo: một mặt tôi trực thuộc quyền đồng chí Gh. C. Giu-cốp, đại diện của Đại bản doanh, nhưng mặt khác tôi lại có quyền quan hệ trực tiếp với Tổng tham mưu trưởng và cùng với đồng chí giải quyết tất cả những vấn đề trong quá trình chuẩn bị chiến dịch.

Song song với việc phải hoàn thành nhiều nhiệm vụ khác, tôi còn nhiệm vụ cùng với đồng chí G. Ph. Da-kha-rốp, tư lệnh mới của phương diện quân vừa được chỉ định thay I. E. Pê-tơ-rốp, tiến hành mọi công việc đưa phương diện quân đi vào nề nếp và giúp đồng chí ít nhất là trong thời kỳ đầu. Trong nhóm sĩ quan Bộ tổng tham mưu còn có thượng tướng I-a. T. Tsê-rê-vi-tsen-cô, chủ yếu đến để tổ chức kiểm tra việc huấn luyện chiến đấu.

Việc thay thế I. E. Pê-tơ-rốp là do chỉ thị riêng của I. V. Xta-lin. Một hôm, tôi cùng với An-tô-nốp đến báo cáo thường kỳ ở Đại bản doanh. Tổng tư lệnh tối cao nói là I. D. Mê-khơ-li-xơ, ủy viên Hội đồng quân sự phương

diện quân Bê-lô-ru-xi-a 2, có viết thư cho đồng chí biết rằng tính khí nhu nhược và sự bất lực của Pê-tơ-rốp không thể bảo đảm chiến dịch thắng lợi được. Mê-khơ-li-xơ còn báo cáo là Pê-tơ-rốp có vẻ bệnh hoạn, hay lui tới bác sĩ, mất rất nhiều thì giờ.

Việc này hoàn toàn bất ngờ đối với chúng tôi. Chúng tôi biết I. E. Pê-tơ-rốp là một người chỉ huy chiến đấu quên mình, toàn tâm toàn ý cống hiến cho sự nghiệp, là một người chỉ huy quân sự rất sáng suốt, một con người rất tốt, đồng chí đã bảo vệ Ô-đét-xa, Xê-va-xtô-pôn, xây dựng phòng ngự ở Tê-rếch. Tôi nhiều lần được công tác bên cạnh đồng chí trong Cụm Biển Đen, trong phương diện quân Bắc Cáp-ca-dơ, trong tập đoàn quân độc lập miền Duyên hải và tôi vững tin vào phẩm chất đảng viên cũng như phẩm chất người chỉ huy của đồng chí.

Có lẽ, Xta-lin có một định kiến nào đấy đối với Pê-tơ-rốp. Mới tháng Giêng, I. E. Pê-tơ-rốp bị thôi giữ chức tư lệnh tập đoàn quân độc lập miền Duyên hải, sang tháng Năm đồng chí được cử giữ chức vụ cao hơn là tư lệnh phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 2, và một tháng rưỡi sau lại bị bãi chức; rồi qua hai tháng nữa, đến ngày 5 tháng Tám cũng năm 1944 ấy, đồng chí lại được cử giữ chức tư lệnh phương diện quân, và lần này là tư lệnh phương diện quân U-crai-na 4.

Trung thực mà nói thì Pê-tơ-rốp đã dũng cảm chịu đựng những thử thách ấy và ở bất kỳ cương vị nào đồng chí cũng đã cống hiến cho Tổ quốc tất cả những cái gì mình có: tri thức, kinh nghiệm và sức khỏe.

Người kế tục I. E. Pê-tơ-rốp ở phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 2 là thượng tướng G. Ph. Da-kha-rop, một người tính tình dễ thay đổi, sôi nổi không đúng mức. Tôi rất lo ngại về việc đồng chí sẽ luận giải theo ý mình kế hoạch chiến dịch đã được Đại bản doanh phê chuẩn, gây khó khăn trong mối quan hệ với tham mưu trưởng phương diện quân là trung tướng A. N. Bô-gô-liu-bốp, một cán bộ có kinh nghiệm, nhưng cũng rất nóng tính. Thêm nữa L. D. Mê-khơ-li-xơ lại vẫn ở đây

Nhiệm vụ của tôi thật không dễ dàng: phải làm sao cho việc thay thế các đồng chí tư lệnh không gây hậu quả nghiêm trọng. Tại đài chỉ huy của

phương diện quân, chính I. E. Pê-tơ-rốp tự mình báo cáo tình huống và kế hoạch những hành động sắp tới. Tôi có mặt trong buổi báo cáo ấy.

Trong biên chế của phương diện quân lúc này có ba tập đoàn quân binh chủng hợp thành: tập đoàn quân 33 do trung tướng V. Đ. Cri-u-tren-kin chỉ huy, tập đoàn quân 49 do trung tướng I. T. Gri-sin chỉ huy và tập đoàn quân 50 của trung tướng I. V. Bôn-đin. Thượng tướng không quân K. A. Véc-si-nhin, mà tôi biết khi ở Cu-ban và Crưm, chỉ huy tập đoàn quân không quân. Bộ máy chỉ huy phương diện quân khá vững; nòng cốt của nó là những tướng lĩnh và sĩ quan đã trải qua nhiều kinh nghiệm chiến đấu và thông thạo công việc của mình.

Nghĩ tới tâm trạng của I. E. Pê-tơ-rốp, ta có thể lo là khi báo cáo, đồng chí sẽ không tiếc lời nói đến những hoàn cảnh phức tạp, phóng đại những khó khăn lên. Thật tôi chẳng muốn như thế chút nào, vì như thế thì chỉ làm cho người tư lệnh mới dâm ra thiếu tin tưởng. Nhưng không có gì xảy ra hết. Mọi việc vẫn bình thường. Pê-tơ-rốp báo cáo với thái độ rất chính trực. Đối với đồng chí, cả trong trường hợp ấy lợi ích công tác được đặt lên trên hết, còn những xúc phạm cá nhân thì đều gạt sang một bên.

Qua báo cáo, không thấy có chỗ nào khó hiểu, hoặc thiếu rõ ràng, minh bạch về nhiệm vụ của phương diện quân và những phương pháp giải quyết nhiệm vụ đó. Giá như nửa tháng trước đây, Đại bản doanh nhận được những ý kiến chín chắn như vậy của phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 2 thì việc này làm sao lại có thể xảy ra được.

Mục tiêu tiến công hiện ra rất chính xác: tiêu diệt cụm Mô-ghi-li-ốp của địch và tiến ra sông Bê-rê-di-na. Hướng đột kích chủ yếu và đoạn đột phá được chọn đúng theo nguyên tắc là từ khu vực Đô-ri-bin, Đét-nhi-a, Ri-át-xna, vu hồi mặt phía Bắc vào Mô-ghi-li-ốp chia cắt những đơn vị địch đang chống cự và tiêu diệt chúng từng bộ phận một. Trong quá trình phát triển đột kích, dự kiến sẽ chiếm căn cứ bàn đạp bên bờ Tây sông Đni-ép-rơ ở phía Bắc Mô-ghi-li-ốp và đánh chiếm thành phố.

Bây giờ, Bộ tổng tham mưu chỉ không đồng ý về việc tập kết những lực lượng của phương diện quân và việc cơ động có phần nào rắc rối, phức tạp

khi đột phá phòng ngự địch. Chẳng hạn tập đoàn quân 49 không những chỉ đột kích chỗ yếu mà còn làm cả nhiệm vụ đột kích thứ yếu vào Bô-rơ-đi-ni-tri, Gô-rơ-bô-vi-tri, Xlô-bốt-ca. Những tập đoàn quân khác thì hành động trên những hướng của mình và kết quả là làm cho lực lượng của phương diện quân bị phân tán, có hại tới kết cục của chiến dịch; cho nên tất nhiên không thể cho phép làm như vậy

Vì thế, trong chỉ thị đề ngày 31 tháng Năm, Đại bản doanh trực tiếp đề nghị là phải có ít nhất 11 hay 12 sư đoàn cùng với những phương tiện tăng cường trên hướng chủ yếu và đột kích thành một mũi chung; như vậy sẽ tập trung được những nỗ lực cần thiết của phương diện quân và bảo đảm đột phá vào toàn bộ chiều sâu hệ thống phòng ngự của địch.

Lúc bàn giao phương diện quân cho tư lệnh mới, Pê-tơ-rốp nói thẳng những điều ấy, hơn nữa còn nhấn mạnh tính chất hợp lý rõ rệt của những điểm mà Đại bản doanh đã sửa chữa và bổ sung. Sau đó, hội nghị lần lượt nghe những báo cáo của tham mưu trưởng, tư lệnh các binh chủng, chủ nhiệm các cơ quan. Xong, I-van E-phi-mô-vích Pê-tơ-rốp chia tay với mọi người và lên đường.

Sáng hôm sau, đồng chí tư lệnh mới đi vào tìm hiểu bộ đội. Chúng tôi cùng nhau xuống tập đoàn quân 49 và xem xét ngay tại trận địa hai trung đoàn trong các sư đoàn bộ binh 290 và 95. Cả hai trung đoàn đều đưa lại cho chúng tôi một ấn tượng dễ chịu: biên chế được kiện toàn đầy đủ, bộ đội được huấn luyện tốt.

Tuy vậy, điều làm cho chúng tôi sửng sốt là trong các phân đội chiến đấu hầu như hoàn toàn không có ai được Chính phủ khen thưởng cả. Thậm chí có những chiến sĩ, trung sĩ, trung đội trưởng, đại đội trưởng và tiểu đoàn trưởng đã ở trong hàng ngũ ngay từ ngày đầu của cuộc chiến tranh và đã nhiều lần chiến đấu rất dũng cảm, bị một số thương tích, mà vẫn chưa được tặng thưởng huân chương và huy chương. Trái lại, trong các đơn vị hậu cần, số người được khen thưởng thấy khá nhiều. Tất nhiên, tôi đã cố gắng với tất cả khả năng của mình để sửa chữa tình trạng không công bằng ấy.

Đúng như chúng tôi dự kiến, Da-kha-rôp tuyên bố ngay rằng ở đây cái gì cũng đều xấu cả và buộc đồng chí phải sửa chữa lâu dài những khuyết điểm của người khác. Tiếp theo đó đồng chí phản đối cả hướng đột kích chủ yếu của cuộc tiến công đang chuẩn bị.

Bên ngoài thì những lý lẽ của đồng chí nghe như rất hợp với lô-gích: tại sao lại buộc bộ đội phải vượt sông Prô-nhi-a trong quá trình tiến công, trong khi tập đoàn quân 50 bạn đã có một căn cứ bàn đạp sẵn sàng rồi? Da-kha-rôp yêu cầu chuyển những nỗ lực của phương diện quân vào dải của tập đoàn quân 50 mà không chịu nghiên cứu ngoài thực địa.

Trong khi đó, ở khu vực căn cứ bàn đạp thì địa hình lại bị địch khống chế không cho phép ta sử dụng được triệt để lực lượng đột kích chủ yếu là pháo binh. Còn trên địa đoạn đột phá do Pê-tơ-rôp quy định và đã được Bộ tổng tham mưu tán thành thì pháo binh có đủ khả năng chế áp chắc chắn toàn bộ vùng chiến thuật phòng ngự của địch, cho nên càng thấy rõ sự cần thiết phải vượt sông. Mà con sông Prô-nhi-a này cũng chẳng phải là vật chướng ngại nghiêm trọng lắm.

Mãi tới khi tôi đã trình bày tất cả những ý kiến trên và tuyên bố dứt khoát rằng: quyết định này đã được Đại bản doanh phê chuẩn và muốn thay đổi đi mà không được sự đồng ý của Đại bản doanh là không được, thì Da-kha-rôp mới chịu thu mình lại, xin rút ý kiến.

Một việc không dễ chịu thứ hai nữa cũng xảy đến do đồng chí vào ngày 7 tháng Sáu. Hôm ấy ở đài chỉ huy của I. T. Gri-sin có triệu tập một cuộc họp các tư lệnh quân đoàn và sư đoàn, để nghe báo cáo của các đồng chí ấy về tình huống và giao một số nhiệm vụ huấn luyện cho bộ đội và những cơ quan chỉ huy chuẩn bị cho tiến công.

Hội nghị họp trong căn lán kiểu như lán quân y. Mọi người đều chú ý nhìn đồng chí tư lệnh mới. G. Ph. Da-kha-rôp bắt gặp những cái nhìn ấy và mở đầu hội nghị bằng chuyện kể chi tiết về tiểu sử của mình, nhất là các chặng đường chiến đấu đã qua. Bỗng nhiên, chẳng rõ vì nguyên cớ gì, đồng chí chuyển sang nghị luận về sự khác nhau giữa cuộc họp trong chiến đấu với

các hội nghị thông thường. Cái từ “chiến đấu” được nhấn mạnh rất hăng, rồi sau đó đồng chí kéo một hơi:

- Ở đây tôi sẽ nói, còn các đồng chí thì chỉ có nghe và ghi những chỉ thị của tôi.

Đồng chí tư lệnh yêu cầu chứng minh ngay tại trận là mọi người sẽ ghi chép vào đâu. Những cánh tay cầm những tờ giấy và sổ tay rách nát giở lên. G. Ph. Da-kha-rốp liền ra lệnh phải phát ngay những cuốn sổ công tác đã đóng sẵn và giải thích khá dài dòng về tác dụng của những quyển sổ ấy.

Tất nhiên là mọi người đều được phát những cuốn sổ đó để chuẩn bị ghi những chỉ thị, nhưng nào có thấy chỉ thị gì. Thay cho việc ra chỉ thị, đồng chí tư lệnh bèn chỉ định một số người tham gia hội nghị đứng dậy, và lần lượt hỏi từng người một về điều lệnh, về chiến thuật chiến đấu binh chủng hợp thành. Nhiều đồng chí nhâm lẩn, trả lời sai. Da-kha-rốp lại càng nóng tiết và đi tới chỗ nói năng thô bạo. Không khí thật căng thẳng, cần phải tìm cách ra khỏi tình trạng này. Nhận thấy hội nghị đã khá dài, tôi bèn đề nghị tạm ngừng để giải lao.

Trong lúc các đồng chí tư lệnh các quân đoàn, sư đoàn ra khỏi lều hút thuốc và dè dặt trao đổi cảm tưởng với nhau, tôi đã kịp thời góp ý với Da-kha-rốp. Tôi cố thuyết phục đồng chí là không nên tiếp tục giữ mãi tinh thần và thái độ như vậy. Sau khi nghỉ giải lao, đồng chí có thay đổi, nói chuyện thiết thực hơn, và chỉ thị nhiều điều quan trọng nhằm chuẩn bị đột phá phòng ngự địch.

Dù hội nghị lúc ban đầu không được dễ chịu cho lắm, nhưng về sau giữa đồng chí tư lệnh mới với các thính giả đã bắt đầu có sự thông cảm. Các đồng chí chỉ huy đã bình tĩnh lại và chăm chú nghe.

Nhưng đến khi đồng chí tư lệnh lấy cuốn “Sổ tay đột phá phòng ngự” ghi lại những trận chiến đấu ở Crum ra làm mẫu mực cho mọi người noi theo, mà lại không bổ khuyết gì thêm, thì mọi người lại xôn xao lên. Như thế cũng dễ hiểu thôi, vì ở Ta-vri-a địa hình toàn là đồng cỏ, bằng phẳng như mặt bàn, trận địa của hai bên trên mặt trận của tập đoàn quân cận vệ 2, do Da-kha-rốp chỉ huy ở đây, gần như giáp sát nhau. Trong tình huống ấy, cuốn “Sổ tay”

khuyên người ta phải áp dụng bước lao nhanh vượt qua khoảng cách đến chiến hào địch ngay sau khi pháo chuyển làn bắn, điều đó là hợp lý.

Nhưng ở đây, trên đất Bê-lô-ru-xi-a này, phía trước tiền duyên của chúng ta là dải đất trũng thấp của con sông Prô-nhi-a rộng đến 2 ki-lô-mét, mà địch lại bố trí ngay ở bờ bên kia có rừng che khuất, thì không thể nào áp dụng phương pháp lao nhanh băng qua khoảng trống như vậy được. Bởi thế, những phương pháp hành động ấy đem dùng ở Ta-vri-a thì đúng, nhưng không thích hợp ở đây.

Trước cảnh xôn xao của cử tọa, đồng chí tư lệnh nói chữa là phải có sáng tạo khi vận dụng bất kỳ kinh nghiệm nào. Cuốn “Sổ tay” mang từ Crum đến thế là thôi không phát nữa, và hội nghị kết thúc bình thường. Về sau này, G. Ph. Da-kha-rốp lại say sưa theo dõi những phương pháp hành động của bộ đội luôn luôn đáp ứng với những điều kiện của tình huống, phù hợp với những đặc điểm của tình hình.

Việc chọn những phương pháp hành động hợp lý nhất của bộ đội trong cuộc tiến công sắp tới đã được các đồng chí tư lệnh các cấp, đặc biệt quan tâm. Cơ quan tham mưu nào cũng suy nghĩ đến vấn đề ấy. Cả các đồng chí đại diện Đại bản doanh đã làm việc rất nhiều về mặt này.

Chẳng hạn, Gh. C. Giu-cốp ít ra cũng suốt hai tuần liền làm việc từ sáng sớm đến tận đêm khuya, nghiên cứu vấn đề: làm thế nào để kết liễu số phận quân địch ở khu vực Bô-brui-xcơ một cách tốt nhất?

Để tìm câu giải đáp, Ghê-oóc-ghi Côn-xtan-ti-nô-vích Giu-cốp đã xuống cánh phải của phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1, ở phía Bắc miền Pô-lê-xi-e, cùng với C. C. Rô-cô-xốp-xki triệu tập hội nghị, lấy ý kiến của các tư lệnh tập đoàn quân P. I. Ba-tốp, A. V. Goóc-ba-tốp, P. L. Rô-ma-nen-cô, X. I. Ru-đen-cô. Đồng chí chủ nhiệm pháo binh phương diện quân V. I. Ca-da-côp và chủ nhiệm bộ đội xe tăng thiết giáp G. N. Ô-ren cũng được mời đến họp.

Sau khi nghiên cứu đặc điểm địa hình và hệ thống phòng ngự của địch, mọi người thông nhất ý kiến là: nếu ta chiếm được ở đây một khu vực rộng trong hệ thống phòng ngự của địch, và sau khi đột phá, hợp vây được quân Đức, thì cơ sở của toàn bộ tập đoàn của chúng ở Bê-lô-ru-xi-a sẽ bị bóc trần và hệ thống phòng ngự của chúng sẽ bị sụp đổ hoàn toàn. Nhưng muốn làm được việc ấy thì phải tin tưởng triệt để là ta sẽ thực hiện được việc bao vây trong một thời gian ngắn, và cũng chỉ trong một thời gian không lâu, quân địch sẽ bị tiêu diệt. Còn trong trường hợp để chiến dịch kéo dài ra, thì nó sẽ kéo theo nhiều hậu quả nặng nề.

Đồng chí đại diện của Đại bản doanh làm việc ngoài thực địa trong dải của từng tập đoàn quân, cân nhắc nhiều điều, tính toán kỹ lưỡng những phương án của chiến dịch, cuối cùng thừa nhận dứt khoát rằng phương pháp

giải quyết nhiệm vụ của phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1 – bao vây địch ở khu vực Bô-brui-xcơ rồi tiếp đó tiêu diệt quân bị bao vây của chúng – là phương pháp tốt nhất. Vấn đề đầu đầu này, có thể nói mãi đến ngày 19 tháng Sáu mới được giải quyết.

Trên những hướng khác, tình hình cũng tương tự như vậy. Chẳng hạn ở phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 3 và phương diện quân Pri-ban-tích 1, A. M. Va-xi-lép-xki đang công tác ở đây và nghiên cứu rất cẩn thận tình huống trong dải của từng tập đoàn quân.

Chúng ta lại đặc biệt quan tâm tới phương pháp sử dụng các binh chủng, nhất là pháo binh và không quân. Vì căn cứ ý định của chiến dịch, pháo binh và không quân bắt buộc phải đột kích hỏa lực vào vùng phòng ngự chiến thuật của quân Đức, để cho quân ta nhanh chóng thọc vào vùng phòng ngự chiến dịch của chúng.

Tất cả, từ các đồng chí đại diện Đại bản doanh và tư lệnh phương diện quân tới các đại đội trưởng và khẩu đội trưởng đều nghĩ cách làm sao để pháo bắn chuẩn bị xung phong được tốt hơn. Ta đã áp dụng mọi biện pháp để xác định cho thật rõ những mục tiêu quan trọng nhất, tính toán những khả năng của màn lưới pháo binh các loại, những biện pháp tiến hành hỏa lực, xác định những điều kiện và nội dung hiệp đồng giữa pháo binh, không quân, xe tăng và bộ binh.

Vì thế đã ra đời những kiểu bắn ứng dụng thật đặc sắc. Như ở phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 2 đã thiết kế ra một kiểu bắn gọi là “phi lôi”, rất đơn giản. Các đồng chí dùng đai thùng bằng sắt lắp một thùng gỗ tròn có hình dạng hợp với khí động học vào đầu đạn phản lực M- 13. Trong thùng có chứa chất nổ tô-lít lỏng. Trọng lượng chung của trái phi lôi từ 100 tới 130 ki-lô-gam. Các đồng chí lắp một bộ phận điều chỉnh vào phía đuôi “phi lôi” để giữ thăng bằng khi bay. Khi phóng thì dùng một chiếc hòm gỗ, trong đặt hai thanh sắt làm đà trượt; hòm đặt xuống một hố đào sẵn, chéch với góc độ phóng tương ứng. Tùy ý ta, có thể phóng “phi lôi” từng loạt, 5 đến 10 trái một lúc cũng được.

Ngày 9 tháng Sáu, chúng ta đã tiến hành bắn thử: bắn 26 trái, từng trái một và bắn từng loạt. Cự ly đạn rơi xa tới 1.400 mét, với tiếng nổ cực mạnh, và đào thành một hố đạn đường kính 6 mét, sâu 3 mét trên đất sét. Bộ tư lệnh phương diện quân cho việc sử dụng những trái “phi lôi” này vào giai đoạn pháo bắn chuẩn bị là hợp lý, và ít ra cũng phải dùng tới 2.000 trái.

Như vậy là phải kiểm cho ra một số đạn phản lực M-13 tương đương. Lúc này, tất cả các phương diện quân đều cần đến những đạn phản lực ấy, cho nên phải dựa vào uy tín của Bộ tổng tham mưu mới xong. Kết quả là có đủ số đạn và những trái “phi lôi” tự tạo đã góp phần thắng lợi cho uy lực của đòn đột kích hỏa lực vào hệ thống phòng ngự địch.

Chúng ta cũng đã nghĩ nhiều đến việc sử dụng xe tăng. Địa hình ở đây gây nhiều khó khăn cho xe tăng cơ động vì toàn là rừng và đầm lầy. Trong điều kiện đó, đã có nhiều đồng chí cho rằng chỉ có thể sử dụng xe tăng thành từng phân đội nhỏ, làm nhiệm vụ trực tiếp chi viện cho bộ binh. Nhưng như vậy lại sinh ra nguy cơ phải xé nhỏ những quân đoàn xe tăng: đó là điều mà chúng ta không được phép làm. Bộ tổng tham mưu vẫn tin chắc rằng: muốn phát triển chiến dịch thắng lợi thì nhất thiết phải tập trung những mũi đột kích của xe tăng vào sâu trong tung thâm.

Số xe tăng cần thiết cấp bách nhất cho hai tập đoàn quân 28 và 48 để trực tiếp chi viện cho bộ binh được giải quyết bằng cách lấy những trung đoàn xe tăng độc lập và pháo tự hành. Vì vậy những quân đoàn xe tăng vẫn được giữ nguyên vẹn và sau đó đã hành động với hiệu lực cao trên hướng Bô-brui-xcơ và Xlút-xcơ.

Đối với tập đoàn quân xe tăng cận vệ 5 thì vấn đề số xe tăng cũng được giải quyết đúng. Tập đoàn quân xe tăng cận vệ 5 là một binh đoàn chiến dịch mạnh, có những cán bộ và chiến sĩ giàu kinh nghiệm. P. A. Rốt-mi-xtơ-rốp làm tư lệnh tập đoàn quân này. Ý định lúc ban đầu là cho tập đoàn quân bước vào hành động ngay sau khi đột phá phòng ngự chiến thuật của địch, để phát triển thắng lợi trên hướng Oóc-sa, hồi đó được coi là hướng chủ yếu.

Nhưng ngày 17 tháng Sáu, trong khi thảo luận báo cáo của A. M. Va-xi-lép-xki về kế hoạch hành động của các phương diện quân Pri-ban-tích 1 và

Bê-lô-ru-xi-a 3 ở chỗ Tổng tư lệnh tối cao, ta thấy là hướng Oóc-sa ít triển vọng. Vì vậy, mới nảy ra ý kiến là có thể sử dụng tập đoàn quân xe tăng ở phía Bắc Oóc-sa trong dải của tập đoàn quân binh chủng hợp thành 5, vì ở đây trận địa quân Đức yếu hơn. Dự kiến cũng vẫn là đưa xe tăng vào giao chiến, sau khi đột phá phòng ngự chiến thuật của địch.

Lựa chọn phương án sử dụng xe tăng hợp lý nhất thuộc quyền đồng chí đại diện Đại bản doanh, còn thời gian giao tập đoàn quân xe tăng cho phương diện quân thì do Bộ tổng tham mưu chịu trách nhiệm và phải được chính Tổng tư lệnh tối cao phê chuẩn. Như vậy, cho đến khi làm thật rõ vấn đề sử dụng tập đoàn quân xe tăng ở đâu là tốt nhất và vào thời gian nào thì Đại bản doanh vẫn trực tiếp nắm tập đoàn quân ấy.

Việc phát triển thắng lợi chiến dịch ở phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 2 được tiến hành theo những phương pháp khác, phương diện quân không có những binh đoàn xe tăng lớn. Nhưng nghiên cứu kỹ nhiệm vụ mới, ta thấy rằng nếu không có tập đoàn cơ động thì phương diện quân cũng khó làm trọn nhiệm vụ. Vì vậy, yêu cầu phải có tập đoàn cơ động, trước hết là để sử dụng vào thời cơ quyết định, thọc sang bờ phía Tây Sông Đni-ép-rơ, ở phía Bắc Mô-ghi-li-ốp, chiếm lấy căn cứ bàn đạp và chốt tại đây, chờ những lực lượng chủ yếu của tập đoàn quân 49 tiếp cận đến. Chúng tôi lo rằng nếu không thì địch có thể rút quân về tăng cường cho phòng ngự để cố thủ bên bờ sông Đni-ép-rơ.

Tập đoàn cơ động của ta được thành lập, với biên chế gồm 1 sư đoàn bộ binh, 2 lữ đoàn xe tăng, 1 lữ đoàn pháo tiêm kích chống tăng và những phân đội đặc chủng khác. Tướng A. A. Ti-u-rin, phó tư lệnh tập đoàn quân 49, chỉ huy tập đoàn cơ động ấy. Trong quá trình chiến dịch, đồng chí thực sự đã chỉ huy tập đoàn của mình tiến lên phía trước, tiến công vượt sông Đni-ép-rơ trong khu vực Đô-bơ-rây-ca và hiệp đồng với tập đoàn quân không quân 4 đánh lui những đợt phản xung phong của địch, tạo điều kiện cho toàn thể tập đoàn đột kích của phương diện quân tiến công.

Chúng ta đã đặt hy vọng rất lớn vào không quân trên tất cả các hướng. Chuẩn bị tiến công trong điều kiện địa hình rừng – đầm lầy, ta không thể

không dự kiến rằng lúc bắt đầu truy kích địch, pháo binh của ta sẽ phải tụt lại sau. Vì không có những đường hành quân riêng cho pháo binh, nên dù muốn hay không, để cho pháo cơ động thay đổi trận địa hỏa lực cũng phải sử dụng những con đường mà bộ đội các binh chủng đã đi chập như nêm. Vì vậy, khó lòng tránh khỏi bị giảm sút hỏa lực của pháo binh chi viện lúc phát triển thẳng lợi. Cho nên chỉ có không quân mới bù vào chỗ trống này được.

Ngày từ ngày 7 tháng Sáu, A. M. Va-xi-lép-xki đã cùng với I. Đ. Tséc-ni-a-khốp-xki và phó tư lệnh các lực lượng không quân Ph. I-a. Pha-la-lê-ép nghiên cứu chi tiết kế hoạch tiến công bằng không quân. Tuy vậy, về sau có bổ sung thêm những điều sửa đổi quan trọng, vì Gh. C. Giu-cốp nảy ra ý định sử dụng không phải chỉ không quân của phương diện quân, mà cả không quân hoạt động tầm xa nữa, để góp sức vào việc tiêu diệt Cụm tập đoàn quân “trung tâm” của địch.

Ngày 10 tháng Sáu, theo đề nghị của Ghê-oóc-ghi Côn-xtan-ti-nô-vích Giu-cốp, Tổng tư lệnh tối cao cử tư lệnh các Lực lượng không quân A. A. Nô-vi-cốp đến Bê-lô-ru-xi-a. Sau đó, cả đồng chí tham mưu trưởng các Lực lượng không quân X. A. Khu-đi-a-cốp, tư lệnh A. E. Gô-lô-va-nốp và phó tư lệnh không quân hoạt động tầm xa N. X. Xcơ-ríp-cô cũng đến đấy.

Ngày 19 tháng Sáu, dưới sự lãnh đạo của Gh. C. Giu-cốp, với sự tham gia của chủ nhiệm Tổng cục pháo binh N. Đ. Ia-côp-lép và của hai đồng chí tư lệnh các tập đoàn quân không quân X. I. Ru-đen-cô và C. A. Véc-si-nhin đã chuẩn xác dứt khoát việc cơ động số máy bay hiện có, nhằm bảo đảm cho hai phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1 và 2. Những đòn đột kích bằng không quân đã hiệp đồng chặt chẽ với pháo binh về thời gian, mục tiêu và từng giai đoạn tiến công. 350 máy bay hoạt động tầm xa đã được tách ra bổ sung cho phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 3.

Nhưng dẫu thế nào, sau này cũng không phải là mọi việc đều trôi chảy cả mà không có những điều phiền phức. Tôi lo nhất là những hoạt động của không quân trong phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 2. Có đủ cơ sở để lo điều ấy.

Vấn đề trước hết là ở chỗ, trong dải của phương diện quân có con đường cái từ Mô-ghi-li-ốp đi Min-xơ tuy bị phá hoại nặng, nhưng vẫn đi lại được; nó như sợi chỉ dài vắt ngang qua một miền có nhiều rừng rộng. Đại bộ phận chủ yếu quân địch bị đánh tan sẽ rút về theo con đường này và tập đoàn quân không quân 4 tất nhiên sẽ đột kích từ trên không xuống, tạo ra nhiều nút ùn lại trên đường, gây thêm cho địch nhiều thiệt hại về sinh lực và khí tài.

Những bến vượt sông Bê-rê-di-na – một con sông tương đối rộng, nhưng lại ít cầu – cũng đều là những mục tiêu đáng đột kích hơn cả. Cố nhiên là không quân cần có nhiều nhiên liệu, nhưng lúc ấy thì ta còn thiếu. Nhiên liệu nằm trong những kho tàng ở vùng ngoại ô Mál-xơ-va. Các đồng chí hứa sẽ chờ đến, nhưng chỉ còn mấy ngày nữa là bắt đầu chiến dịch mà vẫn chưa thấy gì hết. Mãi tới sát ngày tiến công mới thấy tới.

Không quân hoạt động tầm xa cũng có nhiều điều phải lo lắng. Về nguyên tắc, thì mọi cách sử dụng không quân hoạt động tầm xa đã rõ ràng, nhưng trong thực tế có lắm điều khác. Hai nguyên soái Giu-côp và Va-xi-lép-xki tổ chức cuộc chiến đấu ở bên phải và bên trái phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 2, nắm toàn bộ hoạt động của không quân tầm xa. Sau khi nhận được đề nghị khẩn cấp của chúng tôi, Ghê-oóc-ghi Côn-xtan-ti-nô-vích Giu-côp tách ra cho chúng tôi một số máy máy hoạt động tầm xa, nhưng việc ấy mới còn ở trên giấy.

Thật vậy, đến tận giờ phút cuối cùng, chúng tôi cũng vẫn không thể giao nhiệm vụ cho những máy bay ném bom hạng nặng được, vì chưa có đại biểu của không quân hoạt động tầm xa trong cơ quan tham mưu của phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 2. Lực lượng ấy dường như thôi không nằm trong kế hoạch hỏa lực của phương diện quân nữa. Nhưng, khi chiến dịch bắt đầu thì lại có sự thay đổi mới: phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1 chuyển sang tiến công chậm lại một ngày sau những phương diện quân khác và không quân hoạt động tầm xa theo kế hoạch cho phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1, bây giờ lại bảo đảm cho phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 2.

Đại bản doanh và Bộ tổng tham mưu đã dùng đủ mọi phương pháp, cố gắng triệt để xóa bỏ những yếu tố thiếu tổ chức. Và phải nói rằng trong thời gian này, Đại bản doanh và Bộ tổng tham mưu đã thực hiện được việc đó một cách dễ dàng hơn nhiều so với trước đây. Các đồng chí chỉ huy dần dần vững vàng hơn, tác phong chỉ huy và công tác tham mưu được nâng cao lên. Các đồng chí đã trở thành những người thợ cả, thực sự lành nghề trong công việc của mình, ở đâu cũng đều thấy các sĩ quan và tướng lĩnh trưởng thành vô cùng nhanh chóng, trình độ tổ chức của các đồng chí phát triển cao, những hiểu biết về quân sự càng thêm sâu. Vì vậy, trước mọi khó khăn đề ra trên đường giành lấy mục tiêu, cuối cùng chúng ta đều đã vượt qua thắng lợi.

Trong suốt thời gian chuẩn bị cho chiến dịch Bê-lô-ru-xi-a, các đồng chí chỉ huy và cán bộ tham mưu của ta từ trên xuống dưới đều chăm chú theo dõi địch. Trinh sát viên ngày đêm sục sạo, bắt tù binh để lấy khẩu cung. Bộ đội nói chung tiến hành quan sát không ngừng mọi hoạt động bên trận địa địch. Các đồng chí trợ lý ra sức đi sâu phát hiện cho được những ý định còn giữ kín của đôi phương. Típ-pen-xkiéc, tư lệnh tập đoàn quân Đức 4, như ta biết, là một viên tướng có trình độ cao. Bây giờ hắn đang nghĩ gì, đang ôm ấp những kế hoạch như thế nào?

Ngày 10 tháng Sáu, ở khu vực Mô-ghi-li-ốp, các đội viên du kích thuộc đội du kích 540 của I. I. Đôm-brốp-xki là trung úy Ni-gma-tu-lin, Vô-xpa-nốp, Mô-xca-lép, Pô-giô-van-nưi và Cô-xma-trép bắt được một tên sĩ quan tham mưu thuộc sư đoàn mô-tô 60 của địch. Lúc hỏi khẩu cung, ta được biết rõ là binh đoàn này từ Nác-va đến, đang ở trong tình trạng thiếu hụt lớn, cần được bổ sung gấp, và hiện đang bố trí ở dọc đường cái Mô-ghi-li-ốp – Min-xơ. Như vậy là thế nào? Đó là một việc ngẫu nhiên hay quân địch đã đánh hơi thấy cuộc tiến công của ta và đang chuẩn bị kế hoạch để đánh lui cuộc tiến công ấy?

Việc giữ bí mật những hành động tiến công, càng gần tới ngày mở đầu chiến dịch càng thêm khó khăn. Thật khó mà che giấu việc vận chuyển, triển

khai và huấn luyện bộ đội. Nhưng dù sao chúng ta vẫn tin chắc là sẽ làm được tốt những việc ấy

Dĩ nhiên, việc xuất hiện một sư đoàn mô-tô mới của địch trong dải của phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 2 đã làm cho chúng ta lo lắng. Chúng ta càng chú ý nghiên cứu kỹ hơn những thông báo hàng ngày về chế độ hoạt động của hỏa lực pháo binh địch, về đặc điểm hành động không quân của chúng. Hình như mọi thứ vẫn như trước, không thấy có gì thay đổi quan trọng. Dần dà, dựa vào nhiều dấu hiệu, chúng ta tin chắc rằng cái sư đoàn mô-tô 60 kia đến đây chỉ là để bổ sung mà thôi.

Rồi những công việc bận rộn khác cũng đều trôi qua cả, đặc biệt là việc huấn luyện cho bộ đội những hành động thiết thực trên địa hình độc đáo ở Bê-lô-ru-xi-a này, và trong những tình huống thật sát với chiến đấu. Nguyên tắc thì mọi người đều nắm vững, nhưng trong thực tế không phải lúc nào ta cũng đều làm đúng.

Ngày 11 và 12 tháng Sáu, tôi cùng với G. Ph. Da-kha-rốp dự những cuộc diễn tập của các sư đoàn bộ binh 32 và 290. Nom bề ngoài thì những cuộc diễn tập ấy hết sức bình thường. Các chiến sĩ ngụy trang tốt, bò rất khéo và dũng mãnh hô “u-ra!”, xung phong vào “quân địch”. Nhưng dầu vậy vẫn không cảm thấy tinh thần chiến đấu thực sự. Không một ai bắn đạn thật cả, thậm chí đến bia cũng không có. Cần phải có ý kiến. G. Ph. Da-kha-rốp liền ra lệnh là từ nay về sau trong những cuộc diễn tập như thế phải bắn đạn thật.

Trong hoàn cảnh ở tiền tuyến, những vấn đề ấy thật không đơn giản. Ở đây, không có thao trường và trường bắn có thiết bị sẵn. Nhưng chỗ rắc rối chủ yếu không phải ở đấy. Khó khăn hơn cả là phải làm sao huấn luyện cho thật sát với tình huống thực tế của cuộc tiến công sắp tới và đồng thời lại không làm lộ những ý định thực của ta. Trong việc tổ chức những cuộc diễn tập như vậy ở phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 2, I-a. T. Tsê-rê-vi-tsen-cô đã tỏ ra rất xuất sắc, đúng là một chuyên gia lớn của công tác huấn luyện. Đồng chí xuống tận các phân đội và sự giúp đỡ của đồng chí thật là lớn. Những cố gắng của ta trong thời gian ấy về sau đều được đền bù xứng đáng.

Những viên tướng phát-xít Đức bị bắt làm tù binh ở Min-xơ đều hết sức kinh ngạc khi thấy những binh đoàn thiện chiến của chúng lại bị thất bại dễ dàng đến thế. Còn đối với chúng ta thì việc đó không có gì đáng ngạc nhiên cả. Kết quả những hành động chiến đấu ấy đã được đặt nền móng từ thời kỳ chuẩn bị đột kích. Trước lúc bắt đầu tiến công, chúng ta đã tiến hành ít nhất là mười cuộc diễn tập cho từng tiểu đoàn trong các sư đoàn của thê đội một.

Và trong những phương diện quân khác, tình hình huấn luyện cũng tương tự như vậy. Bộ đội và các cơ quan tham mưu đã nghiên cứu để nắm chắc chính những nhiệm vụ sẽ phải giải quyết trong chiến đấu. Hiệp đồng giữa bộ binh, pháo binh và xe tăng được tổ chức rất chính xác, mà chủ yếu là ở khâu tiểu đoàn bộ binh và pháo binh. Bộ binh được huấn luyện “áp sát” những điểm đạn rơi của pháo binh; còn pháo binh thì bắn và chuyển làn bắn khớp với những hành động của bộ binh và xe tăng.

Trong quá trình diễn tập hợp đồng các binh chủng, tình hữu nghị chiến đấu giữa những đại biểu các binh chủng càng được củng cố. Các tiểu đoàn trưởng bộ binh và pháo binh thân thiết nhau hơn, và điều đó đã góp phần rất quan trọng vào việc phối hợp tuyệt đẹp các hành động chiến đấu

Chiến dịch Bê-lô-ru-xi-a có một số đặc điểm về việc chỉ huy bộ đội. Xuất phát từ những chỉ thị của Đại bản doanh ngày 31 tháng Năm, cơ sở chỉ huy ở khâu chiến dịch được chỉ ra như sau: nhiệm vụ trước mắt của phương diện quân chỉ hạn chế trong chiều sâu từ 60 tới 70 ki-lô-mét, còn nhiệm vụ tiếp sau không được quá 200 ki-lô-mét. Đối với phương diện quân Pri-ban-tích 1 và phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 2 thì nhiệm vụ tiếp sau nói chung chỉ được quy định dưới dạng chỉ thị về hướng tiến công.

Bây giờ có một số đồng chí chỉ trích điểm này. Cá biệt có đồng chí cho rằng, đặt kế hoạch như vậy không bảo đảm cho cơ quan tham mưu phương diện quân quan niệm được rõ ràng những hành động sau này của phương diện quân và có ảnh hưởng tiêu cực đến việc nghiên cứu trước những biện pháp bảo đảm chiến dịch của phương diện quân.

Trong chừng mực nào đó, sự việc có thể diễn ra như vậy. Nhưng Bộ tổng tư lệnh tối cao xô-viết đã có ý không giao ngay cho bộ đội nhiệm vụ trong

toàn bộ chiều sâu của chiến dịch có tính chất chiến lược này.. Đã có nhiều ý kiến phản đối việc ấy.

Trước hết, việc giao nhiệm vụ cho các phương diện quân toàn bộ chiều sâu của chiến dịch, tất nhiên có nghĩa là sẽ phải sử dụng tương đối chặt chẽ những lực lượng và phương tiện của các phương diện quân trên hướng đã chọn, trong lúc tình huống buộc ta phải có những cách xử trí ngược lại: phải giữ gìn mọi khả năng để cơ động linh hoạt và nhanh chóng.

Vì ý định của những chiến dịch là phải tiêu diệt địch trong vùng phòng ngự chiến thuật và chỉ bao vây những lực lượng lớn của chúng sau khi đã đánh bật chúng ra khỏi trận địa. Những việc ấy sẽ diễn ra ở đâu, nơi nào cụ thể thì ta chỉ mới dự kiến trước mà thôi. Cũng không thể loại trừ trường hợp: địch sẽ cơ động rút những lực lượng chủ yếu của chúng về những trận địa phòng ngự mới, ở sâu mãi trong tung thâm phòng ngự của chúng.

Ngày nay, chúng ta mới biết rõ là bộ chỉ huy Đức đã thực sự thảo luận phương án ấy. Mà như vậy thì sẽ nguy hiểm, vì mũi đột kích của ta sẽ đánh vào chỗ trống, và bắt buộc Bộ tổng tư lệnh Liên Xô phải hoàn toàn xây dựng lại kế hoạch tiến công. Nếu như đã giao nhiệm vụ cho các phương diện quân toàn bộ chiều sâu của chiến dịch, thì việc xây dựng lại kế hoạch như thế càng gặp khó khăn hơn nữa.

Do vậy, phải giao nhiệm vụ cho các phương diện quân thế nào để từng phương diện quân có khả năng hành động chủ động, thích hợp với hoàn cảnh. Theo quan điểm của chúng tôi cách giao nhiệm vụ của Đại bản doanh như vậy đã hoàn toàn đáp ứng những yêu cầu đó.

Cũng không thể quên rằng bộ đội ta ở Bê-lô-ru-xi-a đã nhiều lần chịu thất bại. Các cuộc tiến công của ta đã bị chặn lại ở nơi gần tuyến phía sau của vùng phòng ngự chiến thuật. Vì trong chiến dịch sắp đến, vùng phòng ngự chiến thuật rất mạnh, ta cần phải làm tất cả những gì có thể, để cho bộ đội tập trung sự chú ý và lực lượng trước hết vào việc đột phá những tuyến chiến thuật. Với quan điểm như vậy, việc quy định nhiệm vụ hạn chế trong một chiều sâu nhất định đối với thể đội một của các phương diện quân cùng là hợp lý.

Cuối cùng, chiều sâu nhiệm vụ của các phương diện quân hạn chế nhất định như vậy sẽ đặt ra cho các tư lệnh phương diện quân một trách nhiệm cao đối với việc dự kiến tiến trình phát triển về sau của các sự kiện. Đồng thời, Đại bản doanh cũng tính là trong hai ngày 22 và 23 tháng Năm, việc tiến hành thảo luận rộng rãi cùng với những hội đồng quân sự của các phương diện quân về chiến dịch có tính chất chiến lược nói chung, đã giúp cho các hội đồng quân sự của các phương diện quân tất cả những gì cần thiết để thực hiện huấn luyện bộ đội chặt chẽ đúng với tinh thần những quyết tâm đã được thông qua. Các đồng chí tư lệnh các phương diện quân đều có đầy đủ khái niệm về khả năng phát triển của chiến dịch, nghĩa là các đồng chí ấy có thể vững lòng để chỉ huy và bảo đảm chiến dịch.

Thêm nữa, lại có những đồng chí đại diện của Đại bản doanh, một là Phó tổng tư lệnh tối cao, hai là Tổng tham mưu trưởng, ở trực tiếp tại chỗ để theo dõi và giúp đỡ việc chấp hành thật đúng nội dung và tinh thần các chỉ thị của Đại bản doanh. Và, các đồng chí ấy lại là những thành viên am hiểu tường tận nhất việc xây dựng kế hoạch tấn công với những quy mô chiến lược, nghĩa là trong những trường hợp khẩn cấp, bao giờ cũng có thể ra chỉ thị trực tiếp bổ sung nhiệm vụ cho các phương diện quân, và trong thực tế các đồng chí cũng đã làm như vậy.

Các đồng chí ấy giữ một vai trò hết sức lớn trong việc tập trung những phương tiện vật chất, kỹ thuật cần thiết cho cuộc tiến công. Chẳng hạn có vấn đề sau đây, thật khó mà giải quyết trong các phương diện quân Pri-ban-tích 1 và Bê-lô-ru-xi-a 3, là hai phương diện quân phải đưa vào chiến đấu một số lượng xe tăng lớn, kể cả tập đoàn quân xe tăng cận vệ 5. Ngay ngày mùng 8 tháng Sáu, A. M. Va-xi-lép-xki điện báo cáo lên Đại bản doanh:

“Việc chuyển giao những gì đã định cho Tséc-ni-a-khốp-xki bị chậm. Chẳng hạn như ở chỗ Ô-bu-khốp, hết ngày 5 tháng Sáu phải đưa đến đủ, nhưng đến ngày hôm nay mới có 50%”

Ba ngày sau, A-lếch-xan-đrơ Mi-khai-lô-vích Va-xi-lép-xki lại trực tiếp đề nghị với bộ trưởng Bộ dân ủy giao thông phải đẩy mạnh tốc độ vận chuyển, và phải chuyên chở cho hết, không được để chậm quá ngày 18

tháng Sáu. Tuy vậy, ngày 17 tháng Sáu, đồng chí lại gửi một báo cáo khẩn về Đại bản doanh:

“Công tác vận chuyển đường sắt rất căng, gây nên mỗi lò ngại không tập trung được kịp thời một số đơn vị cho phương diện quân, và cả việc chuyển giao một số hàng tiếp tế”

Ở phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1, tình hình cũng hết như vậy. Ngày 11 tháng Sáu, Gh. C. Giu-cốp báo cáo cho Tổng tư lệnh tối cao:

“Công tác vận chuyển đạn dược cho phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1 tiến hành rất chậm. Trong một ngày đêm, phương diện quân nhận được chỉ có một hay hai chuyến... Có cơ sở để tin chắc rằng phương diện quân sẽ không được bảo đảm đúng thời hạn đã định”.

Nhịp độ chuyên chở bộ đội cũng rất chậm: chẳng hạn lữ đoàn pháo binh có uy lực mạnh và ba trung đoàn pháo tự hành có nguy cơ đến muộn. Quân đoàn cơ giới Cra-xnô-grát 1 của trung tướng X. M. Cri-vô-sê-in bị nghẽn dọc đường, và đến hết ngày 12 tháng Sáu mới có tất cả 5 đoàn xe của quân đoàn tới nơi.

Những tiểu đoàn ô-tô cần thiết và nhiên liệu cho máy bay không làm sao đến được phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 2.

Những báo cáo của các đồng chí đại diện Đại bản doanh đã khiến cho I. V. Xta-lin phải chú ý phòng ngừa. Tổng tư lệnh tối cao hỏi ý kiến các phương diện quân xem có thể bắt đầu chiến dịch đúng thời hạn được không. A. M. Va-xi-lép-xki thẳng thắn trả lời Tổng tư lệnh tối cao rằng: “thời hạn dứt khoát bắt đầu chiến dịch nói chung phụ thuộc vào công tác vận chuyển của đường sắt; về phía mình, chúng tôi đã và đang làm hết mọi việc để giữ được đúng thời hạn đồng chí đã quy định”.

Chắc là Xta-lin đã có tác động đến các đồng chí làm công tác vận tải. Kế hoạch vận chuyển đường sắt chưa thỏa mãn được các phương diện quân, đã phải đem ra nghiên cứu lại. Cuối cùng, công tác vận tải cũng bắt đầu tiến hành với tốc độ cao hơn. Việc tập trung bộ đội nhờ thế được đẩy mạnh. Tuy vậy, thời hạn bắt đầu chiến dịch cũng vẫn bắt buộc phải lùi từ ngày 19 tới ngày 23 tháng Sáu.

Và từ ngày ấy cho đến cuối tháng Tám, chiến dịch vĩ đại Bê-lô-ru-xi-a không một phút im tiếng súng. Ngay ngày đầu chiến dịch, phòng ngự của quân địch đã bị chọc thủng trên nhiều hướng, và bộ đội chúng ta tiến nhanh lên phía trước, không một sức gì ngăn nổi.

Nhưng, cuộc chiến đấu không phải chỉ thuận chiều, dễ dàng. Những tù binh bị bắt khai rằng chúng được lệnh phải cố thủ trong những trận địa đang chiếm lĩnh bằng bất cứ giá nào. Và, chúng đã hành động với đầy đủ dã tâm cuồng bạo và quyết liệt. Nhưng, sức chống cự của quân địch vẫn bị bẻ gãy và đợt sóng tiến công của quân đội xô-viêt ngày càng lan xa mãi sang phía Tây.

“Cuộc kết thúc đang đến gần... Chỉ còn những tàn quân bị hoang mang của 30 sư đoàn thoát khỏi chết và không bị bắt làm tù binh), – một trong những viên tướng sừng sỏ của bọn Hít-le là Xíc-phơ-rít Phôn Vét-phan đã nhận xét đặc điểm cuộc tiến công của quân đội xô-viêt ở Bê-lô-ru-xi-a như vậy.

Chiến dịch “Ba-gra-chi-on” một lần nữa chứng minh hùng hồn tính ưu việt của nghệ thuật quân sự xô-viêt so với nghệ thuật quân sự của cái Đế chế phát-xít Đức. Địch bị hất tung ra khỏi những trận địa kiên cố của chúng, rồi sau đó trong một số ngày nhất định đã bị hợp vây và tiêu diệt.

Trong quá trình chiến dịch, quân đội ta đã tạo ra ba lò lửa bao vây lớn những khu vực Vi-tép-xcơ, Bô-brui-xcơ và Min-xcơ. Min-xcơ là lò lửa bao vây hết sức lớn; tuy vậy cũng vẫn không giữ chân những lực lượng lớn của Quân đội xô-viêt ở đây lâu. Cuộc tiến công triển khai trên một chính diện hơn một nghìn ki lô mét đã tiến hành với tốc độ tiến quân trung bình mỗi ngày hơn 20 ki-lô-mét.

Cũng cần nhấn mạnh điều này nữa, là bộ chỉ huy tối cao của quân địch không những đã bị lừa nên phán đoán sai những hướng nỗ lực chủ yếu của quân ta trong giai đoạn chiến tranh này, mà lại còn không ngờ rằng đòn đột kích của ta lại mạnh đến thế, sắc như mũi kiếm.

Việc chuẩn bị chiến dịch, do Đại bản doanh và Bộ tổng tham mưu phối hợp chặt chẽ với các bộ tư lệnh phương diện quân và cơ quan tham mưu của

các phương diện quân, cùng tiến hành lâu dài và thận trọng, đã được chứng minh là hoàn toàn đúng. Ý định sâu xa và những kế hoạch chiến dịch xây dựng tỉ mỉ trong tay Bộ tổng tư lệnh tối cao Liên Xô là một trong những phương tiện để giành thắng lợi có tầm quan trọng lịch sử

13. Ở các phương diện quân Pri-ban-tích

Tôi trở về Mát-xcơ-va. – Nhìn lại thời gian qua. – Những ý định mới. – Vấn đề “Cha với con”: chuyển đi công tác với Nguyên soái X. C. Ti-mô-sen-cô. – Phương diện quân Pri-ban-tích 3. – Thăm những thắng tích Pu-skin. – Báo cáo chưa đạt của K. A. Mê-rét-xcốp. – Trước những chiến dịch quyết định. – Từ bờ sông Nê-va đến bờ sông Nác-va. – L. A. Gô-vô-rốp. Chiến đấu chiếm Si-a-u-lai và đột kích vào Mê-men. – I. Kh. Ba-gra-mi-an. – Vùng nhất thú Cuôc-lan.

Cuộc tiến công vào Bê-lô-ru-xi-a bước sang ngày thứ bảy. Khi bộ đội chúng ta vừa chọc thủng dải phòng ngự chủ yếu của địch và đang nhanh chóng phát triển vào tung thâm chiến dịch của chúng, thì có điện thoại từ Bộ tổng tham mưu gọi tới. Tiếng A. I. An-tô-nốp nói:

- Đồng chí hãy trở về Mát-xcơ-va, nhiệm vụ của đồng chí ở phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 2 đã hoàn thành, đây đang có nhiều việc.

- Sao thế, A-lếch-xây I-nô-ken-chi-ê-vích, – tôi khẩn khoản, – chiến dịch vừa mới bắt đầu. Dù thế nào cũng cho tôi được chia sẻ với anh em chút ít thành quả chứ.

- Miếng ngon chẳng phải là để cho chúng ta. – Không hiểu sao An-tô-nốp lại có vẻ nóng nảy, không đồng ý với tôi – Đồng chí phải về ngay, không trì hoãn được và cũng không nên có ý định gì nữa. Đó là mệnh lệnh của Tổng tư lệnh tối cao.

Mấy phút sau, tôi liên lạc với Gh. C. Giu-cốp, đề nghị can thiệp giúp tôi.

- Tôi rất thông cảm, nhưng không thể giúp được, – Giu-cốp trả lời. – Tổng tư lệnh tối cao đã có lệnh thì phải trở về

Mọi việc thu xếp cũng nhanh thôi. Chiếc máy bay Si-47 và tổ bay do thiếu tá Bu-tốp-xki phụ trách, người bạn đường thường xuyên của tôi trong những lần đi công tác ra mặt trận, đỗ ở một sân bay dã chiến gần đây. Hai giờ sau, chúng tôi cất cánh và đến tối mịt ngày 30 tháng Sáu, tôi đã có mặt ở Bộ tổng tham mưu, ở đây, việc nghiên cứu cấp bách kế hoạch những chiến

dịch tiếp theo của các Lực lượng vũ trang Liên Xô đặc biệt ở miền Pri-ban-tích đang chờ tôi.

Tôi cần phải nói là trước mùa hè năm 1944, trên các hướng ở miền Pri-ban-tích, chưa có đủ những điều kiện thuận lợi để mở rộng quy mô hành động chiến đấu. Ở đây, chúng ta chỉ có những lực lượng và phương tiện tương đối yếu, nên chỉ tiến hành được những chiến dịch nhỏ và những kết quả đạt được rất ít ỏi.

Nhưng đến khi quy mô tiến công của chúng ta ở Bê-lô-ru-xi-a được mở rộng, thì tình huống lại thay đổi hẳn. Bộ đội ta tiến quân trên hướng chủ yếu – hướng chiến lược phía Tây – đã tạo nên tiền đề cần thiết cho những chiến dịch thắng lợi ở Lít-va, Lát-vi-a và E-xtô-ni-a. Hành động tích cực của chúng ta ở miền Tây U-crai-na, tiếp theo là ở Ru-ma-ni, Hung-ga-ri và trên lãnh thổ các nước khác trong bán đảo Ban-căng đã có ảnh hưởng, tuy gián tiếp nhưng cũng rất tốt đến những chiến dịch mới này.

Tình thế chung trong lúc này lại được hành động của các nước Đồng minh phương Tây góp phần làm cho thuận lợi thêm. Chờ mãi, cuối cùng đến ngày 6 tháng Sáu 1944, họ đã đổ bộ vào Noóc-măng-đi và mở rộng căn cứ bàn đạp vừa chiếm được. Ta dự đoán là ít lâu sau quân Đồng minh sẽ tiến hành một cuộc tiến công rộng lớn ở miền Tây – Bắc nước Pháp.

Trong khi xây dựng kế hoạch giải phóng miền Pri-ban-tích, tất nhiên ta không quên kinh nghiệm của những trận đánh không hoàn toàn thành công của chúng ta ở những cửa ngõ tiếp cận tới đó. Vì vậy, cho phép tôi được quay ngược lại thời gian, trở về năm 1943.

Các nhà nghiên cứu, các sử gia, phân tích những tài liệu về thời kỳ này, thường nhấn mạnh đến tính không hoàn chỉnh của những chiến dịch của quân đội xô-viết trên các hướng ở miền Pri-ban-tích. Thật vậy, cuộc tiến công của chúng ta trong mùa thu năm 1943 và mùa đông năm 1944 ở miền ấy đã không kết thúc được bằng việc tiêu diệt toàn bộ quân địch. Chúng ta không chia cắt được cụm tập đoàn quân “bắc” và thanh toán chúng đi.

Dĩ nhiên, phải đặt ra câu hỏi: tại sao lại như vậy?

Trả lời một cách chung chung thì đó là vì trên các hướng ấy lúc bấy giờ chúng ta không có đủ lực lượng. Nguyên nhân thiếu lực lượng thì bạn đọc cũng đã biết rồi vì chính trong thời gian ấy, chúng ta phải tập trung những nỗ lực chủ yếu vào Hữu ngạn U-crai-na, cốt để đánh bại hãn Cụm tập đoàn quân “nam” rất mạnh và đang hung hăng của địch. Ngoài ra, các phương diện quân Ca-li-nin, Tây và Trung tâm đều đang được quyết định cứ phải tiếp tục tiến công.

Còn kết cục của các chiến dịch ở miền Pri-ban-tích sẽ được quyết định bởi những thắng lợi ở trên cánh phía Nam và ở phía giữa mặt trận Xô – Đức.

Kế hoạch nói chung là đúng, dù về sau ta có phát hiện ra là kế hoạch ấy chưa dự tính đầy đủ đến khả năng quân địch sẽ điều động những đội dự bị của chúng từ nội địa nước Đức đến và những lực lượng khá lớn từ chiến trường phía Tây sang. Những thiếu sót như thế dĩ nhiên là không hay, nhưng tránh cho hết có lẽ cũng không được. Theo ý tôi, dù rằng bộ máy công tác của chúng ta trong những năm Chiến tranh giữ nước vĩ đại rất tốt, cũng không thể nào loại trừ được mọi thiếu sót.

Các bạn đã biết việc xây dựng kế hoạch chiến dịch và chiến cục tiến hành ở Bộ tổng tham mưu như thế nào rồi. Tôi cũng đã nói đến việc nghiên cứu và phê chuẩn những kế hoạch chiến cục và chiến dịch ấy như thế nào ở Đại bản doanh. Nhưng bây giờ tôi muốn nói rõ hơn.

Tất cả các ủy viên của Đại bản doanh thường họp trong phòng làm việc của I. V. Xta-lin để thảo luận kế hoạch, mỗi khi đã chuẩn bị xong. Về phía quân nhân, gần như lúc nào cũng có mặt Gh. C. Giu-cốp và A. M. Va-xi-lép-xki, không kể An-tô-nốp, tôi và các tướng khác – đại biểu của các cơ quan chấp hành trong Bộ tổng tham mưu và các cục trung ương thuộc Bộ dân ủy quốc phòng.

Những vấn đề bảo đảm trang bị và kỹ thuật cho chiến dịch cũng được giải quyết ngay tại Đại bản doanh, bởi thế cho nên chúng tôi thường gặp ở đây những công trình sư xô-viết nổi tiếng về kỹ thuật chế tạo máy bay, xe tăng và các thứ pháo như A. X. I-a-cô-vlép, A. N. Tu-pô-lép, X. V. I-li-u-sin, A. I. Mi-côi-an, Gi. I-a. Cô-tin, V. G. Gra-bin, và cả những bộ trưởng dân ủy Đ.

Ph. U-xti-nốp, V. A. Ma-lư-sép, B. L. Van-ni-cốp, A. I. Sa-khu-rin. Xta-lin tự mình phụ trách về mặt kỹ thuật quân sự và không một kiểu vũ khí mới nào đem ra sản xuất hàng loạt mà không đưa ra nghiên cứu tại Đại bản doanh hay ở hội nghị của Hội đồng quốc phòng Nhà nước.

Thường thì việc thảo luận mọi vấn đề ở Đại bản doanh được tiến hành trong hoàn cảnh bình thường và yên tĩnh. Mọi người đều có thể phát biểu ý kiến của mình. Xta-lin không phân biệt ai, gọi mọi người theo họ, chỉ có Mô-lô-tốp thì gọi thân mật bằng “cậu”. Còn đối với đồng chí, thì chúng tôi chỉ có một cách gọi là “đồng chí Xta-lin”. Tôi nhớ là không có trường hợp nào Tổng tư lệnh tối cao nhằm lẫn hay quên mất tên họ của một ai trong số rất đông những đồng chí được triệu tập đến họp ở Đại bản doanh.

Cuộc họp thảo luận kế hoạch chiến cục mùa đông năm 1943-1944 không có gì khác thường lệ. Tất cả vẫn như trong những cuộc họp khác và quyết nghị cũng rõ ràng là phải điều những đội dự bị chủ yếu và những phương tiện vật chất sang phía Nam, còn các phương diện quân Pri-ban-tích thì chỉ được phân phối những cái gì cần thiết tối thiểu mà thôi. Nhưng chúng ta biết rõ là bấy giờ nhu cầu của các phương diện quân ấy trong thực tế cao hơn cái tối thiểu nhiều.

Nguyên nhân nữa không kém phần quan trọng làm cho cuộc chiến đấu kéo dài ra ở miền Pri-ban-tích trong thu-đông năm 1943/1944 là điều kiện cơ động của ta khi tiến công bị kém sút. Quân địch có mạng lưới đường giao thông rất tốt của các nước cộng hòa Pri-ban-tích ở phía sau cụm tập đoàn quân của chúng, còn chúng ta khi tiến ra biên giới miền Pri-ban-tích thì thiếu đường giao thông, mà tình trạng đường sá thì lại quá tồi.

Những điều kiện thiên nhiên như rừng rộng bát ngát, đầm lầy sâu không đóng băng, hồ ao và sông ngòi chảy dọc chi chít, đều không lợi cho bên tiến công. Trên trận địa ấy, khả năng sử dụng xe tăng rất bị hạn chế; và toàn bộ gánh nặng của cuộc chiến đấu, dù muốn hay không, đều đè lên vai bộ binh. Do tầm nhìn xa bị hạn chế, hiệu suất bắn của pháo binh bị giảm, nên chiến trường này đòi hỏi nhiều đạn dược hơn nơi khác, nhưng ta không có đủ.

Chiến dịch càng tiến triển thì lực lượng đôi bên càng thêm cân bằng, và hình thái chiến đấu diễn biến lúc này là những mũi đột kích chính diện của ta vừa thu được ít kết quả, vừa bị thiệt hại nhiều. Lúc mới bắt đầu, tổng quân số của cụm tập đoàn quân “bắc”; có hơn 700.000 người, còn chúng ta thì có hơn 1 triệu quân một chút. Muốn chiến thắng nhanh chóng mà lại trong những điều kiện thiên nhiên phức tạp và tình trạng thiếu thốn đạn dược như vậy, số quân ấy của ta chưa đủ.

Bộ đội xô-viết thực ra chỉ tiến công quân địch trên những đường tiếp cận ở phía Nam và Đông – Nam miền Pri-ban-tích, thì làm sao tạo ra được điều kiện kết thúc các chiến dịch. Ở gần Lê-nin-grát, trước tháng Giêng 1944, ta đã buộc phải tự hạn chế ở những hoạt động có ý nghĩa tại chỗ và gần như phải dồn hết mọi chú ý vào việc phá vây cho thành phố.

Nhưng, tất cả những sự kiện ấy tuyệt không có nghĩa là các chiến dịch ở miền Pri-ban-tích trong thu-đông năm 1943/1944 không có tác dụng gì. Ở đây, bộ đội của chúng ta đã gây cho địch những thiệt hại nặng, kiềm chế những lực lượng lớn của chúng ở miền Pri-ban-tích, làm cho bộ chỉ huy phát-xít Đức đoán lạc hướng đột kích chủ yếu của ta. Rốt cuộc, những chiến dịch đó hẳn đã tạo điều kiện dễ dàng cho chúng ta giành được thắng lợi rất quan trọng ở gần Lê-nin-grát.

Theo dõi xem kế hoạch hoạt động lúc bấy giờ của chúng ta ở miền Pri-ban-tích được hình thành như thế nào và cuối cùng đã được xác định dứt khoát ra sao, quả thật là thú vị.

Trong thời gian này, ngoài các phương diện quân Lê-nin-grát và Vôn-khốp ra, còn có phương diện quân Tây – Bắc và phương diện quân Ca-li-nin đang hoạt động trên những cửa ngõ xa của miền Pri-ban-tích. Phương diện quân Tây cũng cần phải tiến đến biên giới Lát-vi-a và Lít-va.

Mùa thu năm 1943, Bộ tổng tham mưu sẽ cân nhắc khả năng dùng không lực lượng của phương diện quân Tây – Bắc, đột kích chủ yếu từ khu vực Xta-rai-a Rút-xa thẳng về phía Tây. Nhưng rốt cuộc nhận thấy rõ là phương diện quân Tây – Bắc không đủ sức, địa hình phức tạp và phòng ngự của địch

lại kiên cố, nên sẽ không hoàn thành được nhiệm vụ, không thể tiêu diệt được tập đoàn quân 16 của địch đang chống lại.

Sau đó, lại nghiên cứu đến khả năng đột phá trong dải của phương diện quân Tây, với một bộ phận lực lượng sau này sẽ đánh quặt lên phía Bắc. Làm như vậy, có lẽ sẽ hạn chế được phòng ngự của quân Đức đòi với phương diện quân Ca-li-nin và đưa được phương diện quân này tới Nê-ven, Rê-déc-ne. Mũi đột kích của phương diện quân Ca-li-nin trên hướng ấy sẽ làm cho địch hở sườn và phía sau, đồng thời làm yếu cả sức đề kháng của chúng trước phương diện quân Tây – Bắc. Và như thế phương diện quân Tây – Bắc có thể tiến lên phía trước.

Ý định ấy thật hấp dẫn, nhưng không thực hiện được, vì phải xuất phát từ những kết quả tiến công của phương diện quân Tây, mà tốc độ tiến công của phương diện quân ấy lại mỗi ngày một chậm. Không thể trông mong gì vào việc đột phá sâu và phát triển những hành động ở một bên sườn được.

Chúng tôi có những phương án khác, mà cơ sở đều cho thấy rõ ý định chung là: cắt Cùm tập đoàn quân “bắc” khỏi những lực lượng còn lại của địch trên đất liền, ra khỏi lãnh thổ nước Đức. Muốn vậy, một trong những phương diện quân phải tiến công dọc sông Tây Đvi-na, trên hướng Pô-lốt-xơ Đa-u-gáp-pin-xơ (Đvin-xơ) và tiến ra Ri-ga. Đồng thời lại dự định sử dụng những phương diện quân bạn tiếp giáp ở hai bên, để tiến công cắt nhỏ cánh quân Pri-ban-tích của địch, tiêu diệt chúng từng bộ phận khi chúng gần như đã bị cô lập.

Tin Bộ tổng tham mưu nhận được về khả năng quân địch sẽ rút hết ở trước mặt các phương diện quân Lê-nin-grát, Vôn-khốp và Tây – Bắc đã có ảnh hưởng nhất định đến việc chọn phương thức hành động như vậy. Bây giờ, chúng ta biết là bộ chỉ huy Cùm tập đoàn quân “bắc” thật ra có xin rút về tuyến sông Tây Đvi-na, nhưng đề nghị đó bị ban lãnh đạo quân sự tối cao của nước Đức Hít-le bác bỏ và tướng Lin-đe-man, người kiên trì bảo vệ ý kiến rút lui này, ít lâu sau phải nhường chức tư lệnh trưởng cùm tập đoàn quân cho tướng Phri-xne. Và trong thực tế, không hề có rút quân; địch cứ ngoan cố bám lấy những trận địa chúng đang chiếm lĩnh và điên cuồng

chống phá mọi ý định của ta, những ý định nhằm phá vỡ phòng ngự của chúng.

Ngày 7 tháng Mười 1943, sau hai tuần lễ chiến đấu ác liệt, bộ đội chúng ta cuối cùng đã chiếm được Nê-ven, một điểm tựa lớn và đầu mối giao thông quan trọng có tính chất chiến dịch của địch. Chúng mất con đường sắt duy nhất chạy dọc ngay bên cạnh chiến tuyến. Nhưng Nê-ven còn có ý nghĩa quan trọng hơn nữa, vì đó là nơi tiếp giáp giữa hai Cụm tập đoàn quân “bắc” và “trung tâm” của địch. Mất Nê-ven, sự hiệp đồng giữa hai cụm chiến dịch sẽ gặp khó khăn và trong trường hợp chúng ta tiếp tục phát triển đột kích về phía Tây, quân địch ở miền Pri-ban-tích có thể bị cắt hẳn ra khỏi đơn vị kè sát bên phải chúng. Tất nhiên, bộ chỉ huy quân Đức ra sức tìm mọi cách ngăn cản làm cho thắng lợi ở Nê-ven của chúng ta không thể biến thành thắng lợi lớn được.

Cuộc chiến đấu ác liệt lại mở rộng ra cả khu vực Gô-rô-đốc. Chiếm được Gô-rô-đốc, trước mắt chúng ta sẽ mở ra khả năng vu hồi từ phía Bắc vào Vi-tép-xơ và toàn bộ sườn trái của Cụm tập đoàn quân “trung tâm”.

Quân địch cũng nghiên cứu rất kỹ tất cả những chi tiết ấy. Chúng đã điều những lực lượng không quân bổ sung tới đây chi viện cho lực lượng của chúng. Trên không phận Nê-ven và Gô-rô-đốc, xuất hiện những binh đoàn máy bay ném bom và máy bay tiêm kích mới.

Về phía chúng ta, cũng đã có một số biện pháp bổ sung. Vào giữa tháng Mười, trên hướng I-đri-txa, ta đã đưa cơ quan chỉ huy và các đơn vị bộ đội thuộc phương diện quân Bri-an-xơ trước đây cũng như các đội dự bị của Đại bản doanh và các đơn vị lân cận tới vùng này để thành lập một phương diện quân mới, lấy tên là phương diện quân Pri-ban-tích.

Được bổ nhiệm làm tư lệnh phương diện quân mới này là đại tướng M. M. Pô-pốp, người trước đó không lâu đã tiến hành thật tuyệt diệu một chiến dịch đưa bộ đội ta vượt qua dải của đơn vị bạn, tiến vào sau lưng cánh quân Bri-an-xơ của địch. Kết quả là toàn bộ những khu rừng vùng Bri-an-xơ và cả thành phố Bri-an-xơ cùng với đầu mối đường sắt lớn đã được giải phóng nhanh chóng.

Bây giờ, M. M. Pô-pốp có ý định tiêu diệt cánh quân I-đri-ta của địch và mở đường tiến ra Ri-ga. Từ ngày 1 tháng Mười một, cũng tại đây đã diễn ra những trận chiến đấu rất gay go. Bộ chỉ huy Đức điều năm sư đoàn từ các khu vực khác của mặt trận tới hướng này. Sức chống cự của địch tăng lên hẳn. Quân ta tính ra mới tiến được có vài trăm mét.

Còn phải có thêm những biện pháp gì nữa để thay đổi tình hình có lợi cho chúng ta. Một trong những biện pháp đó là điều động bộ đội từ hướng I-đri-ta về dải của phương diện quân Ca-li-nin (Phương diện quân Ca-li-nin, từ ngày 20 tháng Mười 1943 gọi là phương diện quân Pri-ban-tích 1. Đồng thời, phương diện quân Pri-ban-tich lại đổi tên là phương diện quân Pri-ban-tich 2.) trước đây. Ta dự kiến là sau khi điều động như vậy, phương diện quân Pri-ban-tích 1 sẽ chiếm lại Gô-rô-đốc và Vi-tép-xơ trong tay địch, rồi sau đó tiến nhanh ra Pô-lốtxơ Đvin-xơ, Ri-ga.

Ngoài ra, trong bộ tư lệnh phương diện quân Pri-ban-tích 1 cũng có những thay đổi. Từ ngày 19 tháng Mười một 1943, tướng I. Kh. Ba-gra-mi-an bắt đầu chỉ huy phương diện quân này. Nhận chức vừa một ngày, đồng chí được lệnh: phải chiếm cho được Gô-rô-đốc. Nhưng mệnh lệnh là mệnh lệnh, chứ không thể nào chiếm ngay được vùng dân cư rất quan trọng này, để tiếp tục tiến quân đến Vi-tép-xơ và Pô-lốtxơ. Mãi một tháng sau, do kết quả của những trận chiến đấu ngoan cường và đẫm máu, Gô-rô-đốc mới được giải phóng.

Hồi ấy, I. V. Xta-lin rất chú ý theo dõi những việc diễn ra trên những đường tiếp cận tới miền Pri-ban-tích. An-tô-nốp và tôi năng lui tới “biệt thự gần thành phố” của Xta-lin hơn để báo cáo. Một hôm, chúng tôi đến đây vào đúng bữa ăn (Xta-lin ăn tối vào lúc 9 hay 10 giờ, có hôm muộn hơn). Tổng tư lệnh tối cao nhanh chóng giải quyết mọi việc, rồi mời chúng tôi cùng ăn. Những trường hợp như thế không hiếm và tôi còn nhớ một số chi tiết đáng chú ý.

Bữa ăn của Xta-lin, cả những bữa tiệc lớn, thường không có người phục vụ bên bàn ăn. Các đồng chí phục vụ chỉ mang mọi thứ cần thiết tới phòng ăn, rồi lặng lẽ đi ra. Trên bàn bày sẵn những bộ đồ ăn, bánh mì, rượu cô-

nhắc, rượu vodka, rượu vang nguyên chất, đồ gia vị, muối, nhiều loại rau và nấm. Thường không có Lạp xưởng, giăm-bông và những món ăn khai vị khác. Xta-lin không ăn được đồ hộp.

Lượt món ăn đầu tiên đựng trong những chiếc liễn to, đặt trên một chiếc bàn ở cạnh bàn ăn. Có một chống đĩa sạch để ở đây.

Xta-lin đi tới, khẽ nhắc những nắp liễn lên nhìn, rồi nói to nhưng không nói hẳn với một ai:

- A ha, xúp.., xúp cá đây.., xúp bắp cải này... Chúng ta ăn xúp bắp cải đi.
– Rồi đồng chí tự múc lầy và mang đĩa thức ăn tới bàn ăn.

Những khách ăn, không phân biệt địa vị, đều làm như thế, chẳng phải mời mọc gì cả, ai muốn ăn món gì thì lấy món ấy. Sau đó, các đồng chí phục vụ mang vào lượt món ăn thứ hai, và người nào thích món gì cũng lại tự lấy mà ăn. Cố nhiên là chúng tôi chỉ uống ít rượu, độ một hai ly nhỏ. Bữa ăn đầu tiên, An-tôn-ốp và tôi hoàn toàn không uống. Xta-lin thấy thế, mỉm cười nói:

- Các cán bộ Bộ tổng tham mưu có thể uống một ly nhỏ được chứ.

Lượt phục vụ thứ ba thường là nước trà. Chúng tôi rót nước từ ấm xa-mô-va đang sôi đặt trên một bàn riêng. Ấm pha trà cũng được đun nóng trên bếp.

Những chuyện nói trong lúc ăn phần lớn là chuyện công việc đề cập tới những vấn đề chiến tranh, công tác của ngành công nghiệp và nông nghiệp. Xta-lin nói nhiều, còn những người khác chỉ trả lời những câu hỏi của đồng chí, rất hân hữu mới thấy đồng chí nói đến những chuyện khác.

Sau này, khi làm Tổng tham mưu trưởng (M. Stê-men-cô làm Tổng tham mưu trưởng các Lực lượng vũ trang Liên Xô sau chiến tranh, từ 1948 đến 1952. – ND), tôi còn có dịp ăn với Xta-lin không những ở Mát-xcơ-va, mà ở cả miền Nam, những lần được triệu tập đến báo cáo, trong những kỳ đồng chí đi nghỉ mát. Nghi thức những bữa ăn ở đây thường cũng hết như thế.

Nhưng, hãy trở về với những chiến dịch ở miền Pri-ban-tich. Mùa đông năm 1944, Bộ tổng tham mưu và Đại bản doanh đang nghiên cứu những ý

định mới đối với khu vực này. Ta dự kiến giải vây xong Lê-nin-grát thì sẽ thay đổi được tình hình ở đây có lợi cho chúng ta.

Những hành động chiến đấu của các phương diện quân Lê-nin-grát và Vôn-khốp để giải phóng thành phố Lê-nin và đánh đuổi bọn chiếm đóng phát-xít Đức ra khỏi vùng đất đai Lê-nin-grát đến cuối tháng Hai thì kết thúc. Đây là một chiến thắng rực rỡ. Tất cả những người tiến bộ trên thế giới, lo lắng theo dõi đời sống và cuộc chiến đấu của thành phố đã phải chịu bao đau khổ ấy, rất sung sướng với chiến thắng đó. Bộ đội xô-viết từ bờ sông Nê-va tiến thẳng đến bờ sông Nac-va, những bước chân rắn chắc tiến vào lãnh thổ của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô-viết E-xtô-ni-a, tới Pơ-xcốp, tiếp cận đến Ô-xtơ-rốp.

Những hoạt động của phương diện quân Pri-ban-tích 2, một bộ phận hợp thành của chiến dịch phá vây cho Lê-nin-grát diễn ra ít kết quả hơn, chỉ mới hoàn thành được phần nhiệm vụ thứ nhất là kiềm chế những lực lượng của tập đoàn quân 16 của địch và đánh chiếm Nô-vô-sô-côn-ni-xki. Các trận đánh rất ác liệt, nhưng không phát triển đột phá sâu được và bộ đội phải dừng lại ở phía Đông I-đri-txa chừng 40 tới 45 ki-lô-mét. Ở mặt Nam, phương diện quân Pri-ban-tích 1 dừng lại trên những đường tiếp cận đến Pô-lốt-xcơ và Vi-tép-xcơ

Kết quả của chiến sự diễn biến như trên, đưa bộ đội ta đến trước hệ thống phòng ngự sâu thành nhiều tuyến của địch, có hệ thống công trình phát triển, chẳng hạn như khu vực phòng tuyến kiên cố Pơ-xcốp – Ô-xtơ-rốp nằm trên dọc con đường mà lực lượng chủ yếu của tập đoàn quân Đức 16 đã đưa từ mặt phía Nam vào.

Từ giữa tháng Hai, Bộ tổng tham mưu lại bắt tay vào nghiên cứu ý định những chiến dịch mới, nhằm tiêu diệt địch trên đất đai miền Pri-ban-tích. Như thường lệ, A. I. An-tô-nốp phụ trách việc này. Tôi được tham gia muộn hơn một ít, sau khi đi công tác ở Crưm về.

Phương diện quân Vôn-khốp không để thành một phương diện quân nữa mà được giải thể ngày 15 tháng Hai. Đề nghị giải thể phương diện quân ấy là của L. A. Gô-vô-rốp. Đồng chí cho rằng vì lợi ích của việc thống nhất chỉ

huy trên hướng Vôn-khốp, toàn bộ dải hoạt động của phương diện quân Vôn-khốp cần chuyển thuộc quyền đồng chí. Đại bản doanh đồng ý, nhưng sau này, xét ra việc ấy là sai lầm. Không bao lâu, thực tế chiến đấu đòi hỏi phải thành lập phương diện quân Pri-ban-tích 3 ngay trên khu vực này.

Suy nghĩ về những chiến dịch mới ở miền Pri-ban-lích, Bộ tổng tham mưu có ý định buộc địch phải phân tán lực lượng của chúng ra thành mấy hướng, đồng thời chúng ta cố gắng tập trung những lực lượng và phương tiện của mình trên những khu vực quyết định. Theo nguyên tắc chung ấy, phương diện quân Lê-nin-grát sẽ mở mũi đột kích chủ yếu vào eo đất Nác-va, trên hướng Pi-ác-nu, từ phía Bắc vu hồi vào Tác-tu.

Một mũi đột kích thứ yếu, nhưng cũng khá mạnh, của phương diện quân, sẽ đột kích vào Pơ-xcôp và dự kiến là từ đó sẽ phát triển thẳng lợi xuống hạ lưu sông Tây Đvi-na. Cuối cùng, một bộ phận lực lượng phải đi vòng qua hồ Tsút xuôi về mặt phía Nam, cũng tiến công vào Tác-tu.

Mũi đột kích chủ yếu của phương diện quân Pri-ban-tích 2, như trước kia, nhằm thẳng vào I-đri-txa, Rê-đéc-ne, còn những mũi đột kích thứ yếu thì chuẩn bị vào Ô-xtơ-rốp và Ô-pô-tơ-ca.

Chiến dịch của cánh phải phương diện quân Pri-ban-tích 1 dự tính ở trên hướng Xe-be-giơ, tiếp giáp với mặt Nam I-đri-txa. Còn lực lượng chủ yếu của phương diện quân thì dự định sẽ phát triển tiến công tới Vi-tép-xcơ.

Theo ý định, những nỗ lực hợp nhất ở hai bên sườn tiếp giáp nhau của hai phương diện quân Pri-ban-tích 1 và Pri-ban-tích 2 phải tạo cho được biến chuyển lớn ở I-đri-txa và có ảnh hưởng tích cực đến tiến trình của toàn bộ chiến dịch ở miền Pri-ban-tích.

Tương quan của những mũi đột kích ấy không những sẽ phá vỡ phòng ngự của quân Đức mà còn có triển vọng cô lập chúng ở miền Pri-ban-tích và cho phép quân ta tiến ra Ri-ga.

Ý kiến của Bộ tổng tham mưu được Đại bản doanh hoàn toàn tán thành, và trên cơ sở đó, ngày 17 tháng Hai 1944, đã giao nhiệm vụ cho các phương diện quân Pri-ban-tích 2 và Pri-ban-tích 1. Để phối hợp hành động của hai phương diện quân ấy, Đại bản doanh đã cử nguyên soái Liên Xô X. C. Ti-

mô-sen-cô đại diện cho Đại bản doanh, tới miền Pri-ban-tích. Tôi được chỉ định làm tham mưu trưởng của đồng chí.

Nhận nhiệm vụ ấy, cứ thẳng thắn mà nói, tôi chẳng phấn khởi gì, vì một là những chiến dịch trước đây ở miền Pri-ban-tích không đạt được kết quả lắm, hai là tôi được biết Xê-mi-ôn Côn-xtan-ti-nô-vích Ti-mô-sen-cô hay có thái độ nghi ngờ đối với các cán bộ của Bộ tổng tham mưu. Nhưng mệnh lệnh là mệnh lệnh. Tôi liền nghiên cứu cẩn thận tài liệu, chọn những sĩ quan giúp việc mình và sẵn sàng lên đường.

Đến ngày giờ, chúng tôi tập trung ở sân ga Ri-ga. Nguyên soái đến muộn một ít, người phụ trách chuyển tàu đặc biệt gồm có mấy toa, tỏ ra lo lắng, vì ngại rằng tàu chỉ khởi hành chậm một chút thôi là sẽ bị nghẽn lại trên đường hàng tiếng đồng hồ, bởi việc vận chuyển bằng đường sắt bấy giờ rất nặng.

Cuối cùng, nguyên soái đến, vẻ không vui: đồng chí chào qua loa anh em, rồi lên xe. Chúng tôi ngồi ở một toa khác. Tàu chuyển bánh, lao đi ngay.

Một lát sau, tôi được mời đến gặp nguyên soái để ăn tối, bữa ăn biến thành một buổi giải thích rất khó chịu.

- Người ta phái anh đi với tôi để làm gì? – nguyên soái hỏi ngay và không chờ tôi trả lời, đã nói tiếp: – Muốn dạy chúng tôi, những người già (Thực ra, năm ấy Ti-mô-sen-cô mới 49 tuổi. – ND.), muốn giám sát chúng tôi ư? Vô ích!.. Khi các anh còn mặc quần thụng đũng thì chúng tôi đã chỉ huy sư đoàn chiến đấu giành lại Chính quyền xô-viết cho các anh rồi. Các anh tốt nghiệp các học viện và nghĩ rằng mình có thể nắm được cả râu Thánh đấy hử... Anh bao nhiêu tuổi lúc cách mạng bắt đầu?

Tôi trả lời là lúc đó tôi vừa tròn 10 tuổi, và tất nhiên chưa thể có một chút đóng góp gì cho cách mạng.

- Ra thế! – nguyên soái kết thúc, vẻ trịnh trọng.

Câu chuyện làm tôi băn khoăn. Tôi nhấn mạnh rằng tôi chỉ thực hiện có mỗi một nhiệm vụ giao cho tôi lúc có mặt X C. Ti-mô-sen-cô. Ngoài ra, tôi không có nhiệm vụ nào khác. Bản thân tôi rất kính trọng đồng chí và sẵn

sàng học tập đồng chí. Nếu đồng chí cần tôi giúp việc gì, tôi sẽ làm tất cả những gì mà mình có thể làm được.

- Thôi được, nhà ngoại giao ạ, – Xê-mi-ôn Côn-xtan-ti-nô-vích nói có vẻ dụi đi một ít, – thôi ta đi ngủ. Thời gian sẽ cho biết rõ giá trị của từng người chúng ta.

Đấy, tôi bắt tay vào chấp hành những nhiệm vụ mới của mình với lời chúc (động viên) như thế đấy.

Ngày 28 tháng Hai, chúng tôi đến sở chỉ huy phương diện quân Pri-ban-tích 2 ở Xpi-tsi-nô. Đại tướng M. M. Pô-pốp đã tạo cho chúng tôi mọi tiện nghi có thể được trong điều kiện chiến đấu: dành cho tất cả chúng tôi một căn nhà của người nông dân có hầm đào sẵn bên cạnh.

Ngày hôm sau, 29 tháng Hai, X. C. Ti-mô-sen-cô tìm hiểu tình hình và xác định cho rõ thêm những vấn đề hiệp đồng giữa hai phương diện quân. I. Kh. Ba-gra-mi-an cùng đến Xpi-tsi-nô. Tôi đã có cảm tình sâu sắc với đồng chí từ những ngày đồng chí còn làm giáo viên của chúng tôi ở Học viện Bộ tổng tham mưu. Tham gia chiến tranh, I-van Khơ-ri-xtô-phô-rô-vích Ba-gra-mi-an làm trưởng ban tác chiến của phương diện quân, sau đó làm tham mưu trưởng phương diện quân, rồi chỉ huy xuất sắc tập đoàn quân. Giải quyết bất kỳ vấn đề tác chiến nào với đồng chí cũng đều thấy nhẹ nhàng đơn giản.

Đồng chí hội ý với M. M. Pô-pốp rất nhanh để nắm mọi tình hình, rồi cả hai vị tư lệnh báo cáo với nguyên soái là phương diện quân của các đồng chí sẵn sàng bắt đầu tiến công vào ngày 1 tháng Ba. Thời hạn này đúng với thời hạn dự định trong kế hoạch, và các đồng chí tư lệnh cũng không bổ sung, sửa đổi gì vào kế hoạch chiến dịch, nên Xê-mi-ôn Côn-xtan-ti-nô-vích cũng không phải giải quyết gì hơn ngoài việc cho phép tiến công.

Có một số tác giả xác định một cách sai lầm rằng ngày 1 tháng Ba 1944, phương diện quân Pri-ban-tích 2 đã chuyển sang phòng ngự. Trong thực tế, các sự kiện đã phát triển một cách khác hẳn.

Ngày 1 tháng Ba, hồi 11 giờ 20 phút, sau khi pháo bắn chuẩn bị, bộ đội của các phương diện quân Pri-ban-tích 1 và 2 tiến công vào trận địa quân địch. Kết quả chiến đấu ngày thứ nhất trong dải của phương diện quân Pri-ban-tích 2 rõ ràng không đạt yêu cầu. Cả ngày hôm ấy, chúng tôi ở tại đài quan sát của phương diện quân, và tận mắt trông thấy quân Đức phòng ngự ngoan cố như thế nào, hỏa lực pháo binh và súng máy của chúng vô cùng dày đặc. Bộ binh chúng ta thật không sao tiến lên được.

Phương diện quân Pri-ban-tích 1 lúc đầu đạt được một số kết quả nhưng sau đó không thể phát triển được. Qua việc lấy khẩu cung tù binh mới biết rằng, quân địch đã biết được cuộc tiến công của ta và đã chuẩn bị đối phó. Chúng tổ chức hệ thống hỏa lực, có tính đến những mũi đột kích của ta, và đã làm nhiều động tác ngụy trang, che mắt trinh sát viên xô-viết. Trong quá trình pháo bắn chuẩn bị, chúng ta vẫn không chế áp mạnh được phòng ngự địch. Không quân lại không chi viện được bộ binh, thời tiết xấu làm hạn chế hoạt động của máy bay. Ngày hôm sau, ta vẫn đột kích nhưng hiệu quả cũng vẫn thấp.

Tiếp tục tiến công không có tác dụng, ta tạm thời ngừng lại. Cần phải phát hiện tận gốc những nguyên nhân làm ta đành không thắng và suy nghĩ để tìm cách tổ chức mọi việc trong những ngày sắp tới được tốt hơn. Vì vậy, sáng ngày 3 tháng Ba, mọi người lại họp ở sở chỉ huy phương diện quân Pri-ban-tích 2. Hội nghị họp lâu và đi tới kết luận chung là: nếu không có ưu thế lực lượng và phương tiện lớn hơn quân địch thì việc đột phá vào phòng ngự rất mạnh của địch trên hướng I-đri-txa không thể đạt được kết quả mong muốn và nhanh chóng được. Đánh ở đây sẽ không tránh được thiệt hại nặng và tổn phí đạn dược nhiều. Trinh sát lại báo cáo là quân địch đã điều thêm ba sư đoàn bộ binh và một sư đoàn xe tăng nữa tới khu vực I-đri-txa.

Chiến dịch được quyết định hoãn lại 8 tới 10 ngày. Ta dự định trong thời gian này sẽ bổ sung bộ đội, tích lũy đạn dược và chờ quân đoàn kỵ binh 3 đến. Theo đề nghị của chúng tôi, quân đoàn kỵ binh 3 sẽ đến tăng cường cho phương diện quân Pri-ban-tích 2.

Tất cả mọi người đều nhất trí là nên tránh đột phá trên một địa đoạn hẹp ngoài mặt trận, vào chính diện tập đoàn I-đri-txa của địch. Hợp lý hơn là nên mở rộng chính diện tiến công để chọn hướng có lợi hơn mà vu hồi vào phía Bắc I-đri-txa. Những ý kiến trên, chúng tôi viết lại thành ý kiến đề nghị, kèm theo kế hoạch chiến dịch cụ thể, gửi về Đại bản doanh ngay trong ngày hôm ấy.

Mũi đột kích chủ yếu của phương diện quân Pri-ban-tích 2 sử dụng lực lượng của hai tập đoàn quân, dự định sẽ đột kích ở phía Bắc đường sắt Puxtô-sca – I-đri-txa, thẳng về phía Tây. Hầu như mọi lực lượng và phương tiện của các hướng thứ yếu đều dồn về đây. Riêng ở chỗ tiếp giáp với phương diện quân Lê-nin-grát thì để lại tất cả, chỉ có một sư đoàn và một lữ đoàn. Phương diện quân Pri-ban-tích 1 sẽ đột kích từ khu vực phía Tây Nê-ven dọc theo con đường sắt ấy, và cũng sử dụng lực lượng của hai tập đoàn quân.

Mấy giờ sau, Mát-xcơ-va có điện trả lời. Chúng tôi đọc lệnh rằng: nhiệm vụ chủ yếu là đưa chủ lực của phương diện quân Pri-ban-tích 2 sang tả ngạn sông Vê-li-cai-a vào phía Bắc I-đri-txa và bằng những nỗ lực chung của hai phương diện quân, tiêu diệt được cánh quân I-đri-txa của địch. Trong bất kỳ trường hợp nào, cũng không được phép làm yếu chỗ tiếp giáp với phương diện quân Lê-nin-grát. Phương diện quân Pri-ban-tích 1 thì vẫn đột kích vào Xe-be-giơ như cũ.

Như vậy là Đại bản doanh lại nhắc chúng tôi một lần nữa là chủ yếu phải lưu ý tới khu vực I-đri-txa.

X. C. Ti-mô-sen-cô ở vào một tình thế rất khó xử. Đồng chí biết rằng Hội đồng quân sự phương diện quân Pri-ban-tích 2, ngay từ hồi tháng Giêng 1944 đã phản đối việc tập trung những nỗ lực trên hướng I-đri-txa. Các đồng chí chứng minh rằng chiến dịch ở đây không có triển vọng, vì mật độ quân địch dày đặc, các đội dự bị của chúng cơ động dễ dàng, vì đặc điểm địa hình và nhiều hoàn cảnh khác nữa. Hội đồng quân sự phương diện quân đề nghị đột kích ít sâu hơn vào Nô-vô-rơ-giép, ở đó sau này có thể hợp nhất được những nỗ lực của một số tập đoàn quân.

Hồi đó I. V. Xta-lin đã đồng ý với đề nghị ấy. Nhưng đã qua hơn một tháng rồi. Tình hình đã thay đổi mà tư lệnh phương diện quân và những cán bộ chủ trì khác trong phương diện quân vẫn giữ ý kiến như trước. X. C. Ti-mô-sen-cô không thể không lưu ý đến việc này, vả lại ngay chính đồng chí cũng đã đồng tình trong một chừng mực nào với các đồng chí trên trong cuộc họp ngày 3 tháng Ba. Nhưng mặt khác, bây giờ đồng chí lại là đại diện của Đại bản doanh, và phải thực hiện nghiêm chỉnh những yêu cầu của Đại bản doanh.

Lại còn những điều phức tạp khác nữa. Một số tư lệnh tập đoàn quân vẫn không thoát ra khỏi cái định kiến cho rằng quân địch nhất định phải tự rút sang bên kia sông Vê-li-cai-a, như vậy thì đánh làm gì cho thiệt người và phí đạn? Cứ chờ thêm một thời gian nữa rồi hãy tiến công có hơn không?

Sau những trận đánh không thắng ngày 1 và 2 tháng Ba, những chuyện về bọn phát-xít Đức sẽ rút quân về phía sau gần như thôi không ai nói nữa. Quân địch đã chứng minh hành động là chúng không nghĩ tới việc giao lại trận cho ta. Nhưng, ai có thể cam đoan rằng tất cả những người đứng ra tổ chức cuộc tiến công của chúng ta đều vững tin như vậy

Nguyên soái cùng với chúng tôi chia nhau đi từ tập đoàn quân này sang tập đoàn quân khác, suốt ngày làm việc dưới các đơn vị, kiểm tra tình hình bộ đội, giúp đỡ, thuyết phục các đồng chí thấy sự cần thiết phải tiêu diệt tập đoàn I-đri-txa của địch. Cũng như ở những mặt trận khác, bộ đội ở đây rất tốt, biết đánh, đánh dũng cảm và tin tưởng, tất cả chỉ còn phụ thuộc vào công việc tổ chức.

Tôi yêu cầu tăng viện cho nhóm mình. Bộ tổng tham mưu phái đến cho tôi thêm một số sĩ quan, trong số đó có đại tá Cru-tri-nin gặp phải việc không may. Đồng chí đi bằng máy bay Po-2. Đồng chí phi công đề nghị không đổ xuống sân bay, vì từ sân bay còn phải đi một chặng đường xa nữa mới tới sở chỉ huy, và tìm một địa điểm thuận tiện nào đó gần sở chỉ huy để hạ cánh là tốt hơn cả. Đại tá đồng ý, và các đồng chí đã hạ nhằm xuống ngay một bãi mìn của quân Đức. Cũng thật lạ: máy bay không bị phá nổ, nhưng lúc ra khỏi bãi mìn thì đồng chí phi công bị thương nặng. Cru-tri-nin lại an toàn vô sự. Còn máy bay thì phải mất mấy ngày mới kéo ra được.

Ngày 10 tháng Ba, cuộc tiến công lại bắt đầu. Ta tiến công quyết liệt nhưng kết quả chỉ thọc được vào phòng ngự địch có hai đoạn, một đoạn với chính diện 25 ki-lô-mét và một đoạn 20 ki-lô-mét, còn chiều sâu thì chừng 7 tới 9 ki-lô-mét.

Sang ngày 18 tháng Ba, X. C. Ti-mô-sen-cô lại triệu tập hội nghị các tư lệnh phương diện quân, ủy viên Hội đồng quân sự và tham mưu trưởng. Cuộc họp tiến hành tại sở chỉ huy của N: E. Tst-bi-xốp, ở tập đoàn quân đột kích 3, nơi tiếp giáp giữa hai phương diện quân. I. Kh.Ba-gra-mi-an, Đ. X. Lê-ô-nốp và V. V. Cu-ra-xốp đại biểu cho phương diện quân Pri-ban-tích 1; M. M. Pô-pốp, N. A. Bun-ga-nin và L. M. Xan-đa-lôp đại biểu cho phương

diện quân Pri-ban-tích 2. Hội nghị thảo luận nội dung báo cáo tổng kết gửi về Đại bản doanh và bàn về kế hoạch những hành động sau này.

Được nguyên soái ủy nhiệm, tôi thông báo tóm tắt tình hình ngoài các mặt trận (như ta thường nói là để cho đúng thủ tục chứ mọi người ở đây đều đã hiểu rất rõ tình hình), sau đó thì báo cáo những dự kiến sắp tới. Ti-mô-sen-cô muốn nghe ý kiến của các bộ tư lệnh phương diện quân về những dự kiến ấy. Cả hai tư lệnh phương diện quân phát biểu ý kiến của mình. Về nguyên tắc, những quan điểm của các đồng chí ấy cũng thống nhất với chúng tôi và cũng không thể khác hơn được. Sở dĩ như vậy, là vì chúng tôi đã trao đổi với nhau trong khi làm việc. Chủ yếu là chúng tôi xác định cho rõ từng chi tiết và các đề nghị bổ sung mà chỉ Đại bản doanh mới có thể thỏa mãn được.

Sau đó, Cu-ra-xốp, Xan-đa-lôp và tôi sang căn nhà bên, viết báo cáo gửi lên I. V. Xta-lin. Chừng hai giờ sau, báo cáo làm xong, chúng tôi đọc lại và ký tên.

Những kết quả không đáng kể của đợt tiến công vừa qua cùng với những thiệt hại của chúng ta, được báo cáo lên Tổng tư lệnh tối cao. Những nguyên nhân vì sao đánh không thắng, được trình bày khá tỉ mỉ. Đặc biệt có nêu rõ là địch đã điều được sư đoàn bộ binh 24, sư đoàn bộ binh nhẹ 28 và sư đoàn xe tăng 12 từ mặt trận Lê-nin-grát, và những sư đoàn bộ binh 132, 290 và 83 từ các khu vực ngoài mặt trận miền Pri-ban-tích về hướng I-đri-txa.

Đồng thời, có nói rõ cả những vấn đề như: trong điều kiện phức tạp của miền Pri-ban-tích thì việc chuẩn bị tiến công phải tỉ mỉ, cẩn thận hơn nữa, và tổ chức chiến đấu cần phải tốt hơn. Chúng tôi lại đề nghị lên Đại bản doanh chuẩn y cho thời hạn một tháng để chuẩn bị chiến dịch mới ngay trên hướng I-đri-txa này. Trong số những đề nghị gửi lên trên, có hai đề nghị cơ bản nhất là: xin bổ sung đạn dược cho các phương diện quân và tăng quân số các sư đoàn lên từ 5.000 tới 6.000 người.

Đại bản doanh đồng ý với tất cả các đề nghị ấy, và chúng tôi lại đem hết nghị lực ra bắt tay vào việc.

Ti-mô-sen-cô không còn có vẻ khó chịu với tôi như trước đây nữa. Chúng tôi làm việc với nhau càng nhiều thì quan hệ với nhau càng thêm chân thành.

Một tối nào đấy, nhân lúc uống trà, đồng chí bỗng nói:

- Giờ tôi mới biết rằng anh không phải là con người mà tôi nghĩ.

- Vậy nguyên soái đã cho tôi là con người thế nào, – tôi hỏi.

- Tôi nghĩ rằng anh được Xta-lin chỉ định đặc biệt để giám sát tôi. Tôi hoài nghi vì chính Xta-lin nói đến tên anh ngay khi đặt vấn đề tìm ai làm tham mưu trưởng...

Thế là tới hôm ấy, vấn đề “Cha và con” (Văn hào Nga I. X. Tuốc-ghê-ni-ép viết cuốn tiểu thuyết nổi tiếng “Cha và con”, chủ đề là: giữa các thế hệ cha với con, già với trẻ, thường không tránh được mâu thuẫn do những quan điểm không thống nhất với nhau.) được giải quyết xong, đầu ra đấy. Thật vậy, trước đây tôi vẫn kính trọng con người có công lao ấy, nhưng chỉ trong quá trình cùng nhau làm việc ở miền Pri-ban-tích, tôi mới có thể đánh giá được thật đầy đủ về đồng chí. Thành thật mà nói rằng tôi rất tiếc vì phải chia tay với Ti-mô-sen-cô, khi được gọi trở về Bộ tổng tham mưu.

Tháng Tư, trước khi bắt đầu tiến công lại ở miền Pri-ban-tích, nguyên soái lại tự mình đề nghị xin tôi trở lại nhận nhiệm vụ tham mưu trưởng cho đồng chí. Nhưng tôi không được phép đi. Tôi giới thiệu với đồng chí: trung tướng N. A. Lô-mốp, cục phó Cục tác chiến của tôi. X. C. Ti-mô-sen-cô nhận lời giới thiệu này. Lúc ở mặt trận về, gặp tôi, nguyên soái rất khen ngợi Lô-mốp, và hết sức tự nhiên, đồng chí nói thêm:

- Thì ra ở Bộ tổng tham mưu cũng có nhiều người tốt...

Cuộc tiến công tháng Tư ở miền Pri-ban-tích từ tuyến sông Nác-va và những đường tiếp cận phía Đông tới Pơ-xốp Ô-xtơ-rốp, I-đri-txa, Pô-lôt-xcơ và Vi-tép-xcơ, lại đạt được ít kết quả. Các phương diện quân không tiến lên được bao nhiêu, và cũng không làm cho địch bị thất bại theo như tính toán của ta. Các phương diện quân đang tác chiến ở đây phải tạm dừng tất cả lại cho đến tháng Bảy 1944. Trong thời gian ấy, Bộ tổng tham mưu nghiên cứu lại vấn đề tiêu diệt cánh quân Pri-ban-tích của địch và cả vấn đề cô lập toàn bộ Cụm tập đoàn quân “bắc” ra khỏi miền Đông Phổ

Phòng ngự của địch ở miền Pri-ban-tích có bốn trung tâm phòng ngự chủ yếu là: Nác-va, Pơ-xcôp, Ô-xtơ-rốp và Ri-ga. Những lực lượng chủ yếu của Cụm tập đoàn quân “bắc” của chúng tập trung vào những nơi ấy. Tất nhiên là Ri-ga giữ vai trò chủ yếu, vì nó yểm hộ những con đường tiếp cận tới Đông Phổ.

Chúng ta cho rằng đặc điểm phòng ngự như vậy của quân Đức cho phép ta mở những mũi đột kích thọc vào khoảng giữa các trung tâm phòng ngự để làm lung lay phòng tuyến của chúng, chia cắt Cụm tập đoàn quân “Bắc” và tiêu diệt chúng từng bộ phận một.

Chúng ta còn cho rằng, trong thời gian tiếp theo, quân địch buộc phải tự tháo lui, mà nói đúng hơn là phải tự rút sinh lực và những phương tiện chiến đấu ra khỏi đây, để bảo vệ lấy những hướng và những khu vực quan trọng có tính chất sống còn khác như hướng Béc-lin và Đông Phổ. Tất nhiên, điều đó còn tùy thuộc vào sự phát triển thắng lợi của chúng ta trên hướng chiến lược phía Tây.

Tình hình như thế buộc địch nhất định phải điều quân của chúng từ Pri-ban-tích sang Đông Phổ. Đối với nước Đức phát-xít, đất Đông Phổ rất quý, không phải chỉ vì đó là sào huyệt của chủ nghĩa quân phiệt đang cơn điên cuồng và là vựa thóc của nước Đức. Trong tình hình nhất định, Đông Phổ đã thành căn cứ bàn đạp uy hiếp bên sườn tập đoàn trung tâm của ta, và còn là khu vực tối quan trọng để cho hạm đội địch lập căn cứ nữa.

Vì quan niệm như thế nên đã lâu chúng ta rất chú ý tới Si-a-u-lai. Từ đó, ta có thể cho quân ta quặt lên phía Bắc- về phía Ri-ga, và sang phía Tây-vào hướng Me-men. Hình thái chung của ý định đột kích vào Ri-ga được vạch ra hồi tháng Năm 1944, trên bản đồ công tác của A. I. An-tô-nốp, cùng với kế hoạch “Ba-gra-chi-on”.

Theo kế hoạch “Ba-gra-chi-on” thì chỉ cần những lực lượng chủ yếu của phương diện quân Pri-ban-tích 1 cũng để đánh chiếm Si-a-u-lai, và sẽ đánh thẳng vào khu vực ấy. Trong trường hợp tối cần, có thể điều tới đây những lực lượng dự bị của Đại bản doanh: tập đoàn quân 51 và tập đoàn quân cận

vệ 2. Địa hình ở đây cho phép sử dụng những tập đoàn bộ đội đông quân số và nhiều loại vũ khí.

Chính Si-a-u-lai là một trung tâm giao thông lớn, nối liền Pri-ban-tích với Đông Phổ; chiếm được Si-a-u-lai thì làm cho quân địch gặp rất nhiều khó khăn khi cơ động. Còn từ Si-a-u-lai quặt đi đâu và bao giờ quặt, thì sẽ căn cứ vào tình huống cụ thể mà quyết định sau.

Vấn đề được giải quyết về nguyên tắc như sau: quân ta từ Si-a-u-lai sẽ triển khai quặt về phía nào và vào lúc nào là tùy ở những lực lượng chủ yếu của địch, khi chúng tỏ ra đã bị tê liệt và khi phòng tuyến của chúng dễ dàng bị chia cắt nhất. Về ý định này, ta không gửi cho các phương diện quân một thông báo nào.

Bộ tổng tham mưu đặc biệt chú ý đến cánh đối diện phía Bắc của tập đoàn tiến công của chúng ta ở miền Pri-ban-tích này. Ngay hồi tháng Ba, chúng ta đã thấy rõ rằng phương diện quân Lê-nin-grát bao gồm tất cả bộ đội và toàn dải hoạt động của phương diện quân Vôn-khốp trước đây, nên rất cồng kềnh. Trong biên chế của phương diện quân Lê-nin-grát có 7 tập đoàn quân binh chủng hợp thành, hoạt động trên bốn hướng chiến dịch quan trọng: Vư-boóc-gơ, Tan-lim, Pơ-xcốp, và Ô-xtơ-rốp.

Điều đó có ảnh hưởng không tốt đến việc chỉ huy. Cần phải sửa lại sai lầm này và khôi phục lại phương diện quân đã bị giải thể. Chuyển giao cho phương diện quân mới phần phía Nam dải hoạt động của mình, phương diện quân Lê-nin-grát không phải phụ trách cả khu vực rộng lớn Pơ-xcốp – Ô-xtơ-rốp nữa, để có thể hoàn toàn tập, trung vào khu vực Nác-va và trên hướng Vư-boóc-gơ, nơi đã lập kế hoạch phối hợp chiến dịch chung với phương diện quân Ca-rê-li-a, nhằm tiêu diệt quân đội Phần Lan.

Chúng tôi có bàn tới một phương án khác nữa là mở rộng dải hoạt động của phương diện quân Pri-ban-tích 2 lên phía bắc để giảm bớt những khó khăn cho phương diện quân Lê-nin-grát. Nhưng, chúng tôi đã có kinh nghiệm là phương án đó cũng chưa thật đúng, vì khu vực Pơ-xcốp – Ô-xtơ-rốp là một khu vực độc lập hoàn chỉnh.

Tập đoàn địch đóng ở đây được củng cố mạnh và thật ra đã làm thành ba hướng chiến dịch: mặt phía Bắc tới Tác-tu, A-lúc-xne, Van-ga và mặt phía Tây tới A-lúc-xne, Txe-xít, Ri-ga. Nhiệm vụ bổ sung như vậy cho phương diện quân Pri-ban-tích 2 rõ ràng là quá sức nó, nhất định sẽ làm cho phương diện quân này bị phân tán lực lượng và không hề cải tiến được chút nào công tác chỉ huy bộ đội.

Lối thoát duy nhất đúng trong tình hình bấy giờ là thành lập một phương diện quân mới, phương diện quân Pri-ban-tích 3 và ngày 18 tháng Tư 1944 đã quyết định thành lập.

Trong biên chế của phương diện quân Pri-ban-tích 3, có các tập đoàn quân 42, 67 và 54 trước đó thuộc phương diện quân Lê-nin-grát, sau lại được thêm tập đoàn quân đột kích 1 lấy từ phương diện quân Pri-ban-tích 2 sang. Cơ quan chỉ huy của phương diện quân được thành lập trên cơ sở của cơ quan chỉ huy tập đoàn quân 20. Thượng tướng I. I. Ma-xlen-ni-cốp, trước đó giữ chức phó tư lệnh phương diện quân Lê-nin-grát, được cử làm tư lệnh phương diện quân mới. Trung tướng V. R. Va-sơ-kê-vích, nguyên tham mưu trưởng tập đoàn quân 20, được chỉ định làm tham mưu trưởng phương diện quân.

Thành lập phương diện quân mới, chúng ta hiểu rõ ràng phương diện quân ấy không có triển vọng lớn. Mặt phía trước phương diện quân cách 400 ki-lô-mét là biển, mà trong phạm vi hoạt động như thế, phương diện quân lại phải giải quyết những nhiệm vụ chiến dịch rất lớn.

Tôi đã nói qua rằng hồi đầu tháng Sáu, cùng lúc với việc xây dựng những kế hoạch ở miền Pri-ban-tích, trong Bộ tổng tham mưu đã nghiên cứu kế hoạch chiến dịch Via- Pê-tơ-rô-da-vôt-xơ của phương diện quân Ca-rê-li-a. Cần phải đập tan cái trung tâm phòng ngự ấy của địch, đang kìm hãm những lực lượng đáng kể của bộ đội ta. Giải quyết nhiệm vụ này sẽ làm cho Phần Lan sớm bị loại khỏi vòng chiến, và tất nhiên là sẽ góp phần vào thành công của quân ta ở miền Pri-ban-tích.

Tôi không muốn mô tả tỉ mỉ chiến dịch Via – Pê-tơ-rô-da-vốt-xcơ làm bạn đọc phải chú ý, trệch mất chủ đề chính của chương này. Nhưng, tôi không thể không kể lại đây một việc hơi lạ trong chừng mực nào đó có thể cho thấy rõ tình hình công tác của chúng ta hồi ấy.

Ki-rin A-pha-na-xi-ê-vích Mê-rét-xcốp, tư lệnh phương diện quân Ca-rê-li-a, về báo cáo kế hoạch chiến dịch ở Đại bản doanh, muốn chứng minh một cách trực quan cho I. V. Xta-lin thấy rằng, khu vực phòng thủ của địch mà ta cần phải phá vỡ mạnh đến như thế nào. Nhằm mục đích này, đồng chí mang theo về Mát-xcơ-va những mô hình địa hình làm rất khéo và những tấm ảnh chụp toàn cảnh khu vực bằng máy bay. Mê-rét-xcốp nghĩ rằng làm như thế mới trình bày được dễ dàng mọi tình huống và cho người ta thấy rằng, các trận đánh sắp tới ở đây sẽ gay go đến thế nào, rồi xin Tổng tư lệnh tối cao những lực lượng bổ sung, cùng những phương tiện vật chất khác nữa.

Thời ấy, chúng tôi đã biết rất rõ tính khí của I. V. Xta-lin, nên cố tìm mọi cách can Mê-rét-xcốp đừng nên mang những thứ đó về Crem-li. Vì Tổng tư lệnh tối cao rất không ưa những vật tượng trưng thừa ấy và không thể tha thứ những tội dự đoán mò mẫm về các hành động của địch, ủy viên Hội đồng quân sự, trung tướng T. Ph. Stư-cốp, cũng cho chúng tôi nói là phải. Nhưng đồng chí tư lệnh vẫn cứ không nghe.

Trong lúc báo cáo ở Đại bản doanh, Mê-rét-xcốp lại làm cho khuyết điểm tăng thêm: đồng chí bắt đầu bằng việc trưng bày mô hình và ảnh chụp của mình, trước khi đi vào trình bày thực chất của kế hoạch chiến dịch. I. V. Xta-lin nghe báo cáo như thường lệ cứ đi đi lại lại ở một bên bàn, bỗng dừng lại và ngắt lời Mê-rét-xcốp:

- Sao đồng chí lại đem những đồ chơi của mình ra dọa chúng tôi? Chắc là hệ thống phòng ngự của địch đã thôi miên đồng chí mất rồi ... Tôi e rằng rồi đây không biết đồng chí có thể hoàn thành được nhiệm vụ đã được giao cho không.

Nhưng Mê-rét-xcốp lại đổ thêm dầu vào lửa: xếp “những đồ chơi” sang một bên, đồng chí đề nghị xin ngay những trung đoàn xe tăng hạng nặng và

pháo binh đột phá. Lần này thì quả là đồng chí đã làm cho Xta-lin kích động hẳn lên. Xta-lin nhận xét gay gắt.

- Đồng chí nghĩ rằng đã dọa được chúng tôi rồi, và chúng tôi sẽ phải mở ví ra cho đồng chí tiền đây à?... Chúng tôi không phải là hạng người yếu bóng vía.

Tổng tư lệnh tối cao không cho tư lệnh phương diện quân kết thúc báo cáo và lệnh cho Bộ tổng tham mưu phải phân tích một lần nữa kế hoạch chiến dịch sắp tới, rồi xác định những lực lượng và phương tiện cần thiết cho chiến dịch. Ngày hôm sau, cũng vẫn kế hoạch ấy được đem báo cáo lại lần thứ hai, nhưng báo cáo theo trình tự thông thường. Xta-lin không ngắt lời, gần như không nhận xét gì thêm và thậm chí còn cho một số phương tiện bổ sung để đột phá phòng ngự địch nữa. Khi chúng tôi rời khỏi phòng làm việc, đồng chí còn chúc Mê-rét-xcôp rằng:

- Chúc đồng chí thành công! Chính đồng chí phải làm cho địch sợ, chứ không được chịu chúng...

Sau khi hoàn thành thắng lợi chiến dịch Via – Pê-tơ-rô-da-vốt-xcô, K. A. Mê-rét-xcôp gửi cho tôi hai tập ảnh có những tấm ảnh mới chụp về phòng ngự của địch (lúc này đã bị phá vỡ) và qua điện thoại, đồng chí đề nghị tôi lúc nào tiện dịp thì trình bày cho Xta-lin xem. An-tô-nốp và tôi quyết định không làm như thế, đầu những tấm ảnh ấy rất có ý nghĩa và thực sự giúp cho việc chứng minh rằng phương diện quân Ca-rê-li-a đã hoàn thành một nhiệm vụ cực kỳ khó khăn.

Đầu tháng Bảy 1944, Bộ tổng tham mưu nghiên cứu ý kiến của I. I. Ma-xlen-ni-cốp, Xây dựng xong ý định chiến dịch tiến công của phương diện quân Pri-ban-tích 3. Chiến dịch này tất nhiên chỉ là một bộ phận hợp thành của toàn bộ những hành động của chúng ta ở miền Pri-ban-tích và phải được thực hiện hiệp đồng chặt chẽ với các phương diện quân Lê-nin-grát, Pri-ban-tích 2 và 1.

Nhiệm vụ trước mắt của phương diện quân mới là tiêu diệt tập đoàn Pơ-xcôp – Ô-xtơ-rốp và giải phóng những thành phố Nga cổ kính Pơ-xcô và Ô-

xtơ-rốp khỏi tay quân xâm lược Đức. Sau đó, phương diện quân có nhiệm vụ đánh chiếm Tác-tu và Pi-ác-nu, đồng thời tiến ra phía sau lưng quân địch đang phòng ngự ở khu vực Nác-va.

Đơn vị bạn bên phải là phương diện quân Lê-nin-grát, sẽ đột kích chủ yếu qua eo đất Nác-va trên hướng Pi-ác-nu. Phương diện quân Lê-nin-grát bắt đầu tiến công sau phương diện quân Pri-ban-tích 3 một ít, có nhiệm vụ cùng với phương diện quân Pri-ban-tích 3 tiêu diệt địch ở E-xtô-ni-a, đánh chiếm Tan-lin và sử dụng một phần lực lượng hoạt động ở Tác-tu.

Đơn vị bạn bên trái là phương diện quân Pri-ban-tích 2, tiến công dọc theo bờ phía Bắc sông Tây Đvi-na trên hướng Ma-đô-na, Ri-ga. Những hành động tích cực của phương diện quân Pri-ban-tích 2 triển khai trước chiến dịch của phương diện quân Pri-ban-tích 3.

Như đã nói ở trên, cả phương diện quân Pri-ban-tích 1 cũng chuyển sang tiến công.

Ngày 6 tháng Bảy, Tổng tư lệnh tối cao ra chỉ thị cho phương diện quân Pri-ban-tích 3 về chiến dịch sắp tới. Chừng hai ngày sau, hôm đến báo cáo thường kỳ ở Đại bản doanh, chúng tôi được nghe Xta-lin nói như sau:

- Chưa ai có dịp ở chỗ Ma-xlen-ni-côp. Đồng chí tư lệnh còn non, cơ quan tham mưu ở đây cũng còn non, có nghĩa là các đồng chí ấy còn thiếu kinh nghiệm. Cần phải đến tại chỗ xem xét công việc tiến hành như thế nào, giúp các đồng chí ấy xây dựng kế hoạch và chuẩn bị chiến dịch đánh chiếm Pơ-xcốp và Ô-xtơ-rốp. Tôi nghĩ là Stê-men-cô nên đến đây. Được không? -Xta-lin vừa nói vừa quay sang phía tôi.

- Tôi xin cố gắng, thưa đồng chí Xta-lin.

- Đồng chí lấy thêm những chuyên gia pháo binh và không quân có kinh nghiệm cùng đi. Phương diện quân có ít xe tăng nên không cần lấy cán bộ xe tăng.

Suy nghĩ một phút, Xta-lin nói thêm:

- Nếu như I-a-cô-vlêp và Vô-rô-giây-kin cùng đi với đồng chí thì tốt đấy.

Tôi nhận lệnh trên đi công tác độc lập, lần đầu tiên làm nhiệm vụ đại diện của Đại bản doanh như vậy đấy.

Dù không vội, ngày hôm sau chúng tôi cũng đến địa điểm đã định. Tổng tư lệnh tối cao thường thích các chỉ thị của đồng chí được thực hiện ngay.

Đến sở chỉ huy của Ma-xlen-ni-cốp, như thường lệ, chúng tôi nghe báo cáo tình hình. Tham mưu trưởng V. R. Va-sơ-kê-vích báo cáo trước, sau đó lần lượt đến tư lệnh pháo binh X. A. Cra-xnô-pép-xép, tư lệnh tập đoàn quân không quân N. Ph. Na-u-men-cô, và cuối cùng là chủ nhiệm hậu cần. Nghe các báo cáo, chúng tôi có hỏi Ma-xlen-ni-cốp một số vấn đề. Nghiên cứu quyết tâm của đồng chí xong, chúng tôi đi xuống bộ đội, và trước hết là xuống những đơn vị dự định sẽ làm nhiệm vụ ở mũi đột kích chủ yếu.

Có lẽ chúng tôi làm việc lâu hơn hết ở căn cứ bàn đạp Xtơ-re-giơ-nê-vô bên bờ Tây sông Vê-li-cai-a. Căn cứ bàn đạp này có chính diện 8 ki-lô-mét và chiều sâu từ 2 tới 4 ki-lô-mét. Tất nhiên là nhỏ nhưng không có căn cứ bàn đạp nào khác, ở đó bố trí các đài quan sát của tập đoàn quân xung kích 1 và tập đoàn quân 54. Đứng ở các vị trí, chúng tôi cố gắng quan sát xem địch bố trí như thế nào, nhưng chẳng thấy bao nhiêu, vì rừng che khuất mất tiền duyên phòng ngự của địch. Quan sát sâu vào tung thâm phòng ngự của chúng, lại càng bị hạn chế hơn.

Trên căn cứ bàn đạp của chúng ta, cũng có nhiều cánh rừng và ít ra thì cũng bố trí được ở đây hai quân đoàn, tuy có chặt nhưng lại kín đáo. Làng mạc ở đây thưa thớt và bị tàn phá sạch. Cuối cùng, sau khi đã cân nhắc mọi ý kiến, chúng tôi quyết định dứt khoát là mũi đột kích chủ yếu phải bắt đầu từ đây.

Những con đường ngoài mặt trận hay gợi cho ta nhiều ấn tượng khó quên. Về mùa khô, trên khắp các đoạn đường, bụi rừng thật đặc biệt, lơ lửng từng đám dày đặc xen lẫn với những đám ruồi vàng từ các bụi rậm bay ra, đốt mọi sinh vật không chút thương xót. Còn trong mùa mưa thì đường sá toàn những hố ngập nước, trông đến là sợ. Những chiếc xe vận tải bê bết bùn, gấn máy, lắc lư, lượn ngoằn ngoèo giữa những ổ gà. Các đoàn xe cứ “bò” với tốc độ chậm như rùa, và phải dừng lại luôn luôn. Mỗi lần, các đồng chí

lái xe lại nhảy ra khỏi buồng lái, chèn xuống dưới bánh xe những thanh gỗ vừa to, vừa dài, và cứng, nhờ những biện pháp mà chỉ họ biết, mới cứu được hàng hóa khỏi bị sa lầy.

Các đồng chí chỉ huy mọi cấp đều lo lắng vì đường sá. Các đồng chí đã tìm mọi cách khắc phục, ở những đoạn thật khó đi đã cho rải những vật chống lầy bằng gỗ, xe cứ thế chạy qua như đi trên đường ray vậy. Nhưng chỉ thiếu cẩn thận một chút là bánh xe trượt ra khỏi ván lót, thụt xuống bùn ngập tới tận thùng xe.

Đường sá phần lớn chỉ đi được một chiều, có những chỗ để cho xe tránh nhau; nhưng cũng có đoạn xe đi được cả hai chiều. Khắp nơi, đâu cũng có các đồng chí điều chỉnh. Còn con đường nào ô-tô không thể chạy được thì dùng đến phương tiện vận tải do súc vật kéo. Những con ngựa vô cùng dẻo dai ra sức kéo những chiếc xe tải, còn các anh em đánh xe điềm tĩnh cứ tới các trạm nghỉ thì việc đầu tiên là cầm chiếc hái, luôn luôn để sẵn dưới chỗ ngồi, đi cắt cỏ cho ngựa ăn. Anh em chăm sóc cho ngựa hơn là cho chính bản thân.

Sau khi tìm hiểu bộ đội và nghiên cứu địa hình, chúng tôi cùng với Hội đồng quân sự phương diện quân họp bàn kế hoạch chiến dịch. Có thể nói là mọi việc đều được thảo luận thật triệt để và sáng tạo, rồi tất cả công tác tổ chức được thiết thực tiến hành.

Chỉ còn một bộ phận lực lượng của tập đoàn quân Đức 16 chống lại phương diện quân của chúng tôi. Quân địch không đông lắm, nhưng chúng có công trình phòng ngự vững chắc dựa vào những khu vực kiên cố ở Pơ-xcôp và Ô-xơ-rốp. Nếu ta tiến công võ mạt vào ngay những trung tâm đề kháng mạnh của địch thì không thu được kết quả tốt, nên trong kế hoạch có quy định là phải tiêu diệt lần lượt, trước hết là cánh quân Ô-xơ-rốp, sau đó sẽ vu hồi mặt phía Nam, kết hợp với mũi đột kích đồng thời trên chính diện để tiêu diệt cánh quân Pơ-xcôp của địch.

Nhiệm vụ trước mắt của phương diện quân có chiều sâu tới 120 ki-lô-mét, quy định cho bộ đội xô-viêt được tiến tới tuyến Ô-xơ-rốp – Lư-ép-na – Gun-be-ne và thực hiện qua hai giai đoạn. Trong giai đoạn thứ nhất, sử dụng

lực lượng của tập đoàn quân đột kích 1 do N. Đ. Da-khơ-va-ta-ép chỉ huy và tập đoàn quân 54 do X. V. Rô-ghin-xki chỉ huy, tiến công tiêu hao quân địch ở trước mặt căn cứ bàn đạp Xtơ-re-giơ-nê-vô phía Nam Ô-xtơ-rốp (mũi đột kích chủ yếu bắt đầu từ căn cứ bàn đạp, chỗ sườn tiếp giáp của hai tập đoàn quân thẳng hướng tới Cu-rô-vô, A-úc-spin-xơ, Ma-lu-pe). Sang giai đoạn thứ hai, tập đoàn quân 67 của V. D. Rô-ma-nốp-xki sẽ bước vào chiến đấu, lợi dụng thẳng lợi trên hướng chủ yếu và tiêu diệt quân địch đang phòng ngự trực tiếp ở khu vực Ô-xtơ-rốp.

Nhiệm vụ tiếp sau của phương diện quân là tiến công vào hướng Vư-ru, đồng thời, sư đoàn bên sườn phải của lập đoàn quân 67 từ phía Tây – Nam sẽ vu hồi vào Pơ-xcốp, và tập đoàn quân 42, đang hành động trên chính diện, phải chiếm được Pơ-xcốp, không được để quá ngày 28 hay 29 tháng Bảy. Ta định sau này sẽ từ tuyến Pơ-xcốp – Vư-ru – Đơ-de-ni tiến công vào hướng Tác-tu hoặc Pi-ác-nu.

Kế hoạch của chúng tôi được Đại bản doanh phê chuẩn và ngày mở đầu tiến công ấn định là 17 tháng Bảy. Trước đó chúng tôi lại đi xuống khắp lượt các tập đoàn quân và quân đoàn, nghiên cứu tại chỗ nhiệm vụ của các đơn vị trong tiến công. N. Đ. I-a-cô-vlêp và G. A. Vô-rô-giây-kin thì tăng cường chuẩn bị cho pháo binh và không quân. Nhưng đến tối, tất cả chúng tôi đều kịp về sở chỉ huy của phương diện quân. Chúng tôi cùng nhau tổng kết trong ngày tại đây và viết báo cáo gửi về Mát-xcơ-va.

Ngày 16 tháng Bảy, sát ngày chiến dịch bắt đầu, trong tất cả các tập đoàn quân đều tổ chức trình sát chiến đấu. Từ mờ sáng, các đội trình sát, được pháo binh chi viện mạnh, đều tiến công quân địch. Trong dải tiến công của tập đoàn quân đột kích 1, các chiến sĩ trình sát đã đột nhập vào chiến hào quân Đức, và sau một giờ rưỡi đến hai giờ chiến đấu, đã chiếm được vùng dân cư nhỏ Tra-sơ-ki và trụ lại ở đấy. Tư lệnh tập đoàn quân đã phái thêm những lực lượng bộ binh tới chi viện, nhưng cũng vẫn không tiến sâu về phía trước hơn được. Trên các hướng khác, những đợt tiến công của trình sát không thu được kết quả. Quân địch phòng ngự rất ngoan cố.

Đêm 17 tháng Bảy, chúng tôi tới đài quan sát của tướng N. Đ. Da-khơ va-ta-ép, tư lệnh tập đoàn quân đột kích 1, đặt tại căn cứ bàn đạp Xtơ-re-giơ-nê-vô.

Chúng tôi vượt qua sông Vê-li-cai-a lúc trời còn tối. Cần phải khẩn trương hơn, vì sớm mai sẽ đẹp trời, mọi việc nóng hổi đang chờ ta.

Đài quan sát của tập đoàn quân là một hệ thống chiến hào sâu, cấu trúc trên một điểm cao nhỏ, có những phiến gỗ dày dùng để lát nắp. Chúng tôi đến còn rất sớm, nhưng Da-khơ-va-ta-ép đã chờ chúng tôi ở đấy rồi. Nghe xong báo cáo ngắn gọn của đồng chí, I. I. Ma-xlen-ni-cốp và tôi ngồi vào máy quan sát, còn I-a-cô-vlép và Vô-rô-giây-kin làm việc với các cán bộ thuộc binh chủng của mình.

Cũng như mọi khi, rõ ràng là vào lúc này thần kinh của từng người có mặt ở đài quan sát đều hết sức căng thẳng. Các đồng chí trao đổi với nhau thật khẽ, dường như sợ phá mất giây phút trang trọng ấy. Mọi việc đều đã được chỉnh lý và chuẩn xác kỹ từ lâu, nhưng người nào cũng như muốn kiểm tra lại một cái gì, xác định lại cho rõ một vấn đề gì thêm. Các trợ lý như đang “bắt quyết” trên những tấm bản đồ. Các hiệu thính viên rạp người xuống máy. Bị cảm giác sốt ruột thôi thúc, lúc thì đồng chí này, lúc đồng chí khác nhìn vào đêm tối, hướng sang phía quân địch.

Nhưng phút quyết định đã đến và không khí bỗng thay đổi hẳn. Mọi người như náo động hẳn lên cùng với loạt đạn pháo thứ nhất. Các đồng chí bắt đầu nói to. Không quân ta xuất hiện trên bầu trời. Các đồng chí phi công lợi dụng thời tiết tốt đã hoạt động tuyệt đẹp trong buổi sáng hôm ấy, tiếng bom lẫn với tiếng đại bác nổ vang trời.

Hệ thống hỏa lực của địch bị chế áp mãnh liệt, và bộ binh vững vàng xông lên xung phong. Một lát sau, những báo cáo đầy triển vọng đã gửi về: bộ đội ta đã thọc sâu vào tuyến phòng ngự của sư đoàn bộ binh 83 quân Đức và đang phát huy thắng lợi ở cả trong tung thâm và hai bên sườn, đang “cuốn” phòng ngự của địch lại.

Ở tập đoàn quân 54, mọi việc cũng diễn biến tốt. Tuyến phòng ngự của quân địch ở đây cũng đã bị chọc thủng.

Đã thấy giải tù binh về. Sau khi lấy khẩu cung, ta xác định được thêm rằng: phía trước chính diện của hai tập đoàn quân chúng ta là những sư đoàn bộ binh 32, 83 và 218 của địch cùng với một số trung đoàn bảo vệ, tổ chức thành đội hậu vệ của chủ lực quân Đức và chúng đã bắt đầu rút về phía Tây.

Những tin địch rút quân nhận được đây là tin mới, nhưng không phải là tin bất ngờ. Chúng ta đã dự kiến là bộ chỉ huy phát-xít Đức có thể tìm cách tránh đòn đột kích giáng xuống tập đoàn quân 16 của chúng và bố trí để đón bộ đội xô-viet chúng ta ở một nơi nào đó trong tung thâm. Vì thế, trong tập đoàn quân đột kích 1 và tập đoàn quân 54 đã thành lập trước những binh đoàn cơ động, với biên chế rất gọn nhẹ. Binh đoàn cơ động của tập đoàn quân Da-khơ-va-ta-ép có một trung đoàn bộ binh của sư đoàn 85, lữ đoàn xe tăng 16 và trung đoàn pháo tự hành 724. Còn binh đoàn cơ động của tập đoàn quân Rô-ghin-xki gồm có sư đoàn bộ binh 288 và lữ đoàn xe tăng 122. Giờ đây đã đến lúc tung các binh đoàn ấy ra hoạt động.

Các binh đoàn cơ động tức khắc truy kích quân địch, và Ma-xlen-ni-cốp đề nghị chúng tôi chuyển sang đài quan sát của phương diện quân. Nhưng chúng tôi từ chối vì muốn được hòa mình vào nhịp đập của cuộc chiến đấu. Chúng tôi đi theo bộ đội và hứa là đến đêm sẽ quay về đài quan sát.

Con đường chúng tôi tiến quân gần thị trấn Pu-skin-xki-ê Gô-rư. Ngôi mộ của nhà thơ vĩ đại ở đây, trong tu viện cũ Xvi-a-tô-gô-rơ-xki. Nhà thơ đã trải qua hơn hai năm bị quản thúc trong trang viên Mi-khai-lốp-xcôi-ê ở gần đấy. Chúng tôi biết những điều ấy từ những ngày thơ ấu, và trong trí tưởng tượng của chúng tôi cứ hiện ra rất sinh động hình ảnh của nhà thơ bị cấm cố, của người bảo mẫu gầy gò lưng còng A-ri-na Rô-đi-ô-nốp-na, của I. I. Pu-sin và của anh chàng cận thị A. A. Đen-vít đến thăm bạn bị quản thúc.

Ở đây Pu-skin đã hoàn thành tác phẩm “Di-gan”, viết tác phẩm “Bô-rít Gô-đu-nốp” và những chương chính của cuốn “Ép-ghê-nhi Ô-nê-ghin”, nhiều bài thơ trữ tình sau đã phổ thành nhạc. Tất cả những sáng tác ấy, đều đã thành những công trình không thể không có được trong nền văn hóa của chúng ta, và cả trong những suy nghĩ của người Nga, cũng không thể nào

thiếu những thứ ấy được. Vậy thì ai có thể thờ ơ khi đi qua những thắng tích như thế. Cố nhiên là chúng tôi đã ghé vào thăm.

Pu-skin-xki-ê Gô-rư được giải phóng ngay trước khi những lực lượng chủ yếu của phương diện quân Pri-ban-tích 3 bắt đầu tiến công. Đại đội bình định của địch không làm ăn gì được với quân du kích của ta, và một số phân đội dã chiến của địch đã bị đánh bật ra khỏi vùng này một cách nhục nhã. Các chiến sĩ công binh của ta đã kịp thời đặt những tấm biển báo hiệu đề phòng “mìn”. Chúng tôi còn thấy những tấm biển đề phòng ấy ngay ở chân bậc thang phía trước tu viện và bên ngôi mộ của Pu-skin.

Chỗ nào cũng bị hủy hoại tan hoang. Tu viện Xvi-a-tô-gô-rư-xki, một di tích kiến trúc hiếm có của thế kỷ thứ XVI, bị mất ngôi nhà thờ chính ở giữa và bị hủy hoại một phần. Bên trong các phòng của tu viện, mọi vật đều đổ nát, tung tóe bừa bãi.

Trong tòa gia trạch Mi-khai-lốp-xcôi-ê ở bên cạnh, cảnh tượng cũng chẳng khác gì. Ngôi nhà hương hỏa của dòng họ Pu-skin, nay làm viện bảo tàng, đã bị cháy trụi. Căn phòng của A-ri-na Rô-đi-ô-nốp-na biến thành hầm trú ẩn. Quân chiếm đóng đã chặt mất một nửa số cây cổ thụ trong các trang viên Mi-khai-lốp-xcôi-ê và Tơ-ri-gô-rư-xcôi-ê.

Chúng tôi rời khỏi những nơi ấy, lòng nặng trĩu.

Còn chiến dịch thì vẫn tiếp tục phát triển thuận lợi. Bộ đội đã được chit thị là trong bất kỳ trường hợp nào cũng phải bám sát, truy kích địch trong đêm tối.

Đến nửa đêm, binh đoàn cơ động của tập đoàn quân 54 chiếm được đầu mối đường bộ quan trọng Cra-xnô-gô-rốt-xcôi e, và không cho đội hậu vệ địch bám lại tuyến sông Xi-nhi-a. Những đơn vị khác của ta hoạt động ở phía Bắc và phía Nam căn cứ bàn đạp Xtơ-re-giơ-nê-vô đã tiến sát tới sông Vê-li-cai-a và sẵn sàng tiến công vượt sông.

Ngày 18 tháng Bảy, chiến dịch diễn ra với đặc điểm một cuộc tổng tiến công trong dải của phương diện quân Pri-ban-tích 3. Lực lượng chủ yếu của tập đoàn quân đột kích 1 và tập đoàn quân 54 vượt qua tuyến sông Xi-nhi-a.

Không quân vẫn hoạt động tốt như trước. Sự chỉ đạo đầy kinh nghiệm của Gri-gô-ri A-lếch-xây-ê-vích Vô-rô-giây-kin thể hiện ra rất rõ.

Đến 18 giờ, bộ đội của Da-khơ-va-ta-ép đã từ phía Đông Nam tiến đến Ô-xơ-rốp và mấy lần đánh chiếm lấy thành phố nhưng không được: các đợt tiến công của ta bị hỏa lực rất mạnh từ nhiều công trình phòng ngự của địch đánh bật trở lại. Các sư đoàn của Rô-ghin-xki thì đến cuối ngày đã đánh lui được quân địch sang bên kia sông Lơ-gia. Cũng trong ngày hôm ấy, bộ đội từ phía Nam Ô-xơ-rốp đã vượt qua sông Vê-li-cai-a ở khắp nơi.

Trong hai ngày chiến đấu tiến công, phương diện quân Pri-ban-tích 3 đã tiến lên phía trước được 40 ki-lô-mét, mở rộng đoạn đột phá tới 70 ki-lô-mét. Trong quá trình tiến công, phương diện quân đã chiếm được hơn 700 vùng dân cư, trong đó có những vùng dân cư lớn như Sa-ni-nô, Dê-lê-nô-vô, Cra-xnô-gô-rốt-xcôi-ê. Các đơn vị bạn là phương diện quân Pri-ban-tích 1 và 2 cũng điện về những tin rất đáng phấn khởi. Bộ đội của hai phương diện quân trên đang tiến mạnh về phía Ri-ga.

Ngày 19 tháng Bảy, lúc 22 giờ, Mát-xcơ-va thay mặt Tổ quốc bắn đại bác chào mừng phương diện quân Pri-ban-tích 3 chọc thủng phòng ngự địch; còn phương diện quân thì vẫn tiếp tục chiến đấu ngoan cường ở phía Tây sông Lơ-gia và đến cuối ngày 20 tháng Bảy, đã cắt đứt đường bộ và đường sắt từ Ô-xơ-rốp đi Rê-déc-ne, tại khu vực nhà ga Bren-tra-ni-nô-vô; mọi đợt phản xung phong của địch đều bị đánh lui và bị thiệt hại nặng.

Lúc 3 giờ ngày 21 tháng Bảy, theo kế hoạch chiến dịch của phương diện quân thì tập đoàn quân 67 của tướng V. D. Rô-ma-nốp-xki chuyển sang tiến công, đột phá vào phòng ngự đã củng cố từ lâu của địch trên hướng Ô-xơ-rốp; phối hợp với tập đoàn đột kích 1, tập đoàn quân ấy đã tiến công chiếm được thành phố Ô-xơ-rốp đúng lúc 12 giờ. Đó là điểm tựa cực mạnh trong phòng ngự của quân Đức trên đường tiến ra những khu vực trung tâm của miền Pri-ban-tích.

Ta chiếm Ô-xơ-rốp đã làm cho chiến dịch tiếp tục phát triển vu hồi vào Pơ-xcốp được dễ dàng. Mát-xcơ-va lại nổ loạt đại bác thứ hai chào mừng những người chiến thắng.

Sang đến ngày hôm sau, 23 tháng Bảy, nhân dân xô-viết lại bắn đại bác chào mừng và đốt pháo hoa khi phương diện quân Pri-ban-tích 3 giải phóng thành phố Pơ-xcốp cổ kính. Thú thật là chúng tôi vô cùng hân hoan khi được nghe qua đài phát thanh những loạt đại bác chào mừng như thế.

Nhiệm vụ trước mắt của phương diện quân đã hoàn thành. Hiện nay, ở phía trước của phương diện quân đã mở ra con đường tiến vào miền Nam E-xtô-ni-a và đến Ri-ga.

Chúng tôi lại suy nghĩ nhiều đến việc hoàn thành nhiệm vụ tiếp sau, và cuối cùng đã quyết định; đột kích chủ yếu vào Vu-ru, phát triển thắng lợi về phía Nam hồ Pơ-xcốp và hồ Tsút-xcô-i-ê cho đến tuyến A-lúc-xne – Van-ga. Như vậy sẽ đưa quân ta liến vào phía sau lưng cánh quân Tác-tu và sau đó là cánh quân Nác-va của quân địch, tạo điều kiện thuận lợi cơ bản cho cuộc tiến công của phương diện quân Lê-nin-grát qua eo đất Nác-va.

Đại bản doanh nghiên cứu những đề nghị của chúng tôi và xác định rằng mũi đột kích chủ yếu của phương diện quân Pri-ban-tích 3 nên phát triển trên hướng A-lúc-xne, Van-ga, tức là chệch sang phía Tây hơn nhiều so với hướng đột kích chúng tôi chọn. Như vậy là tập đoàn đột kích của ta sẽ đánh thẳng vào trung tâm giao thông lớn nhất ở miền Pri-ban-tích là Van-ga, và phải cắt mọi lực lượng địch ở E-xtô-ni-a và ở miền Bắc Lát-vi-a ra khỏi Ri-ga. Phương án này, chúng tôi đã nghiên cứu, nhưng vì phương diện quân thiếu lực lượng nên đã bỏ, không dùng đến.

Việc bổ sung kế hoạch tiếp tục phát triển chiến dịch của phương diện quân Pri-ban-tích 3, căn cứ vào chỉ thị của Bộ tổng tư lệnh tối cao, phải làm mất mấy ngày liền. Còn bộ đội thì vẫn tiếp tục tiến mạnh về phía trước. Những gì cần phải hiệu chỉnh lại cho phù hợp với nhiệm vụ mới, đều được tiến hành trong quá trình tiến công.

Mũi đột kích của chúng ta vào Van-ga đã ảnh hưởng nhanh tới tình hình của đơn vị bạn ở bên phải. Bộ đội của phương diện quân Lê-nin-grát đã đột phá thắng lợi khu phòng ngự kiên cố của quân Đức trên hướng Nác-va, đã cơ động vu hồi kết hợp với đột phá chính diện, chiếm được thành phố và pháo đài Nác-va.

Đơn vị bạn bên trái là phương diện quân Pri-ban-tích 2 cũng tiến công thẳng lợi trên hướng Rê-déc-ne – Ma-đô-na, để sau đấy tiến ra Ri-ga. Tư lệnh phương diện quân Pri-ban-tích 2 lúc này là đại tướng An-đơ-rây I-va-nô-vích Ê-ri-ô-men-cô vừa từ Crưm chuyển sang đây. Trước đó, Ê-ri-ô-men-cô đã từng chỉ huy lần lượt sáu phương diện quân. Tên tuổi của đồng chí đã gắn liền với những sự nghiệp anh hùng của quân đội xô-viết ở Xta-lin-grát.

Phương diện quân Pri-ban-tích 1 đã chuẩn bị sẵn sàng tất cả để đột kích vào Si-a-u-lai và Ri-ga.

Nhưng, tôi lại không được dịp tận mắt chứng kiến kết quả của những sự kiện đang diễn ra ở đấy. Kế hoạch chiến dịch vừa được lập xong và báo cáo về Mát-xcơ-va thì A. I. An-tô-nốp gọi điện thoại cho tôi và tuyên bố:

- Việc của đồng chí đã xong, hãy trở về Bộ tổng tham mưu...

Trên đây, tôi đã nói đến ý định của Bộ tổng tư lệnh tối cao Liên Xô: cắt Cúm tập đoàn quân “bắc” của địch ra khỏi những đơn vị khác của chúng. Mùa hè năm 1944, ý định ấy đã thành hiện thực.

Hạ tuần tháng Bảy, phương diện quân Pri-ban-tích 1 từ khu vực Pa-nê-vê-gi-xơ tiến công vào hướng Si-a-u-lai, còn phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 3 thì thẳng hướng tiến vào Đông Phổ. Như lúc này người ta thường nói, Quân đội Liên Xô đã tiến đến sát “sào huyệt con ác thú phát-xít”. Nói như vậy, không những đúng về mặt hình tượng, mà còn đúng cả về nội dung nữa, vì ở phía sau các hồ Ma-dua, trong khu vực Rốt-xten-bua, là sở chỉ huy của tổng hành dinh Hít-le “Von-phơ-san-txơ”, đang nằm sâu dưới đất. (Tổng hành dinh của Hít-le lấy tên là “wolfsschanze”, tiếng Đức có nghĩa là “sào huyệt của con chó sói”. – ND).

Ngày 24 tháng Bảy, I. Kh. Ba-gra-mi-an – tư lệnh phương diện quân Pri-ban-tích 1 – xác định là địch rút quân về Crút-xpin-xơ rồi sau đó về Ri-ga và Mi-ta-va (En-ga-va). Quân Đức chỉ còn bám lại những trận địa của chúng ở phía trước cánh trái của phương diện quân mà thôi. Nhưng sức chống cự của chúng ở đây cũng đã yếu lắm rồi. Sở dĩ như thế, là vì những đòn đột kích mạnh của phương diện quân bạn Bê-lô-ru-xi-a 3 đã tiến đến những đường tiếp cận vào Đông Phổ.

Dự đoán của Bộ tổng tham mưu đã được thực hiện: những mũi đột kích của một số phương diện quân của ta phối hợp chặt chẽ trong một thời gian, đã làm cho hai tập đoàn quân Đức 18 và 16 suy sụp hẳn. Chúng không còn khả năng cơ động dễ dàng như trước nữa. Bây giờ, thời cơ đã đến để kẹp chặt quân Đức lại ở miền Pri-ban-tích, như ta đã hình dung ra từ trước.

Nhưng, lực lượng của ta cũng bị tiêu hao, những đội dự bị thì không được dồi dào lắm. Hành động tiến công của các Lực lượng vũ trang Liên Xô diễn ra trên quy mô ngày một tăng thêm. Sau chiến dịch ở Bê-lô-ru-xi-a là tiếp ngay đến cuộc tiến công với quy mô lớn nhất ở miền Tây U-crai-na, mà chỉ cách nhau có một thời gian ngắn. Tất cả những sự kiện ấy đã đòi hỏi phải có nhiều đội dự bị và những đội dự bị ấy cũng đã tan đi nhanh.

Ngày 1 tháng Bảy, làm nhiệm vụ dự bị của Đại bản doanh, có tất cả hai tập đoàn quân binh chủng hợp thành là tập đoàn quân cận vệ 2 và 5, cùng tập đoàn quân không quân 8. Vì vậy, cuộc tiến công ở miền Pri-ban-tích phát triển chủ yếu là dựa vào những đội dự bị của các phương diện quân Pri-ban-tích và bằng cách điều động những lực lượng và phương tiện từ những khu vực thứ yếu sang các hướng chủ yếu.

Trong thực tế, các sự kiện đã phát triển như sau. Ngày 25 tháng Bảy, tư lệnh phương diện quân Pri-ban-tích 1 lệnh cho tướng V. T. Ô-bu-khốp, quân đoàn trưởng quân đoàn cơ giới cận vệ 3, đột kích vào Si-a-u-lai và đến cuối ngày 26 tháng bảy phải chiếm được thành phố. Ngoài ra, tập đoàn quân 51 của I-a. G. Crây-de phải mở cuộc tiến công cũng vào khoảng thời gian ấy và cũng phải tiến vào Si-a-u-lai. Tập đoàn quân cận vệ 2, lấy trong đội dự bị của Đại bản doanh, đến hoạt động bên sườn trái của phương diện quân Pri-ban-tích 1, bảo đảm mặt Đông Phổ cho phương diện quân hoạt động.

Mãi đến ngày 27 tháng Bảy ta mới chiếm được Si-a-u-lai.

Sau khi nhận được tin ấy, Đại bản doanh Bộ tổng tư lệnh tối cao lệnh cho phương diện quân Pri-ban-tích 1 chuyển ngay những lực lượng chủ yếu quay sang Ri-ga, vì địch đang cho rút quân về Ri-ga. Lúc đầu chỉ thị trên được truyền đạt bằng điện thoại và sang ngày hôm sau thì làm thành văn bản mệnh lệnh gửi xuống. Nội dung mệnh lệnh như sau:

“Nhiệm vụ chủ yếu của bộ đội phương diện quân là cắt cánh quân địch ở miền Pri-ban-tích ra khỏi những đường giao thông về phía Đông Phổ, do đó Đại bản doanh Bộ tổng tư lệnh tối cao ra lệnh:

Sau khi chiếm được khu vực Si-a-u-lai, mũi đột kích chủ yếu sẽ phát triển vào hướng chung tới Ri-ga, sử dụng một phần lực lượng bên cánh trái phương diện quân tiến công vào Me-men, nhằm cắt đứt con đường sắt ven biển nối miền Pri-ban-tích với Đông Phổ”.

I. Kh. Ba-gra-mi-an liền gửi ngay cho quân đoàn trưởng quân đoàn cơ giới cận vệ 3 bức điện nội dung như sau: “cảm ơn về chiến thắng ở Si-a-u-lai. Ngừng đánh ở khu vực Si-a-u-lai. Tập trung tức khắc vào Mét-cu-trai và đột kích lên phía Bắc dọc theo đường bộ. Đến cuối ngày 27 tháng Bảy 1944,

lực lượng chủ yếu phải chiếm được I-ô-nít-kít, còn những chi đội mạnh phải đi trước phải chiếm được Ba-út-xca, En-ga-va”.

Cuộc tiến công của quân đoàn trên hướng mới phát triển mạnh đến mức quân địch không thể chống cự có tổ chức, ở đây đã thể hiện rõ tình hình chung rất bất lợi cho địch ở miền Pri-ban-tích và nhất là sự thất bại của chúng trên những mặt trận chính của cuộc chiến tranh: ở đây quân đội xô-viết đã vượt qua các sông Vi-xla và Nê-man. Thái độ huênh hoang trước đây của quân xâm lược đã bị đập tan.

Lợi dụng kết quả thu được của quân đoàn cơ giới ngày 28 tháng Bảy, I. Kh. Ba-gra-mi-an đã phái bộ đội của tập đoàn quân 51 tiến vào hướng En-ga-va, còn tập đoàn quân 43 của A. P. Bê-lô-bô-rô-đốp thì ngay trong thời gian này cũng tiến lên phía Bắc.

En-ga-va (Mi-ta-va), đầu mối giao thông chính nối miền Pri-ban-tích với Đông Phổ, bị ta chiếm ngày 31 tháng Bảy. Còn chi đội phải đi trước thuộc lữ đoàn cơ giới cận vệ 8, do đại tá X. Đ. Crê-me chỉ huy thì đã tới được Tu-cum-xơ và bờ biển ở khu vực Cláp-can-xơ sớm hơn một hôm, tức ngày 30 tháng Bảy. Những đường giao thông của địch, chạy từ miền Pri-ban-tích đến Đông Phổ đã bị cắt đứt hết. Theo xác nhận của chính những viên tướng của Hít-le, thì ở khu vực Tu-cum-xơ đã sinh ra “cái lỗ hổng trong những lực lượng vũ trang của nước Đức phát-xít”.

Trong toàn bộ diễn biến của những sự kiện trên, nguyên soái Liên Xô A. M. Va-xi-lép-xki đã giữ một vai trò rất lớn. Từ ngày 29 tháng Bảy 1944, đồng chí được giao nhiệm vụ không những phối hợp mà còn chỉ đạo các chiến dịch của các phương diện quân Pri-ban-tích 2 và 1, và cả phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 3 nữa. Sau này, trung tâm cuộc chiến đấu ở miền Pri-ban-tích chuyển sang hướng Ri-ga thì Va-xi-lép-xki chỉ đạo những hành động chiến đấu của cả ba phương diện quân Pri-ban-tích, nên đồng chí thôi không phụ trách chỉ đạo phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 3 nữa.

Các tập đoàn quân 16 và 18 của Đức bị cô lập ở miền Pri-ban-tích, đang đứng trước nguy cơ bị tiêu diệt hoàn toàn. Nên cố nhiên là bộ chỉ huy phát-xít Đức cố ra sức vá vú “cái lỗ hổng trong những lực lượng vũ trang của

nước Đức phát-xít” và khôi phục mối liên lạc thiết yếu giữa Cụm tập đoàn quân “bắc” với sườn trái của Cụm tập đoàn quân “trung tâm” ở Đông phố. Vì thế, chúng đã điều tập đoàn quân xe tăng 3 tới khu vực Si-a-u-lai và giao cho nhiệm vụ đột phá tới Ri-ga.

Cuộc tiến công của tập đoàn quân xe tăng 3 của Đức rất quyết liệt kết hợp với quân địch từ phía Ri-ga nống ra. Nhưng địch vẫn không sao đánh lui được bộ đội của phương diện quân Pri-ban-tích 1. Quân Đức chỉ chiếm lại được một hành lang hẹp, nối Ri-ga với Tu-cum-xơ.

Chúng ta cũng không hài lòng về tình hình đó. Hành lang Cuốc-lan-đi-a tuy hẹp, song địch vẫn có thể dùng để cơ động lực lượng và khi cần, chúng có thể rút Cụm tập đoàn quân “bắc” về Đông Phố bằng đường bộ được. Hậu quả của việc cơ động như vậy có thể rất không hay, vì sẽ gây khó khăn lớn cho tiến trình những chiến dịch của ta ở Đông Phố và Ba Lan.

Đáng tiếc là bấy giờ ta chưa có khả năng khắc phục được khó khăn ấy ngay. Bộ đội xô-viet đã mệt mỏi trong những trận chiến đấu dài ngày, và nói chung ở miền Pri-ban-tích ta chưa có đủ ưu thế cần thiết hơn hẳn địch về quân số. Rõ ràng là phải bổ sung, điều động những lực lượng mới đến cho đủ, nhưng đồng thời vẫn không ngừng tiến công, không cho quân địch có thời gian tạm nghỉ. Chính vì những lý do đó mà cuối tháng Bảy và trong tháng Tám 1944, những hoạt động tích cực của chúng ta ở miền Pri-ban-tích không những không giảm đi, mà thậm chí còn tăng lên nữa.

Như đã nói trên, từ ngày 24 tới 30 tháng Bảy, phương diện quân Lê-nin-grát đã thực hiện chiến dịch tiến công vào Nác-va, giải phóng Nác-va và tiến sâu về phía trước được 20 tới 25 ki-lô-mét. Phương diện quân Pri-ban-tích 2, từ ngày 28 tháng Bảy đến hết ngày 28 tháng Tám, đã tiến hành chiến dịch gọi là chiến dịch Ma-đô-na, ở nơi tiếp giáp giữa các tập đoàn quân 18 và 16 của địch. Vấp phải sức chống cự ngoan cố của chúng, phương diện quân tiến về hướng Ri-ga rất chậm, trong vòng một tháng chỉ được có 20 ki-lô-mét.

Còn chiến dịch tiến công Tác-tu của phương diện quân Pri-ban-tích 3, bắt đầu từ ngày 10 tháng Tám và kéo dài cho đến 6 tháng Chín, thì kết quả đã tiêu diệt được một lực lượng đáng kể của quân địch thuộc tập đoàn quân 18

của chúng. Bộ đội của phương diện quân này tiến sâu được 120 ki-lô-mét về phía Tây – Bắc, và 70 tới 90 ki-lô-mét về phía Tây, giải phóng Tác-tu và nhiều vùng dân cư lớn khác.

Do kết quả các chiến dịch mở ra đồng thời của một phương diện quân của ta, nên tình hình quân địch ở miền Pri-ban-tích xấu đi một cách nghiêm trọng. Ngay viên tướng Phri-xne, chỉ huy Cụm tập đoàn quân “bắc”, cũng phải công nhận như thế, và Hít-le đã mượn cớ để cử tướng Séc-nơ thay Phri-xne vào đúng những ngày cuối tháng Bảy.

Những hành động ở miền Pri-ban-tich không những phối hợp với cuộc tiến công của các phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a và U-crai-na 1 mà còn phối hợp với chiến dịch I-a-xư Ki-si-ni-ôp của quân đội xô-viết chống cụm tập đoàn quân “nam U-crai-na” của địch. Ở đây, ngày 20 tháng Tám 1944, các phương diện quân U-crai-na 2 và 3 hiệp đồng với Hạm đội Biển Đen và Chi hạm đội Đa-nuýp đã làm cho địch thất bại thảm hại. Kết quả là phương diện quân U-crai-na 2 đột nhập sâu vào lãnh thổ Ru-ma-ni, sau đó triển khai chiến dịch sang đất Hung, trên hướng Bu-đa-pét.

Ngày 23 tháng Tám, nhân dân Ru-ma-ni, dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản, đã lật đổ nền độc tài phát-xít của An-tô-ne-xcu. Chính phủ mới của Ru-ma-ni cắt đứt quan hệ và tuyên chiến với nước Đức Hít-le. Phương diện quân U-crai-na 3 thì tiến vào Bun-ga-ri.

Ngày 9 tháng Chín, nhân dân Bun-ga-ri, đứng đầu là Đảng công nhân, cũng đoạn tuyệt với chủ nghĩa phát-xít thành lập Chính phủ dân chủ của Mặt trận Tổ quốc và tuyên chiến với Đức.

Cuộc tiến công lại tiếp tục trên hướng Bê-ô-grát, từ biên giới Bun-ga-ri – Nam Tư. Phương diện quân U-crai-na 4, được khôi phục lại ngày 5 tháng Tám, tiến về phía trước, trên hướng núi Các-pát.

Nhưng hãy trở về với miền Pri-ban-tích. Chiến tuyến ở đây có lợi cho chúng ta. Tới ngày 29 tháng Tám, chiến tuyến chạy dài xuống phía Tây Nác-va 20 ki-lô-mét, và kéo xa nữa tới bờ Tây hồ Tsút-xcôi-ê, bao quanh Tác-tu, hồ Vừa-txơ – I-a-rơ-vi, tiếp đến thượng lưu sông Ga-u-i-a, ăn xuống phía

Tây Ma-đô-na 20 ki-lô-mét, vòng qua Gô-xti-ni, Pô-li, Ba-út-xca, En-ga-va (Mi-ta-va), Dô-be-le, Si-a-u-lai, Rôt-xi-e-nư, Vi-rơ-ba-lít.

Từ khu vực Tác-tu, ở tuyến này có thể mở những mũi đột kích vào sau lưng tập đoàn địch đang tiếp tục chống cự ở phía Tây Nác-va, hoặc tiến công chia cắt hoàn toàn hai tập đoàn quân 18 và 16 của quân Đức quốc xã. Hình thái tác chiến như vậy cho phép ba phương diện quân Pri-ban-tích tập trung những nỗ lực của mình ở khu vực Ri-ga được thuận lợi hơn. Cuối cùng, kết quả đạt được sẽ đưa quân ta từ Si-a-u-lai tiến mạnh sang phía Tây và cắt nhỏ toàn bộ cụm quân địch tại miền Pri-ban-tích.

Mặt trận kéo rất dài như vậy buộc bộ chỉ huy Đức phải hoạt động, như ta thường nói, theo hình những ngón tay xò ra. Tuy vậy, lực lượng địch cũng chưa phải là đã cạn, chẳng hạn chúng vẫn còn giữ một tập đoàn xe tăng lớn bên tả ngạn sông Tây Đvi-na ở phía Nam Ri-ga. Ngoài ra, chúng đã điều tới miền Pri-ban-tích một số sư đoàn xe tăng và bộ binh, rút từ những khu vực khác trên mặt trận Xô – Đức, trước đây hãy còn “yên tĩnh”. Một số đơn vị được chở đến bằng máy bay. Trang bị và khí tài cũng đang tiếp tục vận chuyển tới.

Bộ tổng tư lệnh tối cao Liên Xô quyết định phải hoàn toàn kết thúc việc giải phóng miền Pri-ban-tích. Vì thế phải đặt kế hoạch mở những mũi đột kích của phương diện quân Lê-nin-grát và Hạm đội Ban-tích Cờ đỏ ở E-xtô-ni-a, còn của ba phương diện quân Pri-ban-tích thì ở Lát-vi-a, đặc biệt ở khu vực Ri-ga. Đại bản doanh điều động tập đoàn quân 61 – vừa mới rút về làm nhiệm vụ dự bị – sang dải hoạt động của phương diện quân Pri-ban-tích 3, để khi cần thiết sẽ sử dụng vào hướng Ri-ga.

Trên mặt trận phía Đông của miền Pri-ban-tích, đã tiến hành việc điều động, tổ chức lại một phần các đơn vị bộ đội: chuyển khu vực Tác-tu vào dải hoạt động của phương diện quân Lê-nin-grát và tập đoàn quân đột kích 2 cũng chuyển giao sang phương diện quân Lê-nin-grát. ở đây đã chuẩn bị lực lượng gồm 14 sư đoàn để đột kích trên hướng Rác-ve-re vào phía sau cánh quân Nác-va của địch. Còn tiếp sau thì phương diện quân Lê-nin-grát phải đánh chiếm Tan-lin.

Nhiệm vụ của những phương diện quân khác cũng được xác định như sau:

Phương diện quân Pri-ban-tích 3, không kể tập đoàn quân 61, được phối thuộc thêm quân đoàn xe tăng 10 và sự đoàn pháo binh cận vệ 2, sẽ đột phá phòng ngự địch ở hai địa đoạn phía Nam hồ Vư-a-txơ – I-a-rơ-vi và phát triển kết quả trên hướng chung tới Txe-xít, rồi sau đó tới Ri-ga.

Phương diện quân Pri-ban-tích 2 tiêu diệt tập đoàn địch bố trí ở Ma-đô-na, đồng thời từ khu vực Ma-đô-na tiến công dọc theo bờ Bắc sông Tây Đvi-na tới Ri-ga và sử dụng một bộ phận lực lượng tiến công vào Đơ-déc-be-ne.

Phương diện quân Pri-ban-tích 1 sử dụng lực lượng của tập đoàn quân 43 và tập đoàn quân đột kích 4, từ phía Nam đột kích vào Ri-ga, không cho địch rút quân về phía Tây. Đồng thời, các đơn vị bên cánh trái của phương diện quân, làm nhiệm vụ yểm hộ đánh cánh quân địch bố trí tại Me-men, phải tiến công vào Tu-cum-xơ, Ke-me-ri, để cắt địch ra khỏi miền Cuốc-lan-đi-a.

Trong thời gian này, lương quan lực lượng ở miền Pri-ban-tích đối với chúng ta có thuận lợi hơn. Về đạn dược, vẫn như trước đây, đòi hỏi của chúng ta rất lớn, nhưng Bộ tổng tư lệnh tối cao Liên Xô chưa có khả năng phân phối đầy đủ cho tất cả các phương diện quân. Cần phải chọn giữa miền Pri-ban-tích với các mặt trận khác, và cố nhiên là phải phân phối đạn dược trước tiên cho mặt trận nào sẽ quyết định kết cục của chiến cuộc và chiến tranh nói chung.

Việc chỉ đạo những hành động chiến đấu ở miền Pri-ban-tích do A. M. Va-xi-lép-xki thực hiện tại chỗ cho đến ngày 1 tháng Mười. Còn từ 1 tháng Mười trở đi thì Va-xi-lép-xki chỉ chịu trách nhiệm có hai phương diện quân là phương diện quân Pri-ban-tích 1 và phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 3, ở đây; dự kiến sẽ diễn biến những sự kiện quan trọng hơn.

Còn những chiến dịch của phương diện quân Lê-nin-grát và hai phương diện quân Pri-ban-tích 2 và 3 thì từ ngày ấy, do I. A. Gô-vô-rốp chỉ đạo. Thời gian này, Gô-vô-rốp làm tư lệnh phương diện quân Lê-nin-grát. Hình thức chỉ đạo có phần đặc biệt như vậy, giúp cho Đại bản doanh tập trung

được mọi chú ý vào hướng chiến lược chủ yếu, đồng thời bảo đảm phối hợp được vững chắc những hành động chiến đấu ở miền Pri-ban-tích.

Lê-ô-nít A-lếch-xan-đrô-vích Gô-vô-rốp bấy giờ đã là nguyên soái Liên Xô, là người có công lao và uy tín lớn trong quân đội. Đồng chí đã giữ một vai trò xuất sắc trong chiến dịch lịch sử Mát-xcơ-va. Hồi ấy, đồng chí chỉ huy tập đoàn quân 5, bám chắc con đường cái lớn Min-xcơ.

Năm 1943 dưới sự chỉ huy của đồng chí, phương diện quân Lê-nin-grát hiệp đồng với các phương diện quân bạn đã phá vỡ vòng vây đang bóp nghẹt thành phố Lê-nin. Gô-vô-rốp ít nói, khô khan, có phần hơi khó tính, thường gây ấn tượng không hay lắm trong những buổi tiếp xúc ban đầu, nhưng tất cả những ai đã làm việc dưới sự lãnh đạo của Lê-ô-nít A-lếch-xan-đrô-vích đều biết rất rõ là vẻ nghiêm khắc ấy chỉ là cái bề ngoài của một tâm hồn rộng rãi và nhân hậu của người Nga.

Ngày 14 tháng Chín, cả ba phương diện quân Pri-ban-tích đồng loạt bắt đầu chiến dịch quyết định nhằm tiêu diệt địch ở miền Pri-ban-tích, và đến ngày 17 tháng Chín thì cả phương diện quân Lê-nin-grát cũng tham gia. Tuy nhiên, kết quả lại phát triển chậm trên hướng chủ yếu là hướng Ri-ga.

Cả lần này, ta cũng không chia cắt được tập đoàn địch. Chúng vừa đánh vừa lùi về tuyến đã chuẩn bị trước, cách Ri-ga 60 đến 80 ki-lô-mét. Bộ đội ta tập trung trên những đường tiếp cận tới thủ đô nước Lát-vi-a, đúng là chỉ gặm dần được phòng ngự địch, đẩy chúng lùi từng mét một.

Chiến dịch tiến triển như vậy không thể đưa đến thắng lợi nhanh chóng được, mà còn gây cho ta nhiều tổn thất lớn. Địch lại tổ chức phản kích bên cánh trái của phương diện quân Pri-ban-tích 1. Ngày 16 tháng Chín, tập đoàn quân xe tăng 3 của chúng từ tuyến Ken-mư – Ten-sai chuyển sang tiến công, đạt được thắng lợi tạm thời ở khu vực Đô-be-le. Hai ngày sau, chúng lại mở mũi đột kích mạnh thứ hai vào bộ đội ta, lần này từ phía Ri-ga đánh ra. Mũi đột kích này bị bẻ gãy. Quân Đức mưu toan tổ chức lại, nhưng cũng không thành công.

Tất cả những hiện tượng trên chứng minh rằng quân địch đang ra sức tìm mọi cách giữ vững liên lạc giữa Cụm tập đoàn quân “bắc” với đất Đông Phổ, để khi cần thiết có thể rút bằng đường bộ ra khỏi miền Pri-ban-tích. Dấu hiệu chuẩn bị rút quân của địch, trinh sát ta đã phát hiện được.

Cố nhiên, chúng ta không thể lấy việc ấy để tự an ủi. Trong khi đánh giá tình hình chung, Đại bản doanh đã công nhận chiến dịch ở Ri-ga phát triển không thuận lợi, và đã quyết định chuyển những nỗ lực chủ yếu sang sườn bên trái phương diện quân Pri-ban-tích 1, trong khu vực Si-a-u-lai để làm thay đổi tình huống đến tận gốc.

Ở đây, ta dự định thành lập một tập đoàn đột kích mạnh và mở cuộc tiến công vào Me-men, nhưng lại không được làm giảm bớt tính tích cực của hai phương diện quân Pri-ban-tích 2 và 3 trên hướng Ri-ga và của phương diện quân Lê-nin-grát ở E-xtô-ni-a.

I. V. Xta-lin chú ý đặc biệt đến chiến dịch Me-men. Đồng chí tự mình trao đổi với A. M. Va-xi-lép-xki về tất cả những vấn đề liên quan đến chiến dịch, như: xác định thành phần những lực lượng cần thiết, cách điều động, tổ chức lại bộ đội chú ý giữ bí mật khi cơ động bộ đội, nhưng vẫn còn ngại là chiến dịch tổ chức ra có đạt được yếu tố bất ngờ hay không.

Sau khi cân nhắc mọi số liệu do Bộ tổng tham mưu cung cấp, Đại bản doanh cho rằng, thời cơ này là hoàn toàn thuận lợi. Vậy là bắt đầu tập trung ở khu vực Si-a-u-lai và ở phía Bắc Si-a-u-lai bốn tập đoàn quân binh chủng hợp thành (tập đoàn quân đột kích 4, các tập đoàn quân 43, 51, cận vệ 6), một tập đoàn quân xe tăng (cận vệ 5), và cả một quân đoàn xe tăng độc lập với một quân đoàn cơ giới độc lập.

Bộ đội được điều động và tổ chức lại trong phạm vi cự ly tối đa không được quá 240 ki-lô-mét. Để bảo đảm cho việc điều động và tổ chức lại được bí mật, ta đã làm một số lớn đường sá (hơn 25 con đường hành quân) cho các đơn vị vận động và chiếm quyền khống chế trên không.

Các tập đoàn quân của phương diện quân Pri-ban-tích 2 đã chuyển sang phía Nam Ri-ga, thay cho bộ đội của phương diện quân Pri-ban-tích 1 đã rút khỏi đây.

Mục đích của chiến dịch Me-men là từ phía Tây và Tây – Nam Si-a-u-lai đột phá phòng ngự địch, tiêu diệt tập đoàn quân xe tăng 3 của chúng, và tiến ra biển Ban-tích tới những khu vực Pa-lan-ga, Me-men, cửa sông Nê-man và do đó mà cắt đường rút lui của quân địch từ miền Pri-ban-tích về Đông Phổ. Theo chỉ thị của Đại bản doanh ngày 24 tháng Chín nhiệm vụ ấy hoàn toàn giao cho phương diện quân Pri-ban-tích 1.

Những ngày tiếp sau, I. V. Xta-lin còn tự mình chỉ dẫn thêm cho A. M. Va-xi-lép-xki và I. Kh. Ba-gra-mi-an là việc tiêu diệt quân địch đã bị chia cắt nhỏ ở khoảng giữa Đông Phổ và Ri-ga, sẽ do lực lượng của hai phương diện quân hiệp đồng tác chiến với nhau – phương diện quân Pri-ban-tích 1 và 2 – tiến hành. Tập đoàn quân 39 của phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 3 cũng được điều sang tham gia chiến dịch. Trong khi tiến công dọc theo sông Nê-man, tập đoàn quân 39 phải phối hợp với phương diện quân Pri-ban-tích 1.

Quân địch phát hiện ra việc điều động và triển khai bộ đội của ta rất muộn, chúng không thể ngăn trở được việc thực hiện ý định của Đại bản doanh. Chiến dịch Me-men bắt đầu đúng hạn định – ngày 5 tháng Mười – và đã phát triển thắng lợi. Tập đoàn quân xe tăng cận vệ 5 tiến vào đột phá trong ngày tiến công thứ hai và lập tức lao nhanh về phía Pa-lan-ga và Me-men.

Quân địch đã nhận ra rằng mũi đột kích ấy uy hiếp chúng như thế nào. Từ sáng ngày 6 tháng Mười, chúng bắt đầu cho rút quân khỏi Ri-ga qua miền Cuốc-lan-đi-a về Đông Phổ. Các phương diện quân Pri-ban-tích 3 và 2 chuyển sang truy kích. Nhưng trong điều kiện những đội hậu vệ của địch kháng cự lại rất mạnh, lại thêm địa hình hiểm yếu và đạn dược thiếu thốn, tốc độ truy kích lần này không cao lắm.

Đến ngày thứ sáu của chiến dịch, tập đoàn quân xe tăng cận vệ 5, do tướng V. T. Vôn-xki chỉ huy, cuối cùng đã tiến ra tới bờ biển. Trong lúc ấy, tập đoàn quân cận vệ 6 và tập đoàn quân đột kích 4 trên đường tiến quân đã chạm trán với những lực lượng lớn của cụm tập đoàn quân “bắc” ở tuyến San-đút, Pri-e-cu-le và sau những trận đánh quyết liệt đã chặn đứng chúng

lại: do đó đã bảo đảm được vững chắc mặt phía Bắc cho những tập đoàn quân còn lại của phương diện quân Pri-ban-tích 1 hoạt động, và đến ngày 12 tháng Mười thì những tập đoàn quân ấy đã vòng qua được Me-men, tiến ra biên giới Đông Phổ. Và tập đoàn quân 39 của tướng I. I. Li-út-ni-cốp cũng tiến về phía Tây thắng lợi.

Quân địch không thể nào ngăn cản được sức đột phá của tập đoàn quân cận vệ 6 và tập đoàn quân đột kích 4, cuối cùng bắt buộc phải từ bỏ cái âm mưu thất bại của chúng là thoát về Đông Phổ. Những đòn đột kích của ta bắt chúng phải chuyển sang phòng ngự ở Cuốc-lan-đi-a trên những tuyến đã chuẩn bị sẵn. Vì vậy mà hình thành ra “vùng nhốt thú Cuốc-lan-đi-a” khét tiếng này.

Trong chiến dịch ở Si-a-u-lai và Me-men, đã nổi bật tài cầm quân đặc sắc của I. Kh. Ba-gra-mi-an cùng kiến thức quân sự rộng lớn và những kinh nghiệm thực tiễn phong phú của đồng chí. Những chương trên đã nói về đồng chí nhiều, không những đặc điểm trong phẩm chất của I-van Khơ-ri-xtô-phô-rô-vích Ba-gra-mi-an sẽ chưa được nêu lên đầy đủ nếu không kể ra đây sự quan tâm của đồng chí đến mọi người xung quanh, việc biết tôn trọng ý kiến của những người khác, sức cảm hóa mạnh, tính trung thực và lòng mến khách của đồng chí. Rõ ràng việc kết hợp tốt đẹp tất cả những đức tính ấy, làm cho đồng chí sống thật thoải mái giữa bất kỳ một tập thể nào trong quân đội và rất vững vàng trên bất kỳ cương vị trọng trách nào.

Sau chiến tranh, là viện trưởng Học viện Bộ tổng tham mưu, I-van Khơ-ri-xtô-phô-rô-vích đã phục vụ cho một sự nghiệp cực kỳ quan trọng là đào tạo những cán bộ chỉ huy quân đội; rồi sau đó làm chủ nhiệm Tổng cục hậu cần của các Lực lượng vũ trang Liên Xô, đồng chí góp phần rất ích lợi của mình vào công tác bảo đảm sẵn sàng chiến đấu cho lục quân, không quân và hải quân của chúng ta.

Đi đôi với chiến dịch Me-men, các Lực lượng vũ trang xô-viết vẫn tiếp tục đánh chiếm thủ đô nước Cộng hòa xô-viết Lát-vi-a. Quân chiếm đóng

phát-xít Đức bị đẩy lùi từng bước một ra khỏi những trận địa của chúng. Ngày 13 tháng Mười, Ri-ga được giải phóng.

Sau sự kiện này, Đại bản doanh cho là có thể giải thể phương diện quân Pri-ban-tích 3. Chỉ thị ấy được ban hành ngày 16 tháng Mười. Tập đoàn quân đột kích 1 của trung tướng N. Đ. Da-khơ-va-ta-ép và tập đoàn quân không quân 14 của trung tướng I. P. Giu-ráp-li-ốp chuyển sang thuộc biên chế của phương diện quân Pri-ban-tích 2. Tập đoàn quân 67 của trung tướng V. D. Rô-ma-nốp-xki chuyển thuộc phương diện quân Lê-nin-grát. Còn tập đoàn quân 54 của trung tướng X. V. Rô-ghin-xki rút về làm đội dự bị của Đại bản doanh.

Hai phương diện quân Pri-ban-tích 1 và 2 cùng chịu trách nhiệm thanh toán cánh quân địch còn đóng lại ở Cuốc-lan-đi-a gồm có 29 sư đoàn và nhiều đơn vị đặc chủng cùng binh khí kỹ thuật khác. Ngày 10 tháng Mười, tập đoàn quân đột kích 4, tập đoàn quân cận vệ 6, và hai tập đoàn quân xe tăng cận vệ 5 và 51 được điều lên phía Bắc để tiến đánh tập đoàn quân 18 và 16 của bọn Đức. Đầu tháng Mười một, còn có tập đoàn quân cận vệ 2 từ biên giới Đông Phổ điều sang giúp sức các tập đoàn quân trên. Trên sông Nê-man chỉ còn lại có tập đoàn quân 43.

Bộ đội của phương diện quân Pri-ban-tích 2 cũng quay vòng đánh cánh quân địch ở Cuốc-lan-đi-a.

Đại bản doanh muốn tiêu diệt sớm quân địch ở đây, nhưng nhiệm vụ ấy gặp nhiều khó khăn và không thể thực hiện đúng hạn định được. Rốt cuộc, bộ đội ta đã phải vây chặt quân địch ở cái bán đảo Cuốc-lan-đi-a ấy.

Như vậy là những hành động chiến đấu của bộ đội xô-viết ở miền Pri-ban-tích đã diễn ra gần suốt năm 1944. Trong toàn bộ thời gian đó, trong biểu tiến trình vẫn chỉ ghi có một nhiệm vụ chủ yếu là: cắt Cùm tập đoàn quân “bắc”, đồng thời xé nhỏ ra và tiêu diệt chúng từng bộ phận.

Nhiệm vụ ấy được thực hiện qua nhiều giai đoạn: trong tháng Hai – tháng Ba 1944 phải giành được hình thái chiến dịch cần thiết để hoạt động sâu trong phạm vi đất đai miền Pri-ban-tích: trong tháng Bảy – tháng Tám, bộ đội xô-viết phải làm cho quân địch thất bại nặng và chiếm lĩnh những tuyến

có lợi để hoàn thành cuộc tiến công: trong tháng Chín – tháng Mười phải đập tan những lực lượng chủ yếu của Cụm tập đoàn quân “bắc” và dồn tàn quân của chúng về Cuôc-lan-đi-a.

Việc cần thiết phải tiêu diệt quân địch ở miền Pri-ban-tích trong thời gian này có một ý nghĩa thật đặc biệt, vì quân đội xô-viết đã tiến ra biên giới Liên Xô và Đông Phổ, mở ra hướng chiến lược quyết định là hướng Tây tiến về Vác-sa-va, Béc-lin, và hướng Tây – Nam tiến về Bu-đa-pét, Viên, nên không thể để lại cái căn cứ bàn đạp chiến lược cho quân địch ở phía sau những phương diện quân đang tiến công ấy. Vì vậy, trong giai đoạn chiến đấu cuối cùng, Bộ tổng tham mưu và Tổng tư lệnh tối cao đã luôn quan tâm tới vùng Pri-ban-tích.

Mặc dầu cuộc chiến đấu diễn ra thật phức tạp, qua nhiều đột biến và đã đem theo cả những thất bại tạm thời, song bản hoà âm kết thúc cuộc chiến đấu là chiến dịch Me-men nổi tiếng về ý định và tổ chức thực hiện ấy quả là một mẫu mực kiệt xuất của nghệ thuật quân sự xô-viết.

14. Chiến cục cuối cùng

Năm mới tại “biệt thự gần thành phố” của Xta-lin ở Cun-xê-vô. – Hút lực lượng địch vào Đông Phổ và sang phía Nam. – Gh. C. Giu-cốp được cử làm tư lệnh phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1. – I. V. Xta-lin đảm nhiệm việc phối hợp hành động của bốn phương diện quân. – Có thể tiến công liên tục vào Béc-lin được không? – Sốc-sin đã kích thích lòng tham của Mỹ ra sao. – Cuộc họp tại Đại bản doanh ngày 1 tháng Tư 1945. – Đức đầu hàng.

Còn mấy tiếng đồng hồ nữa là bước sang năm 1945, A. I. An-tô-nốp báo cho tôi:

- Pô-xcri-ô-bư-sép vừa gọi đây nói báo cho biết là chúng ta sẽ đến “Biệt thự gần thành phố” của Xta-lin lúc mười một giờ rưỡi đêm, không mang theo bản đồ và tài liệu.

Tôi hỏi: vậy là thế nào, A. I. An-tô-nốp trả lời và bông đùa:

- Có thể chúng ta được mời đến ăn mừng Năm mới? Tốt chứ sao...

Mấy phút sau, I-a. N. Phê-đô-ren-cô, tư lệnh bộ đội xe tăng thiết giáp và cơ giới, gọi điện thoại tới chỗ chúng tôi. Đồng chí cũng hỏi xem chúng tôi có biết gì về việc đồng chí được triệu tập đến “biệt thự gần thành phố” của Xta-lin, mà lại đi người không kia chứ..

Tôi trả lời là chính chúng tôi cũng không biết tại sao lại có chuyện mời lạ như vậy.

Đúng 23 giờ, An-tô-nốp với tôi cùng đi bằng xe của đồng chí, dọc đường cứ cố đoán xem lý do cuộc triệu tập này. Thường thì những chuyến đi báo cáo hàng ngày của chúng tôi cho Tổng tư lệnh tối cao bao giờ cũng muộn hơn thế này; còn việc liên hoan thì chưa bao giờ chúng tôi được mời cả; và lại trong những năm chiến tranh, gần như chúng tôi đã quên bằng đến cả cái từ “liên hoan” ấy.

Tại “biệt thự gần thành phố” của Xta-lin, chúng tôi còn chạm trán với mấy quân nhân nữa: A. A. Nô-vi-cốp. N. N. Vô-rô-nốp, I-a. N. Phê-đô-ren-cô, A. V. Khơ-ru-li-ốp và một lát sau thì cả X. M. Bu-đi-on-nưi cũng đến.

Đúng là chúng tôi được mời đến đón mừng Năm mới, bàn tiệc dọn sẵn như thể kia đủ chứng tỏ việc đó lắm.

Còn mấy phút nữa thì đến mười hai giờ đêm. Các đồng chí ủy viên Bộ chính trị cùng đến với mấy đồng chí bộ trưởng dân ủy, mà tôi chỉ nhớ có hai người: B. L. Van-ni-cốp và V. A. Ma-lư-sép. Có mặt tất cả hai mươi lăm nam đồng chí và chỉ có một nữ đồng chí vợ Pan-mi-rô Tô-li-át-ti, Tổng bí thư Đảng cộng sản I-la-li-a. Cả hai vợ chồng bấy giờ đều có mặt ở đây.

Như thường lệ trong mọi bữa tiệc, Xta-lin ngồi vào chỗ của mình ở đầu bàn. Cái bình nước lọc đặt bên tay phải đúng như mọi khi. Chẳng có ai phục vụ quanh bàn ăn cả, mỗi người tự mình lấy thức ăn vào đĩa mình tùy thích.

Lúc chuông điểm mười hai tiếng, Tổng tư lệnh tối cao nói mấy lời ca ngợi những thành tích lớn lao của nhân dân xô-viết, đã làm tất cả những gì có thể để đánh tan quân đội Hít-le cho thắng lợi của chúng ta càng chóng đến. Đồng chí chúc mừng các Lực lượng vũ trang Liên Xô và chúc mừng tất cả chúng

- Chúc mừng các đồng chí Năm mới!

Chúng tôi chúc mừng sức khỏe lẫn nhau và nâng cốc chúc cho ngày toàn thắng sẽ đến trong năm 1945 này. Không khí dè dặt lúc ban đầu bỗng tan ngay. Chuyện trò trở nên náo nhiệt. Chủ nhân cũng bỏ cả nghi thức: sau mấy tuần chạm cốc liên rời khỏi bàn, tra thuốc vào tẩu, hút và bắt chuyện với vị khách nào đấy. Những người còn lại chẳng có gì gò bó nữa, cũng phân ra từng nhóm. Tiếng cười, câu nói thật là rộn rã.

M. Bu-đi-on-nưi lấy chiếc đàn bai-an mang theo để ở gian ngoài. Ngồi xuống chiếc ghế cứng, đồng chí kéo đàn thật cừ. Phần lớn là những bài dân gian Nga, những bản nhạc van-xơ và pôn-ca. Như mọi tay chơi đàn bai-an thiện nghệ, đồng chí nghiêng nghiêng đầu, tai ghé xuống đàn. Người ta thấy ngay đó là môn giải trí ưa thích của đồng chí.

C. E. Vô-rô-si-lốp ngồi xuống cạnh Xê-mi-on Mi-khai-lô vích Bu-đi-on-nưi. Rồi nhiều đồng chí khác cũng kéo đến

Khi Bu-đi-on-nưi chơi đã thấm mệt, Xta-lin mở máy hát. Đồng chí tự chọn lấy đĩa. Khách thử nhảy chơi, nhưng nữ chỉ có một người, nên cuộc vũ không thành. Bây giờ, khi chủ nhân rút trong chõng đĩa ra cái đĩa “ba-rư-nhi-a” thì X. M. Bu-đi-on-nưi không nhịn được nữa, liền đứng dậy bước vào nhảy. Đồng chí nhảy thật hùng dũng, điệu nhảy dân gian Nga, tay vỗ vào đầu gối, vào ủng da đập nhịp, thật khéo. Mọi người vỗ tay tán thưởng nhiệt liệt.

Trọng tâm chương trình âm nhạc là những bài hát quân đội do đội ca vũ của giáo sư A. V. A-lêch-xan-đrốp trình bày. Những bài hát ấy tất cả chúng tôi đều biết và cùng đồng ca theo.

Khoảng ba giờ sáng, chúng tôi ở Cun-xê-vô ra về. Buổi đón Năm mới trong không khí nghỉ ngơi lần đầu tiên trong những năm chiến tranh này đặt ra nhiều suy nghĩ. Mọi người đều cảm thấy ngày kết thúc chiến tranh chẳng còn bao xa. Từ nay mới đỡ căng thẳng, mặc dầu chúng tôi biết rằng, thời gian sắp tới đây, sẽ mở ra một cuộc tiến công to lớn mới, và không ít trận giao tranh quyết liệt đang chờ đợi chúng tôi

A. I. An-tô-nốp bỗng đề nghị không trở về địa vị làm việc như mọi khi nữa, mà về ngủ đêm ở gia đình. Năm mới bắt đầu hoàn toàn chẳng khác gì thời bình. Bữa tiệc chiêu đãi Năm mới ở nhà Tổng tư lệnh tối cao và tôi ngủ đêm ở gia đình – đó là những việc không theo đúng chế độ đã qui định ở Bộ tổng tham mưu trong những năm chiến tranh

Nhưng bộ mặt Mát-xcơ-va vẫn còn có vẻ thời chiến. Phố xá chúng tôi đi qua đều vắng vẻ, đèn tắt, nhà cửa hai bên lạnh lẽo, cửa sổ rèm che kín. Thịnh thoảng có hơi để lọt ra chút ánh sáng yếu ớt, duy có điều là đội tuần tra thành phố và những người trực ban phòng không cũng chẳng phạt những hiện tượng vi phạm ấy nghiêm khắc như trước.

Tóm lại, mọi việc trong đêm nay đều gợi lên ấn tượng: chiến tranh sắp kết thúc.

Việc xây dựng kế hoạch cho giai đoạn kết thúc cuộc đấu tranh trên mặt trận Xô – Đức bắt đầu trong quá trình chiến cục hè – thu năm 1944. Những

kết luận thực tiễn rút ra từ tình hình chiến lược không phải đã có ngay được trong một thời gian ngắn ở Bộ tổng tham mưu và Đại bản doanh, mà phải hình thành dần dần trong quá trình công tác.

Những điều tổng kết về đợt tiến công tuyệt vời của chúng ta trong mùa hè và mùa thu năm 1944 trên tất cả các hướng, càng làm cho chúng ta thêm tin tưởng. Quân đội Liên Xô đã đánh tan 219 sư đoàn và 22 lữ đoàn địch. Quân địch bị mất tất cả 1.600.000 người, 6.700 xe tăng, 28.000 khẩu pháo và súng cối, 12.000 máy bay. Nước Đức phát-xít không thể nào bổ sung được những thiệt hại kể trên. Tổn thất về tinh thần của chúng cũng rất lớn.

Đến cuối tháng Mười 1944, quân đội xô-viết đã đến biên giới Phần Lan và tiến công. thắng lợi ở Bắc Na Uy, quét địch ra khỏi miền Pri-ban-tích, trừ bán đảo Xư-rơ-ve và ở Cuôc-li-an-đi-a, đột nhập vào Đông Phổ đến tuyến Gôn-đáp, Áp-gu-xtốp. Ở phía Nam Đông Phổ ta đã tiến công vượt sông Nác-va và Vi-xla tại một số nơi, chiếm được nhiều căn cứ bàn đạp quan trọng trong những khu vực Rô-gia-nu, Xê-rốt-xcơ, Ma-gnu-sép, Pu-la-vư, Xan-đô-mia; hướng chiến lược Béc-lin đang mở rộng ở phía trước. Phương diện quân U-crai-na 2 tiến vào Bu-đa-pét. Phương diện quân U-crai-na 3, ngày 20 tháng Mười, giải phóng Bê-ô-grát, thủ đô Nam Tư.

Tuy vậy, thắng lợi đến với chúng ta thật không phải dễ dàng. Quân số các sư đoàn hao hụt dần. Tốc độ tiến quân của các sư đoàn chậm hẳn lại. Hít-le rút một phần lực lượng ở một số khu vực phòng ngự của chúng ở Tây Âu điều sang Phía Đông và lập ra ở đây một chiến tuyến dày đặc và vững chắc mà muốn đột phá được, ta cần phải chuẩn bị thật chu đáo.

Bộ tổng tham mưu hiểu rõ mọi nỗi khó khăn, gay go của việc tiếp tục phát huy thắng lợi. Những điều kiện và triển vọng của cuộc tiến công lại không phải nơi nào cũng giống nơi nào.

Hệ thống phòng ngự của quân địch ở miền Cuôc-li-an-đi-a đặc biệt vững chắc. Đột phá và tiêu diệt ba mươi sư đoàn địch đóng chặt ở đây đòi hỏi chúng ta phải trả một giá rất đắt.

Tình hình ở Đông Phổ có thuận lợi hơn. Phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 3 phần nào chiếm ưu thế về lực lượng hơn quân địch (Thời gian này quân

Đức ở Đông Phổ có: 11 sư đoàn bộ binh, 2 sư đoàn xe tăng. 2 lữ đoàn xe tăng, 2 lữ đoàn kỵ binh, cộng tất cả là 17 binh đoàn. Trong biên chế của phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 3 có: 40 sư đoàn bộ binh, 12 quân đoàn xe tăng, 5 lữ đoàn xe tăng, cộng là 47 binh đoàn. Nhưng cũng cần phải lưu ý là quân số các sư đoàn bộ binh địch đông hơn các sư đoàn bộ binh của ta rất nhiều. Khả năng chiến đấu của những quân đoàn xe tăng Liên Xô và những sư đoàn xe tăng Đức thì tương đương với nhau.)

Căn cứ vào đó, Bộ tổng tham mưu cho rằng: Nếu được tăng cường một bộ phận lực lượng lấy trong đội dự bị của Bộ Tổng tư lệnh tối cao, thì có thể mở mũi đột kích mạnh qua suốt Đông Phổ đến tận cửa sông Vi-xla, sâu từ 220km đến 250 ki-lô-mét. Nhưng đáng tiếc là sau đấy, ở đây đành phải hạn chế – ít ra là trong thời gian đầu – ở những mục tiêu đơn giản hơn.

Còn về hướng Vác-sa-va – Pô-dơ-nan, và cả hướng Xi-lê-di, là những hướng thực tế đang quyết định vận mệnh của Béc-lin, thì thấy sức chống cự của quân địch tại đây sẽ rất mạnh. Lúc này, chúng tôi cho rằng phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1 và phương diện quân U-crai-na 1, với mức cố gắng tối đa, cũng chỉ có thể tiến hành chiến dịch tiến công trên một chiều sâu không quá 140 tới 150 ki-lô-mét mà thôi.

Ngược lại, trong các dải tiến công của các phương diện quân U-crai-na 4, 2 và 3, căn cứ trước hết vào những lý do chính trị, Bộ tổng tham mưu lại cho là sẽ đạt được những kết quả thật lớn và thấy hiện ra triển vọng quân ta sẽ tiến nhanh đến tận tuyến Mô-ráp-xca – Ô-xtơ-ra-va, Brơ-nô, đến tận những đường tiếp cận với Viên.

Việc chiếm được Bu-đa-pét và vượt sông Đa-nuýp trong một thời gian ngắn là hoàn toàn hiện thực đối với chúng ta. Đại bộ phận quân địch ở đây là những sư đoàn quân Hung. Theo dự đoán của ta hồi ấy, thì sức chiến đấu của các sư đoàn Hung đó có thể đã bị tan rã bởi phong trào phản chiến đang lan rộng trong hàng ngũ nhân dân Hung và bởi sự tàn bạo của bọn phát-xít đang ra sức tìm một cách cố giữ lấy nước Hung trong phạm vi thể lực của cái Đế chế thứ ba. Nhưng rất tiếc là những dự đoán ấy chưa thành sự thật

được. Chế độ độc tài phát-xít được bọn Đức ủng hộ vẫn còn buộc được nước Hung vào guồng máy chiến tranh của Đức thêm một thời gian nữa.

Từ cuối tháng Mười, trên hướng Bu-đa-pét đã diễn ra những trận chiến đấu cực kỳ ác liệt và đẫm máu. Chống lại phương diện quân U-crai-na 2 là cả một tập đoàn địch gồm đến 39 binh đoàn mà nòng cốt là 7 sư đoàn xe tăng (5 sư đoàn Đức và 2 sư đoàn Hung), địch dựa vào hệ thống những công sự được chuẩn bị kỹ từ trước để kháng cự quyết liệt. Cuộc chiến đấu để chiếm thủ đô Hung kéo dài đến ba tháng rưỡi.

Những kết quả rất hạn chế chúng ta giành được trong tháng Mười chứng minh sự cần thiết phải cho các sư đoàn đã lâu chưa thay phiên được nghỉ ngơi, phải tổ chức điều động, đưa những lực lượng hậu cần lên phía trước, xây dựng những nguồn dự trữ vật chất cần thiết để đột phá và tiếp tục phát triển chiến dịch; và cuối cùng, trên cơ sở việc đánh giá tình huống, chọn lấy những phương hướng có lợi nhất, để xây dựng những kế hoạch tiêu diệt triệt để chủ nghĩa phát-xít Đức trong thời gian ngắn nhất.

Ngay hồi đầu tháng Mười một 1944, Đại bản doanh đã nghiên cứu toàn diện tình hình mọi công việc ở các khu vực hoạt động của phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 2, Bê-lô-rút-xi-a 1 và U-crai-na 1. Đối diện với những phương diện quân ấy là tập đoàn chiến lược chủ yếu của địch: hai cụm tập đoàn quân “trung tâm” và “A”, tuy biên chế của chúng không còn đầy đủ như trước. Những phương diện quân của ta bấy giờ chưa đủ ưu thế cần thiết về lực lượng để tiến công. Từ đó có thể rút ra kết luận là: nếu cứ tiếp tục tiến công trên hướng Béc-lin thì sẽ không có lợi, cần phải tạm thời chuyển sang phòng ngự

Trong lần báo cáo thường kỳ cho Tổng tư lệnh tối cao, A. I. An-tô-nốp đặc biệt kiên trì bảo vệ quan điểm này và đến khi cho phép chuẩn bị những chỉ thị thích hợp. Chúng tôi được phép làm như vậy. Rạng ngày 5 tháng Mười một 1944, chỉ thị đã được gửi cho các phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 3 và 2 chuyển sang phòng ngự. Mấy hôm sau, lại ban hành những mệnh lệnh như thế cho bộ đội cánh phải của phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1.

Ngay từ đầu, ta đã dự kiến tiến hành chiến cục cuối cùng củ chiến tranh chống nước Đức Hít-le làm hai giai đoạn. Trong giai đoạn đầu, những hành động tích cực trước hết vẫn tiếp tục trên hướng cũ, nếu có thể nói như vậy, tức là ở sườn phía Nam mặt trận Xô – Đức trong khu vực Bu-đa-pét. Ta dự kiến sẽ tạo ra bước ngoặt ở đây, bằng cách đưa những lực lượng chủ yếu của phương diện quân U-crai-na 3 tiến vào giữa hai con sông Tít-xa và Đa-nuýp ở khu vực quá phía Nam Két-kê-mét. Từ đây, các đơn vị của phương diện quân ấy có thể hành động phối hợp với phương diện quân U-crai-na 2 đột kích sang phía Tây và Tây – Bắc.

Chúng ta hy vọng rằng bộ đội của hai phương diện quân trên, nếu hiệp đồng chặt chẽ với nhau, sẽ có thể tiến công với tốc độ cao và sau 20 đến 25 ngày là sẽ đạt tới tuyến Ban-xca – Bít-xtơ-ri-xa, Cô-mác-nô, Nát-ca-ni-gia, và một tháng sau, đến cuối tháng Chạp sẽ tiến tới những đường tiếp cận với Viên.

Chúng ta tin chắc rằng cứ thực sự uy hiếp tiêu diệt sườn phía Nam của chúng, là ta sẽ buộc bộ chỉ huy Đức phải điều những lực lượng bổ sung từ hướng Béc-lin đến và như vậy sẽ tạo ra điều kiện thuận lợi cho những lực lượng chủ yếu của chúng ta, tức là những phương diện quân đã bố trí ở phía Bắc mạch núi Các-pát tiến lên phía trước.

Bộ tổng tham mưu tin chắc rằng, đến đầu năm 1945, Quân đội Liên Xô ở hạ lưu sông Vi-xla sẽ tới Brôm-béc, đánh vào Pô-dơ-nan, chiếm lấy Bre-xlau, Pác-đu-bi-xe, I-gla-va và Viên, nghĩa là từ tuyến bố trí trong tháng Mười của mình tiến lên phía trước từ 120 cho tới 350 ki-lô-mét. Sau đó, sẽ bắt đầu giai đoạn hai của chiến cục và kết quả là nước Đức sẽ phải đầu hàng.

Vậy là những tính toán sơ bộ hồi cuối tháng Mười 1944 chỉ vạch ra một nội dung chung của chiến cục kết thúc chiến tranh gồm hai giai đoạn thôi. Hướng đột kích chủ yếu vẫn còn chưa xác định được, nên lúc này, vẫn chưa nói rõ được ý định đột kích phá vỡ mặt trận chiến lược của địch và chia cắt những tập đoàn của chúng.

Để xây dựng ý định ấy được chính xác hơn, hồi đầu tháng Mười một, Bộ tổng tham mưu tổng kết những kết quả chúng ta đã giành được, đánh giá

tóm tắt hình thái chiến lược của hai bên, đã xác định rằng Quân đội Liên Xô đã giành được những thắng lợi quyết định đối với kết cục của chiến tranh.

Việc kết thúc cuộc chiến đấu trên mặt trận Xô – Đức đã được quyết định, giờ phút tiêu diệt toàn bộ quân địch đang nhích lại gần. Chúng ta có ưu thế hơn địch không riêng về mặt quân số mà cả về mặt trình độ huấn luyện và trang bị kỹ thuật nữa. Công tác hậu cần tổ chức tốt, bảo đảm thành công chắc chắn cho mọi hành động chiến đấu, việc cung cấp cho tiền tuyến ngày một tăng lên nhiều.

Chúng ta đánh giá hình thái chiến lược của quân đội xô viết và quân đội các nước Đồng minh chống Hít-le là hình thái đang tiến gần tới ngày kết thúc việc bao vây nước Đức Những đòn đột kích của ta phối hợp rất khéo với hành động của các nước Đồng minh ở Tây Âu. Quân đội Liên Xô và những lực lượng Anh – Mỹ thực ra đã chiếm được những trận địa xuất phát để tiến công quyết định vào những trung tâm sinh tử của nước Đức. Đã sắp tới lúc tiến hành đợt tiến công như vũ bão cuối cùng và trong thời gian ngắn, sẽ hoàn thành việc tiêu diệt toàn bộ quân địch.

Những sự kiện sau này đã xác nhận việc đánh giá tình hình như vậy là đúng đắn, một sự đánh giá làm cơ sở cho việc nghiên cứu tỉ mỉ mặt chiến dịch của ý định chiến cục cuối cùng ở châu Âu.

Ý định trên được thảo luận rất cẩn kẽ trước hết ở chỗ A. I. An-tô-nốp với sự tham gia của cục trưởng Cục tác chiến, các phó cục trưởng A. A. Cru-dơ-lốp và N. A. Lô-mốp, các chủ nhiệm những khu vực mặt trận có liên quan. Tất cả những ý kiến phát biểu ở đây, sau được Cục tác chiến xác định rõ thêm.

Cục tác chiến lại còn tính toán kỹ các lực lượng và phương tiện, nghiên cứu cụ thể những yếu tố khác của chiến dịch, rồi cuối cùng đem thể hiện thành biểu đồ: kết quả của mọi tính toán đều ghi vào bản đồ, sau đó thì lại được đem ra thảo luận cẩn kẽ một lần nữa. Cũng như những lần trước, các chiến dịch mở màn đều được đặt kế hoạch hết sức chi tiết, còn nhiệm vụ về sau của các phương diện quân là chỉ vạch ra những nét chung.

Trong quá trình nghiên cứu, tìm kiếm và sáng tạo, ban đầu mới chỉ nảy ra ý kiến, rồi sau kết tinh lại rõ dần ra thành ý định chung về những hành động của chúng ta. Mọi người thừa nhận rằng khu vực phía giữa của mặt trận Xô – Đức là khu vực quyết định, bởi vì những mũi đột kích của quân ta ở đây sẽ chọc thẳng đến những trung tâm sinh tử của nước Đức bằng con đường ngắn nhất. Nhưng chính ở đây lại là nơi tập trung cụm quân địch dày đặc nhất.

Để tạo ra những điều kiện thuận lợi hơn cho cuộc tiến công của chúng ta, cần phải căng cụm quân phía giữa của quân Đức phát-xít ra. Vì vậy, chúng ta phải đẩy mạnh những hoạt động ở hai bên sườn mặt trận chiến lược đến mức tối đa. Và, như thế là không riêng gì ở Hung và Áo, mà cả ở Đông Phổ nữa. Cuộc tiến công mãnh liệt vào Bu-đa-pét và Viên đòi hỏi phải kết hợp với cuộc tiến công vào Khuê-ních-xbéc.

Chúng ta biết chắc rằng quân địch ở Đông Phổ và ở Hung sẽ nhạy cảm đến cao độ. Khi bị ép mạnh, nhất định chúng sẽ điều những đội dự bị và những đơn vị khác từ những nơi chưa bị đánh dồn về. Và, kết quả sẽ là: ở hướng Tây – hướng dự kiến sẽ xảy ra những sự kiện quyết định, chúng sẽ yếu hẳn đi.

Những dự kiến của chúng ta đều tỏ ra chính xác. Do những hành động tiến công của quân đội xô-viết trong tháng Mười một – tháng Chạp 1944, nên quân địch đã tập trung – theo tính toán của ta – ở Đông Phổ 26 sư đoàn, trong số đó có 7 sư đoàn xe tăng, và ngay sát thủ đô Hung 55 sư đoàn, trong đó có 9 sư đoàn xe tăng.

Như sau này đã rõ, trong thời gian ấy Hít-le cho rằng: năm 1945, quân đội xô-viết sẽ đột kích chủ yếu không phải trên hướng Béc-lin từ phía Đông, mà lại qua đất Hung và Tiệp. Vì vậy, chủ lực của quân đội Đức được điều động tới đây. Lần này nữa, Bộ tổng chỉ huy Đức lại buộc phải theo ý định của ta và trong khu vực mặt trận chủ yếu đối với chúng ta, chúng còn lại tất cả có 49 sư đoàn, trong đó chỉ có 5 sư đoàn xe tăng.

Mặt trận chiến lược của địch có hình thái độc đáo như sau: các cụm quân mạnh thì đóng ở hai bên sườn, còn ở giữa lại tương đối yếu và không có những đội dự bị lớn bảo đảm. Điều đó buộc chúng ta phải nghĩ ra những

phương pháp hoạt động sao cho hợp lý nhất ở trên hướng chủ yếu. Trong trường hợp này, có nên bỏ ý nghĩ cho tiến quân đều trên toàn bộ mặt trận để đẩy lùi địch hay không? Hay sẽ đột kích thẳng vào khu giữa tương đối yếu, chia cắt mặt trận chiến lược quân Đức ra và không để mất thời gian, phát triển tiến công vào Béc-lin thì có tốt hơn không.

Với phương án hành động sau, ta sẽ dễ dàng tiêu diệt toàn bộ quân địch bị chia cắt, thực sự đẩy nhanh việc giành lấy mục tiêu cuối cùng của chiến tranh. Bộ tổng tham mưu dừng lại ở phương án đó. Chúng tôi tin chắc rằng, cần phải tiến hành đột kích vào Béc-lin càng sớm càng tốt và phải đột kích liên tục không được dừng lại.

Nhưng gần đây, lại có lập luận cho rằng Bộ tổng tham mưu đã gác vấn đề đánh chiếm Béc-lin lại trong một thời gian không hạn định. Chúng tôi khẳng định đó là một lập luận hoàn toàn không có cơ sở. Những sự kiện xảy ra về sau chỉ bổ sung những cái gì cần hiệu chỉnh vào trong kế hoạch của chúng ta mà thôi.

Việc xác định rõ nhiệm vụ sắp tới và những phương pháp hành động hợp lý nhất cho từng phương diện quân không phải là không khó. Trước hết phải suy nghĩ nát óc về phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 3. Cánh quân địch đóng ở Đông Phổ rất mạnh, lại dựa vào những cứ điểm đã chuẩn bị kiên cố từ những chướng ngại vật thiên nhiên, những vùng dân cư, rất thuận lợi cho việc phòng ngự. Từ đây, quân địch có thể đột kích vào sườn quân ta đang tiến trên hướng Béc-lin. Vì vậy chúng ta phải chiến đấu không những để kìm hãm chúng lại, mà còn để cô lập chúng, không cho liên lạc với những khu vực khác trên mặt trận chiến lược và tùy theo sức mạnh mà chia cắt chúng ra, không cho chúng hành động tập trung.

Nhiệm vụ chiến dịch nhiều mặt như vậy – kìm hãm, cô lập và chia cắt chúng – đòi hỏi cuộc tiến công vào Đông Phổ phải sử dụng ít ra là hai phương diện quân: một để đột kích từ phía Đông vào Khuê-ních-xbéc và một để cô lập cánh quân Đông Phổ của địch ra khỏi cụm tập đoàn quân “A” của chúng trên hướng Béc-lin cũng như ra khỏi cả hậu phương chiến lược của chúng nữa.

Mũi vu hồi sâu từ phía Nam và Tây-nam vào Đông Phổ đồng thời sẽ yểm hộ bên sườn cho quân ta tiến đánh Vác-sa-va, Pô-dơ-nan, Béc-lin. Mũi đột kích từ phía Đông vào cánh quân địch ở Đông Phổ giao cho phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 3 là thích hợp hơn cả, còn phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 2 thì sẽ đảm nhiệm việc mở những mũi vu hồi vào cánh quân ấy.

Còn giải quyết nhiệm vụ chủ yếu – mở cửa vào mặt trận chiến lược của địch và tiến công cấp tốc sang phía Tây – thì có thể sử dụng phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1 và phương diện quân U-crai-na 1, lúc này đã ở trên hướng ấy và đã chiếm được những căn cứ bàn đạp trên sông Vi-xla. Cần phải tìm mọi cách bổ sung thật đủ xe tăng cho các phương diện quân ấy mà trước hết là tổ chức ra những tập đoàn quân xe tăng và những quân đoàn xe tăng độc lập.

Trong ba ngày cuối tháng Mười và đầu tháng Mười một 1944, hướng đột kích, dải tiến công, chiều sâu nhiệm vụ trước mắt và tiếp sau của từng phương diện quân đã được xác định cụ thể. Bây giờ, chúng tôi còn ước tính cả thời hạn tối thiểu, cần thiết để tiêu diệt hoàn toàn bộ máy chiến tranh của Hít-le.

Chúng tôi dự kiến có thể đạt được mục tiêu đó trong khoảng 45 ngày tiến công với chiều sâu từ 600 tới 700 ki-lô-mét, qua hai giai đoạn nối tiếp nhau, không có lúc tạm dừng chiến dịch ở giữa. Giai đoạn đầu được dành cho 15 ngày, giai đoạn sau 30 ngày. Theo kế hoạch thì tốc độ tiến công không cao lắm, vì dự kiến là trong những trận đánh kết thúc, sức chống cự của địch sẽ rất quyết liệt. Nhưng cả ở đây, thực tế đã đấm chính lại: các đơn vị bộ đội xô-viết anh hùng đã tiến công vượt mức kế hoạch.

Trong khi xác định cho rõ chiều sâu các nhiệm vụ, chúng tôi có tính đến tất cả những điều kiện cụ thể, nhất là những đặc điểm của địa hình. Chẳng hạn đối với phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 3, khu vực hoạt động chiến đấu có nhiều khó khăn, mà địch lại mạnh, nên chiều sâu nhiệm vụ trước mắt chỉ xác định có 50 tới 60 ki-lô-mét.

Dải hoạt động của phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 2 có thể cho phép đặt kế hoạch nhiệm vụ trước mắt đến tuyến Mơ-la-va, Đrô-bin, tức là 60 tới 80

ki-lô-mét. Chiều sâu các nhiệm vụ trước mắt cho phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1, phương diện quân U-crai-na 1 và một phần của phương diện quân U-crai-na 4 có thể lên 120 tới 160 ki-lô-mét. Còn những nhiệm vụ tiếp sau của các phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1 và U-crai-na 1, hoạt động trong điều kiện đồng bằng ở miền Tây Ba Lan, thì chiều sâu cũng đến 130 tới 180 ki-lô-mét.

Các hướng đột kích vạch ra cũng thật đáng tin tưởng. Phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 2 đột kích hai mũi: tới Ma-ri-en-buốc, cắt cánh quân Đông Phổ ra khỏi những đơn vị khác của địch và tới A-len-stai-nơ, cắt đôi cánh quân Đông Phổ ấy ra. Phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a I sẽ cho một bộ phận lực lượng tiến vòng qua Vác-sa-va, còn một bộ phận lực lượng tiến ra gặp những đơn vị của phương diện quân U-crai-na 1 đang tiêu diệt cánh quân Ken-txe – Ra-đôm của bọn Đức. Các lực lượng đột kích tiếp giáp nhau của hai phương diện quân U-crai-na 1 và U-crai-na 4 sẽ tiến công vào Cra-cốp. Còn hai phương diện quân ở phía Nam: U-crai-na 2, và 3, thì mục tiêu cuối cùng phải đạt trong những chiến dịch tiến công ở giai đoạn đầu của chiến cục vẫn là Viên như cũ.

Khi chuẩn bị ý định chiến cục năm 1945, Đại bản doanh không triệu tập một hội nghị đặc biệt gồm những đồng chí tư lệnh các phương diện quân như trước kia, chẳng hạn như lần xây dựng kế hoạch “Ba-gra-chi-on”. Lần này, chỉ triệu tập từng người một về Bộ tổng tham mưu và thảo luận với từng đồng chí tư lệnh về mọi chi tiết chiến dịch của phương diện quân của họ, rồi sau báo cáo lên Đại bản doanh những ý kiến đã thống nhất với nhau.

Các nguyên soái Liên Xô Ph. I. Tôn-bu-khin, C. C. Rô-cô-xốp-xki, I. X. Cô-nép và đại tướng I. Đ. Tséc-ni-a-khốp-ki đã làm việc lại Bộ tổng tham mưu đến ngày 7 tháng Mười một và trong cả những ngày lễ. Sau ngày lễ thì tiến hành thảo luận toàn bộ ý định chiến cục nói chung tại Đại bản doanh và không có gì bổ sung quan trọng vào ý định đó. Chúng ta thống nhất với nhau là trên hướng chủ yếu sẽ bắt đầu tiến công vào ngày 20 tháng Giêng 1945, nhưng chưa phê chuẩn kế hoạch các chiến dịch và chưa ra chỉ thị cho các phương diện quân.

Mấy hôm sau, Tổng tư lệnh tối cao quyết định nguyên soái Liên Xô Gh. C. Giu-cốp, Phó Tổng tư lệnh tối cao, là người có kinh nghiệm nhiều nhất, sẽ chỉ huy những đơn vị quân đội đánh chiếm thủ đô Béc-lin của nước Đức. Ngày 16 tháng Mười một 1944, Gh. C. Giu-cốp được chỉ định giữ cương vị tư lệnh phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1. Nguyên soái Liên Xô C. C. Rô-cô-xốp-xki từ đây chuyển sang phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 2 thay G. Ph. Da-kha-rốp. Xta-lin đích thân thông báo việc ấy cho các đồng chí trên băng điện thoại.

Tổng tư lệnh tối cao tự mình đảm nhiệm việc phối hợp hành động của bốn phương diện quân trên hướng tiến vào Béclin, do đó A. M. Va-xi-lép-xki không cần phải công tác ở phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 3 nữa. Với tư cách là đại diện của Đại bản doanh, đồng chí được giao nhiệm vụ chỉ đạo những chiến dịch của hai phương diện quân Pri-ban-tích 1 và 2. Nhưng ngày 20 tháng Hai 1945, khi đại tướng I. Đ Tséc-ni-a-khốp-xki hy sinh, A. M. Va-xi-lép-xki lại trở về phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 3, đồng chí làm tư lệnh phương diện quân thì A. I. An-tô-nốp được cử giữ chức tổng tham mưu trưởng.

Vậy là chúng ta đã dự kiến mở đồng loạt những đòn đột kích mãnh liệt của một số phương diện quân ngay từ đầu năm 1945 trên hướng chiến lược Béc-lin. Những đòn đột kích ấy nhằm phá vỡ và chia cắt mặt trận địch ra từng mảnh, phá hủy đường giao thông và thông tin liên lạc của chúng, làm rối loạn sự hiệp đồng của những cụm quân địch đang bố trí tại đây và ngay trong giai đoạn đầu của chiến cục, tiêu diệt những lực lượng chủ yếu của chúng. Nhờ đó sẽ tạo ra những điều kiện thuận lợi để kết thúc chiến tranh.

Phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1 được chú ý hơn hết. Các đơn vị của phương diện quân ấy sẽ tiến công từ những căn cứ bàn đạp Ma-gnu-sép và Pu-la-vư. Sức đột phá phải thật mãnh liệt. Thế nhưng phần nào quân địch cũng sẽ phát hiện ra hướng đột kích của chúng ta do sự xuất hiện của chính những căn cứ bàn đạp ấy, cố nhiên chúng cũng sẽ tìm những biện pháp chống trả.

Cũng phần nào vì vậy mà phương diện quân U-crai-na 1 ở bên trái sẽ phải phát triển tiến công tới biên giới nước Đức không theo con đường ngắn nhất, mà hơi chệch lên phía Bắc, tới Ca-li-sơ. Bộ tổng tham mưu cho rằng con đường ngắn nhất đối với phương diện quân U-crai-na 1 sở dĩ không thích hợp cũng là do nhiều nguyên nhân khác nữa.

Vì ở Ba Lan, trên đường này có khu vực công nghiệp Thượng Xi-lê-di cùng với những công trường đá to lớn thích ứng cho phòng ngự. Tiếp nữa là khu vực Xi-lê-di của Đức, những điều kiện phòng ngự ở đây cũng rất vững. Có triển vọng là những trận chiến đấu sẽ kéo dài, tốc độ của chiến dịch sẽ chậm lại và ta phải chịu nhiều tổn thất không hợp lý.

Bởi vậy, sau nhiều lần thảo luận vấn đề đó với nguyên soái I. X. Cô-nép, Bộ tổng tham mưu và sau đó cả Đại bản doanh nữa đều dừng lại ở phương án tiến công từ phía đông-bắc và phía Bắc vòng qua miền Xi-lê-di. Mũi đột kích ấy sẽ tạo nên môi uy hiếp thực sự vào sau lưng quân địch đang bố trí đối diện với phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1, làm cho bộ đội ta tiếp quân tới Pô-dơ-nan dễ dàng hơn.

Ngoài ra, theo phương án tiến công như vậy thì những cơ sở công nghiệp ở Xi-lê-di có thể sẽ còn lại nguyên vẹn tất cả. Xta-lin đặc biệt quan tâm tới việc giữ gìn khu vực công nghiệp Xi-lê-di và đã trao đổi riêng về vấn đề này với I. X. Cô-nép, tư lệnh phương diện quân U-crai-na 1.

Ngày 27 tháng Mười một, Gh. C. Giu-cốp đến Mát-xcơ-va theo lệnh triệu tập của Đại bản doanh. Dựa vào những tức tức của cơ quan trinh sát phương diện quân, đồng chí cho rằng phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1 đột kích thẳng vào phía Tây sẽ gặp nhiều khó khăn, vì ở đấy địch tổ chức rất nhiều tuyến phòng ngự có quân án ngữ. Theo ý của Giu-cốp nếu lực lượng chủ yếu của phương diện quân đánh tới Lot-dơ, rồi sau đó tiến ra Pô-dơ-nan thì có thể đạt được thắng lợi nhanh nhất. Tổng tư lệnh tối cao đồng ý với ý kiến bổ sung ấy. Và phương hướng chiến dịch giải quyết theo kế hoạch lúc ban đầu của phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1 phải thay đổi một tí.

Việc ấy cũng làm thay đổi cả nhiệm vụ của đơn vị bạn ở bên trái: việc phương diện quân U-crai-na 1 tiến tới Ca-li-sơ sẽ không còn tác dụng gì nữa

và nguyên soái Cô-nép được chỉ thị: Phải đột kích theo hướng chủ yếu vào Bre-xlau.

Tất nhiên là trong khi chuẩn xác lại kế hoạch thì việc chuẩn bị chiến dịch vẫn cứ tiến hành: tập trung những đội dự bị, bổ sung mọi thứ cần thiết cho các phương diện quân.

Đến cuối tháng Mười một, toàn cảnh cuộc tiến công sắp tới đã được xác định hoàn toàn, mặc dầu mãi đến cuối tháng Chạp, các kế hoạch chiến dịch ấy mới được Đại bản doanh phê chuẩn. Sau này, chỉ phải thay đổi một ít chi tiết, chủ yếu là một số chiến dịch được bắt đầu sớm lên, do yêu cầu của các nước đồng minh đang gặp gay go ở miền Ác-đê-nư. Khoảng giữa tháng Chạp, quân Đức đánh ở đây rất mạnh và thủ tướng Anh U. Sớc-sin phải đề nghị I. V. Xta-lin chi viện.

Trung thành với nghĩa vụ đồng minh của mình, quân đội xô viết chuyển sang tiến công quyết liệt ngày 12 tháng Giêng – trước thời hạn dự định 8 ngày. Nhịp độ tiến công, như đã nói trên, vượt tất cả mọi dự định của chúng ta. Trên hướng trung tâm, từ ngày 24 tháng Giêng, bộ đội của các phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1 và U-crai-na 1 đã tới tuyến Pô-dơ-nan – Bre-xlau. Lực lượng chủ yếu của cụm tập đoàn quân “trung tâm” Đức phòng ngự ở Ba Lan bị thua nặng. Tàn quân của chúng rút về phía Tây và Tây – Bắc.

Việc phân tích tình hình cuối tháng Giêng 1945 xác nhận rằng: kết luận chúng ta đã rút ra trước đây về sự cần thiết phải tiến công liên tục, cho đến khi chiếm được Béc-lin, là đúng. Nhưng trong thời gian ấy, chưa thể xem việc Béc-lin thất thủ có nghĩa là nước Đức đầu hàng hoàn toàn. Vì địch vẫn còn giữ được những cụm quân khá mạnh ở Tây Âu và cả ở Hung. Riêng chỉ trong khu vực Bu-đa-pét, theo ước tính của ta hồi ấy, thì địch đều có 11 sư đoàn xe tăng và nhiều đơn vị khác, có thể cầm cự được thêm một thời gian nào đó nữa.

Chúng ta được biết là Hít-le có ý đồ tiếp tục cố thủ trong cái “pháo đài núi An-pơ” (Tên gọi một vùng ở Nam Đức, có khối núi An-pơ hiểm trở, Hit-le đã cho thành lập khu cố thủ để lâm thời rút xuống đây chống cự. – ND.); các nước Đồng minh cũng biết như thế, và U. Sớc-sin có hỏi Xta-lin về kế hoạch

của Liên Xô trong trường hợp Hít-le “chuyển xuống phía Nam”. Nhưng dù thế nào thì việc chiếm được Béc-lin cũng cực kỳ tai hại đối với Đế chế thứ ba.

Đế quốc phải những tính toán nhằm lẫn nguy hại, Đại bản doanh và Bộ tổng tham mưu, như trước đây thường vẫn làm, chưa hạ quyết tâm dứt khoát về giai đoạn hai của chiến cục, trong khi chưa lấy được ý kiến sơ bộ của các tư lệnh phương diện quân. Lúc quân đội ta tiến tới tuyến Pô-dơ-nan – Bre-xlau, Mát-xcơ-va mới hỏi ý kiến tư lệnh các phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1 và U-crai-na 1 về đặc điểm của các hành động sau này của các phương diện quân.

Ngày 26 tháng Giêng 1945, Bộ tổng tham mưu nhận được giải pháp của tư lệnh phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1, thực ra vẫn là tiến công liên tục cho đến lúc chiếm được thủ đô của Đức. Phương diện quân dự định trong vòng bốn ngày sẽ điều quân lên phía trước, nhất là pháo binh, tập trung những đơn vị hậu cần, bổ sung dự trữ đạn dược, ổn định các đơn vị, bảo đảm vật chất cho những binh đoàn xe tăng, đưa tập đoàn quân đột kích 3 và tập đoàn quân Ba Lan 1 vào thê đội một nhằm ngày 1 hay 2 tháng Hai, sẽ sử dụng toàn bộ lực lượng của phương diện quân tiếp tục tiến công. Nhiệm vụ trước mắt là tiến công vượt sông Ô-đe trong hành tiến và tiếp sau là đột kích vào Béc-lin. Trong thời gian ấy, tập đoàn quân xe tăng cận vệ 2 sẽ từ Tây – Bắc đánh vu hồi vào Béc-lin, còn tập đoàn quân 1 thì từ Đông – Bắc tiến công vào.

Ngày hôm sau, chúng tôi nhận được giải pháp của tư lệnh phương diện quân U-crai-na 1; đồng chí cũng có ý định hành động liên tục không có thời gian tạm dừng. Phương diện quân dự định tiếp tục tiến công vào ngày 5-6 tháng Hai và đến 25-28 tháng Hai thì sẽ đến sông En-bơ; cánh phải của phương diện quân thì hiệp đồng với phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1 chiếm Béc-lin.

Quan điểm của Tổng tư lệnh tối cao cũng đúng như vậy. Ngày 4 tháng Hai 1945 – theo hồi ký của U. Sớc-sin – trong cuộc hội nghị nổi tiếng ở I-

an-ta, Xta-lin đánh giá tình hình rất lạc quan và nhận xét rằng mặt trận quân địch đã bị phá vỡ, quân Đức chỉ còn đủ sức bịt nổi những lỗ thủng nhỏ.

Vì thế, ý kiến của mọi người đều gặp nhau ở chỗ: cần tiếp tục tiến công liên tục và đánh chiếm Béc-lin. Các phương diện quân lại nhận được những chỉ thị cần thiết của Mát-xơ-va, rồi lại giao nhiệm vụ cho các tập đoàn quân.

Bộ tổng tham mưu chỉ bản khoản về một chi tiết: làm thế nào để trong hai phương diện quân tiến công vào Béc-lin, theo như chỉ thị của Xta-lin, lực lượng do Gh. C. Giu-cốp chỉ huy sẽ chiếm được thủ đô của nước Đức phát-xít. Sau những cuộc tranh luận sôi nổi, chúng tôi đề nghị lên trên phê chuẩn những giải pháp của cả hai đồng chí tư lệnh phương diện quân.

Đại bản doanh đồng ý, nhưng xác định tuyến phân giới giữa hai phương diện quân theo đề nghị của nguyên soái Giu-cốp ngày 26 tháng Giêng là: Xmi-gen, Un-rút-stốt, sông Phau-le-ốp-ra, sông Ô-đe, Rát-xđo, Phrít-lan, Grô-xơ Kê-rít, Mi-khen-đo. Cách phân giới như vậy thực tế đã kéo phương diện quân U-crai-na 1 xuống phía Nam Béc-lin, không cho phương diện quân này một cửa mở nào để đột kích vào thủ đô nước Đức; cánh phải của phương diện quân thì hướng thẳng tới Gu-ben và Bran-đen-buốc.

Rõ ràng là không hợp lý: một mặt đã phê chuẩn quyết tâm của nguyên soái Cô-nép là dùng cánh phải nói trên tiến công vào Béc-lin, nhưng mặt khác lại xác định tuyến phân giới không cho phép làm như thế. Nhưng, chúng tôi cho rằng còn lâu mới đến Béc-lin và rồi chúng ta sẽ khắc phục được tình trạng vô lý đó, tình huống tự nó sẽ có những bổ sung cần thiết trong quá trình chiến dịch. Quả thật, mọi việc đã diễn ra đúng như vậy. Nhưng không phải là trong tháng Hai, tháng Ba, mà cả tháng Tư cũng không phải. Những sự kiện phát triển sau đó, không cho phép chúng ta tiến hành tiến công vào Béc-lin đúng thời hạn đã tính.

Ngày 1 tháng Hai 1945, bộ đội của tập đoàn quân đột kích 5 và tiếp theo là tập đoàn quân cận vệ 8 của phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1 đã lao nhanh tới bờ phía Tây sông Ô-đe, và một bộ phận lực lượng đã chiếm được những căn cứ bàn đạp nhỏ ở khu vực pháo đài Cu-xơ-rin. Nhưng chính

pháo đài thì vẫn còn ở trong tay địch. Tập đoàn quân 69 đã tiến đến bờ sông Ô-đê về phía Nam, nhưng trong dải tiến công của tập đoàn quân ấy, quân Đức vẫn giữ được một cứ điểm bàn đạp ở gần Phran-phước. Tập đoàn quân 33 cũng tới sông Ô-đê. Tiếp theo là một khoảng cách nhỏ, rồi phương diện quân U-crai-na 1 cũng tiến xuống phía Nam chiếm lĩnh những trận địa dọc sông Ô-đê.

Bộ đội xô-viết bị chặn lại trên tuyến này.

Tình hình chiến dịch không thuận lợi cho chúng ta. Phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1 có nhiệm vụ đánh đến Béc-lin, đã tiến lên phía trước, nhưng lúc này chưa thể chiếm được thủ đô nước Đức. Trên hướng Béc-lin, phương diện quân này thực ra chỉ có 4 tập đoàn quân binh chủng hợp thành và 2 tập đoàn quân xe tăng không còn đủ biên chế. Chưa kể những thiệt hại lớn trong chiến đấu, hai tập đoàn quân trong số đó là tập đoàn quân cận vệ 8 và tập đoàn quân 69 còn phải để lại một phần lực lượng để chiến đấu chống quân địch đang bị vây ở Pô-dơ-nan, còn một tập đoàn quân là tập đoàn quân đột kích 5 thì vừa tiến về phía Béc-lin, vừa phải tiếp tục vây hãm Cu-xtơ-rin.

Nguyên soái Gh. C. Giu-cốp phải cho những tập đoàn quân binh chủng hợp thành còn lại quay sang phía Bắc, vào hướng Đông Pô-mê-ra-ni, là nơi quân địch tập trung những lực lượng đáng kể và đã từng bước chống cự quyết liệt với bộ đội ta khi tiến qua đất Ba Lan. Dần dần, ở phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1 hình thành một bên sườn kéo dài tới hàng trăm ki-lô-mét. Các tập đoàn quân đột kích 3, tập đoàn quân Ba Lan 1, 47 và 61 bảo đảm bên sườn ấy, trong lúc một phần lực lượng của họ lại bị hút vào cuộc chiến đấu chống quân Đức đang bị vây ở Snai-dơ-muyn và ở những vùng dân cư khác.

Sườn kéo dài như vậy không cho phép thành lập một tập đoàn đột kích đủ mạnh trên hướng chủ yếu, và sức chống cự mỗi lúc một tăng của địch đe dọa đột phá vào sườn để tiến vào sau lưng quân ta. Mỗi nguy cơ ấy ngày càng rõ vì giữa hai phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1 và 2 là cả một khoảng cách lớn gần như không có lực lượng nào bảo đảm.

Gh. C. Giu-cốp tìm cách điều tập đoàn quân 47 vào hướng chủ yếu nhưng quân địch cản trở ý định ấy. Tạo nên một bước chuyển biến trong tình huống, bằng cách tiến hành những trận đánh nhằm tiêu diệt địch ở bên sườn, cũng không thể được. Tất cả những điều ấy làm giảm nhiều khả năng tiến công của bộ đội xô-viết, mà mệnh lệnh đánh chiếm Béc-lin của Đại bản doanh thì vẫn không hủy bỏ.

Lực lượng địch ở Đông Pô-mê-ra-ni tăng lên nhanh, còn về phía chúng ta thì hàng ngũ ngày một hao hụt dần. Chẳng hạn, trong tập đoàn quân cận vệ

8, sau khi phải chiến đấu liên tục, gay go trên chặng đường dài 500 ki-lô-mét, các trung đoàn trong biên chế chỉ còn có hai tiểu đoàn và các đại đội thì chỉ có 22 đến 45 người. Ở những tập đoàn quân khác đang tiến về Béc-lin, tình hình cũng hết như vậy.

Việc bảo đảm vật chất lại càng gặp nhiều khó khăn. Bộ đội thiếu đạn nghiêm trọng. Phải chờ đạn đại bác và đạn cho các loại súng từ những kho tàng còn nằm ở phía Đông sông Vi-xla.

Ngày 8 tháng Hai 1945, V. I. Tsui-cốp, tư lệnh tập đoàn quân cận vệ 8, báo cáo với Gh. C. Giu-cốp:

“Đạn bảo đảm cho tập đoàn quân trung bình chỉ có 0,3 -0,5 cơ số. Tiêu phí đạn dược hàng ngày rất lớn... Việc chuyển vận bằng đường bộ của tập đoàn quân không thể bảo đảm tiếp đạn từ khu vực sông Vi-xla lên phía trước được.

Đoàn tàu chở đạn cho tập đoàn quân xuất phát ngày 2 tháng Hai 1945 từ ga Xô-bô-lê-vô đến ngày 8 tháng Hai 1945 vẫn chưa thấy tới ga Sơ-véc-sen là nơi quy định.

Do địch tăng cường hoạt động ráo riết trong khu căn cứ bàn đạp và cuộc chiến đấu vẫn tiếp tục trong thành phố Pô-dơ-nan, chúng tôi đề nghị bảo đảm việc tiếp đạn trong hạn từ hai đến ba ngày sắp đến”.

Đồng thời, tư lệnh tập đoàn quân còn báo cáo: “Lữ đoàn pháo binh 43 không thể tiếp tục tiến xa hơn nữa. Máy kéo bị hỏng, không thể tiến hành sửa chữa được, vì không có phụ tùng”.

Các tập đoàn quân 69, 33 và đột kích 5 cũng gửi về những bức điện tương tự như vậy. Tất cả đều đề nghị xin giúp đỡ, xin chi viện; mà khả năng thì chưa có được bao nhiêu.

Các tập đoàn quân đã tìm mọi cách vượt qua những khó khăn ấy. Ví dụ như tập đoàn quân cận vệ 8, đã sử dụng trang bị và đạn dược chiến lợi phẩm để chiến đấu mở rộng căn cứ bàn đạp. Nhưng, đặt kế hoạch phát triển thắng lợi và đánh chiếm thủ đô địch, mà lại chỉ trông chờ vào chiến lợi phẩm thì thật là nông nổi, không thể tha thứ được.

Đạn dược và nhiên liệu thiếu thốn lại không cho phép ta sử dụng một cách thỏa đáng pháo binh là lực lượng hỏa lực chủ yếu của chúng ta trong thời gian ấy. Mà không có pháo binh thì mọi ý định tiến công trước đây đều phải gác lại cả.

Khi quân đội xô-viết tiến tới sông Ô-đê, thì tình hình không quân đã thay đổi. Máy bay Đức hoạt động ráo riết hẳn lên, nhất là đối với những đơn vị bộ đội đang bố trí ở những căn cứ bàn đạp. Dựa vào trung tâm sân bay ở Béc-lin, máy bay của chúng ta có thể hoạt động ngay cả vào những lúc tuyết rơi nhiều và mưa to khiến cho những sân bay dã chiến của ta bị hư hại nặng, trong lúc lực lượng chủ yếu của tập đoàn quân không quân 16 phải cất cánh từ những sân bay dã chiến ấy. Thêm nữa là những căn cứ không quân chưa hoàn bị như vậy lại ở cách xa chiến tuyến của ta từ 120 tới 140 ki-lô-mét. Trong tình thế ấy, không quân của phương diện quân không thể chi viện đặc lực cho bộ đội mặt đất; mà hồi ấy đặc biệt có ngày địch đã xuất trận tới 3.000 lần chiếc và rõ ràng đã khống chế khoảng không. Vì thế, một loạt vấn đề về phòng không được cấp bách đề ra, đặc biệt là phải điều động vội vã pháo cao xạ từ những phương diện quân khác đến.

Trong tình huống đó, quân Đức có thể chiếm lại quyền chủ động đang nằm trong tay ta và phá vỡ chiến dịch ta dự định tiến hành. Chúng chăm chú theo dõi những hành động của ta và ngay hồi cuối tháng Giêng, khi ta hạ quyết tâm tiến công liên tục vào Béc-lin, chúng đã thực hiện một số biện pháp chống trả quan trọng, đã điều học viên một số trường đào tạo sĩ quan và những binh đoàn dự bị tới sông Ô-đê, nơi những lực lượng chủ yếu của tập đoàn quân 9 của chúng đang phòng ngự. Việc phòng ngự hướng Béc-lin nói chung được giao cho cơ quan SS đặc trách, và chính Him-le được chỉ định làm tư lệnh cụm tập đoàn quân “Vi-xla” mới thành lập. Lúc đầu, trong biên chế của cụm tập đoàn quân này có hai tập đoàn quân 9 và 2.

Vấn đề tất nhiên không phải là ở chỗ Him-le làm tư lệnh cụm tập đoàn quân, vì như thế không phải là bộ chỉ huy quân Đức đã được tăng cường, mà nói cho đúng ra là đã bị suy yếu đi. Vấn đề chủ yếu là ở chỗ quân địch dùng những biện pháp đặc biệt, trong một thời gian ngắn đã thay đổi được tương

quan lực lượng có lợi cho chúng ở trên hướng Béc-lin, nhất là ở sườn phía Đông Pô-mê-ra-ni, và hãm quân đội ta vào một tình thế rất bất lợi.

Tập đoàn quân 9 của địch, có một bộ phận lực lượng ở phía Đông sông Ô-đe, trực tiếp phòng ngự hướng Béc-lin. Tập đoàn quân 2 bố trí ở Đông Pô-mê-ra-ni đang tiến hành chiến đấu cùng một lúc với lực lượng cánh phải của phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1 và cánh trái của phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 2.

Theo những số liệu của quân Đức, ngày 1 tháng Hai, tập đoàn quân 9 có năm sư đoàn bộ binh và một sư đoàn xe tăng, tập đoàn quân 2 có mười ba sư đoàn bộ binh và một sư đoàn xe tăng. Hai sư đoàn bộ binh và một lữ đoàn làm đội dự bị của cụm tập đoàn quân “Vi-xla”. Đáng tiếc là lúc ấy, chúng ta chưa có được những số liệu trên, và những điều ta kết luận về địch đã tỏ ra không hoàn toàn đúng. Theo tính toán của chúng tôi hồi ấy, thì đối diện với phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1 có tất cả mười một sư đoàn và một số chi đội.

Chiến tranh càng tới gần trung tâm của nước Đức, thì khả năng cơ động lực lượng và phương tiện của chúng càng tăng. Hệ thống đường sắt và đường bộ rất tốt ở đây thật dày đặc. Thêm nữa, quân địch còn có thể sử dụng đường biển trong một chừng mực nào đó, để kéo quân của chúng ở miền Cuốc-li-an-đi-a về. Chỉ trong thượng tuần tháng Hai, chúng đã điều được một số binh đoàn từ cái “vùng nhốt thú Cuốc-li-an-đi-a” về Pô-mê-ra-ni bằng đường biển.

Đến ngày 10 tháng Hai, quân Đức đã lập được một tập đoàn quân mới, tập đoàn quân 11, chiếm lĩnh dải hoạt động ở phía Tây tập đoàn quân 2. Từ nay, cụm tập đoàn quân “Vi-xla” đã có 38 sư đoàn (trong số đó có 6 sư đoàn xe tăng) và 6 lữ đoàn. Ngoài ra, còn phải cộng thêm cả những đơn vị không nằm trong biên chế của cụm tập đoàn quân “Vi-xla”, nhưng đang hoạt động trong dải của tập đoàn quân 11 và tập đoàn quân 2, sau này trên cơ sở những đơn vị ấy đã triển khai ra thành hai sư đoàn là sư đoàn “Béc-van-đe” và “Ke-dơ-lin”.

Nhưng khả năng tăng cường lực lượng của địch trên các hướng chiến lược quan trọng, kể cả hướng Béc-lin, như vậy chưa phải là đã cạn. Trong hội nghị những người lãnh đạo ba cường quốc ở Crum ngày 4 tháng Hai 1945, đại tướng A. I. An-tô-nốp đã trích dẫn những số liệu sau:

“a) Ngoài mặt trận chúng ta đã xuất hiện: 9 sư đoàn lấy ở các miền Trung Đức; 6 sư đoàn từ mặt trận Tây Âu; 1 sư đoàn từ I-ta-li-a; tất cả 16 sư đoàn.

b) Đang trên đường điều động: 4 sư đoàn xe tăng; 1 sư đoàn cơ giới; tất cả 5 sư đoàn.

c) Chắc là địch sẽ còn điều động thêm tới 30 hay 35 sư đoàn nữa, lấy ở các mặt trận Tây Âu, Na Uy, I-ta-li-a và những đội dự bị ở trong nước Đức.

Như vậy là trên mặt trận, chúng có thể có tới 35 hay 40 sư đoàn bổ sung thêm”.

Trong số những sư đoàn địch được bổ sung, nhiều sư đoàn có quân số đủ theo biên chế quy định, còn những sư đoàn của chúng ta hồi ấy thì trung bình chỉ có độ 4.000 người; trong việc chuyên chở đạn dược, nhiên liệu và những phương tiện vật chất khác lên phía trước, ta lại vấp phải rất nhiều khó khăn, trong lúc ấy, không quân Đức tạm thời giành được quyền khống chế trên không. Nếu cân nhắc kỹ các mặt trên, thì sẽ thấy rõ ràng tại sao chúng ta chưa thể tiếp tục tiến công liên tiếp vào Béc-lin được. Làm như thế sẽ là một trọng tội và tất nhiên Bộ Tổng tư lệnh tối cao, Bộ tổng tham mưu và cả những tư lệnh các phương diện quân quyết không thể theo con đường ấy được.

Những sự việc sau này xác nhận rằng những dự đoán của Bộ tổng tham mưu về cơ bản là đúng. Trong tháng Hai 1945, bộ chỉ huy phát-xít Đức thực sự đã có những lực lượng lớn để phòng ngự Béc-lin, và trong trường hợp cần thiết, chúng còn có thể tăng thêm quân nữa. Quả thật, cho đến khi trút hơi thở cuối cùng, con thú phát-xít vẫn là con thú nguy hiểm, đủ sức chôn vùi dưới mồ hàng trăm ngàn sinh mệnh. Đó là chưa kể đến việc nếu đánh

vào Béc-lin mà không thắng thì sẽ còn đi đến những hậu quả chính trị tai hại nữa.

Đồng thời với tin quân địch đang tổ chức điều động binh lực lớn, Bộ tổng tham mưu còn nhận được những tin tình báo về ý định của bộ chỉ huy phát-xít Đức lợi dụng tình hình bất lợi khi phòng ngự của các tập đoàn quân trong phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1 đã tiến lên phía trước, để mở những mũi đột kích giao nhau từ khu vực Ác-no-xơ-van-đe – Pô-mê-ra-ni xuống phía Nam và từ tuyến Glô-gau, Gu-ben ở Xi-lê-di xuống phía Bắc, nhằm chia cắt những tập đoàn quân đó.

Bây giờ ta biết rõ là Gu-đê-ri-an, Tổng tham mưu tướng lục quân Đức, đã kiên trì trong kế hoạch ấy và sẽ tiến hành kế hoạch ấy thật nhanh chóng, trong khi chúng ta chưa kịp điều đủ những lực lượng lớn tới đây. Vào những ngày cuối tháng Giêng, quân địch đã tiến hành hoạt động thiết thực nhằm phối hợp hành động của các đơn vị được hút đến để thực hiện ý định đó.

Mọi nguy cơ hiện ra bên cánh phải của phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1 đều được cân nhắc triệt để ở Mát-xcơ-va. Về điều này, Tổng tư lệnh tối cao và Bộ tổng tham mưu thường xuyên trao đổi ý kiến với Gh. C. Giu-cốp và cơ quan tham mưu của phương diện quân, lại trao đổi trực tiếp với cả các tư lệnh tập đoàn quân nữa. Chúng ta còn sử dụng rộng rãi tất cả những nguồn tin khác nữa để kiểm tra và xác định những tin tức về ý đồ cùng lực lượng của địch trên hướng Béc-lin và ở Pô-mê-ra-ni.

Về mối nguy cơ ở phía Xi-lê-di, nơi tiếp giáp giữa hai phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1 và U-crai-na 1, thì ta đỡ lo hơn một chút, ở đây, địch còn phải lập một tập đoàn đột kích nữa và khi phản kích, chúng phải vượt sông Ô-đe và còn phải tiến hành cơ động bên sườn khá mạo hiểm xuống phía Bắc nữa.

Tôi nghĩ, nếu nhìn lại những thủ đoạn chính trị của bọn cầm đầu nước Đức phát-xít hồi ấy cũng không phải là vô ích. Chính trong thời gian này, bọn chúng đang tích cực tìm cách ký kết hòa ước riêng rẽ với Mỹ và Anh. Nhiều thủ lĩnh của Đế chế thứ ba tựa hồ những con nhện, đang chăng những tấm mạng đàm phán phức tạp, nhằm làm ly tán những thành viên trong khối

liên minh chống Hít-le, nhân đó tranh thủ thời gian và đi đến điều đình ám muội với các nước đồng minh của chúng ta, làm thiệt hại cho Liên Xô.

Tình huống đó đặt ra một trách nhiệm lịch sử đặc biệt: đối với mỗi điều quyết định đều phải cân nhắc thận trọng, không thể hành động một cách khinh suất được. Đại bản doanh, Bộ tổng tham mưu, các hội đồng quân sự các phương diện quân đánh giá lại những khả năng của ta, bằng cách so sánh với khả năng của địch, cuối cùng đã đi tới nhất trí với kết luận trước đây là: chưa tập trung được những dự trữ đầy đủ về các phương tiện vật chất tại khu vực sông Ô-de, chưa có thể tận dụng toàn bộ sức mạnh của không quân và pháo binh, chưa bảo đảm an toàn cho hai bên sườn, thì ta chưa thể tung những tập đoàn quân của ta tiến công vào thủ đô nước Đức được. Trong trường hợp này, đánh liều là không phải lúc. Đánh mà không thắng trong giai đoạn kết thúc chiến tranh này, thì hậu quả chính trị và quân sự đối với chúng ta sẽ vô cùng nặng nề và khó mà cứu vãn được.

Trước hết, cần phá vỡ kế hoạch mở lại những mũi đột kích giao nhau của địch ở Đông Pô-mê-ra-ni và Xi-lê-di và nhanh chóng đánh tan các đạo quân phát-xít Đức tập trung ở hai bên sườn. Chỉ dùng những chiến dịch đệm của phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1 để giải quyết nhiệm vụ đó là không được ở đây đòi hỏi phải kết hợp những nỗ lực của cả ba phương diện quân: phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 2, Bê-lô-ru-xi-a 1 và U-crai-na 1.

Trên thực tế, ta đã dự kiến là ngay từ ngày 8 tháng Hai, phương diện quân U-crai-na 1 phải bắt đầu chiến dịch đánh tan cánh quân địch rất mạnh ở Hạ Xi-lê-di, để thủ tiêu mối uy hiếp đột kích bên sườn từ hướng này. Phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 2 thì phải tức khắc quay sang Đông Pô-mê-ra-ni, đánh tan tập đoàn quân 2 của Đức tại đây và tiến ra các cảng trên biển Ban-tích. Cuối cùng, những lực lượng chủ yếu của phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1, kể cả những tập đoàn quân xe tăng, có nhiệm vụ công kích kịch liệt vào cánh quân Stác-gát của địch đang uy hiếp bên sườn phương diện quân ấy.

Kế hoạch đó hoàn toàn phù hợp với các nhiệm vụ lúc bấy giờ và đã được Đại bản doanh thông qua.

Chiến dịch Ha Xi-lê-di của phương diện quân U-crai-na 1 ngay từ lúc đầu đã phát triển thắng lợi. Địch đã bị quét khỏi khu vực Glô-gau. Sau đó, bộ chỉ huy phát-xít Đức không thể nào mở lại mũi đột kích giao nhau như đã dự kiến, vì quân địch đã bị mất hẳn, không giành lại được những căn cứ xuất phát, còn cánh quân Xi-lê-di của chúng thì bị thiệt hại nặng. Bộ đội ta tiếp tục tiến quân cho tới sông Nây-xe mới dừng lại.

Ở phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 2, tình hình có khác đôi chút. Phương diện quân này chuyển sang tiến công ngày 10 tháng Hai mà không có thời gian để xây dựng một tập đoàn đột kích đủ mạnh. Lực lượng của phương diện quân bị phân tán và tiến chậm, tất nhiên cũng phần nào do hậu quả của những trận chiến đấu vừa qua.

Chỉ cần nhắc lại là hai mươi sáu sư đoàn của phương diện quân, mỗi sư đoàn chỉ còn trong biên chế có 3.000 người, có tám sư đoàn có 4.000 người. Xe tăng còn chiến đấu được tất cả chỉ có 297 chiếc. Phần lớn các sân bay đều ở xa, nên chi viện của không quân gặp nhiều khó khăn. Tập đoàn quân 19, lấy trong lực lượng dự bị của Đại bản doanh chuyển thuộc cho phương diện quân, thì đang còn trên đường ra mặt trận. Trong khi đó, quân địch lại dựa vào những công trình phòng ngự đã chuẩn bị từ trước và lợi dụng địa hình rừng có nhiều ao hồ, nên chống cự lại rất ngoan cố. Đến ngày 14 tháng Hai, nghĩa là sau năm ngày tiến công, bộ đội ta chỉ tiến được từ 10 tới 30 ki-lô-mét.

Trong lúc ấy, phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1 lại chưa sẵn sàng đưa những lực lượng chủ yếu của mình lên, nên chỉ tiến hành được những hành động chiến đấu hạn chế. Nguy cơ bị địch từ Pô-mê-ra-ni đột kích bên sườn không những không được giải quyết mà ngược lại cứ tăng lên dần.

Ngày 15 tháng Hai, Tổng tư lệnh tối cao yêu cầu Gh. C. Giu-cốp và C. C. Rô-cô-xốp-xki trình bày dự kiến về những hành động tiếp sau. Rô-cô-xốp-xki đề nghị đến ngày 24 tháng Hai sẽ triển khai tập đoàn quân 19 và quân đoàn xe tăng cận vệ 3 bên cánh trái của phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 2, nhằm từ đây đột kích tập trung vào hướng Ke-dơ-lin, tiến ra bờ biển Ban-

tích, cắt cánh quân Pô-mê-ra-ni của địch và tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiêu diệt chúng về sau.

Giu-cốp có ý định sử dụng lực lượng cánh phải của phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1 để hất lùi địch, cắt những đường giao thông của chúng sang phía Tây, giúp đơn vị bạn tiến nhanh ra Stét-tin. Phương diện quân dự định tới ngày 19 tháng Hai thì bắt đầu chiến dịch này.

I. V. Xta-lin đồng ý với những đề nghị của hai tư lệnh và các phương diện quân liền bắt tay vào việc thiết thực chuẩn bị các chiến dịch trên.

Song, các sự kiện lại phát triển một cách khác. Ngày 17 tháng Hai, quân địch từ khu vực Stác-gát phản kích mạnh vào bộ đội của phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1, dồn phương diện quân lùi xuống phía Nam từ 8 tới 12 ki-lô-mét. Vì phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 2 còn một tuần nữa mới có thể hoạt động có kết quả được, nên không loại trừ khả năng là sẽ có một bộ phận lực lượng tập đoàn quân 2 của Đức xuất hiện ngay trên hướng này và địch rất có thể sử dụng bộ phận ấy để phát triển đột kích vào sườn và lưng các tập đoàn quân của chúng ta đang tiến về phía Béc-lin. Mỗi nguy cơ ấy lại càng trầm trọng, vì nó xuất hiện đúng vào lúc phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1 đang tiến hành điều động, tổ chức lại hàng ngũ.

Cần nhắc tình hình, ngày 20 tháng Hai, Gh. C. Giu-cốp báo cáo lên Đại bản doanh rằng cần phải tạm thời chuyển sang phòng ngự chặt chẽ trên toàn bộ vùng lãnh thổ do phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1 chiếm đóng, kể cả khu vực sông Ô-đe. Cho tới lúc phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 2 bắt đầu tiến công, đồng chí có ý định tiêu hao quân địch, rồi dùng một bộ phận lực lượng đột kích vào Gôn-nốp, để cắt cụm quân phát-xít Đức ở Đông Pô-mê-ra-ni ra khỏi nước Đức. Trong trường hợp phương diện quân của C. C. Rô-cô-xốp-xki giành được thắng lợi, đồng chí sẽ sử dụng toàn bộ lực lượng cánh phải của phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1 chuyển sang tiến công vào hướng Tây – Bắc và cùng với phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 2, tiêu diệt hoàn toàn quân địch ở Đông Pô-mê-ra-ni.

Ý kiến của Gh. C. Giu-cốp được nghiên cứu kỹ và Tổng tư lệnh tối cao đã phê chuẩn cho thực hiện.

Việc tạm thời chuyển sang phòng ngự trên hướng Béc-lin đã cho phép chúng ta tách ra được những lực lượng lớn để tiêu diệt quân địch ở Đông Pô-mê-ra-ni. Các lực lượng của hai phương diện quân đã hiệp đồng chiến đấu ở khu vực này từ ngày 24 tháng Hai cho đến hết ngày 4 tháng Tư 1945, trong giai đoạn cuối có cả Hạm đội Ban-tích Cờ đỏ cùng tham gia.

Tất cả những mũi đột kích của địch từ khu vực Stác-gát đều bị bộ đội của phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1 đánh lui. Sau đó, ngày 1 tháng Ba, phương diện quân ấy cho cánh phải của mình tiến lên phía trước, dùng một tập đoàn đột kích mạnh trên hướng Stác-gát – Côn-béc, mũi nhọn của nó gồm hai tập đoàn quân xe tăng cận vệ 1 và 2. Sức chống cự ngoan cố của địch bị bẻ gãy hẳn, và ngày 4 tháng Ba, ở khu vực Côn-béc, xe tăng xô-viết đã tiến ra đến bờ biển Ban-tích, chia cắt đại bộ phận cánh quân ở Đông Pô-mê-ra-ni của địch ra.

Kết quả của những trận chiến đấu lúc đó và tiếp sau là: 11 sư đoàn bộ binh, 2 sư đoàn cơ giới và 1 sư đoàn xe tăng nằm trong biên chế của tập đoàn quân 11 cũ của Đức bị tiêu diệt hoàn toàn. Tôi nói là “cũ”, vì lúc kết thúc những trận chiến đấu nói trên, tập đoàn quân 11 đã tổ chức lại thành tập đoàn quân xe tăng 3.

Trong thời gian ấy, tập đoàn đột kích của phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 2 phát triển tiến công vào Ke-dơ-lin. Ngay trong quá trình chiến dịch, địch đã sử dụng những binh đoàn rút ở Cuốc-li-an-đi-a về và những đơn vị mới bổ sung, sinh lực còn dồi dào, lấy ở các khu vực khác trong nước Đức, để tăng cường cho tập đoàn quân Đức 2 đang phòng ngự tại đây.

Nếu như lúc chúng ta bắt đầu tiến công, tập đoàn quân 2 của Đức có 13 sư đoàn bộ binh, 2 sư đoàn xe tăng và 3 lữ đoàn thì đến ngày 1 tháng Ba, biên chế của chúng đã lên tới 18 sư đoàn bộ binh, 2 sư đoàn xe tăng, 1 sư đoàn cơ giới, với một lữ đoàn bộ binh và một lữ đoàn xe tăng khác nữa.

Tất cả các binh đoàn trên đều bị đánh tan. Tàn quân của chúng toan trụ lại trong các cứ điểm ở Đan-xích và Gơ-dư-nhi-a, dựa vào sự chi viện của hải quân chúng. Song, quân đội xô-viết tiến công mãnh liệt, đã chiếm những cứ

điểm ấy và riêng ở Đan-xích đã bắt được 10.000 tù binh, với một số lớn trang bị vũ khí, khí tài kỹ thuật.

Ngày 4 tháng Tư, ta kết thúc việc tiêu diệt cánh quân địch ở Đông Pô-mê-ra-ni. Từ đây, ta đã loại hẳn mối nguy cơ quân địch đột kích vào bên sườn và sau lưng nhằm phá vỡ cuộc tiến công của quân ta vào Béc-lin.

Chiến dịch tiến công vào Béc-lin buộc phải hoãn lại, đó là điều không thể tránh được, nhằm bảo đảm cho thắng lợi tuyệt đối của chúng ta. Được chuẩn bị kỹ lưỡng và bảo đảm về mọi mặt, chiến dịch ấy đã diễn ra thực sự quyết liệt. Những đòn cuối cùng đánh vào quân địch trong tháng Tư và tháng Năm 1945, tựa như chính số phận đã định ra, không thể nào khác được

Đó là những sự kiện đã thuộc về lịch sử.

Công tác của Bộ tổng tham mưu nhằm xây dựng kế hoạch cho những đòn đột kích kết thúc chiến tranh thật vô cùng phức tạp vì có quyết định dứt khoát của Xta-lin về vai trò đặc biệt của phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1. Đánh chiếm một thành phố to lớn như Béc-lin có hệ thống phòng ngự chuẩn bị từ lâu, mà chỉ do một phương diện quân tiến hành, dù cho phương diện quân đó có mạnh như phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1 đi nữa, thì cũng vẫn là một việc quá sức. Tình huống cấp bách đòi hỏi phải lấy thêm ít ra là phương diện quân U-crai-na 1 để cùng đánh vào Béc-lin. Dĩ nhiên là cần phải tránh sử dụng những lực lượng chủ yếu đột kích vỗ mặt kém hiệu quả như trước đây.

Chúng ta lại phải quay về với ý định hồi tháng Giêng là: sử dụng những mũi đột kích vu hồi của phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1 từ phía Bắc và Tây – Bắc cũng như của phương diện quân U-crai-na 1 từ phía Tây – Nam và phía Tây để chiếm Béc-lin. Bộ đội của hai phương diện quân được quy định gặp nhau ở khu vực Bran-đen-buốc – Pốt-xđam.

Chúng ta đã xây dựng mọi kế hoạch tiếp sau, có dự kiến đến cả những tình huống bất lợi nhất như: phải chiến đấu kéo dài và gay go trên các đường phố Béc-lin, quân Đức có thể từ phía Tây và Tây – Nam tổ chức phản kích vào mặt ngoài của vòng vây, chúng có thể khôi phục được hệ thống phòng

ngự ở phía Tây Béc-lin và buộc ta phải tiếp tục tiến công nữa. Lại còn giá thiết đến cả “hoàn cảnh trùng trùng” với nhau là: các nước Đồng minh phương Tây của ta, vì những nguyên nhân nào đó, không chế áp được sức kháng cự của quân địch và sa lầy một thời gian lâu tại chỗ.

Nhưng, việc chiến đấu của các nước Đồng minh ít lâu sau thì được giải quyết. Quân Đồng minh tiến chậm và thận trọng lên phía trước. Trong tháng Hai và tháng Ba, quân Đồng minh đã hất địch sang bên kia sông Ranh, và cá biệt có nơi đã chiếm được những căn cứ bàn đạp trên bờ sông phía Đông.

Kết quả hoạt động chiến đấu ở miền Tây nước Hung, trên hướng Viên, là cực kỳ quan trọng. Hít-le có ý định đánh tan quân đội xô-viết tại đây, khôi phục mặt trận sông Đa-nuýp và rút lực lượng, trước hết là lực lượng xe tăng về giữ Béc-lin. Trong khu vực ấy, đang tập trung những đội dự bị lấy từ I-ta-li-a và Tây Âu sang, đặc biệt có tập đoàn quân xe tăng 6 SS.

Quân địch mưu toan tạo nên một bước ngoặt có lợi cho chúng để chuyển sang phản công lại phương diện quân U-crai-na 3. Trận đánh cực kỳ ác liệt bên hồ Ba-la-tôn kéo dài suốt mười ngày. Bước phiêu lưu tiếp theo này của bọn Hit-le tất nhiên đã thất bại, và quân ta lập tức mở đợt tiến công vào Viên. Đại bản doanh đã báo trước cho tư lệnh phương diện quân U-crai-na 3 biết rằng cần phải giữ tập đoàn quân cận vệ 9 để dành cho cuộc tiến công ấy, chứ đừng đưa vào tham chiến trong trận hồ Ba-la-tôn. Đồng thời, bộ đội của phương diện quân U-crai-na 2 cũng từ phía Bắc tiến vào thủ đô nước Áo, còn phương diện quân U-crai-na 4 thì ngày càng đánh bật quân địch ra khỏi miền núi Các-pát và Đông Tiệp Khắc.

Ngày 13 tháng Tư, Viên được giải phóng, quân ta tiếp tục tiến sang phía Tây. Các sự kiện phát triển như vậy không những đã tạo điều kiện thuận lợi cho chúng ta ở Béc-lin, mà còn đẩy mạnh hoạt động của các nước Đồng minh. Bây giờ, quân của họ tiến với tốc độ cao hơn. Cánh quân Đức khá đông bị quân Đồng minh vây ở vùng Rúa, sau đó đã bị chia cắt nhỏ ra, rồi chẳng bao lâu phải ngừng chống cự. Lực lượng chủ yếu của quân Anh – Mỹ đè bẹp sức kháng cự yếu ớt của quân địch, lao nhanh về phía sông En-bơ và bờ biển Ban-tích trong khu vực Luy-béc.

Không còn nghi ngờ gì nữa, các nước Đồng minh có ý đồ chiếm lấy Béc-lin trước chúng ta, mặc dầu theo hiệp định I-an-ta, thủ đô nước Đức đã được liệt vào vùng chiếm đóng của quân đội xô-viết. Ngày nay, mọi người đều biết tạp hồi ký của Sóc-sin, kẻ đã quá cố, và biết ông ta đã xúi giục Ru-dơ-ven với Ai-xen-hao hành động trong việc này ra sao. Trong bức thông điệp gửi tổng thống Mỹ ngày 1 tháng Tư 1945, Sóc-sin viết:

“Không có gì ảnh hưởng đến tâm trạng và gây ra thất vọng nặng trong toàn thể lực lượng kháng cự của Đức bằng việc Béc-lin thất thủ. Đối với nhân dân Đức, đó sẽ là dấu hiệu thất bại rõ ràng nhất. Mặt khác, nếu để cho Béc-lin nằm trong cảnh đổ nát mà chống đỡ được cuộc vây hãm của quân Nga, thì phải thấy rằng Béc-lin sẽ cố vũ sức kháng cự của mọi người dân Đức, bao giờ ngọn cờ Đức còn phấp phới ở đây là họ còn cầm súng.

Ngoài ra, lại còn một mặt nữa của vấn đề mà Ngài và tôi phải nghiên cứu. Quân đội Nga tất nhiên sẽ chiếm toàn bộ nước Áo và tiến vào Viên. Nếu họ lại chiếm cả Béc-lin nữa, thì liệu có nảy ra cho họ một ý niệm quá lớn về việc họ đã góp phần quá chênh lệch vào thắng lợi chung của chúng ta không, và việc đó có thể dẫn đến xu thế gây ra những khó khăn nghiêm trọng, hết sức to lớn sau này không?

Vì vậy, tôi cho rằng, đứng về quan điểm chính trị, chúng ta cần tiến vào nước Đức, càng sâu sang phía Đông càng tốt, và trường hợp Béc-lin nằm trong phạm vi ta có thể với tới, thì cố nhiên là ta phải chiếm lấy. Như vậy, cũng thật khôn ngoan cả về quan điểm quân sự nữa”.

Nhưng chúng ta cũng đủ tính táo. Bộ tổng tham mưu, trong thời gian ấy, đã nghiên cứu tất cả những dự kiến chủ yếu về chiến dịch Béc-lin. Trong quá trình công tác, chúng tôi đã giữ vững sự tiếp xúc hết sức chặt chẽ với các tham mưu trưởng các phương diện quân: A. N. Bô-gô-liu-bốp, M. X. Ma-li-nin, V. Đ. Xô-cô-lốp-xki sau này với I. E. Pê-tơ-rốp), và khi vừa phát hiện ra những dấu hiệu đầu tiên về mưu đồ của các nước Đồng minh đối với Béc-lin là chúng tôi liền triệu tập ngay Gh. C. Giu-cốp và I. X. Cô-nép về Mát-xcơ va.

Ngày 31 tháng Ba, Bộ tổng tham mưu đã cùng với các đồng chí ấy nghiên cứu ý định những hành động sau này của các phương diện quân. Nguyên soái Cô-nép rất lo lắng về tuyến phân giới với phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1, vì tuyến ấy không dành cho phương diện quân của đồng chí khả năng đột kích vào Béc-lin. Nhưng ở Bộ tổng tham mưu không ai có thể gỡ được sự vướng mắc đó.

Hôm sau, ngày 1 tháng Tư 1945, kế hoạch chiến dịch Béc-lin được thảo luận ở Đại bản doanh. Tình huống trên các mặt trận hành động của các nước Đồng minh và mưu đồ của họ đều được báo cáo rõ ràng tỉ mỉ. Căn cứ vào đó, Xta-lin rút ra kết luận là chúng ta phải chiếm cho được Béc-lin trong thời hạn ngắn nhất, chiến dịch phải bắt đầu, không được chậm quá ngày 16 tháng Tư và trong khoảng 10 tới 15 ngày phải kết thúc toàn bộ. Các đồng chí tư lệnh các phương diện quân đồng ý với kết luận trên và hứa trước Đại bản doanh là bộ đội sẵn sàng đúng hạn.

Tổng tham mưu trưởng thấy cần phải đề nghị Tổng tư lệnh tối cao lưu ý tới tuyến phân giới giữa hai phương diện quân. Đồng chí nhấn mạnh vào vấn đề là: tuyến đó trong thực tế đã loại trừ sự tham gia chiến đấu trực tiếp đánh chiếm Béc-lin của bộ đội phương diện quân U-crai-na 1 và như vậy có thể ảnh hưởng không tốt đến thời hạn hoàn thành nhiệm vụ. Nguyên soái Cô-nép cũng phát biểu theo tinh thần ấy. Đồng chí lại chứng minh rằng điều một bộ phận lực lượng của phương diện quân U-crai-na 1, nhất là các tập đoàn quân xe tăng, sang đánh vào ngoại ô Tây – Nam Béc-lin là việc làm hợp lý.

Xta-lin đi tới chỗ dung hòa: đồng chí không bỏ hẳn ý định của mình, nhưng cũng không bác hẳn những ý kiến của I. X. Cô nép mà Bộ tổng tham mưu ủng hộ. Trên bản đồ thể hiện ý định chiến dịch. Tổng tư lệnh tối cao lạng lẽ xóa đi một phần tuyến phân giới cắt phương diện quân U-crai-na 1 ra khỏi Béc-lin và kéo dài thêm tuyến đó tới vùng dân cư Li-u-ben cách Béc-lin 60 ki-lô-mét về phía Đông – Nam.

Lát sau, đồng chí nói:

- Ai đột nhập trước, người ấy sẽ chiếm Béc-lin.

Bộ tổng tham mưu lấy làm thỏa mãn về cách giải quyết như vậy. Cái tuyến phân giới đáng nguyên rủa này đã làm chúng tôi không yên tâm hơn hai tháng. Và nguyên soái Cô-nép cũng hài lòng, vì như vậy cũng hợp ý đồng chí.

Ngày trong ngày hôm ấy, I. V. Xta-lin ký chỉ thị cho tư lệnh Phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1 về chiến dịch đánh chiếm Béc-lin và đến cuối tháng thì tiến tới sông En-bơ. Chúng tôi dự kiến sẽ sử dụng lực lượng của bốn tập đoàn quân binh chủng hợp thành và hai tập đoàn quân xe tăng, để đột kích chủ yếu từ căn cứ bàn đạp Cu-xtơ-rin, hơn nữa là chỉ đưa hai tập đoàn quân xe tăng trên vào hành động, sau khi đã đột phá phòng ngự địch để phát triển kết quả từ phía Bắc và Đông – Bắc vu hồi vào Béc-lin. Còn trên hướng chủ yếu thì phải sử dụng cả thê đội hai của phương diện quân là tập đoàn quân binh chủng hợp thành 3, do thượng tướng A. V. Goóc-ba-tốp chỉ huy.

Ngày 2 tháng Tư, Đại bản doanh ban hành chỉ thị cho tư lệnh phương diện quân U-crai-na 1: đồng chí được lệnh đánh tan cánh quân địch ở khu vực Côt-bút và phía Nam Béc-lin và trong thời hạn 10-12 ngày sau phải tiến tới tuyến Be-e-lít, Vi-ten-béc và xa nữa dọc theo sông En-bơ tới Đrét-đen.

Mũi đột kích chủ yếu của phương diện quân được quy định trên hướng Xprem-béc, Ben-xích, cách Béc-lin 50 ki-lô-mét về phía Nam. Những tập đoàn quân xe tăng (phương diện quân có hai tập đoàn quân xe tăng cận vệ 3 và 4) sẽ bước vào tham chiến sau khi đột phá tuyến phòng ngự địch, để phát triển thắng lợi trên hướng chủ yếu.

Đại bản doanh còn dự kiến cả một phương án bổ sung: có khả năng điều những tập đoàn quân xe tăng của phương diện quân U-crai-na 1 quay sang tiến công vào Béc-lin, nhưng chỉ trong trường hợp sau khi các tập đoàn quân ấy đã vượt qua Li-u-ben.

Ngày 6 tháng Tư thì ban hành chỉ thị cho phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 2. Phương diện quân này không tham gia trực tiếp đánh chiếm Béc-lin, nhưng có nhiệm vụ rất quan trọng là tiến công trên hướng Tây, sang mặt phía Bắc của thủ đô nước Đức, và tiêu diệt cánh quân Stét-tin rất mạnh của địch, bảo đảm hướng này cho toàn bộ chiến dịch.

Mục đích cuối cùng của ý định và kế hoạch chiến dịch Béc-lin là buộc những lực lượng vũ trang của nước Đức phát-xít phải đầu hàng: mục đích ấy lại quy định phải chia cắt và bao vây quân địch ở phía Đông thủ đô nước Đức, đồng thời tiêu diệt gọn những đơn vị đang bị vây của chúng. Quân đội Liên Xô tiến nhanh sang phía Tây còn nhằm mục đích ngăn ngừa không cho bọn Hít-le thành lập ra một mặt trận mới.

Trên những hướng đột kích kết thúc chủ yếu của chúng ta, đã tập trung những tập đoàn các đơn vị mạnh, cùng với một số lượng lớn pháo binh, xe tăng và máy bay. Cuộc tiến công bắt đầu đúng như hạn định và kết thúc bằng việc tiêu diệt hoàn toàn quân địch. Ngày 2 tháng Năm, Béc-lin ngừng kháng cự; và sáu ngày sau, toàn nước Đức phát-xít xin đầu hàng vô điều kiện.

Chiến cục kết thúc chiến tranh ở châu Âu đã chứng minh rõ rằng các Lực lượng vũ trang của chúng ta ưu việt hơn hẳn bộ máy chiến tranh của Hít-le về mọi mặt. Qua những chiến dịch chủ yếu trong chiến cục, đã nổi lên rõ nét những mục đích chính trị, sự tính toán sáng suốt và tính kiên quyết của ta. Tập thể lãnh đạo chiến lược xô-viết biết dựa vào những kinh nghiệm xương máu, rút ra từ quá trình toàn cuộc chiến tranh, biết tận dụng tất cả tài năng của các cán bộ chỉ huy- các đồng chí tư lệnh các phương diện quân, các tập đoàn quân, các binh đoàn, đơn vị và phân đội. Giữ vai trò trợ thủ xứng đáng cho tập thể lãnh đạo chiến lược xô-viết là cơ quan tham mưu các cấp, thời ấy đã đạt tới trình độ điều khiển quân đội cao.

Thủ tướng Anh ở chỗ Tổng tư lệnh tối cao. – Tập trung bộ đội ở biên giới Viễn Đông. – Đạo quân Quan Đông, lực lượng và bố trí của chúng. – Có thể bất ngờ không? – R. I-a. Ma-li-nốp-xki được triệu tập về Đại bản doanh. – Hội nghị Pốt-đam và tiếng vang của nó. – Bí mật lọt ra ngoài phạm vi Bộ tổng tham mưu. – Giờ đã điểm. – Những hành động táo bạo của quân đổ bộ đường không. – Nhật đầu hàng.

Từ lúc bắt đầu cuộc Chiến tranh giữ nước vĩ đại, tình hình ngoài biên giới Viễn Đông đất nước chúng ta càng ngày càng căng thẳng thêm. Mặc dầu giữa Liên Xô và Nhật đã ký kết hiệp ước trung lập, nguy cơ bị Nhật uy hiếp

vẫn ngày càng tăng. Những lực lượng lớn quân Nhật tập trung ở Mãn Châu chỉ chờ thời cơ thuận lợi là tiến công Liên Xô, chiếm lấy đất Xi-bi-ri và miền Viễn Đông xô-viết.

Bọn quân phiệt Nhật thường vi phạm biên giới Tổ quốc ta, xâm nhập vùng trời và vùng biển chúng ta. Cuộc tiến công của quân đội phát-xít Đức vào Mát-xcơ-va bị đánh tan đã làm nguội lạnh phần nào mưu đồ của chúng, nhưng chúng vẫn chưa từ bỏ ý định xâm lược. Việc ấy nay được xem là hoàn toàn xác thực, căn cứ vào những tài liệu của vụ án quốc tế xét xử những tên tội phạm chiến tranh đầu sỏ của Nhật.

Bộ tổng tham mưu vẫn chăm chú theo dõi thái độ không thiện chí của kẻ láng giềng ấy. Chúng ta quan tâm đến bọn đánh canh bạc chung với Hít-le ở phía Đông trong trục Béc-lin – Rôm – Tô-ki-ô, không phải chỉ vì chúng gây ra nguy cơ chiến tranh trực tiếp đối với Liên Xô, mà còn vì “vấn đề Nhật Bản” có một ý nghĩa nữa: nó gắn liền với nhiệm vụ rút ngắn thời hạn cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai. Loài người đang đổ máu yêu cầu như vậy. Không tiêu diệt đế quốc Nhật, chưa thể có hòa bình trên trái đất. Sau cùng, còn cần phải giúp đỡ các dân tộc châu Á, trước hết là Trung Quốc, vứt bỏ ách nô dịch của nước ngoài.

Trong khi tập trung chú ý đến những mặt trận đang xảy ra chiến sự, chúng ta không hề quên mặt Viễn Đông. Hơn thế nữa, trong những lúc chiến tranh chống quân phát-xít Đức xâm lược gặp khó khăn, ta lại càng tăng cường quan tâm đến Viễn Đông.

Bạn đọc cũng biết rằng trong những ngày khó khăn năm 1942, tại Bộ tổng tham mưu chúng ta có một Phó tổng tham mưu trưởng đặc trách mặt Viễn Đông, và trong Cục tác chiến cũng có một bộ phận chuyên trách về Viễn Đông, do một cán bộ có kinh nghiệm là thiếu tướng Ph. I. Sép-tsen-cô phụ trách.

Tháng Sáu 1943, đồng chí tham mưu phó phương diện quân Viễn Đông, thiếu tướng N. A. Lô-mốp, được điều về công tác ở Cục tác chiến, và thiếu tướng Ph. I. Sép-tsen-cô ở Bộ tổng tham mưu được cử ra thay đồng chí. Vậy là, mặt Viễn Đông được bổ sung một đồng chí cấp tướng chẳng những am

hiểu chiến trường này, mà còn nắm vững cả những quan điểm của Đại bản doanh và yêu cầu của Bộ tổng tham mưu về Viễn Đông, đồng thời, Bộ tổng tham mưu lại có được N. A. Lô-mốp, một chuyên gia nắm vững ngọn ngành mọi đặc điểm tình hình ở Viễn Đông.

Ngay trước lúc chiến tranh bắt đầu, năm 1938, quân khu Viễn Đông và năm 1941, cả quân khu Da-bai-can nữa, đều được đổi thành những phương diện quân mang hai tên ấy. Bộ phận chỉ huy các phương diện quân này chưa có kinh nghiệm chiến đấu, nên trong thời gian chiến tranh dần dần được thay bằng những tướng lĩnh và sĩ quan đã từng trải qua chiến đấu chống quân Đức Hít-le; chẳng hạn đại tướng M. A. Puốc-ca-ép, nguyên là tư lệnh phương diện quân Ca-li-nin được cử giữ chức tư lệnh phương diện quân Viễn Đông, còn đại tướng I. R. A-pa-na-xen-cô được phái đi thực tế ở phương diện quân Vô-rô-ne-giơ. Và các cán bộ chỉ huy khác ở Viễn Đông cũng đều lần lượt kinh qua thực tế chiến đấu trong các đơn vị đang tác chiến.

Từ giữa năm 1943 về sau, khi trên mặt trận Xô – Đức đã hiện ra bước ngoặt cơ bản có lợi cho ta thì việc tất yếu không tránh được là: sớm muộn gì rồi Nhật cũng phải quy theo vết nước Đức phát-xít. Các nước Đồng minh phương Tây của chúng ta, bằng mọi cách, thúc giục chúng ta tham chiến ở Viễn Đông càng sớm càng tốt. Nhưng chỉ tới khi hội nghị Tê-bê-ran, sau khi đã đi tới thỏa thuận cụ thể với nhau về việc mở mặt trận thứ hai ở châu Âu, thì đoàn đại biểu Liên Xô mới đồng ý về nguyên tắc là Liên Xô sẽ tiến công vũ trang vào nước Nhật đế quốc chủ nghĩa, nhưng với quy ước rõ ràng là Liên Xô sẽ tiến công sau khi đã đánh bại xong nước Đức Hít-le.

Các nhà cầm quyền Anh và Mỹ, như chưa thỏa mãn với những điều ước ấy, vẫn tiếp tục thúc giục Chính phủ Liên Xô tiến quân. Mới nhìn có thể cho rằng đường lối ấy của các nước Đồng minh là có mục đích tốt: nhằm nhanh chóng lập lại hòa bình trên trái đất. Nhưng, thực ra việc ấy sẽ đem lại những kết quả khác hẳn. Liên Xô sẽ phải phân tán những cố gắng chiến tranh của mình, sẽ phải điều động quân đội từ mặt trận chính – mặt trận Đức sang, trong khi ở đây quân thù vẫn chưa bị đánh bại. Và bất kỳ thế nào, nếu như

việc chống quân Đức Hít-le phải kéo dài, thì chiến thắng cuối cùng cùng sẽ bị lùi xa, và trong thực tế, cuộc Chiến tranh thế giới thứ hai cũng sẽ phải kéo dài thời gian ra. Đứng về quan điểm chiến lược, làm như thế thật không hợp lý và chúng ta không làm như thế.

Mùa hè năm 1944, khi mặt trận thứ hai trì hoãn mãi sau cùng mới mở ra, thì các nước Đồng minh liền mưu toan tác động đến cách giải quyết của Liên Xô về vấn đề Nhật. Cuối tháng Sáu, thiếu tướng Đ. Đin, trưởng phái đoàn quân sự Mỹ ở Mát-xcơ-va, thay mặt tham mưu trưởng quân đội Mỹ đến gặp nguyên soái Liên Xô A. M. Va-xi-lép-xki, Tổng tham mưu trưởng của chúng ta, khẩn khoản đề nghị Liên Xô xúc tiến gấp chiến tranh ở Viễn Đông. Năm vững quan điểm của Chính phủ xô-viết, A. M. Va-xi-lép-xki tuyên bố dứt khoát rằng chưa thể bàn đến việc này trước khi tiêu diệt được hoàn toàn nước Đức phát-xít. I. V. Xta-lin cũng trả lời đề nghị tương tự như vậy của Sóc-sin là: lập trường của Chính phủ xô-viết không thay đổi.

Mãi đến cuối tháng Chín 1944, sau khi báo cáo thường lệ ở Đại bản doanh, chúng tôi được Tổng tư lệnh tối cao giao cho nhiệm vụ chuẩn bị tính toán việc tập trung và bảo đảm quân đội ở Viễn Đông.

- Chắc là sắp cần đến, – Xta-lin kết thúc câu chuyện ngắn ngủi thoáng qua như thế thôi.

Đầu tháng Mười đã tính toán xong, và đến giữa tháng thì Xta-lin đã sử dụng những kết quả tính toán ấy lần đầu tiên trong cuộc hội đàm với Sóc-sin và I-đơn ở Mát-xcơ-va.

Riêng tôi, lần ấy là lần duy nhất trông thấy thủ tướng Anh. Một buổi tối, tôi cùng với tướng A. I. An-tô-nốp đến báo cáo thường kỳ ở Đại bản doanh; vừa đến phòng khách thì được tin Sóc-sin đang ở chỗ Xta-lin và Tổng tư lệnh tối cao có chỉ thị là chúng tôi đến báo cáo thì mời vào ngay.

Sóc-sin với Xta-lin ngồi trên hai chiếc ghế bành đối diện nhau, cả hai đều hút thuốc rất dữ: một người ngậm điếu xì gà thật to, còn một người vẫn cái tẩu không thay đổi. Đồng chí phiên dịch ngồi sau bàn.

Xta-lin giới thiệu chúng tôi và nói rằng ngài Sóc-sin muốn nghe báo cáo tình hình trên các mặt trận. An-tô-nốp báo cáo, nhưng bỏ một phần nội dung

đã được Đại bản doanh thông qua. Báo cáo lần lượt các mặt trận từ Bắc xuống Nam và tình huống được trình bày gọn lại. Sóc-sin ra đứng bên bàn, chăm chú nhìn vào những tấm bản đồ trải rộng, chi hỏi có một câu: “Đức có bao nhiêu quân chống lại Ai-xen-hao?”. A. I. An-tô-nốp trả lời ông ta.

Sau đó chúng tôi được phép ra về, nhưng chúng tôi vẫn ngồi lại ở phòng bên nán đợi, vì biết rằng Sóc-sin sắp rời khỏi đây và chúng tôi sẽ lại báo cáo tiếp, xin chữ ký của Tổng tư lệnh tối cao vào một số văn kiện cần gấp. Chỉ chừng hai mươi phút sau, quả đúng như thế.

Trước khi chúng tôi ra về, Xta-lin gọi Pô-xcri-ô-bư-sép đến và chỉ thị:

- Rượu uyt-xki và xì-gà Sóc-sin tặng tôi, chuyển cho quân đội. – Xong, đồng chí quay sang phía chúng tôi, nói thêm: – Các đồng chí nếm thử xem, chắc không đến nỗi tôi.

Khi chúng tôi ra xe thì hòm uyt-xki và xì-gà đã để trong thùng xe.

Cuộc hội đàm với Sóc-sin và I-đơn lúc đầu không có các đồng chí quân đội tham gia, nhưng khi nói tới tình hình Viễn Đông, thì có mời A. I. An-tô-nốp và Ph. I. Sép-tsen-cô tham dự. Sép-tsen-cô lúc này là trung tướng, tham mưu trưởng phương diện quân Viễn Đông. Chính phủ Liên Xô xác nhận trách nhiệm của mình phải tuyên chiến với Nhật Bản và có nói rõ thêm là việc đó sẽ tiến hành khoảng ba tháng sau khi nước Đức Hít-le đã đầu hàng.

Thời hạn ấy rất sát với thực tế nếu ta được các nước Đồng minh giúp cho việc tích lũy ở Viễn Đông chừng hai đến ba tháng nhiên liệu, lương thực dự trữ và xây dựng những phương tiện vận tải. Các nước Đồng minh dù chỉ chuyển giúp cho một phần những thứ trên trực tiếp tới các hải cảng ở Thái Bình Dương của ta, cũng sẽ làm đỡ cho ta được phần lớn việc điều động và tổ chức lại bộ đội đồng thời rút bớt thời hạn và khối lượng các thứ phải chuyên chở từ trung tâm đất nước ta. Các nước Đồng minh đồng ý với những điều yêu cầu của ta và bằng lòng đảm nhiệm một phần việc chuyên chở.

Tôi còn nhớ là sau những cuộc hội đàm tháng Mười 1944, vẫn chưa tiến hành ngay được biện pháp đặc biệt nào trong việc đặt kế hoạch chiến lược cho những chiến dịch đánh Nhật, vì bấy giờ vẫn chưa có dấu hiệu gì tỏ ra

rằng sắp kết thúc chiến tranh với quân phát-xít Đức, mặc dầu chúng liên tiếp thất bại nặng.

Tháng Hai 1945, những người lãnh đạo ba cường quốc liên minh lại họp hội nghị nữa. Lần này họp ở Crum. Cùng với những vấn đề quan trọng khác, hội nghị đã xác định rõ lần cuối cùng thời hạn Liên Xô phải tuyên chiến với Nhật là hai hay ba tháng sau khi kết thúc chiến tranh ở châu Âu. Đoàn đại biểu Liên Xô nêu ra trước hội nghị ba điều kiện:

1. Bảo vệ sự tồn tại của nước Cộng hòa Nhân dân Mông Cổ.

2. Khôi phục những quyền lợi của Nga đã bị Nhật vi phạm năm 1904: thu hồi Nam Xa-kha-lin; quốc tế hóa Đại Liên và lập lại tô giới Lữ Thuận làm thành hải cảng quân sự của Liên Xô; cùng với Trung Quốc sử dụng các đường sắt Đông Trung Quốc và Nam Mãn Châu.

3. Trả lại quần đảo Cu-rin cho Liên Xô.

Các nước Đồng minh tiếp nhận những điều kiện của ta.

Ngày 5 tháng Tư, Chính phủ xô-viết tuyên bố hiệp ước trung lập ký kết với Nhật hết hiệu lực. Nếu ta cứ tự buộc mình vào hiệp ước ấy, trong khi phía Nhật đã bội ước và vi phạm thì thật là vô lý. Bấy giờ, ai cũng thấy rõ rằng chỉ trong vòng 30 tới 40 ngày nữa là chúng ta kết thúc toàn thắng chiến tranh ở phía Tây.

Và chính phủ Nhật Xu-du-ki không thể không thấy việc đó. Giả chúng biết nghĩ tới tình thế tuyệt vọng của chúng trong việc tiếp tục chiến tranh ở Thái Bình Dương thì thật là may mắn cho đất nước chúng. Việc tuyên bố bài ước của Liên Xô là một đòn mạnh cảnh cáo trước, nhưng chúng vẫn chưa chịu lưu tâm đến. Vẫn như trước, chúng cứ ra sức tuyên truyền chiến tranh điên cuồng với khẩu hiệu: dù thế nào chúng cũng chiến thắng. Thủ tướng Xu-du-ki thay mặt chính phủ tuyên bố: “chúng ta cấp bách tiến quân không ngừng để giành lấy thắng lợi trong chiến tranh”.

Đối với chúng ta, thì không còn việc gì khác ngoài việc đẩy mạnh các mặt công tác chuẩn bị để làm đầy đủ các trách nhiệm đồng minh của mình. Tổng tư lệnh tối cao lệnh cho Bộ tổng tham mưu tăng cường các cơ quan tham

mưu và thành phần các cán bộ cao cấp cho các phương diện quân Da-bai-can và Viễn Đông và cho cả tập đoàn miền Duyên hải, điều động những cán bộ đã được rèn luyện trong chiến tranh chống quân Đức Hít-le sang đây, tốt nhất là những đồng chí trước đây đã từng phục vụ ở Viễn Đông. Đồng thời, Tổng tư lệnh tối cao còn chỉ thị đặt kế hoạch điều quân sang Viễn Đông, nhất là điều những tập đoàn quân và binh đoàn đã từng chiến đấu trong những điều kiện tương tự với miền Viễn Đông.

Chúng tôi lại được quy định là không đảo lộn tổ chức những đơn vị đang đóng ở Viễn Đông. Phương diện quân Viễn Đông về cơ bản vẫn giữ biên chế như cũ và do M. A. Puốc-ca-ép làm tư lệnh. Tập đoàn miền Duyên hải chuyển thuộc cơ quan tham mưu của phương diện quân Ca-rê-li-a trước đây, nay được điều sang phía Đông. Nguyên soái Liên Xô K. A. Mê-rét-xcốp được cử làm tư lệnh tập đoàn ấy.

- Anh chàng I-a-rô-xláp (Mê-rét-xcốp sinh trưởng ở thành phố I-a-rô-xláp nằm trên sông Vôn-ga. – ND.) khôn ngoan này sẽ tìm ra cách diệt bọn Nhật. – Tổng tư lệnh tối cao nói, khi cử Mê-rét-cốp làm tư lệnh. – Anh ta đã từng chiến đấu trong rừng và đã nhổ đôn địch không phải là lần đầu tiên.

Đối với hướng chủ yếu, hướng Da-bai-can, thì yêu cầu phải có những cán bộ lãnh đạo giàu kinh nghiệm đánh vận động. Tôi còn nhớ, A. M. Va-xi-lép-xki, người tham gia tích cực nhất vào việc xây dựng những kế hoạch chiến tranh ở Viễn Đông, đã để cử trước hết là nguyên soái Liên Xô R. I-a. Ma-li-nốp-xki làm tư lệnh phương diện quân Da-bai-can, rồi giới thiệu đại tướng M. V. Da-kha-rốp, một trong những cán bộ lãnh đạo giàu kinh nghiệm nhất của các cơ quan thuộc phương diện quân, làm tham mưu trưởng phương diện quân Da-bai-can.

Đề nghị ấy hợp ý Tổng tư lệnh tối cao. Ma-li-nốp-xki nổi tiếng từ lâu ở Đại bản doanh là một thống soái có tài, một vị chỉ huy quân sự nghiêm nghị, bình tĩnh và thận trọng, khi yêu cầu thì có căn cứ, khi báo cáo thì chặt chẽ.

Tháng Tư 1945. các đơn vị và cơ quan tham mưu bắt đầu chuyển sang Viễn Đông. Toàn bộ cơ quan tham mưu của phương diện quân Ca-rê-li-a

trước đây lên đường đầu tiên tới thành phố Vô-rô-si-lốp.

Nguyên soái K. A. Mê-rét-xcốp, tư lệnh mới của tập đoàn miền Duyên hải đến địa điểm công tác chậm lại một thời gian, để khỏi lộ ý định, vì không riêng gì quân đội mà cả bên ngoài cũng đều biết Mê-rét-xcốp.

Ngày 30 tháng Tư, có chỉ thị chuyển tập đoàn quân 39 của thượng tướng I. I. Li-út-ni-cốp từ In-xtéc-buốc tới Da-bai-can. Khi quân Đức đã đầu hàng, thì cả những tập đoàn quân nổi tiếng khác từ rất xa cũng kéo về, như: tập đoàn quân 5 do thượng tướng N. I. Crư-lốp chỉ huy kéo về tập đoàn miền Duyên hải, tập đoàn quân 53 do thượng tướng I. M. Ma-na-ga-rốp làm tư lệnh và tập đoàn quân xe tăng cận vệ 6 do thượng tướng bộ đội xe tăng A. G. Cráp-tsen-cô làm tư lệnh, đều kéo tới phương diện quân Da-bai-can.

Nhiều đồng chí lãnh đạo của phương diện quân U-crai-na 2 ngày trước, như nguyên soái Liên Xô R. I-a. Ma-li-nốp-xki, đại tướng M. V. Da-kha-rốp, thượng tướng I. A. Pli-ép, trung tướng N. O. Páp-lốp-xki được cử sang đây, đều tới Tsi-ta. Trung tướng A. A. Lu-trin-xki làm tư lệnh tập đoàn quân 36 là tập đoàn quân đã ở Da-bai-can từ trước.

Chỉ huy các tập đoàn quân bố trí ở miền Duyên hải là: thượng tướng A. P. Bê-lô-bô-rô-đốp – tư lệnh tập đoàn quân Cờ đỏ 1, thượng tướng I. M. Tsi-xti-a-cốp – tập đoàn quân 25, và trung tướng N. Đ. Da-khơ-va-ta-ép – tập đoàn quân 35. Còn các đồng chí nguyên tư lệnh các tập đoàn quân ấy thì xuống làm phó tư lệnh. Các đồng chí đó thông thạo chiến trường ở đây, nên tất nhiên là rất có ích.

Cũng trong tháng Tư, ta đã triển khai việc cải tiến những thiết bị vật chất của các binh đoàn xe tăng hoạt động ở Viễn Đông.

Trong thời gian này, Bộ tổng tham mưu được chỉ thị phải hoàn thành việc lập kế hoạch chiến tranh chống Nhật. Lúc đầu chỉ mới khái quát thành nhiệm vụ chung, và mục đích có tính chất nguyên tắc mà Tổng tư lệnh tối cao đặc biệt nhấn mạnh là: tiến hành chiến tranh trong thời gian ngắn nhất.

Đó là nhiệm vụ còn phải mò mẫm rất nhiều.

Chúng tôi chưa biết được chắc là bọn hiếu chiến Nhật thấy tình trạng thất bại không sao tránh khỏi của quân đội Hít le, liệu có từ bỏ âm mưu tiến công vào Liên Xô không. Khả năng chúng tập kích ta vẫn chưa hoàn toàn bị loại trừ. Vì có thể là tình hình khó khăn của nước Đức phát-xít sẽ thúc đẩy nước đồng minh châu Á của nó hoạt động, nhằm phục vụ cho lợi ích chung.

Những lực lượng lớn lục quân Nhật bố trí dọc biên giới quốc gia Liên Xô, những căn cứ không quân và hải quân Nhật đặt ở gần lãnh thổ Liên Xô, cho phép bọn quân phiệt quá khích có thể đột kích vào những mục tiêu và những đơn vị quân đội quan trọng của ta, gây nên những hậu quả rất nặng nề cho ta. Do đó, ta rút ra kết luận là kế hoạch chiến tranh ở Viễn Đông nhất thiết phải có dự kiến đánh bại cuộc đột kích bất ngờ này.

Quá trình diễn biến của những sự kiện sau này mới cho thấy là các Lực lượng vũ trang Liên Xô không cần thiết phải tiến hành phòng ngự. Song, trước đây nhiệm vụ phòng ngự đã giao cho bộ đội, hệ thống phòng ngự đã được xây dựng, và những nguồn tư liệu hiện còn đã phản ánh đặc điểm đó trong những dự kiến chiến dịch – chiến lược hồi ấy của Bộ tổng tham mưu.

Kế hoạch hành động của Nhật trong trường hợp bị ta tấn công chưa thật rõ ràng lắm. Thành phần chủ yếu của các lực lượng vũ trang Nhật là hải quân và lục quân. Không quân Nhật so với ta thì tương đối yếu. Tình hình các tập đoàn lục quân và hải quân chủ yếu của chúng có thể cho phép chúng phối hợp nhiều mặt với nhau. Tình hình đó cũng đòi hỏi ta phải phân tích để xây dựng kế hoạch hành động của mình cho thật hợp lý.

Lục quân Nhật bị phân tán. Ở Trung Quốc, chúng bố trí phần lớn thành những cụm quân trên khắp lãnh thổ của đất nước rộng lớn này. Ở Đông Dương, quan sát kỹ cũng thấy hình thái tương tự như vậy. Nhưng bố trí bị phân tán nhiều nhất là những lực lượng quân Nhật ở các đảo trên biển phía nam: địa hình ở đây không những bị các hải dương chia cắt, mà ngay trên đất liền cũng bị vương nhiều núi non, rừng rậm.

Tập đoàn lục quân lớn cùng những tiềm lực dự bị chủ yếu của chúng còn đóng trên lãnh thổ ở chính quốc Nhật. Những lực lượng chủ yếu của hải quân và không quân cũng đặt căn cứ tại đây. Các nước Đồng minh của ta

chưa quyết định tiến công thẳng vào chính quốc Nhật, và cũng chưa có ý định làm việc đó trong thời gian sắp tới.

Đạo quân Quan Đông ở Mãn Châu, do tướng O. I-a-ma-đa chỉ huy, là đạo quân tập trung nhất và mạnh nhất, hoàn toàn sẵn sàng hành động. Nhiều tướng lĩnh và sĩ quan Nhật đã trải qua trường học quân sự thực tế tại đây.

Chúng tôi đã lọc đi lọc lại vô số phương án, nhằm tìm khâu chủ yếu, nếu thanh toán được khâu chủ yếu ấy thì toàn bộ hệ thống chiến tranh của Nhật sẽ bị sụp đổ. Chúng tôi làm việc không có gì phải vội vàng lắm, vì có đủ thời gian. Ni-cô-lai An-đrây-ê-vích Lô-mốp là cốt cán trong việc xây dựng kế hoạch, tính tình điềm đạm của đồng chí rất thích hợp với việc phân tích sâu tình huống ở Viễn Đông.

Hướng Mãn Châu, nơi đang bố trí Đạo quân Quan Đông của Nhật, là hướng đã thu hút chúng tôi nhiều hơn cả. Nếu đánh tan đạo quân này thì sẽ tiêu diệt được lực lượng xung kích chủ yếu của lục quân Nhật và phá đến tận gốc sức kháng cự của cả nước Nhật. Bộ tổng tham mưu, rồi sau đó cả Đại bản doanh, đã dần đi tới xác nhận ý định ấy và lấy nó làm cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch chiến tranh.

Đạo quân Quan Đông có gần một triệu người, được trang bị và huấn luyện tốt. Được phục vụ trong đạo quân này là bằng chứng của lòng trung thành đối với chế độ và nền tảng của chủ nghĩa đế quốc Nhật. Binh lính và sĩ quan được giáo dục lòng tin mù quáng đối với Nhật hoàng và lòng căm thù đối với các dân tộc khác, trước hết là đối với nhân dân xô-viết và nhân dân Mông Cổ, Trung Quốc.

Trước lúc bắt đầu chiến tranh, Đạo quân Quan Đông có phương diện quân 1 và phương diện quân 3, tập đoàn quân độc lập 4 và tập đoàn quân không quân 2 cùng chi hạm đội sông Tùng Hoa. Khi bắt đầu chiến tranh, thành phần của Đạo quân Quan Đông được bổ sung thêm phương diện quân 17 và tập đoàn quân không quân 5.

Phương diện quân 1, hay là phương diện quân Đông Mãn Châu, gồm hai tập đoàn quân 3 và 5, do tướng Ki-tơ chỉ huy, có 10 sư đoàn bộ binh và một

lữ đoàn. Phương diện quân triển khai dọc biên giới miền Duyên hải, những lực lượng chủ yếu bố trí trên hướng Mẫu Đơn Giang chạy dài tới Cáp Nhĩ Tân và Cát Lâm. Cơ quan tham mưu của phương diện quân đặt tại Mẫu Đơn Giang.

Phương diện quân 3 có hai tập đoàn quân 30 và 44, do tướng U-si-rốc chỉ huy, đã sử dụng một phần lực lượng là hai sư đoàn bố trí gần biên giới nước Cộng hòa Nhân dân Mông Cổ; còn tập đoàn chủ yếu của chúng gồm sáu sư đoàn bộ binh, ba lữ đoàn bộ binh và một lữ đoàn xe tăng thì đóng ở miền Trung Bộ Mãn Châu, ở khu vực Thẩm Dương. Cơ quan tham mưu phương diện quân cũng bố trí tại đây.

Một tập đoàn quân độc lập 4 của tướng U. Mi-ki-ô, bố trí phân tán trên một không gian rộng ở Bắc Mãn Châu, thành cái hình vuông Hải Lạc Nhĩ – Tê-tê-cáp-nhĩ – Cáp Nhĩ Tân – Xa-kha-li-an. Tập đoàn quân này có ba sư đoàn bộ binh và bốn lữ đoàn.

Phương diện quân 17 gồm hai tập đoàn quân 34 và 58 bố trí ở Triều Tiên, cơ quan tham mưu đóng ở Hán Thành. Chỉ huy phương diện quân này là tướng Côt-du-ki, có chín sư đoàn bộ binh.

Lực lượng dự bị của tư lệnh Đạo quân Quan Đông gồm một sư đoàn bộ binh, một lữ đoàn bộ binh và một lữ đoàn xe tăng. Một lữ đoàn được tổ chức đặc biệt, mang danh hiệu cảm tử quân, gồm các trinh sát viên và lính diệt tăng, có một chức năng riêng. Trong không quân và hải quân cũng tổ chức những đội cảm tử quân.

Tập đoàn quân không quân 2 của tướng Kha-ra-đa, bố trí ở Trung Bộ Mãn Châu, có hơn 1.200 máy bay, (tuy những máy bay chiến đấu ít hơn nhiều). Ở Triều Tiên, có tập đoàn quân không quân 5 gồm 600 máy bay chiến đấu.

Trực thuộc tư lệnh Đạo quân Quan Đông còn có quân của Mãn Châu Quốc, Nội Mông và tỉnh Tuy Viễn, tổng số tới 20 sư đoàn bộ binh và từ 14 đến 15 lữ đoàn kỵ binh. Những binh đoàn trên không được như quân Nhật, huấn luyện ít, trang bị kém, nhưng tổng số quân cũng tới gần ba mươi vạn. Bộ chỉ huy Nhật lại có thể điều động lực lượng dự bị chiến lược đóng tại

khu vực Bắc Kinh (gồm hai tập đoàn quân khoảng sáu đến tám sư đoàn) khi cần chi viện cho Đạo quân Quan Đông.

Hình thái chiến lược của Đạo quân Quan Đông có đặc điểm trước hết là ở cách xa chính quốc. Liên lạc với nước Nhật không phải ở đâu cũng thuận tiện, vì giao thông bị trở ngại. Ở Bắc Bộ và Tây Bộ Mãn Châu, mạng lưới đường sắt không được phát triển. Ở Trung Bộ và Đông Bộ thì những tuyến đường sắt chủ yếu lại nằm trong phạm vi hoạt động của máy bay xô-viết.

Đạo quân Quan Đông phải đóng rải thành một cánh cung lớn kéo dài tới 4.500 ki-lô-mét, dọc theo biên giới quốc gia Liên Xô và nước Cộng hòa Nhân dân Mông Cổ. Thêm nữa là hậu phương Trung Quốc của chúng lại không được ổn định. Trong cái nhà nước nguy là Mãn Châu Quốc, do Nhật dựng lên, nhằm che đậy đường lối đế quốc của chúng, thì nhân dân có thái độ thù địch với quân chiếm đóng.

Toàn dân Trung Quốc cũng căm thù bọn quân phiệt Nhật. Tình hình càng rắc rối hơn nữa, vì Tưởng Giới Thạch cũng là đối thủ của Nhật, chưa nói đến Quân giải phóng nhân dân Trung Quốc.

Tướng I-a-ma-đa buộc lòng chỉ trông cậy được vào Triều Tiên là đất quân Nhật đã chiếm đóng từ lâu. Đối với Đạo quân Quan Đông, Triều Tiên là nguồn lương thực chủ yếu và cơ sở tác chiến trong trường hợp tình thế gặp khó khăn. Nhưng ở Triều Tiên, quần chúng nhân dân cũng căm thù bọn chiếm đóng ghê gớm. Thêm nữa, Triều Tiên lại cách khá xa tập đoàn Mãn Châu của Nhật, nếu Liên Xô mở mũi đột kích từ phía miền Duyên hải vào thì có thể dễ dàng chia cắt tập đoàn đó ra. Như vậy bất kỳ ở đâu, hậu phương cũng vẫn là chỗ hiểm yếu của Đạo quân Quan Đông.

Trong nhiều năm chiếm đóng Trung Quốc, bọn quân phiệt Nhật đã tăng cường tiến hành việc xây dựng công sự dọc biên giới giáp Liên Xô. Dọc tuyến núi non giáp miền Duyên hải của ta có phòng tuyến cấu trúc những cứ điểm trong rừng rậm và trên núi. Dựa vào những công trình bằng bê tông và những chướng ngại vật thiên nhiên, các tướng Nhật cảm thấy tương đối an toàn.

Ở phía Bắc, những đường tiếp cận vào Mãn Châu chẳng những được mạch núi Tiểu Hưng An mà còn cả sông A-mua (Ta cũng thường gọi là Hắc Long Giang theo tiếng Trung Quốc. – ND.) rộng lớn yểm hộ, còn ở phía Tây – Bắc thì có dãy núi In-khu-ri – A-lin và dãy hoành sơn Đại Hưng An che chở.

Dãy núi hiểm trở Đại Hưng An cao trung bình 1.000 tới 1.100 mét trên mặt biển, chạy dài hàng mấy trăm ki-lô-mét theo hướng kinh tuyến, ăn sâu xuống lãnh thổ Mãn Châu, lúc thì chạy sát chỉ cách biên giới chừng 50 ki-lô-mét ở hướng Ho Luân, lúc thì ra xa 200 tới 250 ki-lô-mét. Còn ở Nội Mông, những ngọn núi Đại Hưng An lại liên kết với miền cao nguyên bán sa mạc, kéo tới tận phía Tây – Nam sa mạc Gô-bi.

Tuy vậy, cũng cần phải nhận xét rằng trong điều kiện không gian rộng lớn của chiến trường ở đây, Nhật không thể có đủ lực lượng để đóng liên tục suốt biên giới, hoặc chiếm giữ tất cả những tuyến phòng thủ thiên nhiên. Dù muốn hay không, chúng cũng bắt buộc phải chọn lấy những hướng tác chiến nào có nhiều khả năng thuận lợi hơn hết.

Dọc biên giới chung với Liên Xô và một phần biên giới chung với nước Cộng hòa Nhân dân Mông Cổ, chúng đã cấu trúc nhiều cứ điểm, yểm hộ những đường tiếp cận tới những đường ngang chính vượt qua các mạch núi. Trên nhiều đoạn dọc biên giới Mãn Châu với nước Cộng hòa Nhân dân Mông Cổ có những bãi trống rộng, mọi binh chủng bộ đội hoạt động dễ, thì không cấu trúc những công trình chướng ngại và hoàn toàn không có những đơn vị yểm hộ. Hướng có nhiều núi và sa mạc tới Đa Luân và Đa-di-a-côp (Can-gan), bên cực phải phía sườn Mông Cổ thì rất yếu. Tất nhiên, chúng tôi có nghiên cứu kỹ hướng này lúc xây dựng ý định các chiến dịch.

Đồng thời, phải thấy rằng hình thái Đạo quân Quan Đông trên một số địa đoạn ngoài mặt trận sắp tới có nhiều ưu thế không thể chối cãi được. Rõ nhất là những địa đoạn ở Viễn Đông. Như đã nhận xét ở trên, dọc biên giới miền Duyên hải trên những hướng ta sẽ tiến công, chúng đã cấu trúc những khu vực kiên cố, có lực lượng của phương diện quân Đông Mãn Châu chiếm đóng, hợp thành thế đội một phòng ngự của địch.

Phía sau, không cách xa, là lực lượng của phương diện quân 17 mà khi cần, chúng có thể sử dụng tại Đông Bộ Mãn Châu. Chiến dịch tiến công của ta ở đây sẽ không tránh được việc phải tổ chức đột phá liên tục những khu vực kiên cố tiến công vượt qua những dãy núi và rừng rậm, tức là một hình thức tiến công gay go nhất, đòi hỏi phải có ưu thế trội hẳn về lực lượng và một số lớn những khí tài có sức chế áp mạnh.

Tại đồng bằng Mãn Châu, dựa vào những chướng ngại vật thiên nhiên, các khu vực trúc thành và các trận địa phòng ngự quân địch có thể tự do cơ động trên những tuyến tác chiến trong nội địa, điều quân ra những đoạn bị uy hiếp và triển khai trên những tuyến có lợi. Những tuyến tác chiến trong nội địa còn giúp cho quân Nhật có thể giữ được tập đoàn các đơn vị của chúng ổn định khi tình huống buộc phải tháo lui. Mạng đường sắt và đường bộ lớn hoàn toàn bảo đảm cho chúng đủ đường để cơ động rút lui.

Tất cả những mặt tích cực trên của quân Nhật, tất nhiên chúng tôi đều có tính toán thấy hết.

Việc nghiên cứu tỉ mỉ tình hình Đạo quân Quan Đông giúp cho Bộ tổng tham mưu rút ra được những kết luận sơ bộ rất quan trọng. Trước hết, rõ ràng là trong điều kiện ở Mãn Châu, Đạo quân Quan Đông bắt buộc phải tác chiến một cách tương đối biệt lập với những tập đoàn các đơn vị khác của quân Nhật.

Để chuyển chúng từ chỗ tương đối bị cô lập đến hoàn toàn bị cô lập, thì phía chúng ta, song song với việc đột kích của những lực lượng chủ yếu, phải triển khai tiến công cả trên những khu vực mà ta dự kiến là tướng I-a-ma-đa có thể cầu viện quân tiếp ứng. Việc ấy liên quan trước hết đến Triều Tiên, và tới một chừng mực nào đó, có liên quan đến miền Nam đảo Xa-kha-lin. Do đó, việc khống chế trên không của ta có ý nghĩa quan trọng.

Còn về hình thức vận động thì ngay trong giai đoạn nghiên cứu địch lúc này chúng tôi thấy thích hợp nhất là những hành động bên sườn cho phép bộ đội ta tiến vào khu vực Cát Lâm, Thẩm Dương. Như vậy sẽ chia cắt được toàn bộ tập đoàn Nhật ở Mãn Châu, không cho chúng hiệp đồng với tập đoàn các đơn vị đóng ở Triều Tiên và những đội dự bị ở khu vực Bắc Kinh.

Sườn phía Mông Cổ của Đạo quân Quan Đông bị yếu, cho phép ta có thể thọc sâu ở đây, vào phía sau tập đoàn của chúng.

Đặc điểm bố trí thành tuyến sâu của Đạo quân Quan Đông, theo quan điểm chúng tôi, chứng minh rằng: nếu diễn biến chiến đấu ở Mãn Châu mà không lợi, thì bộ chỉ huy Nhật sẽ cho rút quân ra khỏi mặt Bắc và mặt Tây khu vực đang tác chiến, kéo về phía biên giới Triều Tiên; và như vậy sẽ tạo ra những điều kiện thuận lợi để tiếp tục chiến dịch. Bộ tổng tham mưu đã không nhầm. Đúng là bọn Nhật đã có kế hoạch như thế. Nhưng chúng không tài nào thực hiện nổi, vì những đợt tiến công của quân đội xô-viết quá mãnh liệt.

Cũng cần vạch ra là nếu như các mũi đột kích của các tập đoàn đơn vị chúng ta hành động không đồng loạt với nhau, thì bọn Nhật có thể đánh lui từng bộ phận một, điều quân của chúng từ hướng này sang hướng khác. Và, chúng ta lại một lần nữa rút ra những kết luận thực tiễn.

Rất nhiều vấn đề đặt ra trước Bộ tổng tham mưu trong khi xây dựng ý định những chiến dịch. Muốn chiến thắng quân Nhật trong thời gian ngắn, thì phải dự kiến tiến công nhanh. Phải đánh tan ngay Đạo quân Quan Đông, không cho chúng rút về sâu Trung Quốc hay sang Triều Tiên.

Tập đoàn bộ đội xô-viết có mặt ở Viễn Đông tháng Tư 1945 chưa thể làm được việc ấy; tập đoàn đó mới chỉ giải quyết được những nhiệm vụ phòng ngự. Căn cứ vào hình thái bố trí bộ đội ta lúc bấy giờ, chúng ta chỉ có thể đột kích trên hướng Mẫu Đơn Giang (từ phía miền Duyên hải) và trên hướng Hải Lạc Nhì – Tề-tề-cáp-nhĩ (từ phía Da-bai-can).

Song, những mũi đột kích như vậy chưa giải quyết được vấn đề bao vây Đạo quân Quan Đông và cũng chưa thể cắt nổi giao thông của chúng. Những mũi đột kích đó có thể đẩy lùi nhưng không tiêu diệt được quân địch, như thế là sẽ mâu thuẫn với thực chất nhiệm vụ Đại bản doanh đã giao cho và không phù hợp với tính chất kiên quyết của chiến dịch sắp tới. Nếu chỉ đơn thuần đẩy lùi địch, thì chúng vẫn có thể tiếp tục điều những đơn vị trong tung thâm, nhất là ở Triều Tiên, đến tăng cường; và như vậy có nghĩa là

không thể kết thúc chiến tranh sớm được. Với những lực lượng dự bị chúng có thể điều lên phía trước, thì mật độ lực lượng của chúng nhất định sẽ tăng lên. Đồng thời, sườn bên phải phương diện quân Da-bai-can của chúng ta lại bị quân địch từ phía những khu vực trúc thành trên biên giới nước Cộng hòa Nhân dân Mông Cổ uy hiếp.

Muốn tránh khỏi tình trạng diễn biến như vậy, muốn ngăn không cho quân Nhật rút lui có tổ chức, thì yêu cầu đối với ta là không những phải thay đổi cách bố trí lực lượng, mà còn phải chọn hướng đột kích chủ yếu làm sao cho có lợi hơn cả. Lại còn phải bảo đảm cho mình những điều kiện để phát huy thắng lợi, tức là phải giải quyết đúng đắn vấn đề bố trí lực lượng thành tuyến trên các mặt trận, xây dựng các thế đội hai ở những nơi nào cần thiết. Tất nhiên, làm những việc trên không được để tổn hại đến uy lực của mũi đột kích ban đầu mà phải dựa vào việc điều quân bổ sung từ phía Tây sang.

Chúng ta thấy rằng mũi tiến công của một phương diện quân từ lãnh thổ Mông Cổ, đồng thời hợp điểm với mũi đột kích từ phía miền Duyên hải tới, là thuận lợi nhất. Trường hợp ấy diễn ra thì có thể cô lập hoàn toàn được Đạo quân Quan Đông. Ngoài ra, cũng không bỏ những mũi đột kích chính diện từ phía Bắc tới, vượt qua sông A-mua và dọc theo sông Tùng Hoa; những mũi đột kích này có nhiệm vụ góp phần vào việc chia cắt và tiêu diệt quân Nhật.

Mũi đột kích từ miền Duyên hải sang, trong bất kỳ hoàn cảnh nào, cũng cần phải đột phá cho được những khu vực trúc thành của quân địch. Mũi đột kích ấy sẽ đánh vào Trung Bộ Mãn Châu, phải làm cho phương diện quân 1 của Nhật thất bại chắc chắn và đưa quân ta tiến thẳng tới Trường Xuân, nơi cơ quan tham mưu của Đạo quân Quan Đông đang đóng.

Tất nhiên là khi tổ chức tiến công từ Mông Cổ sang, không được hút lực lượng vào những hướng không có triển vọng, những hướng nhìn chung không có địch. Quân địch không bố trí ở bên sườn cực phải, trên hướng Can-gan – Bắc Kinh, trong các bãi hoang sa mạc. Tiến công ở đây, sẽ không đem lại được cho chúng ta kết quả gì, ngoài việc phải uống công chống lại khí hậu khắc nghiệt. Do đó, ta phải tuân theo một nguyên tắc mà qua thử

thách đã chứng tỏ là đúng: phải đột kích chủ yếu vào nơi nào có thể mau chóng đem lại kết quả lớn nhất, và hướng mũi đột kích vào chỗ chắc chắn sẽ phá vỡ được sức mạnh những lực lượng chủ yếu của địch. Theo quan điểm của chúng tôi, hướng Ho Luân sẽ đáp ứng được triệt để những yêu cầu ấy.

Chúng tôi đã suy nghĩ khá lâu đến việc xây dựng tập đoàn binh lực. Yêu cầu phải có là bao nhiêu và như thế nào? Phải bố trí đội hình ra sao để bảo đảm chắc chắn tiêu diệt được địch và tiến công thật kết quả trên một không gian rộng lớn như vậy, đồng thời lại phải vượt qua núi non, rừng rậm, sa mạc, sông lớn, và những khu vực trúc thành? Khi nghiên cứu kỹ những vấn đề trên, ta thấy rõ ràng ở Mãn Châu, nếu không có tập đoàn quân xe tăng, những binh đoàn xe tăng độc lập và kỵ binh thì sẽ không giải quyết được gì. Lại cần có cả hạm đội trên sông A-mua lẫn sông Tùng Hoa. Cần cả không quân mạnh của tất cả các binh chủng nữa.

Chúng ta đã đem ra thảo luận vấn đề tập trung tập đoàn quân xe tăng ở đâu và sử dụng nó ra sao. Bộ tổng tham mưu lại nhìn đến mặt trận Da-bai-can; ở đây không có con sông A-mua sâu rộng, không có rừng rậm và những khu vực trúc thành. Tập đoàn quân xe tăng là phương tiện chiến đấu chủ yếu tăng sức mạnh đột phá cho bộ đội phương diện quân, làm cho tốc độ tiến quân sẽ cao và bảo đảm được chiều sâu tiến công. Dĩ nhiên vì ở sâu bên trong, trên đường tiến quân, xe tăng sẽ vướng phải dãy núi Đại Hưng An; chỉ mới nghĩ đến việc cho các chiến sĩ xe tăng đột phá qua dãy núi này là đã thấy rất phức tạp rồi. Nhưng Bộ tổng tham mưu cho rằng, việc sử dụng một tập đoàn xe tăng lớn bất ngờ như vậy, lại chính là then chốt để giải quyết những nhiệm vụ chủ yếu của chiến dịch. Chúng tôi kiên trì chủ trương sử dụng tập đoàn quân xe tăng trên hướng chủ yếu thọc qua dãy Đại Hưng An và nhất thiết phải để nó nằm trong thể đội một của đội hình chiến dịch phương diện quân.

Lý do là: quân Nhật sẽ không thể ngờ được rằng mũi đột kích lại chọn ở đây. Theo những tin tức của ta thì những trận địa của chúng ở Hưng An không được chuẩn bị; những cứ điểm đã chiến độc lập lại do những đơn vị tương đối yếu chiếm đóng. Còn đối với dãy núi kia, chúng tôi cho rằng các

chiến sĩ xe tăng dày kinh nghiệm hoàn toàn có thể khắc phục được. Nếu như lại chiếm được những con đường xuyên ngang qua núi ở đây trước quân địch, thì chúng sẽ không tài nào tìm đâu ra lực lượng đủ sức chống lại tập đoàn quân xe tăng.

Những dự kiến giành lấy quyền chủ động là quan trọng đặc biệt. Tập đoàn quân xe tăng mạnh và nhanh, bất ngờ đột kích có thể đem đến nhiều thắng lợi và sẽ tạo nên một lợi thế cần thiết cho toàn bộ chiến dịch của phương diện quân.

Vấn đề hiệp đồng các phương diện quân, nhất là hiệp đồng về thời gian bắt đầu các chiến dịch của các phương diện quân, cũng không thật đơn giản. Tâm quan trọng của việc hiệp đồng thì ai cũng biết, nhưng ở Mãn Châu, việc phối hợp làm sao cho thật sát giữa những nỗ lực của các phương diện quân với nhau có một ý nghĩa thật đặc biệt, vì điều kiện trên các hướng rất phức tạp và khác hẳn nhau.

Còn vấn đề kéo lực lượng địch ra khỏi dải hoạt động của tập đoàn miền Duyên hải cũng thật là hấp dẫn. Mới nhìn thì thấy rằng phương diện quân Da-bai-can bắt đầu tiến công trước để thu hút địch là hợp lý. Theo tính toán của ta, phải vào khoảng ngày thứ mười của chiến dịch, quân địch mới có thể điều được những đơn vị quân của chúng từ miền Duyên hải tới đây. Vì thế, phía miền Duyên hải sẽ mở mũi đột kích trong khoảng thời gian ấy.

Tuy nhiên, trong phương án ấy vẫn còn ẩn nhiều mối nguy hiểm. Chưa ai có thể cam đoan là bộ chỉ huy Nhật nhất định sẽ để cho hướng miền Duyên hải bị yếu, mà lại không sử dụng những đơn vị khác để đánh lui cuộc tiến công của ta ở Da-bai-can. Trong trường hợp này, quân địch lại có thể chống trả các phương diện quân của Liên Xô, như người ta thường nói là lần lượt theo thứ tự trước sau. Ngoài ra, những hành động của ta trên miền Duyên hải sẽ bị mất tính bất ngờ, vì quân địch đã đón mũi đột kích tại đây, và tất nhiên là chúng sẽ áp dụng những biện pháp phá đợt đột kích của ta.

Luận giải như vậy thì thấy: các phương diện quân tiến công đồng loạt là tốt nhất.

Rốt cuộc, cả phương án trên lẫn phương án dưới đều không bị bác bỏ. Theo chỉ thị của Đại bản doanh, Bộ tổng tham mưu tiếp tục suy nghĩ và nghiên cứu từng phương án một, sâu thêm nữa. Đại bản doanh cho rằng, trước lúc bắt đầu chiến tranh, tình huống tự nhiên sẽ giúp chúng ta tìm ra giải pháp đúng hơn cả đối với tình thế lưỡng nan ấy.

Chúng ta muốn giành cho được tính bất ngờ khi hành động nên gặp rất nhiều khó khăn, vì đã từ lâu bọn Nhật vẫn tin chắc rằng chiến tranh với Liên Xô là việc không thể tránh được. Vì vậy giành cho được tính bất ngờ chiến lược lại càng là việc hết sức khó thực hiện. Tuy nhiên, trong lúc cân nhắc suy tính, chúng tôi đã nhiều lần nhớ lại những ngày đầu của cuộc Chiến tranh giữ nước vĩ đại: bấy giờ đất nước chúng ta cũng chờ đợi cuộc tiến công như thế và đã chuẩn bị, song quân Đức vẫn đột kích được bất ngờ. Vì vậy, cả trong trường hợp này, lại càng không nên sớm bác bỏ việc tìm phương kế giành tính bất ngờ.

Yếu tố bất ngờ lúc bắt đầu chiến tranh ở Viễn Đông này, phụ thuộc trước hết vào việc giữ bí mật về tình hình chuẩn bị của bộ đội xô-viết. Bởi vậy, đã phải đề ra và tuân thủ hết sức chặt chẽ quy chế đặc biệt về việc điều động và tổ chức lại bộ đội. Thời gian bắt đầu tác chiến, tất nhiên chưa hề tuyên bố cho một ai biết.

Khả năng giành bất ngờ còn bao hàm cả việc tổ chức tập trung những phương tiện vật chất theo cách không giống như mọi khi. Chúng tôi cho rằng, quân địch dù có biết được một số tin tức về việc tiếp tế của các nước Đồng minh, nhưng nhất thiết sẽ vẫn ước tính quá cao thời gian chuyển vận của ta trên trục đường sắt duy nhất qua Xi-bi-ri. Dựa vào khả năng chuyển vận tương đối bị hạn chế của ta qua Xi-bi-ri, bọn Nhật xác định là phải đến mùa thu ta mới có thể bắt đầu chiến tranh, và chắc rằng đến lúc ấy chúng mới chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu.

Chúng tôi còn dựa vào chỗ quân địch đinh ninh rằng bộ đội xô viết sẽ không bắt đầu tiến công khi điều kiện thời tiết không thuận lợi. Vì về thời gian bắt đầu chiến tranh với Nhật, ta đã thỏa thuận với các nước Đồng minh là “hai hay ba tháng sau khi kết thúc chiến tranh với Đức”, mà thời gian ấy lại rơi đúng vào mùa mưa ở Viễn Đông là lúc rất không thuận tiện, theo quan điểm lô-gích hình thức về chiến tranh.

Căn cứ vào các mặt của thứ lô-gích trên, bộ chỉ huy Nhật cho rằng thế nào ta cũng bắt đầu tiến công chậm lại, sau lúc ấy một ít, khi đã sang hẳn mùa khô. Sau này, những dự kiến của Bộ tổng tham mưu đã được xác nhận là không sai. Bộ chỉ huy Nhật phán đoán là đến giữa tháng Chín, ta mới bắt đầu tiến công được.

Địa hình, như đã nói một phần ở trên, cũng được sử dụng để đạt yếu tố bất ngờ. Cũng tất nhiên thôi, quân địch không ngờ nổi những đòn đột kích của ta nói chung, và nhất là mũi đột kích của xe tăng lại thọc xuyên qua mạch núi, rừng rậm và sa mạc khó đi lại. Việc ấy liên quan trước hết tới địa đoạn Mông Cổ, địa đoạn này lại bị mạch núi Đại Hưng An và những thảo nguyên khô cản tiếp với sa mạc Gô-bi ngăn khỏi Mãn Châu và Nội Mông.

Núi non hiểm trở, cây cối rậm rạp, biển cát khó vận động, đã bất chấp tất cả thứ lô-gích hình thức đó, hóa thành đồng minh của quân đội xô-viết!

Cuối cùng, không thể nào không nói đến cuộc tiến công táo bạo, mãnh liệt của Liên Xô. Thoạt nhìn, thì đó là đặc điểm thông thường của bất kỳ một chiến dịch tiến công nào. Nhưng ở đây, cần phải nghĩ kỹ đến quá khứ lịch sử của các lực lượng vũ trang Nhật Bản.

Trong những cuộc chiến tranh trước đây, quân Nhật thường phản bội trắng trợn, bao giờ cũng tiến công trước. Chẳng hạn khi chúng khai chiến với nước Nga năm 1904. Rồi đến ngày 7 tháng Chạp 1941, chúng cũng làm lại y hệt như thế ở Piếc Hác-bơ. Qua những hành động Phòng ngự trong Chiến tranh thế giới thứ hai, quân Nhật chỉ gặp toàn những đối phương thường hay tiến hành những cuộc tiến công rất thận trọng, theo khuôn phép, có pháo binh và không quân bắn chuẩn bị và chi viện mạnh.

Như tôi được biết phần nào, thì trước đó quân Nhật không thể đánh lui được những cuộc tiến công lớn bằng xe tăng. Chúng quen với lối hành động dè dặt, theo khuôn phép của những đối phương mà chúng đã gặp, quen với tốc độ tấn công tương đối không cao. Dĩ nhiên là chúng có coi nhẹ những kinh nghiệm chiến đấu khác. Vì vậy, đi đôi với việc giành yếu tố bất ngờ chiến lược, chúng tôi còn cố gắng sử dụng tất cả những phương pháp có thể để giành lấy bất ngờ chiến dịch và cả chiến thuật nữa, nhất là những đợt tiến công không dùng pháo bắn chuẩn bị và những trận đánh ban đêm. Những sự kiện ấy, trong một chừng mực nào đó, cũng đã góp phần giúp ta giành được thắng lợi.

Tháng Năm trôi qua lúc nào không biết, tháng Sáu đã đến...

Trong những ngày đầu của tháng hè đầu tiên ấy, ý định về những chiến dịch tiến công Đạo quân Quan Đông đã được lập xong về đại thể. Chúng tôi báo cáo lên Tổng tư lệnh tối cao ý định ấy, cùng với những bảng tính có liên quan. I. V. Xta-lin thông qua tất cả, không bác bỏ điểm nào, chỉ ra lệnh cho triệu tập nguyên soái R. I-a. Ma-li-nốp-xki và tướng M. V. Da-kha-rôp về

Mát-xơ-va sớm hơn những tư lệnh các phương diện quân khác cùng được mời về dự lễ Duyệt binh Chiến thắng.

R. I-a. Ma-li-nốp-xki và M. V. Da-kha-rốp phòng xa nên đã đem theo đồng chí trưởng ban tác chiến của cơ quan tham mưu phương diện quân – N. O. Páp-lốp-xki, và đã được cho năm ngày để xây dựng kế hoạch chiến dịch của phương diện quân. Họ nhanh chóng bắt tay vào việc ngay. Tất nhiên, ở Bộ tổng tham mưu các đồng chí ấy đã được thông báo tỉ mỉ ý định chiến lược, biên chế của phương diện quân và thời gian tập trung những đơn vị bộ đội. Chúng ta dự kiến là những đoàn tàu chở quân cuối cùng trong khoảng từ 1 đến 5 tháng Tám là phải hoàn thành nhiệm vụ.

Ngày 18 tháng Sáu, R. I-a. Ma-li-nốp-xki tường trình báo cáo của mình. Đúng như những yêu cầu của Đại bản doanh, tư lệnh phương diện quân Da-bai-can xuất phát từ sự cần thiết phải đánh tan Đạo quân Quan Đông trong một thời gian ngắn. Dự kiến là trong khoảng một tháng rưỡi đến hai tháng, sẽ làm cho những lực lượng chủ yếu của Đạo quân Quan Đông bị thất bại hoàn toàn. Nhưng, có thêm một điều: nếu điều kiện thuận lợi, địch có thể bị tiêu diệt còn sớm hơn nữa.

Trong dải hoạt động của phương diện quân Da-bai-can, dự kiến là phải chọi không những với những lực lượng lớn bộ binh Nhật, mà còn với xe tăng của chúng, với cả những đơn vị quân của Mãn Châu Quốc và của công tước Đe-van ở Nội Mông nữa. R. I-a. Ma-li-nốp-xki báo cáo: “Quân Nhật sẽ áp dụng mọi biện pháp có thể để tăng cường cho hướng này. Vì vậy, phải thấy rằng, chúng sẽ điều thêm lực lượng ở miền Bắc Trung Quốc tới đây, chừng bảy hay tám sư đoàn bộ binh. Cho nên, trong khoảng một tháng rưỡi đến hai tháng đầu của chiến tranh, phương diện quân Da-bai-can có thể chạm trán với 17 hay 18 sư đoàn Nhật, 6 hay 7 sư đoàn Mãn Châu Quốc và Nội Mông, và 2 sư đoàn xe tăng”.

Sau khi cân nhắc những khả năng của mình, trong điều kiện biên chế lúc ấy của phương diện quân gồm có bốn tập đoàn quân binh chủng hợp thành (17, 36, 39, 53), tập đoàn quân xe tăng cận vệ 6, tập đoàn quân kỵ binh – cơ giới và tập đoàn quân không quân 12, tư lệnh phương diện quân rút ra kết

luận: “Lực lượng như vậy đủ để đè bẹp sức chống cự của địch và nếu điều kiện thuận lợi, thì dựa vào ưu thế của chúng ta về xe tăng và pháo binh mà tiêu diệt 18 tới 25 sư đoàn Nhật”.

R. I-a. Ma-li-nốp-xki, cũng như Bộ tổng tham mưu, công nhận rằng hướng tới Hồ Luân, Sư-pin-gay là hướng đột kích chủ yếu có lợi nhất. Để đạt mục đích trên, ta dự kiến mở hai chiến dịch: chiến dịch thứ nhất có mục đích đánh chiếm Tổng Bộ Mãn Châu, chiến dịch thứ hai thì kết cục sẽ đưa bộ đội ta tới biên giới Mãn Châu – Bắc Trung Quốc, và giải bán đảo Liêu Đông.

Bố trí chiến dịch của phương diện quân là hai thê đội, tập đoàn quân xe tăng cận vệ 6 được sử dụng ở phía sau tập đoàn đột kích của phương diện quân. Ngay mở đầu cuộc tấn công được dự định trong khoảng từ 20 tới 25 tháng Tám.

Bộ tổng tham mưu đồng ý với kế hoạch đó về các nét cơ bản, nhưng về mặt sử dụng tập đoàn quân xe tăng thì Bộ tổng tham mưu giữ ý kiến trước đây của mình. Nếu để nằm trong thê đội hai, tập đoàn quân xe tăng sẽ không thể giữ vai trò chủ đạo khi phương diện quân vượt qua mạch núi Đại Hưng An được. Trong trường hợp ấy, bộ binh ở phía trước sẽ hạn chế tốc độ tiến quân của xe tăng sang phía Đông. Đồng thời, quả đấm bọc thép này rõ ràng đã mất khả năng chi viện cho bộ binh lúc đánh chiếm và bám lại trên những đường ngang xuyên qua mạch núi. Không thể trông đợi vào việc nhờ bộ binh yểm hộ cho xe tăng đột phá qua những đèo ngang đổ xuống đồng bằng Mãn Châu. Cứ thử tổ chức cho xe tăng đột phá trong khi bộ binh và các đoàn xe của bộ binh đang ùn ùn lại trên các đèo ngang và những đường băng qua núi mà xem. Tóm lại, nêu bố trí đội hình tác chiến như vậy, các binh đoàn xe tăng sẽ mất cả tính năng tác chiến chủ yếu của nó.

Đại bản doanh công nhận những lý lẽ của Bộ tổng tham mưu là có chứng cứ đầy đủ và đề nghị R. I-a. Ma-li-nốp-xki khi về tới Da-bai-can thì nghiên cứu lại lần nữa phần nội dung đang còn tranh luận ấy trong kế hoạch, nghiên cứu bổ sung thêm ngoài thực địa những ý kiến khác của các đồng chí, rồi

sau đó mới hạ quyết tâm cuối cùng. R. I-a. Ma-li-nốp-xki đồng ý, sau này đã đề nghị sử dụng tập đoàn quân xe tăng cận vệ 6 trong thế đội một.

Nhờ kết quả công việc tập thể sáng tạo với tất cả các tư lệnh phương diện quân, đến ngày 27 tháng Sáu 1945, ta đã xác định xong nội dung chủ yếu của kế hoạch chiến lược của Bộ Tổng tư lệnh tối cao Liên Xô. Kế hoạch quy định mở ba mũi đột kích quyết liệt đồng loạt, hợp điểm ở Trung Bộ – Mãn Châu: sử dụng lực lượng chủ yếu của phương diện quân Da-bai-can đột kích từ cái gọi là “chỗ lồi Tam-xắc” ở nước Cộng hòa Nhân dân Mông Cổ; sử dụng lực lượng của phương diện quân Viễn Đông 2, đột kích từ khu Tây – Nam Kha-ba-rop-xơ; và sử dụng tập đoàn bộ đội chủ yếu của phương diện quân Viễn Đông 1, đột kích từ miền Duyên hải. Mục đích của những mũi đột kích này là chia cắt các đơn vị của Đạo quân Quan Đông, cô lập chúng ở Trúng Bộ và ở Nam Bộ Mãn Châu và tiêu diệt chúng từng bộ phận một.

Bộ đội của phương diện quân Da-bai-can giữ vai trò chủ chốt, đột kích vào những cứ điểm quan trọng sống còn của địch: Thẩm Dương: Trường Xuân, Cảng Lữ Thuận. Chiếm được các mục tiêu trên là quyết định việc kết thúc chiến tranh.

Bộ đội của phương diện quân Viễn Đông 1 từ miền Duyên hải đột kích vào Cát Lâm theo con đường ngắn nhất, đón mũi đột kích của phương diện quân Da-bai-can. Bộ đội của phương diện quân Viễn Đông 2 tiến công vào miền ven Hắc Long Giang, kiềm chế địch và tạo điều kiện đánh tan Đạo quân Quan Đông.

Kế hoạch chung đã ghi như vậy trên bản đồ của A. M. Va-xi-lép-xki. Đồng chí được cử làm Tổng tư lệnh tất cả các đơn vị quân đội xô-viết ở Viễn Đông. Sau này, khi tiến hành các mặt công tác chuẩn bị trực tiếp ngoài các mặt trận, thì chỉ cần xác định lại cho rõ thêm một số chi tiết thôi. Kế hoạch phản ánh rất rõ ý định chủ yếu của Bộ Tổng tư lệnh tối cao Liên Xô nhằm cô lập và tiêu diệt Đạo quân Quan Đông. Sau này, trên cơ sở kế hoạch đó, đã thảo ra những chỉ thị của Đại bản doanh về các chiến dịch ở Mãn Châu.

Ngày 27 tháng Sáu, K. A. Mê-rét-xcốp được phép lên đường sang Viễn Đông. Đồng chí rời khỏi Mát-xcơ-va trước A. M. Va-xi-lép-xki và R. I-a. Ma-li-nốp-xki mấy ngày.

Vì lợi ích chung, phải giữ gìn bí mật, nên các đồng chí đều không mang quân hàm nguyên soái.

Đến địa điểm công tác mới, K. A. Mê-rét-xcốp lấy tên là thượng tướng Mắc-xi-mốp, không được đi xe hỏa như đồng chí muốn mà phải đi máy bay. Xta-lin ngại là Mê-rét-xcốp có thể bị nhận ra nếu đi bằng đường sắt. Ngoài ra, Tổng tư lệnh tối cao còn muốn kiểm tra xem bay như vậy phải hết bao nhiêu thời gian.

K. A. Mê-rét-xcốp đi mất 36 giờ 55 phút thì tới thành phố Vô-rô-si-lốp. Riêng ngồi trên máy bay mất 28 giờ 30 phút. Đồng chí đến địa điểm ngày 29 tháng Sáu.

R. I-a. Ma-li-nốp-xki, lấy bí danh là thượng tướng Mô-rô-dốp, đến Tri-ta ngày 4 tháng Bảy. Cùng đi với đồng chí có M. V. Da-kha-rốp, lấy tên là thượng tướng Đô-lô-tốp. Đến mông 5 tháng Bảy, A. M. Va-xi-lép-xki cũng tới nơi, với chức vụ ghi trong giấy ủy nhiệm: “thứ trưởng Bộ dân ủy quốc phòng, thượng tướng Va-xi-li-ép”.

Trước hết, A. M. Va-xi-lép-xki giao cho R. I-a. Ma-li-nốp-xki chỉ thị của Xta-lin về chiến dịch sắp tới. Văn kiện đó đặc biệt lưu ý việc bảo đảm cho đường sắt hoạt động liên tục trong phạm vi mặt trận và việc bảo vệ khu vực bố trí những lực lượng chủ yếu của ta.

Theo dự tính thì đến ngày 25 tháng Bảy là hoàn thành việc chuẩn bị những hành động tiến công phối hợp chung giữa bộ đội của phương diện quân Da-bai-can với Quân đội nhân dân cách mạng Mông Cổ. Mục đích chiến dịch là đánh tan Đạo quân Quan Đông và chiếm lấy khu vực Xích Phong – Thẩm Dương – Trường Xuân – Trà Lan Đông, nên phải đột nhập thật nhanh vào Trung Bộ Mãn Châu, có hiệp đồng chặt chẽ với các đơn vị của tập đoàn miền Duyện hải và phương diện quân Viễn Đông.

Chỉ thị lại nhắc đến việc phải cố chiếm lấy mạch núi Đại Hưng An trước quân Nhật. Vì vậy phải lập một tập đoàn đột kích mạnh, gồm ba tập đoàn

quân binh chủng hợp thành (39, 53, 17) và một tập đoàn quân xe tăng (cận vệ 6), để vòng qua khu vực trúc thành Kha-lun Ác-san tới Trường Xuân.

Lại có yêu cầu ngăn chặn không cho địch rút quân về miền núi. Nhiệm vụ trước mắt của phương diện quân là: đánh tan quân địch đang chống cự, tiến công vượt qua Đại Hưng An, và đến ngày tiến công thứ 15 thì những lực lượng chủ yếu phải tiến tới tuyến Đại Bàn Sơn Lu-bây – Hồ Luân. Chiếm được tuyến này và bám được mạch núi Hưng An là những điều kiện quan trọng nhất để tiếp tục phát triển thắng lợi chiến dịch.

Xta-lin không ưa những việc không dứt khoát, rõ ràng. Đồng chí nhớ đến những cuộc tranh luận của chúng tôi mới đây về cách sử dụng tập đoàn quân xe tăng, nên khi ký chỉ thị, đã lệnh phải thêm vào điểm sau đây: “tập đoàn quân xe tăng cận vệ 6, hành động trong dải đột kích chủ yếu ở hướng chung tới Trường Xuân, đến ngày thứ mười của chiến dịch phải tiến công vượt qua Đại Hưng An, chiếm giữ những đèo ngang qua núi, không cho địch có thể điều những đội dự bị của chúng từ phía Trung Bộ và phía Nam Bộ Mãn Châu tới, trước khi những lực lượng chủ yếu của bộ binh ta tiếp cận đến”. Chỉ thị viết như vậy đúng là đã quy định rõ vị trí của tập đoàn quân xe tăng trong đội hình chiến dịch của phương diện quân. Tập đoàn quân xe tăng chỉ có thể nằm trong thế đội một và tiến công ở phía trước những đơn vị khác.

Nhiệm vụ tiếp sau của phương diện quân là đưa những lực lượng chủ yếu tiến ra tuyến Xích Phong – Thẩm Dương – Trường Xuân – Trà Lan Đông, tức là vào chính giữa đội hình bố trí của Đạo quân Quan Đông.

Chỉ thị của Đại bản doanh còn quy định cả những hành động của các đơn vị trên những hướng thứ yếu. Cuối cùng, chỉ thị yêu cầu phải giữ gìn hết sức bí mật mọi công tác chuẩn bị của ta: “chỉ có tư lệnh, ủy viên Hội đồng quân sự, tham mưu trưởng phương diện quân và trưởng ban tác chiến trong cơ quan tham mưu phương diện quân mới được xây dựng toàn kế hoạch chiến dịch. Còn chủ nhiệm các binh chủng khác chỉ được xây dựng phần chuyên môn của mình trong kế hoạch chung, không được biết những nhiệm vụ chung của phương diện quân. Giao nhiệm vụ cho các tư lệnh tập đoàn quân thì giao trực tiếp bằng miệng, chứ không giao bằng văn bản. Số cán bộ chủ

trì được phép tham gia xây dựng kế hoạch chiến dịch của tập đoàn quân cũng được quy định đúng như ở phương diện quân. Toàn bộ văn kiện tài liệu về kế hoạch hành động của các đơn vị phải cất trong những tủ sắt riêng của tư lệnh phương diện quân và tư lệnh tập đoàn quân”. Ngoài ra, lại còn những chỉ thị bảo đảm bí mật chung cho tất cả các đơn vị bộ đội ở Viễn Đông nữa.

Đúng là ngay hôm đầu tiên tới Tri-ta, A. M. Va-xi-lép-xki liền cùng với Hội đồng quân sự phương diện quân nghiên cứu nhiều vấn đề tổ chức không thể trì hoãn, trong đó có một số vấn đề nếu không có sự can thiệp cấp bách của Mát-xcơ-va thì không thể nào giải quyết ổn thỏa được, ví dụ như việc thiếu than cho ngành đường sắt. Nguồn dự trữ than ở địa phương sắp hết, và muốn khởi trở ngại đến việc vận chuyển cho chiến dịch, thì phải được phép sử dụng đến nguồn dự trữ của Nhà nước, bấy giờ đang cấm không được đụng đến.

Nhịp độ tích lũy đạn dược cũng đáng lo ngại. Phải đẩy mạnh tốc độ sản xuất ở các nhà máy và giao nhanh cho bộ đội. Máy bay vận tải đến mặt trận cũng không được nhanh lắm.

Khối lượng nước dự trữ cho các đơn vị thiếu nghiêm trọng. Mà thiếu nước thì cuộc tiến công của ta trên những miền sa mạc và núi ở Mãn Châu sẽ gặp nguy cơ phải dừng lại. Các điện báo viên cũng thiếu. Các cơ quan quân y được bổ sung chậm. Tình hình sửa chữa kỹ thuật xe tăng thiết giáp cũng không tốt.

Đáng ngại nhất là tình hình tập đoàn quân xe tăng cận vệ 6. Kế hoạch vận chuyển bộ đội và khí tài của tập đoàn quân bằng đường sắt ngày càng bị phá vỡ. Tập đoàn quân không có ô tô vận tải, vì ô tô còn ở vị trí bố trí cũ của tập đoàn quân. Ô tô của các đơn vị trong biên chế tập đoàn quân bổ sung tới chưa đủ, mới có 2.274 chiếc, cộng với số ô tô của hai sư đoàn bộ binh cơ giới phối thuộc mới lên tới 3.000 chiếc.

Những cuộc trao đổi ý kiến và họp bàn chiếm mất hết ngày 5 tháng Bảy. Còn những ngày tiếp theo, A. M. Va-xi-lép-xki và R. I-a. Ma-li-nốp-xki, có hôm đi riêng, có hôm cùng đi với nhau, đến những hướng chiến dịch chủ

yếu của phương diện quân Da-bai-can, tiến hành trình sát thực địa thật kỹ càng với các tư lệnh tập đoàn quân và đích thân đi kiểm tra các đơn vị bộ đội. Trong quá trình làm việc ngoài thực địa, đã nảy ra nhiều dự kiến quyết định trước cho những thắng lợi rục rờ của các chiến dịch tiến công sau đó của phương diện quân.

Tư lệnh phương diện quân đã bổ sung và hoàn chỉnh thêm kế hoạch tác chiến vạch ra lúc ban đầu.

Đồng chí thấy có thể giao cho tập đoàn quân xe tăng cận vệ 6 nhiệm vụ không phải đến ngày thứ mười của chiến dịch mới tiến công vượt Đại Hưng An như Bộ tổng tham mưu đã dự kiến, mà có thể vượt ngay trước ngày thứ năm của chiến dịch. Tốc độ tiến công như thế, trong điều kiện địa hình núi non hiểm trở, thoát nhìn có thể cho là không ổn, nhưng trong thực tế thì các đơn vị không những có thể khắc phục được khó khăn, mà còn vượt mức nữa là khác.

Thời hạn quy định trước đây cho hai tập đoàn quân binh chủng hợp thành tiến vào đồng bằng Mãn Châu cũng rút ngắn hẳn lại. Ví như, tập đoàn quân 36 tiến công bên sườn trái phương diện quân, theo kế hoạch lúc đầu là đến ngày thứ mười hai của chiến dịch, phải chiếm lĩnh khu vực Hải Lạc Nhĩ; bây giờ tư lệnh phương diện quân lại giao nhiệm vụ cho tập đoàn quân là đến ngày thứ mười của chiến dịch đã phải hoàn thành nhiệm vụ trên, và tiến công xa nữa theo hướng Trà Lan Đông, Tề-tề-cáp-nhĩ.

Tập đoàn quân 53 được lệnh phải bám sát sau xe tăng và như vậy có nghĩa là thời gian mà bộ binh vượt Đại Hưng An sẽ rút ngắn rất nhiều. Trước kia, theo quy định trong kế hoạch, bộ đội của tập đoàn quân 17 đến ngày tiến công thứ mười lăm sẽ chiếm lấy Đại Ban Sơn, còn bây giờ theo đề nghị của tư lệnh tập đoàn quân A. I. Đa-ni-lốp, thì chỉ đến ngày thứ mười. Và, trong thực tế thì những chi đội phái đi trước của tập đoàn quân 17 đã chiếm được mục tiêu quy định và đến ngày thứ năm của chiến dịch đã đánh tan kỵ binh quân địch tại đây.

Tập đoàn kỵ binh – cơ giới Mông Cổ – Liên Xô, dưới sự chỉ huy của I. A. Pli-ép, hoạt động bên sườn phải của phương diện quân, cũng đề nghị rút

ngắn thời gian tiến quân tới Can-gan và Đa Luân. Dự kiến là sẽ gặp Bát lộ quân Trung Quốc tại đây và thực tế đã diễn ra đúng như vậy.

Tất cả những đề nghị của R. I-a. Ma-li-nốp-xki bổ sung và hoàn chỉnh bản kế hoạch, sau khi đã nghiên cứu tỉ mỉ những điều kiện trên thực địa, tất nhiên là đều được Đại bản doanh đồng ý.

Hoạt động của hai phương diện quân bạn ở miền Duyên hải và ven Hắc Long Giang cũng đúng như vậy. Được sự tham gia tích cực và trực tiếp của A. M. Va-xi-lép-xki, K. A. Mê-rét-xcốp và M. A. Puốc-ca-ép, các cơ quan tham mưu, chính trị và chủ nhiệm binh chủng của các phương diện quân đã giải quyết hết mọi vấn đề, nghiên cứu kỹ lưỡng địa hình, tình hình địch và tình hình bộ đội ta, xác định rõ thời hạn trong kế hoạch, áp dụng những biện pháp cải tiến việc bảo đảm vật chất trong chiến đấu.

Trong cuộc chiến đấu sắp tới, ta phải chống lại một kẻ địch mới, xảo quyệt và nguy hiểm, trên một chiến trường rất độc đáo và phức tạp. Cần phải tinh kỹ đến mọi mặt, tuyệt đối không để mắc sai lầm và phải sử dụng thật triệt để những kinh nghiệm lớn, tích lũy trong bốn năm chiến tranh ác liệt với nước Đức phát-xít.

Lúc đầu, Bộ tổng tham mưu chưa tính đến hình thức phối hợp những hành động của các phương diện quân. Hình thức ấy vốn đã có và đã được thực nghiệm trong suốt cuộc chiến tranh: đó là vai trò của vị đại diện Đại bản doanh.

Nhưng, tình huống và nhiệm vụ mà những cơ quan chỉ huy cao cấp phải giải quyết trong những chiến dịch chống đế quốc Nhật lại khác xa với những tình huống và nhiệm vụ trong cuộc chiến tranh ở phía Tây. Chiến trường ở cách xa trung tâm đất nước, quy mô rộng và phức tạp, việc sử dụng lực lượng và phương tiện có nhiều điểm khác hẳn, tất cả những điều đó đã gây thêm nhiều khó khăn. ở phía Tây, các phương diện quân ở kề nhau thường tiến công song song, và tiếp cận với nhau. Còn ở Viễn Đông này, căn cứ vào đặc điểm tình hình của địch, các phương diện quân lại phải tổ chức tiến công từ ba hướng dồn lại, mở những mũi đột kích hợp điểm tiêu diệt quân địch,

cùng với sự tham gia tích cực của hạm đội. Muốn tổ chức và duy trì sự hiệp đồng chặt chẽ giữa các phương diện quân, yêu cầu phải có một cơ quan chỉ huy riêng có đủ quyền lực.

Việc chỉ đạo ngoài thực địa ở đây đặt ra một loạt nhiệm vụ khác hẳn trước kia. Vị đại diện Đại bản doanh có uy tín đến đâu cũng không đủ quyền hạn đối với những nhiệm vụ ấy. Nói thật đúng ra, ngay các phương diện quân cũng không thuộc quyền vị đại diện Đại bản doanh nữa.

Vị Tổng tư lệnh quân đội xô-viết ở Viễn Đông phải đứng trên một cương vị khác hẳn thế. I. V. Xta-lin đã đề cập tới vấn đề này từ hồi tháng Tư 1945, khi tuyên bố cho A. M. Va-xi-lép-xki biết lần đầu tiên ý định cử đồng chí sang Viễn Đông. A. I. An-tô-nốp và tôi cũng có mặt trong buổi trao đổi hôm ấy. Sau đó, Đảng và Chính phủ lại trao cho đồng chí Tổng tư lệnh những quyền hành rộng lớn và cử theo đồng chí những cán bộ giúp việc đáng tin cậy.

Đại bản doanh cử thượng tướng I. V. Si-kin làm ủy viên Hội đồng quân sự quân đội Viễn Đông. Như tôi được biết, I. V. Xta-lin giới thiệu đại tướng M. V. Da-kha-rốp làm tham mưu trưởng Bộ Tổng tư lệnh. Lúc đến Tri-ta, A. M. Va-xi-lép-xki trao đổi về việc ấy với M. V. Da-kha-rốp. Nhưng Da-kha-rốp có ý kiến đề nghị trên để đồng chí làm tham mưu trưởng phương diện quân Da-bai-can thì có lợi hơn. Đại bản doanh và riêng A. M. Va-xi-lép-xki có nghiên cứu ý kiến ấy và thấy là đúng, vì M. V. Da-kha-rốp đã cộng tác lâu ngày với R. I-a. Ma-li-nốp-xki. Về sau, A. M. Va-xi-lép-xki hình như có ngổ ý đề cử thượng tướng V. V. Cu-ra-xốp làm tham mưu trưởng, nhưng Cu-ra-xốp cũng đề nghị đừng đề cử đồng chí. Bây giờ mới cử thượng tướng X. P. I-va-nốp làm tham mưu trưởng Bộ tổng tư lệnh Viễn Đông.

Cơ quan tham mưu được thành lập ngay. Các tướng lĩnh và sĩ quan đi với Va-xi-lép-xki đều được điều về công tác ở đây. Ngoài ra, còn cả một tổ sĩ quan của Bộ tổng tham mưu đang công tác ở Viễn Đông, dưới sự chỉ đạo của thiếu tướng N. Ph. Men-de-lin-xép, cũng bổ sung vào cơ quan tham mưu ấy. Việc chỉ huy các Lực lượng không quân tập trung vào bàn tay đây kinh nghiệm của nguyên soái tư lệnh A. A. Nô-vi-cốp; và trong cơ quan

tham mưu của Bộ Tổng tư lệnh chỉ có một nhóm chỉ huy nhỏ do trung tướng E. M. Be-lít-xki phụ trách. Thượng tướng C. X. Na-da-rôp chỉ huy bộ đội công binh. Thượng tướng N. Đ. Pxu-rơ-xép chỉ huy bộ đội thông tin. Trực thuộc Bộ tổng tư lệnh còn có những đồng chí đại biểu có trọng trách của tất cả các cục trung ương, phụ trách bảo đảm vật chất kỹ thuật. Nhờ có những đồng chí ấy, tất cả những điều yêu cầu gửi về Mát-xcơ-va đều được giải quyết rất linh hoạt. Những đồng chí đại biểu ấy họp thành một tổ gồm 52 người, do thượng tướng V. I. Vi-nô-grát-đốp phó chủ nhiệm hậu cần các Lực lượng vũ trang, phụ trách.

Toàn bộ tiến trình những sự kiện sau này chứng minh rằng tổ chức chỉ huy như vậy là hoàn toàn đúng.

Sau khi Đức đầu hàng được ít lâu, I. V. Xta-lin có hội đàm với một nhà hoạt động chính trị nổi tiếng của Mỹ là Ha-ri Hốp-kin-xơ. Và ngay trong thời gian ấy, Bộ tổng tham mưu đã nhận được chỉ thị chuẩn bị cho cuộc hội nghị mới của những người lãnh đạo các cường quốc Đồng minh. Hội nghị đã họp trong hạ tuần tháng Bảy 1945 tại cung điện cũ của các vua Phổ ở Pốt-xđam.

Xta-lin đứng đầu đoàn đại biểu Liên Xô. Tham gia hội nghị, về phía quân đội có các đồng chí: Gh. C. Giu-cốp, N. Gh. Cu-dơ-nét-xốp, Ph. I-a. Pha-la-lê-ép, X. G. Cu-tre-rốp. Bộ tổng tham mưu có các đồng chí: A. I. An-tô-nốp, A. A. Grư-dơ-lốp, N. V. Xla-vin và M. A. Va-vi-lốp, cùng một bộ phận cơ quan phục vụ. Còn tôi phải ở lại để giải quyết công việc thường ngày của Bộ tổng tham mưu.

Hội nghị tiến hành như ta được biết, là không có Ru-dơ-ven. Ru-dơ-ven mới mất trước ngày chiến thắng nước Đức phát-xít được ít lâu. Nguyên phó tổng thống Mỹ G. Tơ-ru-man, lên thay tổng thống Mỹ, đến dự hội nghị Pốt-xđam.

Phần thứ hai của hội nghị họp không có Séc-sin. C. Át-li, lãnh tụ của Công đảng Anh thắng phiếu trong cuộc tổng tuyển cử ở Anh, đã lên thay Séc-sin.

Ở Pốt-xđam, trước hết đã xác định đường lối chung của các nước tham gia khối đồng minh chống Hít-le về vấn đề Đức. Các nước Đồng minh đã thông qua hiệp nghị quy định việc phi quân sự hóa và dân chủ hóa nước Đức, bồi thường cho những nước bị phát-xít xâm lược, xác định biên giới hợp lý giữa các quốc gia. Nhiều vấn đề khác có liên quan đến nước Đức tương lai và hòa bình ở châu Âu cũng được giải quyết.

Ngay trong ngày họp đầu tiên, Liên Xô xác nhận là phía mình đã sẵn sàng hoàn thành trách nhiệm chiến tranh với Nhật. Tướng An-tô-nốp đã thông báo tỉ mỉ những kế hoạch của Liên Xô ở Viễn Đông. Các nước Đồng minh cũng báo cáo những ý định của mình, nhưng tuyệt không nói gì đến bom nguyên tử. Mãi sau một tuần lễ làm việc, G. Tơ-ru-man, đã thỏa thuận trước với Sớc-sin, mới đặt vấn đề cho Xta-lin biết rằng Mỹ có một loại bom có sức mạnh phi thường. Việc này diễn ra trong một cuộc hội đàm riêng, không chính thức, khi những người tham gia hội nghị đang vội thu xếp rạ về, sau những phiên họp đã làm mọi người mệt mỏi. Nhưng tổng thống Mỹ không hề nói đến kế hoạch sử dụng loại bom ấy.

Sau này, A. I. An-tô-nốp nói với tôi là Xta-lin có báo cho đồng chí biết rằng Mỹ đang có một loại bom mới, sức mạnh khủng khiếp phi thường. Nhưng An-tô-nốp, và có lẽ chính cả Xta-lin nữa, qua cuộc nói chuyện trên với Tơ-ru-man, đều không rút ra được kết luận rằng đây là một thứ vũ khí mới về nguyên tắc. Dù sao, Bộ tổng tham mưu cũng không được chỉ thị gì về việc đó.

Mỹ, Anh và Trung Quốc ký kết ở Pốt-xđam bản tuyên bố chung theo hình thức tối hậu thư, yêu cầu Nhật phải đầu hàng không điều kiện. Ý nghĩa cơ bản của văn kiện ấy phù hợp với lợi ích của Liên Xô, nên trước khi bắt đầu chiến tranh với Nhật, Chính phủ chúng ta cũng tham gia ký vào bản tuyên bố với tư cách là thành viên thứ tư.

Ngày 3 tháng Tám, ngay sau khi Tổng tư lệnh tối cao ở Pốt-xđam về, nguyên soái A. M. Va-xi-lép-xki đã báo cáo tỉ mỉ về quá trình chuẩn bị tiến công. Công việc chuẩn bị đã gần xong. Ở phương diện quân Da-bai-can, các tập đoàn quân của I. I. Li-út-ni-cốp và I. M. Ma-na-ga-rốp đã tiến ra khu vực tập trung, cách biên giới Mông Cổ với Mãn Châu có 50 tới 60 ki-lô-mét. Cùng với tập đoàn quân xe tăng cận vệ 6 và những đơn vị khác của phương diện quân, các tập đoàn quân trên có thể bắt đầu tác chiến từ sáng mùng 5 tháng Tám.

Những tập đoàn đột kích khác của ta cũng đã ở trong các khu vực tập trung, hoặc ở gần ngay các nơi ấy. Trong thời gian này, các phương diện quân cũng lấy tên mới cho hợp với tình hình thực tiễn. Từ ngày 5 tháng Tám, phương diện quân Viễn Đông cũ gọi là phương diện quân Viễn Đông 2, còn tập đoàn miền Duyên hải thì gọi là phương diện quân Viễn Đông 1. Lúc bắt đầu tiến công quân Nhật, chúng ta có tất cả một triệu rưỡi quân đã sẵn sàng chiến đấu, hơn 29 nghìn khẩu pháo và súng cối, hơn 5.200 xe tăng và pháo tự hành, gần 5.200 máy bay chiến đấu.

Theo kế hoạch, đến ngày 5 hay 7 tháng Tám, hạm đội Thái Bình Dương phải hoàn toàn sẵn sàng chiến đấu.

A. M. Va-xi-lép-xki chủ trương là không nên để quá ngày 9 hay 10 tháng Tám mới vượt qua biên giới. Cần phải lợi dụng thời tiết thuận tiện trong những ngày sắp đến ở Da-bai-can, thời tiết ấy cho phép ta có thể sử dụng triệt để máy bay và xe tăng. Còn ở miền Duyên hải, tuy mưa vẫn kéo dài, nhưng đường sá và những sân bay xây rất tốt của các Lực lượng không quân, vẫn không hỏng. Riêng số sân bay của hạm đội có kém hơn và bị thấm nước. Nhưng, từ ngày 6 đến 10 tháng Tám, ở miền Duyên hải thời tiết có thể khá hơn.

Nếu còn hoãn lại ngày bắt đầu chiến tranh, thì sẽ không lợi cho ta, vì trinh sát đã phát hiện được một số dấu hiệu cho biết quân Nhật đang điều động, tổ chức lại ở Mãn Châu và Triều Tiên. Trong vòng tháng Bảy, số sư đoàn địch ở đây từ 19 đã lên tới 23, còn máy bay chiến đấu thì từ 450 lên đến 850 chiếc. Hơn nữa là bộ binh, chủ yếu trên những hướng miền Duyên hải và Hồ

Luân, đều được tăng cường. Những sự kiện trên cũng đáng ngại, vì có thể chứng minh rằng quân địch đã phát hiện ra những ý định của ta và chuẩn bị phá vỡ những ý định ấy.

Tổng tư lệnh quân đội xô-viết ở Viễn Đông cho rằng các phương diện quân Viễn Đông 1 và 2 phải bắt đầu tác chiến cùng một ngày, một giờ với phương diện quân Da-bai-can, có như vậy mới hoàn toàn bảo đảm được yếu tố bất ngờ

Tuy vậy, cũng chỉ mới triển khai hành động đồng loạt của những chi đội mạnh phái đi trước, chuyên dùng để đánh chiến những mục tiêu phòng ngự quan trọng nhất của quân Nhật. Còn lực lượng chủ yếu của các phương diện quân thì chưa nghĩ đến việc triển khai đồng loạt. A. M. Va-xi-lép-xki đề nghị rằng chiến dịch chủ yếu của phương diện quân Viễn đông 1 và do đó những lực lượng chủ yếu của phương diện quân “tùy thuộc vào quá trình phát triển chiến dịch của phương diện quân Da-bai-can và sẽ bắt đầu sau chiến dịch của phương diện quân Da-bai-can chừng 5 tới 7 ngày”.

Tổng tư lệnh còn đề nghị đô đốc N. Gh. Cu-dơ-nét-xốp, bộ trưởng Bộ hải quân, tới Viễn Đông gấp để phối hợp hành động của các lực lượng hải quân với lục quân; quy định trước việc tiếp tục tăng cường cho các phương diện quân về người và kỹ thuật, nhất là xe tăng.

Những ý kiến của A. M. Va-xi-lép-xki nhằm xúc tiến gấp mọi việc để có thể bắt đầu chiến tranh sớm, trước kế hoạch một hay hai ngày, và cả trình tự bước vào tác chiến của phương diện quân Viễn Đông 1 cũng đã duyệt, Bộ tổng tham mưu chú ý nghiên cứu, tính toán kiểm tra lại. Dựa vào những sự tính toán trên, Đại bản doanh đã đối chiếu những dự kiến phát triển các sự kiện theo cả hai phương án. Kết quả là đề nghị của A. M. Va-xi-lép-xki, bắt đầu chiến tranh ngày 9 hay 10 tháng Tám, được thông qua. Nhưng Đại bản doanh không tán thành phương án của đồng chí chuyển bộ đội của phương diện quân Viễn Đông 1 sang tiến công chậm lại sau ít ngày. Chúng ta cho rằng những chi đội phái đi trước, dù mạnh đến thế nào cùng khó có thể chiến đấu đơn độc trong suốt 5 hay 7 ngày liền. Vì vậy cần phải nhanh chóng đưa chủ lực vào ngay để phát huy thắng lợi của những chi đội phái đi trước

Quyết tâm của Đại bản doanh được truyền đạt ngay cho A. M. Va-xi-lép-xki. Và đến ngày 7 tháng Tám, lúc 16 giờ 30 phút, Tổng tư lệnh tối cao mới ký chỉ thị. Bản chỉ thị xác nhận những nhiệm vụ đã giao trước đây cho các phương diện quân. Dự kiến là không quân sẽ bắt đầu hoạt động trên cả mặt trận từ sáng ngày 9 tháng Tám. Sáng hôm ấy, bộ binh của các phương diện quân Da-bai-can và Viễn Đông I phải vượt qua biên giới. Phương diện quân Viễn Đông 2 sẽ hành động theo chỉ thị của nguyên soái A. M. Va-xi-lép-xki.

Hạm đội Thái Bình Dương được lệnh sẵn sàng chiến đấu số 1. Các tàu ngầm bắt đầu hành động đồng thời với không quân từ sáng ngày 9 tháng Tám.

Mỗi lần nhớ lại cái việc đặc biệt sau đây, tôi tựa hồ nhớ lại một cơn ác mộng.

Còn độ mấy ngày nữa là bắt đầu chiến tranh, đúng vào ngày 3 tháng Tám, trong số văn kiện gửi cho tôi buổi sáng thấy có một lá thư ngắn do tòa soạn báo “Sao đỏ” gửi tới. Lá thư này gửi về tòa báo theo đường dây bưu điện, trông bên ngoài chẳng có gì đáng chú ý hơn hàng trăm bức thư khác. Nhưng những dòng chữ đầu tiên viết trong thư làm tôi hết sức kinh ngạc. Té ra là trong lúc các mặt công tác chuẩn bị chiến tranh với Nhật đã tiến hành xong, kế hoạch và thời hạn tiến công đã ổn định, nguyên soái Va-xi-lép-xki và các tư lệnh phương diện quân đang ngày đêm điều động các đơn vị bộ đội tới những tuyến xuất phát, thì những tin tức về các sự kiện ấy đáng lẽ phải giữ gìn tuyệt đối bí mật, lại có thể đang hoặc đã thành ra tài sản của bọn địch.

Đồng chí Pê-tơ-rốp, người phóng viên không quen biết chúng tôi, đã báo cho biết như vậy:..

“Một hoàn cảnh đặc biệt buộc tôi, một người già, phải viết cho các đồng chí bức thư này. Trong những ngày cuối tháng Bảy, trước một số người lạ mặt ở một nơi công cộng, chừng hơn 20 người, một sĩ quan Hồng quân, quân hàm trung tá vô cùng ba hoa, đã tiết lộ bí mật của quân đội và nhà nước. Họ của đồng chí ấy là Pô-lúp hay Gô-lúp gì đó, còn tên là Ni-cô-lai I-va-nô-vích. Hình như hiện nay ta đang tăng cường chuẩn bị chiến tranh với Nhật, và đã phái một tổ sĩ quan của Bộ tổng tham mưu, do nguyên soái Va-

xi-lép-xki đứng đầu để chỉ đạo những chiến dịch chống quân Nhật ở Viễn Đông.”

Tiếp theo, tác giả bức thư đề nghị phải khiển trách con người ba hoa này: “đồng chí ấy phải hiểu rằng lợi ích của nhà nước chúng ta đối với chúng tôi, những con người bình thường, còn quý hơn sự phong lưu riêng của con người trẻ tuổi ấy. Kính thư. Pê-tơ-rốp”.

Thế là bắt đầu cho đi truy tìm. Cái con người mà Pê-tơ-rốp cho biết trong thư, tìm ra cũng nhanh thôi. Đồng chí này là người được chọn đến công tác trong cơ quan của A. M. Va-xi-lép-xki. Chúng tôi còn xác nhận thêm được là đồng chí sĩ quan này còn ba hoa nhiều chuyện về cả cấp trên của mình, một cán bộ cấp tướng, có quan hệ trực tiếp với Tổng tư lệnh quân đội Viễn Đông, và về một số biện pháp của Tổng tư lệnh tối cao Liên Xô nhằm chuẩn bị chiến tranh với Nhật.

Tất nhiên là chúng tôi không để đồng chí đó tiếp tục công tác trong cơ quan của Bộ Tổng tư lệnh, và cả trong bất kỳ cơ quan tham mưu nào khác nữa. Đồng chí ấy đã bị sa thải. Chúng tôi không báo cáo cho Xta-lin biết việc này.

Bức thư làm chúng tôi nửa buồn nửa vui, vì một mặt nó nói lên những thiếu sót trong công tác cán bộ của chúng tôi, nhưng mặt khác lại chứng minh rằng, có hàng triệu người xô viết yêu nước đang theo dõi bảo vệ những bí mật quân sự. May thay, những tin tức do anh chàng ba hoa kia tiết lộ, có lẽ không đi xa quá phạm vi nhóm người mà Pê-tơ-rốp viết trong thư, ít ra là chúng cũng chưa rơi vào tay địch.

Giờ bắt đầu chiến tranh đang nhích đến gần, mối lo về việc Nhật tăng quân ở Mãn Châu vẫn chưa dứt. Nhưng trinh sát báo cáo: không thấy có gì đáng lo ngại cả, và thế là có thể hy vọng rằng quân địch chưa thể nào giành quyền chủ động hành động với chúng ta.

Đúng lúc ấy đã diễn ra một hành động man rợ của Mỹ, bất chấp cả lương tri và sự cần thiết của chiến tranh: ngày 6 tháng Tám, chúng đã cho nổ trái bom nguyên tử đầu tiên ở Hi-rô-si-ma, và ngày 9 tháng Tám, trái bom

nguyên tử thứ hai đã thiêu sạch Na-ga-xa-ki. Tấn thảm kịch của hai thành phố trên không sao tả xiết được.

Những trái bom nguyên tử ném xuống đây không thể ảnh hưởng gì tới khả năng tiếp tục chiến tranh của Nhật và tới những kế hoạch chiến tranh của ta.

Ngày 8 tháng Tám, chúng ta trao cho đại sứ Nhật ở Mát-xcơ-va một bản tuyên bố, có nêu rõ lý do, của Chính phủ Liên Xô nói rằng từ ngày mùng 9, Liên Xô tự xem là ở trong tình trạng chiến tranh với Nhật. Ngay lúc ấy, ở Viễn Đông tuyên bố có tình trạng chiến tranh.

Ngày 9 tháng Tám, hồi 00 giờ 10 phút, theo giờ địa phương, những chi đội phái đi trước trong phương diện quân Da-bai-can bắt đầu hoạt động. Bốn giờ rưỡi sau thì những lực lượng chủ yếu bước vào tham chiến và hầu như không gặp sức kháng cự nào trên đường tiến quân.

Những đơn vị của phương diện quân Viễn Đông 1 vượt qua biên giới quốc gia lúc 1 giờ đêm. Trong dải của tập đoàn quân 35 hoạt động bên cánh phải, có tập kích pháo 15 phút trước khi tiến công. Còn trên hướng chủ yếu, tập đoàn quân Cờ đỏ 1 và tập đoàn quân 5 bắt đầu tiến công, không có pháo bắn chuẩn bị, có thể nói là hoàn toàn lạng lã, nếu như ở miền Duyên hải không nổi cơn dông.

Đột kích bất ngờ, đến cuối ngày thì các đơn vị bộ đội của phương diện quân Viễn Đông 1 đã thọc sâu vào lãnh thổ địch đến 10 ki-lô-mét, thậm chí có nơi còn sâu hơn nữa. Trong dải của mình, tập đoàn quân 5 đã chiếm được trung tâm đề kháng Vô-lưn thuộc khu vực bố phòng biên giới. Và, tập đoàn quân 25 bên sườn trái cũng tiến quân có hiệu quả.

Hai mũi vu hồi của hai phương diện quân tiến công đồng loạt hoàn toàn có hiệu lực. Bấy giờ, quân Nhật không tài nào có thể đẩy lùi các đơn vị bộ đội ta từng bộ phận một nữa. Phòng ngự của chúng đã bị rạn nứt khắp mọi nơi. chỉ cần một vài ngày nữa là cuộc vu hồi bao vây to lớn Đạo quân Quan Đông sẽ kết thúc rất tài tình...

Phương diện quân Viễn Đông 2 cũng bắt đầu tiến công hồi 1 giờ đêm ngày 9 tháng Tám. Những hành động của phương diện quân phối hợp tuyệt

đẹp về thời gian với những phương diện quân khác. Các chi đội phải đi trước của tập đoàn quân 15 và các đơn vị biên phòng vượt qua sông A-mua có nhiệm vụ đánh chiếm những hòn đảo và những địa đoạn trên bờ sông đối diện. Các đồng chí đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Sau đó, các lực lượng chủ yếu của tập đoàn quân bắt đầu tiến công vượt sông A-mua.

Tình hình trong dải của quân đoàn độc lập 5, tiến công vượt sông Út-xu-ri, cũng phát triển tương tự như vậy.

Tàu chiến của Chi hạm đội A-mua Cờ đỏ đã tiến vào cửa sông Tùng Hoa và chiến đấu trong khu vực trúc thành của quân Nhật. Các xuồng phóng lôi trên Thái Bình Dương đã tiến hành những đợt tiến công đầu tiên vào những chiến hạm địch.

Không quân thì đột kích vào các đơn vị quân Nhật và những mục tiêu quân sự khác.

Chiến cục bắt đầu ở nơi nào cũng có kết quả.

Lúc này, Bộ tổng tham mưu tập trung chú ý tới vấn đề giữ cho tốc độ tiến công đừng giảm sút. Quyết không cho quân địch hồi tỉnh và tổ chức phòng ngự vững chắc.

Hành động của các đơn vị bộ đội ta không có gì đáng lo ngại. Ngay ngày 12 tháng Tám, những lực lượng chủ yếu của các quân đoàn cơ giới thuộc tập đoàn quân xe tăng cận vệ 6 đã vượt mạch núi Đại Hưng An và uy hiếp đồng bằng Mãn Châu. Tuyến phòng thủ thiên nhiên quan trọng nhất, mà quân Nhật có thể dựa vào để ngoan cố chống cự, đã ở hẳn phía sau ta. Các đơn vị tiếp tục tiến quân với tốc độ không thay đổi tới Trung Bộ Mãn Châu, đến “mục tiêu số 1”, hồi ấy là Thẩm Dương. Thất thủ Thẩm Dương là toàn bộ hệ thống phòng ngự của quân Nhật ở Mãn Châu bị tiêu diệt.

Tình hình ở các phương diện quân Viễn Đông cũng diễn tiến tốt. Ở miền Duyên hải, bộ binh ta nối tiếp nhau vượt qua những khu vực trúc thành của địch, đi vòng ra sau những ố đề kháng cự mạnh, để khỏi giảm tốc độ tiến công.

Chính phủ Nhật mưu toan tìm những cách giải quyết quanh co. Ngày 14 tháng Tám, khi quân đội xô-viết vượt qua những khu rừng rậm, núi non và những thảo nguyên, sa mạc, đang tiến như vũ bão xuống đồng bằng Mãn Châu thì chính phủ Nhật tuyên bố quyết định chấp nhận những điều kiện trong bản tuyên bố của hội nghị Pốt-xdam và xin đầu hàng không điều kiện trước các nước Đồng minh. Nhưng Đạo quân Quan Đông và cả những đơn vị quân khác, cùng hạm đội của chúng, vẫn không được lệnh cụ thể gì về việc đầu hàng cả. Theo tin tức từ các mặt trận báo cáo về, thì các sư đoàn quân Nhật và các đơn vị đồn trú vẫn tiếp tục chiến đấu.

Bộ tổng tham mưu báo cáo tình hình trên lên Tổng tư lệnh tối cao. Xta-lin có thái độ rất điềm tĩnh đối với vấn đề ấy đã lệnh cho chúng tôi công bố lên báo chí, giải thích tình hình thực tế ngoài các mặt trận và ra chỉ thị cho bộ đội tiếp tục những hành động chiến đấu tích cực cho đến khi quân địch phải thực sự đầu hàng không điều kiện.

Ngày 16 tháng Tám, báo chí công bố bản thông báo có chữ ký của A. I. An-tô-nốp. Tổng tham mưu trưởng Liên Xô giải thích rằng lời tuyên bố đầu hàng của Nhật hoàng chỉ là tuyên bố chung. “Chưa thấy có lệnh đình chỉ chiến sự gửi cho các lực lượng vũ trang và các lực lượng vũ trang Nhật vẫn tiếp tục chống cự như trước. Vì vậy, những lực lượng vũ trang Nhật chưa phải đã đầu hàng thực sự. Chỉ có thể công nhận cho các lực lượng vũ trang Nhật đầu hàng khi nào Nhật hoàng ra lệnh cho các lực lượng vũ trang của mình đình chỉ những hoạt động chiến đấu và hạ vũ khí, và khi nào mệnh lệnh đó thực tế được chấp hành...”

Trong thời gian ấy, cuộc tiến công của bộ đội ta vẫn phát triển theo kế hoạch. Bộ tư lệnh Đạo quân Quan Đông thấy không thể ngăn nổi cuộc tiến công, buộc phải ra lệnh ngừng những hoạt động chiến đấu.

Nhưng lần này nữa cũng không phải không có những âm mưu xảo quyệt: trong mệnh lệnh không nói một chữ nào đến việc chịu đầu hàng làm tù binh. Như tướng U. Mi-ki-ô đã chỉ ra, văn bản mệnh lệnh truyền cho binh lính như sau: “Theo lệnh của Nhật hoàng, đình chỉ những hoạt động chiến đấu”. Ngoài ra, không nói gì hơn nữa, mặc dầu binh lính và sĩ quan Nhật lâu nay

vẫn được giáo dục theo cái gọi là truyền thống quân nhân Nhật Bản, không chịu đầu hàng làm tù binh. Và, muốn tránh khỏi bị bắt làm tù binh, tất nhiên là chúng vẫn tiếp tục chống cự. Hơn nữa, ở một số khu vực trên mặt trận, có những nơi chúng còn tổ chức phản kích.

Ngày 17 tháng Tám, Tổng tư lệnh quân đội xô-viết ở Viễn Đông điện cho tư lệnh Đạo quân Quan Đông, yêu cầu dứt khoát buộc tất cả những đơn vị đồn trú của Nhật Bản phải hạ vũ khí và đầu hàng làm tù binh. Tiếp tục quanh co nữa cũng không xong, ngay ngày hôm sau, bộ chỉ huy quân Nhật đã phải ra lệnh đầu hàng và báo cho A. M. Va-xi-lép-xki biết. Nhưng sau đó, tại nhiều khu vực ở Mãn Châu, các trận chiến đấu vẫn tiếp tục, còn trên các đảo Cu-rin và Xa-kha-lin thì chiến đấu mới bắt đầu nổ ra.

Để đẩy mạnh việc buộc quân Nhật phải sớm đầu hàng thực sự và tránh việc tiếp tục đổ máu một cách không cần thiết, chúng ta đã quyết định cho đổ bộ đường không xuống những khu vực bố trí quân then chốt của địch: Cáp Nhĩ Tân, Cát Lâm, Thẩm Dương, Trường Xuân và một số thành phố khác ở Mãn Châu và Triều Tiên.

Ngày 18 tháng Tám, lúc 17 giờ, những máy bay chở đội đổ bộ đầu tiên gồm 120 người do trung tá Da-be-lin chỉ huy, cất cánh từ sân bay Khô-rôn và bay tới Cáp Nhĩ Tân. Đội đổ bộ có nhiệm vụ: chiếm sân bay và những mục tiêu quân sự quan trọng khác, bảo đảm việc gìn giữ những cầu qua sông Tùng Hoa và giữ vững những cầu ấy cho tới khi các lực lượng chủ yếu của phương diện quân Viễn Đông 1 tiếp cận đến.

Thiếu tướng G. A. Se-la-khốp, phó tham mưu trưởng phương diện quân được ủy nhiệm đặc biệt của Hội đồng quân sự phương diện quân, cùng đi với thê đội một của đội đổ bộ. Đồng chí nhận trách nhiệm trao cho bộ chỉ huy quân Nhật ở Cáp Nhĩ Tân bức tối hậu thư buộc phải đầu hàng và ra những điều kiện buộc chúng phải theo. Ta không có những tin tức chính xác về tình hình trong thành phần và lãnh sự quán Liên Xô hiện đang còn ở trong ấy. Chỉ biết rằng những lực lượng chủ yếu của phương diện quân 1 thuộc Đạo quân Quan Đông, quân số rất đông, đã bị thất bại ở Mẫu Đơn Giang và tạt sang Cáp Nhĩ Tân.

Đội đổ bộ của Liên Xô đến 19 giờ thì hạ cánh xuống sân bay Cáp Nhĩ Tân, và đã nhanh chóng chiếm toàn bộ khu vực sân bay. Lát sau, tướng Kh. Ha-ta, tham mưu trưởng đạo quân Quan Đông, có một số sĩ quan hộ tống, cũng tới đây. Ha-ta báo cáo với thiếu tướng đặc mệnh rằng, các đơn vị quân Nhật ở vùng Cáp Nhĩ Tân đã rối loạn và bộ tham mưu hầu như không chỉ huy được nữa. G. A. Sê-la-khốp yêu cầu quân Nhật phải đầu hàng không điều kiện, và trao cho Ha-ta bức tối hậu thư sau đây:

“1. Để tránh đổ máu vô ích, Bộ tư lệnh quân đội Liên Xô yêu cầu đình chỉ ngay việc chống cự và bắt tay vào việc tổ chức đầu hàng, vì vậy hai tiếng đồng hồ sau phải đệ trình những số liệu về biên chế chiến đấu và quân số của các đơn vị quân đội khu vực Cáp Nhĩ Tân;

2. Các tướng lĩnh và sĩ quan Đạo quân Quan Đông, nếu tình nguyện đầu hàng thì trước khi Bộ tư lệnh Liên Xô có chỉ thị đặc biệt riêng, đều được phép mang bên mình vũ khí lạnh và ở lại những nơi đang ở của mình;

3. Bộ chỉ huy Nhật chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc bảo vệ và tổ chức giao nộp các trang bị, đạn dược, kho tàng, căn cứ và tài sản quân sự khác trước khi các đơn vị bộ đội Liên Xô đến;

4. Trước khi bộ đội Liên Xô đến, việc giữ gìn trật tự cần thiết trong thành phố Cáp Nhĩ Tân và những vùng ngoại ô giao cho các đơn vị quân Nhật. Vì vậy, cho phép một bộ phận những phân đội được vũ trang do sĩ quan Nhật chỉ huy, làm nhiệm vụ trên;

5. Những mục tiêu quan trọng nhất ở Cáp Nhĩ Tân và ở các vùng ngoại ô, như: sân bay, những cầu trên sông Tùng Hoa, đầu mối đường sắt, điện báo, cơ quan bưu điện, ngân hàng và những mục tiêu quan trọng khác, các phân đội đổ bộ sẽ chiếm lĩnh ngay;

6. Để thông nhất những vấn đề có liên quan tới việc đầu hàng và tước vũ khí toàn bộ Đạo quân Quan Đông trên lãnh thổ Mãn Châu, tôi đề nghị trung tướng Ha-ta – tham mưu trưởng Đạo quân Quan Đông, Mi-i-ắc-ca-va – lãnh sự Nhật ở Cáp Nhĩ Tân, và những nhân vật khác tùy theo Bộ chỉ huy Nhật xét thấy cần thiết, đúng 7 giờ ngày 19 tháng Tám phải đáp máy bay của đội đổ bộ Liên Xô tới sở chỉ huy của tư lệnh phương diện quân Viễn Đông 1”.

Ha-ta xin ba tiếng đồng hồ “để chuẩn bị những tài liệu cần thiết”. Đề nghị ấy được chấp nhận. Hồi 23 giờ U. Mi-ki-ô, tư lệnh tập đoàn quân 4 của Nhật gửi tới bản mệnh lệnh xin đầu hàng của tất cả các đơn vị quân Nhật ở Mãn Châu, danh sách các tướng lĩnh và quân số, biên chế trong khu vực thành phố Cáp Nhĩ Tân. Bảy giờ, C. A. Sê-la-khốp đã ở trong ngôi nhà của lãnh sự quán Liên Xô. Lãnh sự G. I. Páp-lư-tsép của ta cũng có mặt ở đây. Còn các chiến sĩ đổ bộ đã chiếm lĩnh tất cả các cầu và những mục tiêu quan trọng khác trong thành phố.

Ngày 19 tháng Tám, Ha-ta, Mi-i-ắc-ca-va và các tướng lĩnh, sĩ quan Nhật đi cùng, đã tới sở chỉ huy của K. A. Mê-rét-xcốp. A. M. Va-xi-lép-xki, Tổng tư lệnh quân đội Liên Xô ở Viễn Đông, cũng tới đây. Đồng chí đích thân quy định cho bọn Nhật cách thức đầu hàng của Đạo quân Quan Đông. Việc đầu hàng làm tù binh và tước vũ khí của tất cả các đơn vị phải kết thúc xong trước 12 giờ ngày 20 tháng Tám.

Trong lúc đang tiến hành những cuộc trao đổi trên thì các đội đổ bộ đường không của Liên Xô vẫn tiếp tục đổ quân xuống một số cứ điểm quan trọng trên đất Mãn Châu.

Sáng sớm ngày 19 tháng Tám, đại tá đặc mệnh I. T. Ác-tê-men-cô từ phương diện quân Da-bai-can bay thẳng tới Trường Xuân nơi bố trí bộ tham mưu của đạo quân Quan Đông. Đồng chí có nhiệm vụ tiếp nhận sự đầu hàng của các đơn vị đồn trú ở Trường Xuân và tất cả những đơn vị quân Nhật đang đóng ở những vùng ngoại ô thành phố. Đi cùng với đại tá có 4 sĩ quan và 6 chiến sĩ, không kể 5 chiếc máy bay tiêm kích theo hộ tống.

Các máy bay Liên Xô xuất hiện bất ngờ trên sân bay trung tâm ở Trường Xuân, nơi đang đỗ gần 300 máy bay địch. Máy bay của ta lượn mấy vòng rồi hạ cánh, chiếm lĩnh đường bay và khống chế sân bay một lát trong tầm hỏa lực của mình. Sau khi thấy tình hình không có gì đáng ngại, Ác-tê-men-cô ra tín hiệu cho đội đổ bộ để bay tới Trường Xuân còn đồng chí thì tới trực tiếp gặp tư lệnh Đạo quân Quan Đông.

Trong phòng làm việc của I-a-ma-đa đang có cuộc họp. Đồng chí sĩ quan Liên Xô cắt ngang cuộc họp và trao cho quân Nhật Bản yêu cầu phải đầu

hàng ngay và không điều kiện. Viên tư lệnh trưởng im lặng. Đến lúc các máy bay chở quân đổ bộ và những máy bay ném bom của ta xuất hiện trên bầu trời thành phố thì y mới trở tài ăn nói. I-a-ma-đa mưu toan đặt những điều kiện trước cho mình. Nhưng I. T. Ác-tê-men-cô, theo đúng những điều đã hướng dẫn, bác bỏ thẳng những điều kiện ấy và kiên quyết yêu cầu phải đầu hàng ngay. Viên tư lệnh tự tháo kiếm ra trước tiên và trao cho đại tá đặc mệnh, nhận mình là tù binh của Quân đội Liên Xô. Tiếp theo, tất cả các tướng lĩnh khác đang ở trong phòng họp cùng làm như vậy.

Đến 11 giờ, toàn đội đổ bộ đứng đầu là thiếu tá cận vệ P. N. Áp-ra-men-cô, Anh hùng Liên Xô, đổ bộ an toàn xuống sân bay. Thành phần đội đổ bộ gồm những sĩ quan và chiến sĩ của lữ đoàn cơ giới cận vệ 30. Các chiến sĩ đổ bộ thay thế đội bảo vệ sân bay của địch, chiếm lĩnh phòng ngự vòng tròn và bắt đầu tước vũ khí các đơn vị quân Nhật và quân Mãn Châu.

Còn trong phòng làm việc của I-a-ma-đa, mọi việc cũng tuân tự diễn ra như sau: tư lệnh Đạo quân Quan Đông và thủ tướng Mãn Châu Quốc lần lượt ký biên bản đầu hàng.

Tối ngày 19 tháng Tám, lá cờ Nhật trên nóc ngôi nhà bộ tham mưu Đạo quân Quan Đông bị hạ xuống và cờ Liên Xô được treo lên. Các phân đội đổ bộ chiếm lĩnh đầu mỗi đường sắt, nhà ngân hàng, bưu điện, đài vô tuyến và điện báo. Các đơn vị quân địch rút ra khỏi thành phố. Ngôi nhà bố trí Ác-tê-men-cô cùng ban tham mưu được vội vã thành lập do một trung đội võ sĩ đạo đặc biệt bảo vệ. Nhưng đứng gác ở cửa ra vào không phải là một người lính, mà là một cậu bé còn rất trẻ, cháu trai của I-a-ma-đa. Theo tục lệ cổ của Nhật Bản, những người thân cận nhất của chủ nhà thường giữ gìn sự yên tĩnh cho khách; người cháu trai của viên tư lệnh đứng gác là bằng chứng và là sự bảo đảm cho an ninh của các đại diện xô-viết. Sáng ngày 20 tháng Tám, những chi đội phái đi trước của tập đoàn quân cận vệ 6 cùng tiến vào Trường Xuân.

Ngày 19 tháng Tám, hồi 13 giờ 15 phút, 225 người dũng cảm chọn trong tập đoàn quân xe tăng cận vệ 6 này, đổ bộ xuống Thẩm Dương. Thiếu tướng

A. Đ. Pri-tu-la, chủ nhiệm chính trị của bộ tư lệnh phương diện quân Da-bai-can cùng đi với đội đổ bộ, với tư cách là thiếu tướng đặc mệnh.

Những sự kiện diễn ra ở đây có khác ở Trường Xuân đôi chút. Đại biểu của “Hoàng đế” Mãn Châu Quốc và giám binh Nhật ra đón các chiến sĩ đổ bộ. Trong lúc xem xét các ngôi nhà trong sân bay, bỗng có người phát hiện ra chính “hoàng đế” Phổ Nghi đang ở trong một ngôi nhà, ông ta tình cờ bị hãm ở đây. Các “ông chủ” Nhật Bản của đất nước này ra lệnh cho ông ta phải sang Nhật, nhưng chưa có máy bay đến chở, và Phổ Nghi cùng với đám tùy tùng đang ở sân bay, đợi chuyển bay đó, thì đúng lúc các chiến sĩ đổ bộ của ta hạ xuống.

Phổ Nghi đề nghị ngay là đừng tiết lộ ông ta cho bọn Nhật biết, sau đó chảy dòng nước mắt cá sấu khóc tình cảnh bị áp bức của nhân dân địa phương trong thời quân Nhật chiếm đóng. Sau cùng, ông ta trao cho thiếu tướng đặc mệnh của ta bức thông điệp, đoạn cuối có câu nguyên văn như sau: “Với lòng tôn kính sâu xa ngưỡng vọng tới Đại nguyên soái Liên Xô Xta-lin, tôi xin bày tỏ với Ngài lòng biết ơn chân thành và chúc Ngài sức khỏe dồi dào”.

Tình hình ở Thẩm Dương rất phức tạp. Dân số thành phố tới 1.700.000 người, trong đó có 70.000 người Nhật, chưa kể quân đội của chúng rút về đây và gần một nghìn rưỡi kiều dân Nga trắng. Trong thành phố có lãnh sự quán Đức và cả “thủ lĩnh” của những tổ chức phát-xít Đức. Có 180 xí nghiệp công nghiệp các loại, kể cả những xưởng sửa chữa máy bay và xe tăng, đang hoạt động. Chủ nhân những xí nghiệp ấy đều là Nhật và chúng đã chạy trốn hết.

Một thành phố như vậy mới có 225 chiến sĩ đổ bộ tới làm nhiệm vụ thì thật không đủ sức. Ngày hôm sau, phải cử viện binh tới. Nhưng dầu sao thì bây giờ quân số của Liên Xô đóng trong thành phố cũng chỉ có tất cả 1.000 người, mà phải tước khí giới của 50.000 quân Nhật. Không có việc gì đáng tiếc xảy ra cả, nhưng bận rộn và căng thẳng vô cùng.

Từ ngày 20 tháng Tám, bộ tư lệnh quân quản của Liên Xô đứng đầu là thiếu tướng A. I. Cốp-tun – Xtan-kê-vích, bắt đầu hoạt động ở Thẩm Dương.

Không phải là không có chuyện nực cười. Ngày hôm sau, khi các đơn vị bộ đội của ta đã chiếm lĩnh Thẩm Dương, thì thấy máy bay Mỹ xuất hiện ngay trên bầu trời trung tâm thành phố và ném truyền đơn của viên tư lệnh quân đội Mỹ ở Trung Quốc gửi tới các sĩ quan quân đội Nhật. Truyền đơn nói rằng: bộ tư lệnh quân đội Mỹ muốn liên lạc với các chiến sĩ và sĩ quan của quân đội các nước đồng minh bị Nhật bắt làm tù binh, xin cho những đại biểu của mình hạ cánh xuống sân bay Thẩm Dương; thêm nữa còn có lời nói đón rằng, những đại biểu này xuống không theo đuổi một mục đích nào khác và đề nghị là nếu dưới đất ưng thuận thì cho “rải vải trắng ra sân bay”. Các chiến sĩ của ta trải vải trắng ra và máy bay Mỹ đổ xuống. Các đại biểu xuống tới nơi đều xiết bao kinh ngạc, khi thấy ra đón họ lại là những quân nhân xô-viết.

Bên phía ta cũng xảy ra những trường hợp “đặc biệt”. Tình hình thành phố như vậy, nên không ai có thể cam đoan là bảo đảm được an toàn cho Phổ Nghi và những người tùy tùng của ông ta. Để tránh mọi việc bất ngờ có thể xảy ra: các chiến sĩ đổ bộ của chúng ta đã đút ngài Phổ Nghi vào sau những chấn song sắt để bảo vệ cho được chắc chắn. Việc đó được báo cáo lên A. M. Va-xi-lép-xki và Va-xi-lép-xki điện xuống là phải bỏ ngay cái kiểu giam giữ người như vậy và lệnh giải thích cho mọi người hiểu là cần đối xử với những nhân vật như vậy ra làm sao.

Các chiến sĩ đổ bộ đều đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chủ yếu của mình là bắt Đạo quân Quan Đông sớm phải đầu hàng. Những hành động táo bạo và chính xác của các chiến sĩ đổ bộ đã bảo vệ được những xí nghiệp công nghiệp, nhà máy điện, các công trình thông tin liên lạc, đường sắt và nhiều mục tiêu quân sự khác, giúp cho việc nhanh chóng khôi phục lại trật tự trong nhân dân, loại trừ được nhiều manh tâm phiêu lưu chính trị khác.

Khi quân Nhật ở Mãn Châu bắt đầu hạ vũ khí, Đại bản doanh liền ra ngay quyết định: những khu vực nào mà địch đã đầu hàng thì phải ngừng bắn ngay. Tuy nhiên, các tập đoàn quân và sư đoàn Liên Xô vẫn tiếp tục tiến quân tới những khu vực đã định. Những chi đội mạnh phái đi trước hoạt

động ở phía trước. Theo sau là những lực lượng chủ yếu làm nhiệm vụ tiếp nhận cho quân địch đầu hàng.

Bộ đội ta tiến vào lãnh thổ Triều Tiên. Các đội đổ bộ đường biển chiếm lĩnh những hải cảng quan trọng nhất của Triều Tiên. Các chiến sĩ xô-viết đã tới mảnh đất của cảng Lữ Thuận, là mảnh đất thiêng liêng đối với họ.

Việc đánh tan Đạo quân Quan Đông đã thành hiện thực. Riêng ở Xa-kha-lin, tại một vài nơi địch vẫn tiếp tục chống cự đến ngày 25-26 tháng Tám; còn ở quần đảo Cu-rin thì các đội đổ bộ đường biển mãi đến ngày cuối tháng Tám mới tiếp nhận xong việc quân Nhật đầu hàng.

Sau khi kết thúc những hành động chiến đấu, chúng tôi trong Bộ tổng tham mưu mới được giải đáp đầy đủ về một vấn đề mà chúng tôi vô cùng lo ngại là: chúng ta có giành được thế bất ngờ không? Sự thật lịch sử đã giải đáp câu hỏi đó và các tướng Nhật bị bắt làm tù binh đã xác nhận những sự thật lịch sử ấy. Quân địch thật không ngờ cuộc tiến công của ta lại mở ra trong tháng Tám; chúng cho rằng có mở được thì cũng phải lâu hơn nhiều. Vì vậy, công việc chuẩn bị những tuyến phòng ngự không những ở hướng Da-bai-can, hướng miền Duyên hải đều tiến hành chậm, mà cả trên tuyến Sư-pin-gay – Thẩm Dương, theo ý kiến của bọn Nhật là những nơi sẽ diễn ra những sự kiện chủ yếu, cũng làm chậm nốt. Tướng Mi-ki-ô, tư lệnh tập đoàn quân 4 của Nhật bị bắt làm tù binh, khai rằng việc thiết bị những tuyến phòng ngự phải tới tháng Mười 1945 mới có thể làm xong. Và tướng Xi-mít-du, nguyên tư lệnh tập đoàn quân 5, cũng tuyên bố là việc xây dựng những trận địa phòng ngự của chúng đang còn dở dang.

Những lời khai của phó tham mưu trưởng Đạo quân Quan cũng cùng có những điểm đặc biệt.

- Việc Liên Xô tuyên bố chiến tranh ngày 8 tháng Tám thực là hoàn toàn bất ngờ đối với bộ tư lệnh Đạo quân Quan Đông – tên thiếu tướng M. Tô-mô-ca-xu tuyên bố như vậy.

Chúng lại còn bị bất ngờ cả về quy mô, tốc độ tiến công và hướng đột kích nữa.

- Chúng tôi không ngờ cuộc tiến công của quân Nga lại nhanh đến vậy. – Xi-mít-du thú nhận. – Hơn nữa chúng tôi cũng không ngờ là quân Nga sẽ vượt qua được miền rừng rậm ấy.

Vì vậy, tất cả những gì chúng ta mong đợi và toàn bộ tổng hợp những biện pháp ta đã áp dụng, đều tỏ ra hoàn toàn đúng đắn.

Ngày 2 tháng Chín 1945, trên thiết giáp hạm “Mít-xu-ri”, chính phủ Nhật ký biên bản đầu hàng không điều kiện. Tham gia ký biên bản, về phía Liên Xô có trung tướng C. N. Đê-rê-vi-an-cô, đại diện của ta tại quân đội đồng minh ở Viễn Đông

Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc. Trong cuộc chiến tranh này, Liên Xô đảm đương trọng trách quyết định và đã hoàn thành vai trò chủ yếu trong việc tiêu diệt chủ nghĩa quân phiệt điên cuồng không những chỉ ở phương Tây mà cả ở phương Đông nữa.

15. Dành cho những người chiến thắng và các anh hùng

Đảng và nhân dân ngợi khen những người con xứng đáng. – Bàn về những phần thưởng hàng đầu và những chiến sĩ có công đầu. – Nhật lệnh chào mừng đầu tiên. – Loạt súng chào ở Mát-xcơ-va, lịch sử và sự kế tục truyền thống. – Duyệt binh Chiến thắng. – Tiệc ở Cung lớn điện Crem-li. – Vài lời về những vị chỉ huy quân sự.

Việc gì cũng có lúc phải kết thúc và tôi đã đi tới phần cuối tập hồi ký của mình viết về bốn năm chiến tranh. Tôi mong muốn được kết thúc tập hồi ký này bằng những dòng chữ nói về những con người đã lấy ngực mình ra bảo vệ Tổ quốc Xô-viết

Vì lẽ ấy mà đã có chương này, hơi khác với các chương khác đôi chút. Trong chương này, hồi ức của tác giả quyện chặt với những tư liệu giới thiệu rõ nét việc Đảng và Chính phủ đã ghi công một cách xứng đáng chiến công của các anh hùng và những người chiến thắng. Tôi lại phải tham khảo những tư liệu có nói tới Bộ tổng tham mưu và trong chừng mực nào đó, đã phản ánh một phần những công việc hàng ngày của Bộ tổng tham mưu.

Chúng tôi, trong Bộ tổng tham mưu, khi xây dựng kế hoạch các chiến dịch, theo dõi diễn biến và phân tích kết cục các chiến dịch ấy, đã tiếp xúc với đông đảo quân chúng bộ đội với khả năng chiến đấu của các tập đoàn chiến dịch lớn mà ta cần phải sử dụng tốt nhất để chiến thắng quân thù theo đúng tất cả những nguyên tắc và quy luật của chiến tranh. Dường như ở đây khó mà có thể lo nghĩ được tới từng người một. Mới nhìn, thì Bộ tổng tham mưu là một cơ quan cách xa người chiến sĩ và người chỉ huy đơn vị.

Không có gì phải tranh luận nữa, đúng là giữa các đơn vị bộ đội với Bộ tổng tham mưu có những điểm khác nhau về tình hình và đặc điểm hoạt động. Và, tất nhiên lại còn khác xa nữa. Nhưng, trong thực tế thì giữa bộ đội với Bộ tổng tham mưu lại không có gì ngăn cách.

Ở đây ta không đề cập tới vấn đề sâu xa của triết học về vai trò con người trong chiến tranh, nhưng tôi cần phải nói là chưa bao giờ chúng tôi cảm thấy thấm thía rằng mọi dự định và kế hoạch của chúng tôi, rốt cuộc phải phụ thuộc vào người chiến sĩ xô-viết, phụ thuộc vào khát vọng chiến thắng kẻ

thù của họ. Qua những dòng chữ ít ỏi trong các thông báo tác chiến và báo cáo chiến đấu ngắn gọn, cuộc sống đã nhắc nhở chúng tôi hàng ngày nhớ đến những điều ấy Những khái niệm như “gan dạ”, “dũng cảm”, “anh hùng” mà Bộ tổng tham mưu hằng cảm thụ được, như sờ thấy, như trông thấy, cả bằng mắt lẫn bằng tay.

Ngày 24 tháng Sáu 1941, Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản (b) toàn Liên bang đã quyết nghị thành lập Phòng Thông tin Liên Xô, một cơ quan thông tấn riêng về tình hình các mặt trận và tinh thần dũng cảm của bộ đội ta. Nhiều nơi gửi tài liệu đến đây và một trong những nơi đó là Cục tác chiến Bộ tổng tham mưu. Đảng giao cho chúng tôi trách nhiệm chuẩn bị tài liệu cho Phòng Thông tin Liên Xô củng cố mối liên hệ giữa chúng tôi với bộ đội thêm chặt chẽ, buộc chúng tôi phải chú ý đến con người đang xông lên chiến đấu vì Đảng và sẵn sàng xả thân vì tự do, độc lập của đất nước thân yêu của mình và của nhân dân mình.

Mặc dầu tình hình trong thời kỳ đầu của cuộc chiến tranh rất gay go, Đảng vẫn không quên thưởng công cho các anh hùng. Ngay trong những trận chiến đấu đầu tiên chống bọn phát-xít Đức xâm lược. Xô-viết tối cao Liên Xô đã tặng thưởng huân chương và huy chương cho những quân nhân có thành tích xuất sắc, và một số quân nhân lập nên những chiến công vẻ vang nhất đã được tặng thưởng danh hiệu cao quý: Anh hùng Liên Xô.

Nhưng, thủ tục khen thưởng áp dụng trong thời bình đã tỏ ra không phù hợp với thời chiến, với đặc điểm của tập thể quần chúng anh hùng. Vì vậy, Đoàn chủ tịch Xô-viết tối cao đã ra sắc lệnh ngày 18 tháng Tám 1941 sửa đổi thủ tục ấy. Hội đồng quân sự các phương diện quân, các hạm đội và các tập đoàn quân độc lập được quyền thay mặt cơ quan tối cao của chính quyền nhà nước trao huân chương và huy chương trực tiếp trong quân đội đang tác chiến, tại vị trí công tác của những quân nhân được khen thưởng.

Nhưng biện pháp này cũng vẫn còn chưa tốt vì phải mất rất nhiều thời gian chờ đợi văn kiện khen thưởng từ đơn vị đến Mát-xcơ-va và từ Mát-xcơ-va trở về đơn vị. Từ ngày 22 tháng Mười năm ấy, các hội đồng quân sự

không những chỉ được quyền trao tặng, mà còn được quyền thay mặt Đoàn chủ tịch Xô-viết tối cao Liên Xô tự xét lấy việc khen thưởng. Sau này, để khỏi sót những người xứng đáng mà chưa được khen thưởng, Đoàn chủ tịch Xô-viết tối cao lại ra sắc lệnh ngày 10 tháng Mười một 1942, trao quyền khen thưởng tới cấp quân đoàn trưởng, sư đoàn trưởng, lữ đoàn trưởng, trung đoàn trưởng, và về sau tới tư lệnh các binh chủng.

Trong năm đầu chiến tranh, có ba loại huân chương – Lê-nin, Cờ đỏ, Sao đỏ – và nhiều huy chương tặng thưởng cho bộ đội. Trong thời gian chiến tranh, nói chung đã tặng thưởng tất cả 8.800 Huân chương Lê-nin, 238.000 Huân chương Cờ đỏ và 2.811.000 Huân chương Sao đỏ.

Về sau, thấy cần phải nêu rõ chiến công của chiến sĩ và của người chỉ huy trong chiến đấu chống chính quân phát-xít Đức xâm lược, nên ngày 20 tháng Năm 1942, đã đặt ra một loại huân chương mới, Huân chương Chiến tranh giữ nước hạng nhất và hạng nhì để tặng thưởng cho sĩ quan và chiến sĩ.

Ngày 29 tháng Bảy 1942, lại đặt ra Huân chương Xu-vô-rốp (Xu-vô-rốp A. V. – danh tướng Nga (1730-1800), nổi tiếng về chiến lược, không bao giờ bại trận, thường thắng quân địch đông hơn mình nhiều. – ND.) và Huân chương Cu-tu-dốp (Cu-tu-dốp M. I. – danh tướng Nga (1745-1813), Tổng tư lệnh quân đội Nga trong cuộc Chiến tranh giữ nước chống Na-pô-lê-ông năm 1912. – ND.), cả hai huân chương đều có ba hạng: nhất, nhì và ba, và Huân chương A-lếch-xan-đrơ Nép-xki (A-lếch-xan-đrơ Nép-xki – anh hùng dân tộc Nga (1220- 1263), công tước Nốp-gô-rốt, đã chiến thắng quân Thụy Điển xâm lược (1240), quân Đức xâm lược (1242), mở đầu lịch sử quân sự vẻ vang của dân tộc Nga. – ND.). Những huân chương này chỉ tặng cho các đồng chí chỉ huy, hơn nữa Huân chương Xu-vô-rốp hạng nhất chỉ dành tặng cho “...các tư lệnh và phó tư lệnh phương diện quân và tập đoàn quân, các tham mưu trưởng, các cục trưởng và trưởng ban tác chiến, chủ nhiệm binh chủng (pháo binh, không quân, xe tăng thiết giáp và súng cối) của phương diện quân và tập đoàn quân).

Trong những năm chiến tranh, tổng số các loại huân chương đã khen thưởng như sau: Huân chương Chiến tranh giữ nước hạng nhất 324.800,

hạng nhì 951.000; Huân chương A-lếch-xan-đrơ Nép-xki 40.000; Huân chương Xu-vô-rốp hạng nhất 340, hạng nhì 2.100, hạng ba 3.000; Huân chương Cu-tu-dôp hạng nhất 570, hạng nhì 2.570, hạng ba 2.200.

Tháng Mười 1943, khi nổ ra những trận chiến đấu ác liệt giải phóng U-crai-na, đã đặt ra Huân chương Bốc-đan Khơ-men-nít-xki (Bốc-đan Khơ-men-nit-xki – anh hùng dân tộc U-crai-na, nhà chính trị và chỉ huy quân sự lỗi lạc đã lãnh đạo nhân dân U-crai-na khởi nghĩa chống phong kiến Ba Lan, giành độc lập (1648) và thống nhất với dân tộc Nga (1654). – ND.) cũng có ba hạng. Những huân chương này tặng thưởng cho các tướng lĩnh, cán bộ chỉ huy và chiến sĩ Quân đội Liên Xô, các đồng chí chỉ huy du kích và các chiến sĩ du kích. Số huân chương đã tặng thưởng như sau: hạng nhất 200, hạng nhì 1.450, hạng ba 5.400.

Ngày 3 tháng Ba 1944, Đoàn chủ tịch Xô-viết tối cao Liên Xô lại đặt ra Huân chương U-sa-cốp (U-sa-cốp Ph. Ph. – đô đốc hải quân Nga, người sáng lập chiến thuật hải quân Nga, nổi tiếng trong các trận hải chiến, đã dùng chiến hạm đánh chiếm pháo đài của quân Pháp ở Coóc-phu (1799). – ND.) và Huân chương Na-khi-môp (Na-khi-môp P. X. – đô đốc hải quân Nga đã chiến thắng một hạm đội Thổ Nhĩ Kỳ ở trận hải chiến Xi-nốp, trong cuộc Chiến tranh Chum (1853-1856) chống quân xâm lược cả ba nước Anh – Pháp – Thổ – ND.), mỗi huân chương có hai hạng, và cả những huy chương cũng mang tên hai đô đốc hải quân ấy để tặng thưởng riêng cho hải quân. Quy chế tặng thưởng như sau: các huân chương thì dành cho các đô đốc, tướng lĩnh và sĩ quan Hải quân, còn huy chương thì tặng thưởng cho hạ sĩ quan và các chiến sĩ Hải quân. Trong thời gian chiến tranh đã tặng thưởng như sau: Huân chương U-sa-nốp hạng nhất 30, hạng nhì 180; Huân chương Na-khi-môp hạng nhất 70 và hạng nhì 450. Huy chương U-sa-cốp 14.000, Huy chương Na-khi-môp 12.800.

Trong các huân chương và huy chương tặng thưởng trong cuộc Chiến tranh giữ nước vĩ đại, Huân chương Chiến sĩ vẻ vang gồm ba hạng, đặt ra ngày 8 tháng Mười một 1943, có một giá trị đặc biệt. Trong không quân, huân chương này dùng cho các chiến sĩ không quân, quân hàm thiếu úy.

Việc thưởng huân chương này tiến hành tuần tự bắt đầu từ hạng ba rồi lên các hạng trên. Hơn nữa, Huân chương Chiến sĩ vẻ vang hạng nhất phải do Đoàn chủ tịch Xô-viết tối cao Liên Xô tặng thưởng.

Có 2.200 người đã được tặng cả ba hạng huân chương này. Trong đó có ba đồng chí: I. G. Đra-tsen-cô, A. V. A-lô-sin và P. Kh. Đu-bin-đa, cả ba còn được tặng cả danh hiệu Anh hùng Liên Xô (Năm 1980 mọi người lại được biết đến tên tuổi của vị anh hùng thứ tư là N. I. Cu-dơ-nét-xốp, người đã được tặng thưởng cả ba hạng Huân chương Chiến sĩ vẻ vang. – BT.). Huân chương Chiến sĩ vẻ vang hạng nhì đã tặng cho 46.000 quân nhân, và hạng ba cho 868.000 người.

Ngày 8 tháng Mười một 1943, Đoàn chủ tịch Xô-viết tối cao Liên Xô đặt ra huân chương cao cấp cho quân đội là Huân chương “Chiến thắng”, để tặng thưởng các tướng soái đã tiến hành những chiến dịch quy mô lớn thắng lợi. Các đồng chí được tặng thưởng huân chương này là A. I. An-tô-nốp, L. A. Gô-vô-rốp, I. X. Cô-nép, R. I-a. Ma-li-nốp-xki, K. A. Mê-rét-xcốp, C. C. Rô-cô-xốp-xki, X. C. Ti-mô-sen-cô, Ph. I. Tôn-bu-khin. Được tặng thưởng hai lần Huân chương “Chiến thắng” là các đồng chí: A. M. Va-xi-lép-xki, Gh. C. Giu-cốp và I. V. Xta-lin.

Trong suốt thời kỳ chiến tranh, chủ nghĩa anh hùng đã và vẫn là nét đặc trưng của các chiến sĩ ta, nét ấy trực tiếp gắn liền với nguồn gốc chủ yếu của những chiến công: lòng yêu nước nồng nàn của con người xô-viết. Không nên trách các chiến sĩ và cán bộ chỉ huy đã đảm nhận những trận chiến đấu gay go đầu tiên chống quân phát-xít mà không được tặng thưởng. Khi rút lui từ biên giới về các chiến sĩ ta đã không tiếc sức lực và ngay cả tính mạng mình để quần nhau với địch. Tiêu diệt được những đạo quân lớn của Hít-le, họ đã chặn đứng địch và phá tan uy lực bộ máy chiến tranh của Đế chế thứ ba.

Do nhiều nguyên nhân – và trước hết là do ta không còn bụng dạ nào để nghĩ tới việc khen thưởng nữa – nên năm 1941 mới có hơn 32.700 quân nhân được tặng thưởng; năm 1942 đã gần 395.000. Năm 1943 là năm đánh dấu những thắng lợi rực rỡ của Quân đội Liên Xô, nên cũng có đặc điểm là

số người được tặng thưởng tăng vọt lên, tới 2.050.000. Năm 1944, con số này lại còn tăng hơn nữa, tới 4.300.000. Năm 1945, chiến sự diễn biến chưa đầy sáu tháng, nhưng số lần tặng thưởng vượt quá 5.470.000, trong số này có 3.530.000 lần tặng thưởng do các trung đoàn trưởng ký lệnh, nghĩa là việc khen thưởng đã tiến hành trực tiếp trên chiến trường.

Căn cứ vào số liệu ngày 1 tháng Chín 1948, thì riêng tổng số lần tặng thưởng huân chương vì có chiến công và dũng cảm trong các trận chiến đấu chống quân phát-xít Đức xâm lược và bọn đế quốc Nhật, đã vượt quá 5.300.000. Số người được tặng danh hiệu Anh hùng Liên Xô là 11.603 người, trong đó có 87 nữ. Có 98 quân nhân được tuyên dương hai lần Anh hùng; và ba lần Anh hùng thì có ba đồng chí: Gh. C. Giu-côp, I. N. Cô-de-đúp, A. I. Pô-crư-skin (A. I. Pô-crư-skin là phi công lái máy bay chiến đấu đã hoàn thành 550 nhiệm vụ chiến đấu, dự 156 trận không chiến và hạ 59 máy bay địch, hiện là thượng tướng không quân Liên Xô và tác giả cuốn hồi ký “Bầu trời chiến tranh”. – ND.).

Rất nhiều người được tặng thưởng các huy chương “Vì lòng dũng cảm” và “Có chiến công”. Huy chương thứ nhất đã tặng thưởng 4.230.000 lần và thứ hai 3.320.000 lần.

Hầu như không một ai bị bỏ quên. Theo chỉ thị của Đại bản doanh, Bộ dân ủy quốc phòng đã nghiên cứu tỉ mỉ và ra những mệnh lệnh đặc biệt, công bố tổ chức khen thưởng những đồng chí có công tiêu diệt máy bay và xe tăng địch, cứu thương binh và mang được vũ khí ra khỏi trận địa, có thành tích vượt sông. Đối với những người có thành tích thật xuất sắc khi vượt những sông hồ rộng, thì Đại bản doanh đề nghị tuyên dương Anh hùng Liên Xô, và tặng những huân chương khen thưởng chiến công, kể cả Huân chương Xu-vô-rốp và Huân chương Cu-tu-dốp.

Nhưng sau khi ngừng bắn, lại phát hiện ra là có nhiều người lao động bình thường đã phục vụ trong chiến tranh nhưng chưa được đền bù thích đáng, nên trong năm 1946 đã khen thưởng 240 000 người có công trong thời kỳ chiến tranh, năm 1947 – 408.000 người, năm 1948 – 4.000 người nữa; và việc khen thưởng còn tiếp tục cho đến ngày nay, cụ thể là đợt khen thưởng

nhân dịp kỷ niệm 20 năm ngày kết thúc thắng lợi cuộc Chiến tranh giữ nước vĩ đại. Những chiến sĩ đã từng đổ máu trong chiến đấu đều được đặc biệt tôn trọng; trong những năm sau chiến tranh đã khen thưởng như vậy hơn 840.000 người.

Trong năm 1942 đã đặt ra những Huy chương “Phòng thủ Lê-nin-grát”, “Phòng thủ Ô-đét-xa”, “Phòng thủ Xê-va-xtô-pôn”, “Phòng thủ Xta-lin-grát”. Năm 1944 lại bổ sung thêm ba thứ huy chương nữa là “Phòng thủ Mát-xcơ-va”, “Phòng thủ Cáp-ca-dơ” và “Phòng thủ Da-pô-li-a-riê xô-viết” và cuối cùng, sau chiến tranh khá lâu, ngày 21 tháng sáu 1961, lại đặt ra thêm Huy chương “Phòng thủ Ki-ép”.

Được tặng thưởng các huy chương trên là những đồng chí đã tham gia phòng thủ Lê-nin-grát gồm hơn 930.000 người, Mát-xcơ-va – 477.000, Ô-đét-xa – gần 25.000, Xê-va-xtô-pôn – hơn 39.000, Xta-lin-grát – 707.000, Ki-ép – 62.000. Cáp-ca-dơ – 580.000, Da-pô-li-a-riê – hơn 307.000. Ngoài ra, hơn 6.716.000 người được tặng thưởng những Huy chương “Chiếm Bu-đa-pét”, “Chiếm Cơ-ních-xbe”, “Chiếm Viên”, “Chiếm Béc-lin”, “Giải phóng Bê-ô-grát”, “Giải phóng Vác-sa-va” và “Giải phóng Pra-ha”.

Những huy chương đặc biệt cũng được đặt ra để kỷ niệm ngày toàn thắng nước Đức phát-xít và nước Nhật quân phiệt. Huy chương “Chiến thắng Đức trong Chiến tranh giữ nước vĩ đại 1941-1945” đã tặng thưởng cho khoảng 13.666.000 người và Huy chương “Chiến thắng Nhật” tặng cho 1.725.000 người.

Cuối cùng, hơn 127.000 nam, nữ du kích có thành tích thật xuất sắc và cả những đồng chí tổ chức và lãnh đạo phong trào du kích, đã được tặng thưởng những huy chương đặc biệt “Tặng người du kích trong cuộc Chiến tranh giữ nước” hạng nhất và hạng nhì.

Nói chung, số người tham gia cuộc Chiến tranh giữ nước vĩ đại được khen thưởng đã vượt quá 35.234.000 người.

Từ năm 1943, bắt đầu tặng thưởng huân chương cho cả những binh đoàn và binh đội đang tác chiến và cho Hải quân. Trong thời gian chiến tranh, đã

tặng thưởng tất cả hơn 10.900 huân chương như thế, trong số đó có hơn 200 Huân chương Lê-nin, 3.270 Huân chương Cờ đỏ, 3 Huân chương Xu-vô-rốp hạng nhất, 8 Huân chương U-sa-côp hạng nhất, 3 Huân chương Cu-tu-dốp hạng nhất, 10 Huân chương Bốc-đan Khơ-men-nít-xki hạng nhất, 5 Huân chương Na-khi-mốp hạng nhất, 676 Huân chương Xu-vô-rốp hạng nhì, 13 Huân chương U-sa-côp hạng nhì, hơn 530 Huân chương Cu-tu-dốp hạng nhì, 850 Huân chương Bốc-đan Khơ-men-nít-xki hạng nhì, 2 Huân chương Na-khi-mốp hạng nhì, 849 Huân chương Xu-vô-rốp hạng ba, 1.060 Huân chương Cu-tu-dốp hạng ba, 216 Huân chương Bốc-đan Khơ-men-nít-xki hạng ba, hơn 1.480 Huân chương A-lêch-xan-đrơ Nép-xki, 7 Huân chương Chiến tranh giữ nước hạng nhất, hơn 1.740 Huy chương Sao đỏ.

Lại còn có những biện pháp khác nhằm động viên bộ đội tác chiến thắng lợi, do khôn khéo biết tìm cách đánh.

Ngay trong năm 1941, trong điều kiện quân ta đang rút lui và gặp rất nhiều khó khăn, đã nổi bật bốn sư đoàn bộ binh 100, 127, 153 và 161. Các sư đoàn này, hành động trên hướng chiến lược chủ yếu, đã nhiều lần tổ chức phản kích quyết liệt vào quân địch đang diên đại vọt tới Mát-xcơ-va. Vì lập nhiều công trạng trong chiến đấu, có tổ chức và kỷ luật biết bố trí đội hình rất mẫu mực, nên các sư đoàn này được bộ trưởng Bộ dân ủy quốc phòng ra mệnh lệnh ngày 18 tháng Chín tặng thưởng danh hiệu cận vệ. Từ ấy, các sư đoàn bộ binh 100, 127, 153 và 161 được mang tên là những sư đoàn bộ binh cận vệ 1, 2, 3 và 4.

Những đơn vị cận vệ xô-viết ra đời như thế đó.

Một chế độ đặc biệt được quy định cho các đơn vị cận vệ: toàn thể sĩ quan, cán bộ chỉ huy của đơn vị được trả lương gấp rưỡi, còn chiến sĩ thì gấp đôi. Các chiến sĩ cận vệ được đeo huy hiệu riêng trên ngực, còn các binh đội và binh đoàn thì có cờ cận vệ riêng.

Sau này, ngày 16 tháng Tư 1943, Đại bản doanh lại quy định chế độ sử dụng các đơn vị cận vệ. Các sư đoàn cận vệ dày kinh nghiệm hơn và trung kiên hơn các sư đoàn khác nên được sử dụng để giải quyết những nhiệm vụ quan trọng nhất trong các chiến dịch tiến công, còn trong chiến đấu phòng

ngự thì để phản kích vào quân địch. Như vậy thật là hợp lý về mọi mặt, mà chủ yếu là đã củng cố hơn nữa uy tín cho danh hiệu cận vệ, mặc dù cho đến ngày đó, danh hiệu ấy vẫn tượng trưng cho lòng dũng cảm của chiến sĩ và là vinh dự cao quý của bộ đội.

Đến năm 1943, lại có thêm một hình thức khen thưởng mới nữa cho những binh đội, binh đoàn và liên binh đoàn lớn có thành tích xuất sắc nhất. Như mọi người đều biết, đó là năm xảy ra bước ngoặt cơ bản trong toàn bộ cuộc chiến tranh. Ngay từ đầu năm, ở những khu vực quan trọng nhất trên mặt trận Xô – Đức, quân đội Hít-le đã suy sụp. Tập đoàn xung kích của địch bị bao vây và tiêu diệt trong bãi tuyết ở Xta-lin-grát. Sau khi đánh tan quân địch ở Vô-rô-ne-giơ, Quân đội tiên Xô đã tiến tới những cửa ngõ bên ngoài của Khác-cốp và đến ngưỡng cửa khu Đôn-bát. Từ đây, bắt đầu chuỗi hàng loạt quân chiếm đóng ra khỏi đất nước Liên Xô. Để ghi lại những thắng lợi đã giành được, Đại bản doanh đề nghị Bộ tổng tham mưu chuẩn bị nhật lệnh chào mừng gửi các đơn vị bộ đội của tám phương diện quân.

Đây là bản nhật lệnh chào mừng đầu tiên của Tổng tư lệnh tối cao trong lịch sử cuộc Chiến tranh giữ nước vĩ đại, đề ngày 25 tháng Giêng 1943. Mang tính chất chào mừng chung, trong bản nhật lệnh ấy không nêu phiên hiệu các binh đoàn đã đạt được những thành tích xuất sắc, cũng như không nêu tên họ các đồng chí chỉ huy trưởng các binh đoàn, tên các đồng chí tư lệnh các tập đoàn quân, phương diện quân. Nội dung bản nhật lệnh rất gọn:

“Kết quả hai tháng tiến công của Hồng quân là đã chọc thủng được một chính diện phòng ngự rộng của quân đội phát-xít Đức, tiêu diệt 102 sư đoàn địch, bắt hơn 200.000 tù binh, thu 13.000 khẩu pháo và nhiều khí tài khác, tiến lên phía trước sâu 400 ki-lô-mét. Quân đội ta đã giành được thắng lợi to lớn. Cuộc tiến công của quân đội ta đang tiếp tục.

Tôi chúc mừng các chiến sĩ, các đồng chí chỉ huy và cán bộ chính trị của các phương diện quân Tây – Nam, Nam, Sông Đôn, Bắc Cáp-ca-dơ, Vô-rô-ne-giơ, Ca-li-nin, Vôn-khốp và Lê-nin-grát đã chiến thắng quân phát-xít Đức xâm lược và quân chư hầu của chúng: Ru-ma-ni, I-ta-li-a, Hung ở Xta-

lin-grát, ở vùng sông Đôn, ở Bắc Cáp-ca-dơ, ở Vô-rô-ne-giơ, ở khu vực Vê-li-ki-ê Lu-ki, phía Nam hồ La-đô-ga.

Tôi cảm ơn các bộ tư lệnh và bộ đội dũng cảm đã đánh tan quân đội của Hít-le ở cửa ngõ Xta-lin-grát, đã giải vây cho Lê-nin-grát, đã đuổi quân chiếm đóng Đức, giải phóng các thành phố: Can-tê-mi-rốp-ca, Bê-lô-vốt-xcơ, Mô-rô-dốp-xki, Min-lê-rô-vô, Xta-rô-ben-xcơ, Cô-ten-ni-cô-vô, Di-mốp-ni-ki, Ê-li-xta, Xan-xcơ Mô-dơ-đốc, Nan-tsích, Mi-ne-ran-nư-e Vô-dơ, Pi-a-ti-goóc-xcơ, Xta-vrô-pôn, Ác-ma-via, Va-lui-ki, Rốt-xô-sơ, Ô-xtơ-rô-gô-giơ-xcơ, Vê-li-ki-ê Lu-ki, Lít-xen-bua, Vô-rô-ne-giơ, và nhiều thành phần khác, cùng với hàng nghìn vùng dân cư trù mật”.

Kết thúc bản nhật lệnh là lời kêu gọi hoàn thành nhiệm vụ trước mắt:

“Tiến lên, tiêu diệt quân Đức chiếm đóng và đuổi chúng ra khỏi biên giới Tổ quốc ta!”

Văn kiện này được công bố trên tất cả các báo chí và phát đi nhiều lượt trên đài phát thanh.

Một tuần lễ sau, vào rạng ngày 3 tháng Hai 1943, đại diện Đại bản doanh – nguyên soái pháo binh N. N. Vô-rô-nốp – và tư lệnh phương diện quân sông Đôn – thượng tướng C. C. Rô-cô-xốp-xki – báo cáo đã thanh toán xong quân địch bị bao vây ở khu vực Xta-lin-grát. Tổng tư lệnh tối cao ra lệnh điện trả lời tức khắc cho các đồng chí đó. Bức điện được thảo ngay và sửa chữa xong, có nội dung như sau:

“Tôi chúc mừng các đồng chí và bộ đội phương diện quân Sông Đôn đã hoàn thành thắng lợi việc tiêu diệt các đơn vị quân địch bị vây ở Xta-lin-grát. Tôi cảm ơn tất cả các chiến sĩ, các đồng chí chỉ huy và cán bộ chính trị phương diện quân sông Đôn vì đã chiến đấu rất xuất sắc”.

Sáng ngày 3 tháng Hai, theo sáng kiến của Bộ tổng tham mưu, bức điện trên không phải sửa chữa thêm bớt gì, được dùng làm nhật lệnh của Tổng tư lệnh tối cao.

Thời gian trôi qua, chiến tranh vẫn tiếp tục. Ngày 5 tháng Bảy 1943, quân địch bắt đầu tiến công, mở đầu giai đoạn phòng ngự trong chiến dịch nổi

tiếng ở Cuốc-xơ. Hết ngày 23 tháng Bảy, bộ đội ta đã đánh bật quân Hít-le về những tuyến cũ và hoàn toàn khôi phục được hình thái mặt trận lúc ban đầu

Như thường lệ, trước khi báo cáo thường kỳ cho Tổng tư lệnh tối cao, quyền Tổng tham mưu trưởng A. I. An-tô-nốp có đánh giá tình huống và rút ra kết luận: nhiệm vụ phòng ngự của ta đã được hoàn thành thắng lợi, cuộc tiến công của những lực lượng chủ yếu của quân đội phát-xít Đức trên hướng Ô-ri-ôn -Cuốc-xơ đã bị phá sản hoàn toàn, cả kế hoạch toàn bộ chiến cục mùa hè của địch cũng bị chôn vùi. Nhiệm vụ mới được đặt ra là tiêu diệt tập đoàn chủ yếu của địch và phát triển tiến công theo kế hoạch mà Bộ tổng tư lệnh tối cao Liên Xô đã định.

Tất cả những vấn đề trên, Bộ tổng tham mưu đã báo cáo cho I. V. Xta-lin vào rạng ngày 24 tháng Bảy và đến sáng thì Tổng tư lệnh tối cao gọi đây nói tới Bộ tổng tham mưu và lệnh cho chúng tôi phải chuẩn bị ngay bản nhật lệnh chào mừng các đơn vị bộ đội đã đánh thắng địch trong chiến dịch Cuốc-xơ. Đây là bản nhật lệnh thứ ba thuộc loại này. Đến trưa, chúng tôi làm xong bản dự thảo gửi các tư lệnh phương diện quân Trung tâm, Vô-rô-ne-giơ và Bri-an-xơ là: đại tướng C. C. Rô-cô-xốp-xki, đ tướng N. Ph. Va-tu-tin và thượng tướng M. M. Pô-pop.

Khoảng 16 giờ, An-tô-nốp và tôi được lệnh triệu tập tới Đại bản doanh. Xta-lin rất vui. Đồng chí không nghe báo cáo tình hình của chúng tôi (vì không cần báo cáo, đồng chí cũng đã biết) mà yêu cầu chúng tôi đọc ngay bản dự thảo nhật lệnh.

Phần mở đầu văn kiện, do chúng tôi chuẩn bị, nêu rõ kết quả chiến lược quan trọng nhất mà Quân đội Liên Xô đã giành được: “Hôm qua, 23 tháng Bảy, bộ đội chúng ta đã thu nhiều thắng lợi trong chiến đấu, đã bẻ gãy hoàn toàn cuộc tiến công tháng Bảy của quân Đức từ những khu vực phía Nam Ô-ri-ôn và phía Bắc Bê-lơ-gô-rốt về hướng Cuốc-xơ”.

Sau đó, chúng tôi thông báo vắn tắt tình hình địch: “Từ sáng ngày 5 tháng Bảy, quân đội phát-xít Đức đã sử dụng nhiều lực lượng xe tăng và bộ binh, được rất nhiều máy bay chi viện, chuyển sang tiến công trên những hướng

Ô-ri-ôn – Cuốc-xcơ và Bê-lơ-gô-rôt – Cuốc-xcơ. Quân Đức đã tung những lực lượng chủ yếu của chúng tập trung ở các khu vực Ô-ri-ôn và Bê-lơ-gô-rot để tiến công bộ đội ta”.

Tổng tư lệnh tối cao không có ý kiến gì về phần mở đầu bản nhật lệnh, nên chúng tôi lại tiếp tục đọc:

“Về phía địch, tham gia tiến công có tất cả 17 sư đoàn xe tăng, 3 sư đoàn cơ giới và 18 sư đoàn bộ binh Đức.

Sau khi đã tập trung những lực lượng trên tại những địa đoạn hẹp ngoài mặt trận, bộ chỉ huy Đức dự định mở những mũi đột kích tập trung từ phía Bắc và phía Nam tiến công theo hướng chung tới Cuốc-xcơ, chọc thủng phòng ngự của ta, bao vây và tiêu diệt bộ đội ta đang bố trí tại vòng cung chỗ lồi Cuốc-xcơ,”

Sau đó chúng tôi nói rằng cuộc tiến công của quân Đức không làm cho bộ đội ta bị bất ngờ. Bộ đội ta đã sẵn sàng, không những chỉ để đánh lui cuộc tiến công của quân Đức, mà còn để giáng những đòn phản kích mạnh. Đến đây, chúng tôi dẫn ra những số liệu cụ thể:

“Quân địch mới chọc vào phòng ngự ta trên hướng Ô-ri-ôn – Cuốc-xcơ, sâu được 9 ki-lô-mét, và trên hướng Bê-lơ-gô-rôt – Cuốc-xcơ chừng 15 đến 35 ki-lô-mét, đã phải trả giá bằng những tổn thất lớn về sinh lực và khí tài. Bộ đội ta đã làm cho những sư đoàn tinh nhuệ của quân Đức bị tiêu hao và kiệt quệ trong những trận chiến đấu ác liệt; bằng những cuộc phản kích quyết liệt tiếp theo, không những đã đánh bật quân địch trở lại và khôi phục hoàn toàn hình thái mặt trận đã chiếm lĩnh trước ngày 5 tháng Bảy, mà còn chọc thủng tuyến phòng ngự địch, tiến sâu về phía Ô-ri-ôn từ 15 đến 25 ki-lô-mét”.

Chúng tôi sang phần kết luận: “Như vậy là kế hoạch tiến công mùa hè của quân Đức đã hoàn toàn phá sản”. Tổng tư lệnh tối cao cho ngừng đọc và bổ sung vào như sau: “Điều đó đã vạch trần cái thuyết cho rằng mùa hè quân Đức tiến công bao giờ cũng thắng lợi và quân đội xô-viết thì bắt buộc phải rút lui; cái thuyết ấy là hoang đường”.

- Cần phải nói như vậy chứ. – Đồng chí giải thích. – Bọn phát-xít, đứng đầu là Gơ-ben, sau mùa đông thất bại ở Mát-xcơ-va, vẫn duy trì cái thuyết hoang đường này.

Sau đó, bản nhật lệnh nêu tên những đơn vị bộ đội có thành tích xuất sắc và tên họ các tư lệnh tập đoàn quân. Đoạn cuối của bản nhật lệnh lần này, không giống như những nhật lệnh lần trước. Ở đây chúng tôi không thể không tưởng nhớ tới những đồng chí đã xả thân cho cuộc chiến thắng. Nhật lệnh kết thúc như sau:

“Tôi chúc mừng các đồng chí và bộ đội của các đồng chí đã hoàn thành thắng lợi việc đánh tan cuộc tiến công mùa hè của quân Đức. Tôi cảm ơn tất cả các chiến sĩ, các cấp chỉ huy và cán bộ chính trị trong bộ đội do các đồng chí lãnh đạo đã tác chiến thật xuất sắc.

Vinh quang muôn đời thuộc về những anh hùng đã hy sinh trên chiến trường trong cuộc đấu tranh vì tự do và vinh dự của Tổ quốc chúng ta”.

Nhật lệnh được ký ngay, rồi đài phát thanh truyền đi tức khắc. Đại bản doanh hài lòng về bản nhật lệnh ấy. Các đồng chí đề nghị chúng tôi sau này cứ viết nhật lệnh theo thể thức đó, tức là nhật lệnh gửi cho các tư lệnh phương diện quân, có nêu rõ tên họ các đồng chí tư lệnh tập đoàn quân, các đồng chí chỉ huy bộ đội có thành tích xuất sắc, trình bày vắn tắt kết quả của trận đánh. Đoạn cuối trong bản nhật lệnh nói về những anh hùng đã hy sinh thì vẫn giữ nguyên, rồi được hoàn chỉnh dần và cuối cùng thì như sau:

“Vinh quang muôn đời thuộc về những anh hùng đã hy sinh trong cuộc đấu tranh vì tự do và độc lập của Tổ quốc chúng ta! Quân Đức xâm lược phải chết!”.

Nhật lệnh ban hành trong dịp kết thúc thắng lợi toàn bộ cuộc chiến tranh có đoạn cuối này, nhưng bỏ câu “Quân Đức xâm lược phải chết”

Ngày 5 tháng Tám 1943, khi chiếm được Ô-ri-ôn và Bê-lơ-gô-rốt, Đại bản doanh nảy ra ý định mới. Khi tư lệnh các phương diện quân vừa báo cáo lên Tổng tư lệnh tối cao là đã chiếm được những thành phố trên (các tư lệnh phương diện quân bao giờ cũng muốn báo cáo trực tiếp ngay cho Tổng tư lệnh tối cao về những chiến thắng như thế), thì tướng An-tô-nốp và tôi được

lệnh triệu tập tới Đại bản doanh. Xta-lin vừa đi công tác ở phương diện quân Ca-li-nin về. Tất cả các đồng chí ủy viên còn lại trong Đại bản doanh đều được triệu tập đến họp đông đủ.

Tổng tư lệnh tối cao quay sang phía An-tô-nốp và tôi, hỏi:

- Các đồng chí đã đọc lịch sử chiến tranh chưa?

Chúng tôi bối rối, không biết trả lời như thế nào. Câu hỏi hơi lạ: sao lại hỏi chúng tôi lúc này về lịch sử!

Thế rồi Xta-lin lại nói tiếp:

- Có dịp đọc lịch sử, các đồng chí sẽ biết rằng, ngay từ thời cổ đại, mỗi khi quân đội chiến thắng thì chiêng trống các loại đều nổi lên để ăn mừng các vị thống soái và ba quân. Chúng ta ăn mừng chiến thắng càng giòn giã thì càng tốt chứ sao, mà không phải chỉ dùng có hình thức nhật lệnh chào mừng. Chúng tôi nghĩ rằng, – đồng chí vừa nói vừa hát hàm về phía các đồng chí ủy viên Đại bản doanh đang ngồi bên bàn, – nên bắn pháo chào mừng các đơn vị bộ đội có thành tích xuất sắc và các đồng chí chỉ huy các đơn vị bộ đội ấy và cũng nên tổ chức hội hoa đăng...

Thế là có quyết nghị bắn những loạt đại bác trọng thể ở Mát-xcơ-va và mỗi loạt lại kèm theo pháo hoa, để ăn mừng chiến thắng của quân đội ta; và trước tiên là tất cả các hệ thống phát thanh của toàn Liên bang xô-viết sẽ truyền đi khắp nơi bản nhật lệnh ấy của Tổng tư lệnh tối cao. Bộ tổng tham mưu chịu trách nhiệm về các việc này.

Cũng trong ngày hôm ấy, ngày 5 tháng Tám, được ban hành nhật lệnh chào mừng và bắn loạt đại bác đầu tiên chào mừng ngày giải phóng Ô-ri-ôn và Bê-lơ-gô-rôt. Đồng thời lại có lệnh tặng cho ba sư đoàn bộ binh (5, 129 và 380) danh hiệu sư đoàn Ô-ri-ôn và cho hai sư đoàn (89 và 305) danh hiệu sư đoàn Bê-lơ-gô-rôt.

Đợt bắn đại bác chào mừng đầu tiên gồm 12 loạt, có 124 khẩu đại bác tham gia. Bấy giờ, chúng tôi nghĩ rằng sau này cứ mỗi lần chiến thắng cũng sẽ lại bắn như vậy. Nhưng ngày 23 tháng Tám, khi chiếm lại Khác-cốp, thì thấy rằng không thể coi tất cả những chiến thắng đồng đều như nhau được.

Việc giải phóng Khác-cốp có ý nghĩa rất lớn, nên có đề nghị cho bắn 20 loạt đại bác, với số lượng 224 khẩu tham gia, để mừng ngày ấy. Chúng tôi cũng đã làm như vậy.

Không những nhân dân thủ đô, mà cả những đơn vị bộ đội đang tác chiến cũng rất hân hoan chờ đón những đợt bắn súng chào ấy. Có ngày, các mặt trận gọi dây nói về nhiều lần xin phép bắn chào sau mỗi lần chiếm lại được một vùng đông dân cư. Bởi vậy, cần phải tiến hành phân cấp về việc này như thế nào đây, vì rõ ràng việc giải phóng những thành phố như Ki-ép và Béc-đi-tsep, Ri-ga và Si-a-u-lai, Min-xcơ và Đu-khốp-si-na đều không thể có một ý nghĩa hoàn toàn như nhau được.

Sau này, Bộ tổng tham mưu nghiên cứu và Tổng tư lệnh tối cao đã phê chuẩn ba cấp bắn chào: cấp một có 324 khẩu pháo bắn 24 loạt, cấp hai: 224 khẩu bắn 20 loạt và cấp ba: 124 khẩu bắn 12 loạt. Mỗi lần bắn chào phải được Tổng tư lệnh tối cao cho phép. Không theo lệ ấy thì chỉ có một số trường hợp như Mát-xcơ-va bắn chào mừng những người chiến thắng nhân ngày đánh đuổi quân địch ra khỏi một số vùng đông dân cư.

Danh sách những đơn vị bộ đội và tên họ những đồng chí chỉ huy cần nêu để tuyên dương trong các nhật lệnh đều do các tư lệnh phương diện quân đề nghị gửi lên. Cục tác chiến chuẩn bị các bản nhật lệnh. Phần mở đầu của mỗi bản nói về đặc điểm hoạt động của các đơn vị, hay như ta gọi hồi đó là phần “mũ” của bản nhật lệnh, thì nội dung nhất thiết phải báo cáo với Tổng tư lệnh tối cao. Thông thường phần mở đầu ấy được báo cáo bằng điện thoại và qua điện thoại được quyết định luôn cả cấp bắn chào mừng.

Thường trung tướng A. A. Grư-dơ-lốp hoặc tôi viết phần mở đầu bản nhật lệnh, Grư-dơ-lốp rất thạo việc này. Phần ấy ít khi phải bổ sung, nếu có thêm gì thì thường là những nhận định về lịch sử; chẳng hạn, trong nhật lệnh ngày 27 tháng Giêng 1945 chào mừng việc đột phá hàng phòng ngự địch ở khu vực hồ Ma-dua, Tổng tư lệnh tối cao có thêm câu: “hệ thống phòng ngự kiên cố của quân Đức từ thời kỳ Chiến tranh thế giới thứ nhất”. Như thế để nêu bật hơn ý nghĩa của chiến thắng.

Theo quy định, đại bác bắn chào mừng cấp một – 324 khẩu, 24 loạt – chỉ dành cho những trường hợp giải phóng thủ đô các nước cộng hòa trong Liên bang, chiếm được thành phố thủ đô của các nước khác hoặc dành cho những sự kiện thật đặc biệt nào đó. Trong thời gian chiến tranh, đã bắn tất cả 23 đợt như vậy những khi tiêu diệt và đánh đuổi quân địch ra khỏi Ki-ép, Ô-đét-xa, Xê-va-xtô-pôn, Pê-tơ-rô-da-vốt-xcơ, Min-xcơ, Vin-ni-út, Ki-si-ni-ôp, Bu-ca-rét, Tan-lin, Ri-ga, Bê-ô-grát, Vác-sa-va, Bu-đa-pét, Cra-cop, Viên, Pra-ha, và cả những khi chiếm được Cơ-ních-xbe và Béc-lin. Ngoài ra, còn bắn chào mừng cấp một ngày 26 tháng Ba 1944, khi quân đội ta tiến đến biên giới phía Nam đất nước, ngày 8 tháng Tư 1944, khi tiến ra đến biên giới Tây – Nam, và vào dịp quân ta liên lạc được với quân Anh – Mỹ ở khu vực Toóc-gan-u ngày 27 tháng Tư 1945. Trong thời gian chiến tranh với đế quốc Nhật, cũng đã bắn hai đợt chào mừng cấp một: nhân dịp tiêu diệt Đạo quân Quan Đông và ngày 3 tháng Chín 1945 nhân dịp toàn thắng đế quốc Nhật.

Mát-xcơ-va bắn chào mừng cấp hai – 224 khẩu, 20 loạt – tất cả 210 lần: khi giải phóng những thành phố lớn – 150 lần, khi chọc thủng tuyến phòng ngự kiên cố mạnh của quân địch – 29 lần, khi kết thúc việc tiêu diệt những tập đoàn lớn của quân địch – 7 lần, khi tiến công vượt qua được sông lớn – 12 lần, khi đột nhập vào được những tỉnh của quân Đức, vượt qua được dãy núi Các-pát, chiếm được những hải đảo – 12 lần.

Bắn chào mừng cấp ba – 124 khẩu, 12 loạt – tất cả có 122 lần, chủ yếu khi chiếm được những đầu mối đường sắt, đường bộ lớn và cả những vùng đông dân cư có ý nghĩa chiến dịch.

Ngày toàn thắng nước Đức phát-xít, ngày 9 tháng Năm 1945, thì 1.000 khẩu đại bác bắn tất cả 30 loạt.

Có những trường hợp, hệ thống phát thanh chỉ truyền đi những bản nhật lệnh cảm ơn, không có bản súng chào mừng kèm theo; chẳng hạn, ngày 12 tháng Tám 1943, khi bốn sư đoàn chúng ta chiếm được thành phố Ca-ratsép. Và ngày 18 tháng Chín 1943, Đại bản doanh đã ký một bản nhật lệnh cảm ơn quân đoàn kỵ binh cận vệ 2 về việc đột phá vào hậu phương địch, vượt sông Đê-xna và trụ lại giữ bàn đạp đầu cầu chờ cho đến khi chủ lực tới. Khi quân ta vượt sông Đni-ép-rơ, cũng đã ban hành hai bản nhật lệnh như vậy.

Còn trường hợp như thế này nữa: ngày 6 tháng Mười một 1943, nhân dịp giải phóng Ki-ép đã có bản súng chào mừng rồi, nhưng mười ngày sau lại phát hiện ra là phương diện quân báo cáo còn sót tên của 5 trung đoàn độc lập (3 trung đoàn súng cối, 1 trung đoàn pháo nòng dài và 1 trung đoàn xe tăng) đã tham gia chiến đấu chiếm thủ đô U-crai-na. Chúng tôi báo cáo lên Tổng tư lệnh tối cao việc này và được chỉ thị ra thêm nhật lệnh bổ sung không bắn chào mừng, và 5 trung đoàn trên đều được tặng danh hiệu “trung đoàn Ki-ép”.

Trong thời gian chiến tranh với nước Đức Hít-le đã ban hành tất cả 373 nhật lệnh cảm ơn, có 20 nhật lệnh không bắn súng chào mừng.

Thông thường, súng bắn chào mừng chiến thắng của một phương diện quân nào đó. Nhưng có 27 trường hợp súng bắn chào mừng chung ba, bốn, có khi tới năm phương diện quân đã cùng nhau hiệp đồng tác chiến. Còn trong trường hợp một thành phố ở ven biển, có cả những chiến hạm cùng với những đơn vị bộ đội hiệp đồng giải phóng thì súng bắn chào luôn cả hạm đội.

Tất nhiên, việc chuẩn bị những nhật lệnh cảm ơn và tổ chức những đợt bắn đại bác chào mừng là một nhiệm vụ khiến cho chúng tôi rất phấn khởi, vì nó trực tiếp gắn với những thắng lợi của các Lực lượng vũ trang chúng ta. Trong khi lượng công tác chung của Cục tác chiến. việc đó chưa phải đã chiếm vị trí hàng đầu, nhưng cũng đòi hỏi rất nhiều thời gian và sự chú ý.

Khi chuẩn bị nhật lệnh, phải kiểm tra tỉ mỉ phiên hiệu các binh đoàn, binh đội, tên họ các đồng chí chỉ huy, không được nhầm lẫn và bỏ sót một ai. Mà

thời gian thường là “eo hẹp”, ít khi được chuẩn bị hơn hai tiếng đồng hồ. Báo cáo chiếm được những thành phố thường về vào buổi chiều, mà súng chào thì không được bắn sớm trước khi trời tối, vì như vậy sẽ mất hết tác dụng của việc bắn pháo hoa, nhưng cũng không được chậm quá 23 giờ. Có những ngày lại phải bắn súng chào hết đợt này đến đợt khác, và đúng là đã nhờ có những sĩ quan và tướng lĩnh có năng lực công tác cao, hiểu rõ tình hình, quen thuộc phiên hiệu các đơn vị và tên họ các cán bộ chỉ huy, chúng tôi mới làm trọn được nhiệm vụ trong những lúc khó khăn này.

Những bản nhật lệnh thường được nối tay nhau hoàn thành ngay trong buồng làm việc của cục trưởng Cục tác chiến, khi tôi báo cáo “phần mở đầu” cho Tổng tư lệnh tối cao, thì những đồng chí trợ lý gần gũi của tôi đã chuẩn bị xong phần văn bản còn lại.

Trước ngày 30 tháng Mười một 1944, những nhật lệnh cảm ơn chỉ gửi cho các tư lệnh phương diện quân. Sau đó có ghi thêm một người nhận thứ hai nữa là tham mưu trưởng phương diện quân. Có việc này là do sáng kiến của bên dưới. Khi chuẩn bị nhật lệnh thường lệ gửi cho bộ đội của phương diện quân U-crai-na 2, chúng tôi thường xác định rõ chi tiết với thượng tướng M. V. Da-kha-rốp. tham mưu trưởng phương diện quân. Mát-vây Va-xi-li-ê-vích Da-kha-rốp góp ý với chúng tôi là đánh giá chưa hết vai trò của các cơ quan tham mưu, vì trong nhật lệnh có ghi công lao của tất cả nhưng không có một chữ nào nói đến các cơ quan tham mưu. Chúng tôi báo cáo cho Tổng tư lệnh tối cao biết việc này. Tổng tư lệnh tối cao thông cảm với sự góp ý ấy và nói:

- Da-kha-rốp nói đúng. Vai trò của các cơ quan tham mưu rất lớn. Từ nay về sau, nhật lệnh viết cho hai người nhận: tư lệnh và tham mưu trưởng.

Và chúng tôi đã làm như thế. Nhật lệnh đầu tiên viết như vậy gửi cho phương diện quân U-crai-na 2 cùng ngày hôm ấy, 30 tháng Mười một 1944.

Việc ra những nhật lệnh cảm ơn và bắn súng chào không phải lúc nào cũng đều diễn ra thuận lợi cả, vì thường phải tranh luận xem đơn vị nào chiếm được cứ điểm này hay cứ điểm kia? Cũng đã xảy ra những trường hợp Bộ tổng tham mưu từ chối không cho bắn súng chào thì các bộ tư lệnh không hài lòng. Các đồng chí tư lệnh một số phương diện quân hoạt động

trên những địa bàn chỉ có rất ít vùng dân cư đông, đã có lần khẩn khoản đề nghị cho bắn súng chào khi đơn vị của họ chiếm được những vùng dân cư tương đối ít. Bộ tổng tham mưu không đồng ý thì các đồng chí ấy gặp thẳng Tổng tư lệnh tối cao, đôi khi Tổng tư lệnh tối cao đã thỏa mãn những đề nghị của các đồng chí ấy; chẳng hạn trường hợp giải phóng Đu-khốp-si-na. Và, cũng có trường hợp, Xta-lin từ chối không cho bắn súng chào, nhưng lại chỉ thị cho làm nhật lệnh cảm ơn.

Nhật lệnh được viết rất tỉ mỉ. Tổng tư lệnh tối cao đích thân soát lại nhật lệnh và không tha thứ một sai sót nào. Có lần, đồng chí chỉ thị là khi gặp những thành phố đã đổi tên thì nhất thiết phải ghi trong ngoặc đơn tên cũ của các thành phố ấy, ví dụ như: Tác-tu (I-u-rép, Đe-rơ-ptơ); bởi vậy chúng tôi đã phải phân công riêng cho một đồng chí chuyên làm cái việc xác định rõ tên cũ của các thành phố đã đổi tên. Sau này, khi giải phóng Ba Lan, lại còn thêm một việc làm nữa là phải ghi trong nhật lệnh những thành phố ta đã chiếm được vừa bằng tên tiếng Ba Lan, vừa bằng tên tiếng Đức.

Lúc ban đầu, tất cả những binh đội và binh đoàn được nêu tên trong nhật lệnh cảm ơn đều được mang tên thành phố đã giải phóng làm danh hiệu. Vì thế, đã xuất hiện những sư đoàn Vô-rô-ne-giơ, Cuôc-xcơ, Khác-cốp. Nhưng về sau, cuộc tiến công càng phát triển rộng thì những thành phố được giải phóng càng nhiều, thế là một vấn đề tự nó được đặt ra: có những binh đoàn và binh đội đã giải phóng đến ba bốn thành phố và nhiều hơn nữa. Như vậy phải tính sao đây? Tặng cho những binh đội, binh đoàn ấy cả bốn danh hiệu hay sao? Sau khi chúng tôi nghiên cứu, vấn đề này được Tổng tư lệnh tối cao chỉ thị đúng đắn như sau: chỉ có thể tặng danh hiệu kép, tặng hai lần mà thôi, chẳng hạn sư đoàn không quân cường kích Vô-rô-ne-giơ – Ki-ép 291, đối với những đơn vị bộ đội nhiều lần lập nên những thành tích xuất sắc, thì dùng những biện pháp khích lệ khác như tặng thưởng huân chương, hoặc tặng danh hiệu đơn vị cận vệ.

Chúng tôi đã có sự thỏa thuận về nguyên tắc với Tổng tư lệnh tối cao về mọi chi tiết của bản nhật lệnh cảm ơn. Nhưng dù sao, những khi vội cũng có lần không tránh khỏi những sai sót nhất định. Tôi còn nhớ một trường hợp.

Một hôm, trong lúc chúng tôi đang báo cáo ở Đại bản doanh thì Cô-nép gọi điện thoại tới và báo tin trực tiếp cho Xta-lin là đã giải phóng một vùng dân cư lớn nào đấy. Lúc đó vào khoảng 22 giờ nhưng Tổng tư lệnh tối cao chỉ thị cho bắn súng chào ngay trong ngày hôm ấy. Vậy là chúng tôi chỉ còn không đầy một tiếng đồng hồ để chuẩn bị mọi mặt.

Tôi viết “phần mở đầu” của bản nhật lệnh tại chỗ và được phê chuẩn. Sau đó, tôi sang phòng bên có đặt máy điện thoại, nói chuyện với Grư-dơ-lốp để xin chuyển đến ngay phiên hiệu các đơn vị và tên các đồng chí chỉ huy, rồi gọi điện cho Pu-din báo phải chuẩn bị cho phát thanh bản nhật lệnh sắp gửi đến; và cuối cùng, gọi đồng chí tư lệnh thành phố Mát-xcơ-va bàn việc tổ chức bắn súng chào.

Mang “phần mở đầu” đã viết tới cho các đồng chí đánh máy, tôi ngồi soạn nốt phần còn lại của bản nhật lệnh, sử dụng bản đồ công tác của mình và danh sách các đồng chí chỉ huy vừa điện tới chỗ tôi. Chừng nửa giờ sau, tôi cùng với Grư-dơ-lốp kiểm tra lại nội dung những số liệu trong bản nhật lệnh, rồi đem đến buồng đánh máy đánh nốt phần còn lại và gửi đến đài phát thanh. Xong xuôi đâu đấy, tôi trở về văn phòng của Tổng tư lệnh tối cao báo cáo là mọi việc đã hoàn thành và đến 23 giờ thì bắn súng chào mừng.

- Ta cùng nghe xem, – Xta-lin nói và mở chiếc loa phát thanh tròn đã cũ, trên bàn làm việc.

Đọc nhật lệnh cũng phải tính thế nào để khi đọc xong độ trên dưới 1 phút là đại bác bắt đầu bắn chào ngay. Lần ấy cũng đúng như thế. Giọng nói trịnh trọng, đặc biệt của đồng chí I-u. B. Lê-vi-tan cất lên:

- Gửi đồng chí tư lệnh phương diện quân U-crai-na 1! Bộ đội của phương diện quân U-crai-na 1...

Nghe đến đây, Xta-lin bỗng kêu lên:

- Tại sao Lê-vi-tan lại bỏ sót tên họ của Cô-nép? Đưa bản nhật lệnh cho tôi xem!

Tên họ đồng chí Cô-nép không có trong văn bản. Tôi có lỗi trong việc này, vì khi viết “phần mở đầu” tôi viết tắt cái nhan đề (gửi T.L.P.D.Q.U. 1”,

mà quên khuấy mất rằng viết đây không phải là viết cho các đồng chí đánh máy của Bộ tổng tham mưu, ở trong Bộ tổng tham mưu chúng tôi các đồng chí đánh máy đã quen với lời viết tắt của tôi và tự họ đánh lấy đầy đủ cả tên họ của người nhận nhật lệnh.

Xta-lin nổi nóng:

- Tại sao lại bỏ sót tên họ đồng chí tư lệnh? – Tổng tư lệnh tối cao hỏi, nhìn chăm chăm vào tôi. – Nhật lệnh mà không có tên họ thì còn ý nghĩa gì nữa? Đầu óc đóng chí để đi đâu vậy?

Tôi im lặng.

- Ngừng phát thanh ngay và cho đọc lại từ đầu. – Tổng tư lệnh tối cao ra lệnh.

Tôi lao ngay tới máy điện thoại, báo cho sở chỉ huy chưa được cho bắn súng chào ngay khi đọc xong. Tiếp theo đó, tôi gọi dây nói tới đài phát thanh đúng lúc Lê-vi-tan vừa đọc xong, đề nghị đồng chí đọc lại từ đầu, và nhất thiết phải đọc rõ tên họ của đồng chí Cô-nép.

Lê-vi-tan đọc lại nhật lệnh lần thứ hai gần như chỉ một hơi. Tôi lại gọi dây nói tới sở chỉ huy và ra lệnh bắn súng chào theo kế hoạch đã định, sau khi đọc xong. Tất cả những việc ấy diễn ra trước mắt Tổng tư lệnh tối cao. Đồng chí như theo dõi từng động tác, cử chỉ của tôi, và cuối cùng khi thấy tôi đã chữa xong khuyết điểm của mình, mới nói:

- Có thể ra về được.

Tôi thu dọn bản đồ trên bàn, rồi bước ra. đợi A. I. An-tô-nốp.

- Thật chẳng ra sao cả, – An-tô-nốp nói khi vừa ra khỏi văn phòng.

Vì trước tôi, đã thay đổi năm cục trưởng Cục tác chiến rồi, nên tôi biết trước là việc này rồi sẽ ra sao. Thực tình mà nói, lúc này tôi có hai tình cảm: nửa buồn mà cũng nửa vui. Không làm cục trưởng Cục tác chiến nữa, tôi rất có thể được ra mặt trận. Nhiều đồng chí chúng tôi đều mong được như thế, vì công tác ở Bộ tổng tham mưu hồi ấy tinh thần luôn luôn vô cùng căng thẳng. Và nói chung nguyện vọng được ra tiền tuyến trong lúc này cũng là nguyện vọng tự nhiên của mỗi một người công dân Xô-viết.

Các đồng chí trong Bộ tổng tham mưu và ở các phương diện quân không ai biết chuyện xảy ra quanh cái nhan đề bản nhật lệnh ấy. Chỉ có thắc mắc là tại sao nhật lệnh lại đọc hai lần. Nhưng về phần chúng tôi thì đã rút ra cho mình được một bài học. Tất cả chúng tôi được lệnh nghiêm ngặt tuyệt đối không được viết tắt trong những bản nháp; từ nhan đề cho đến nội dung phải được viết cả chữ.

Hai ngày sau tôi không đến Đại bản doanh và sáng sáng Tổng tư lệnh tối cao không gọi điện thoại cho tôi như mọi khi. Tất cả những vấn đề có liên quan với Bộ tổng tham mưu, lúc ấy Tổng tư lệnh tối cao chỉ giải quyết với An-tô-nốp.

Sang đến ngày thứ ba, khi A. I. An-tô-nốp đến báo cáo thường kỳ ở Đại bản doanh thì được tin bộ đội của phương diện quân U-crai-na 2 đã giải phóng một vùng dân cư lớn. Như thường lệ, chúng tôi vội vàng bắt tay ngay vào viết “phần mở đầu” của bản nhật lệnh cảm ơn. Tôi gọi đây nói tới Pô-xcri-ơ-bư-sép và đề nghị cho tôi báo cáo “phần mở đầu) bản nhật lệnh ấy với An-tô-nốp. Liên ngay lúc đó, An-tô-nốp gọi điện thoại cho tôi:

- Đồng chí mang bản nhật lệnh tới đây...

Mấy phút sau, tôi đã đến buồng làm việc của Tổng tư lệnh tối cao.

- Đồng chí đọc xem, – Tổng tư lệnh tối cao nói, – không quên tên họ chứ?

Tôi đọc xong và được phép cho phát thanh bản nhật lệnh. Từ đó, mọi việc lại tiến hành như cũ.

“Nhật lệnh chào mừng”, như chúng tôi vẫn gọi, càng ngày càng làm cho chúng tôi bận rộn. Chúng tôi viết những bản nhật lệnh ấy rất vội vã. Đôi khi phải đưa đến phòng phát thanh từng đoạn một. I-u. B. Lê-vi-tan đã đọc sang trang hai, thì trang ba mới đưa đến. Nhưng Lê-vi-tan và cả chúng tôi đều làm trôi chảy mọi việc. Tất cả sắp kết thúc êm đẹp, thì bỗng lại sinh ra chuyện rắc rối mới.

Chuyện xảy ra vào ngày cuối cuộc chiến tranh, khi chúng tôi bắn súng chào mừng việc chiếm được Béc-lin. Nhật lệnh viết trong dịp này không nhắc tới tên họ tướng V. V. Nô-vi-cốp. Có thể là Cơ quan tham mưu phương

diện quân không báo cáo tên của đồng chí, và cũng có thể là chúng tôi trong Bộ tổng tham mưu nhầm lẫn, nên người ta có cảm tưởng như quân đoàn xe tăng 7 không tham gia trận đánh chiếm thủ đô nước Đức. Ngày hôm sau, V. V. Nô-vi-cốp gửi điện cho Tổng tư lệnh tối cao, khiếu nại về việc này.

Tổng tư lệnh tối cao rất không vừa lòng. Đồng chí cho rằng: có lẽ Bộ tổng tham mưu còn bỏ sót tên những đồng chí chỉ huy khác nữa. Cuối cùng, chúng tôi được chỉ thị: viết cho Nô-vi-cốp một nhật lệnh riêng, gửi tới tay đồng chí ấy, nhưng không đem ra phát thanh, rồi thi hành kỷ luật những đồng chí có khuyết điểm. Ngày 4 tháng Năm, Xta-lin đã ký bản nhật lệnh ghi số 11080. Nhật lệnh viết:

“Quân đoàn xe tăng cận vệ 7 của thiếu tướng bộ đội xe tăng Nô-vi-cốp, vì nhầm lẫn nên trong nhật lệnh của Tổng tư lệnh tối cao không có tên ở danh sách những binh đoàn đã tham gia đánh chiếm Béc-lin, nay được bổ sung vào nhật lệnh và được tặng thưởng danh hiệu “Quân đoàn Béc-lin” cùng với huân chương”.

V V Nô-vi-cốp chắc hẳn vừa lòng. Nhưng, chúng tôi lại gặp điều không hay là mấy người bị thi hành kỷ luật...

Nhân dịp ngày kỷ niệm Cách mạng tháng Mười, Ngày 1 tháng Năm và Ngày Hồng quân, chúng tôi đã viết những bản nhật lệnh đặc biệt và cho phát thanh đi toàn quốc. Những bản nhật lệnh thời chiến ấy, nhất thiết đều có tóm tắt đặc điểm tình hình ngoài mặt trận, thay mặt Đảng và Chính phủ giao nhiệm vụ cho bộ đội và những người lao động ở hậu phương trong thời gian sắp tới, lại đánh giá thích đáng công lao những người anh hùng trong chiến đấu và lao động. Sau đó cũng xuất hiện những ngày kỷ niệm các binh chủng như: Ngày hội pháo binh, Ngày hội bộ đội xe tăng, v. v.. Trong những ngày hội ấy, ở Mát-xcơ-va đều có bắn súng chào, và hiện nay cả những thành phố anh hùng cũng đều có bắn súng chào như ở thủ đô Liên Xô.

Bắn súng chào và chăng đèn đã trở thành nghi thức trong những ngày hội của toàn dân chúng ta.

Ngày 8 tháng Năm 1945, ở Các-hoóc-xơ, ngoại ô Béc-lin, đã ký kết biên bản đầu hàng không điều kiện của những lực lượng vũ trang Đức. Bộ máy chiến tranh của Hít-le đã bị đánh tan. Đế chế thứ ba đã bị sụp đổ.

Tuy vậy, đêm rạng ngày 9 tháng Năm, chúng tôi vẫn ở trong tình trạng báo động. Bọn cầm đầu phát-xít sẽ thi hành những điều khoản của hàng ước, hay là sẽ có thái độ xem đó là mảnh giấy lộn như chúng vẫn xem những điều ước quốc tế khác? Nhưng đến sáng thì những mối lo ngại của chúng tôi đều tan hết. Bộ tổng tham mưu và Đại bản doanh bắt đầu nhận được báo cáo rằng ở khắp mọi nơi, quân Đức đã hạ vũ khí và nộp mình làm tù binh.

Chỉ riêng ở Tiệp Khắc là tình hình vẫn còn căng thẳng. Quân địch ở đây chưa chịu hàng, vẫn kháng cự như trước và rắp tâm thoát về phía Nam và phía Tây. Bộ đội của các phương diện quân U-crai-na 1, 4 và 2 tức tốc chuyển sang chi viện cho lực lượng khởi nghĩa ở Pra-ha, giáng những đòn mãnh liệt vào quân thù.

Hai tập đoàn quân xe tăng cận vệ 3 và 4 từ Béc-lin lao nhanh tới đây, mờ sáng đột nhập thủ đô Tiệp Khắc và cùng nhân dân Pra-ha quét sạch quân địch ra khỏi thành phố trong vòng có mấy tiếng đồng hồ. Đến trưa, bộ đội của phương diện quân U-crai-na 4 tiến vào Pra-ha. Và đến tối, thì cả bộ đội của phương diện quân U-crai-na 2 cũng tới đây. Tàn quân ít ỏi của lực lượng vũ trang Đức do thống chế Séc-nơ và tướng Ve-le chỉ huy đã kiệt lực và về mặt nào cũng cho thấy rõ là ngày tận số của chúng cũng chẳng còn xa xôi gì.

Trong khi ấy, ở Mát-xcơ-va đang tràn ngập niềm vui sướng lớn. Ngày 9 tháng Năm được công bố là Ngày Chiến thắng, ngày hội của toàn dân. Chúng tôi viết nhật lệnh bắn súng chào mừng chiến thắng từ sáng. Khác với lệ thường, lần này I-u. B. Lê-vi-tan được mời đến Đại bản doanh để phát thanh bản nhật lệnh ấy. Cũng ngay tại đây, trong điện Crem-li này, hồi 21 giờ, I. V. Xta-lin đã đọc một bài diễn văn ngắn trước nhân dân Liên Xô. Đồng chí tuyên bố là việc đầu hàng của nước Đức phát-xít đã thành hiện thực, nhưng cũng không bỏ qua việc tập đoàn của Séc-nơ và Ve-le đang ngoan cố cầm cự. Sau đấy, Tổng tư lệnh tối cao nói tiếp:

“Nhưng tôi tin rằng, Hồng quân sẽ làm cho tập đoàn ấy phải tỉnh ngộ. Bây giờ chúng ta có đủ căn cứ để có thể tuyên bố rằng: ngày lịch sử kết thúc việc tiêu diệt nước Đức quốc xã, ngày vĩ đại mà nhân dân ta chiến thắng chủ nghĩa đế quốc Đức đã đến. Những hy sinh lớn lao của chúng ta vì tự do và độc lập của Tổ quốc, vô vàn những tổn thất và đau khổ nặng nề mà nhân dân ta phải chịu đựng trong quá trình chiến tranh, bao nhiêu lao động căng thẳng ở hậu phương và tiền tuyến hiến dâng cho Tổ quốc không phải đã mất đi một cách vô ích, mà đã đem lại những thắng lợi rực rỡ cho toàn dân...”

Phải nói rằng, chế độ làm việc quy định chặt chẽ cho Đại bản doanh trong suốt thời kỳ chiến tranh, đến cuối tháng Tư bỗng bị vi phạm. An-tô-nốp và tôi được triệu tập đến Đại bản doanh ngày mấy lượt, không kể giờ giấc gì hết. Chúng tôi thảo ra nhiều văn kiện trực tiếp tại đây. Tình hình phát triển vô cùng nhanh chóng, vượt mọi dự định.

Còn từ ngày 2 tháng Năm, khi chiếm được Béc-lin, toàn bộ Mát-xcơ-va sống trong một không khí khác thường, náo nhiệt hẳn lên. Phố xá tưng bừng như trong ngày hội lớn, ở Hồng trường, đêm ngày lúc nào cũng chật ních người.

Một hôm, vào ngày đầu tháng Năm, tôi cùng với A. I. An-tô-nốp từ điện Krem-li ra về. Khác với mọi lần, chúng tôi qua cổng Xpát-xki để ngắm cảnh hân hoan của nhân dân Mát-xcơ-va. Khi ô-tô của chúng tôi vừa mắc nghẽn trong biển người trên quảng trường, chúng tôi mới nhận ra là việc làm của mình thật nông nổi. Nhân dân hô “u-ra”, lôi chúng tôi ra khỏi xe để “tung hô”. Lúc này, bất kỳ ai mặc quân phục ở đây cũng đều được “tung hô” như thế cả, tất nhiên là không loại trừ chúng tôi. Chẳng còn cách gì để thoát thác được. Cuối cùng, An-tô-nốp bị lôi ra khỏi xe, và chỉ một loáng là đã thấy hai chân đồng chí chơi với trên cao; còn tôi thì ngồi lại ôm lấy hai chiếc cặp đựng đầy tài liệu, lo lắng cho những văn kiện tác chiến bên trong. May có các đồng chí vệ binh của điện Krem-li kịp tới, chúng tôi mới có thể đi bộ trở lại điện và lên xe khác đi về Bộ tổng tham mưu qua cổng lớn Bô-rô-vít-xki.

Mấy ngày sau khi ký nhật lệnh báo tin chiến thắng, Tổng tư lệnh tối cao lệnh cho chúng tôi suy nghĩ và báo cáo những dự kiến của mình về việc tổ

chức lễ duyệt binh mừng chiến thắng nước Đức Hít-le.

- Cần phải chuẩn bị và tiến hành một cuộc duyệt binh thật đặc biệt, – đồng chí nói. – Làm sao để cho đại biểu của tất cả các phương diện quân và tất cả các quân chủng, binh chủng đều được tham gia. Theo phong tục của người Nga, cũng nên mở tiệc để ăn mừng chiến thắng nữa, vì vậy nên tổ chức một bữa tiệc trọng thể ở điện Crem-li. Ta sẽ mời các đồng chí tư lệnh các phương diện quân và một số cán bộ quân đội khác theo danh sách đề nghị của Bộ tổng tham mưu. Không nên để muộn quá, nên tổ chức trước ngày duyệt binh.

Ngày hôm sau, Bộ tổng tham mưu nhận nhiệm vụ lên vì công việc. Hai nhóm được lập ra: một nhóm cùng với Tổng cục chính trị chuẩn bị danh sách những người được mời đến dự tiệc, còn một nhóm chuyên về việc chuẩn bị tổ chức lễ duyệt binh. Cần phải quy định thành phần tham dự, xác định toàn bộ nghi thức buổi lễ khác hẳn nghi thức thường lệ, ấn định lễ phục, thời hạn chuẩn bị và thu xếp bố trí ở chỗ ở cho những người từ các mặt trận về Mát-xcơ-va, và còn nhiều vấn đề tổ chức khác nữa đòi hỏi phải được giải quyết thật đúng đắn.

Hai ba ngày sau, chúng tôi đã sơ bộ dự tính xong và thấy là dù có tính toán thế nào đi nữa thì ít ra cũng phải hai tháng mới chuẩn bị kịp lễ duyệt binh. Sở dĩ như thế chủ yếu là vì cần may hơn một vạn bộ lễ phục. khắp nơi, ngoài tiền tuyến cũng như ở hậu phương, quân nhân chúng ta không ai còn nhớ rõ hình dáng bộ lễ phục như thế nào nữa, và dĩ nhiên chẳng có ai còn giữ lại được một bộ lễ phục nào. Rồi lại cũng cần phải có thời gian cho những người tham dự tập qua những động tác đội ngũ để đi duyệt binh cho đều nữa: trong bốn năm chiến tranh dài đằng đẵng, nào có ai quan tâm đến những cái ấy đâu.

Chúng tôi đề nghị mỗi phương diện quân hiện hành cứ một trung đoàn hỗn hợp gồm 1.000 người, không kể những đồng chí chỉ huy. Trung đoàn hỗn hợp phải có đại biểu của tất cả các loại lực lượng vũ trang, các binh chủng và mang theo 36 ngọn cờ chiến đấu của các binh đoàn, binh đội xuất sắc nhất của phương diện quân để diễu binh trên Hồng trường.

Tham gia lễ duyệt binh tất cả có mười trung đoàn hỗn hợp của các phương diện quân và một trung đoàn hỗn hợp của Hải quân với 360 ngọn cờ chiến đấu đi đầu. Ngoài ra, các học viện quân sự, các trường quân sự và bộ đội của các đơn vị đóng ở Mát-xcơ-va cũng được tham gia duyệt binh.

Theo dự kiến của chúng tôi, ngọn cờ Chiến thắng đã từng phấp phới trên nóc nhà Quốc hội Đức ở Béc-lin sẽ đi đầu đoàn diễu binh, do chính những chiến sĩ đã cầm lá cờ ấy trên thủ đô nước Đức Hít-le là M. V. Can-ta-ri-a, M. A. Ê-gô-rốp, I. I-a. Xi-a-nốp, C. I-a. Xam-xô-nốp và X. A. Ne-u-tơ-rô-ép tự mình cầm đi và hộ tống.

Ngày 24 tháng Năm, đúng vào ngày tổ chức bữa tiệc long trọng mừng chiến thắng, chúng tôi trình kế hoạch ấy với Xta-lin. Đồng chí thông qua những đề nghị của chúng tôi, duy có vấn đề thời hạn chuẩn bị là đồng chí không đồng ý:

- Đúng một tháng nữa phải tiến hành lễ duyệt binh, ngày 24 tháng Sáu. - Tổng tư lệnh tối cao chỉ thị như vậy và nói tiếp đại khái như sau: – Chiến tranh chưa chấm dứt mà Bộ tổng tham mưu đã chuyển sang lối làm việc thời bình. Phải hoàn thành trong thời hạn đã định! Và còn việc này nữa: mang theo cả những lá cờ của Hít-le trong cuộc diễu binh và đem ném một cách nhục nhã xuống dưới chân những người chiến thắng. Các đồng chí suy nghĩ xem, nên làm như thế nào... Và theo các đồng chí thì ai sẽ chỉ huy cuộc duyệt binh và ai là người đứng ra duyệt binh?

Chúng tôi yên lặng vì biết chắc là đồng chí đã tự mình quyết định đầu vào đây cả rồi và chỉ hỏi chúng tôi lấy lệ mà thôi. Bấy giờ chúng tôi đã biết kỹ mọi lẽ lối làm việc ở Đại bản doanh, nên rất ít khi lầm trong việc phán đoán của mình. Lần này cũng thế, chúng tôi quả đã không lầm. Sau vài phút im lặng, Tổng tư lệnh tối cao tuyên bố:

- Người duyệt binh là Giu-cốp, còn người chỉ huy duyệt binh là Rô-cô-xốp-xki.

Cũng ngày hôm ấy, N. M. Svéc-ních (N. M. Svéc-ních bấy giờ là Phó chủ tịch thứ nhất Đoàn chủ tịch Xô-viết tối cao Liên Xô và Chủ tịch Đoàn chủ tịch Xô-viết tối cao Liên bang Nga. – ND.) trao Huân chương “Chiến thắng”

cho các nguyên soái Gh. C. Giu-cốp, C. C. Rô-cô-xốp-xki, I. X. Cô-nép, R. I-a. Ma-li-nốp-xki, Ph. I. Tôn-bu-khin.

Tên tuổi những đồng chí đại biểu lỗi lạc ấy của nền nghệ thuật quân sự xô-viết đã đi vào lịch sử của cuộc Chiến tranh giữ nước vĩ đại. Dưới sự lãnh đạo của các đồng chí, kế hoạch những chiến dịch nổi tiếng đã được xây dựng và tiến hành trong thực tế, mà cuối cùng đã kết thúc bằng việc cắm ngọn cờ Chiến thắng lên nóc nhà Quốc hội Đức và việc tiêu diệt hoàn toàn nước Đức Hít-le.

Ghê-oóc-ghi Côn-xtan-ti-nô-vích Giu-cốp, trong thời gian chiến tranh được tặng thêm hai Huân chương Sao vàng Anh hùng Liên Xô. Huân chương Sao vàng Anh hùng Liên Xô đầu tiên đồng chí nhận được năm 1939. Các đồng chí I. X. Cô-nép, C. C. Rô-cô-xốp-xki và R. I-a. Ma-li-nốp-xki được tặng thưởng hai lần huân chương này. Ph. I. Tôn-bu-khin được truy tặng danh hiệu Anh hùng Liên Xô năm 1965.

Những chương trước đây đã nói nhiều về nguyên soái Gh. C. Giu-cốp. Nhưng dầu sao cũng vẫn cần phải nói thêm rằng đó là một con người tài năng, một vị chỉ huy lỗi lạc, táo bạo và độc đáo trong những kết luận của mình, rất kiên trì khi thực hiện những quyết định, không chịu dừng lại trước bất kỳ một khó khăn nào, khi phải đạt lấy mục tiêu chiến tranh đã định. Khi cảm thấy mình đứng trong một vấn đề đang tranh luận, Giu-cốp có thể tranh luận khá kịch liệt đối với ý kiến của Xta-lin, việc mà những người khác ít khi dám làm như vậy.

Phong thái chỉ huy của Côn-xtan-tin Côn-xtan-ti-nô-vích Rô-cô-xốp-xki rất linh hoạt. Đồng chí đã đảm nhiệm một vai trò cực kỳ khó khăn trong chiến dịch Xmô-len-xcơ nổi tiếng năm 1941 và trong những trận chiến đấu phòng ngự tại những cửa ngõ tiếp cận Mát-xcơ-va.

Đồng chí chỉ huy bộ đội của phương diện quân sông Đôn ở Xta-lin-grát và đã hoàn thành xuất sắc việc tiêu diệt tập đoàn xung kích của quân phát-xít Đức bị bao vây. Sau đó, dưới sự chỉ huy của C. C. Rô-cô-xốp-xki, bộ đội của phương diện quân Trung tâm đã ngoan cường chống đỡ được mũi đột kích của quân Đức ở vòng cung Cuốc-xcơ và trong quá trình phản công sau

này, đã hiệp đồng với những phương diện quân bạn đánh tan cánh quân Ô-ri-ôn của địch.

Đồng chí chỉ huy phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1, hoạt động trên hướng chủ yếu của chiến dịch lịch sử Bê-lô-ru-xi-a. Tên tuổi đồng chí gắn liền với những chiến dịch thắng lợi ở Đông Phổ, Đông Pô-mê-ra-ni và cuối cùng ở Béc-lin, trong cuộc Chiến tranh giữ nước vĩ đại, Rô-cô-xốp-xki có sức thuyết phục và cảm hóa con người rất mạnh. Có lẽ tôi không nhầm nếu nói rằng đồng chí chẳng những được mọi người vô cùng kính trọng, mà tất cả những ai đã có lần tiếp xúc và cộng tác với đồng chí cũng đều chân thành quý mến đồng chí.

I-van Xtê-pa-nô-vích Cô-nép tỏ ra có biệt tài về mặt quân sự khi chỉ huy các phương diện quân Ca-li-nin, Thảo nguyên và về sau là phương diện quân U-crai-na 2. Dưới sự lãnh đạo của đồng chí, năm 1943 bộ đội ta đã giải phóng Khác-cốp và tiến công vượt sông Đni-ép-rơ, tiến hành chiến dịch Ki-rô-vô-grát.

Một trang sử rực rỡ trong lịch sử cuộc Chiến tranh giữ nước vĩ đại là chiến dịch Coóc-xun – Sép-tsen-cốp-xki, và tên tuổi của I-van Xtê-pa-nô-vích Cô-nép cùng gắn liền với chiến dịch ấy. Đồng chí đã tiến hành thắng lợi việc tiêu diệt tập đoàn U-man của quân đội phát-xít Đức. Tiếp sau đó là chiến dịch tiến công Lơ-vốp – Xan-đô-mia, giải phóng miền Tây U-crai-na và bắt đầu đuổi quân địch ra khỏi lãnh thổ Ba Lan.

Năm 1945, bộ đội của phương diện quân U-crai-na 1, dưới sự chỉ huy của Cô-nép, hiệp đồng với những phương diện quân bạn, đã gây cho địch những tổn thất nặng ở miền Xi-lê-di và đã thực sự hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình trong quá trình chiến dịch Béc-lin. Cuối cùng trong giai đoạn kết thúc chiến tranh, I-van Xtê-pa-nô-vích đã góp phần quyết định vào chiến dịch Pra-ha, giải phóng thủ đô Tiệp Khắc.

Trong hàng ngũ các tướng lĩnh, Cô-nép vẫn được tiếng là một vị chỉ huy vững vàng và kiên quyết. Nhiều đồng chí chúng ta hằng ao ước có được năng lực và tính tích cực như đồng chí. Trong bất kỳ hoàn cảnh nào, đồng chí cũng cố nhìn chiến trường tận mắt và chuẩn bị rất tỉ mỉ cho từng chiến

dịch. Cố gắng đi sâu vào mọi chi tiết của từng chiến dịch, quả là Cô-nép đã bắt cấp dưới phải làm việc hết sức mình.

Rô-đi-ôn I-a-côp-lê-vích Ma-li-nốp-xki nổi lên trong những trận chiến đấu ở Xta-lin-grát. Là tư lệnh tập đoàn quân cận vệ 2, đồng chí đã cùng với tập đoàn quân 51 giáng cho thống chế Man-stai-nơ, tướng được Hít-le tin cậy, một đòn trí mạng ở đây. Sau đó, bộ đội do R. I-a. Ma-li-nốp-xki chỉ huy quét địch ra khỏi Rô-xtốp và hiệp đồng với bộ đội của Ph. I. Tôn-bu-khin (phương diện quân Nam) đã giải phóng miền Đôn-bát. Tiếp đó, phương diện quân của đồng chí đã vượt sông Đni-ép-rơ và tham gia giải phóng Hữu ngạn U-crai-na.

Tên tuổi Ma-li-nốp-xki gắn liền với chiến dịch I-át-xư – Ki-si-ni-ốp, tiến hành hiệp đồng thắng lợi với phương diện quân U-crai-na 3, gắn liền với những chiến thắng ở Bu-đa-pét và ở Viên, với những trận chiến đấu giải phóng Tiệp Khắc. Về sau, như đã nói ở trên, Rô-đi-ôn I-a-côp-lê-vích chỉ huy phương diện quân Da-bai-can ở trên hướng chủ yếu đánh Đạo quân Quan Đông.

Phê-đô I-va-nô-vích Tôn-bu-khin là một cán bộ tham mưu chuyển sang làm cán bộ chỉ huy. ở cương vị tư lệnh tập đoàn quân, đồng chí đã tỏ ra xứng đáng trong chiến dịch lịch sử Xta-lin-grát và ngay từ tháng Bảy 1943 đã bắt đầu giữ chức tư lệnh phương diện quân Nam. Đồng chí đã chỉ huy những trận đánh đột phá tuyến phòng ngự của địch trên sông Mi-u-xơ và giải phóng miền Nam Đôn-bát, đánh tan quân địch trên sông Mô-lô-tơ-nai-a và ở Xi-va-sơ, giải phóng Crưm. Dưới sự chỉ huy của đồng chí, bộ đội của phương diện quân U-crai-na 3 đã đánh tan quân địch ở khu vực phía Nam Ki-si-ni-ốp, tiến tới vùng Ban-căng, giải phóng Bun-ga-ri và cùng với những người yêu nước Nam Tư, quét sạch quân chiếm đóng ra khỏi Bê-ô-grát.

Con đường tiếp theo của đồng chí được đánh dấu bằng thắng lợi ở hồ Ba-la-tôn, bằng cuộc tiến công thắng lợi vào thủ đô nước Áo. Riêng tôi nhớ đến Ph. I. Tôn-bu-khin như nhớ đến một con người rất tốt và có lẽ là người khiêm tốn nhất trong tất cả các tư lệnh phương diện quân. “Hạt nhân tham mưu” còn giữ lại mãi ở con người đồng chí, đôi khi còn chiếm ưu thế, lẫn cả

cái “hạt nhân chỉ huy”. Đồng chí lại luôn luôn tạo điều kiện cho cấp dưới có thể phát huy được rộng rãi tính chủ động.

Đối với chúng tôi, những cán bộ trong Bộ tổng tham mưu, ngày 24 tháng Năm 1945 có lẽ là ngày căng thẳng nhất sau khi nước Đức Hít-le đầu hàng. Ngay sau khi báo cáo cho Xta-lin những dự kiến của chúng tôi về lễ duyệt binh, chúng tôi phải ngồi vào viết cho xong bản chỉ thị gửi các phương diện quân và phải kịp gửi đi trước lúc dự tiệc chiêu đãi ở điện Crem-li. Bản chỉ thị này, theo tôi, chưa thấy được công bố trong một ấn phẩm nào gần gũi với đông đảo bạn đọc, vì vậy cho phép tôi được chép lại toàn văn bản chỉ thị ấy ra đây:

“Tổng tư lệnh tối cao ra lệnh:

1. Mỗi phương diện quân sẽ chọn ra một trung đoàn hỗn hợp để tham gia lễ duyệt binh ở Mát-xcơ-va mừng chiến thắng nước Đức.

2. Tổ chức trung đoàn hỗn hợp như sau: năm tiểu đoàn, biên chế mỗi tiểu đoàn là hai đại đội và mỗi đại đội có 100 người (gồm 10 tiểu đội, mỗi tiểu đội 10 người). Ngoài ra, còn có 19 cán bộ chỉ huy: 1 trung đoàn trưởng, 2 trung đoàn phó (1 về đội ngũ và 1 về chính trị), 1 tham mưu trưởng trung đoàn, 5 tiểu đoàn trưởng, 10 đại đội trưởng và 36 người cầm cờ cùng với 4 sĩ quan trợ lý; như thế mỗi trung đoàn hỗn hợp có 1.059 người và 10 người dự bị.

3. Trong trung đoàn hỗn hợp có 6 đại đội bộ binh, 1 đại đội pháo thủ, 1 đại đội chiến sĩ lái xe tăng, 1 đại đội phi công và 1 đại đội hỗn hợp gồm kỵ binh, công binh, thông tin liên lạc.

4. Biên chế các tiểu đội trưởng trong đại đội gồm những sĩ quan trung cấp, còn biên chế các tiểu đội gồm những chiến sĩ và hạ sĩ.

5. Chọn những chiến sĩ và sĩ quan có thành tích xuất sắc trong chiến đấu và đã được tặng thưởng huân chương tham gia lễ duyệt binh.

6. Trung đoàn hỗn hợp sẽ trang bị như sau: 3 đại đội bộ binh mang súng trường, 3 đại đội bộ binh mang tiểu liên, 1 đại đội pháo binh đeo các-bin sau lưng, 1 đại đội chiến sĩ lái xe tăng và 1 đại đội phi công đeo súng ngắn, 1 đại

đội chiến sĩ công binh, thông tin liên lạc và kỵ binh đeo các-bin sau lưng, ngoài ra chiến sĩ kỵ binh còn mang theo kiếm.

7. Tư lệnh phương diện quân và tất cả các tư lệnh tập đoàn quân, kể cả những tập đoàn quân xe tăng và không quân, phải có mặt để dự lễ duyệt binh.

8. Trung đoàn hỗn hợp đến Mát-xcơ-va ngày 10 tháng Sáu năm nay, mang theo 36 ngọn cờ chiến đấu của các binh đoàn, binh đội đã lập được thành tích chiến đấu xuất sắc nhất và tất cả những lá cờ chiến đấu của các binh đoàn, binh đội quân địch mà bộ đội phương diện quân đã chiếm được, không kể số lượng.

9. Lễ phục cho tất cả những người tham gia duyệt binh sẽ cấp phát ở Mát-xcơ-va.

Ngày 24 tháng Năm 1945.

An-tô-nốp”.

Các cán bộ lãnh đạo Bộ tổng tham mưu được mời đến điện Crem-li vào khoảng 8 giờ tối. Ở đây, trong gian phòng Ghê-oóc-ghi-ép-xki, cùng với các đồng chí bên quân đội, có mặt các đồng chí ủy viên Chính phủ, ủy viên Ban chấp hành trung ương Đảng, các nhà hoạt động nổi tiếng nhất trong nền kinh tế quốc dân, trong các lĩnh vực khoa học, văn hóa, văn học và nghệ thuật.

Cốc rượu đầu tiên được nâng lên chúc mừng sức khỏe các chiến sĩ Hồng quân, hải quân, các sĩ quan, tướng lĩnh và đô đốc. Cốc rượu thứ hai, trong tiếng hoan hô nhiệt liệt chúc mừng Đảng và Ban chấp hành trung ương Đảng.

Tiếp đó là cốc rượu chúc mừng nước Ba Lan dân chủ anh em, mà nhân dân đã đứng lên đấu tranh vũ trang đầu tiên chống những đạo quân Hít-le ăn cướp. Trong buổi tiệc trọng thể của chúng ta, có mặt một đoàn đại biểu những người thợ mỏ Ba Lan mặc quần áo dân tộc, đến với một đoàn xe chở than đá làm quà tặng nhân dân Mát-xcơ-va. Các đồng chí Ba Lan tiến đến bàn Đoàn chủ tịch, nơi các đồng chí lãnh đạo Đảng, Chính phủ và các nguyên soái Liên Xô ngồi, nhiệt liệt chào mừng các đồng chí rồi cất tiếng đồng ca một bài hát chúc mừng thật hay. Cả phòng vỗ tay như sấm hoan hô đoàn đại biểu.

Cốc rượu chúc mừng Mi-khai-in I-va-nô-vích Ca-li-nin (M. I. Ca-li-nin bấy giờ là Chủ tịch Đoàn chủ tịch Xô-viết tối cao Liên Xô ND.) được tán thưởng nhiệt liệt. Tiếp đó là những cốc rượu chúc mừng từng đồng chí tư lệnh các phương diện quân và chúc mừng các vị lão thành trong hàng ngũ tướng soái của Hồng quân: C. E. Vô-rô-si-lốp, X. M. Bu-đi-on-nưi, X. C. Ti-mô-sen-cô. Và mọi người cũng không quên nâng cốc chúc mừng các đồng chí lãnh đạo Hải quân quang vinh, các nguyên soái các quân chủng, binh chủng, Hội đồng quốc phòng Nhà nước với Chủ tịch Hội đồng và Bộ tổng tham mưu.

Thời gian xen kẽ khá dài giữa mỗi lần nâng cốc chúc mừng được dành cho một chương trình âm nhạc đặc sắc. Những bài hát Nga từ sân khấu vọng lại. Các diễn viên ba-lê và diễn viên múa dân gian biểu diễn trước toàn thể tân khách.

Lúc kết thúc, I. V. Xta-lin đứng dậy, hướng về tất cả các đồng chí có mặt, nâng cốc:

- Các đồng chí, cho phép tôi nâng cốc chúc rượu một lần nữa, lần cuối cùng. Tôi xin nâng cốc chúc sức khỏe của nhân dân xô-viết chúng ta, và trước hết là chúc sức khỏe nhân dân Nga.

Cử tọa hô “u-ra” và nhiệt liệt hưởng ứng bằng những tràng hoan hô rất dài.

- Tôi uống, – Xta-lin nói tiếp, – trước hết để chúc mừng sức khỏe nhân dân Nga, vì đó là dân tộc lỗi lạc nhất trong tất cả các dân tộc hợp thành Liên bang Xô-viết.

- Tôi nâng cốc chúc sức khỏe nhân dân Nga, vì trong tất cả các dân tộc trên đất nước chúng ta, nhân dân Nga đã được nơi nơi, người người công nhận là lực lượng lãnh đạo của Liên Xô trong cuộc chiến tranh này.

- Tôi nâng cốc chúc mừng sức khỏe của nhân dân Nga không chỉ vì nhân dân Nga là một dân tộc lãnh đạo, mà còn vì nhân dân Nga có trí tuệ sáng suốt, ý chí kiên cường và đức tính nhẫn nại.

- Chính phủ chúng ta đã mắc nhiều thiếu sót; trong những năm 1941-1942, ta đã có những lúc tưởng chừng như tuyệt vọng, khi quân đội chúng ta rút lui, bỏ cả những làng mạc và thành phố thân yêu của chúng ta ở U-crai-na, Bê-lô-ru-xi-a, Môn-đa-vi-a, tỉnh Lê-nin-grát, miền Pri-ban-tích, nước Cộng hòa Ca-rê-li-a – Phần Lan, phải bỏ đi vì không còn con đường thoát nào khác. Nếu là một dân tộc khác, thì đã có thể nói với chính phủ rằng: các anh không xứng đáng với lòng mong đợi của chúng tôi, hãy rút đi, chúng tôi sẽ lập một chính phủ khác, chính phủ ấy sẽ giảng hòa với Đức và sẽ bảo đảm cho chúng tôi được yên lành. Nhưng nhân dân Nga không chọn con đường ấy, vì nhân dân Nga tin tưởng vào đường lối đúng đắn của Chính phủ và sẵn sàng xả thân để bảo đảm việc đánh tan nước Đức. Lòng tin cậy ấy của nhân dân Nga đối với Chính phủ Liên Xô là sức mạnh quyết định bảo đảm cho chiến thắng lịch sử trước kẻ thù của loài người, trước chủ nghĩa phát-xít.

Xin cảm ơn nhân dân Nga, cảm ơn lòng tin cậy ấy!

Xin chúc sức khỏe nhân dân Nga!

Chúng tôi cho rằng: tiếng nói của Xta-lin chính là tiếng nói của Đảng với chúng tôi. Thế là dưới mái vòm của điện Crem-li lại nổi lên những tràng vỗ tay hoan hô như sấm dậy.

Bữa tiệc liên hoan hôm ấy còn in sâu trong tâm hồn mỗi người chúng tôi. Chúng tôi nhớ lại nhiều điều, suy nghĩ đến nhiều việc.

Đất nước đã chuyển từ chiến tranh sang lao động thời bình. Cần phải khắc phục tình trạng kinh tế đổ nát, không ổn định trong đời sống. bồi dưỡng sức khỏe và khả năng lao động cho những người bị thương tật trong chiến đấu, phải quan tâm chăm sóc những trẻ mồ côi, những người vợ góa, những bà mẹ mất con. Tất cả những việc ấy đã gặp biết bao nhiêu khó khăn.

Bộ tổng tham mưu đã nghiên cứu và chuẩn bị để hàng triệu quân nhân chuyển sang hoạt động cho nền kinh tế quốc dân.

Trong khi ấy, các phương diện quân đang bắt tay vào tổ chức và tập trung những trung đoàn hỗn hợp, đưa họ lên đường tới các trạm tiếp đón.

Phải nói thêm là một số phương diện quân, được phép đặc biệt của Bộ tổng tham mưu, tổ chức ra trung đoàn hỗn hợp có số lượng tiểu đoàn và đại đội hơi khác, còn số người ở đại đội thì cũng có khác so với quy định trong chỉ thị ngày 24 tháng Năm. Tổng tư lệnh tối cao biết việc đó, nhưng không phản đối.

Trong khi chờ đợi các trung đoàn hỗn hợp đến, hầu như tất cả các xưởng may ở Mát-xcơ-va đều tập trung may lễ phục cho các chiến sĩ. Rất nhiều xưởng may và hiệu may được dành ra để may lễ phục cho các sĩ quan và tướng lĩnh. Nhà cho các đơn vị tham gia duyệt binh ở cũng phải thu xếp. Sân bay Trung ương thì dành cho việc tập dượt đội ngũ.

Rồi lại đến việc vạch kế hoạch tổ chức bắn súng chào, chăng đèn, kết hoa và bắn pháo hoa trong ngày lễ. Tổng cục chính trị đề nghị thả những quả bóng khinh khí trên bầu trời Mát-xcơ-va, mang theo những chân dung, cờ đỏ, và hình mẫu các Huân chương “Chiến thắng” và Sao đỏ; kích thước tất cả các thứ ấy mỗi bề lớn đến 18 mét, có những đèn pha cực sáng chiếu vào.

Lại dự kiến mắc cả loa phóng thanh công suất lớn vào những quả bóng ấy nữa.

Ngày 10 tháng Sáu, các đơn vị hỗn hợp tham gia duyệt binh đã tập hợp ở Mát-xcơ-va và bắt đầu tập dượt. Hai con ngựa được chọn trước cho đồng chí duyệt binh và đồng chí chỉ huy cuộc duyệt binh: nguyên soái Giu-cốp con ngựa bạch và nguyên soái Rô-cô-xốp-xki; con ngựa ô. Cả hai đồng chí đều là những kỵ sĩ lão luyện, nên gần như không phải tập dượt gì cả.

Các trung đoàn hỗn hợp mang về rất nhiều cờ của các binh đoàn và binh đội Hít-le đã bị đánh tan, trong đó có cả lá cờ hiệu của chính Hít-le. Mang tất cả những lá cờ ấy tới Hồng trường cũng không cần thiết, nên chỉ chọn lấy có 200 chiếc. Một đại đội được tách riêng ra để mang những tàn tích chiến đấu ấy của quân địch. Chúng tôi đã đồng ý với nhau là đại đội mang những lá cờ ấy sẽ cầm nghiêng cán, ngọn cờ chúc xuống, nhưng không quét lê mặt đất; rồi đến khi tiếng của hàng chục chiếc trống nổi lên thì sẽ ném tất cả xuống chân Lăng Lê-nin.

Nghiên cứu xong các nghi thức, chúng tôi đến báo cáo với Tổng tư lệnh tối cao, nhưng Xta-lin không nghe. Đồng chí nói:

- Đó là công việc của các đồng chí quân đội. Các đồng chí giải quyết lấy thôi.

Sau đó, Gh. C. Giu-cốp và C. C. Rô-cô-xốp-xki hoàn toàn tập trung vào việc chuẩn bị lễ duyệt binh. Các đồng chí xem xét toàn bộ nghi lễ và đặc biệt chú ý tới những lá cờ chiến đấu và cách cầm cờ của các trung đoàn hỗn hợp lúc tiến vào Hồng trường, vì mỗi lá cờ trong số 360 lá cờ ấy đều đại diện cho một binh đội hay binh đoàn nào đấy. Ngọn cờ nào cũng đã thấm máu trong những trận đánh, ngọn cờ nào cũng đã trải qua những chặng đường cực kỳ gian khổ từ chân thành Mát-xcơ-va và Xta-lin-grát, từ chân dãy núi Cáp-ca-dơ và thành phố Lê-nin, nơi chôn nhau cắt rốn của cách mạng chúng ta, cho đến Bu-ca-rét và Bu-đa-pét, Viên, Bê-ô-grát, Béc-lin và Pra-ha, đến đường tiến quân tận cùng, nơi những tên lính Hít-le cuối cùng phải giơ hai tay lên hàng.

Lại có lệnh phải tổ chức đón rước thật trọng thể về Mát-xcơ-va lá cờ Chiến thắng đã cắm trên nóc nhà Quốc hội Đức. Sáng ngày 19 tháng Sáu, tại sân bay Béc-lin, đại tá Ph. I-a. Li-xít-xun, chủ nhiệm cơ quan chính trị tập đoàn quân đột kích 3, đã long trọng trao lá cờ ấy cho các Anh hùng Liên Xô: hạ sĩ Can-ta-ri-a, trung sĩ Ê-gô-rốp, thượng sĩ Xi-a-nốp, các đại úy Xam-xô-nốp và Ne-u-xtơ-rô-ép.

Cũng trong ngày hôm ấy, các đồng chí về tới sân bay Trung ương của thủ đô, ở đây ngọn cờ Chiến thắng được hàng rào danh dự của đơn vị bộ đội Mát-xcơ-va nghênh tiếp; chiến sĩ cầm cờ là Anh hùng Liên Xô, thượng sĩ Ph. A. Ski-rép, hai đồng chí trợ thủ, cũng là Anh hùng Liên Xô: chuẩn úy cận vệ I. P. Pa-nư-sép và trung sĩ P. X. Ma-sta-cốp.

Trước ngày duyệt binh, ngày 23 tháng Sáu, khóa họp của Xô-viết tối cao Liên Xô kết thúc. Sau khi nghe báo cáo của Tổng tham mưu trưởng A. I. An-tô-nốp, Xô-viết tối cao Liên Xô đã thông qua quyết nghị cho phục viên những lớp người nhiều tuổi trong quân đội tác chiến.

Lễ Duyệt binh Chiến thắng ấn định tổ chức vào ngày hôm sau, tựa hồ sự kết thúc hợp lý của khóa họp. Liên bang Xô-viết bước vào hòa bình.

Từ sáng ngày 24 tháng Sáu ở Mát-xcơ-va, trời mưa rả rích, nhưng mọi người đều rộn ràng phấn khởi. Tuy nhiên, chúng tôi rất xúc động, vì nhận thức được tất cả những gì là tính chất đặc biệt của lễ duyệt binh này. Trong toàn bộ lịch sử của các Lực lượng vũ trang Liên Xô, chưa thấy có cuộc duyệt binh nào như thế. Hơn nữa, Hồng trường đã có từ tám thế kỷ nay, nhưng chưa bao giờ được chứng kiến có cuộc duyệt binh nào như hôm nay.

Đúng 9 giờ 45 phút, những đợt sóng vỗ tay lan khắp khán đài. Những đại biểu của Xô-viết tối cao Liên Xô, những người lao động tiên tiến của các công xưởng và nhà máy ở Mát-xcơ-va, các cán bộ khoa học và văn hóa, rất đông các vị khách nước ngoài đang đứng trên khán đài, chào mừng các ủy viên Chính phủ và các ủy viên Bộ chính trị Ban chấp hành trung ương Đảng, lúc vừa bước lên Lăng Lê-nin. Các tướng lĩnh của Liên Xô tập hợp trên một lễ đài đặc biệt đối diện với Lăng Lê-nin. Nguyên soái C. C. Rô-cô-xốp-xki

đứng ở vị trí riêng, sẵn sàng bước ra đón nguyên soái Gh. C. Giu-cốp duyệt binh.

Chuông đồng hồ điện Crem-li điểm đèn tiếng thứ mười, thì vang lên khẩu lệnh: “ngghiêm!”. Tiếng vó của đôi tuấn mã khua rộn trên nền đường, tiếng nguyên soái Rô-cô-xốp-xki chỉ huy cuộc duyệt binh báo cáo, rồi đến tiếng nhạc trọng thể của đội quân nhạc vút lên cao, lan ra khắp Hồng trường.

Bắt đầu duyệt binh. Các trung đoàn hỗn hợp hô “u-ra” vang dậy đáp lời chào mừng của nguyên soái Gh. C. Giu-cốp. Rồi khi hai nguyên soái cùng trở về Lăng Lê-nin thì tiếng hô “u-ra” cứ thế vang theo, từ cuối phố Goóc-ki, từ quảng trường Tê-át-ra-li-nai-a và quảng trường Ma-ne-giơ-nai-a vang dội về tới Hồng trường.

Dàn nhạc hỗn hợp gồm 1.400 người, do thiếu tướng X A. Tre-rơ-nét-xki và đại tá V. I. A-gáp-kin chỉ huy, tiến vào giữa quảng trường và cử bài “Về vang thay, nhân dân Nga”.

Gh. C. Giu-cốp, thay mặt và được sự ủy nhiệm của Chính phủ Liên Xô và Đảng cộng sản toàn Liên bang, từ trên lễ đài Lăng Lê-nin đọc một bài diễn văn ngắn, chúc mừng thắng lợi tất cả những người có mặt. Đài phát thanh truyền bài diễn văn chào mừng này đi khắp thủ đô, đi khắp cả nước. Tất nhiên, bài diễn văn chào mừng ấy còn bay xa hơn nữa, tới các đơn vị bộ đội của ta đang đóng ở Đức, Ba Lan, Tiệp Khắc, Hung, Ru-ma-ni, Nam Tư. Và cả những đồng chí, sau khi chiến thắng ở phía Tây, lại chuyển sang đóng quân ở Viễn Đông, cũng chăm chú nghe.

Các trung đoàn hỗn hợp bắt đầu diễu binh trọng thể theo thứ tự bố trí các phương diện quân, từ Bắc xuống Nam. Trung đoàn của phương diện quân Ca-rê-li-a đi đầu, nguyên soái C A. Mê-rét-xcốp đi phía trước. Tiếp theo là phương diện quân Lê-nin-grát có nguyên soái L. A. Gô-vô-rốp đi đầu Sau đó là trung đoàn của phương diện quân Pri-ban- tích 1 có đại tướng I. Kh. Ba-gra-mi-an đi đầu. Nguyên soái A. M. Va-xi-lép-xki đi phía trước trung đoàn hỗn hợp của phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 3. Thượng tướng C. P. Tư-rúp-ni-cốp, phó tư lệnh của nguyên soái Rô-cô-xốp-xki, hướng dẫn trung đoàn của phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 2, còn trung đoàn của phương diện

quân Bê-lô-ru-xi-a 1 thì có trung tướng I. P. Rốt-xlưi hướng dẫn; vị phó tư lệnh phương diện quân này là đại tướng V. Đ. Xô-cô-lốp-xki đi ở trên đầu.

Các đại biểu của quân đội Ba Lan đi thành một đội ngũ riêng có Tổng tham mưu trưởng Ba Lan V. V. Coóc-trít đi đầu

Tiếp theo là trung đoàn của phương diện quân U-crai-na 1 do nguyên soái I. X. Cô-nép đi đầu. A. I. Pô-cư-skin – ba lần Anh hùng Liên Xô – mang lá cờ của phương diện quân.

Trung đoàn của phương diện quân U-crai-na 4 do đại tướng A. I. Ê-ri-ô-men-cô hướng dẫn. Sau đó là trung đoàn của phương diện quân U-crai-na 2 có nguyên soái tư lệnh R. I-a. Ma-li-nốp-xki. Cuối cùng là phương diện quân ở xa mãi phía cực Nam, phương diện quân U-crai-na 3, có nguyên soái Ph. I. Tôn-bu-khin đi đầu. Cuối đoàn diễu binh là hải quân có trung tướng hải quân, phó đô đốc V. G. Pha-đê-ếp đi đầu.

Đoàn quân nhạc khổng lồ cử những hành khúc chiến đấu theo nhịp bước của các đoàn quân diễu qua, nối tiếp nhau không hề gián đoạn. Âm thanh đang dồn dập, dồn dập như thác xô bão cuốn, thì bỗng nhiên im bật. Đó là lúc ngừng tiếng nhạc duy nhất trong toàn cuộc diễu binh, những người có mặt tưởng như nghe rõ tiếng tim mình đang đập. Nhưng rồi giữa không khí im lặng sâu xa ấy, bỗng nổi lên hồi trống đột ngột, một đoàn quân xuất hiện trên quảng trường mang theo 200 lá cờ của quân địch, những ngọn cờ chúc xuống mặt đường láng nước. Đi qua Lăng Lê-nin, các chiến sĩ dừng lại quay sang phải và vút mạnh gánh nặng đáng ghê tởm ấy xuống mặt đá sũng nước của Hồng trường.

Trên lễ đài, những tràng vỗ tay vang dậy. Nhiều người hô lớn: “u-ra”. Tiếng trống vẫn đổ hồi liên tục và trước Lăng Lê-nin, đồng cờ nhục nhã cứ cao dần lên mãi.

Xong, nhạc lại tiếp tục khi các đơn vị của bộ đội Mát-xcơ-va tiến vào Hồng trường. Trung đoàn hỗn hợp của Bộ dân ủy quốc phòng tiếp theo, rồi đến các đơn vị của các Học viện quân sự Phrun-de, pháo binh, mô-tô cơ giới, không quân và các học viện khác. Sau các đoàn học viện, đến đơn vị kỵ

binh chạy nước kiệu, rồi pháo binh, xe tăng và pháo tự hành lao vút qua trước lễ đài.

Cuộc diễu binh kéo dài hai tiếng đồng hồ. Mưa như trút nước, nhưng hàng ngàn người đứng chật Hồng trường hình như không hề chú ý đến. Tuy nhiên, vì thời tiết xấu, nên phần diễu hành của những đoàn người lao động thủ đô phải bỏ bớt đi.

Tối đến trời tạnh hẳn, phố xá Mát-xcơ-va lại từng bừng ngày hội. Những lá cờ đỏ thắm phấp phới tít trên cao trong ánh đèn chiếu sáng rực, Huân chương “Chiến thắng” lấp lánh, rực rỡ giữa trời. Trên các quảng trường đều có biểu diễn văn nghệ, các dàn nhạc cẻ hành cho nhân dân nhảy múa.

Đến ngày hôm sau, 25 tháng Sáu, trong Cung lớn điện Crem-li, tổ chức chiêu đãi những đơn vị tham gia lễ duyệt binh. Ngoài những nhân vật chính của buổi chiêu đãi, còn có mặt những nhà hoạt động nổi tiếng nhất trong giới khoa học, kỹ thuật, văn học và nghệ thuật, có cả những chiến sĩ “xta-kha-nôp” của các xí nghiệp ở thủ đô, những chiến sĩ thi đua trên các đồng ruộng nông trang, đại biểu của những người đã rèn đúc vũ khí cho mặt trận, đã khai thác kim loại, đã nuôi dưỡng và may mặc cho quân đội và hải quân chúng ta: tất cả hơn hai nghìn năm trăm người.

Cũng như trong bữa tiệc chiêu đãi trước, cốc rượu thứ nhất uống mừng các chiến sĩ và các vị chỉ huy Hồng quân và Hải quân cùng những người đã hy sinh vì thắng lợi. Sau đó, đến các cốc rượu mừng Tổng tư lệnh tối cao, nguyên soái Liên Xô I. V. Xta-lin, mừng từng đồng chí tư lệnh các phương diện quân trong cuộc Chiến tranh giữ nước vĩ đại cùng các chiến hữu gần gũi của các đồng chí ấy.

Khi gọi đến tên mình, các tư lệnh phương diện quân và tập đoàn quân tiến đến bàn của Chính phủ và chạm cốc ở đây với tất cả mọi người. Dàn nhạc liền nổi kèn chào, hoặc cử một hành khúc. Tổng tư lệnh tối cao thì chúc mừng từng đồng chí một.

Khi nâng cốc chúc mừng nguyên soái Gh. C. Giu-côp, tư lệnh phương diện quân Bê-lô-ru-xi-a 1 và các tướng V. Đ. Xô-cô-lốp-xki, V. I. Tsui-cốp, V. I. Cu-dơ-nét-xôp, X. I. Bô-gđa-nốp, M. E. Ca-tu-cốp, A. V. Goóc-ba-tốp,

P. A. Bê-lốp, V. I-a. Côn-pác-tsi, Ph. I. Pe-rơ-khô-rô-vích, X. I. Ru-đen-cô và các đồng chí bước đến bên bàn thì Xta-lin lấy cốc rượu của V. I. Tsui-cốp, đổi cốc khác đầy hơn. Va-xi-li I-va-nô-vích Tsui-cốp cầm cốc ấy chạm với Tổng tư lệnh tối cao và tất cả cùng cạn chén.

Tôi xin nói rõ thêm là trong bữa tiệc trọng thể lần này ở điện Crem-li, mới chỉ có mặt một phần của đội ngũ vẻ vang các tư lệnh tập đoàn quân. Trong thời gian chiến tranh, có khoảng 200 đồng chí đã giữ trọng trách ấy trong các tập đoàn quân binh chủng hợp thành. Tất cả các đồng chí ấy, trừ một số rất cả biệt, đều là những tướng lĩnh có trình độ xuất sắc giàu kinh nghiệm thực tiễn trong bộ đội. Trong số ấy có 66 đồng chí được tuyên dương Anh hùng Liên Xô và 11 đồng chí được thưởng hai Huy chương “Sao Vàng”. Sau này có bốn đồng chí là A. A. Grê-xcô, N. I. Crư-lốp, C. X. Mô-xca-len-cô và V. I. Tsui-cốp, được phong Nguyên soái Liên Xô. Được phong quân hàm cao quý đó cũng có cả P. Ph. Ba-tít-xki, P. C. Cô-se-vôi, nguyên là quân đoàn trưởng, và quân đoàn phó quân đoàn xe tăng 1 I. I-a-cu-bốp-xki.

Đặc biệt phải nói tới các đồng chí tư lệnh các tập đoàn quân xe tăng. Những liên binh đoàn chiến dịch ấy xuất hiện trong Quân đội Liên Xô từ tháng Năm 1942. Năm 1944 đã có tất cả sáu tập đoàn quân xe tăng và con số ấy không thay đổi cho đến lúc kết thúc chiến tranh. Giữ chức tư lệnh tập đoàn quân xe tăng trong từng thời kỳ, có tất cả 11 đồng chí: X. I. Bô-gđa-nốp, V. M. Ba-đa-nốp, V. T. Vôn-xki, M. E. Ca-tu-cốp A. G. Cráp-tsen-cô, Đ. Đ. Lê-liu-sen-cô, A. I. Rát-di-ép-xki, A. G. Rô-đin, P. L. Rô-ma-nen-cô, P. A. Rốt-mi-xtơ-rốp, P. X. Rư-ban-cô. Năm đồng chí trong số ấy được tuyên dương Anh hùng Liên Xô hai lần; sau chiến tranh, ba đồng chí được phong nguyên soái bộ đội xe tăng thiết giáp, và P. A. Rốt-mi-xtơ-rốp thành nguyên soái tư lệnh bộ đội xe tăng thiết giáp.

Những tướng lĩnh có tài năng, táo bạo và kiên quyết nhất, có khả năng nhận toàn bộ trách nhiệm về những hành động của mình và không bao giờ chùn bước trước khó khăn, đã được lựa chọn để giữ chức vụ tư lệnh các tập đoàn quân xe tăng. Chỉ những người như thế mới có thể hoàn thành được nhiệm vụ giao cho các tập đoàn quân xe tăng. Các tập đoàn quân ấy thường

được sử dụng để đột phá và hành động trong tung thâm chiến dịch, xa những lực lượng chủ yếu của phương diện quân, tiêu diệt những đội dự bị của địch, đánh phá sau lưng chúng, làm rối loạn hệ thống chỉ huy của chúng, đánh chiếm những tuyến có lợi và những mục tiêu quan trọng nhất.

Pa-ven Xê-mi-ô-nô-vích Rư-ban-cô chỉ huy tập đoàn quân xe tăng lâu hơn cả. Đồng chí là một người có học vấn uyên thâm và tính tình cương nghị: trong những năm đầu tiên sau chiến tranh, đã gánh trách nhiệm về vang đứng đầu tất cả những đơn vị bộ đội xe tăng thiết giáp của ta. Đồng chí đã góp nhiều công lao và nghị lực vào việc cải tổ và trang bị lại những tập đoàn quân xe tăng.

Trong số những đồng chí chỉ huy xuất chúng của bộ đội xe tăng, tất nhiên phải kể đến Pa-ven A-lếch-xây-ê-vích Rốt-mi-xơ-rốp. Dựa vào kinh nghiệm thực tiễn phong phú thu thập được trong chiến đấu và những kiến thức sâu rộng của mình, đồng chí cũng đã góp phần to lớn vào sự nghiệp phát triển kỹ thuật xe tăng sau chiến tranh và đào tạo những cán bộ chỉ huy xe tăng có trình độ cao.

Mi-khai-in E-phi-mô-vích Ca-tu-côp là một quân nhân chân chính, rất am hiểu việc huấn luyện và chiến thuật bộ đội xe tăng. Lữ đoàn xe tăng do đồng chí chỉ huy trong chiến dịch Mát-xcơ-va là lữ đoàn xe tăng đầu liên của Quân đội Liên Xô được tặng danh hiệu cận vệ. Từ ngày đầu đến tận ngày kết thúc cuộc Chiến tranh giữ nước vĩ đại, Mi-khai-in E-phi-mô-vích luôn luôn bám sát chiến trường.

Đơ-mi-tơ-ri Đa-ni-lô-vích Lê-liu-sen-cô được nhiều người trong các Lực lượng vũ trang Liên Xô biết đến với tư cách là một cán bộ chỉ huy bộ đội binh chủng hợp thành. Từ tháng Ba 1944, chắc là do tính cương quyết, lạc quan và linh hoạt nên đồng chí được chỉ định giữ chức tư lệnh tập đoàn quân xe tăng 4 và đã chỉ huy xuất sắc tập đoàn quân ấy cho đến lúc kết thúc chiến tranh.

Là một “vị tướng xông xáo” – anh em đặt tên cho đồng chí như vậy – Đơ-mi-tơ-ri Đa-ni-lô-vích hầu như không chịu ngồi yên trong cơ quan tham

mưu, mà suốt ngày đêm lúc nào cũng ở ngoài tiền duyên. Khó mà tìm được đồng chí một khi đã nổ súng chiến đấu.

Tôi còn nhớ trường hợp sau đây, trong trận đánh ở Đôn-bát: một hôm Tổng tư lệnh tối cao muốn nói chuyện riêng với Lê-liu-sen-cô. Bộ tổng tham mưu phải mất đến gần một ngày đêm ra công tìm kiếm mới biết được đồng chí ở đâu, mặc dầu thông tin liên lạc với cơ quan tham mưu tập đoàn quân vẫn ổn định. Kết quả là sau việc ấy, phải ban hành một chỉ thị đặc biệt quy định các tư lệnh tập đoàn quân không được rời khỏi sở chỉ huy của mình trong một thời gian lâu.

Tư lệnh tập đoàn quân xe tăng cận vệ 2, Xê-mi-ôn I-lích Bô-gđa-nốp nổi tiếng vì lòng dũng cảm tuyệt vời. Bắt đầu từ tháng Chín 1943, tập đoàn quân của đồng chí đã tham gia hầu hết những trận đánh quyết định trong cuộc Chiến tranh giữ nước vĩ đại. Cả trong thời gian sau chiến tranh, Xê-mi-ôn I-lích cùng tỏ ra có tài năng lỗi lạc, đồng chí đã làm giám đốc học viện và gần năm năm giữ cương vị tư lệnh bộ đội xe tăng của các Lực lượng vũ trang Liên Xô.

Tên tuổi của An-đrây Gri-gô-ri-ê-vích Cráp-tsen-cô gắn liền với tất cả những chiến thắng của tập đoàn quân xe tăng cận vệ 6 và nhất là với đợt tiến công tuyệt diệu vượt qua dãy núi Đại Hưng An ở Viễn Đông.

Các đồng chí tư lệnh tập đoàn quân không quân hợp thành một đội ngũ, như ta thường nói, thật là độc đáo. Trong thời gian chiến tranh, trong các Lực lượng vũ trang Liên Xô có tất cả 17 tập đoàn quân không quân thuộc các phương diện quân.

Chỉ huy những tập đoàn quân không quân ấy trong một thời gian dài là các đồng chí: M. M. Grô-mốp, X. A. Cra-xốp-xki, N. Ph. Pa-pi-vin, K. A. Véc-si-nhin, X. C. Gô-riu-nốp, Ph. P. Pô-lư-nin, I. M. Xô-cô-lốp, T. T. Khơ-ri-u-kin, A. X. Xê-na-tô-rốp, V. A. Vi-nô-grát-đốp, V. N. Bi-bi-cốp, T. Ph. Cu-xe-va-lốp, X. Đ. Rư-ban-tren-cô, I. P. Giu-ráp-li-ốp, N. Ph. Na-u-men-cô, X. I. Ru-đen-cô, V. A. Xu-đét. Và còn sáu đồng chí nữa cũng đã từng giữ những cương vị này là: X. A. Khu-đi-a-cốp, C. N. Xmi-rơ-nốp, Đ. Ph. Côn-đra-chi-úc, V. N. Giơ-đa-nốp, Đ. I-a. Xlô-bô-gian, I. G. Pi-a-tư-khin.

Đứng đầu các Lực lượng không quân trên các hạm đội là: M. I. Xa-mô-khin, N. A. Ô-xơ-ri-a-cốp, V. V. Éc-ma-tren-cốp, A. A. Cu-dơ-nét-xốp, A. Kh. An-đrê-ép, E. N. Prê-ô-bra-gien-xki, P. P. Lê-me-scô.

Trong suốt một thời kỳ chiến tranh dài (từ tháng Hai 1942 đến hết tháng Chạp 1944), A. E. Gô-lô-va-nốp chỉ huy không quân hoạt động tầm xa, một phương tiện đột kích của Đại bản doanh. Còn chỉ huy các Lực lượng không quân của Hồng quân là P. Ph. Gi-ga-rép (cho tới tháng Năm 1942) và A. A. Nô-vi-cốp (từ tháng Năm 1942 cho đến khi kết thúc chiến tranh).

Tôi xin nhắc lại là, không phải tất cả những con người xứng đáng trên đây có thể có mặt đông đủ tại Ngày hội Chiến thắng ở Crem-li và cũng không phải tất cả đều được nêu tên trong bữa tiệc mừng ngày hội lớn ấy, nhưng tên họ của mỗi đồng chí đều đáng được nhắc đến và được hoan nghênh nhiệt liệt. Chặng đường chiến đấu của một số đồng chí không dài lắm, nhưng kết quả đấu tranh của bộ đội do các đồng chí lãnh đạo thật lớn lao.

Những đồng chí trong những năm chiến tranh đã lãnh đạo các quân chủng, binh chủng trong các Lực lượng vũ trang, lãnh đạo những cơ quan trọng yếu trong bộ máy quân đội cũng đều được hoan nghênh nhiệt liệt. Đến lượt các đồng chí pháo binh tiến đến bên bàn Chính phủ. Đi đầu là nguyên soái tư lệnh pháo binh N. N. Vô-rô-nốp có vóc người cao lớn đỉnh đạc. Sau đến các nguyên soái pháo binh N. Đ. I-a-cô-lép, M. N. Tsi-xti-a-cốp, các tướng G. E. Đéc-chi-a-rép, G. Ph. Ô-đin-xốp, N. M. Khơ-lép-ni-cốp, M. M. Bác-xu-cốp, A. C. Xô-côn-xki, V. I. Ca-da-cốp, X. X. Va-ren-xốp, N. X. Phô-min, M. I. Ne-đe-lin.

Sau đó, chúng tôi nhiệt liệt chào mừng M. I. Ca-li-nin, Chủ tịch Đoàn chủ tịch Xô-viết tối cao Liên Xô, người đã giúp đỡ chúng tôi, những quân nhân, hiểu được công tác của mình, người cổ vũ nhiệt thành những truyền thống chiến đấu và những phẩm chất cao quý như lòng dũng cảm, tính gan dạ, nghĩa vụ quân đội, lòng trung thành với Tổ quốc.

Mọi người nhiệt liệt tán thưởng cốc rượu mừng chính sách đối ngoại đúng đắn của Liên Xô.

Tiếp đến là những tràng vỗ tay và cốc rượu Chúc mừng các nguyên soái C. E. Vô-rô-si-lốp, X. M. Bu-đi-on-nưi và X. C. Ti-mô-sen-cô, mừng nguyên soái tư lệnh không quân A. A. Nô-vi-cốp, nguyên soái tư lệnh bộ đội xe tăng thiết giáp I-a. N. Phê-đô-ren-cô và bộ trưởng Bộ dân ủy hải quân – đô đốc N. Gh. Cu-dơ-nét-xốp. Khi Bộ tổng tham mưu được nhớ đến, thì A. I. An-tô-nốp và tôi được mời lên. Chúng tôi bước đến bàn Chính phủ cùng vui mừng với tất cả các đồng chí và chạm cốc chào mừng thắng lợi của chúng ta. Mọi người lại nhiệt thành chúc mừng các cán bộ hậu cần của Hồng quân, với người lãnh đạo công tác hậu cần không hề biết mệt mỏi là đại tướng A. V. Khơ-ru-li-ốp.

Công lao của những nhà hoạt động khoa học cũng được đánh giá cao. Đại biểu của họ có mặt ở đây là Chủ tịch Viện hàn lâm khoa học Liên Xô V. L. Cô-ma-rốp và nhiều viện sĩ.

Tất cả lại nâng cốc chúc mừng đại biểu các công trình sư tiên tiến: A. X. I-a-cô-vlêp, B. G. Spi-tan-nưi. V. G. Gra-bin, Ph. V. Tô-ca-rép. V. A. Đéc-chi-a-rép, X. G. Xi-mô-nốp, X. V. I-liu-sin, A. A. Mi-cu-lin, A. I. Mi-côi-an, X. A. La-vốt-xkin, V. Ph. Bôn-khô-vi-ti-nốp, A. Đ. Sơ-ve-xốp, A. N. Tu-pô-lép, V. I. Cli-mốp.

Xta-lin đề nghị nâng cốc chúc mừng lần cuối cùng: “Chúc sức khỏe nhân dân xô-viết chúng ta!”.

Chúng tôi chia tay nhau, rời khỏi điện Krem-li lúc những tia nắng cuối cùng của ngày dài tháng Sáu còn chiếu sáng vòm nóc những ngôi nhà thờ lớn. Tôi nhớ mãi hình ảnh gian phòng khánh tiết ấy, ở đó chủ yếu tập trung các tướng lĩnh, các vị chỉ huy cao cấp của Hồng quân và hải quân. Không một đồng chí nào giống đồng chí nào. Nhưng dù khác nhau về bề ngoài, về tính cách, về phong cách, về kinh nghiệm, về học vấn, họ đều có một đặc điểm quyết định chung duy nhất là bất kỳ ở đâu và lúc nào, bất kỳ hoàn cảnh thế nào, họ vẫn mãi mãi là những người yêu Tổ quốc nhiệt thành, những đảng viên cộng sản chân chính.

Từ ấy, đã nhiều năm qua. Đã có nhiều biến đổi trên hành tinh chúng ta, trên đất nước chúng ta và trong quân đội thân yêu của chúng ta. Nhưng,

những đảng viên cộng sản vẫn là những đảng viên cộng sản. Những phẩm chất cao đẹp của các đồng chí, như ngọn đuốc trao tay nhau, truyền từ đời cha sang đời con, đời cháu, sang những người đang cầm chắc vũ khí trong tay, bảo vệ công cuộc lao động hòa bình của nhân dân xô viết ngày nay và cả mai sau.

HẾT.

Table of Contents

Tựa sách

Cùng các bạn đọc

1. Trước chiến tranh

2. Những ngày buồn phiền và hy vọng

3. Đông tổ ở miền Nam

4. Ngay trước trận Xta-lin-grát

5. Bước ngoặt

6. Mùa đông chiến tranh thứ hai

7. Việc và người ở Bộ tổng tham mưu

8. Trước chiến dịch Cuốc-xơ

9. Từ Cuốc-xơ đến Ki-ép

10. Chuyển đi Tô-hê-ran

11. Ở Crưm

12. “Ba-gra-chi-on”

13. Ở các phương diện quân Pri-ban-tích

14. Chiến cục cuối cùng

15. Dành cho những người chiến thắng và các anh hùng